

TIÊU TẶNG THANH VĂN

TRUNG A-HÀM

III



TUỆ SỸ *dịch và chú*

TRUNG A-HÀM

MỤC LỤC - TẬP III

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

142. Kinh Vũ Thế
143. Kinh Thương-Ca-La
144. Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên
145. Kinh Cù-Mặc Mục-Kiền-Liên
146. Kinh Tượng Tích Dự
147. Kinh Văn Đức
148. Kinh Hà Khổ
149. Kinh Hà Dục
150. Kinh Uất-Sấu-Ca-La
151. Kinh Phạm Chí A-Nhiếp-Hòa

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

152. Kinh Anh Vũ
153. Kinh Man-Nhàn-Đề
154. Kinh Bà-La-Bà-Đường
155. Kinh Tu-Đạt-Đa
156. Kinh Phạm Ba-La-Diên
157. Kinh Hoàng Lô Viên
158. Kinh Đầu-Na
159. Kinh A-Già-Là-Ha-Na
160. Kinh A-Lan-Na
161. Kinh Phạm-Ma

13. PHẨM CĂN BỐN PHÂN BIỆT

162. Kinh Phân Biệt Lục Giới
163. Kinh Phân Biệt Lục Xứ
164. Kinh Phân Biệt Quán Pháp
165. Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên
166. Kinh Thích Trung Thiên Thất Tôn
167. Kinh A-Nan Thuyết
168. Kinh Ý Hành
169. Kinh Câu-Lâu-Sấu Vô Tránh
170. Kinh Anh Vũ

171. Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp

14. PHẨM TÂM

- 172. Kinh Tâm
- 173. Kinh Phù-Di
- 174. Kinh Thọ Pháp (I)
- 175. Kinh Thọ Pháp (II)
- 176. Kinh Hành Thiền
- 177. Kinh Thuyết
- 178. Kinh Lạp Sư
- 179. Kinh Ngũ Chi Vật Chủ
- 180. Kinh Cù-Đàm-Di
- 181. Kinh Đa Giới

15. PHẨM SONG

- 182. Kinh Mã Ấp (I)
- 183. Kinh Mã Ấp (II)
- 184. Kinh Nguru Giác Sa-La Lâm (I)
- 185. Kinh Nguru Giác Sa-La Lâm (II)
- 186. Kinh Câu Giải
- 187. Kinh Thuyết Trí
- 188. Kinh A-Di-Na
- 189. Kinh Thánh Đạo
- 190. Kinh Tiểu Không
- 191. Kinh Đại Không

16. PHẨM ĐẠI (Phần sau)

- 192. Kinh Ca-Lâu-Ô-Đà-Di
- 193. Kinh Mâu-Lê-Phá-Quần-Na
- 194. Kinh Bạt-Đá-Hòa-Lợi
- 195. Kinh A-Thấp-Bối
- 196. Kinh Châu-Na
- 197. Kinh Ưu-Bà-Ly
- 198. Kinh Điều Ngự Địa
- 199. Kinh Si Tuệ Địa
- 200. Kinh A-Lê-Tra
- 201. Kinh Trà-Đế

17. PHẨM BÔ-ĐA-LỢI

- 202. Kinh Trì Trai
- 203. Kinh Bô-Lị-Đa
- 204. Kinh La-Ma
- 205. Kinh Ngũ Hạ Phàn Kết
- 206. Kinh Tâm Uế
- 207. Kinh Tiễn Mao (I)
- 208. Kinh Tiễn Mao (II)
- 209. Kinh Bệ-Ma-Na-Tu
- 210. Kinh Tỳ-Kheo-Ni Pháp Lạc
- 211. Kinh Đại Câu-Hy-La

18. PHẨM LỆ

- 212. Kinh Nhất Thiết Trí
- 213. Kinh Pháp Trang Nghiêm
- 214. Kinh Bệ-Ha-Đề
- 215. Kinh Đệ Nhất Đắc
- 216. Kinh Ái Sanh
- 217. Kinh Bát Thành
- 218. Kinh A-Na-Luật-Đà (I)
- 219. Kinh A-Na-Luật-Đà (II)
- 220. Kinh Kiến
- 221. Kinh Tiễn Dụ
- 222. Kinh Lệ



PHẨM 13: BÀ-LA-MÔN (I)

TỤNG NGÀY THỨ BA

Niệm tụng

雨勢歌羅數 瞿默象跡喻

聞德何苦欲 鬱瘦阿攝和

Kệ tóm tắt:

Vũ thể, Ca-la, Số,

Cù-mặc, Tượng tích dụ,

Văn đức, Hà khô, Dục,

Uất-sầu, A-nhiếp-hòa

142. KINH VŨ THỂ

143. KINH THƯỜNG-CA-LA

144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIÈN-LIÊN

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIÈN-LIÊN

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ

147. KINH VĂN ĐỨC

148. KINH HÀ KHÔ

149. KINH HÀ DỤC

150. KINH UẤT-SẦU-CA-LA

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA

142. KINH VŨ THẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, ở trong núi Thấu nham¹.

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế² cùng với nước Bạt-kỳ³ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc nhiều lần nói rằng:

“Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ [648b] gặp vô số tai ách.”

Khi ấy, A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt-đà, nghe Đức Thế Tôn trú thành Vương xá, ở trong núi Thấu nham, nên nói với đại thần Vũ Thế⁴:

“Ta nghe Sa-môn Cù-đàm trú thành Vương xá, ở trong núi Thấu nham. Nay Vũ Thế, người hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, nhân danh ta mà thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường hay không? Rồi hãy nói như vậy, ‘Bạch Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc và nhiều lần nói rằng: ‘Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách’. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?’ Nay Vũ Thế, nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy những gì thì người hãy cố gắng ghi nhớ, thọ trì. Vì sao? Bởi lẽ những người như vậy nhất định không khi nào nói sai.”

Đại thần Vũ Thế vâng lời vua dạy xong, lên một cỗ xe rất đẹp và cùng năm trăm cỗ xe khác đồng ra khỏi thành Vương xá, đi đến trong núi Thấu nham và leo lên núi Thấu nham, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Phật.

¹ Thấu nham 鷲巖. Pāli: Gijjakūta-pabbata: Kỳ-xà-quật; đỉnh Kên kên.

² Trong bản: Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề Tử 未生怨鞞陀提子: A-xà-thế Vi-đề-hy Tử. Pāli: Ajātasattu Vedehiputta.

³ Bạt-kỳ 跋耆. Pāli: Vajjī.

⁴ Vũ Thế 雨勢. No 1(2): Vũ-xá. Pāli: Vassakāra.

Đại thần Vũ Thế cùng với Đức Thế Tôn nói lời chào hỏi rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

“Thưa Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc và nhiều lần nói rằng: ‘Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách’. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?”

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo rằng⁵:

“Này Vũ Thế, xưa kia Ta đã từng đi đến nước Bạt-kỳ. Nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la⁶. Lúc ấy, này Vũ Thế, Ta giảng nói pháp bất thối⁷ cho người nước Bạt-kỳ nghe. Người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp bất thối đó. Này Vũ Thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp bất thối mà không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy vi được.”

Đại thần Vũ Thế bạch Đức Thế Tôn:

“Sa-môn Cù-đàm, về việc này chỉ nói một cách tóm tắt, chứ không phân biệt rộng rãi. Chúng con [648c] không thể hiểu được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-đàm phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Vũ Thế, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ giảng nói rộng rãi ý nghĩa này cho ông nghe⁸.”

Đại thần Vũ Thế vâng lời, lắng nghe.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, Đức Thế Tôn quay

⁵ No 1(2): Các bản khác đều không có đoạn này.

⁶ Giá-hòa-la tự 遮瑟羅寺. No 5: Cấp tạt thần xá 急疾神舍. No 6: Chánh tháo 正蹠神舍 D 16 (ii. 77): Sārandada-cetiya. Chùa này theo bản Hán có lẽ là Cāpala, chỗ Phật thông báo quyết định nhập Niết-bàn.

⁷ Bất suy pháp 不衰法. Pāli: *aparihāniyadhamma*.

⁸ Các bản khác, Phật chỉ nói gián tiếp, chứ không nói thẳng với ông Đại thần.

lại hỏi A-nan rằng:

“Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chẳng?”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo.”

Đức Thế Tôn liền bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm, những điều đã thi thiết thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chẳng?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ

của người và con gái của người khác chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe ở nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường chẳng? Và họ có nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe ở nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn kính thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe theo lời dạy của những bậc ấy mà làm theo.”

Đức Thế Tôn lại [649a] bảo đại thần Vũ Thế:

“Này Vũ Thế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào⁹ thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu nước Bạt-kỳ có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có,

⁹ Cựu tự 舊寺. No.1(2): tông miếu. Pāli: *vajjīmaṃ vajjicetiyaṇi*, các linh miếu của người Bạt-kỳ.

không giảm thiểu tập tục đã làm, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế:

“Nếu người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.

“Này Vũ Thế, người nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp bất thối này. Nếu vâng giữ bảy pháp bất thối này thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Khi ấy, đại thần Vũ Thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp bất thối thì nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, con bà Tì-đà-đề, cũng không thể khuất phục họ được, huống chi họ đầy đủ cả bảy pháp bất thối. Bạch Cù-đàm, con nhiều việc nước, xin được từ giã lui về.”

Đức Thế Tôn nói:

“Muốn lui về xin cứ tùy ý.”

Đại thần Vũ Thế sau khi nghe những điều Phật [649b] dạy, khéo léo ghi nhớ, đi quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Sau khi Đại thần Vũ Thế ra về chẳng bao lâu, bấy giờ Đức Thế Tôn quay

lại bảo Tôn giả A-nan:

“A-nan, những Tỳ-kheo hiện đang sống rải rác trong núi Thửu nham, người hãy truyền cho tất cả tập họp tại giảng đường. Sau khi tất cả đã tụ họp xong, hãy đến cho Ta hay.”

Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Ngay khi đó, Tôn giả A-nan đi truyền lệnh:

“Những Tỳ-kheo hiện đang sống rải rác trong núi Thửu nham, truyền cho tất cả hãy tập họp tại giảng đường.”

Sau khi tất cả tập họp xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã truyền lệnh: những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác trong núi Thửu nham, tất cả hãy tập họp tại giảng đường. Giờ đây đã tập họp xong, kính mong Thế Tôn tự biết thời.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo rồi nói với các thầy Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối. Các người hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ.”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo cùng chung hội, cùng chung làm việc chung và cùng giải tán thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo đối với những việc chưa thi thiết thì không thêm; những việc đã thi thiết thì không thay đổi; những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh; thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo không bị chi phối¹⁰ bởi hữu ái đưa đến vị lai¹¹, hiện hành với hỷ dục, ái lạc đời sống như vậy như kia¹², thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo có bậc Trưởng lão Thượng tôn đồng học phạm hạnh, các Tỳ-kheo thầy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường và nghe theo lời dạy của các vị ấy, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, sườn núi cao, chỗ thanh tịnh nhàn cư, vắng bật không có tiếng động, xa lánh sự dũ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trụ không rời, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thầy đều ủng hộ các đồng phạm hạnh, hết sức tôn trọng, ái kính, thường mong muốn các đồng phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì hằng mong an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn những nhu dụng sinh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp bất thối này, thọ trì, không trái phạm, [649c] thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Bảy giờ Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?”

¹⁰ Khởi bất tùy 起不隨. Pāli: *na vasam gacchanti*.

¹¹ Pāli: *uppanāya tanhāya ponobhavikāya na vasam gacchanti*, không bị chi phối bởi khát ái hiện hành, khát ái ấy dẫn đến đời sau.

¹² Ái lạc bi bi hữu 愛樂彼彼有. Pl.: *tatra tatrābhibabdinī*, mong muốn (sẽ tái sinh) ở chỗ này, ở chỗ kia.

“Nếu Tỳ-kheo đối với Tôn sư mà hết sức cung kính, cúng dường, phụng sự, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo đối với Pháp, với Tăng, với Giới, với sự không phóng dật, với sự cung cấp và đối với định¹³ mà hết sức cung kính thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi thế nghiệp¹⁴, không hoan lạc nơi thế nghiệp, không tập quán thế nghiệp, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi phiếm luận¹⁵, không hoan lạc nơi phiếm luận, không tập quán nơi phiếm luận; không hành nơi tụ hội, không hoan lạc nơi tụ hội, không thân cận nơi tụ hội; không hành nơi sự kết hợp hỗn tạp¹⁶, không hoan lạc nơi sự kết hợp hỗn tạp, không tập quán sự kết hợp hỗn tạp; không hành ngũ nghị, không hoan lạc ngũ nghị, không tập quán ngũ nghị; không vì lợi, không vì tiếng khen, không vì

¹³ *Pháp, chúng, giới, bất phóng dật, cung cấp, định*, cùng với *tôn sư* nói trước, là bảy đề mục bất thối. So sánh bảy pháp kể trong No.1(2): 1. Kính Phật; 2. Kính Pháp; 3. Kính Tăng; 4. Kính giới luật; 5. Kính thiền định; 6. Kính thuận cha mẹ; 7. Kính pháp không buông lung.

¹⁴ Bất hành ư nghiệp 不行於業. Nghiệp ở đây được hiểu là chuyện đời. Pāli: *na kammārāmā, na kammaratā, na kammārāmatam anuyuttā*, không thích thế nghiệp, không hoan hỷ thế nghiệp, không đam mê thế nghiệp.

¹⁵ Bất hành hoa thuyết 不行講說. Pāli: *na bhassārāmā*.

¹⁶ Tạp hiệp 雜合, được hiểu là “kết hợp với ác hữu”.

người khác mà tu hành phạm hạnh; đối với quả thấp, đối với quả cao không nửa chừng gián đoạn nỗ lực hướng thượng, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu tài sản tín, tài sản giới, tài sản tâm, tài sản quý, tài sản bác văn, tài sản thí và thành tựu tài sản tuệ, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu năng lực tín, năng lực tinh tấn, năng lực tâm, năng lực quý, năng lực niệm, năng lực định, và thành tựu năng lực tuệ, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, [650a] không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?”

“Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y xả ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng xuất yếu. Cũng vậy, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y xả ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng xuất yếu; Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta lại nói cho các người nghe về bảy pháp bất thối khác. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là bảy?”

“Nếu Tỳ-kheo cần cho luật hiện tiền thì cho luật hiện tiền. Cần cho luật ức niệm thì cho luật ức niệm. Cần cho luật bất si thì cho luật bất si. Cần cho luật tự phát lồ thì cho luật tự phát lồ. Cần cho luật quân thì cho luật quân. Cần cho luật triển chuyển thì cho luật triển chuyển. Nếu trong chúng khởi lên sự tranh tụng thì đúng theo pháp diệt tránh như liệng bỏ giẻ rách để chấm dứt¹⁷.

“Nếu Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp bất thối này, thọ trì không trái phạm, thì Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói cho các người nghe về sáu pháp ủy lạo¹⁸. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

¹⁷ Bảy pháp chỉ tránh, hay diệt tránh. Xem kinh số 196 ở sau.

¹⁸ Sáu pháp hòa kinh, hay lục hòa, xem kinh 196.

“Kính vâng.”

Phật nói:

“Những gì là sáu?”

“Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh. Pháp ấy gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, dẫn đến thân ái, dẫn đến tôn trọng, dẫn đến tương trợ, dẫn đến tương kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Cũng vậy, khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa.

“Lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, dẫn đến thân ái, dẫn đến tôn trọng, dẫn đến tương trợ, dẫn đến tương kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nếu có giới nào không bị sút mẻ, không bị hư thủng, không bị uế tạp, không bị đen, vững vàng như mặt đất¹⁹, được Thánh khen ngợi, đầy đủ, cẩn thận thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, [650b] dẫn đến thân ái, dẫn đến tôn trọng, dẫn đến tương trợ, dẫn đến tương kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nếu có kiến giải của Thánh, có sự xuất yếu, có sự thấy rõ, có sự thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ; với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh. Pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, dẫn đến thân ái, dẫn đến tôn trọng, dẫn đến tương trợ, dẫn đến tương kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nhân đây nên Ta nói sáu pháp ủy lạo.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ

¹⁹Hán: như địa bất tùy tha 如地不隨他. Pl: *bhujissāni*, tự do, không còn làm nô lệ.

phụng hành.



143. KINH THƯƠNG-CA-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Ma-nạp Thương-ca-la¹ sau giữa trưa, thong dong tản bộ, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày”.

Thế Tôn nói:

“Ma-nạp, muốn hỏi gì cứ hỏi”.

Ma-nạp Thương-ca-la bèn hỏi:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn đúng như pháp mà hành khất tài vật, tự mình trai tự, hoặc dạy người khác trai tự.² Bạch Cù-đàm, nếu tự mình trai tự hay dạy người khác trai tự, những người ấy đều hành trên vô lượng phước tích³, vì do nơi trai tự vậy. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, với các dòng tộc khác nhau, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lia bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, tự chế ngự bản thân, tự tịch tịnh bản thân, tự cứu cánh tịch diệt bản thân.⁴ Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, với các dòng tộc khác nhau, chỉ hành trên một phước tích chứ không hành trên vô lượng phước tích, do bởi sự học đạo vậy.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, rồi Tôn giả A-nan hỏi:⁵

¹ Thương-ca-la Ma-nạp 傷歌邏摩納. Pāli: Saṅgārava, một Bà-la-môn trẻ, hình như là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia.

² Hán: trai 齋; Pāli (A. i. 168): *yaññaṃ yajāmapī yajāpemaṃ*, tự mình cử hành tế đàn, cũng bảo người cử hành tế đàn.

³ Phước tích 福跡. Pāli: *anekasārīrikam puññappaṭipadam paṭipannā honti, họ thực hành dẫn đến phước đức cho nhiều người.*

⁴ Pl.: *ekam attānaṃ dameti, ekamattānaṃ sameti ekamattānaṃ parinibbāpeti*, chỉ chế ngự một tư ngã, an tịnh một tự ngã, niết-ban cho một tự ngã.

⁵ Bản Hán thiếu một đoạn trong Pāli: Phật hỏi Saṅgārava về ích lợi của tế đàn và ích lợi của người tu tập để cộng trú với Phạm thiên, do đó dẫn đến câu hỏi

“Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Ma-nạp Thương-ca-la nói:

“A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính tôn trọng, phụng thờ.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Tôn giả A-nan đến ba lần hỏi Ma-nạp Thương-ca-la rằng:

“Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Ma-nạp Thương-ca-la cũng đến ba lần nói rằng:

“A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm [650c] và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ.”

Tôn giả A-nan cũng nói lại:

“Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai, mà tôi chỉ hỏi ông rằng, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma-nạp Thương-ca-la này đã bị A-nan khuất phục. Ta hãy cứu nó!”

Thế Tôn biết vậy rồi, bèn hỏi:

“Này Ma-nạp, hôm qua, khi vua và các quần thần triệu tập đại hội, thảo luận những gì? Vì những duyên cớ nào mà cùng tập hội?”

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

“Ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này, là ‘Do nhân gì, duyên gì mà xưa kia Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới ít, nhưng các Tỳ-kheo đắc đạo nhiều; và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay khi Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới nhiều thì các Tỳ-kheo

đắc đạo lại ít⁶?’ Bạch Cù-đàm, ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói rằng:

“Ma-nạp, bây giờ Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao? Giả sử có một Sa-môn, Bà-la-môn tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy; và sau khi tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Vị ấy sau đó thuyết giảng cho người khác rằng: ‘Ta tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’’. Các người hãy đến đây và cũng hãy tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy. Sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Rồi người này lại cũng thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

“Này Ma-nạp, [651a] ý ngươi nghĩ sao? Đệ tử của Ta, với các dòng tộc khác nhau, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, có phải là do bởi sự học đạo đó mà chỉ hành trên một phước tích, không hành trên vô lượng phước tích chăng?”

⁶ Cũng như kinh số 194 ở sau.

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

“Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của con đối với điều mà Sa-môn Cù-đàm nói, thì đệ tử Sa-môn Cù-đàm ấy, với các dòng tộc khác nhau cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, do bởi sự học đạo ấy mà thật sự hành trên vô lượng phước tích, chứ không chỉ hành trên một phước tích.”

Thế Tôn lại nói với Thương-ca-la:

“Có ba thị hiện là, như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện, giáo huấn thị hiện.⁷

“Ở đây, nếu có một Sa-môn, Bà-la-môn có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, hành vô lượng công đức của như ý túc như vậy; nghĩa là phân một thân làm thành nhiều thân, hợp nhiều thân làm thành một thân, một thì trụ trên một, được biết, được thấy⁸; đi xuyên vách đá mà không bị trở ngại, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm; thân cao đến trời Phạm thiên. Đây Ma-nạp, đó là thị hiện bằng như ý túc.

“Đây Ma-nạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện? Hoặc có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn do nơi tướng trạng của người khác mà chiêm đoán được ý tưởng của họ, rằng ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, nó thật sự có ý nghĩ’; họ chiêm đoán nhiều vô lượng chứ không chiêm đoán ít,⁹ nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc giả không do nơi tướng trạng của người khác để

⁷ Tam thị hiện: như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện, giáo huấn thị hiện
三示現 如意足示現 占念示現 教訓示現. Xem No 1(24): kinh Kiên cố; *Tập Dị 6* (No.1536, tr.389 b), ba thị đạo: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Pāli: *tini pātihāriyānā: iddhi, ādesanā, anusāsanā*.

⁸ Hán: *nhất tắc trụ nhất, hữu tri hữu kiến* 一則住一有知有見. Nghĩa không rõ. Tập Dị (nt): hoặc ẩn hoặc hiện. Pāli: *āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ*.

⁹ Pl.: *so bahum cepi ādisati tatheva tam hoti no aññathā*, họ nói ra nhiều điều và điều ấy là như vậy, không khác.

đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân mà đoán biết được ý tưởng của người khác rằng ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, thật sự nó có ý nghĩ như vậy’, họ chiêm đoán nhiều vô lượng chứ không chiêm đoán ít, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và các loài phi nhân, nhưng do tâm niệm của người khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác. Sau khi nghe tiếng rồi đoán biết được ý tưởng của người khác rằng ‘Nó có ý tưởng như thế này, nó có ý tưởng như thế kia, nó thật sự có ý tưởng như vậy’, họ chiêm đoán nhiều vô lượng chứ không chiêm đoán ít, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thuyết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do nơi tâm niệm, nơi tư duy, nơi ngôn thuyết của người khác¹⁰ để sau khi nghe rồi, đoán biết ý tưởng của người khác rằng ‘Nó có ý tưởng như thế này, nó có ý tưởng như thế kia, nó thật sự có ý tưởng như vậy’, họ chiêm đoán nhiều vô lượng chứ không chiêm đoán ít, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thuyết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không do nơi tâm niệm, nơi tư duy, nơi ngôn thuyết của người khác để sau khi nghe rồi, đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do thấy người khác nhập vào định không tầm không tứ¹¹, sau khi thấy bèn nghĩ rằng ‘Như Hiền giả này thì không có tâm niệm, [651b] không có tư duy, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với tâm niệm như vậy. Vị ấy

¹⁰ Tha niệm tha tư tha thuyết 他念他思他說. Pī.: *vatakkayato vicārayato vitakka-vipphārasaddam sutvā*, sau khi nghe tiếng nói được khuếch đại bởi tầm tứ, được kiểm soát bởi tầm tứ.

¹¹ Chỉ các bậc từ nhị thiên trở lên, trong đó không có tâm sở tầm (Pāli: vitakka) và tứ (Pāli: vicara). Pī.: *avitakkaṃ avicāraṃ samādhim samāpannassa cetasā ceto paricca pajānati*, người ấy nhập vào định không tầm không tứ, y nơi tâm của mình mà biết tâm của người khác.

ra khỏi định này sẽ có tâm niệm như vậy, như vậy'.¹² Người này cũng đoán biết việc quá khứ, cũng đoán biết việc tương lai, cũng đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, cũng đoán biết những nơi yên tĩnh, sống nơi yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả pháp tâm và tâm sở hữu. Đó gọi là thị hiện bằng sự chiêm niệm.

“Này Ma-nạp, thế nào là giáo huấn thị hiện? Ở đây có một Sa-môn, Bà-la-môn tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành theo đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác rằng ‘Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Rồi người đó cũng lại thuyết giảng cho người khác. Cứ như vậy... lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm ngàn. Này Ma-nạp, đó gọi là sự thị hiện bằng giáo huấn.

“Trong ba thị hiện này, thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Thương-ca-la Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến, thân cao đến trời Phạm thiên, thừa Cù-đàm, cái đó là tự mình làm tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Thừa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là pháp đại huyển¹³.

¹² Pl.: *yathā imassa bho manosankhārā pañihitā imassa cittassa anantarā amuṃ nāma vitakkam vitakkessati*, “tôn giả kia có ý hành được hướng đến chỗ nào, lập tức tâm của vị này hướng tầm đến đó.

¹³ Nguyên Hán: đại pháp 大法. Bản Việt thêm từ huyển cho đủ nghĩa. Pāli:

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào do nơi tướng dạng mà đoán biết ý tưởng của người khác, cho đến các pháp tâm và tâm sở hữu; bạch Cù-đàm, cái đó cũng chỉ là tự mình làm tự mình có, [651c] tự mình thọ lãnh quả báo. Thưa Cù-đàm, trong các thị hiện, sự thị hiện này được gọi là pháp đại huyễn.

“Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào tự mình hành theo đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi vị ấy thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng, thì bạch Cù-đàm, trong ba thị hiện, sự thị hiện này là tối thượng, tối diệu, tối thắng.”

Thế Tôn lại hỏi Thương-ca-la Ma-nạp:

“Trong ba thị hiện, người tán thán sự thị hiện nào?”

Ma-nạp Thương-ca-la đáp:

“Trong ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, cho đến thân cao ngang Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm do nơi tướng dạng của người khác mà biết ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thị đạo với đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo này, tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng cho người khác, rồi người khác thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng. Bạch Cù-đàm, cho nên, đối với ba thị hiện, con tán thán Sa-môn Cù-đàm.”

Rồi Thế Tôn nói rằng:

“Ma-nạp, người khéo thấu suốt vấn đề này. Vì sao? Thật sự Ta có đại như ý túc, đại oai thần, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc,

māyāsaha-dhammarūpam; pháp huyễn hoặc; bản Hán đọc là *mahā-dhamma*, có lẽ bị sót mất nhiều âm tiết.

tâm được tự tại, cho đến, thân cao ngang Phạm thiên. Nay Ma-nạp, Ta do tướng dạng người khác mà biết được ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết tâm và tâm sở hữu pháp.

“Này Ma-nạp, Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Rồi Ta giảng thuyết cho người khác, người khác cũng giảng thuyết cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng.

“Này Ma-nạp, cho nên người khéo thấu suốt vấn đề này. Người hãy biết như vậy, hãy khéo thọ trì như vậy. Vì sao? Bởi vì ý nghĩa được nói này phải [652a] như vậy.”

Lúc bấy giờ, Thương-ca-la Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy y cho đến tận mạng.”

Phật thuyết như vậy. Thương-ca-la Ma-nạp, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIÊN-LIÊN

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở Đông viên, giảng đường Lộc Tử Mẫu.¹

Bấy giờ, Toán số Mục-kiên-liên² sau bữa trưa, thông dong tân bộ đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho mới dám trình bày”. Thế Tôn nói:

“Mục-kiên-liên, ông muốn hỏi gì cứ tự tiện, đừng tự nghi ngại.”

Toán số Mục-kiên-liên bèn bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây dựng dần dần cho đến cuối cùng được thành tựu. Thưa Cù-đàm, cầu thang trong Lộc tử mẫu giảng đường này, bắt đầu lên một nấc, rồi đến hai, ba, bốn. Thưa Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Thưa Cù-đàm, sự điều phục voi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi móc câu vậy. Thưa Cù-đàm, sự điều phục ngựa này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi hàm vậy. Thưa Cù-đàm, Sát-đế-lị này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi cung và tên vậy. Thưa Cù-đàm, các Bà-la-môn này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi kinh thư vậy.

“Thưa Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu. Nếu có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn..., thứ tự mà đếm lên. Thưa Cù-đàm, như vậy chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, lần lượt theo thứ tự cho đến thành tựu. Sa-môn Cù-đàm, trong pháp luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu?”

Thế Tôn nói:

“Này Kiên-liên, nếu có sự lần lượt thứ tự thực hiện cho đến thành tựu

¹ No 70: Đông viên trung Lộc giảng đường 東園中鹿講堂. Pl.: Pubbārāme Migāramātipāsāde.

² Toán số Mục-kiên-liên 算數目捷連. No 70: Số Bà-la-môn 數婆羅門. Pāli: Gaṇaka-Moggallāna, có thể là một nhà toán học.

nào được nói đến một cách chân chánh, thì này Mục-kiền-liên, ở trong pháp luật của Ta, đây là điều được nói đến một cách chân chánh. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, Ta đối với pháp luật này lần lượt thứ tự thực hiện cho đến đạt thành cứu cánh.

“Này Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới đến [652b] học đạo, mới vào trong pháp luật này, Như Lai trước hết dạy rằng ‘Người hãy đến đây. Với thân, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo với thân, thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý thủ hộ mạng thanh tịnh rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm rằng ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ³, tâm và pháp như pháp’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp rồi, Như Lai lại dạy tiến thêm ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy quán thân như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục, Như Lai dạy tiến thêm ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín⁴, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng của sắc, không đắm nhiễm vị⁵ của sắc. Do nguyên nhân gì⁶ mà khi nhãn căn

³ Trong bản Hán: *quán giác* 觀覺.

⁴ *Thường niệm bế tắc* 常念閉塞. Có lẽ tương đương Pāli: *indriyesu guttadvāro*, canh chừng cửa nơi các căn.

⁵ Hán: bất vị sắc 不味色. Pl.: *mā' nuyyañjanaggahāhī*, chớ nắm bắt tuy tướng (các chi tiết nhỏ khi nhìn thấy sắc). Pl. *anuyyañjana*: tùy tướng, tùy hình hảo; nhưng bản Hán hiểu từ *vyañjana* là vị để nếm, gia vị hương vị.

⁶ *Vị phần tránh có* 謂忿諍故, vì sự phần nộ và tranh cãi; Hán dịch có thể nhằm vì vô nghĩa trong đoạn mach này. Pāli: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāsutvā tassa*

không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Do nguyên nhân gì mà khi ý căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ ý căn.

“Này Mục-kiền-liên, sau khi Tỳ-kheo thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý, khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; do nguyên nhân gì mà khi nhãn căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt; cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp; nguyên nhân gì mà khi ý căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ ý căn, bấy giờ, này Mục-kiền-liên, Như Lai lại dạy tiến thêm: ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngược, nghi dung chững chạc, khéo mang tăng-già-lê và các [652c] y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng, thấy đều biết rõ’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt co, duỗi, cúi, ngược, nghi dung chững chạc, khéo mang tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng, im lặng thấy đều biết rõ, Như Lai lại dạy tiến thêm: ‘Tỳ-kheo, hãy đến đây, hãy sống cô độc tại nơi xa vắng, trong rừng, trong núi hoặc dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở ngoài bãi tha ma. Sau khi người đã sống trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, những chỗ trống vắng yên tĩnh, hãy trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện⁷, nhiếp niệm nội tâm,

samvarāya paṭipajjhāhi, do nguyên nhân gì mà khi sống với nhãn căn không được phòng hộ khi ấy tham và ưu cũng các pháp ác bất thiện chảy lọt vào, nơi hãy tu tập để ngăn chặn nguyên nhân ấy. Trong bản Hán, *adhikarāṇa*, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

⁷ *Chánh thân chánh nguyện* 正身正願; Pāli: *ujum kāyaṃ paṇidhāya*, ngồi thẳng lưng. Trong bản Hán, *paṇidhāya* (sau khi đặt xuống), được hiểu là *paṇidhāna*:

đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác không muốn được về mình. Người đối với tham lam, hãy tịnh trừ tâm ấy. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn nghi độ hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Người đối với nghi hoặc hãy tịnh trừ tâm ấy. Người đoạn trừ năm triền cái⁸ này, chúng làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ’.

“Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ, thì này Mục-kiền-liên, Như Lai đã đem lại nhiều lợi ích cho Tỳ-kheo niên thiếu, nghĩa là khéo khuyên răn, dạy dỗ, khiển trách.

“Này Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo Thượng tôn trưởng lão, phạm hạnh kỳ cựu, Như Lai lại dạy tiến thêm để thành tựu cứu cánh diệt tận hết thấy lậu.”

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

“Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy, khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đạt đến. Hoặc có người đạt được, hoặc có người không “.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

“Cù-đàm, trong đó nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có Niết-bàn đạo và Sa-môn Cù-đàm hiện tại là người chỉ đường⁹ đó, mà có Tỳ-kheo được răn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, thì đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng một số khác lại không đạt đến?”

Thế Tôn nói:

“Này Mục-kiền-liên, Ta muốn hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

ước nguyện.

⁸ Ngũ cái 五蓋. Pāli: *pañca nīvaraṇā*.

⁹ Hán: đạo sư 導師. Diach lag người chỉ đường cho phù hợp với đoạn mạch tiếp theo. Pl.: *samādapetā*, người chỉ đường, người hướng dẫn.

“Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chẳng?”

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

“Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Mục-kiền-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chẳng?’ Ông nói với người ấy rằng ‘Từ đây đi về phía Đông, đến [653a] thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’. Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn rồi, đi chưa bao lâu bèn bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoại thành Vương xá, rừng cây xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại cây cối, bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết.

“Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi ông rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chẳng?’

“Ông nói với người ấy rằng: ‘Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’.

“Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia, từ thôn ấy đi đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương xá. Những gì ở ngoại thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong đều được thấy hết, biết hết.

“Này Mục-kiền-liên, trong đó do nhân gì duyên gì, trong khi có thành

Vương xá, có con đường đến thành Vương xá và có ông hiện tại là người chỉ đường đó, nhưng người thứ nhất nghe lời ông chỉ dẫn, chẳng bao lâu đã bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn trở lui lại, rồi những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết? Còn người thứ hai khi nghe theo lời ông chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thấy đều được thấy hết, được biết hết?”

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

“Này Cù-đàm, tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương xá đó, có con đường dẫn đến thành Vương xá đó, tôi chỉ làm người chỉ đường. Người thứ nhất không tùy theo sự chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường chánh mà đi theo con đường lầm lẫn để [653b] trở lui lại. Những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết. Người thứ hai khi nghe theo lời tôi chỉ dẫn, từ con đường chánh lần lượt đi đến thành Vương xá, những gì ở ngoài thành Vương xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thấy đều được thấy hết, được biết hết.”

Thế Tôn nói rằng:

“Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó, có con đường dẫn đến Niết-bàn đó, Ta chỉ là người chỉ đường, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khiển trách các Tỳ-kheo như vậy, nhưng có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, có người lại không. Này Mục-kiền-liên, nhưng tùy theo sở hành của mỗi Tỳ-kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh lậu tận vậy.”

Toán số Mục-kiền-liên bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu. Bạch Cù-đàm, tôi đã rõ.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt, có khu rừng sa-la, trong đó có người giữ rừng sa-la, sáng suốt, không lười biếng, đối với gốc rễ của các cây sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới, san chỗ cao, lấp chỗ thấp, quét

dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Nếu bên cạnh có mọc cỏ tạp ô uế thì nhổ sạch hết. Nếu có những cây đâm ngang, cong queo thì uốn lại cho thẳng hay tỉa đi. Nếu có những cây mọc rất ngay thẳng thì chăm sóc, giữ gìn, hằng cuộc xới, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Như vậy, trên mảnh đất tốt, rừng cây sa-la càng ngày càng sum suê.

“Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người dua nịnh, dối trá, không biết thi ân, vô tín, giải đãi, không niệm, không định, ác tuệ, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không tu trì phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy không thể cộng sự. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh ô uế.

“Bạch Cù-đàm, nếu có những người không dua nịnh, cũng không dối trá, biết thi ân, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có niệm, có định và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính, tu tập phát triển. Sa-môn Cù-đàm, với những người như vậy có thể cộng sự. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phạm hạnh thanh tịnh.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại căn hương¹⁰, trầm hương là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại căn hương, nó là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại hương lõi¹¹, xích chiên đàn là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các thứ hương lõi, [653c] xích chiên đàn là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại hoa nước, hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hoa nước hoa sen xanh đ là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên đất, hoa tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại lục hoa, tu-ma-na hoa là tối thượng.

“Bạch Cù-đàm, cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm như một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo dị học vậy.

¹⁰ Căn hương 根香, hương liệu từ rễ cây; xem kinh 141 trên. Pāli: *mūlagandhā*.

¹¹ Sa-la thọ hương 娑羅樹, loại hương trầm bằng lõi cây; xem kinh 141 trên. Pāli: *sāragandhā*. Trong bản Hán, đọc là *sāla* (cây sa-la) thay vì *sāra* (lõi cây).

“Bạch Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời đều tự quy y cho đến tận mạng.”

Phật thuyết như vậy. Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹²



¹² Bản Hán, hết quyển 35.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, sau khi Đức Phật Bát-niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan trú tại thành Vương xá.

Lúc bấy giờ Vũ Thế¹, đại thần nước Ma-kiệt-đà, đang chinh trị thành Vương xá để phòng ngừa dân Bạt-kỳ². Rồi đại thần Vũ Thế sai Cù-mặc Mục-kiền-liên, một người làm ruộng³, đi đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.⁴

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm khoác y ôm bát vào thành Vương xá để khát thực, rồi Tôn giả A-nan nghĩ rằng: “Hãy gác việc khát thực trong thành Vương xá lại đã. Ta hãy đến chỗ người làm ruộng Cù-mặc Mục-kiền-liên.”

Rồi Tôn giả A-nan đi chỗ Cù-mặc Mục-kiền-liên, [654a] người làm ruộng.

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên⁵ từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Tôn giả A-nan, bạch rằng:

“Kính chào A-nan, lâu nay không thấy đến. Xin mời ngồi trên chỗ này.”

Tôn giả A-nan liền ngồi trên chỗ ngồi đó.

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi chào hỏi Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?”

Tôn giả A-nan trả lời rằng:

¹ Ma-kiệt-đà đại thần Vũ Thế 摩竭陀大臣雨勢. Pl.: Vassakāro brāmaṇo Magadhamahāmatto. Xem kinh 142.

² Xem kinh 142. Pāli, M. 108: chuẩn bị đánh nhau với Pajjota (Caṇḍappajjota), vua nước Avanti, chứ không phải với Vajji (Bạt-kỳ).

³ Cù-mặc Mục-kiền-liên điền tác nhân 瞿默目犍連田作人. Pāli (M. iii. 37): *gopakamogallānassa brāhmaṇassa kammanto*, (A-nan đi đến) chỗ làm việc của Bà-la-môn Gopaka-Moggallāna. Trong bản Hán, *kammanta*, chỗ đang làm việc, được hiểu là *kassaka*: nông phu?

⁴ Chi tiết này không phù hợp với chi tiết tiếp theo.

⁵ Đoạn trên nói ông là người làm ruộng. Xem cht. trên.

“Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi đi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Bèn hỏi rằng:

“Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng?”

Trong khi Tôn giả A-nan và Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên đang thảo luận vấn đề này thì Vũ Thế, đại thần nước Ma-kiệt-đà, đang đi ủy lạo những người làm ruộng⁶, đến chỗ của Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng. Đại thần Vũ Thế từ xa trông thấy Tôn giả A-nan ở trong chỗ Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, hỏi rằng:

“Bạch A-nan, vừa rồi ngài cùng với Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên thảo luận vấn đề gì vậy? Vì việc gì mà cùng hội họp ở đây?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vũ Thế, Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên hỏi tôi rằng ‘A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng?’ ”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“A-nan, ngài trả lời ông ấy như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập nên và nói rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bạc Tri Kiến⁷, được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại

⁶Hán: ủy lạo điền tác nhân 慰勞田作人. Pāli: *kammante anusaññāyamāno*, đang đi thị sát chỗ đang làm việc (công trường).

⁷Hán: vị Thế Tôn sở tri kiến 為世尊所知見; có lẽ dư chữ sở, vì những nơi khác

thế lập lên và nói rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các người. Nhưng có Tỳ-kheo nào [654b] được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay đang là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và vị ấy nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Này A-nan, nếu vậy các người hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, sống an lạc như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chẳng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đáp rằng:

trong bản Hán đều cho thấy như vậy. Pāli: *tena bhagavatā janatā passatā arahatā*..., bởi Thế Tôn, Bạc Tri Giả, Bạc Kiến Giả, là A-la-hán...

“Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bạc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay là nơi nương tựa cho chúng tôi’. Nhưng nay A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay lại nói rằng ‘Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Biệt giải thoát, cùng tập họp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm điều này.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

“Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy làm điều này, nhưng chính là pháp khuyên dạy [654c] làm điều này. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thấy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy A-nan, các ngài sống hòa hiệp không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, sống an lạc như lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“Này A-nan, có vị nào đáng tôn kính chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, có vị xứng đáng được tôn kính.”

Vũ Thế bạch rằng:

“Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên rằng

‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có một Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để nay vị ấy đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì nay lại nói rằng ‘Có vị xứng đáng được tôn kính?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Vũ Thế, Thế Tôn, bậc Tri kiến, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính⁸. Nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp này, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự Tỳ-kheo ấy.”

“Những gì là mười?”

“Này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, vị ấy học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hằng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai sự viễn ly là thân và tâm. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy [655a] Tỳ-

⁸ Thập pháp nhi khả tôn kính 十法而可尊敬. Pāli: *dasa pasādanīyā dhammā*, mười pháp khả hỷ, khiến cho tin tưởng.

kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ưa thích sự tĩnh tọa, nội tâm thực hành tu chí⁹, cũng không rời thiền tọa¹⁰, thành tựu quán hạnh,¹¹ tăng ích đời sống nhàn cư¹². Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất ưa thích sự tĩnh tọa, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không; cũng vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm thì chúng tôi thường ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, đối với các gốc rễ thiện pháp không từ bỏ phương tiện. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được như thật trí, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt mà chân

⁹Nội hành chánh chi 內行正止. Cf. M. i. 216: *ajjhataṃ cetosamatham anuyutto*. Xem kinh 184 ở sau (Nguru giác sa-la-lâm): nội hành chi 內行止.

¹⁰Hán: diệc bất ly tứ 亦不離伺. Xem kinh 184: bất phế tọa thiền 不廢坐禪. Cf. M.i. ibid.: *anirākatajjhāno*.

¹¹Thành tựu quán hành ; tu quán, đối với tu chỉ nói trên. Pl. ibid.: *vipassanāya samannāgato*.

¹²Tăng trưởng không hành 增長空行: thường xuyên sống nơi vắng vẻ. Xem kinh 184: thường hiếu nhàn cư 常好閑居. Pl. ibid.: *brūhetā suññāgārānam*.

chánh diệt tận sự khổ. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, nay Vũ Thế, Tỳ-kheo các lậu đã diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào các lậu đã diệt tận, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, nay Vũ Thế, Thế Tôn, Bạc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng thuyết mười pháp xứng đáng được tôn kính này. Nay Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào hành mười pháp này thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.”

Lúc bấy giờ, [655b] đám đông ở đây cất cao tiếng lớn nói¹³:

“Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Bất cứ ai tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu, thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự. Nếu các ngài có thể tu tập theo con đường chánh trực cần tu tập, thể thì trong đời các ngài là A-la-hán, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự.”¹⁴

Rồi Vũ Thế, Đại thần nước Ma-kiệt-đà cùng với đám tùy tùng hỏi:

“A-nan, nay ngài đang trú tại đâu?”

Tôn giả A-nan đáp:

¹³ Vì các chi tiết không được mạch lạc, không rõ đám đông này là những ai.

¹⁴ Đoạn Pāli tương đương: *evaṃ vutte vassakāro brāhmaṇo magadhamahāmatto upanandaṃ senāpatiṃ āmantesi – taṃ kiṃ maññati bhavaṃ senāpati yad ime bhonto skkātabbaṃ sakkaronti ... imaṅca hi te bhonto na sakkeyyumaṃ ...atha kiñcaraḥi te bhonto sakkareyyumaṃ*. “khi nghe điều này, Đại thần Vassakara nói với Tướng quân Upananda: Tướng quân nghĩ sao, những tôn giả này tôn kính người đáng tôn kính? (...) Nếu họ không tôn kính người đáng tôn kính... thì họ tôn kính ai?” Không rõ do sự nhầm lẫn nào mà Hán dịch thành đoạn văn thiếu mạch lạc như vậy.

“Tôi đang trú tại Vương xá này, ở trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.”

“A-nan, Ca-lan-đà trong vườn Trúc thật là khả ái, đáng ưa, rất chinh đốn, dễ thích. Ban ngày không ồn ào, ban đêm vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. A-nan, ngài thích sống ở Ca-lan-đà trong Trúc lâm chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thật vậy, Vũ Thế, Ca-lan-đà trong Trúc lâm rất khả ái, dễ ưa, rất chinh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Nay Vũ Thế, tôi thích trú Ca-lan-đà trong Trúc lâm ấy. Vì sao? Vì được Tôn giả ủng hộ¹⁵.”

Lúc ấy, đại tướng Bà-nan¹⁶ cũng ở giữa đám đông ấy. Đại tướng Bà-nan thưa:

“Thật vậy, Vũ Thế, Ca-lan-đà trong Trúc lâm rất khả ái, dễ ưa, rất chinh đốn, dễ thích, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, không có ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Tôn giả ấy thích trú tại Trúc lâm Ca-lan-đà. Vì sao vậy? –Vì Tôn giả này hành thiên tứ, ưa thích thiên tứ¹⁷.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà nghe xong bèn nói:

“Này đại tướng Bà-nan, trước đây, khi Sa-môn Cù-đàm trú tại lạc viên Kim-tì-la¹⁸, này đại tướng Bà-nan, lúc bấy giờ tôi nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm hành thiên tứ, ưa thích thiên tứ, tán thán tất cả thiên tứ.”

¹⁵ Trong bản Hán: dĩ thế tôn ủng hộ cố 以世尊擁護故; có lẽ dư chữ *thế*. Pāli: *yathā taṃ tumhādisehi rakkhakehi gopakehi*, nhờ những người ủng hộ, bảo vệ như ngài.

¹⁶ Bà-nan 婆難, Pāli: Upananda senāpati.

¹⁷ Hành tứ lạc tứ 行伺樂伺; *hành tứ* ở đây được hiểu là *hành thiên*. Pāli: *jhāyino ca jhānasīlino ca*, là những người hành thiên, có xu hướng (tập quán) hành thiên.

¹⁸ Kim-tì-la lạc viên 金鞞羅樂園; không rõ địa danh này. Có thể Pāli là Kimbilā, một thị trấn bên bờ sông Hằng, trong một khu rừng tre. Nhưng trong bản tương đương: Vesāliyaṃ Mahāvane Kūṭāgārasālāyaṃ, ở giảng đường Trùng các (ngôi nhà lầu) trong rừng Đại lâm thành Vesāli.

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

“Vũ Thế, chớ nói rằng Sa-môn Cù-đàm tán thán tất cả thiên tứ. Vì sao vậy? Thế Tôn có khi tán thán thiên tứ, nhưng có khi không tán thán.”

Vũ Thế, Đại thần nước Ma-kiệt, lại hỏi:

“A-nan, Sa-môn Cù-đàm không tán thán thiên tứ; nhưng không tán thán loại thiên tứ nào?”

Tôn giả A-nan đáp rằng:

“Vũ Thế, hoặc có người bị trói buộc bởi tham dục mà phát khởi tham dục, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi tham dục cho nên thiên tứ, tăng gia thiên tứ [655c] mà trầm trọng thiên tứ¹⁹. Đó là loại thiên tứ thứ nhất mà Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, Vũ Thế, hoặc có người bị triền phược bởi sân nhuế mà móng khởi sân nhuế, không biết như thật sự xuất yếu, người ấy vì bị chướng ngại bởi sân nhuế cho nên thiên tứ, tăng gia thiên tứ mà trầm trọng thiên tứ. Vũ Thế, đó là loại thiên tứ thứ hai Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi thù miên mà móng khởi thù miên, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi thù miên cho nên thiên tứ, tăng gia thiên tứ, mà trầm trọng thiên tứ. Vũ Thế, đó là loại thiên tứ thứ ba mà Thế Tôn không tán thán.

“Lại nữa, này Vũ Thế, bị triền phược bởi nghi hoặc mà móng khởi nghi hoặc, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi nghi hoặc cho nên thiên tứ, tăng gia thiên tứ, mà trầm trọng thiên tứ. Vũ Thế, đó là loại thiên tứ thứ tư Thế Tôn không tán thán.

“Này Vũ Thế, Thế Tôn không tán thán bốn loại thiên tứ này.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

¹⁹ Tứ, tăng tứ, nhi trọng tứ 伺增伺而重伺, có thể hiểu là “*dò xét, tăng gia dò xét, trầm trọng dò xét*”. Xem các thí dụ trong kinh số 131 trên. Pāli: *jhāyati pajjhāyati nijjhāyati apajjhāyati*: thiên tứ (trầm ngâm suy nghĩ), mãi miết thiên tứ (= bị dày vò), chìm đắm thiên tứ (= bị thiêu đốt), chuyên chú thiên tứ. Trong Pāli, động từ *jhāyati* (Skt. *dhyāyati*, danh từ phái sinh: *jhāna*, Skt. *dhyāna*, âm: thiên), có nghĩa là *tư duy* hay *trầm tư*; nhưng cũng có nghĩa là *thiêu đốt* hay *hỏa táng* (Hán âm: *xà-duy* hay *trà-tì*, hỏa táng; Skt. *ksāyati*).

“Bạch A-nan, bốn loại thiên tứ này thật đáng ghét, là những trường hợp đáng ghét, Sa-môn Cù-đàm không tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bạc Chánh Đăng Giác vậy.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi:

“A-nan, những loại thiên tứ nào được Sa-môn Cù-đàm tán thán?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vũ Thế, tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ. Nay Vũ Thế, Thế Tôn tán thán bốn loại thiên tứ này.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng:

“Bạch A-nan, bốn loại thiên tứ này thật đáng tán thán, là những trường hợp đáng tán thán, được Sa-môn Cù-đàm tán thán. Vì sao vậy? Vì là Bạc Chánh Đăng Giác vậy. A-nan, tôi nhiều việc ứ đọng, xin phép cáo từ.”

Tôn giả A-nan nói:

“Xin cứ tùy ý.”

Rồi đại thần nước Ma-kiệt-đà Vũ Thế sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, cẩn thận ghi nhớ, rời chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ba vòng rồi trở lui.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đi không bao lâu, bạch rằng:

“Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Mục-kiền-liên, quả thật tôi đã không trả lời.”

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

“A-nan, tôi lại có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên bèn hỏi rằng:

“A-nan, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, Vô Sở Trước, Đăng

Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, hai²⁰ giải thoát này có sự sai biệt nào và có sự thắng liệt nào chăng?”

[656a] Tôn giả A-nan đáp:

“Này Mục-kiền-liên, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, hai giải thoát này không có sai biệt, cũng không có sự thắng liệt.”

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng:

“Bạch A-nan, mong ngài ở lại đây dùng cơm.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời bèn rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, tự tay lấy nước, rửa dọn các thức ăn rất tịnh diệu với các loại mềm và cứng rất thịnh soạn, tự tay châm chước cho đến no đủ. Ăn xong, dọn dẹp chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, [Tôn giả A-nan đứng dậy ra về]²¹.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà và Bà-la-môn Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.



²⁰ Trong bản: tam 三. Có thể chép dư một nét.

²¹ Đoạn trong ngoặc, bản chữ Hán có thể sót; ở đây, theo những nơi khác, thêm vào cho đủ nghĩa.

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Di học Ti-lô¹ vào lúc sáng sớm ra khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Phật thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong rồi Phật ngồi im lặng.

Di học Ti-lô sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn² ngồi trên cỗ xe trắng rất đẹp, cùng với năm trăm đệ tử, vào lúc sáng sớm, khi ra khỏi Xá-vệ, đi đến một khu rừng để dạy đệ tử tụng đọc kinh thơ. Bà-la-môn Sanh Văn từ xa trông thấy Di học Ti-lô đi đến, bèn hỏi:

“Này Bà-ta³, mới sáng sớm ông đã từ đâu về vậy?”

Di học Ti-lô đáp:

“Này Bà-la-môn, tôi đi thăm Đức Thế Tôn, lễ sự, cúng dường rồi về đây.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Ông có biết Sa-môn Cù-đàm ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ chăng⁴?”

¹ Ti-lô di học 卑盧異學; Pāli: Pilotika-paribbājaka, một du sĩ trẻ, thuộc bộ tộc Vacchāyama.

² Sanh Văn 生聞, Jāṇussoṇī, các kinh tiếp theo sau. Ông được kể trong số những Bà-la-môn lỗi lạc đương thời Phật. Ông thường ở tại Xá-vệ và thường đến gặp Phật để thảo luận.

³ Bà-ta 婆磋, họ của Ti-lô. Pāli: Vacchāyana, xem chú thích ở trên.

⁴ Trong bản Pāli (M. i. 175): *taṃ kim maññati (...) samaṇassa Gotamasasa paññāveyyattiyam, paṇḍito...*, ông có nghĩ rằng Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ đặc sắc, ..., là người thông bác chăng?

Dị học Ti-lô đáp:

“Bà-la-môn, hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh [656b] học trí tuệ? Nay Bà-la-môn, nếu biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh, học trí tuệ thì cũng phải bằng Thế Tôn. Nhưng, nay Bà-la-môn, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa⁵ và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện. Thánh Chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.

“Này Bà-la-môn, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi rảo trong một khu rừng, ở giữa rừng cây nhìn thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, người ấy nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Nay Bà-la-môn, tôi cũng như vậy. Trong kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện. Thánh Chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Bốn cú nghĩa ấy là thế nào?

“Này Bà-la-môn, các luận sĩ Sát-lị có trí tuệ, học rộng, quyết định⁶, có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, Ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, Ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Nay Bà-la-môn, kinh thơ mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ nhất này. Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện. Thánh Chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Cũng vậy, những Bà-la-môn có trí tuệ, những Cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo

⁵ Tứ cú nghĩa 四句義. Pāli: *samaṇne gotame cattāri padāni*, bốn dấu chân nơi Sa-môn Gatama. Trong Pāli, *pada*, có nghĩa *dấu chân*, cũng có nghĩa là *câu văn*.

⁶ Hán: *quyết định* 決定; bản Pāli: *nipune*: tinh tế.

tác văn chương lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, Ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, Ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Nay Bà-la-môn, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ tư này.⁷ Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Này Bà-la-môn, kinh thư mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa này. Tôi do bốn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.”

Bà-la-môn Sanh Văn nói rằng:

“Này Bà-ta, ông thật hết sức cúng dường Sa-môn Cù-đàm. [656c] Do sở nhân, sở duyên này mà hoan hỷ phụng hành.”

Đệ học Ti-lô đáp:

“Này Bà-la-môn, thật vậy, thật vậy, tôi hết sức cúng dường Đức Thế Tôn ấy và cũng hết sức tán thán. Tất cả thế gian cũng nên cúng dường.”

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sanh Văn trên xe bước xuống, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hướng về rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc ba lần làm lễ:

“Nam mô Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Ba lần như vậy xong, trở lên cỗ xe trắng rất đẹp, đi đến rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Đến chỗ xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ, tiến về chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi xuống một bên, đem câu chuyện mà Bà-la-môn Sanh Văn vừa thảo luận với đệ học Ti-lô, kể lại hết cho Phật nghe.

Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

⁷ Bản Hán này nhảy hai dấu chân giữa. Nhưng dấu thứ tư ở đây lại trùng lặp với dấu thứ nhất. Ở đây, có thể sắp lại thứ tự lần lượt như sau, 1. các luận sỹ bị khuất phục; 2. các luận sỹ trở thành đệ tử; 3. các luận sỹ này xuất gia; 4. một số đạt cứu cánh trong đời này.

“Này Bà-la-môn, Dị học Ti-lô nói thí dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, chưa được trọn vẹn. Thí dụ về dấu chân voi mà được nói một cách hoàn hảo, trọn vẹn để Ta nói cho ông nghe. Hãy khéo nghe kỹ.

“Này Bà-la-môn, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi vào trong một khu rừng, ở giữa đám cây rừng, nhìn thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, ông có thể tin rằng con voi kia phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“⁸Này Bà-la-môn, thợ săn voi rành nghề ấy, hoặc giả không tin, vì rằng trong khu rừng ấy còn có một loại voi cái được gọi là Gia-lê-nậu⁹, thân thể rất cao lớn hơn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân. Lại thấy dấu chân voi rất lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“Này Bà-la-môn, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong khu rừng ấy lại còn có loại voi cái được gọi là Gia-la-lê¹⁰, thân thể rất cao lớn hơn nữa, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân này, lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi, có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân như vậy.

“Này Bà-la-môn, thợ săn rành nghề ấy, hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng này còn có loại voi cái được gọi là Bà-hòa-nậu¹¹, thân thể rất cao lớn hơn nữa, nó có dấu chân này. Bèn đi tìm dấu chân này. Lại thấy dấu chân voi to lớn. Thấy rồi có thể tin rằng con voi này phải hết sức to lớn mới có dấu chân này. Thợ săn sau khi tìm theo dấu chân, thấy dấu chân voi rất lớn. Dấu chân voi rất lớn, vuông vức, rất dài, rất rộng, toàn thể chu vi bàn chân lún sâu xuống đất, và thấy con voi ấy hoặc đi lui, hoặc đi tới, hoặc dừng lại, hoặc chạy, hoặc đứng, hoặc nằm. Thấy con voi ấy rồi bèn nghĩ ‘Nếu có dấu chân lớn ấy tất phải con voi lớn này’.

“Này Bà-la-môn, cũng vậy, nếu trong đời xuất hiện Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn; vị ấy đối với thế gian này, gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn,

⁸ Không tin là voi lớn nhất. Sẽ còn có con lớn hơn nữa.

⁹ Gia-lê-nậu 加梨[少/兔] Pāli: Kaṇerukā, tên một loại voi cái.

¹⁰ Gia-la-lê 加羅梨; Pāli: Kaḷārikā, cũng tên một loại voi cái.

¹¹ Bà-hòa-nậu 婆瑟[少/兔]; Pāli: Vāmanikā, loại voi cái rất lớn và lùn.

từ người đến người, [657a] mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trọn đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, pháp được vị ấy thuyết giảng, hoặc Cư sĩ, hoặc con nhà Cư sĩ, nghe xong được tín tâm. Sau khi ở trong chánh pháp luật của Như Lai mà được tín tâm rồi, bèn nghĩ rằng ‘Tại gia chật hẹp, đầy những nhọc nhằn bụi bặm. Đòi xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền lớn khóa chặt, không được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo’.

“Người ấy về sau hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. Vị ấy sau khi xuất gia, từ giã thân thuộc, thọ yếu pháp Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát; lại khéo thu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy những lỗi nhỏ nhặt cũng thường đem lòng lo sợ, thọ trì học giới.

“Người ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy của được cho, vui trong sự lấy của được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiệt, không trông chờ báo đáp. Người ấy đối với sự lấy của không cho, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh cần diệu hạnh thanh tịnh vô ướ, ly dục, đoạn dâm. Người ấy đối với sự phi phạm hạnh tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chắc thật, an trụ trên sự thật không di động, nói tất cả những lời đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Người ấy đối với sự nói láo, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, sống không hai lưỡi, không phá hoại người khác. Không nghe người này nói lại người kia để phá hoại người này. Không nghe từ người kia nói lại người này để phá

hoại người kia. Chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ. Không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng. Người ấy đối với hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa lời nói cộc cằn, đoạn trừ nói cộc cằn. Nếu có lời nói nào mà lời lẽ thô lỗ, tiếng dữ chói tai, mọi người không vui, mọi người không thích, khiến người khác khổ não, [657b] khiến không được định, vị ấy đoạn trừ những lời như vậy. Nếu có những lời nào mà ôn hòa, mềm mỏng, nghe lọt tai, thấm vào lòng, đáng ưa, đáng thích, khiến người khác an ổn, lời tiếng rõ ràng đầy đủ, không khiến người sợ, khiến người được định. Vị ấy nói những lời như vậy. Người ấy đối với sự nói cộc cằn, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa nói phù phiếm, đoạn trừ nói phù phiếm; nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch tịnh, nói sự ưa thích tịch tịnh, hợp sự việc, hợp thời cơ, khéo khuyến giáo, khéo khiển trách. Người ấy đối với sự nói phù phiếm, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa việc buôn bán, dẹp bỏ cân đong và đấu hộc; cũng không nhận hàng hóa, không buộc trói người, không mong đong lừa, cân thiếu, không vì lợi nhỏ mà xâm hại, gạt gẫm người. Người ấy đối với sự buôn bán, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ sự thâm nhận đàn bà góa, đồng nữ. Đối với sự thâm nhận đàn bà góa, đồng nữ, người ấy tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận nô tỳ, đoạn trừ sự thâm nhận nô tỳ. Người ấy đối với sự thâm nhận nô tỳ, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận voi, ngựa, bò, dê, đoạn trừ sự thâm nhận voi, ngựa, bò, dê. Người ấy đối với sự thâm nhận voi, ngựa, bò, dê, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận gà, heo, đoạn trừ sự thâm nhận gà, heo. Người ấy đối với sự thâm nhận gà, heo, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ sự thâm nhận ruộng vườn, quán xá. Người ấy đối với sự thâm nhận ruộng vườn, quán xá, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lìa sự thâm nhận lúa, thóc, đậu sống, đoạn trừ sự thâm nhận lúa, thóc, đậu sống. Người ấy đối với sự thâm nhận lúa, thóc, đậu sống,

tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia rượu, đoạn trừ rượu. Người ấy đối với sự uống rượu, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia giường cao rộng lớn, đoạn trừ giường cao rộng lớn. Người ấy đối với giường cao rộng lớn, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp. Người ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe; đoạn trừ ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Người ấy đối với ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia sự thâu nhận tiền bạc, đoạn trừ sự thâu nhận tiền bạc. Người ấy đối với sự thâu nhận tiền bạc, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy xa lia sự ăn quá giữa trưa, đoạn trừ sự ăn quá giữa trưa. Người ấy đối với sự ăn quá giữa trưa, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này rồi, lại sống hết sức tri túc, áo chỉ cốt che thân, ăn chỉ cốt nuôi thân, du hành đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc, cũng như con nhạn mang theo đôi cánh [657c] bay liệng trong không.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc rồi, lại thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín¹², niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng của sắc, không đắm nhiễm vị¹³ của sắc. Do nguyên nhân gì¹⁴ mà khi nhãn căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham

¹² Thường niệm bé tắc 常念閉塞. Có lẽ tương đương Pāli: *indriyesu guttadvāro*, canh chừng cửa nơi các căn.

¹³ Hán: bắt vị sắc 不味色. Pl.: *mā' nuyyañjanaggahāhī*, chớ nắm bắt tuy tướng (các chi tiết nhỏ khi nhìn thấy sắc). Pl. *anuyyañjana*: tùy tướng, tùy hình hảo; nhưng bản Hán hiểu từ *vyāñjana* là vị để nếm, gia vị hương vị.

¹⁴ Vị phần tránh có 謂忿諍故, vì sự phần nộ và tranh cãi; Hán dịch có thể nhằm vì vô nghĩa trong đoạn mạch này. Pāli: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyam asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāsutvā tassa saṃvarāya paṭipajjhāhi*, do nguyên nhân gì mà khi sống với nhãn căn không được

lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, vị ấy hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Do nguyên nhân gì mà khi ý căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ ý căn.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn rồi, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngược, nghi dung chứng chạc, khéo đáp tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thấy đều biết rõ chân chánh.

“Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, thủ hộ các căn, biết rõ chân chánh sự ra vào rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Người ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhân yên tĩnh, trải ni-sur-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm¹⁵, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Người ấy đối với tham lam, tâm được tịnh trừ.

“Cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

“Người ấy đoạn trừ năm triền cái này, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành,

phòng hộ khi ấy tham và ưu cũng các pháp ác bất thiện chảy lọt vào, nơi hãy tu tập để ngăn chặn nguyên nhân ấy. Trong bản Hán, *adhikarana*, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

¹⁵ Chánh thân chánh nguyện phản niệm bất hướng 正身正願反念不向. Pāli: *ujum kāyam paṇidhāya, parimukham satim upatthapetvā*, giữ thân ngay thẳng; dựng chánh niệm để trước mặt.

được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu an trụ.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ nơi chánh niệm, chánh trí, thân cảm lạc thọ, điều mà Thánh nói là Thánh sở xả niệm lạc trụ thất, đạt đến Tam thiên, thành tựu an trụ.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục,¹⁶ nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là [658a] toàn thiện, Thánh Chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Rồi người ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Tứ thiên, thành tựu an trụ.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh Chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Người ấy sau khi đạt đến định tâm như vậy, thanh tịnh, không uế, không phiền, nhu nhuyễn, an trụ vững vàng, đạt được bất động tâm, thú hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Người ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo, biết như thật đây là lậu, biết như thật đây là lậu tận, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo.

¹⁶ Như Lai sở khuất, sở hàn, sở phục 如來所屈 所行 所服. Pl.: *tathāgatapadam*, *tathāgatanisevitam*, *tathāgatarāñjitam*, dấu chân của Như Lai, dấu cọ sát của Như Lai, dấu cắt (bởi ngà voi) chém của Như Lai.

“Người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục, Người ấy lấy đây làm cứu cánh để nói rằng ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh Chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng’.

“Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao? Thí dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày, được trọn vẹn chăng?”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay tự quy y cho đến mạng tận¹⁷.”

Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Sanh Văn và Dị học Ti-lô sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁷ Đối chiếu kinh số 149 ở sau.

147. KINH VĂN ĐỨC¹

[658b2] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn², sau giữa trưa thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, muốn hỏi gì xin cứ hỏi.”

Bà-la-môn Sanh Văn bèn hỏi:

“Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn, tụng tập?”

Thế Tôn đáp:

“Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Này Bà-la-môn, đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Này Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng? Bác văn tụng tập có công đức chăng?”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, bác văn tụng tập có sự sai biệt, bác văn tụng tập cũng có công đức.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt gì? Có công đức gì?”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, nhưng công nghiệp của họ thất bại, không thành. Khi

¹ Không thấy các bản tương đương.

² Xem kinh số 146 trên.

những công nghiệp của họ thất bại không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình, áo nã; cũng không phát cuồng. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp mà những công nghiệp ấy thất bại không thành; dù những công nghiệp ấy đã thất bại không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nã; cũng không phát si phát cuồng, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có những gì yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nã, cũng không phát si phát cuồng. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có những gì yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt, chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình áo nã, cũng không phát si phát cuồng, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử biết rằng [658c] những tài vật sở hữu này thấy đều vô thường, nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thấy đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thấy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thấy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình sống không gia đình học đạo, này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thấy đều có thể nhẫn nại. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thấy đều có thể nhẫn nại, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc. Khi những điều không hoan lạc đã sanh, trong lòng không hề bị vương bận. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không hoan lạc; những điều không hoan lạc đã sanh, trong tâm không hề bị vương bận, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi.³ Khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bị vương bận. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi, khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề vương bận, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử khi sanh khởi ba niệm ác bất thiện là:⁴ niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử phát sanh ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này mà trong tâm không hề bị dính trước, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, [659a]cho đến chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử mà ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng rồi đoạn tận khổ biên. Này Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian và thiên thượng rồi đoạn tận khổ biên, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm,

³ Hán: khủng bố 恐怖; đây chỉ tai họa nguy hiểm.

⁴ Ba ác bất thiện niệm: ba bất thiện tâm.

nộ và si đã mông, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, và nộ si đã mông, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà⁵ thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Nay Bà-la-môn, nếu đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nay Bà-la-môn, đa văn Thánh đệ tử này với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, [659b] túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’, thì này Bà-la-môn, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, bác văn tụng tập có sự sai biệt này, có công đức này. Còn có sự sai biệt nào, còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối

⁵ Như kỳ tượng định.

thắng nữa chăng?”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này và với công đức này không còn có sự sai biệt, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa.”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời quy y cho đến tận mạng.”

Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



148. KINH HÀ KHỔ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn¹, sau giữa trưa thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Này Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi.”

Bà-la-môn Sanh Văn bèn hỏi:

“Cù-đàm, người tại gia có những sự khổ nào?² Và người xuất gia có những khổ nào?”

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

“Người tại gia vì không được tự do mà khổ. Người xuất gia vì tự do mà khổ.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, tại sao người tại gia vì không được tự do mà khổ? Và tại sao người xuất gia vì tự do mà khổ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh chẳng đều không tăng trưởng; súc mục, lúa, gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng; lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi.

“Này Bà-la-môn, nếu người xuất gia học đạo [659c] mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà có người xuất gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chất nhiều sầu bi.

¹ Xem các kinh 146, 147 trên.

² Hà khổ 欲苦; nhân đó đặt tên kinh.

“Này Bà-la-môn, như vậy người tại gia vì không được tự do mà khổ, và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, tại gia có những gì là hoan lạc? Và xuất gia học đạo có những gì là hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Tại gia vì tự do mà được hoan lạc, xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc”.

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, tại sao tại gia vì tự do mà được hoan lạc? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng. Lúc bấy giờ tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Bà-la-môn, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế, lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Bà-la-môn, như vậy người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia vì không tự do mà được hoan lạc.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại nhất định không có lợi nghĩa? Do sự kiện nào mà chư Thiên và Nhân loại tất có lợi nghĩa?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẫn nhau tất có lợi nghĩa.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, tại sao nếu chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa? Và tại sao chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh

lẫn nhau tất có lợi nghĩa?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, lúc nào Chư Thiên, nhân loại đấu tranh thù nghịch, lúc bấy giờ chư Thiên, nhân loại có ưu tư, khổ nhọc, sầu bi. Do sự kiện này mà chư Thiên và Nhân loại có nhiều ưu tư khổ nhọc, sầu bi. Nếu lúc nào chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh thù nghịch, bấy giờ chư Thiên và Nhân loại được khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này, chư Thiên và Nhân loại có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Bà-la-môn, như vậy chư Thiên và Nhân loại đấu tranh lẫn nhau tất không có lợi nghĩa. Nếu chư Thiên và Nhân loại không đấu tranh lẫn nhau tất có lợi nghĩa.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên, nhân loại nhất định không được lợi ích, phải [660a] gặp khổ nhọc? Do sự kiện nào khiến cho chư Thiên và Nhân loại tất được lợi ích, tất được hoan lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, nếu chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp, làm điều dữ, tất không được lợi ích, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại hay sống đúng như pháp, không làm dữ, tất được lợi ích, tất được hoan lạc.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống bằng phi pháp và làm điều dữ để nhất định không được lợi ích, nhất định phải khổ nhọc? Thế nào là chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp và không làm điều dữ để nhất định được lợi ích, được hoan lạc?”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, chư Thiên và Nhân loại thân làm điều phi pháp và làm điều dữ, miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ, lúc bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ tổn giảm, A-tu-la tất sẽ hưng thịnh. Này Bà-la-môn, nếu chư Thiên và Nhân loại mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân và ý làm đúng như pháp, thủ hộ miệng và ý, thì bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ hưng thịnh, A-tu-la tất sẽ tổn giảm.

Này Bà-la-môn, như vậy chư Thiên và Nhân loại nếu sống bằng phi pháp

và làm điều dữ, tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, nên quán sát ác tri thức như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Thế nào là quán sát ác tri thức như mặt trăng?”

Thế Tôn đáp:

“Như mặt trăng dần đến biến mất, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần. Nay Bà-la-môn, rồi đến một lúc mặt trăng biến mất hẳn, không còn thấy nữa. Nay Bà-la-môn, người ác tri thức đối với chánh pháp luật của Như Lai cũng có được tín tâm, nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiểu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vững chánh trí, không hướng đến pháp tùy pháp; người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, bác vãn, thí, xả, và trí tuệ cũng mất luôn.

Này Bà-la-môn, cho đến lúc thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt, cũng như mặt trăng mất hút. Nay Bà-la-môn, như vậy hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, nên quán sát thiện tri thức như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.”

Bà-la-môn Sanh Văn lại hỏi:

“Cù-đàm, [660b] thế nào là quán sát thiện tri thức như mặt trăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, cũng như mặt trăng trong thời mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Nay Bà-la-môn, cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Nay Bà-la-môn, cũng vậy, thiện tri thức đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm,

người ấy được tín tâm rồi, sau đó lại có hiểu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đến pháp tùy pháp. Người ấy lúc bấy giờ tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Nay Bà-la-môn, cho đến một lúc, thiện pháp nơi thiện tri thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Nay Bà-la-môn, như vậy hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng này:³

*Như thể trăng tròn không bợn,
Du hành trong khoảng hư không;
Sáng lấp muôn ngàn tinh đẩu,
Rạng ngời một cõi mệnh mông.*

*Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung;
Sáng lấp trần gian bốn sên,
Rạng ngời thí xả mệnh mông.*

*Như thể đại long thần lực,
Kéo mây, nổi sóng, điện giăng,
Mưa đổ nước trào lai láng,
Tràn đầy mặt đất mệnh mông.*

*Cũng vậy, tín tâm, bác văn,
Thi ân, độ lượng, bao dung,
Ấm thực cho người no đủ,
Hằng khuyên thí xả gia tăng.*

*Như thể sấm truyền vang dội,
Như trời hắt trận mưa rào;
Phước thí như mưa quang đại,
Cơn mưa thí chủ dăng cao.*

*Đời này tiền tài, danh dự,
Đời sau cõi thiện sanh lên,
Phước báo người này lãnh thọ,*

³ Cf. A. 5. 31 Sumanā (iii. 35).

Chết rồi tất sẽ sanh thiên.

Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁴



⁴ Bản Hán, hết quyển 36.

149. KINH HÀ DỤC

[660c2] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn, sau giữa trưa thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám trình bày.”

Đức Thế Tôn nói:

“Ông muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi rằng:

“Cù-đàm, người Sát-lị ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập bằng cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì¹?”

Thế Tôn đáp:

“Người Sát-lị ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm dao², y cứ trên nhân dân³, lấy tự do làm mục đích.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Người Cư sĩ ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Người Cư sĩ ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kỹ thuật. Y cứ trên nghề nghiệp. Lấy sự cứu cánh của nghề nghiệp làm mục đích”.

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

¹ Hán: hà dục hà hành hà lập hà y hà ngật 何欲何行何立何依何訖. Pāli (A. iii. 363): *kim-adhippayā kim-upavicārā kim-adhiṭṭhānā kim-abhinivesā kim-pariyosānā*, ham muốn gì, tâm niệm gì (cận hành), y cứ gì, tham vọng gì, cứu cánh gì?

² Sở lập dĩ đao 所立以刀. Pāli: *balādhīṭṭhānā*, chấp cứ sức mạnh. Có lẽ bản Hán chép nhầm *đao* 刀 thay vì *lực* 力.

³ Y ư nhân dân 依於人民. Pāli: *pathavībhīnivesā*, tham vọng cõi đất (chinh phục).

“Cù-đàm, đàn bà ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Đàn bà ước muốn được đàn ông. Thực hành sự trang điểm. Thiết lập bằng con cái. Y cứ trên sự không đối thủ⁴. Lấy tự do làm mục đích.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Cù-đàm, trộm cướp ước muốn cái gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Trộm cướp ước muốn lấy của không cho. Thực hành nơi chỗ lén lút. Thiết lập bằng gươm dao. Y cứ nơi bóng tối. Lấy sự không bị khám phá làm mục đích “.

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Cù-đàm, người Bà-la-môn ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Người Bà-la-môn ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kinh thơ⁵. Y cứ trên trai giới⁶. Lấy Phạm thiên làm mục đích.”

Bà-la-môn Sanh Văn hỏi:

“Sa-môn ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp:

“Sa-môn ước muốn được chân lý⁷, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng giới, y cứ trên vô xứ⁸, lấy Niết-bàn làm mục đích.”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn,

⁴ Vô đối 無對. Pāli: *asapatī*, không vợ nhỏ của chồng.

⁵ Pāli: *mantadhiṭṭhānā*, chấp cứ chú thuật.

⁶ Hán: trai giới 齋戒, cần hiểu là trai tự hay tế tự. Pāli: *yaññābhīnivesā*.

⁷ Hán: chân đế 真諦. Pāli: *khantisoraccāhippayā*, nhẫn nhục và nhu hòa.

⁸ Pāli: *ākiñcanābhīnivesā*, vô sở hữu, không có gì.

nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng tận.”

Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Sanh Văn sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



150. KINH UẤT-SẦU-CA-LA

[661a2] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trú trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la¹, sau giữa trưa, thông dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Thế Tôn nói:

“Hãy cứ tùy ý mà hỏi.”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la bèn hỏi rằng:

“Thưa Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập bốn loại phụng sự² cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Bà-la-môn, loại phụng sự cho Sát-lị, cho Cư sĩ³, cho Công sư⁴.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại phụng sự cho Bà-la-môn, tức là Bà-la-môn phải phụng sự Bà-la-môn; Sát-lị, Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự Bà-la-môn. Này Cù-đàm, bốn chủng tánh này phải phụng sự Bà-la-môn.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại phụng sự cho Sát-lị tức là Sát-lị phải phụng sự cho Sát-lị; Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự cho Sát-lị. Này Cù-đàm, ba chủng tánh này phải phụng sự Sát-lị.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, tức là Cư sĩ phải phụng sự Cư sĩ, Công sư cũng phải phụng sự Cư sĩ. Này Cù-đàm, hai chủng tánh này phải phụng sự cho Cư sĩ.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại phụng sự cho Công sư, tức là Công sư phải phụng sự Công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ

¹ Uất-sầu-ca-la 鬱瘦歌邏; Pāli: Esukārī.

² Pl. (M. i. 177): *catasso pāricariyā*, bốn cấp phục vụ.

³ Cư sĩ 居士; Pāli: Vessa (Phê-xá), giai cấp thứ dân. Nơi khác, từ *Cư sĩ* đồng nhất với Pāli: gahapati, gia chủ, hay trường giả.

⁴ Công sư 一師; Pāli: Sudda (Thù-đa-la), cùng đình hay nô lệ.

trung phải phụng sự Công sư? Duy chỉ có Công sư phụng sự Công sư.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Bà-la-môn, các Bà-la-môn có được nhận biết⁵ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh này; thiết lập loại phụng sự cho Bà-la-môn, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lị, cho Cư sĩ, cho Công sư?”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la đáp:

“Không biết rõ, Cù-đàm. Nhưng các Bà-la-môn tự nói như vậy, ‘Ta ở trong đời này, bao gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời, là Bà-la-môn thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Bà-la-môn, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lị, thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, thiết lập loại phụng sự cho Công sư, nhưng không được nhận biết.’ ”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng ‘Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi’. Này Bà-la-môn, người nói cho các Bà-la-môn ấy cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Bà-la-môn không được nhận biết khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại phụng sự cho Bà-la-môn, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lị, cho Cư sĩ, cho Công sư.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, [661b] phụng sự như thế nào? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà chỉ có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng; ông nói loại phụng sự này chẳng? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt; ông nói loại phụng sự này chẳng?”

“Này Bà-la-môn, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng?”

“Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng?”

“Này Bà-la-môn, nếu phụng sự Bà-la-môn, do sự phụng sự này mà có sự

⁵ Hán: tự tri 自知, ở đây nên hiểu là “được đồng ý” theo nghĩa được thí dụ dưới. Pāli: *kim pana... sabbo loko... etad abbhanujānāti*, có phải tất cả thế gian đều đồng ý điều này?

ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?

“Phụng sự Sát-li, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?”

Uất-sầu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Nếu tôi phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên theo loại phụng sự này.

“Nếu phụng sự Sát-li, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Nếu phụng sự Sát-li, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.”

Thế Tôn nói:

“Này Bà-la-môn, nếu lại có một Bà-la-môn đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, rồi Ta hỏi Bà-la-môn ấy rằng: ‘Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự, do loại phụng sự ấy mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng? Nếu có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng? Này Bà-la-môn, nếu phụng sự Bà-la-môn, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng? Phụng sự Sát-li, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng? Nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng? Phụng sự Sát-li, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?’

“Này Bà-la-môn, nếu người Bà-la-môn ấy không phải ngu, không phải si, không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, người ấy sẽ trả lời

Ta rằng: ‘Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.’ ”

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, văn, thí xả và tuệ. Loại phụng sự này chăng? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả⁶ và trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Này Bà-la-môn, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Này Bà-la-môn, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng? Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ. Loại phụng sự này chăng?”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn,

⁶ Nguyên Hán: thứ cơ 庶幾, chỉ sự rộng lượng, hay cho người khác.

thí xả, trí tuệ, tôi không nên phụng sự như vậy. Nay Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ, tôi nên phụng sự như vậy.”

Thế Tôn [662a] nói:

“Nay Bà-la-môn, nếu có một Bà-la-môn đến đây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại và Ta hỏi Bà-la-môn ấy rằng, ‘Nay Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chẳng? ‘Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chẳng?’

“Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chẳng? Nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chẳng? Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; loại phụng sự này chẳng?’

“Nay Bà-la-môn, nếu Bà-la-môn này không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tất cũng sẽ trả lời Ta như vậy, rằng: ‘Nay Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Nay Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi không nên phụng sự như vậy. Nay Cù-đàm, nếu phụng sự Bà-la-môn và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lị, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà gia tăng tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ; tôi nên phụng sự như vậy.’”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la bạch rằng:

“Bà-la-môn thiết lập bốn loại tài vật tự hữu⁷ cho bốn chủng tánh, tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Bà-la-môn, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lị, Cư sĩ, Công sư.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại tài vật tự hữu cho Bà-la-môn là, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương rằng, tài vật tự hữu của Bà-la-môn do khát cầu⁸. Nếu Bà-la-môn khinh mạn sự khát cầu, tức là khinh mạn [662b] tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò không thể trông chừng bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Bà-la-môn là do khát cầu. Nếu Bà-la-môn khinh mạn sự khát cầu tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lị là, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Sát-lị là cung tên. Nếu Sát-lị khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Nếu khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật của Sát-lị là cung tên, nếu Sát-lị khinh mạn cung tên tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại tài vật tự hữu cho Cư sĩ là, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp⁹. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Cư sĩ là nông nghiệp. Nếu Cư sĩ khinh mạn nông nghiệp tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.

“Này Cù-đàm, Bà-la-môn thiết lập loại tài vật tự hữu cho Công sư là, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai¹⁰. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài

⁷ Pāli: *sandhana*, tài sản, hay tư hữu.

⁸ Pāli: *bhikkhacāriya*, sự khát thực.

⁹ Hán: điền tác 田作. Pāli: *kasigorakkha*, cày ruộng và nuôi bò.

¹⁰ Hán: ma 麻. Bản Pāli: *asitabyābhagī*, lưỡi liềm và đòn gánh.

vật tự hữu tức là thất lợi. Cũng như người chăn bò mà không thể trông chừng bò được, tức là thất lợi. Cũng vậy, này Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương tài vật tự hữu của Công sư là gai. Nếu Công sư khinh mạn gai tức là khinh mạn tài vật tự hữu. Khinh mạn tài vật tự hữu tức là thất lợi.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Bà-la-môn, các Bà-la-môn có tự nhận biết¹¹ khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh, nghĩa là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Bà-la-môn, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lị, cho Cư sĩ, cho Công sư chăng?”

Bà-la-môn Uất-sấu-ca-la đáp rằng:

“Không tự nhận biết, bạch Cù-đàm, nhưng các Bà-la-môn tự nói rằng ‘Ta ở trong đời này, bao gồm chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời, Bà-la-môn, không được nhận biết khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức là thiết lập loại tài vật tự hữu cho Bà-la-môn, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lị, cho Cư sĩ, cho Công sư.’”

Thế Tôn nói rằng:

“Này Bà-la-môn, cũng như một người đưa cho một người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng ‘Này ông bạn, hãy ăn và hãy trả tiền cho tôi. Này Bà-la-môn, người nói cho các Bà-la-môn cũng giống như vậy’. Vì sao? Vì các Bà-la-môn không được nhận biết khi thiết lập bốn loại tài vật tự hữu cho bốn chủng tánh tức thiết lập loại tài vật tự hữu cho Bà-la-môn, thiết lập loại tài vật tự hữu cho Sát-lị, cho Cư sĩ, cho Công sư.

“Nhưng, này Bà-la-môn, Ta được nhận biết, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.”¹²

Rồi Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý người nghĩ sao? Có trường hợp nào mà hư không này chỉ là sự không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Bà-la-môn mà thôi, chứ không đối với Sát-lị, Cư sĩ hay

¹¹ Xem cht.5 trên.

¹² Pl.: *ariyam kho aham lokuttaram dhammam purissa sandhanam paññapemi*, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp xuất thế gian.

Công sư?”

Bà-la-môn Uát-sấu-ca-la đáp:

“Này Cù-đàm, hư không này vốn không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Bà-la-môn, đối với Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.”

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta tự nhận biết, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý ngươi nghĩ sao? Có trường hợp nào chỉ riêng Bà-la-môn mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; còn Sát-lị, Cư sĩ và Công sư thì không thể chăng?”

Bà-la-môn Uát-sấu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, Bà-la-môn có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh. Sát-lị, Cư sĩ, Công sư cũng vậy.”

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta tự nhận biết, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, nếu những người thuộc trong chủng tánh khác nhau cùng đến đây và giả sử có một người nói với những người ấy rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây, nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm¹³ đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ’. Này Bà-la-môn, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lị hay Bà-la-môn mới có thể mang bột tắm đi tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho sạch sẽ và những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay không Công sư không thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ chăng? Hay tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ?”

¹³ Nguyên Hán: *tháo đậu* 澡豆.

Bà-la-môn Uát-sấu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ.”

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta tự nhận biết, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trong trăm chủng tộc khác nhau cùng đến đây và giả sử có một người nói với họ rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn, thì những người ấy mới có thể dùng cây chiên đàn và sa-la thật khô làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy’. Này Bà-la-môn, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn, những người này mới có thể dùng cây chiên đàn và sa-la thật khô làm mỗi lửa, lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Còn những người thuộc chủng tộc Cư sĩ hay Công sư phải lấy ván máng heo, máng chó khô, cây Y-lan-đàn và các thứ gỗ xấu khác để làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Hay tất cả những người trong trăm chủng tộc khác đều có thể dùng bất cứ loại cây nào làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy?”

Bà-la-môn Uát-sấu-ca-la đáp rằng:

“Cù-đàm, tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy.”

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta tự nhận biết, thấu triệt khi thiết lập loại tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, những người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Có trường hợp nào chỉ độc nhất loại này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng,

có thể dùng vào công việc lửa? Hay chỉ độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa? Hay tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, có thể dùng vào việc lửa?”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la đáp rằng:

“Cù-đàm, những người trong trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Tất cả những thứ lửa ấy đều có [663b] ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào việc lửa. Nếu nói độc nhất chỉ có loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào việc lửa, trường hợp này không thể có. Và nếu nói rằng độc nhất loại lửa kia không có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa, trường hợp này cũng không thể có. Nhưng tất cả thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào việc lửa.”

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt khi thiết lập tài vật tự hữu cho mọi người. Đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giáo đạo, pháp thiện thú.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-môn, ý ngươi nghĩ sao? Nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói. Có trường hợp nào mà ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này khác với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia khác nhau chăng?”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la đáp:

“Cù-đàm, nếu những người trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy, và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói, thì tôi đối với ngọn, với màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia không cho rằng có sự khác nhau.”

Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, lửa mà Ta đạt được, sự không phóng dật mà Ta đạt được có khả năng đốt cháy sự phóng dật và mạn công cao. Ta đối với lửa này hay lửa kia, không hề chủ trương có sự sai biệt.”

Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thế, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến mạng tận.”

Phật thuyết như vậy. Bà-la-môn Uất-sầu-ca-la sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một số đông Bà-la-môn ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này:

“Dòng Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, [663c] ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói, bốn chủng tánh thầy đều thanh tịnh. Ông tuyên bố như vậy, hiền thị như vậy.”

Những vị ấy nghĩ như thế này:

“Này Chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vấn?”

Họ lại nghĩ như thế này:

“A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma- nạp¹ có cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh² thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu,³ nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển⁴, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm và cú thuyết⁵. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma- nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cất vấn. Này Chư Hiền, hãy

¹ A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma- nạp 阿攝憇邏延那摩納. No 71: An-ba-la-diên Đại thánh (?) 頽波羅延大聖, khoảng 15 hay 16 tuổi. Pāli: Āssalāyana-mānava, mới 16 tuổi thôi.

² Thọ sanh thanh tịnh 受生清淨; đây nên hiểu là huyết thống thuần chủng, không lai tạp. Pl.: *sujāto*.

³ Không bị hiềm nghi về huyết thống.

⁴ Tứ điển kinh, chỉ bốn bộ Vệ-đà.

⁵ Nhân duyên, chánh văn, hí ngữ, cú thuyết 因緣正文戲五句說. Theo Pāli: *sanighaṇḍu* (từ vựng), *keṭubha* (lễ nghi), *ākkharappabheda* (ngữ nguyên), *itihāsa* (hí truyện), *padako* (cú thuyết), *veyyakaraṇo* (văn phạm).

đến A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp để nói sự kiện này. Tùy theo những gì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói, chúng ta sẽ ghi nhận.”

Rồi số đông các Bà-la-môn ở Câu-tát-la đi đến chỗ A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cùng chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói rằng:

“Này Ma-nạp, chúng tôi một số đông các Bà-la-môn ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này, ‘Dòng Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói: bốn chủng tánh thấy đều thanh tịnh. Ông tuyên bố như vậy, hiển thị như vậy’. Những vị ấy nghĩ như thế này, ‘Này Chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?’ Họ lại nghĩ như thế này, ‘A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp được cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện ngũ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn.’ ”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói với các Bà-la-môn rằng:

“Này Chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nếu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cật vấn.”

Số đông Bà-la-môn ở Câu-tát-la [664a] nói rằng:

“Này Ma-nạp, người chưa bị khuất phục thì chưa thể tự mình chịu khuất phục trước. Vì sao? Vì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp do cha mẹ sinh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn bộ kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bèn im lặng nhận lời số đông Bà-la-môn ở Câu-tát-la.

Rồi A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cùng với số đông Bà-la-môn ở Câu-tát-la đến chỗ Phật, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên mà bạch

rằng:

“Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng?”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này Ma-nạp, hãy tùy ý mà hỏi.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp hỏi rằng:

“Thưa Cù-đàm, các Bà-la-môn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’. Nhưng chưa biết Sa-môn Cù-đàm sẽ nói như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

“Này Ma-nạp, ngươi có nghe nói ở nước Du-ni⁶ và Kiếm-phù⁷ chỉ có hai chủng tánh là chủ nhân và tôi tớ; sau khi làm chủ nhân, lại trở thành tôi tớ; sau khi làm tôi tớ lại trở thành chủ nhân chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, con nghe tại hai nước Du-ni và Kiếm-phù có hai chủng tánh, chủ nhân và tôi tớ; chủ nhân làm tôi tớ, tôi tớ làm chủ nhân.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được

⁶ Du-ni 餘尼; Pāli: Yoni, tên một nước ở Tây bắc Ấn-độ.

⁷ Kiếm-phù 劍浮; Pāli: Kamboja, tên nước, thuộc địa phương A-phú-hãn ngày nay.

hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ độc nhất có [664b] Bà-la-môn đối với hư không này mà không bị dính, không bị trôi, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; còn Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy sao?⁸”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn đối với hư không này không bị dính, không bị trôi, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Phải chăng chỉ có Bà-la-môn mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh? Còn Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư cũng như vậy.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và

⁸ Xem kinh số 150 trên.

tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, ‘Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước mà tắm, tắm rửa thật sạch các cấu bẩn’. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa cho thật sạch các cấu bẩn chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chúng tộc Công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước mà tắm rửa cho thật sạch các cấu bẩn? Hay tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau vẫn có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na [664c] Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn.

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu có người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng, ‘Các người hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lị hay chủng tộc Bà-la-môn, chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiêm-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên’. Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lị và chủng tộc Bà-la-môn, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiêm-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên chẳng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này cũng sẽ dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiêm-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên? Hay những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gì mà làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào [665a] làm môi lửa rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên, phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng

vào các công việc do lửa đem lại? Hay chỉ độc nhất thứ lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay độc nhất thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng, không thể dùng vào các công việc do lửa đem lại? Hay tất cả thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều dùng bất cứ loại cây nào làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên. Tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại. Nếu độc nhất chỉ thứ lửa kia có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc của lửa, trường hợp này không thể có. Nếu độc nhất chỉ có thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc của lửa, cũng không có trường hợp đó. Bạch Cù-đàm, nhưng tất cả những thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Bà-la-môn có thú hướng chân chánh thì Bà-la-môn ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chánh cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Bà-la-môn vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, nếu thân này được thọ sanh vào đâu, thì nó được kể thuộc loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Bà-la-môn, nó được kể là chủng tộc Bà-la-môn. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lị, Cư sĩ hay Công sư, nó được kể là chủng tộc Công sư.

“Này Ma-nạp, cũng như tùy theo lửa được phát sanh như thế nào thì được kể thuộc loại đó, tức đó là tên gọi của lửa. Nếu nhân nơi cây mà phát sanh thì nó được kể là loại lửa cây. Nếu nhân nơi cỏ rác hay củi mà phát sanh thì nó được kể là loại lửa cỏ, lửa rác, lửa củi.

“Nhu vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể thuộc loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Bà-la-môn, nó được gọi là chủng tộc Bà-la-môn. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-ly, Cư sĩ hay Công sư thì nó được gọi là chủng tộc Công sư.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu con gái của Sát-ly cùng con trai của Bà-la-môn hiệp hội với nhau, họ do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không [665b] giống cả hai. Ý người nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Sát-ly chăng? Là Bà-la-môn chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, con gái của Sát-ly cùng con trai của Bà-la-môn hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Con không nói là Sát-ly, cũng không nói là Bà-la-môn. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói là thân khác”.⁹

“Này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Bà-la-môn thì nó được kể là chủng tộc Bà-la-môn. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-ly, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư.”

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, nếu con gái của Bà-la-môn cùng con trai của Sát-ly hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Ý người nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Bà-la-môn chăng? Là Sát-ly chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, con gái của Bà-la-môn cùng con trai của Sát-ly hiệp hội

⁹ No 71: cũng không biết gọi nó là chủng tánh gì. Pl. (M. ii.153): *khattiyo'ti pi vattabbo brāhmaṇo'ti pi vattabbo*, nó được gọi là sát-ly, cũng được gọi là bà-la-môn.

với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha nó, hoặc giống mẹ nó, hoặc không giống cả hai. Con không nói nó là Bà-la-môn, cũng không nói nó là Sát-ly. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói nó là thân khác.”

“Nhu vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Bà-la-môn thì nó được kể là chủng tộc Bà-la-môn. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-ly, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu một người có nhiều ngựa cái, người ấy thả một con lừa đực vào trong đám ngựa cái ấy, chúng cùng con lừa đực hiệp hội, do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con ngựa cái. Ý người nghĩ sao? Nó là con lừa chăng? Là con ngựa chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu ngựa và lừa hiệp hội với nhau, do sự hiệp hội này mà sau đó sanh ngựa cái. Con không nói nó là lừa, cũng không nói nó là ngựa. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói nó là con la.”

“Nhu vậy, này Ma-nạp, thân này được thọ sanh vào đâu thì nó được kể vào loại đó. Nếu sanh trong chủng tộc Bà-la-môn thì nó được kể là chủng tộc Bà-la-môn. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-ly, Cư sĩ hay Công sư thì nó được kể là chủng tộc Công sư.”

Đức Thế Tôn lại nói rằng:

“Này Ma-nạp, thuở xưa có nhiều vị Tiên nhân¹⁰ sống trên một chỗ cao của rừng vắng. Họ sinh ra ác kiến như thế này, ‘Dòng Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không có ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, [665c] sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’. Khi ấy, A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la¹¹ nghe có nhiều Tiên nhân sống trên một chỗ cao của rừng vắng đã sinh ra ác kiến như thế này rồi, ông khoác áo ca-sa, quần khăn lên đầu, chống gậy,

¹⁰ No 71: bảy Bà-la-môn.

¹¹ A-tu-la tiên nhân Đề-tì-la 阿私羅仙人提鞞邏. No 71: Đạo nhân A-hức 道人阿洳. Pāli: Asita-Devala-Isi.

cầm lọng, mang guốc vải trắng¹², không theo cửa vào, đến trụ xứ của Tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất.

“Rồi trên chỗ cao của khu rừng vắng, nói có nhiều Tiên nhân sống chung này, có một Tiên nhân thấy A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la khoác áo ca-sa, quần khăn lên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang guốc vải trắng, không theo cửa vào, đến trụ xứ của Tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất. Thấy vậy rồi, ông này bèn đến chỗ những Tiên nhân sống chung trên chỗ cao của khu rừng này và nói như thế này, ‘Này Chư Hiền, nay có một người khoác áo ca-sa, quần khăn lên đầu, chống gậy cầm lọng, mang guốc vải trắng, không theo cửa vào, đến trụ xứ của Tiên nhân, đi kinh hành nơi tịnh thất chúng ta nên đến mà chú thuật nó rằng, ‘Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!’

“Rồi số đông các Tiên nhân sống chung trên chỗ cao của khu rừng vắng bèn đến chỗ A-tu-la Tiên nhân Đề-bệ-la. Đến rồi, dùng thần chú: ‘Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!’, như vậy, như vậy... rồi, nhưng vị ấy sắc mặt càng thêm rạng rỡ, thân thể càng xinh tươi.

“Chúng Tiên nhân kia liền nghĩ như thế này, ‘Trước kia chúng ta dùng thần chú ‘Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!’, mà hễ chú đến người nào thì người ấy trở thành tro. Nay chúng ta chú người này ‘Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!’, chúng ta dùng đúng theo thần chú ấy để chú người này, mà sao sắc mặt y càng thêm rạng rỡ, thân thể càng xinh tươi? Ta nên hỏi xem’.

“Họ bèn hỏi:

“–Ông là ai?

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la đáp rằng:

“–Này Chư Hiền, các người có nghe đến A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la chăng?

Đáp rằng:

“–Chúng tôi có nghe đến A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la.

¹²Bach y tiệp 白衣屨. Ở trên, nói: “mặc áo ca-sa” nên đây không thể là “áo trắng”. *Tiếp*, bản Cao-li chép là biến 變. Trong bản Pāli: *upāhanā ārohitvā*, mang dép cỏ.

“Lại nói rằng:

“–Chính là ta đó.

“Các vị Tiên nhân kia liền cùng nhau xin lỗi A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la rằng:

“–Mong tha thứ cho. Vì chúng tôi không biết Tôn giả là A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la.

“Khi ấy, A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la nói với các vị Tiên nhân kia:

“–Ta đã tha thứ rồi. Có thật các người sinh ác kiến này, ‘Dòng Bà-la-môn là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen. Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, [666a] được hóa sanh bởi Phạm thiên’ không?

“Các Tiên nhân kia đáp rằng:

“–Quả như vậy.

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la lại hỏi các Tiên nhân rằng:

“–Các người có biết rõ cha mình chẳng?

“Các Tiên nhân đáp rằng:

“–Biết rõ. Vị Bà-la-môn ấy lấy vợ là người Bà-la-môn, chứ không lấy người không phải Bà-la-môn. Cha của cha ấy, cho đến bảy đời đều lấy vợ là người Bà-la-môn, không lấy người không phải Bà-la-môn.

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la lại hỏi các Tiên nhân kia rằng:

“–Các ông có biết rõ mẹ mình chẳng?

“Các Tiên nhân kia đáp rằng:

“–Biết rõ. Vị Bà-la-môn ấy lấy chồng là người Bà-la-môn, không lấy người không phải Bà-la-môn. Mẹ của mẹ ấy, cho đến bảy đời mẹ, những vị Bà-la-môn ấy đều lấy chồng người Bà-la-môn, không lấy người không phải Bà-la-môn.

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la lại hỏi các Tiên nhân rằng:

“–Các người có biết rõ sự thọ thai chẳng?

“Các Tiên nhân kia đáp rằng:

“–Biết rõ. Do ba sự hiệp hội mà thọ thai, là sự hiệp hội của cha mẹ, thời gian người mẹ có thể thọ thai¹³ và hương ẩm đã đến¹⁴. Nay A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la, phải hội đủ ba sự này mà có sự nhập thai mẹ.

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la lại hỏi các Tiên nhân:

“–Nhưng có thể biết sự thọ sanh này là trai hay gái? Biết nó từ đâu đến? Từ chủng tộc Sát-lị, từ Bà-la-môn, Cư sĩ hay Công sư đến chăng? Từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà đến chăng?

“Các Tiên nhân kia đáp rằng:

“–Không biết.

“A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la lại nói với các Tiên nhân kia rằng:

“–Này Chư Hiền, các người không thấy nó, không biết nó. Các người không biết thọ thai ai, nó từ đâu đến, nó là trai hay gái; nó từ Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hay Công sư; nó từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, nhưng các người lại nói như thế này, ‘Dòng Bà-la-môn chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Bà-la-môn trắng, ngoài ra đều là đen, Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh. Bà-la-môn con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên’.

“Này Ma-nạp, các Tiên nhân cùng sống chung với nhau trên chỗ cao của rừng vắng kia bị A-tu-la Tiên nhân Đề-tì-la khéo dạy, khéo quở trách nên không thể chủ trương Bà-la-môn là thanh tịnh, huống nữa là các thầy trò người, những người luống mặc áo da, áo cỏ.”

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bị Thế Tôn chỉ trích ngay mặt, trong lòng sầu não, cúi đầu im lặng, không biện bạch được một lời.

Đức Thế Tôn sau khi chỉ trích A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, Ngài lại muốn khuyên cho Ma-nạp được vui vẻ, bèn hỏi:

“Này Ma-nạp, có Bà-la-môn trai tự, bố thí; người này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi, hai đứa không học hỏi. [666b] Ý Ma-nạp nghĩ sao? Người Bà-la-môn này sẽ dành cho ai trước tiên chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất?”

¹³ Dịch thoát ý; nguyên Hán: vô mãn kham nại 無滿堪奈. Pāli: *mātā ca tunī hoti*, người mẹ trong thời có kinh.

¹⁴ Pāli: *gandhabbo ca paccupaṭṭhito*, hương ẩm hiện diện.

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, người Bà-la-môn ấy tất dành cho hai người con ham học hỏi của mình trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn cũng bậc nhất.”

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

“Này Ma-nạp, lại có một Bà-la-môn trai tự, bố thí; Bà-la-môn này có bốn người con; hai đứa ham học hỏi nhưng không tinh tấn, thích làm việc ác; còn hai đứa kia tuy không học hỏi, nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện. Ý Ma-nạp nghĩ sao? Bà-la-môn này trước tiên dành cho ai về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn ấy tất dành cho hai người con tuy không học vấn nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn cũng bậc nhất.”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này Ma-nạp, trước kia người khen ngợi sự học hỏi, sau đó người khen ngợi sự trì giới. Này Ma-nạp, như vậy Ta nói bốn chúng tánh thủy đều thanh tịnh, Ta tuyên bố và hiển thị, người cũng nói bốn chúng tánh này đều thanh tịnh, tuyên bố và hiển thị.”

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật.

Bấy giờ đại chúng càng cao giọng mà nói rằng:

“Sa-môn Cù-đàm thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Bởi vì Sa-môn Cù-đàm nói ‘Bốn chúng tánh thủy đều thanh tịnh, tuyên bố và hiển thị’ khiến cho A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cũng nói theo rằng ‘Bốn chúng tánh thủy đều thanh tịnh, với sự giảng giải hiển thị.’”

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết tâm niệm đại chúng ấy¹⁵, liền bảo:

“Như vậy đủ rồi, này A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, chỉ cần trong lòng thấy thỏa mãn là được. Hãy trở về ngồi lại chỗ cũ.

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi

¹⁵ Ngài biết họ cố ý cản trở thanh niên này theo Phật.

qua một bên.

Đức Thế Tôn bèn thuyết pháp cho nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hơn hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng.

Khi ấy, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ số đông các Bà-la-môn ở Câu-tát-la trở về chưa bao xa, dùng đủ thứ ngôn ngữ khiến trách [666c] A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp:

“Người muốn làm gì? Muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người đi vào rừng để tìm con mắt, nhưng người lại bị mất con mắt mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, người cũng vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người vì muốn uống nước nên xuống ao, nhưng ngược lại bị khát nước mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, người cũng như vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp, người muốn làm gì?”

Bấy giờ, A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói với số đông Bà-la-môn ở Câu-tát-la rằng:

“Này Chư Hiền, tôi đã nói trước rồi, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Ai thuyết pháp đúng như pháp, người ấy không thể cất vấn.”

Phật thuyết như vậy. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁶



¹⁶ Bản Hán, hết quyển 37.

PHẨM 14: BÀ-LA-MÔN (II)

TỤNG NGÀY THỨ TƯ

Phân biệt tụng

鸚鵡鬚閑提 婆羅婆遊堂
須達梵波羅 黃蘆園頭那
阿伽羅訶那 阿園那梵摩

Kệ tóm tắt:

Anh vũ, Man-nhàn-đề,
Bà-la-bà du đường,
Tu-đạt, Phạm-ba-na,
Hoàng lô viên, Đầu-na,
A-già-la-ha-na,
A-lan-na, Phạm-ma.

152. KINH ANH VŨ

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG

155. KINH TU-ĐẠT-ĐA

156. KINH PHẠM BA-LA-ĐIÊN

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN

158. KINH ĐẦU-NA

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA

160. KINH A-LAN-NA

161. KINH PHẠM-MA

152. KINH ANH VŨ (1)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật trú thành Vương xá, ở trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, Ma-nạp Anh Vũ, con trai ông Đô-đề¹, có một ít việc phải làm nên đến trọ tại nhà một người cư sĩ trong [667a] thành Vương xá. Tại đây, Ma-nạp Anh Vũ con trai ông Đô-đề nói với người cư sĩ mà mình ngụ trọ: “Có Sa-môn, Bà-la-môn nào, bậc Tông chủ, bậc Thầy của mọi người, thống lãnh một số đông đồ chúng, rất được mọi người tôn kính, để tôi tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Có. Nay Thiên ái², có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lia bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, chứng quả Vô thượng Chánh giác³. Nay Thiên ái, ông có thể tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ.”

Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi:

“Sa-môn Cù-đàm hiện nay ở chỗ nào? Tôi muốn đến gặp.”

Cư sĩ đáp:

“Sa-môn Cù-đàm hiện ở tại rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa, trong thành Vương xá. Ông có thể đến đó để gặp.”

Khi ấy, Ma-nạp Anh Vũ liền rời khỏi chỗ trọ, nhà cư sĩ, thẳng đến rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Ma-nạp Anh Vũ từ xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ khác thường, như ánh trăng giữa rừng sao sáng chói, lóng lánh như khối núi vàng, đầy đủ tướng tốt, vòi vọi oai nghi, các căn vắng lặng, an định, không một mây may ngăn ngại, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc.

Sau khi thấy như thế, Ma-nạp liền đến trước Phật và bạch:

“Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con mới dám

¹ Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử 鸚鵡摩納都題子. Pāli. M. 99: Subho māṇavo todeyyaputto. Xem kinh 170.

² Thiên ái 天愛. Pāli: Devānampiya, người được Trời thương; thường dùng để xưng hô với người ngu khờ. Bản Pāli: bhante: này ông bạn.

³ Trong bản Hán: Vô thượng Chánh tận giác 無上正盡覺.

trình bày.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, muốn hỏi, cứ tùy ý.”

Ma-nạp Anh Vũ hỏi:

“Bạch Cù-đàm, như con được nghe⁴, ‘Nếu sống tại gia thì được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp⁵. Người xuất gia học đạo thì không như vậy.’ Con xin hỏi Cù-đàm, việc đó như thế nào?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Ma-nạp, sự kiện đó không nhất định⁶.”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện này cho con được rõ.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi rõ.”

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh; Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, kẻ ấy không được hiểu biết tốt, không biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, Ta không khen ngợi kẻ ấy.

“Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh, Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu [667b] có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo

⁴ Bản Pāli: *Brāhmaṇā bho Gotama evam āhaṃsu*, “Các người Bà-la-môn nói như vậy...”

⁵ Hán: tiện đắc thiện giải, tắc tri như pháp 便得善解則知如法. Pāli (M.ii. 197): *gahaṅṅho ārādhako hoti nāyaṃ dhammaṃ kusalam*, người tại gia đạt được pháp thiện chánh lý.

⁶ Bản Pāli: *vibhajjvādo kho aham ettha māṇava nāham ekaṃsavādo*, Ta thuyết có phân tích. Ta không thuyết pháp theo một chiều.

thực hành chánh hạnh, kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, Ta khen ngợi kẻ ấy.

“Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có năng lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng, ‘Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.’ ”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, như con được nghe, ‘Nếu ai sống tại gia thì có lợi ích lớn, có công đức lớn; người xuất gia học đạo thì không như vậy⁷.’ Con xin hỏi Cù-đàm, sự kiện ấy như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, sự kiện ấy không nhất định⁸.”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, mong Ngài phân biệt sự kiện đó cho con được rõ.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ngươi rõ.”

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này Ma-nạp, nếu sống tại gia có tai họa lớn, có đấu tranh lớn, có oán

⁷ Pāli: *mahaṭṭham idaṃ mahākiccaṃ mahādhikaraṇaṃ mahāsamārambhaṃ gharācāsakammaṭṭhānaṃ mahapphalaṃ hoti*, sự nghiệp của người tại gia cần nhiều kinh doanh, nhiều việc phải làm, nhiều tác vụ, nhiều nỗ lực, do đó, có kết quả to lớn.

⁸ Xem [cht.6](#) ở trên.

thù lớn, nhưng lại làm điều sai quấy, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn⁹. Ví như người làm ruộng, có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều sai quấy¹⁰, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

“Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán thù, nhưng lại làm điều sai quấy, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều sai quấy, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

“Này Ma-nạp, người sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng làm điều chân chánh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng làm điều chân chánh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

“Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng làm điều chân chánh, thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng làm điều chân chánh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo lại cũng [667c] như thế.

⁹ Pāli: *atthi māṇava kammaṭṭhānaṃ mahatṭhaṃ mahākiccaṃ mahādhikaraṇaṃ mahāsamārambhaṃ vipajjamānaṃ appaphalaṃ hoti*, có sự nghiệp cần nhiều kinh doanh nhiều việc phải làm, nhiều tác vụ, nhiều nỗ lực, nhưng không làm tốt, cho nên, kết quả nhỏ. Có lẽ, trong bản Pāli: *mahākicca* (nhiều nghĩa vụ), trong bản Hán đọc là *mahākiccha* (nhiều khó nhọc, đại tai hoạn). Pāli: *mahādhikaraṇa*, có nghĩa: sự vụ hay tác vụ, cũng có nghĩa tranh chấp; bản Hán hiểu theo nghĩa thứ ha (đại đấu tránh). Pāli: *samārambha*, có hai nghĩa: nỗ lực (do gốc động từ *rabh*); hoặc gây tổn hại (do gốc động từ *radh*); bản Hán hiểu theo nghĩa sau (đại tăng oán).

¹⁰ Hán: hành tà hạnh. Pal.: *vipajjamāna*: làm sai, làm hỏng. Sớ giải: như người làm ruộng mà phai không mưa hay mưa quá nhiều (*avuttihi-ativuttihi*); người đi buôn thì thiếu tài khéo (*acchekata*); thầy đêud không có kết quả..

“Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có năng lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng, ‘Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.’ ”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn kia chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nếu các Bà-la-môn chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; vậy nay người có thể ở giữa đại chúng mà trình bày lại chẳng?”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, đối với con không có sự kiện không thể. Vì sao vậy? Vì Cù-đàm hiện đang ngồi ở giữa đại chúng này.”

Đức Thế Tôn nói:

“Vậy người hãy trình bày.”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, mong Ngài khéo nghe cho. Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương thứ nhất là pháp chân đế, có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; pháp thứ hai là tụng tập; pháp thứ ba là Nhiệt hành; pháp thứ tư là Khổ hạnh. Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn chủ trương pháp thứ năm là Phạm hạnh¹¹ có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nếu các Bà-la-môn chủ trương năm pháp này có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; vậy trong số những Bà-la-môn ấy, có Bà-la-môn nào nói như thế này: ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng?’ ”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, không có.”

¹¹ Năm pháp theo Pāli: *saccam* (sự thật), *tapam* (khổ hạnh), *brahmacariyam* (tiết dục hay phạm hạnh), *ajjhenam* (tụng đọc), *cāga* (thí xả). Bản Hán thay *cāga* (thí xả) bằng nhiệt hành.

Thế Tôn nói:

“Có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng?’”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, không có.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Ma-nạp, xưa kia có những Bà-la-môn tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập kinh điển: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa¹². Nay các Bà-la-môn đối với các kinh điển ấy tụng tập, thọ trì, học hỏi. Nhưng họ có nói như thế này: ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng?’”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Không có. Nhưng các Bà-la-môn ấy do [668a] tin mà thọ trì.”

Đức Thế Tôn nói:

“Trong các Bà-la-môn, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’” Và cũng không có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’”

“Xưa kia có những Bà-la-môn tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Bà-la-môn đối với các kinh điển ấy,

¹² Danh sách mười đạo sĩ thời thượng cổ: Dạ-tra 夜吒, Bà-ma 婆摩, Bà-ma-đề-bà 婆摩提婆, Tỳ-xa-mật-đa-la 毗奢蜜哆羅, Dạ-bà-đà-kiền-ni 夜婆陀鞬尼, Ứng-nghi-la-bà 應疑羅婆, Bà-tư-tra 婆私吒, Ca-diếp 迦葉, Bà-la-bà 婆羅婆, Bà-hòa 婆憇. Danh sách Pāli: Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvājā, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu.

tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhưng họ không nói như vậy, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’ Thế thì, này Ma-nạp, các Bà-la-môn ấy há không vì sự kiện này mà trong sự tin tưởng có thiếu căn bản chăng?’

Ma-nạp Anh Vũ bạch:

“Bạch Cù-đàm, thật sự không căn bản. Nhưng các Bà-la-môn nghe rồi thọ trì.”

Đức Thế Tôn nói:

“Ví như một đám người mù dẫm nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Ma-nạp, Ta nói các Bà-la-môn cũng như vậy. Này Ma-nạp, trước người nói là do tin, sau đó người nói là do nghe.”

Ma-nạp Anh Vũ liền tức giận Đức Thế Tôn, hằn học, không vui, phi báng Thế Tôn, chỉ trích Thế Tôn, mạ lỵ Thế Tôn, và nghĩ rằng, ‘Cần phải phi báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm.’ Liền nói với Đức Thế Tôn:

“Này Cù-đàm, có một Bà-la-môn tên là Phát-ca-sa-sa-la¹³, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn¹⁴, nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân¹⁵; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý.’”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nghĩ như thế này: “Ma-nạp Anh Vũ, con ông Đô-đề, có phần nộ đối với Ta, hằn học, không vui, phi báng Ta, chỉ trích

¹³ Phát-ca-sa-sa-la 弗架娑娑羅; Pāli: Pokkarasāti Opamañño Subhagavaniko, (người Bà-la-môn tên là) Pokkharasāti Opamañño, sống trong rừng Subha.

¹⁴ Hán: tánh trực thanh tịnh hóa 姓直清淨化; chỉ thuộc một dòng họ Bà-la-môn thuần chủng, không lai tạp trong nhiều đời liên tục.

¹⁵ Nhân thượng pháp 人上法. Pāli: *uttarimanussadhamma*, pháp của con người siêu việt.

Ta, mạ lỵ Ta, nghĩ rằng: ‘Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục [668b] Cù-đàm.’ Liên nói với Đức Thế Tôn: ‘Này Cù-đàm, có một Bà-la-môn tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý.’ ”

Đức Thế Tôn biết thế nên nói:

“Này Ma-nạp, có phải Bà-la-môn tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, ông ấy biết điều mong nghĩ trong tâm của hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn rồi mới nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý chăng?’”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, có một nữ tỳ tên là Bất-ni¹⁶. Nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ này, ông ấy còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn, Bà-la-môn! Nếu cho rằng ông ấy biết, thì sự kiện này không thể có.”

Thế Tôn nói:

“Cũng như người sanh ra đã mù; người ấy nói như thế này, ‘Không có màu đen, màu trắng, cũng không có sự thấy màu đen, màu trắng; không có sắc tốt, sắc xấu, cũng không có sự thấy sắc tốt, sắc xấu; không có sắc ngắn, sắc dài, cũng không có sự thấy sắc ngắn, sắc dài; không có sắc gần, sắc xa, cũng không có sự thấy sắc gần, sắc xa; không có sắc thô, sắc tế, cũng không có sự thấy sắc thô, sắc tế; vì ta không bao giờ thấy, không

¹⁶ Bất-ni 不尼. Pāli: Puṇṇikā.

bao giờ biết, cho nên nói không có màu sắc.’ Người mù bẩm sinh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, không phải vậy. Vì sao? Vì có màu đen, màu trắng, cũng có người thấy màu đen, màu trắng; có sắc tốt, sắc xấu, cũng có người thấy sắc tốt, sắc xấu; có sắc ngắn, sắc dài, cũng có người thấy sắc ngắn, sắc dài; có sắc gần, sắc xa, cũng có người thấy sắc gần, sắc xa; có sắc thô, sắc tế, cũng có người thấy sắc thô, sắc tế. Nếu nói, ‘Tôi không hề thấy, không hề biết, cho nên nói không có màu sắc,’ thì người mù bẩm sinh nói như vậy là không đúng sự thật.”

“Này Ma-nạp, Bà-la-môn Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn; lời nói của ông ấy có khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, [668c] như mù vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu xưa kia¹⁷ có những Bà-la-môn, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh; đó là các Bà-la-môn Thương-già, Bà-la-môn Sanh Văn, Bà-la-môn Phát-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ người¹⁸; những điều

¹⁷ Hán: tích, xưa kia, nhưng những người được nói đến hình như đang sống. Pāli: Kosalakā brahmaṇa-mahāsārā, các Bà-la-môn phú hào ở Kosala.

¹⁸ Các Bà-la-môn Thương-già 商伽, Sanh Văn 生聞, Phát-ca-sa-sa-la 弗袞娑娑羅 và Đô-đề 都提; Pāli: Caṅki, Jānussoṇi, Pokkharasāti, Todeyya.

mà họ nói, được chấp nhận hay không được chấp nhận? Chân thật hay không chân thật? Có cao, có thấp chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn:

“Nếu xưa kia có những Bà-la-môn, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh, đó là các Bà-la-môn Thương gia, Bà-la-môn Sanh Văn, Bà-la-môn Phát-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ con; những điều được nói ấy; thì theo ý con, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận; mong là chân thật, không mong không phải là chân thật; mong là sự cao thượng, không mong là sự thấp hèn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Ma-nạp, Bà-la-môn Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn; điều mà ông ấy nói, há không phải là không được chấp nhận, không có sự được chấp nhận? Là không chân thật, không có sự chân thật? Há không phải là rất thấp hèn, không có cái gì cao?”

Ma-nạp Anh Vũ thưa Đức Thế Tôn:

“Thật vậy, bạch Cù-đàm.”

“Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Những gì là năm? Này Ma-nạp, pháp thứ nhất là dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Này Ma-nạp, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn¹⁹.”

¹⁹ Năm pháp chướng ngại, bản Hán: dục, nhuế, thân kiến, giới thủ kiến và nghi. Trong bản Pāli, *pañca nīvaraṇā* (năm triền cái): *kāmacchanda* (dục vọng),

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Ai bị năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quán chặt, người ấy nếu muốn quan sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

“Này Ma-nạp, Bà-la-môn Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh thuần khiết, không gián đoạn, bị nhiễm bởi dục, bị ô uế bởi dục, nhiễm dục, xúc dục, say đắm nơi dục, vào trong dục mà không thấy tai hoạn, không biết sự xuất yếu và sống theo dục; vị ấy bị năm pháp này chướng ngại, che lấp, quán chặt; vị ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai, và biết tất cả Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có.

“Lại nữa, này Ma-nạp, có năm công đức của dục, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, có khát ái liên hệ sắc dục, rất đáng [669a] ham muốn. Những gì là năm? Là sắc được thấy bởi mắt, tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Chúng sanh do năm công đức của dục này cho nên phát sanh lạc, phát sanh hỷ, chẳng còn có điều gì ở ngoài đây chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn:

“Quả như vậy, bạch Cù-đàm.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Lửa do cỏ, cây được đốt cháy, và lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; thứ lửa nào có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng?”

Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự kiện này

không thể có. Chỉ có thể có do sức mạnh của như ý túc. Bạch Cù-đàm, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng.”

Thế Tôn nói:

“Quả như vậy, quả như vậy! Nếu lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy sự kiện này không thể có. Chỉ có do sức mạnh của như ý túc, lửa không do cỏ cây mà được đốt cháy; thứ lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng.

“Này Ma-nạp, ở đây Ta giả thiết rằng, cũng như thứ lửa do cỏ cây mà được đốt cháy, sự phát sanh hỷ lạc của chúng sanh cũng vậy, là do dục, do pháp ác, bất thiện, không đạt được lạc do xả và tịch tĩnh. Này Ma-nạp, cũng như thứ lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự phát sanh xả, lạc của chúng sanh cũng vậy, là do ly dục, từ các pháp thiện, không đạt được xả, lạc và tịch tĩnh.”

Thế Tôn lại nói:

“Này Ma-nạp, ở đây, một Bà-la-môn lễ trai tự, hành bố thí, nhưng có một đồng tử Sát-lị từ phương Đông đến nói như vậy, ‘Ta ở trong đây được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, ăn uống bậc nhất.’ Nhưng vì ở đó không được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Nam có đồng tử Bà-la-môn đến, nói như vậy, ‘Ta ở trong đây được thức ăn tịnh diệu.’ Nhưng ở đó không được thức ăn tịnh diệu, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Tây có đồng tử Cư sĩ đến nói như vậy, ‘Ta ở trong đây được thức ăn dồi dào.’ Nhưng ở đó không được thức ăn dồi dào, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Bắc có đồng tử Công sư đến nói như vậy, ‘Ta ở trong đây ăn no đủ.’ Nhưng ở đó không được ăn no đủ, nó bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Này Ma-nạp, các vị Bà-la-môn ấy thực hành sự bố thí như vậy, sẽ giả thiết những báo ứng nào?”

[669b] Ma-nạp Anh Vũ thưa:

“Bạch Cù-đàm, Bà-la-môn không thực hành bố thí với tâm như vậy, khiến người khác oán hận, ôm lòng ganh ghét. Cù-đàm nên biết, Bà-la-môn hành sự bố thí vì do tâm thương xót;²⁰ do tâm thương xót mà hành

²⁰ Mẫn thương tâm 愍傷心. Pl.: *anukampājātikamyeva*, xem cht. tiếp dưới.

sự bố thí thì được đại phước.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, các Bà-la-môn há không phải chủ trương pháp thứ sáu²¹ có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Quả như vậy, bạch Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Ma-nạp, nếu có Bà-la-môn chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì người thấy pháp ấy phần nhiều ở tại đâu? Tại gia chăng? Xuất gia học đạo chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Bạch Cù-đàm, nếu có Bà-la-môn chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; thì con thấy pháp ấy phần nhiều ở sự xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít công việc, ít bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, nên có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật.

“Bạch Cù-đàm, sự thành thật ấy con thấy phần nhiều ở xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiều công việc, nhiều bổn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét, đấu tranh, không được hành sự bố thí, không được tụng tập, không được hành khổ hạnh, không được sống Phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít có công việc, ít có bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, vì ấy có thể hành sự bố thí, có thể tụng tập, có thể hành khổ hạnh, có thể sống Phạm hạnh.

“Bạch Cù-đàm, Người sống Phạm hạnh, con thấy pháp phần nhiều ở xuất gia học đạo chứ không phải ở tại gia.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, nếu có Bà-la-môn chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà

²¹ Pl.: *idaṃ chaṭṭhaṃ puñṇakiriyavatthu hoti – yadidaṃ anukampajāṭikan’ti*, đây là phước nghiệp sự thứ sáu: phước sanh từ lòng lân mẫn.

khởi.²² Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán không sân nhuế, không tranh chấp là do tu tập những pháp ấy.

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật,²³ thì vị ấy do thủ hộ thành thật cho nên được hỷ, được duyệt.²⁴ Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện đó từ tâm mà khởi.²⁵ Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, [669c] vì để tu tập những pháp ấy, nên vị ấy mới hành sự bố thí, sự tụng tập, sự hành khổ hạnh, sống Phạm hạnh. Vị ấy do sống Phạm hạnh cho nên được hỷ, được duyệt.

“Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, tâm ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

“Này Ma-nạp, cũng như có người khéo thổi tù và. Nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên núi cao, đem hết sức thổi tù và, phát ra âm thanh vi diệu, biến mãn cả bốn phương; cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cả thế gian, thành tựu an trụ;

²² Pl.: *cittassāhaṃ ete parikkhāre vadāmi*, “Ta nói những (năm) pháp ấy là những tư cụ của tâm.”

²³ Pl.: *bhikkhu saccavādī hoti*, “Tỳ kheo là người nói sự thật.”

²⁴ Pl.: *labhati atthavedaṃ, labhati dhammavedaṃ, labhati dhammūpasamhitam pāmojjaṃ*, “đạt được tín thọ nghĩa, tín thọ pháp. hỷ tương ưng với pháp.” Sớ giải (MA i. 172): đạt được tín thọ nghĩa là thành tựu bất hoại tín nơi Phật (*buddhe aveccappasādena samannāgatomhī ti labhati atthavedan ti sambandho*).

²⁵ Pl.: *yaṃ taṃ kusalūpasamhitam pāmojjaṃ, cittassāhaṃ etaṃ parikkāraṃ vadāmi*, “những gì là hỷ tương ưng với thiện, Ta nói đó là tư cụ của tâm.”

cũng vậy với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Ở đây, có người cầu làm Trời. Vì để sanh lên trời, nên người ấy thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng, ‘Mong ta làm vị Trời này, hay vị Trời khác.’ Lại có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng, ‘Mong ta làm vị Trời này, hay vị Trời khác.’ Người xem các người đó, ai được làm vị Trời này hay vị Trời khác?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Bạch Cù-đàm, nếu có người cầu làm Trời; vì để sanh lên trời, nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến thành tựu an trụ, con xem người ấy chắc chắn được làm vị Trời này hay vị Trời khác.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên, nên thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng, ‘Mong ta làm vị Phạm thiên này, hay vị Phạm thiên khác.’ Ở đây, lại có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên, nên không kết, không oán, không sân nhuế, [670a] không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trụ, và nghĩ rằng, ‘Mong ta làm vị Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khác.’ Người xem các người đó, ai được làm Phạm thiên này, hay Phạm thiên khác?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Bạch Cù-đàm, nếu người này cầu Phạm thiên, vì để sanh lên Phạm thiên,

nên không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, con thấy rằng, người này chắc chắn được làm vị Phạm thiên này, hay vị Phạm thiên khác.”

Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi:

“Cù-đàm biết con đường dẫn đến Phạm thiên²⁶ chẳng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Thôn Na-la-ca-la²⁷ cách chúng hội này không xa chẳng?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp:

“Không xa.”

Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Ngươi nói với một người trong chúng hội này rằng: ‘Ông hãy đến thôn Na-la-ca-la kia. Đến đó rồi quay về.’ Người ấy vâng lời ngươi, nhanh chóng đi đến thôn Na-la-ca-la, đến đó rồi trở về. Sau khi người ấy đi và về rồi, ngươi hỏi đường đi, hỏi sự việc đi và về, ra và vào nơi thôn Na-la-ca-la, người ấy há lại đứng im, không thể trả lời chẳng?”

Ma-nạp Anh Vũ trả lời Đức Thế Tôn:

“Không vậy, bạch Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Ma-nạp, người ấy đi và về nơi thôn Na-la-ca-la, khi được hỏi về đường đi, có thể đứng im, không biết trả lời. Nhưng nếu hỏi Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác về con đường dẫn đến Phạm thiên thì hoàn toàn không có sự kiện giây lát im lặng, không biết trả lời.”

²⁶ Hán: Phạm đạo tích 梵道跡. Pāli: *brahmānaṃ saḥavyatāya maggaṃ*, con đường dẫn đến cộng trú với Phạm thiên.

²⁷ Na-la-ca-la thôn 那羅迦邏村. Pāli: Naḷakāra, thôn phụ cận Xá-vệ.

Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn:

“Sa-môn Cù-đàm không chấp trước nơi sự tế tự chư Thiên; sự kiện ấy đã trọn đủ. Bởi vì khi được hỏi về con đường dẫn đến Phạm thiên thì Ngài có thể trả lời nhanh chóng.

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm U-bà-tắc, kể từ hôm nay quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Anh Vũ sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Câu-lâu-sấu, trú ở tịnh thất đệ nhất² của Bà-la-bà³ trên một đệm cỏ.

Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn [670b] mang y, cầm bát vào Kiếm-ma-sát-đàm,⁴ tuần tự khát thực. Sau buổi cơm trưa, thu dọn y bát, rửa tay chân, Ngài vắt tọa cụ lên vai đi đến chỗ nghỉ ban ngày tại một khu rừng. Khi đã vào rừng, Đức Thế Tôn đến dưới một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết già.

Lúc ấy vào buổi xế trưa, Di học Man-nhàn-đề⁵ thong dong, tản bộ đến Đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà. Từ xa Di học Man-nhàn-đề thấy trên sàn rải cỏ ở tịnh thất ấy có dấu nằm một bên hông, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của đồng phạm hạnh. Trông thấy vậy, Di học Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà:

“Trong Đệ nhất tịnh thất ấy, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông này của ai mà giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của đồng phạm hạnh như thế?”

Bà-la-môn Bà-la-bà đáp:

“Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Ở trong tịnh thất đó, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông đó, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của đồng phạm hạnh chính là của Sa-môn Cù-đàm.”

Di học Man-nhàn-đề nói:

“Này Bà-la-bà, tôi nay phải thấy cảnh không đáng thấy, phải chấp thuận điều không đáng nghe; nghĩa là phải thấy chỗ nằm của Sa-môn Cù-đàm.

¹ Các bản Hán đều in là *Tu nhân đề* 鬚閑提. Nhầm tự dạng *tu* 鬚 và *man* 鬚. Ở đây phong theo phiên từ Phận mà sửa lại. Pāli: M.75. Māgandiyasuttam.

² Đệ nhất tịnh thất 第一靜室. Pāli: *agvāgāra*, ngôi nhà thờ lửa. Bản Hán đọc là *agra*: đệ nhất, thay vì *agya* (*aggi-agāra*), lửa.

³ Bà-la-bà 婆羅婆; Pāli: Bhāradvāja.

⁴ Kiếm-ma-sát-đàm 劔摩瑟曇. Pl.: Kammāsadhamma.

⁵ Man-nhàn-đề di học 鬚閑提異學. Pāli: Māgandiya, ngoại đạo xuất gia.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm ấy là kẻ phá hoại⁶. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng. Bà-la-bà nói:

“Này Man-nhàn-đề, ông không nên đem điều đó mà phi báng Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có nhiều trí tuệ, Sát-lị trí tuệ, Bà-la-môn trí tuệ, Cư sĩ trí tuệ, Sa-môn trí tuệ. Ai giảng thuyết về trí tuệ thầy đều đắc Thánh trí⁷. Này Man-nhàn-đề, tôi muốn đem ý nghĩa đó mà nói với Sa-môn Cù-đàm có được chăng?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Này Bà-la-bà, tùy ý ông. Tôi thấy không gì trở ngại. Này Bà-la-bà, nếu gặp Sa-môn Cù-đàm, tôi cũng nói như thế. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở chỗ nghỉ trưa với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt hẳn người thường, nghe Bà-la-môn Bà-la-bà cùng Dij học Man-nhàn-đề đang bàn luận chuyện ấy. Nghe xong, vào lúc xế chiều, Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến Đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà, trải tọa cụ lên đệm cỏ, rồi ngồi kiết già. Bà-la-môn Bà-la-bà [670c] từ xa trông thấy Thế Tôn ở giữa rừng cây, trang nghiêm, đẹp đẽ, như vàng trắng giữa vòm trời sao, chói lợi rạng ngời, tỏa chiếu như núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nguy, các căn vắng lặng, không bị chướng ngại, thành tựu điều nguyện, nội tâm tĩnh chỉ, tịnh mặc. Sau khi trông thấy, Bà-la-môn ấy đi đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-la-bà, ông đã cùng với Man-nhàn-đề bàn luận về chỗ đệm cỏ này phải chăng?”

⁶ Hán: bại hoại địa 敗壞地. Pāli (M. i. 502): *bhūnahuno*: kẻ phá hoại mầm sống; Sớ giải: *bhūnahuno ti hatavaḍḍhino mariyādakārakassa*, “bhūnahuno (kẻ phá hoại mầm sống), là người phá hoại sự thịnh vượng (của thế gian), đặt ra các quy tắc nghiêm khắc”.

⁷ Hán dịch có thể không chính xác. Nên hiểu: Sa-môn Cù-đàm có nhiều đệ tử là những nhà thông tuệ từ Sát-lị, Bà-la-môn, v.v. Tất cả họ được dạy đee đắc Thánh trí. Cf. Pāli ibid.: *bahū hi tassa bhoto gotamassa khattiyapaṇḍitāpi brāhmanapaṇḍitāpi... abhippassannā vinūṭā ariye ñāye dhamme kusale ti*, “Sa-môn Cù-đàm kia được nhiều nhà thông thái thuộc Sát-đế-lị, Bà-la-môn... trọng vọng; họ được hướng dẫn vào trong Thánh đạo, trong pháp thiện”.

Bà-la-môn Bà-la-bà đáp:

“Đúng như vậy, bạch Cù-đàm. Con cũng định đem chuyện đó thưa với Cù-đàm, nhưng chưa nói kịp mà Cù-đàm đã biết. Vì sao? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Đức Thế Tôn và Bà-la-môn Bà-la-bà cùng nhau thảo luận về vấn đề này. Sau đó, Di học Man-nhàn-đề tản bộ đến Đệ nhất tịnh thất ấy. Từ xa, Đức Thế Tôn trông thấy Di học Man-nhàn-đề đến, liền bảo:

“Này Man-nhàn-đề, không chế ngự nhãn căn, không thủ hộ kín đáo, không tu, thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với nhãn căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhân ấy mà ông bảo rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng’?”

Man-nhàn-đề trả lời:

“Đúng như vậy, Cù-đàm.”

“Này Man-nhàn-đề, cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn; nếu không chế ngự ý căn, không thủ hộ kín đáo, không khéo tu, thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với ý căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu, nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhân đó mà ông bảo rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng’?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Đúng như vậy, Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ sắc được biết bởi mắt, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Vị ấy thấy, biết như thật về sự tập khởi của sắc được biết bởi mắt, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của sắc ấy, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly sắc dục, bị sự ham muốn sắc nhai nuốt, bị hơi nóng của sắc thiêu đốt; đối với sắc, được biết bởi mắt khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú, do ái, do sắc, mà khi hoan lạc trong lạc thú này, [671a] vì chúng thấp hèn, cho nên không thỏa mãn

chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chẳng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

“Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia cũng vậy đối với tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ xúc được biết bởi thân, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy biết và thấy như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu của xúc, an trú nơi nội tâm tịch tĩnh; vị ấy thấy những người chưa ly xúc, dục, bị sự ham muốn xúc nhai nuốt, bị hơi nóng của xúc thiêu đốt; đối với xúc được biết bởi thân khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục; sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, nếu có lạc thú do ái, do xúc này, thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề đối với người này, ông có nói gì chẳng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, thấy năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, người ấy xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chẳng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

“Này Man-nhàn-đề, Ta khi chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ năm công

đức của dục, dễ được, không khó, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục. Sau đó Ta xả bỏ năm công đức của dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất yếu của năm công đức của dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm công đức của dục khả ái, khả niệm, khả ý, [671b] khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trú mà thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, đòuì với Ta, ông có nói gì chăng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Man-nhàn-đề, cũng như cư sĩ, hay con của cư sĩ, rất giàu, của cải vô lượng, nuôi nhiều súc vật, phong hộ, thực ấp đầy đủ các thứ cần cho sự sống; người ấy hưởng năm công đức của dục, dễ được không khó, lại thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành; lúc chết, không muốn xả bỏ năm công đức của dục; sau khi thân hoại mạng chung, đi đến chỗ thiện; sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm công đức của dục. Nay Man-nhàn-đề, Thiên vương hoặc Thiên tử ấy có thể xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời mà hoan hỷ hưởng đến dục lạc ở nhân gian chăng?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Dạ không, thứ Cù-đàm. Vì sao? Vì dục lạc ở nhân gian vốn xú uế, bất tịnh, rất đáng ghê tởm, không thể tưởng tới, vốn nào hại, cực khổ. Thưa Cù-đàm, so với dục lạc ở thế gian, dục lạc cõi Trời là tối diệu, tối thắng. Thiên vương hay Thiên tử kia mà xả bỏ năm công đức của dục ở cõi trời để hoan hỷ hưởng đến dục lạc ở thế gian; điều đó không thể xảy ra được.”

“Cũng vậy, Này Man-nhàn-đề, Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm công đức của dục ấy, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, cùng sự xuất yếu của chúng, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt; đối với năm

công đức dục khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc, tương ưng với dục, sau khi an trụ, thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, Ta không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, ý ông nghĩ sao, nếu có lạc thú do dục, do dục ái này, trong khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng; vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Nay Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chẳng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

“Nay Man-nhàn-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụn ghẻ, hơ lên bếp lửa. Nay Man nhà đề, ông nghĩ thế nào? Nếu người bị bệnh cùi thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụn, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, thoát khỏi cùi hủi, thân thể lành mạnh, bình phục như cũ được chẳng?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú.”

“Nay Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn rồi hơ lên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú. Nay Man nhà đề, cũng như thế, chúng sanh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục. Nay Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy, vì chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục, thì chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy ái dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục. “Nay Man-nhàn-đề, cũng như vua và đại thần hưởng năm công đức của dục, dễ được, ù không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể có được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, Nay Man-nhàn-đề, chúng sanh chưa ly

dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà chạy theo dục, thì Nay Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm chó dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sanh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều ấy không thể xả ra được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục.

“Nay Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó⁸. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy [672a] ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa, này Man-nhàn-đề, thấy vậy, người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần.”

“Nay Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người mắc bệnh cùi ấy chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ. Có hai người lực sĩ bắt người ấy hơ lên bếp lửa, người ấy hoảng hốt né tránh vì cảm thấy quá nóng. Nay Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, bếp lửa bây giờ lại nóng hơn, khiến cho rất khổ, nguy hiểm hơn trước nhiều lắm chăng?”

“Dạ không, thưa Cù-đàm. Trước kia, còn mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa. đối với sự khổ bức nóng của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy hoan lạc; ấy là do tâm mê loạn mà có ý tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại bây giờ trị bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn bình phục như cũ, người ấy đối với sự khổ bức của lửa lại cảm thấy khổ sở, như vậy là do tâm sáng suốt, không có ý tưởng điên đảo.”

⁸Hán: như kỳ tượng hảo dược 如其像好藥.

“Này Man-nhàn-đề, cũng người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa; đối với sự khổ bức của lửa, bệnh nhân lại thấy khoan khoái; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, Này Man-nhàn-đề, chúng sanh không ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt mà chạy theo dục; những kẻ ấy đối với khổ dục lại có ý tưởng dục lạc; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo.

“Này Man-nhàn-đề, người trị bệnh đã có kết quả, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh ghê cùi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ; người ấy đối với sự khổ bức của lửa thì cảm thấy đau khổ; ấy là do tâm yên ổn, không có ý tưởng điên đảo, cũng vậy, Này Man-nhàn-đề, Ta đối với khổ dục, thì có ý tưởng về khổ dục như thật, không có ý tưởng điên đảo. Vì sao? Này Man-nhàn-đề, vì dục quá khứ là bất tịnh, xấu xa, rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, gây đau khổ; dục vị lai và hiện tại cũng bất tịnh, xấu xa rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, cảm thọ khổ. Cho nên, Này Man-nhàn-đề, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng.”

Dị học Man-nhàn-đề thưa:

“Thưa Cù-đàm, [672b] tôi cũng đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn trưởng lão, học Phạm hạnh đã lâu, nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng.”

Đức Thế tôn hỏi:

“Nếu ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng; thì Man nhàn đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn?”

Bấy giờ, Man-nhàn-đề Dị học, đối với thân là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là chẳng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng:

“Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sinh, nghe người có mắt nói rằng: ‘Trắng tinh, không bản! Trắng tinh, không bản!’ Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trắng tinh. Có người lừa dối, không mưu cầu thiện

lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cẩu ghét như bản, đến nói với người mù rằng: ‘Ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bản. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác lên thân.’ Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: ‘Trắng tinh, không bản! Trắng tinh không bản!’ Nay Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế? Tự mình thấy mà nói lên như thế, hay không tự mình thấy mà nói lên như thế?”

Man-nhàn-đề dị đạo đáp:

“Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả.”

Đức Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, Nay Man-nhàn-đề, ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: ‘Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.’ Nay Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, ông còn không biết, há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-bàn chăng? Nói rằng thấy Niết-bàn thì quả không thể được. Nay Man-nhàn-đề, Như Lai, Vô sở sruớc Đẳng chánh giác nói rằng:

*Không b nh, l i b c nh t,
Ni t-ñn, l ct i th ng,
Ch con ng Bít chính,
n an n cam l⁹.*

“Trong chúng đó nhiều người được nghe bài kệ này. Sau khi số đông những người dị họ nghe bài kệ này, liền truyền lại cho nhau, nhưng không hiểu rõ nghĩa lý. Họ đã nghe và muốn tìm cầu giáo nghĩa, họ đều là kẻ ngu si, trở lại tự lừa dối lẫn nhau. Thân bốn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sanh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, che đậy của y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, đó là pháp hủy hoại, là pháp tan rã, nhưng họ thấy là ngã, chấp thủ là ngã, duyên thủ nên có hữu, duyên [672c] hữu nên có sanh, duyên nói sanh nên có già, chết, duyên nơi già, chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ

⁹Hán: cam lộ (lộ) 甘露. Pāli: amata: cõi bất tử. Cf. Pháp cú 204.

đau này phát sanh.”

Khi ấy, Man-nhàn-đề Di học liền đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn và bạch:

“Bạch Cù-đàm, nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Cù-đàm thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công cho Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, ví như người sanh ra đã bị mù, nghe người khác đến nói rằng: ‘Ông nên biết, đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng.’ Này Man-nhàn-đề, người mù ấy chỉ nghe người khác nói, có biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng chăng?”

Man-nhàn-đề đáp:

“Dạ không, thưa Cù-đàm.”

“Cũng vậy, này Man nhàn đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyết giảng cho ông nghe về sự không bệnh, về Niết-bàn, thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược thích hợp khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thanh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: ‘Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.’ Này Man-nhàn-đề, ví như người mù bẩm sinh, có thân nhân mong muốn cho được an ổn, khoái lạc nên tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt trị liệu bằng mọi cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào lỗ mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch¹⁰, hoặc khiến chảy nước mắt ra. Này Man-nhàn-đề, giả sử trúng thuốc thì hai mắt được trong sáng. Này Man-nhàn-đề, nếu người ấy hai mắt được trong sáng thì tự mình thấy đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng. Người ấy thấy cái áo cái ghét dơ bẩn, nên nghĩ rằng: ‘Người kia là oan gia, từ lâu nó đã đem cái áo cái ghét mà dối gạt ta. Rồi nó sanh tâm oán ghét. Này Man-nhàn-đề, người ấy có thể sát hại người kia. Cũng vậy,

¹⁰ Mạch 脈, cơ bản chép là nhãn 眼.

này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu được thích hợp, khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Nay Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: ‘Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn.’

“Này Man-nhàn-đề, có bốn pháp khiến người Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Những gì là bốn? Là thân cận thiện tri thức mà cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành pháp tùy pháp¹¹. Nay Man-nhàn-đề, ông nên học như vậy. Thân cận [673a] thiện tri thức mà cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành pháp tùy pháp, Nay Man-nhàn-đề nên học như vậy.

“Này Man-nhàn-đề, ông đã thân cận thiện tri thức mà cung kính thừa sự rồi, liền được nghe thiện pháp; sau khi nghe được thiện pháp sẽ khéo tư duy; sau khi khéo tư duy, sẽ thực hành pháp tùy pháp; sau khi thực hành theo hạp tùy pháp rồi, liền biết như thật rằng: Đây là Khổ, đây là Khổ Tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo.

“Thế nào là biết Khổ như thật? Là biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tăng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là biết khổ như thật.

“Thế nào là biết Khổ tập như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, tương ưng với hỷ dục, ước mong đời sống như thế này hay như thế kia. Đó gọi là biết Khổ tập như thật.

“Thế nào là biết Khổ diệt như thật? Biết rằng đây là tham ái dẫn đến tiếp thọ sự hữu trong tương lai, đí đôi với hỷ dục ước mong đời sống như thế này hay như thế kia; tham ái ấy đã diệt tận không còn dư tàn, đã bị đoạn trừ, đã bị xả ly, đã nôn ra hết, không còn tham dục, đã thanh tịnh, đoạn trừ, tĩnh chỉ. Đó gọi là biết Khổ diệt như thật.

“Thế nào là biết Khổ diệt đạo như thật? Là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi

¹¹ Tham chiếu *Pháp uẩn* 2, bốn Dự lưu chi: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Pāli, D.333 Saṅgīti: *cattāri sotāpattiyaṅgāni - suppurisa-saṃsevo, saddhammasavaṇaṃ, yonisomanasikāro, dhammānudhammapaṭipatti*.

là biết Khổ diệt đạo như thật.”

Sau khi nghe nói pháp này, Di học Man-nhàn-đề xa lia trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ, Di học Man-nhàn-đề thấy pháp, đắc pháp, giác chứng bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cho con xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo.”

Đức Thế Tôn nói:

“Lành thay! Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy tu hành Phạm hạnh!”

Man-nhàn-đề Di đạo liền xuất gia học đạo,¹² thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi Di học Man-nhàn-đề xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹³



¹² Hán có lẽ sót một đoạn: Di đạo hành bốn tháng biệt trú (*cattāro māse parivasati*) rồi mới cho thọ cụ túc (*upasampādeti*). Nhưng cũng có trường hợp được miễn (*api ca mettha puggalavemattā veditā*).

¹³ Bản Hán, hết quyển 38.

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG

[673b6] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú nước Xá-vê, trú tại Đông viên, trong giảng đường Lộc tử mẫu¹.

Bấy giờ, có hai người thuộc dòng Bà-la-môn là Bà-tu-tra² và Bà-la-bà³, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.⁴ Các Bà-la-môn khác thấy vậy, chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay đắng, rằng: “Dòng Bà-la-môn là hơn hết, không dòng nào bằng; dòng Bà-la-môn là trắng, ngoài ra đều là đen; Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh; Bà-la-môn con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm.”

Bấy giờ, vào buổi chiều, Đức Thế Tôn từ thiên tọa dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo.

Tôn giả Bà-tu-tra từ xa trông thấy Đức Thế Tôn vào buổi chiều từ thiên tọa dậy, bước xuống giảng đường.

¹ Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường 東園鹿子母講堂. Pāli: pubbārāme Migāra-mātu-pasāde.

² Bà-tu-tra 婆私吒. No 1(5): Bà-tát-tra 婆悉吒. No 10: Bạch Y 白衣. Pāli: Vāsetṭha.

³ Bà-la-bà 婆羅婆. No 1(5): Bà-la-đọa 婆羅墮, No 10: Kim Tràng 金幢. Pāli: Bhāradvāja.

⁴ Pl. D 27: họ đang ssokngs bốn tháng biệt trụ giữa các Tỳ kheo (*bhikkhūsu parivasanti*) trước khi chính thức thọ cụ túc.

Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Sau khi thấy như vậy, Tôn giả Bà-tu-tra nói:

“Này Hiền giả Bà-la-bà, nên biết, Đức Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiên tọa dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng mát của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Này Hiền giả Bà-la-bà, chúng ta nên đến chỗ Đức Phật, hoặc có thể nhân đây mà được nghe Ngài nói pháp.”

Khi ấy, Bà-tu-tra và Bà-la-bà liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành theo sau.

Đức Thế Tôn quay lại nói với hai người kia:

“Bà-tu-tra, hai Bà-la-môn, các người từ bỏ chủng tộc Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; các Bà-la-môn khác thấy như vậy, không chỉ trích các người sao?”

Hai người kia liền bạch:

“Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn. Các Bà-la-môn thấy như vậy, chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-tu-tra, các Bà-la-môn thấy như vậy, đã chỉ trích dữ dội, [673c] gay gắt, cay đắng như thế nào?”

Bà-tu-tra thưa:

“Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn thấy chúng con như vậy, nói như thế này, ‘Dòng Bà-la-môn là hơn hết, không dòng nào bằng; dòng Bà-la-môn là trắng, ngoài ra đều là đen; Bà-la-môn được thanh tịnh, không phải Bà-la-môn thì không được thanh tịnh; Bà-la-môn con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm.’ Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn thấy chúng con như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng

như vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Bà-tu-tra, những lời của các Bà-la-môn quá độc ác, hết sức vô lại. Vì sao? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng tốt, không thể tự biết mình, dó dó mới nói như thế này, ‘Bà-la-môn chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên.’ Vì sao? Này Bà-tu-tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng này không chủ trương thọ sanh ưu thắng, không chủ trương chủng tộc, không chủ trương kiêu mạn, nói rằng ‘Nó đẹp lòng Ta; nó không đẹp lòng Ta’⁵, không vì chỗ ngồi, không vì nước⁶, không vì sở học kinh sách.

“Này Bà-tu-tra, chỗ nào có hôn nhân, nơi đó mới có thể nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói, ‘Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng Ta; vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách.

“Này Bà-tu-tra, nếu ai chủ trương thọ sanh, chủ trương chủng tộc, chủ trương kiêu mạn, người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của Ta.

“Này Bà-tu-tra, nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: ‘Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng ta,’ vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách thì cách biệt với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của ta.

“Lại nữa, này Bà-tu-tra, ở đây có ba giai cấp⁷ khiến cho không phải tất cả mọi người cùng tranh luận với nhau, thiện và bất thiện lẫn lộn, được các bậc Thánh khen ngợi hoặc không khen ngợi. Thế nào là ba? Đó là: dòng Sát-lị, dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ.

“Này Bà-tu-tra, ý người thế nào? Người Sát-lị có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến; người Cư sĩ cũng vậy, chứ không phải Bà-la-môn (mới làm những chuyện đó chẳng)?”

Bà-tu-tra rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, dòng Sát-lị cũng có người sát sanh, trộm cắp, tà

⁵ Cf. D.3 (i. 129): *jātivādo vā vuccati, gottavādo vā vuccati manavādo vā vuccati, ’arahasi vā maṃ na vā maṃ tvam arahasī ti*, “thuyết về thọ sanh (huyết thống), thuyết về chủng tộc, thuyết về kiêu mạn, rằng ‘Người xứng với ta; người không xứng với ta’.”

⁶ Chỗ ngồi và nước (Pāli: *āsanaṃ vā udakaṃ vā*), tiêu chuẩn ưu tiên giai cấp.

⁷ Bản Pāli: bốn giai cấp, kể luôn cả sudda.

dâm, nói láo, cho đến tà kiến và dòng Bà-la-môn, Cư sĩ cũng vậy.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-tu-tra, ý người thế nào? Chỉ có người Bà-la-môn mới xa lia sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lia tà kiến, được chánh kiến; còn Sát-lị, Cư sĩ thì không như vậy chăng?”

Bà-tu-tra thưa rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, Bà-la-môn cũng có người xa lia sát sanh, đoạn trừ sát sanh, [674a] trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lia tà kiến, được chánh kiến, và Sát-lị, Cư sĩ cũng vậy.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-tu-tra, ý người thế nào? Nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, thì đó chỉ là việc làm của Sát-lị, Cư sĩ, chứ không phải Bà-la-môn chăng? Và nếu có vô lượng pháp thiện, thì đó chỉ là việc làm của Bà-la-môn chứ chẳng phải Sát-lị, Cư sĩ?”

Bà-tu-tra thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện thì hàng Sát-lị, Cư sĩ kia cũng có thể làm, mà Bà-la-môn cũng vậy. Nếu có vô lượng pháp thiện, thì Bà-la-môn cũng có thể làm, và Sát-lị, Cư sĩ cũng vậy.”

“Này Bà-tu-tra, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, mà tuyệt đối chỉ có Sát-lị làm, chứ không phải Bà-la-môn làm, và nếu có vô lượng pháp thiện, mà tuyệt đối chỉ có Bà-la-môn làm chứ không phải Sát-lị, Cư sĩ làm, thì các Bà-la-môn kia có thể nói như thế này, ‘Bà-la-môn chúng ta là con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.’ Vì sao? Này Bà-tu-tra, người ta thấy một nữ Bà-la-môn vừa mới lấy chồng, sau khi lấy chồng thì nàng mang thai và sau đó lại thấy nàng sanh ra một bé trai, hoặc là một bé gái. Này Bà-tu-tra, như vậy, các Bà-la-môn cũng y theo pháp thế gian sanh ra từ sản đạo, thế nhưng họ lại nói láo, vu báng Phạm thiên mà nói như thế này, ‘Bà-la-môn chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.’

“Này Bà-tu-tra, nếu một thiện nam tử, bất luận chủng tộc hay tánh danh nào, từ bỏ chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, theo Ta học đạo, thì có thể nói như thế này, ‘Chúng tôi là Bà-la-môn, là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm

thiên⁸.’ Vì sao? Nay Bà-tur-tra, vì thiện nam tử ấy vào trong Chánh pháp luật của Ta, thọ lãnh Chánh pháp và Giới luật, đến được bờ bên kia, đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, đối với Pháp của Đấng Thế Tôn đã được vô sở úy. Cho nên, người ấy đáng nói như thế này, ‘Chúng tôi là Bà-la-môn, con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.’

“Này Bà-tur-tra, Phạm thiên đó là nói Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bởi vì Phạm là Như Lai, Mát Lạnh là Như Lai, Không phiền Không Nhiệt, Không Lìa Như là Như Lai⁹.”

“Này Bà-tur-tra, ý người thế nào? Những người họ Thích có hạ ý yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ba-tur-nặc, vua nước Câu-tát-la chăng?”

Bà-tur-tra thưa:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Bà-tur-tra, [673b] ý người thế nào? Nếu những người họ Thích hạ ý yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tur-nặc nước Câu-tát-la thì như vậy, vua Ba-tur-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân có hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự Ta chăng?”

Đáp rằng:

“Những người họ Thích mà hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự vua Ba-tur-nặc nước Câu-tát-la, thì việc này không có gì lạ. Nếu vua Ba-tur-nặc nước Câu-tát-la mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Đức Thế Tôn, thì việc này rất đặc biệt kỳ lạ.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Bà-tur-tra, vua Ba-tur-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta mà hạ

⁸ Bản Pāli: *Bhagavato’ mhi putto oraso mukhato jāto dhammajo dhammanimito dhammadayāko*, “Chúng tôi là con của Thế Tôn; sanh ra từ miệng của Thế Tôn; được sanh ra bởi Pháp; được sáng tạo bởi Pháp, là kẻ thừa tự Pháp”.

⁹ Hán: lãnh thị Như Lai, vô phiền vô nhiệt, bất ly như, thị Như Lai 冷是如來, 無煩無熱, 不離如, 是如來. Pāli: *tathāgatassa h’etam... adhivacanam, dhammakāyo iti pi brahmakāyo iti pi dhammabhūto iti pi brahmabhūto iti pi*, “Những từ ngữ này đồng nghĩa với Như Lai: Pháp thân, Phạm thân, Pháp thể, Phạm thể”.

ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta, không phải với ý nghĩ rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc rất cao, còn ta chủng tộc quá thấp. Sa-môn Cù-đàm tài bảo rất nhiều, còn ta tài bảo quá ít. Sa-môn Cù-đàm hình sắc rất đẹp, còn ta hình sắc thô kịch. Sa-môn Cù-đàm có oai thần lớn, còn ta oai thần quá ít. Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thiện còn ta có trí tuệ ác.’ Nhưng này Bà-tu-tra, vua Ba-tu-nặc nước Câu-tát-là chỉ vì yêu kính, tôn trọng Pháp và cúng dường Pháp, vì phụng sự Pháp cho nên đối với bản thân Ta, mà hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng:

“Này Bà-tu-tra, có một lúc tất cả thế gian này đều hoại diệt. Khi thế gian này hoại, các chúng sanh sanh lên cõi trời Hoảng dục¹⁰; ở trong cõi ấy, sắc vi diệu, do ý hóa sanh. Tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm món ăn, tự thân phát sáng, bay lên hư không, sống lâu trong tịnh sắc¹¹.

“Này Bà-tu-tra, trong một thời gian quả đất này tràn ngập nước¹², do gió thổi qua và khuấy động trên mặt nước đóng lại một lớp tinh, hòa hiệp giống như sữa chín đóng váng và đông lại thành một lớp tinh. Cũng vậy, Bà-tu-tra, có một thời gian quả đất này tràn ngập nước, do gió thổi và khuấy động, trên mặt nước đông lại và hợp tụ hòa hợp thành một lớp tinh, từ đó sanh ra vị của đất¹³, có sắc, có hương vị. Sắc nó như thế nào? Giống như sắc của sanh tô, và sắc của thực tô. Và vị của nó như thế nào? Như vị mật ong.

“Này Bà-tu-tra, có một thời gian khi thế giới này trở lại thời kỳ thành lập, có những chúng sanh, sanh trên cõi trời Hoảng dục, tuổi thọ hết, nghiệp hết, phước hết, mạng chung, sanh trở lại làm người, sanh vào thế gian này, cũng với sắc tướng thù diệu và do hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ lạc làm thức ăn, tự thân phát sáng, bay trong hư

¹⁰ Hoảng dục thiên 晃昱天. Pāli: Ābhassara, Quang âm thiên, hay Cực quang thiên.

¹¹ Pāli: subhatṭhāyin, sống trong phước lạc thuần tịnh.

¹² Bản Pāli: *ekodakībhūtaṃ... andhakāro andhakāratimisā*, chỉ toàn nước, một màu đen sẫm tối tăm.

¹³ Pāli: *rasapaṭhavī*, vị đất, hay đất dưới dạng dịch vị (thể lỏng).

không, sống lâu dài trong tịnh sắc.

[674c] “Này Bà-tu-tra, bây giờ ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ, không có năm. Này Bà-tu-tra, ngay vào lúc đó, không có cha, không có mẹ, không có trai hay gái, lại cũng không có chủ nhân và tôi tớ, chỉ một loại chúng sanh như nhau mà thôi. Rồi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như thế này, ‘Vị của đất như thế nào? Ta thử dùng ngón tay móc một ít đất này ném thử.’ Khi ấy chúng sanh này bèn dùng ngón tay móc đất đó mà ném thử. Như vậy, chúng sanh đã biết vị của đất. Người ấy lại muốn được ăn. Bây giờ chúng sanh đó lại nghĩ như thế này, ‘Sao lại phải ném vị của đất bằng ngón tay cho nhọc sức. Ta hãy dùng bàn tay vốc lấy vị đất này mà ăn.’ Khi đó chúng sanh này bèn dùng tay vốc lấy vị đất này mà ăn.

“Trong số các chúng sanh kia lại có những chúng sanh khác thấy các chúng sanh này mỗi người dùng tay vốc lấy vị đất mà ăn, bèn nghĩ như thế này, ‘Cái này thật là hay, cái này thật là khoái, chúng ta có thể dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn.’ Rồi các chúng sanh liền dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn. Khi họ đã dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn như vậy và như vậy, thân họ trở thành dày, trở thành nặng, thành cứng. Nếu trước kia họ có sắc thanh tịnh, thì lúc ấy bị mất, tự nhiên sanh ra tối tăm.

“Này Bà-tu-tra, pháp của thế gian tự nhiên có điều này: nếu sự tối tăm đã sanh ra, thì mặt trời, mặt trăng tất xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện, thì các tinh tú cũng xuất hiện; tinh tú xuất hiện, tức thì thành ngày đêm, thành ngày đêm rồi, thì liền có một tháng hay nửa tháng có ngày giờ và có năm. Họ ăn vị của đất và sống đời rất lâu.

“Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn nhiều vị của đất, thì sắc da thành xấu, nếu ăn ít vị của đất thì sắc da đẹp; từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh có những lời khinh mạn lẫn nhau, ‘Sắc da của ta hơn, sắc người không bằng.’ Nhân màu sắc hơn kém mà sanh ra sự khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền mất. Khi vị của đất đã mất, các chúng sanh kia liền tụ tập nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này, ‘Hỡi ôi vị đất! Hỡi ôi vị đất!’ Cũng như người đời nay ngậm tan vật ngon; chúng không nói chữ

của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa¹⁴. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

“Này Bà-tu-tra, sau khi vị của đất mất, chất béo của đất¹⁵ có sắc, hương, vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc của sanh tô và thực tô. Vị như thế nào? Như [675a] vị của mật ong. Chúng sanh kia ăn chất béo của đất này mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài.

“Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da xanh xấu, người ăn chất béo của đất ít thì có sắc da đẹp, từ đó có sự phân biệt hơn kém về sắc da. Nhân màu sắc có hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng nói nhau lời khinh mạn: ‘Sắc của ta hơn, sắc người không bằng.’ Do sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên chất chất béo của đất liền tiêu mất. Khi chất béo của đất tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: ‘Hỡi ơi chất béo của đất! Hỡi ơi chất béo của đất!’ Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa¹⁶. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

“Này Bà-tu-tra, sau khi chất béo của đất tiêu mất, một loại bà-la¹⁷ có sắc, có hương vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc hoa gia-đàm.¹⁸ Vị nó như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Họ ăn dây bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu dài.

“Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào ăn bà-la nhiều thì sắc da thành xấu, người ăn ít bà-la thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu da. Nhân sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh nói lời khinh mạn với nhau rằng, ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng.’ Nhân sắc có

¹⁴ Pāli: *tad eva porāṇaṃ aggaññaṃ akkharaṃ anupatanti, na tv ev’ assa atthaṃ ājānanti*, chúng nói theo văn tự ấy của thượng cổ, mà không biết ý nghĩa của nó.

¹⁵ Hán: địa phì 地肥. Pāli: *bhūmipappaṭaka*, một thứ bánh (sữa bò trộn với gạo) của đất. No.1(5) dịch là *địa bính* 地餅.

¹⁶ Xem cht.15 trên.

¹⁷ Bà-la 婆羅. Pāli: *badālatā*, một loại dây leo hay bò. No.1(5): *lām đẵng* 林藤, dây sắn, hay dây leo rừng.

¹⁸ Gia-đàm hoa 加曇華. No 10: giống như cành ca-lung-phạ-ca 迦籠嚩迦枝 có bốn màu. Pl.: *kalambukā* (= *nālikā*, Sớ giải): một loại cỏ ống?

hơn kém mà sanh khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền diệt mắt. Khi bà-la đã diệt mắt, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: ‘Hỡi ơi bà-la! Hỡi ơi bà-la!’ Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

“Này Bà-tu-tra, sau khi bà-la diệt mắt, loại nếp tự nhiên¹⁹ sanh ra cho các chúng sanh kia. Trắng tinh, không vỏ cũng không có cám, trấu; dài bốn tấc. Sớm mai cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh; lúa chín có vị muối, không có mùi sống. Chúng sanh ăn loại nếp tự nhiên này. Sau khi họ ăn nếp tự nhiên này, tức thì sanh ra sự khác nhau về thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con trai, hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con gái. Sau khi các chúng sanh này trở thành hình trai và hình gái, họ thấy nhau bèn nói như thế này: ‘Ôi, ác chúng sanh ra đời! Ác chúng sanh ra đời!’

“Này Bà-tu-tra, ác chúng sanh đó là nói người đàn bà. Khi chúng sanh kia đã trở thành hình trai và hình gái, thì họ nhìn ngắm nhau. Nhìn ngắm nhau rồi, nhìn kỹ nhau bằng mắt; mắt nhìn kỹ rồi, thì họ [675b] nhiễm nhau; nhiễm nhau rồi, liền sanh bức rức; bức rức rồi, thì ái trước nhau; ái trước nhau rồi, họ làm chuyện dâm dục. Nếu họ bị bắt gặp trong lúc hành dục, người ta bèn dùng cây, đá, hoặc dùng gậy, đất cục mà đánh, ném, và nói như thế này: ‘Ôi, bọn họ xấu xa, làm việc phi pháp! Tại sao chúng sanh làm chung nhau chuyện như vậy?’ Cũng như người thời nay khi rước vợ mới người ta rải hoa, hay buông rũ những tràng hoa và nói như thế này: ‘Chúc cô dâu bình an! Chúc cô dâu bình an!’²⁰ Đó là việc mà xưa kia thì người ta ghét, còn nay thì người ta yêu.

“Này Bà-tu-tra, cũng có chúng sanh ghét pháp bất tịnh, ghê tởm, sỉ nhục, hổ thẹn, người đó liền xa đám đông²¹ từ một ngày, hai ngày, đến sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng cho đến một năm.

“Này Bà-tu-tra, nếu chúng sanh nào muốn làm việc bất tịnh này, thì người ấy bèn làm nhà và nói như thế này: ‘Ta làm chuyện xấu trong này!’

¹⁹ Tự nhiên canh mễ 自然粳米. Pāli: *akatṭhapāko sāli*, thứ thóc lúa tự chín, không cần canh tác.

²⁰ Pāli: bị những người khác ném tro, bùn đất, hay phân bò, và nhiếc mắng.

²¹ Pāli, những con người hành dâm đầu tiên bị cộng đồng xa lánh.

Ta làm chuyện xấu trong này!’ Này Bà-tu-tra, đó là nhân duyên đầu tiên trong thế gian có pháp dựng nhà. Đó là trí tối sơ kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người²².

“Ồ đây, có một chúng sanh lười biếng. Người ấy nghĩ như thế này: ‘Tại sao ta phải mỗi bữa đi lấy nếp tự nhiên? Sao ta không lấy luôn cho đủ ăn một ngày?’ Người ấy bèn gom lấy gạo ăn cho một ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác nói với người ấy rằng: ‘Này Chúng sanh, ông đi lấy gạo với tôi chẳng?’ Vị ấy trả lời: ‘Tôi đã gom đủ. Ông đi lấy một mình vậy.’ ‘Chúng sanh kia nghe rồi, liền nghĩ như thế này: ‘Thật là hay, thật là khoái! Ta cũng có thể lấy luôn gạo ăn cho ngày mai chẳng?’ Người này bèn lấy luôn gạo cho ngày mai.

“Lại có một chúng sanh khác nói với người này rằng: ‘Này Chúng sanh! Ông hãy đi lấy gạo với tôi không?’ Chúng sanh kia đáp: ‘Tôi đã lấy luôn gạo cho ngày mai, ông đi một mình vậy.’ Chúng sanh này nghe rồi, bèn nghĩ như thế này: ‘Thật là hay, thật là khoái! Ta nay nên lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày.’ Khi chúng sanh này lấy loại lúa tự nhiên tích tụ rất nhiều; lúa nếp được cắt bèn sanh ra vỏ và cám, cắt lấy cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ và cám. Cắt đến đâu, chỗ ấy không còn mọc trở lại nữa.

“Bấy giờ, các chúng sanh mới cùng nhóm họp, khóc lóc nảo nề mà nói thế này: ‘Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác, bất thiện; bọn chúng ta cắt chừa gạo để lâu. [695c] Vì sao? Bởi lẽ, chúng ta trước kia có sắc tướng thù diệu, và do ý hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm thức ăn, tự nhiên chói sáng, bay trong hư không, sống lâu dài với tịnh sắc. Chúng ta sanh ra vị của đất có sắc, hương, vị. Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô và thực tô. Vị thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại trong một thời gian lâu dài. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất, sắc da thành xấu. Người ăn vị của đất ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng.’ Nhân sắc có hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền tiêu mất. Sau khi vị của đất tiêu mất, loại chất béo của đất, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô, thực tô. Vị như thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta

²² Xem cht. 26 ở đoạn sau.

ăn chất béo của đất mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài. Người nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da thành xấu; người ăn chất béo của đất ít thì sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng.’ Vì sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Sau khi chất béo của đất tiêu mất, loại bà-la, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? Sắc như hoa gia-đàm. Vị như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Chúng ta ăn bà-la mà tồn tại ở thế gian lâu dài. Người nào nếu ăn bà-la nhiều, thì sắc da thành xấu, người ăn bà-la ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng.’ Nhân sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền tiêu mất. Sau khi bà-la mất, loại nếp tự nhiên sanh ra cho chúng ta, trắng tinh, không vỏ, cũng không cám, trấu; dài bốn tấc, sáng cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh, lúa chín có chất muối, không có mùi sống. Chúng ta ăn nếp tự nhiên kia. Khi chúng ta tích tụ loại nếp tự nhiên rất nhiều; nếp lúa được cất liền sanh vỏ, cám, cắt cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ, cám; cắt đến đâu, chỗ đó không còn mọc trở lại nữa. Vậy chúng ta phải làm thành ruộng, và cấy mọc chãng?’

“Rồi các chúng sanh ấy làm ruộng, gieo giống và cấy mọc. [676a] Trong khi đó có một chúng sanh đã có lúa của mình, còn vào ruộng người khác mà lấy trộm lúa. Người chủ ruộng thấy vậy bèn nói như thế này: ‘Chao ôi! Chúng sanh xấu ác đã ra đời! Tại sao người làm như vậy? Người có lúa của người mà còn vào ruộng của người khác lấy trộm lúa. Hãy đi đi! Về sau đừng làm như vậy nữa.’ Song chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai ba lần nữa. Người chủ ruộng

cũng hỏi hai ba lần, thấy rồi, liền nắm tay thoi chúng sanh kia, lôi đến chỗ đông người và nói với mọi người rằng: ‘Chúng sanh này có lúa của nó mà còn vào ruộng tôi lấy trộm lúa tôi.’ Chúng sanh kia cũng nói với mọi người rằng: ‘Chúng sanh này nắm tay tôi, thoi tôi, lôi tôi đến chỗ đông người.’ Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp, khóc lóc nã ñề và nói như thế này: ‘Chúng ta sanh pháp ác bất thiện, đó là phải giữ ruộng vậy. Vì sao? Vì gìn giữ ruộng, cho nên mới cùng nhau tranh tụng, có mất mát, kiệt tận, có nói chuyện nhau bằng lời, có thoi nhau bằng nắm tay. Trong số đông này chúng ta hãy cử ra một người đoan chánh, có hình sắc rất đẹp ñẽ, lập làm ñiền chủ.²³ Nếu người nào ñáng quở trách thì phải ñể cho ông ấy quở trách. Nếu người nào ñáng ñuổi thì ñể cho ông ấy ñuổi. Còn lúa bộn chúng ta thu ñược thì nên theo ñúng như pháp chờ ñến cho ông ấy.’

“Khi ấy trong số chúng sanh kia có một người đoan chánh, hình sắc đẹp ñẽ ñệ nhất, họ bèn cử ra, lập làm ñiền chủ. Nếu có ai ñáng quở trách thì

²³ ñiền chủ. Pl.: *khettānam adhipati*.

ông ấy quở trách; nếu có ai đáng đuổi, thì ông ấy đuổi. Nếu có lúa thì họ đúng như pháp chở đến cho điền chủ. Điền chủ đó tức là Sát-lị²⁴. Làm cho chúng sanh hoan lạc đúng như pháp, thủ hộ và hành giới là vua²⁵. Vua được gọi là vua vậy.

“Này Bà-tu-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lị trong thế gian. Đó là trí tối sơ kỳ cựu,²⁶ đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

“Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi rừng vắng²⁷, làm nhà lá để ở và học Thiền. Người ấy từ chỗ vô sự, mỗi buổi sáng vào thôn ấp hay vương thành mà khát thực. Số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí cho, cung kính, tôn trọng và nói như thế này: ‘Chúng sanh này cho rằng thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, nên đã từ bỏ thủ hộ, nương nơi rừng vắng làm nhà lá để ở và học Thiền. Này chư Tôn, người này đã xả bỏ sự gây hại, pháp ác, bất thiện.’ Đó là Bà-la-môn. Do đó Bà-la-môn [676b] được gọi là Bà-la-môn vậy²⁸.

²⁴ Định nghĩa từ *sát-đế-lị*; Pāli: *khettānaṃ adhipatīti...khattiyo*, “Khattiya (sát-lị), là người chủ của ruộng đất”.

²⁵ Định nghĩa từ “vua”. Pāli, từ *rājā* (vua) được nói là xuất xứ từ động từ *rañjeti*, làm vui lòng. Pāli: *dhammena pare rañjetīti rājā*, “Vua, là người đúng như pháp mà làm vui lòng mọi người”.

²⁶ Cựu đệ nhất trí: nguồn gốc đầu tiên, tối sơ của trí (nhận thức) xuất hiện. Pl.: *evam etassa khattiyamaṇḍalassa porāṇena aggaññena akkharena abhinibbatti ahoṣi tesamyeva sattānaṃ aññesaṃ. sadiśānaṃyeva no asadiśānaṃ. dhammeneva no adhammena. dhammo hi seṭṭho janetasam ditthe ceva dhamme abhisamparrāyaṇca*. “Đó là sự xuất hiện của giới vực khattiya với âm vận nguyên thủy tối cổ ở giữa các chúng sanh này chứ không không phải nơi khác, đồng dạng chứ không phải không đồng dạng, đúng pháp chứ không phải phi pháp. Pháp là tối thượng giữa sanh loại trong hiện tại và vị lai.”

²⁷ Pāli: *araññāyatane*, vô sự xứ, trong khu rừng vắng.

²⁸ Định nghĩa ngữ nguyên của từ Bà-la-môn; Pāli: *pāpake akusale dhamme bāhetīti... brāhmaṇā*, “Bà-la-môn là những người loại bỏ pháp ác bất thiện”. Từ *brāhmaṇa* được giải thích là do động từ *bāheti*: loại bỏ, tống khứ.

“Chúng sanh kia học Thiên mà không đắc Thiên, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không đắc viễn ly, học nhất tâm mà không đắc nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ chỗ rừng vắng, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, sáng tác kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy, bèn không bố thí, không cung kính, tôn trọng nữa và nói như thế này: ‘Chúng sanh này trước kia coi thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, bèn từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học Thiên, nhưng không thể đắc Thiên, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không được viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn liền bỏ nơi vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Nay chư Tôn, người này lại học sự bác văn, không học Thiên nữa. Bác văn do đó được gọi là bác văn vậy²⁹.”

“Này Bà-tu-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Bà-la-môn trong thế gian. Đó là trí tối sơ kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

“Bấy giờ, các chúng sanh khác, mỗi người đến mỗi phương mà làm ruộng; người thì đi về phương này mà làm nghề làm ruộng; người thì đi về phương kia mà làm nghề làm ruộng. Đó là dòng Phệ-xá.³⁰”

“Này Bà-tu-tra, đây là nhân duyên đầu tiên có dòng Phệ-xá trong đời. Đó là trí tối sơ kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

“Này Bà-tu-tra, khi thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư³¹. Tại sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng Sa-môn thứ tư? Trong dòng tộc Sát-lị có những thiện

²⁹ Pāli, định nghĩa *ajjhāyaka*, hạng người có học thức: *na dān' ime jhāyantī ti. ajjhāyaka*, “Họ không tu thiên, nên gọi họ là *ajjhāyaka*”. Theo ngữ nguyên này, *ajjhāyaka* (người bác văn) là do động từ *jhāyati*, tu thiên.

³⁰ D iii. 95: *methunaṃ dhammaṃ samādāya visukammante payojentīti kho, vāsetṭha, 'vessā, vessā'*, “sau khi thọ trì pháp đảm dục, chúng theo đuổi nhiều loại chức nghiệp, cho nên chúng được gọi là *vessā*.” Ngữ nguyên của từ *vessā*, giai cấp thứ ba, được giải thích là do từ “*visu(m)*: mỗi mỗi riêng biệt” trong từ *visukammanta*: nhiều chức nghiệp khác nhau.

³¹ Trong bản Pāli, giai cấp thứ tư là *suddā* (Thủ-đà-la).

nam tử hay tự quở trách mình, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình học đạo, và suy nghĩ thế này: ‘Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh.’ Người ấy bèn làm Sa-môn, tu Phạm hạnh. Thiện nam tử trong dòng tộc Bà-la-môn, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng tự quở trách, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cũng nghĩ như thế này: ‘Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh,’ bèn làm Sa-môn và tu Phạm hạnh.

“Này Bà-tu-tra, như vậy, trong thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết [676c] có dòng Sa-môn thứ tư.

“Này Bà-tu-tra, nay Ta nói rộng về ba chủng tánh này. Nói rộng về ba chủng tánh này thế nào? Một thiện nam tử thuộc chủng tộc Sát-lị mà thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

“Cũng vậy, thiện nam tử trong dòng tộc Bà-la-môn, dòng tộc Phệ-xá, thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý, làm pháp bất thiện, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ.

“Này Bà-tu-tra, một thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lị mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại chung, nhất định sẽ thọ lạc.

“Cũng vậy, thiện nam tử dòng tộc Bà-la-môn, dòng tộc Phệ-xá, mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp, thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ thọ lạc.

“Này Bà-tu-tra, thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lị, thân làm hai hành vi,³² và hộ hành³³, khẩu, ý làm hai hành vi và hộ hành, thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

“Cũng vậy, này Bà-tu-tra, thiện nam tử thuộc dòng tộc

Bà-la-môn hay Phệ-xá, thân làm hai hành vi và hộ hành,

khẩu, ý làm hai hành vi và hộ hành, thì người đó khi

thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc.

³² Nhị hành 二行. Pl. *dvayakārī*, khi thì hành thiện, khi thì hành bất thiện.

³³ Hộ hành 護行; chi hành vi thủ hộ.

“Này Bà-tu-tra, thiện nam tử dòng tộc Sát-lị tu bảy giác pháp,³⁴ khéo tư duy và khéo quán sát, biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, sẽ không còn tái sanh nữa.

“Cũng vậy, thiện nam tử dòng tộc Bà-la-môn, dòng tộc Phệ-xá tu bảy giác pháp, khéo tư duy, khéo quán sát; người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.

“Này Bà-tu-tra, như vậy, Ta đã phân biệt rộng rãi về ba chủng tánh này vậy.

“Phạm thiên đế chúa³⁵ nói bài kệ:

*Lôi hai cñn, Sít-l t i ton,
yỉ ch tr ng cũ ch ng t c.
Nh ng ai c u h c Minh v H nh,
V y, Thĩn, Nĩn u ỉn tĩn.*

“Này Bà-tu-tra, Phạm thiên đế chúa khéo nói bài kệ này chứ không phải không khéo, khéo ca ngợi, phúng tụng chứ không phải không khéo, khéo ngâm vịnh và nói, chứ không phải không khéo, nói như thế này:

*Lôi hai cñn, Sít-l t i ton,
yỉ ch tr ng cũ ch ng t c.
[677a]Nh ng ai c u h c Minh v H nh,
V y, Thĩn, Nĩn u ỉn tĩn.*

“Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy:

*Lôi hai cñn, Sít-l t i ton,
yỉ ch tr ng cũ ch ng t c.
Nh ng ai c u h c Minh v H nh,*

³⁴ Thất giác pháp 七覺法. Pī: *sattanam bodhipakkhiyānam dhammānam*, pháp bảy giác phần. Số giải: cattāro satopattāhānā ti ādikhoṭṭhāsavasena sattannam, bảy bộ phận gồm bốn niệm xứ, v.v., tức gồm cả 37 đạo phẩm.

³⁵ Phạm thiên đế chúa 梵天帝主. Pāli: Sanam-kumāra Brahamaṇ, **Thuong** đồng hình Phạm thiên (Phạm thiên trong hình dáng con nít).

V ỳ, Thĩn, Nĩn u ỉn tĩn.”

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Bà-tu-tra, Bà-la-bà và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.



155. KINH TU-ĐẠT-ĐA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa¹ đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

“Gia đình của Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?”

Cư sĩ trả lời:

“Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí. Nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai, chỉ có một miếng gừng, một lá rau.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Cư sĩ, dù bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thức mỹ diệu, thầy đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu, không tin mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tin mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn² được nhà đẹp, không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chần đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu nhưng có tin mà bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tin mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn được áo chần đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, không tin mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tin mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được

¹ Tu-đạt-đa 須達哆; tên thật của ông Cấp Cô Độc 給孤獨. Pāli: Sudatta.

² Hán: bất dục 不欲. Pl.: *na cittaṃ namati*, không hướng tâm đến.

nhà đẹp, [677b] không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chần đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn áo chần đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, thuở xưa có Bà-la-môn đại trưởng giả tên là Tỳ-lam³ rất giàu có, của cải vô lượng, có nhiều phong hộ, thực ấp, có nhiều châu báu, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính kể. Vị ấy bố thí như thế này: tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc, đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn thốt voi được trang sức dây trắng đan lại, phủ lên, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng dây kim hợp phi-na⁴, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn con bò lấy y làm dây thừng và phủ lên bằng y, có thể cung cấp một học sữa, thực hành đại bố thí như vậy. Tám vạn bốn ngàn người nữ, tư dung đẹp đẽ, ai nhìn cũng thích, trang sức đầy đủ châu báu, thực hành đại bố thí như vậy. Ngoài ra lại có những thức ăn cứng và mềm khác nữa.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù nữa, thì so với đại bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, và bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hoàn, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn

³ Tỳ-lam 隨籃. Pāli: Velāma, một tiên thân của Phật.

⁴ Phi-na 霏那, theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa* 52 (tr.652b), đây là âm tiếng Phạm, có nghĩa là “phước đức hành”.

nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, và bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, [677c] bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cho một trăm vị Tu-đà-hàm như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm như thế. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-la-hán, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Bích-chi-phật, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như vậy. Nếu lại có người bố thí thức ăn cho một Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù; bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật như thế. Nếu lại có người tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, thì so với sự bố thí này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo

bốn phương như thế. Nếu lại có người với tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, lại thọ giới, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, và thọ giới; nếu lại có người trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, thì so với sự bố thí kia, việc này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tỳ-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, [678a] một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho Chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.

“Này Cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Bà-la-môn đại trưởng giả Tỳ-lam thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Nên biết rằng, đó chính là Ta vậy. ta thuở xưa là Bà-la-môn đại trưởng giả tên là Tỳ-lam.

“Này Cư sĩ, Ta bấy giờ vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nhưng lúc bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rớt ráo, chưa rớt ráo bạch tịnh, chưa rớt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rớt ráo Phạm hạnh; nên lúc bấy giờ, Ta chưa lìa được sanh, già, bệnh, chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này Cư sĩ, Ta nay là Bạc Xuất Thế, là Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải,

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Ta vì lợi cho mình cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh; nên nay Ta đã lìa khỏi sự sanh, sự già chết, khóc lóc, áo não. Ta nay đã giải thoát khỏi mọi khổ đau.”

Đức Phật thuyết như vậy, Cư sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Bà-la-môn nước Câu-sa-la, vào lúc xế trưa, quanh quần đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên và thưa:

“Này Cù-đàm, chúng tôi có điều muốn hỏi, ông có nghe chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Các ông có điều gì hỏi gì thì hỏi.”

Nghe thế, các Bà-la-môn hỏi:

“Này Cù-đàm, bây giờ còn có Bà-la-môn học pháp Bà-la-môn cổ đại¹ [678b] hay đã vượt khỏi² pháp Bà-la-môn cổ đại rồi chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Nay không còn Bà-la-môn học pháp Bà-la-môn cổ đại. Bà-la-môn đã vượt khỏi pháp Bà-la-môn cổ đại từ lâu rồi.”

Nghe thế, các Bà-la-môn hỏi:

“Này Cù-đàm, tại sao nay không còn Bà-la-môn học pháp Bà-la-môn cổ đại và các Bà-la-môn vượt khỏi pháp Bà-la-môn cổ đại từ bao giờ?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

*Vì xưa có Bà-la-môn,
Tự chế ngự, nhiệt hành³,
Bỏ năm công đức dục,
Hành Phạm hạnh thanh tịnh.*

*Phạm hạnh và giới hạnh,
Khiến tâm tính nhu thuận,
Rộng lượng, tâm không hại,
Nhẫn nhục thủ hộ ý.*

Thuở xưa có pháp này,

¹ Cổ phạm chí pháp 故梵志法. Pāli (Sn 2.7. Brāhmaṇadhammika): *porāṇānaṃ brāhmaṇānaṃ brāhmaṇadhamma*, pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thượng cổ.

² Pl. *sandissanti*, phù hợp.

³ Hán: nhiệt hành 熱行; Pāli: *tapassin*, khổ hành giả.

Bà-la-môn chẳng hộ:
 Bà-la-môn không hộ
 Của cải, tiền, lúa gạo.
 Tung đọc là tài sản,
 Thủ hộ kho tàng này.

Sắc áo đủ các loại,
 Nhà cửa và giường chõng,
 Dân các nước, các thành,
 Học Bà-la-môn này⁴:
 Chớ hại Bà-la-môn,
 Pháp thủ hộ bậc nhất.⁵

Đi đến cửa nhà người,
 Không ai ngăn cản họ.
 Lần lượt xin từng nhà,
 Xin ăn theo từng bữa.
 Những Bà-la-môn tại gia,
 Trông thấy, thích bố thí.

Bốn tám năm đã tròn,
 Tu Phạm hạnh thanh tịnh,
 Mong Minh, Hạnh chóng thành:
 Cổ Bà-la-môn như vậy.

Không lấy trộm của cải,
 Cũng không hề sợ hãi,
 Thương mến đùm bọc nhau,
 Và cùng sống hòa hợp.

Bởi không có phiền não,
 Pháp liên hệ oán, dâm:

⁴ Sn 289: *nānārattehi vatthei sayanehi āvasatthehi ca phitā janapadā ratṭhā te namassimsu brahmaṇe*, bằng các loại vải vóc, giường chõng, nhà cửa, nhân dân từ các nước giàu có đến lễ những người Bà-la-môn.

⁵ Sn: *ajeyyā dhammarakkhitā*, (Bà-la-môn) bất khả xâm phạm, vì được bảo vệ bởi pháp.

Tất cả các Bà-la-môn,
Không hay hành như vậy.⁶

Nếu có hạnh bậc nhất,
Bà-la-môn quyết cầu.
Các pháp dâm dục ấy,
Không thực hành, dù mộng.
Nhân các phạm hạnh ấy,
Tự xưng "Ta là Phạm"
Biết họ có hạnh ấy,
Bậc có trí nên biết.

Giường thưa, chiếc áo mỏng,
Cơm, sữa cốt sanh tồn,
[678c]Khát cầu đều như pháp,
Trai tự, hành bố thí,
Hiến tế, chẳng cầu khác,
Chỉ cầu xin nơi mình.

Lúc tổ chức trai thí,
Người ấy không giết bò;
Như cha mẹ, anh em,
Và các người thân khác,
Xem người, bò cũng vậy.
Nhân đó sanh khoái lạc.⁷

Ăn uống, thân khoẻ mạnh,
Nhờ vậy mà yên vui.
Biết được nghĩa lý này,
Không ưa giết hại bò.
Mềm mại, thân lực lớn,
Tinh sắc, được khen ngợi.

⁶ Sn 293: Trong thời vợ có kinh (*utuveramañiṃ pati*), Bà-la-môn không hành dâm dục.

⁷ Sn 298: *gāvo no paramā mittā, yāsu jāyanti osadhā*, bò là những bạn bậc nhất của chúng tôi vì ở nơi chúng sanh ra thuốc hay (nằm vị từ sữa).

*Ăn cần tự cầu lợi,
 Như vậy, Bà-la-môn xưa.
 Bà-la-môn lợi mình,
 Biết nên làm, phải tránh.
 Cõi này, trong tương lai,
 Người ấy nhất định thoát.*

*Tuần trăng đã quá tuần,
 Xíng ý xin cầu thân
 Đêm dài mãi du hí,
 Những người vợ phấn son.
 Đàn bò, quây trước mặt,
 Vợ đẹp nói sau lưng,
 Dục vi diêu ở đời.
 Bà-la-môn thường ước.*

*Ngựa xe trang bị đủ,
 Tinh xảo, kheo thêu thùa,
 Hôn nhân và nhà cửa,
 Bà-la-môn thường ước.*

*Họ sáng tác sách này:⁸
 Chúng tôi từ kia lại,
 Đại vương⁹ mở cuộc chạy,
 Dừng để mất tài lợi.
 Nhiều tài vật lúa gạo,
 Cùng tiền tài khác nữa.*

Đại vương tương ưng đở¹⁰,

⁸ Sn 304: bị tạo tác thử phược 彼造作此縛. Pī.: *te ca tattha mante ganthetvā*, “sau khi họ biên tập Thánh điển.”

⁹ Trong bản Pāli: Okkāka (Cam Giá vương), Tổ tiên của dòng họ Thích-ca.

¹⁰ Hán: Đại vương tương ưng thử 大王相應此. Câu này và câu kế tiếp, bản Hán tối nghĩa. Pāli: *tato ca rājā saññatto (brahmanehi)*: Vua được khuyên bảo bởi các người Bà-la-môn. Pāli: *saññatta*: khuyến cáo, trong bản Hán đọc là *saṃyutta*: tương ưng.

*Bà-la-môn và xe cộ¹¹;
Tể voi và tể ngựa,
Tể ngựa được suốt thông¹²,
Tụ tập làm trai thí,
Thí cho Bà-la-môn.*

*Họ do đó được lợi,
Say mê đắm tài vật,
Họ khơi dậy lòng dục,
Càng dục càng say mê.*

*Cũng như ao nước rộng,
Và vô lượng tài vật,
Cũng vậy, người có bò,
Các vật dụng sanh sống.*

*Họ sáng tác sách này:,
Chúng tôi từ kia lại,
Đại vương mở cuộc chay,
Đừng để mất tài lợi;
[679a]Nhiều tài vật lúa gạo,
Nếu ngài có nhiều bò*

*Đại vương tương ưng đó,
Bà-la-môn và ngựa xe.
Bò vô lượng trăm ngàn,
Vì trai tỵ mà giết,*

*Đầu, sừng không nào hại,
Bò heo thời xưa kia:
Đi đến nắm sừng bò,*

¹¹ Pāli: *brahmaṇehi rathesabho*, “(vua) là chúa của binh xa, được khuyên bởi những người bà-la-môn.” Xem **cht. 10** trên.

¹² Sn 305: *tato ca rājā saññatto brāhmaṇehi rathesabbho assamedham purisamedham sammāpāsam vācapeyyam maggaḷam*, do sự khuyên bảo của các Bà-la-môn, nhà vua, chúa của binh xa, cử hành các tế lễ: tế ngựa, tế người, tế quăng gậy, tế rượu Soma, tế lễ vô già (không hạn chế). Xem các **cht. 5, 6** trên.

Cầm dao bén mà giết.

*Vì bò mà Tổ cha,
Và La sát tên Hương,
Họ hô hoán: phi pháp,
Khi cầm dao đâm bò.¹³*

*Pháp ấy hành trai thí,
Trái vượt cổ xưa nhất.¹⁴
Không hữu sự mà giết,
Suy thoái, rời xa pháp.*

*Thời xưa có ba bệnh,
Dục vọng, đời và già.
Do thù nghịch với bò,
Khởi bệnh chín mươi tám,*

*Thù nghịch ấy như vậy,
Nên kẻ trí rất ghét.
Nếu người thấy như vậy,
Ai mà không oán ghét.*

*Như vậy, trong đời này,
Vô trí thấp hèn nhất.
Mỗi, mỗi vì dục, tranh,
Như vợ rửa xả chồng.
Sát-lị, Bà-la-môn nữ,
Người chấp giữ chúng tánh,
Vi phạm pháp chúng tánh,
Dục tự do lung lạc.*

“Như vậy, này Bà-la-môn, hiện tại không còn Bà-la-môn học pháp Bà-la-môn cổ đại. Bà-la-môn đã vượt

¹³ Hán: hoán ngư cập ư phụ 喚牛及於父. Sớ giải Pali: khi vua cầm dao giết bò để tế, Tứ Thiên vương, Tổ phụ (của các Bf-la-môn), Đế Thích, v.v. kêu lên: “*adhammo*” phi pháp!

¹⁴ Sn 314: *okkanto purāṇo ahu*, người ta nói truyền từ cổ xưa.

khởi pháp Bà-la-môn cổ đại từ lâu rồi.”

Nghe vậy, các Bà-la-môn nước Câu-sa-la thưa:

“Bạch Thế Tôn, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thế, chúng con đã rõ. Nay chúng con tự đem mình quy y Phật, Pháp, và Chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận chúng con làm những Ưu-bà-tắc từ nay và đến trọn đời; chúng con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Bà-la-môn nước Câu-sa-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹⁵ □

¹⁵ Bản Hán, hết quyển 39.

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Tì-lan-nhã¹, trú trong vườn Hoàng lô².

Bấy giờ Bà-la-môn Tì-lan-nhã tuổi cao tác lớn, tuổi thọ gần dứt, mạng sống gần tàn, tuổi đã một trăm hai mươi, chống gậy mà đi. Vào buổi xế trưa, Bà-la-môn ấy thong dong đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, chống gậy đứng trước Đức Phật và nói:

“Này Cù-đàm, ta nghe Sa-môn Cù-đàm lúc thiếu thời, tuổi còn quá trẻ, vừa mới xuất gia học đạo, thế mà nếu có danh đức Sa-môn Bà-la-môn nào đích thân đi đến, vẫn không kính lễ, cũng không tôn trọng, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Này Cù-đàm, việc ấy quả không thể được.”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn nào từ loài Người cho đến Trời đi đến, khiến Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời các vị ấy ngồi. Này Bà-la-môn, nếu có ai đến mà muốn Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời ngồi, thì đầu của vị ấy chắc chắn vỡ thành bảy mảnh.”

Bà-la-môn lại nói:

“Cù-đàm vô vị³.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Bà-la-môn, có sự kiện khiến Ta vô vị, nhưng không phải như lời ông nói. Nếu có vị của sắc, vị của tiếng, vị của hương, vị của xúc, thì những thứ ấy đã bị Như Lai đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là kiện khiến Ta vô vị, nhưng không như lời ông nói.”

Bà-la-môn lại nói:

“Cù-đàm không biết sợ⁴.”

¹ Bệ-lan-nhã 鞞蘭若. Pāli: verañjā, tên thôn.

² Hoàng lô 黃蘆. No 75: Hòng trúc viên 黃竹園. Pāli: *naḷerupucimanda-mūle*, dưới gốc cây Nelerupucimanda, không biết cây gì. Sớ giải nói *pucimanda* là cây nimba (Azadirachta Indica). Naḷeru, tên một quý dạ-xoa.

³ Pāli (A. iv. 173): *arasarūpo bhavaṃ gotamo*, Tôn giả Gotama không có sắc vị (không thực chất). No.75: Sa-môn Cù-đàm này nhắc nhơn.

Đức Thế tôn đáp:

“Này Bà-la-môn, có sự kiện khiến Ta không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói. Nếu có sợ hãi sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì Như Lai đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là sự kiện khiến Như Lai không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói.”

Bà-la-môn lại nói:

“Cù-đàm không nhập thai⁵.”

Đức Thế Tôn đáp:

“Có sự kiện khiến Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với sự mang thai trong tương lai mà đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, Ta nói rằng vị ấy không đầu thai. Như Lai đối với sự mang thai trong tương lai đã vĩnh viễn đoạn trừ, tuyệt diệt, nhổ tận gốc rễ, [679c] không bao giờ sanh lại nữa, cho nên Ta không đầu thai. Đó là sự kiện Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói.

“Này Bà-la-môn, Ta ở trong chúng sanh này đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị phủ kín trong vỏ trứng vô minh, thì Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

“Cũng như gà mái sanh trứng, mười hoặc mười hai trứng, luôn luôn nghĩ nhớ, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, giả sử gà mái buông trôi; gà con ở bên trong, hoặc dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân mà chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đối với các gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, Ta ở trong chúng sanh này, đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị bọc kín trong vỏ trứng vô minh. Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy

⁴ Hán: Cù-đàm vô khủng bố 瞿曇無恐怖; No.75 cũng vậy. Pāli: nibbhogo bhavaṃ Gotamo, Tôn giả Gotama là người không biết hướng thụ. Nibbhoga (không thọ dụng), các bản Hán đều đọc là nibbhaya, không sợ hãi.

⁵ Pāli: apagabbho bhavaṃ Gotamo.

Ta là bậc nhất.

“Này Bà-la-môn, Ta ôm cỏ khô đi đến cây Giác thọ, rãi cỏ xuống gốc cây, trái ni-sur-đàn lên mà ngồi kiết già, quyết ngồi ngay ngắn, thề cho đến khi dứt sạch các lậu mới thôi. Rồi Ta ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch các lậu. Sau khi ngồi ngay ngắn, Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, đạt được Thiền thứ nhất, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, sau khi Ta tâm tứ dứt sạch, bên trong tịch tĩnh, nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc do định sanh, đạt được Thiền thứ hai, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ hai, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta ly hỷ, ly dục, xả vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả, có niệm, an trụ lạc, đạt được Thiền thứ ba, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ chứng đắc tâm tăng thượng thứ ba, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ tư, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta [680a] đã đạt được định tâm thanh tịnh như thế, không uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Túc mạng trí thông và chứng đắc, nhớ vô lượng đời trước mà Ta đã trải qua, có hành động và có dung mạo thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành và hoại, chúng sanh kia tên như thế, thuở xưa trải qua đó. Ta từng sanh ở đó, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt tuổi thọ như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết chỗ kia sanh chỗ này; Ta sanh nơi này, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại

lâu dài như thế, chãm dứt mạng sống như thế. Bây giờ là lúc vào khoảng đầu, chứng đắc minh đạt thứ nhất này, nhờ trước kia không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh. Đó là Ta đắc minh đạt Túc mạng trí.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta đã đạt được định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Sanh tử trí thông và tác chứng. Ta bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt lên người thường, thấy chúng sanh này khi chết, khi sanh, sắc tốt sắc xấu, đẹp hay không đẹp, qua lại chỗ thiện và chỗ bất thiện tùy theo nghiệp mà chúng sanh này đã làm; Ta thấy điều đó một cách như thực. Nếu chúng sanh này thành tựu ác hành bởi thân, miệng, ý, phi báng Thánh nhân, thành tựu tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, nó do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung tất đến cõi dữ, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu diệu hành bởi thân, miệng, ý, không phi báng Thánh nhân. thành tựu chánh kiến, có nghiệp chánh kiến. Nó do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung tất đi lên cõi lành, sanh lên trên trời. Như vậy Ta bây giờ lúc nửa đêm đạt được minh đạt thứ hai này, do trước kia không buông lung, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh. Đó là Ta đắc minh đạt Sanh tử trí thông.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta đã đạt được định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Lậu tận thông và chứng đắc. Ta biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ,’ biết như thật rằng ‘đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo’; biết như thật rằng: ‘Đây là lậu’, biết như thật rằng ‘đây là lậu tập, [680b] lậu diệt, lậu diệt đạo.’ Ta biết như thế, Ta thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’” Bây giờ là vào lúc cuối đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ ba này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, trí pháp sanh, mê ám tiêu tan, minh thành tựu, vô minh hoại diệt, minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt Lậu tận trí.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu có ai với sự thuyết giảng chân chánh mà thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh ra trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh, vị ấy là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín, nên biết rằng vị thuyết giảng chân chánh ấy chính là Ta. Vì sao? Vì Ta thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh ấy, Ta là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín.”

Nghe vậy, Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật và bạch Thế Tôn:

“Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn thật vĩ đại, Thế Tôn tối thượng, Thế Tôn cao tột, Thế Tôn chánh đẳng, Thế Tôn không có ai bằng, Thế Tôn không có một ai so sánh, Thế Tôn không chướng ngại, Thế Tôn là bậc không gây chướng ngại! Bạch Thế Tôn, con nay nguyện đem mình quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Bà-la-môn xứ Tỳ-lan-nhã và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



158. KINH ĐÀU-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Bà-la-môn Đâu-na,¹ vào lúc xế trưa, ung dung đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi nhau rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Đâu-na, nếu ai hỏi: ‘Ông là Bà-la-môn phải không?’ thì ông có tự xưng mình là Bà-la-môn chăng?”

Bà-la-môn Đâu-na đáp:

“Này Cù-đàm, nếu ai đáng xưng là Bà-la-môn, thì người ấy phải được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không bị xấu, học rộng, trí chú, tụng đọc tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí, thứ năm là văn phạm.² Này Cù-đàm, người đáng gọi là Bà-la-môn thì chính là tôi vậy. [680c] Vì sao? Vì tôi được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, trí chú, tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí và văn phạm.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Đâu-na, Ta nay hỏi ông, ông hiểu thế nào thì trả lời thế ấy. Này Đâu-na, nếu thuở xưa có Bà-la-môn, lúc thân hoại mạng chung, đã đọc tụng kinh điển, truyền bá kinh điển, tụng đọc kinh điển, đó là một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa³; lại chủ xướng có năm hạng Bà-la-môn: có Bà-la-môn ngang hàng Phạm thiên, có Bà-la-môn ngang hàng chư Thiên, có Bà-la-môn không vượt giới hạn, có Bà-la-môn vượt giới

¹ Đâu-na 頭那. Pl. Doṇa.

² Xem cht. kinh 63.

³ Danh sách các tiên nhân cổ đại, xem kinh 152 trên.

hạn, và thứ năm là Bà-la-môn Chiên-đồ-la⁴, thì này Đâu-na, trong năm loại Bà-la-môn ấy, ông thuộc hạng nào?”

Đâu-na đáp:

“Này Cù-đàm nói nghĩa ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi không hiểu được. Mong Sa-môn Cù-đàm khéo giải thích cho tôi biết.”

Thế Tôn đáp:

“Này Đâu-na, hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ! Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho ông.”

Đâu-na thưa:

“Xin vâng, thưa Cù-đàm.”

Đâu-na vâng lời, lắng nghe. Đức Phật giải thích:

“Này Đâu-na, thế nào là Bà-la-môn ngang hàng Phạm thiên? Bà-la-môn nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, không tuyệt chủng, đời đời không bị xấu. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh⁵ để thấu triệt kinh thư, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thư, tụng tập kinh điển, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu, an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, biến khắp mọi phương, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập,

⁴ Pāli: *ime pañca brāhmaṇe paññāpentī, brāhmasamaṃ devasamaṃ maruyadaṃ sambhinnamariyadaṃ brāhmaṇacaṇḍālaṃ yeva pañcamam*, năm hạng Bà-la-môn: ngang Phạm thiên, ngang chư Thiên, giữ quy tắc, phá vỡ quy tắc, và thứ năm là Caṇḍoṇḍāla.

⁵ Đồng tử phạm hạnh 童子梵行, sống trinh khiết. Pāli: *komārabrahmacariya*.

biển mẫn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Cũng như vậy, bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biển mẫn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Đây Đâu-na, [681a] như vậy gọi là Bà-la-môn ngang hàng Phạm thiên.

“Đây Đâu-na, thế nào Bà-la-môn ngang hàng chư Thiên? Bà-la-môn nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không bị xấu. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua⁶, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau đó bố thí của cải, vị ấy thực hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Khi đã thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, vị đó nhờ nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Đây Đâu-na, như vậy gọi là Bà-la-môn ngang hàng chư Thiên.

“Đây Đâu-na, thế nào là Bà-la-môn không vượt giới hạn? Bà-la-môn nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không bị xấu. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin

⁶ Các nghề không làm, theo Pāli: *neva kasiyā na vañijjāya na gorakkhena na isatthēna na rājaporisena na isappaññatarena*, không theo nông sư, không theo thương nghiệp, không theo chăn nuôi, không theo cung kiếm, không theo quan chức của vua, không theo công xảo.

của cái để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cái, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Bà-la-môn không có ý như vậy đối với nữ Bà-la-môn: ‘Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.’ Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Bà-la-môn chứ không phải người nữ không thuộc dòng Bà-la-môn, cũng không phải người nữ dòng Sát-lị, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản⁷. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm⁸. Cho nên, Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh⁹. Cho nên Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Nay Đâu-na, Bà-la-môn ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phần son, mà chỉ vì cầu [681b] con. Sau khi sanh con trong mức độ nào là giới hạn ước định của những Bà-la-môn thời xưa, vị ấy dừng lại ở đó, giữ giới hạn đó, không vượt qua giới hạn đó. Nay Đâu-na, như vậy gọi là Bà-la-môn không vượt giới hạn.

“Nay Đâu-na, thế nào là Bà-la-môn vượt giới hạn? Bà-la-môn nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không bị xấu. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cái để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cái, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không

⁷ Pāli: *na pāyamānaṃ gacchati*, không tiếp cận (người nữ) đang cho bú.

⁸ Hán: bất tịnh dâm 不淨淫. Pāli: *atimīlhajo*, sanh ra từ đồng phân.

⁹ Hán: bất tịnh nhuế 不淨恚. Pāli: *asuciṭṭipīlito*, cưỡng bức bất tịnh, hay “do uống bất tịnh (*asucipata*)?”.

đúng như pháp? Bà-la-môn không có ý như vậy đối với nữ Bà-la-môn: ‘Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.’ Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Bà-la-môn chứ không phải người nữ không thuộc dòng Bà-la-môn, cũng không phải người nữ dòng Sát-lị, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm. Cho nên, Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh. Cho nên Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Nay Đâu-na, Bà-la-môn ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phần son, mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con, trong mức độ nào là giới hạn ước định Bà-la-môn thời xưa, vị ấy không dừng lại ở đó, không giữ nguyên giới hạn đó, mà vượt qua khỏi giới hạn đó. Nay Đâu-na, như vậy gọi là Bà-la-môn vượt khỏi giới hạn.

‘Nay Đâu-na, Bà-la-môn như thế nào là Bà-la-môn Chiên-đà-la? Bà-la-môn nào được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không bị xấu. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tập tụng điển kinh. Sau khi nắm vững kinh thư, tụng tập điển kinh, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không làm văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải đúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Bà-la-môn không có ý như vậy đối với nữ Bà-la-môn: ‘Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp.’ Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Bà-la-môn chứ không phải người nữ không thuộc dòng Bà-la-môn, cũng không phải người nữ dòng Sát-lị, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn rằng con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm. Cho nên,

Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Nay Đâu-na, vì lý do gì mà Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh. Cho nên Bà-la-môn ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Nay Đâu-na, Bà-la-môn ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phần son, mà chỉ vì cầu con. Khi đã sanh con, vị ấy làm những việc liên hệ đến vua, làm những việc liên hệ giặc cướp, làm những việc liên hệ đến tà đạo, và lại nói như vậy: ‘ Bà-la-môn có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Bà-la-môn không phải vì vậy mà nhiễm trước, cũng không ô uế. Như lửa đốt cháy những gì sạch hay không sạch. Cũng vậy, Bà-la-môn có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Bà-la-môn không vì vậy mà bị nhiễm trước, cũng không bị ô uế.’ Nay Đâu-na, Bà-la-môn như vậy gọi là Bà-la-môn Chiên-đà-la.

“Nay Đâu-na, trong năm hạng Bà-la-môn ấy, ông thuộc hạng nào?”

Đâu-na trả lời:

“Thưa Cù-đàm, ngay hạng sau cùng là Bà-la-môn Chiên-đà-la, con cũng không sánh kịp huống nữa là các hạng Bà-la-môn trên. Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Thế Tôn, con nay tự đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay cho đến trọn đời, con tự đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Bà-la-môn Đâu-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có Bà-la-môn A-già-la-ha-na, sau bữa cơm trưa, ung dung đi đến chỗ Đức Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói:

“Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn [682a] hỏi, mong Ngài cho phép, tôi mới dám trình bày.”

Thế Tôn đáp:

“Ông muốn hỏi gì tùy ý.”

Bà-la-môn liền hỏi:

“Thưa Cù-đàm, kinh điển của Bà-la-môn nương vào đâu mà tồn tại?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Kinh điển của Bà-la-môn nương vào con người mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tồn tại?”

“Con người nương vào lúa gạo mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại?”

“Lúa gạo nương vào đất mà tồn tại.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, đất nương vào đâu mà tồn tại?”

Thế Tôn đáp:

“Đất nương vào nước mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, nước nương vào đâu mà tồn tại?”

“Nước nương vào gió mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, gió nương vào đâu mà tồn tại?”

“Gió nương vào hư không mà tồn tại?”

“Thưa Cù-đàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại?”

“Hư không không có nương tựa, nhưng nhân mặt trời, mặt trăng mà có

hư không.”

“Thưa Cù-đàm, mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tồn tại?”

“Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ thiên vương mà tồn tại.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, Tứ thiên vương nương vào đâu mà tồn tại?”

Thế Tôn đáp:

“Tứ Thiên vương nương vào Tam thập tam thiên mà tồn tại?”

“Thưa Cù-đàm, Tam thập tam thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Tam thập tam thiên nương vào Diêm-ma thiên mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Diêm-ma thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Diêm-ma thiên nương vào Đâu-suất-đà thiên mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Đâu-suất-đà thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Đâu-suất-đà thiên nương vào Hóa lạc thiên mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Hóa lạc thiên nương vào Tha hóa lạc thiên mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Tha hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Tha hóa lạc thiên nương vào Phạm thiên mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Phạm thiên nương vào đâu mà tồn tại?”

“Phạm thiên nương vào Đại phạm mà tồn tại.”

“Thưa Cù-đàm, Đại phạm nương vào đâu mà tồn tại?”

“Đại phạm nương vào nhẫn nhục, ôn hòa mà tồn tại.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, nhẫn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại?”

Thế Tôn đáp:

“Nhẫn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Thưa Cù-đàm, Niết-bàn nương vào đâu mà tồn tại?”

[682b] Thế Tôn đáp:

“Ý muốn của Bà-la-môn nương vào những sự kiện không cùng nên ông nay đã hỏi Ta về sự không có giới hạn, nhưng Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niết-bàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Nay Bà-la-môn, vì

mục đích này mà nhiều người theo ta mà tu hành Phạm hạnh.”

Bà-la-môn thưa:

“Bạch Đức Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã rõ. Bạch Đức Thế Tôn, con nay xin đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Bà-la-môn A-già-la-ha-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



160. KINH A-LAN-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo tụ tập ngồi tại giảng đường bàn luận thế này: “Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu.”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang ở tại chỗ nghỉ trưa, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa cơm trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, đã bàn luận như thế này: “Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.” Nghe vậy, Đức Thế Tôn, vào lúc xế trưa từ chỗ tĩnh tọa, đứng dậy, đi đến giảng đường. Ngài trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo và hỏi:

“Này các Tỳ-kheo, các Thầy bàn luận chuyện gì? Vì duyên có nào mà tụ tập ngồi tại giảng đường?”

Nghe Đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa:

“Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn

trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.’ Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở [682c] giảng đường.”

Thế Tôn tán thán:

“Lành thay! Lành thay! Khi các người nói với nhau rằng: ‘Chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.’ Vì sao? Vì ta cũng nghĩ thế này: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong?’ Vì sao?”

“Này các Tỳ-kheo, vào đời quá khứ, có lúc chúng sanh thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này rất giàu, có nhiều cửa cải châu báu, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay. Lúc ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Con người chỉ có bệnh như thế này: lạnh, nóng, đại và tiểu tiện,

ham muốn, không ăn và già lão¹, ngoài ra không còn tai họa nào khác. “Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên là Câu-lao-bà² làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được kẻ khác, chắc chắn thống trị toàn cõi đất này, cho đến biên cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân an ổn.

“Này các Tỳ-kheo, vua Câu-lao-bà có vị Bà-la-môn tên A-lan-na đại trưởng giả³, được cha mẹ nuôi lớn, thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không bị xấu, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí thứ năm, và cú thuyết.⁴ Bà-la-môn A-lan-na có vô lượng trăm ngàn Ma-nạp ma. Bà-la-môn đã ở nơi yên tĩnh truyền dạy kinh thư cho vô lượng trăm ngàn Ma-nạp ma.

“Bấy giờ Bà-la-môn A-lan-na sống một mình ở nơi yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực hành quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện, cần tu phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong. Có lẽ ta [683a] nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.’ Thế rồi, Bà-la-môn A-lan-na đi đến chỗ các Ma-nạp ma thuộc nhiều nước khác nhau và nói:

¹ Các thứ bệnh, kể theo bản Pāli: *sītam unham jigucchā pipāsā uccāro passavo*, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện.

² Câu-lao-bà 拘牢婆. Pāli: Koravya, xem kinh 132 (Lại-tra-hòa-la) ở trên.

³ A-lan-na 阿蘭那; phiên âm gần với Aranemi trong A. 7. 69. Sunetta, được kể chung với bảy tôn sư thời cổ, giảng dạy pháp dẫn đến cộng trú trong thế giới Phạm thiên (*brahmalokasahavyatāya dhammaṃ desesi*). Nhưng nội dung tư duy thì đồng nhất với của Araka (thứ bảy trong bảy tôn sư thời cổ kể trong Sunetta) trong A.7.70.

⁴ Xem cht. kinh 63.

“– ‘Này các Ma-nạp ma, khi ta sống một mình nơi chỗ yên tĩnh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc thiện cần tu phạm hạnh, vì sanh ra không thể không chết. Thế nhưng con người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong cầu. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình xuất gia học đạo.’ Này các Ma-nạp ma, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì các ông sẽ làm những gì?’

“Nghe vậy, các chúng Ma-nạp ma của những nước khác nhau ấy thưa rằng:

“– ‘Thưa Tôn sư, những gì chúng con đã biết đều nhờ ơn Tôn sư chỉ dạy, nếu Tôn sư cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chúng con cũng sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo theo gót Tôn sư.’

“Thế rồi Bà-la-môn A-lan-na, sau đó, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các chúng Ma-nạp ma thuộc những nước khác ấy cũng đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, liả bỏ gia đình, sống không gia đình, theo Tôn sư là Bà-la-môn A-lan-na ấy mà xuất gia học đạo. Đó là sự phát sanh danh hiệu Tôn sư A-lan-na, và đệ tử của Tôn sư A-lan-na.

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“– Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ?

Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã

qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu

Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế

nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc

làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành,

cũng không cầu mong.”

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sinh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu phạm hạnh, vì đã sinh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.’

“Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu. [863b] Cũng vậy, này Ma-nạp ma, sinh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoát hiện thoát biến; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trôi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trôi lên rất nhanh, rất khó giữ được rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na

lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hùng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như trời tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trời dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na [683c] đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gàn thành, gàn xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gàn xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy này Ma-nạp ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như giòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, giống như lúc đêm tối mà liêng gây xuống đất, hoặc đầu dưới đưng đất, hoặc đầu trên đưng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như trong tối mà liêng gây xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho các đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, ngay đời này, nay đã đoạn trừ tham lam, tâm không nã hại; thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, ta không móng khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho ta. Đối với tham tâm, ta đã tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, điều hối và nghi. Ngay trong đời này, ta đã đoạn trừ nghi hoặc, đối với các pháp thiện không còn do dự, đối với tâm nghi hoặc, ta đã tịnh trừ. Này Ma-nạp ma, ngay trong đời này các con cũng nên đoạn trừ tham, tâm không nã hại, thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, không nên sanh khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho mình. Đối với tham tâm, các con nên tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, điều hối và nghi. Ngay trong đời này, các con nên đoạn nghi hoặc, đối với các pháp thiện không nên do dự.’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

“– ‘Này các Ma-nạp ma, [684a] tâm ta cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương

ung, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ung, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú. Nay Ma-nạp ma, các con cũng nên thực hành tâm cùng với từ tương ung, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp tâm cùng với từ tương ung, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ung, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.’

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy.

“ Tôn sư A-lan-na lại thuyết Phạm thế pháp⁵ cho đệ tử. Khi Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, [684b] nếu có vị nào không thực hành pháp ấy đầy đủ, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào Tứ thiên vương hoặc sanh vào Tam thập tam thiên, hoặc sanh vào Diêm-ma thiên, hoặc sanh vào Đâu-suất-đà thiên, hoặc sanh vào Hóa lạc thiên, hoặc sanh vào Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Tôn sư A-lan-na thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, nếu vị nào phụng hành pháp ấy đầy đủ, tu bốn Phạm trụ⁶, xả ly ái dục, thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào cõi Phạm thiên.

“Bấy giờ Tôn sư A-lan-na nghĩ rằng: ‘Đến đời sau, ta không nên cùng với đệ tử sanh chung nơi. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào trong Hoảng dục thiên.’ Nghĩ vậy, sau đó Tôn sư A-lan-na liền tu tăng thượng từ, sau

⁵ Phạm thế pháp 梵世法. Pāli: *brahmalokasahavyatādhamma*, pháp dẫn đến cộng trú với thế giới Phạm thiên.

⁶ Phạm thất. Pāli: *brahmavihāra*.

khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi
Hoảng dục thiên. Tôn sư A-lan-na và các đệ tử đã tu
học đạo không hư dối, được đại phước báo.

“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ sao, Tôn sư A-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Các Tỳ-kheo nên biết, vị ấy chính là Ta vậy. Bấy giờ Ta tên là Tôn sư A-lan-na. Lúc đó Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta đã thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử ấy. Lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy, nên khi lâm chung, đã sanh vào Tứ thiên vương, hoặc Tam thập tam thiên, hoặc Diêm-ma thiên hoặc Đâu-suất-đà thiên, hoặc Hóa lạc thiên, hoặc Tha hóa lạc thiên. Còn lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử; có vị phụng hành đầy đủ pháp ấy, tu bốn Phạm thất, xả ly ái dục, thì sau khi mạng chung, được sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ Ta nghĩ rằng: ‘Đời sau Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi Hoảng dục thiên.’ Ta và các đệ tử bấy giờ tu học đạo không hư dối, được đại quả báo. Bấy giờ Ta làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc cho Trời và Người. Lúc ấy, Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Bấy giờ Ta chưa xa lìa được sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khốc lóc, áo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Này các Tỳ-kheo, nay Ta là Bạc Xuất Thế, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn, khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh. Nay Ta đã xa lìa sự sanh, sự già, tật bệnh, sự chết, khốc lóc, áo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nói đúng, thì sẽ nói rằng: ‘Mạng sống con người ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác; do đó cần phải làm các

việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết.’ Nay các Tỳ-kheo, nay nói như thế là nói đúng. Vì sao? Vì nay có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi, hoặc quá hơn một ít nữa mà thôi. Nếu ai trường thọ, thì sống được ba trăm mùa, một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ, một trăm mùa đông. Như vậy sống được một ngàn hai trăm tháng; bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạ, bốn trăm tháng mùa đông. Sống một ngàn hai trăm tháng là sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng, tám trăm mùa xuân, tám trăm mùa hạ, tám trăm mùa đông. Sống [684c] hai ngàn bốn trăm nửa tháng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm; một vạn hai ngàn mùa xuân, một vạn hai ngàn mùa hạ, một vạn hai ngàn mùa đông. Sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm là bảy vạn hai ngàn lần ăn với nghỉ ăn và bú sữa mẹ.

“Về sự nghỉ ăn⁷, đó là khổ không ăn, sân không ăn, bệnh không ăn, bận việc không ăn, đi đường không ăn, đến chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn, thất bại⁸ không nên ăn.

“Này các Tỳ-kheo, đó là sự sống trong một trăm năm. Trong một trăm năm ấy với bao nhiêu mùa; với bấy nhiêu mùa có bao nhiêu tháng, với bấy nhiêu tháng nửa tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày đêm, bao nhiêu lần ăn, bao nhiêu lần nghỉ ăn, bao nhiêu lần ăn và nghỉ ăn.

“Này các Tỳ-kheo, như một Tôn sư khởi tâm đại bi đoái tưởng, xót thương, mưu cầu thiện lợi ích, an ổn khoái lạc cho đệ tử; sự việc ấy Ta đã làm xong. Các người hãy nên làm như vậy: Hãy đến nơi rừng vắng, nơi rừng sâu núi thẳm, hay dưới gốc cây, nơi yên tĩnh an ổn mà tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, luôn luôn tinh tấn, đừng để hối hận về sau. Đó là lời khuyến giáo của Ta. Đó là huấn thị của ta.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.⁹



⁷ Pāli: *bhāntantarāya*, thực chương ngại, sự gián đoạn hay cản trở bữa ăn.

⁸ Hán: bất đắc giả bất thực 不得者不食. Pāli: *alābhakena*, do không được lợi lộc nên không ăn.

⁹ Bản Hán, hết quyển 40.

161. KINH PHẠM-MA

[883b10]Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Vi-đề-hi¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ ở Di-tát-la² có Bà-la-môn tên là Phạm-ma³ giàu có, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này, cho đến nước, cỏ, cây, đều là đặc tặng, là ân tứ của A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà⁴. Bà-la-môn Phạm-ma có một Ma-nạp tên là Ưu-đa-la⁵ được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không bị, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, hí truyện, và thứ năm là cú thuyết.⁶ Bà-la-môn Phạm-ma nghe có Sa-môn Cù-đàm, con dòng tộc Thích, đã từ giả dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang trú tại nước Bệ-đà-đề cùng với chúng Đại Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ.’

Lại nghe rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai

¹ Bệ-đà-đề 鞞陀提. No 76: Tỳ-đề quốc 隨提國. Pāli: Videha.

² Di-tát-la 彌薩羅. No 76: Di-di quốc 彌夷國. Pāli: Mithilā.

³ Phạm-ma 梵摩. No 76: thệ tâm Phạm-ma-du 逝心梵摩渝. Pāli: Brahmāyu.

⁴ Ma-kiệt-đà vương, Vị Sanh Oán, Tì-đà-đề Tử 摩竭陀王, 未生怨, 鞞陀子. Pāli: Magadharāja-Ajātasattu-Vedehiputta

⁵ Ưu-đa-la 優多羅. No 76: đệ tử của Thệ tâm, có vị á thánh tên là Ma-nạp. Pl.: Uttara.

⁶ Xem cht. kinh 63.

trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương,⁷ thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.’

Bà-la-môn Phạm-ma nghe vậy, liền bảo:

‘Này Ưu-đa-la, ta nghe như thế này: ‘Sa-môn Cù-đàm, con dòng tộc Thích, đã từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang trú tại nước Bê-đà-đề cùng với chúng Đại Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ.’ Lại nghe rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, [685c] hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ

⁷ No 76: Phi hành hoàng đế 飛行皇帝.

râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.’ Người có biết như vậy chăng?”

Ưu-đa-la đáp:

“Thưa Tôn sư, con thọ trì các kinh, có biết về ba hai tướng của bậc Đại nhân, và biết rằng, nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.”

Nghe vậy, Bà-la-môn Phạm-ma bảo:

“Này Ưu-đa-la, người hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, xem Sa-môn Cù-đàm có đúng như thế, hay không đúng như thế, quả thực có ba mươi hai tướng của Đại nhân chăng?”

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe bảo như vậy, liền cúi đầu đánh lễ sát chân Bà-la-môn Phạm-ma, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, đi đến chỗ Đức Phật. Chào hỏi xong, ông ngồi qua một bên, quan sát ba mươi hai tướng trên thân Đức Thế Tôn. Ma-nạp ấy thấy trên thân Ngài có ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng, đó là tướng mã âm tạng và tướng lưỡi rộng dài.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Ưu-đa-la này với ba mươi hai tướng của Ta, chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài; nay Ta nên trừ mối nghi ngờ ấy." Nghĩ vậy, Đức Thế Tôn liền như vậy mà hiện thân thông. Sau khi Thế Tôn bằng như vậy mà hiện thân thông, Ma-nạp Ưu-đa-la thấy được tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài trên thân Đức Thế Tôn. Tướng lưỡi rộng dài là khi le ra, lưỡi phủ khắp cả mặt.

Khi đã trông thấy, Ưu-đa-la Ma-nạp [686a] nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hoá, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.’

Ma-nạp Ưu-đa-la lại nghĩ: “Ta nên quán sát kỹ về oai nghi, lễ tiết và nơi Cù-đàm du hành.” Nghĩ vậy, Ma-nạp Ưu-đa-la lẻo đẻo theo Đức Phật, trong bốn tháng hạ, quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi Đức Phật du hành. Qua bốn tháng hạ, Ma-nạp Ưu-đala cảm thấy sung sướng khi đã quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi Đức Phật du hành, liền thưa:

“Thưa Cù-đàm, con nay có việc muốn trở về, xin từ giã Cù-đàm.”

Thế Tôn bảo:

“Này Ưu-đa-la, ngươi cứ đi, tùy ý.”

Ma-nạp Ưu-đa-la nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Bà-la-môn Phạm-ma, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Phạm-ma hỏi:

“Này Ưu-đa-la, có quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe, đúng như vậy hay không đúng như vậy? Quả Cù-đàm có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân chăng?”

Ma-nạp Ưu-đa-la đáp:

“Đúng như vậy, thưa Tôn sư. Quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe. Sa-môn Cù-đàm quả thực như vậy, chứ không phải không thực như vậy, thực có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

“Sa-môn Cù-đàm có lòng bàn chân bằng phẳng, đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.⁸

“Lại nữa, thưa Tôn sư, lòng bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có hình bánh xe. Bánh xe có một ngàn tám và đầy đủ các bộ phận. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, ngón chân của Sa-môn Cù-đàm thon dài. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, [686b] mu bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì ngay ngắn. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Sa-môn Cù-đàm thì đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì nhỏ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, lông ở thân thể Sa-môn Cù-đàm mọc hướng lên. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, bàn tay và bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có màng lưới như nhận chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, tay chân của Sa-môn Cù-đàm rất đẹp, mềm mại xòe ra như hoa đầu-la. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, da thịt của Sa-môn Cù-đàm mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, mỗi một lỗ chân lông ở trên thân của Sa-môn Cù-đàm mọc một sợi lông màu xanh lóng lánh, xoáy ốc về phía bên phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, đùi của Sa-môn Cù-đàm như đùi của nai chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

Lại nữa, mã âm tàng của Sa-môn Cù-đàm giống như ngựa chúa tốt. Đó là

⁸ Tham chiếu No 1(1): kinh Đại bản. Xem phần trên, kinh số 59 (Tam thập nhị tướng).

tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân hình của Sa-môn Cù-đàm cân xứng, đẹp đẽ cũng giống như cây ni-câu-loại, trên dưới hoàn toàn tương xứng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân hình Sa-môn Cù-đàm không gù, không còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, thì sờ tận đầu gối. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm màu vàng, giống như màu vàng tía. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, quai hàm của Sa-môn Cù-đàm như của sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, xương sống và lưng của Sa-môn Cù-đàm thẳng bằng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn [686c] Cù-đàm.

“Lại nữa, trên hai vai của Sa-môn Cù-đàm liên tiếp qua cổ đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có bốn mươi cái răng, trắng đều đặn, răng không khuyết hở, răng trắng trong, có mùi vị bậc nhất. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, khoe mắt của Sa-môn Cù-đàm đầy như của trâu chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, mắt của Sa-môn Cù-đàm màu xanh lóng lánh. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, đỉnh đầu của Sa-môn Cù-đàm có nhục kế, tròn, cân đối, xoáy tròn về hướng phải như vỏ ốc. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Lại nữa, giữa hai hàng lông mày của Sa-môn Cù-đàm có sợi lông trắng

trong, mọc xoáy về hướng phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

“Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân như vậy. Nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không sai lầm: đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được quân địch, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang khắp mười phương đều nghe.

“Lại nữa, thưa Tôn sư, con thấy Sa-môn Cù-đàm lúc đang khoác y, lúc đã khoác y; lúc đang quấn y, lúc đã quấn y; lúc ra khỏi phòng, đã ra khỏi phòng; lúc ra khỏi vườn, đã ra khỏi; đang trên đường đi đến thôn xóm, lúc đã vào thôn xóm; đứng ở đường hẻm, đang vào nhà, đã vào; đang sửa giường, đã sửa giường; đang ngồi, đã ngồi; đang rửa tay, [687a] đã rửa tay; đang nhận đồ ăn, thức uống, đã nhận; đang ăn, đã ăn; sau khi rửa tay, chú nguyện xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đang ra khỏi, đã ra khỏi nhà; đến đường hẻm, đang ra khỏi thôn xóm, đã ra khỏi; lúc đang vào vườn⁹, đã vào; đang vào phòng, đã vào.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm khoác y ngay ngắn, không cao không thấp, áo không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm quấn y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

“Thưa Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm mỗi khi đắp y mới, tùy thuận Thánh nhân, dùng dao cắt ra từng miếng rồi may lại, nhuộm thành hoại sắc, cũng như y hoại sắc của bậc Thánh đã nhuộm. Vị ấy đắp y không phải vì của cải, không phải vì công cao, không phải để trang sức, không phải để cho oai vệ, mà chỉ để ngăn chặn muỗi mòng và tránh sự ma sát của gió và nắng, và vì sự hổ thẹn, nên phải che kín thân thể.

“Thưa Tôn sư, khi ra khỏi phòng, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, cũng không ngược lên, ra khỏi phòng thân không bao giờ cúi thấp.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc muốn đi, trước hết bước chân bên phải, dờ chân lên, để chân xuống một cách chững chạc, đi không gây thành tiếng động, không đi quàng xiên; lúc đi, hai gót chân không bao giờ chạm nhau. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi không bị bụi dính vào. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

“Thưa Tôn sư, lúc ra khỏi vườn, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngược lên, lúc ra khỏi vườn, thân không bao giờ cúi thấp. Đi đến xóm làng, thân luôn luôn quay về lối phải, quán sát như cái nhìn của một con voi chúa nhìn khắp nơi, không hãi, không sợ, cũng không khiếp đảm, xem khắp các phương. Vì sao? Vì là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn sư, lúc vào thôn xóm, thân không cúi xuống, không ngược lên, lúc vào thôn xóm, Sa môn Cù-đàm không bao giờ cúi thấp.

⁹ Hán: viên, đây cji Tăng viên (*sanghārāma*), hay Tăng viện.

“Lúc ở đường hêm Sa-môn Cù-đàm không cúi xuống mà nhìn cũng không ngược lên mà trông, chỉ nhìn ngay thẳng, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự thấy và biết.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

“Thưa Tôn sư, lúc vào nhà, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngược lên; lúc vào nhà thân không bao giờ cúi thấp.

“Thưa ôn sư, Sa-môn Cù-đàm xoay mình lại thì xoay theo hướng phải, ngồi trên giường kê ngay ngắn; không ngồi lên giường một cách nặng nề, cũng không chống tay dưới trôn mà ngồi; khi đã ngồi, không thấy táy máy, không bức rức, cũng không ham thích; lúc thọ nhận nước rửa, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; thọ nhận đồ ăn thức uống, cũng không cao, không thấp, không nhiều, không ít.

“Thưa Tôn sư, [687b] Sa-môn Cù-đàm thọ thực ngang bình bát; canh và cơm bằng nhau.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm bốc thức ăn chỉnh tề, từ từ bỏ vào miệng, khi thức ăn chưa đến thì không há miệng ra mà đợi sẵn, khi thức ăn đã vào miệng thì nhai ba lần mới nuốt, không có miếng cơm hay canh nào mà không nghiền nát, thức ăn còn lại trong miệng thì nuốt xuống hết rồi mới bốc nắm khác.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm do ba việc thanh tịnh¹⁰ mà ăn, cảm giác được vị lúc ăn¹¹, nhưng không nhiễm trước vào vị. Vị ấy không phải ăn vì của cải, không vì cống cao, không vì trang sức, không vì oai vệ, mà chỉ muốn bảo tồn thân thể sống lâu, không tai hoạn, để ngăn chặn bệnh cũ, không sanh bệnh mới, duy trì sự sống không tai hoạn, sức khỏe, an lạc¹². Ăn xong, vị ấy dùng nước rửa tay, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; dùng nước rửa bát, không cao, không thấp, không nhiều, không ít. Sau khi rửa tay sạch, thì bát cũng sạch; rửa bát sạch thì tay cũng sạch; lau tay rồi lau bát; lau bát rồi lau tay. Khi đã rửa và lau bát xong, để đặt

¹⁰ Tam sự thanh tịnh 三事清淨. Pāli: *aṭṭhaṅgasamannāgatam*, thành tựu tám chi.

¹¹ Hán: thực dục đắc vị 食欲得味. Pāli: *rasapatisamvedī*, cảm nhận được mùi vị (của thức ăn).

¹² Tám chi, như liệt kê trong bản Pāli.

xuống một bên, không gần, không xa, không nhìn hoài vào bát, cũng không lơ là bát. Sa-môn Cù-đàm không chê thức ăn này, cũng không khen thức ăn kia, chỉ im lặng. Ăn xong, thuyết pháp cho các cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, vị ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi nhà, thân không cúi xuống, ngược lên; lúc ra khỏi nhà, thân không bao giờ cúi xuống. Lúc ở tại đường cái, ngõ hẻm, không cúi nhìn xuống, cũng không ngược lên, chỉ nhìn thẳng đằng trước, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự biết và sự thấy.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi thôn, thân không cúi xuống, ngược lên; lúc ra khỏi thôn, thân không bao giờ cúi xuống.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi vào vườn, thân không cúi xuống, ngược lên; lúc đi vào vườn thân không bao giờ cúi xuống.

“Thưa Tôn sư, sau bữa ăn trưa, Sa-môn Cù-đàm thu dọn y, bát, rửa tay chân, lấy ni-sur-đàn vắt lên vai vào phòng tĩnh tọa. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm vào phòng tĩnh tọa để làm lợi ích cho thế gian.

“Thưa Tôn sư, vào lúc xế, Sa-môn Cù-đàm từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, sắc diện trong sáng. Vì sao? Vì là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm từ miệng phát ra với tám thứ âm thanh, một là sâu sắc, hai là tỳ-ma-lâu-bá¹³, ba là nhập tâm, bốn là khả ái, năm là rất đầy, [687c] sáu là sống động, bảy là rõ ràng, tám là có trí, khiến cho mọi người mến chuộng, mọi người ưa thích, mọi người ghi nhớ, sẽ được định tâm.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp tùy theo chúng; âm thanh

¹³Tỳ-ma-lâu-bá 毗摩樓簸; không rõ phiên âm từ chữ gì. Tám thứ giọng theo bản Pāli: *vissatṭha* (trong trẻo), *viññeyya* (dễ biết), *mañju* (dịu dàng), *savanīya* (hài hòa), *bindu* (sung mãn), *avisārī* (phân minh), *gambhīra* (sâu xa), *ninnādi* (lan rộng). No 76: tối hảo thanh 最好聲, dị liễu thành 易了聲, nhu nhuyễn thanh 濡軟聲, hòa điệu thanh 和調聲, tôn tuệ thanh 尊慧聲, bất ngộ thanh 不誤聲, thâm diệu thanh 深妙聲, bất nữ thanh 不女聲.

không ra ngoài chúng, chỉ vừa ở trong chúng. Thuyết pháp cho chúng, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về chỗ cũ.

“Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm là như thế đó, có những cái thù thắng hơn nữa. Con muốn đến theo học Phạm hạnh với Sa-môn Cù-đàm.”

Bà-la-môn Phạm-ma đáp:

“Tùy ý người.”

Rồi thì, Ma-nạp Ưu-đa-la cúi đầu đánh lễ sát chân Bà-la-môn Phạm-ma, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên và thưa:

“Bạch Thế Tôn, con nay xin theo Thế Tôn học đạo, thọ Cụ túc giới, trở thành Tỳ-kheo, để được theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc. Sau khi độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc, Thế Tôn du hành tại nước Vi-đề-hi cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi lên Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên¹⁴ trong xứ ấy.

Các cư sĩ ở Di-tát-la nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích, từ bỏ thân tộc, xuất gia học đạo, đang du hành tại nước Vi-đề-hi cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi lên Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên trong xứ ấy. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; Sa-môn ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn từ Người đến Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; vị ấy thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh.’ Nếu ai chiêm ngưỡng đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mà kính trọng lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi, vui thay! Chúng ta nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái, cúng dường.”

Rồi thì, Bà-la-môn cư sĩ ở Di-tát-la, mỗi hạng có quyến thuộc tháp tùng, từ Di-tát-la đi đến hướng bắc, đến rừng xoài Đại thiên, muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn, lễ bái, cúng dường. Khi đã đến chỗ Đức Phật, trong số

¹⁴Đại thiên nại lâm 大天奈林. Pāli: Maghadevambavane.

[688a] Bà-la-môn cư sĩ ấy, có người cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên; có người chấp tay hướng về Đức Phật rồi ngồi sang một bên, có người từ xa nhìn đức Phật, rồi im lặng ngồi xuống. Khi các cư sĩ Bà-la-môn Di-tát-la đã ngồi xong, Đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Đức Phật dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng.

Bà-la-môn Phạm-ma nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ tông tộc họ Thích, xuất gia học đạo, du hành tại nước Vi-đề-hi cùng chúng Đại Tỳ-kheo, lần hồi đi đến nước Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại thiên. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn lao, mười phương đều nghe. Sa-môn ấy là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ Người đến Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu ai chiêm ngưỡng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, kính trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi, an vui. Vậy, ta nên đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái cúng dường.”

Bà-la-môn Phạm-ma bảo người đánh xe:

“Người hãy sửa soạn xe. Ta muốn đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.”

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xe xong, trở lại thưa:

“Xe đã sửa soạn xong, mong Tôn sư tự biết thời.”

Rồi Phạm-ma dùng cỗ xe rất xinh đẹp, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại thiên để chiêm ngưỡng Thế Tôn và lễ bái, cúng dường. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Bà-la-môn Phạm-ma từ xa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Thấy vậy, Phạm-ma khiếp sợ, liền rẽ qua một bên lè đường dừng lại dưới gốc cây, bảo một Ma-nạp rằng:

“Người hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi thế này: ‘Thưa Cù-đàm, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?’ Người hãy nói như thế này: ‘Thưa Cù-đàm

Tôn sư Phạm-ma của con xin kính lời thăm hỏi Ngài Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng? Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.’ ”
Bấy giờ Ma-nạp [688b] vâng lời, đến chỗ Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên thưa:

“Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con có lời thăm hỏi rằng: ‘Thánh thể Cù-đàm có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, có khí lực như thường chăng?’ Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Ma-nạp, mong cho Bà-la-môn Phạm-ma an ổn khoái lạc, mong cho Trời và Người, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và các chủng loại khác, được an ổn khoái lạc. Này Ma-nạp, Bà-la-môn Phạm-ma muốn đến thì tùy ý.”

Nghe Đức Phật nói như vậy, Ma-nạp khéo thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra, trở về chỗ Bà-la-môn Phạm-ma và thưa: “Thưa Tôn sư, con đã thưa như vậy với Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm hiện đang đợi Tôn sư. Mong Tôn sư biết thời.”

Bà-la-môn Phạm-ma bèn bước xuống, đi đến chỗ Phật. Chúng kia từ xa trông thấy Phạm-ma đi đến, bèn đứng dậy tránh đường. Vì sao? Vì là người có danh đức, và nổi tiếng.

Bà-la-môn Phạm-ma nói với chúng kia rằng:

“Chư Hiền, mời các vị ngồi lại chỗ cũ. Tôi muốn đi thẳng đến thăm Sa-môn Cù-đàm.”

Rồi Phạm-ma đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên.

Lúc bấy giờ, hai căn của Phạm-ma, nhãn căn và nhĩ căn, chưa bị hủy hoại. Sau khi ngồi xuống, Phạm-ma quán sát kỹ ba mươi hai tướng nơi thân Phật. Ông thấy ba mươi tướng. Hai tướng còn ngờ; đó là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Bà-la-môn Phạm-ma nói bài kệ để hỏi Đức Thế Tôn:

*Nh ư c ư t ư ư ư ư,
i ư ư ư ư ư ư ư.
Nay xem ư ư C- ư m,
Trong ư ư, ư ư ư ư ư ư,
M ư ư ư ư ư ư ư,
Kính nhi ư m, B ư c Tôn Quí?*

*T i sao nay T i Tôn,
 Không hi n l i vi di u?
 N u cĩ l i r ng đi,
 Mong tơi nay c th y.
 Nay tơi th t nghi ho c,
 Mong i u Ng gi i tr .*

Thế Tôn nghĩ rằng: “Bà-la-môn Phạm-ma này muốn tìm ba mươi hai tướng nơi thân Ta, nay chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ mối nghi hoặc ấy.” Đức Thế Tôn biết thế, nên như vậy mà thị hiện như ý túc. Sau khi Thế Tôn như vậy mà thị hiện như ý túc, Bà-la-môn Phạm-ma thấy được tướng mã âm tàng và lưỡi rộng dài trên thân Đức Thế Tôn. Trong đó, tướng lưỡi rộng và lưỡi khi từ [688c] trong miệng le ra trùm khắp cả mặt. Đức Thế Tôn thấu lại như ý túc, nói cho Phạm-ma nghe bài tụng:

*Tr c ^y ơng t ng nghe,
 i nĩn ba hai t ng,
 T t c tĩn tĩn Ta,
 Trịn y, cĩnh t i th ng.
 i u Ng o n tr nghi,
 B̄-la-mơn pĩt di u tĩn,
 Th c khĩ c th y nghe,
 B c Cĩnh Gĩc t i th ng.
 Qu r t hi m ra i,
 B c Cĩnh Gĩc t i th ng,
 B̄-la-mơn, Ta Cĩnh Gĩc,
 Cĩnh pĩp Vơ th ng v ng.*

Bà-la-môn Phạm-ma nghe vậy liền nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật không sai lầm: ấy là nếu vị ấy ở tại gia, thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một

ngàn người con, dung mạo khôi ngô, đồng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân. Vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bề cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an lạc. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp mười phương đều nghe."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như thế này: "Bà-la-môn Phạm-ma này không bao giờ dua nịnh, lừa dối, nếu muốn hỏi điều gì là vì muốn biết, chớ không phải để quấy rầy. Bà-la-môn ấy cũng vậy, Ta nên thuyết A-tỳ-đàm thậm thâm cho vị ấy." Đức Thế Tôn biết như vậy, liền nói cho Bà-la-môn Phạm-ma nghe bài tụng:

Vì p^híp l c i nay,
 V^ích l i i sau,
 B^ê-la-môn h^ĩy h i,
 Ty nh ng i u [~] ngh .
 B^ê-la-môn h i c^ốc i u,
 Ta o n nghi cho ong.
 Th Tôn [~] cho p^híp,
 B^ê-la-môn Ph m-ma h i.
 Th Tôn v nh ng i u,
 Ty theo i [~] ngh .
 Th n^ho l B^ê-la-môn?
 Tam t¹⁵ c^ĩ ngh a gì,
 [689a]Vì sao g i Vơ tr c¹⁶,
 ng C^hnh G^ĩc l gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói tiếp bài kệ để giải thích:

Di t p^híp^ốc, b t thi n,
 V ng t^ĩn i ph m h nh,
 Tu h nh B^ê-la-môn,
 Nh v y, B^ê-la-môn.

¹⁵ Tam đạt 三達, tức tam minh 三明; thiên nhãn, tục mạng, lậu tận. Đây cũng chỉ ba bộ Vệ-đà. Pāli: *tevijjā*.

¹⁶ Vô trước 無著, tức A-la-hán.

Th u su t v qũ kh ,
 Th y l c ṽc o,
 D t tr s ch vơ minh,
 Bi t v y l̃ Mu-ni.

Khĩo bi t̃m thanh t nh,
 D t s ch đm, n , si.
 T̃nh t u c ba minh,
 Nh v y l̃ tam t.

Vi n ly p̃h̃p b t thi n,
 C̃nh tr̃ nh t ngh a,
 Th gian tôn kính nh t,
 Nh v y l̃ Vơ tr c.

Èm l i ích Tr i, Ng i,
 T̃nh nhn, d t u tranh.
 Bi t kh p, ch ng di t t n,
 Nh v y l̃ C̃nh gĩc.

Nghe vậy, Phạm-ma liền đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật. Bấy giờ đại chúng cùng một lúc nói lớn rằng:

"Sa-môn Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Bà-la-môn, cư sĩ ở Di-tát-la này, thì Bà-la-môn Phạm-ma là người bậc nhất về sự thọ sanh. Bà-la-môn Phạm-ma được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không bị xấu, thế mà Bà-la-môn ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

"Sa-môn Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu. Vì sao? Vì trong tất cả Bà-la-môn, cư sĩ ở Di-tát-la này, Bà-la-môn Phạm-ma là người bậc nhất, về sự học kinh điển, Bà-la-môn Phạm-ma học rộng, thông suốt, đọc tụng hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn¹⁷, hí truyện thứ năm và cú thuyết; thế mà Sa-môn Bà-la-môn ấy đã hết lòng cung kính, lễ bái cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

¹⁷ Xem cht. kinh 63.

“Sa-môn Cù-đàm kỳ, lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Bà-la-môn cư sĩ ở Di-tát-la này Bà-la-môn Phạm-ma là người bậc nhất về tài sản, Bà-la-môn Phạm-ma [689b] rất giàu, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ cây đều là đặc tặng, ân tứ của A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà; thế mà Bà-la-môn ấy đã hết lòng tôn trọng, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.

“Sa-môn Cù-đàm kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có Đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Bà-la-môn, cư sĩ ở nước Di-tát-la này, Bà-la-môn Phạm-ma là người bậc nhất về tuổi thọ. Bà-la-môn Phạm-ma là vị trưởng lão, sống đến một trăm hai mươi sáu tuổi. Thế mà Bà-la-môn ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với tha tâm trí, biết tâm đại chúng đang nghĩ gì. Biết vậy, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Phạm-ma:

“Hãy thôi, này Bà-la-môn, chỉ cần với tâm thỏa mãn là được. Hãy ngồi trở lại, Ta sẽ thuyết pháp cho.”

Bà-la-môn Phạm-ma cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Bà-la-môn, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đúng như pháp của chư Phật, trước hết, Đức Thế Tôn thuyết pháp thuận tự, khiến người nghe hoan hỷ. Đó là thuyết về pháp thí, về giới và về sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế; tán thán vô dục là diệu đạo phẩm, là bạch tịnh. Sau khi thuyết như vậy, Thế Tôn biết Bà-la-môn ấy có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm nhất hướng, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có đủ khả năng thọ nhận Chánh pháp của Phật, Đức Thế Tôn theo như những pháp yếu mà chư Phật đã thuyết, Ngài thuyết cho Bà-la-môn nghe đầy đủ về Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Bà-la-môn Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng nhuộm dễ ăn màu; cũng vậy, Phạm-ma ngay trong chỗ ngồi thấy rõ bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bấy giờ, Phạm-ma đã thấy pháp đặc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn kính một ai khác nữa, không còn do

dự, đã an trú vào quả vị chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, Bà-la-môn chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, con nay đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ nay và suốt đời; con đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.”

[689c] Và rồi Bà-la-môn Phạm-ma lại chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch tiếp:

“Bạch Thế Tôn, mong ngày mai Đức Thế Tôn và Chúng Tỳ-kheo đoái tưởng nhận lời mời của con!”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời của Phạm-ma.

Bà-la-môn Phạm-ma biết Đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời, nên cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng và lui ra, trở về nhà.

Ngay đêm ấy, Bà-la-môn Phạm-ma cho sửa soạn các món ăn mỹ diệu ngon lành, đủ các thức nhai và nuốt. Sửa soạn xong, sáng lại cho trải giường, và đúng lúc thì xướng lên rằng: “Bạch Thế Tôn, bữa cơm được soạn xong, kính mong Đức Thánh biết thời.”

Sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn mang y cầm bát đi trước, chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của Bà-la-môn Phạm-ma, đến nơi, Đức Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Bà-la-môn Phạm-ma thấy Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đã ngồi xong, liền thân hành múc nước rửa, đem thức ăn ngon lành, cùng các thứ cứng và mềm, tạt tay sót vào, khiến các vị ăn no. Sau khi ăn rồi, thu dọn và lấy nước rửa xong, Bà-la-môn ngồi vào một ghế nhỏ để thọ nhận sự chú nguyện. Bà-la-môn Phạm-ma ngồi xong, Đức Thế Tôn chú nguyện rằng:

*Chú hỏa, tế bậc nhất,
Thông âm, gốc các âm,
Vua, tôn quý trong người,
Biển, lớn hơn sông ngòi,
Trắng, sáng hơn các sao,
Nhưng sáng nhất: mặt trời.*

*Cùng tận khắp mười phương,
Trong tất cả thế gian,
Chư Thiên và Nhân loại,
Duy Phật đệ nhất tôn.*

Sau khi chú nguyện cho Bà-la-môn Phạm-ma, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nước Di-tát-la, ở lại vài ngày, rồi mang y, cầm bát du hành nước Xá-vệ. Lần hồi đi đến nước Xá-vệ, Ngài trú tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo vào Xá-vệ khát thực nghe Bà-la-môn Phạm-ma nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ hỏi Đức Phật mọi việc thì liền lâm chung. Nghe vậy, sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng sang một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con vào lúc sáng sớm mang y, cầm bát vào Xá-vệ khát thực, nghe rằng Bà-la-môn Phạm-ma ở nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ vấn sự Đức Phật, thì liền lâm chung. Bạch Thế Tôn, như vậy Bà-la-môn ấy sẽ đến nơi nào? Sanh nơi nào? Đời sau ra sao?”

Đức Thế Tôn đáp:

[690a] “Nay các Tỳ-kheo, Bà-la-môn Phạm-ma có đại lợi ích, vào lúc tối hậu, đã biết pháp, vì pháp cho nên không làm phiền nhọc Ta. Nay Tỳ-kheo, Bà-la-môn Phạm-ma đã dứt sạch năm hạ phần kết, sanh đến nơi ấy sẽ đắc Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không trở lại cõi này nữa. Bấy giờ Ta đã ghi nhận rằng Bà-la-môn Phạm-ma đắc A-na-hàm.”

Đức Phật thuyết như vậy, Bà-la-môn Phạm-ma và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹⁸



¹⁸ Bản Hán, hết quyển 41.

PHẨM 15: CĂN BỒN PHÂN BIỆT

TỤNG NGÀY THỨ TƯ

Phân biệt tụng

分別六界處 觀法溫泉林
釋中禪室尊 阿難說意行
拘樓瘦無諍 鸚鵡分別業

Kê, tóm tắt:

Phân biệt lục giới, Xứ,
Quán pháp. Ôn tuyên lâm,
Thích trung thiên thất tôn,
An-nan thuyết, Ý hành,
Câu-lâu-sáu vô tánh,
Anh vĩ, Phân biệt nghiệp.

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP

165. KINH ÔN TUYÊN LÂM THIÊN

166. KINH THÍCH TRUNG THIÊN THẤT TÔN

167. KINH A-NAN THUYẾT

168. KINH Ý HÀNH

169. KINH CÂU-LÂU-SÁU VÔ TRÁNH

170. KINH ANH VŨ

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, trú ở thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm¹, nói rằng:

“Này thợ gốm, Ta nay muốn tạm trú ở phòng làm đồ gốm một đêm, ông có thuận chăng?”

Thợ gốm trả lời:

“Con chẳng trở ngại gì. Nhưng đã có một Tỳ-kheo trú trong đó trước rồi. Nếu vị ấy thuận thì xin tùy ý.”

Lúc ấy, Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi² đã trú ở trong phòng làm đồ gốm ấy trước rồi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi nhà thợ gốm, đi vào phòng làm gốm, nói với Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi rằng:

“Này Tỳ-kheo, Ta nay muốn tạm trú một đêm ở phòng làm gốm, thầy có thuận chăng?”

Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi đáp:

“Thưa Hiền giả, tôi không trở ngại. Và lại, ở phòng làm gốm này có chỗ ngồi bằng cỏ đã trải xong, Hiền giả muốn ở lại thì tùy ý.”

Nghe vậy, Đức Thế Tôn từ phòng làm gốm đi ra ngoài [690b] rửa chân rồi mới trở vào, lấy ni-sur-đàn trải lên chỗ ngồi bằng cỏ mà ngồi kiết già, suốt đêm yên lặng tĩnh tọa, định ý.

Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng tĩnh tọa, định ý.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ như vậy: “Tỳ-kheo này đi đứng tịch tĩnh, thật kỳ lạ, thật hiếm có. Ta hãy hỏi Tỳ-kheo này, ‘Thầy của bạn là ai? Y theo ai mà bạn xuất gia, học Đạo, thọ Pháp?.’” Nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn bèn hỏi:

“Tỳ-kheo, Thầy của bạn là ai? Y theo ai mà bạn xuất gia, học Đạo, thọ Pháp?”

Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi đáp:

¹ M. 140:Thợ gốm tên là Bhagga.

² Phát-ca-la-sa-lợi 弗迦邏娑利. Pāli: Pukkusāti.

“Này Hiền giả, có Sa-môn Cù-đàm, dòng họ Thích, đã từ bỏ tông tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, học Đạo, đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác³. Vị ấy là Thầy của tôi. Tôi y theo vị ấy mà xuất gia học Đạo, thọ Pháp.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Tỳ-kheo, đã từng thấy Thầy chưa?”

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

“Chưa thấy.”

Thế Tôn hỏi:

“Nếu gặp Thầy, bạn có nhận ra không?”

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

“Không biết. Nhưng, này Hiền giả, tôi nghe rằng Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài là Thầy của tôi. Tôi y theo Ngài mà xuất gia, học Đạo, thọ Pháp.”

Khi ấy, Thế Tôn lại suy nghĩ như vậy: “Thiện nam tử này y theo Ta mà xuất gia, học Đạo, thọ Pháp. Ta nay có nên thuyết pháp chăng?”

Suy nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi:

“Này Tỳ-kheo, nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu toàn thiện, phần giữa cũng toàn thiện và phần cuối cũng toàn thiện; có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là ‘Phân biệt sáu giới’⁴. Thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ.

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp:

“Xin vâng.”

Đức Phật bảo rằng:

“Này Tỳ-kheo, con người⁵ có sáu giới tụ, có sáu xúc xứ, có mười tám ý hành, có bốn trụ xứ. Nếu ai an trú vào đó sẽ không nghe đến chuyện sâu

³ Vô thượng Chánh tận giác.

⁴ Lục giới 六界. Pāli: Chadhāturo.

⁵ Pāli: *ayam puriso*, con người này.

não⁶. Sau khi không nghe chuyện sấu não thì ý không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Như vậy, có sự khuyển bảo là đừng buông lung trí tuệ, hãy thủ hộ chân đế và trường dưỡng huệ thí⁷. Nay Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về chí tịch⁸, như vậy là phân biệt về sáu giới.

“Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ, nhân gì mà nói như thế? Đó là, giới đất, giới nước, giới lửa, giới gió, giới hư không và giới thức. Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu giới tụ là nhân đó mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có [690c] sáu xúc xú⁹, do nhân gì mà nói như thế? Đó là, này Tỳ-kheo, xúc con mắt thấy sắc, xúc tai nghe tiếng, xúc mũi ngửi mùi, xúc lưỡi nếm vị, xúc thân cảm xúc, xúc ý biết pháp. Nay Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xú là do nhân đó mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nói con người có mười tám ý hành¹⁰, do nhân gì mà nói như thế? Đó là, này Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, quán sát¹¹ sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sát sắc rồi an trú nơi ưu, quán sát sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán sát pháp rồi an trú nơi hỷ, quán sát pháp rồi an trú nơi ưu, quán sát pháp rồi an trú nơi xả. Nay Tỳ-kheo, như vậy sáu hỷ quán¹², sáu ưu quán, sáu xả quán, hợp lại là mười tám ý hành. Nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhân đó

⁶ Hán: bất văn ưu thích sự 不聞憂戚事. Pāli: *maññussavā nappavattanti*, các tướng hoan hỷ (= vọng tưởng) không chuyển động.

⁷ Huệ thí; Pāli: *cāga*, sự thi ân.

⁸ Chí tịch 至寂. Pāli: *santi*: sự tịch tĩnh, sự bình an; đồng nghĩa Niết-bàn.

⁹ Lục xúc xú 六觸處. Pāli: *chaphassāyatano*.

¹⁰ Thập bát ý hành 十八意行. Pl.: *aṭṭhārasamanopavicāro*. *Tập dị 15* (tr. 430a01): 18 ý cận hành, gồm 6 hỷ cận hành, 6 ưu cận hành, 6 xả cận hành.

¹¹ Quán 觀, đồng nghĩa *cận hành*, đi sát, hay chạy theo; Pāli: *upavicarati*; trong đó, *vicāra*, *hành* (đi), và cũng thường dịch là *tứ* (một thiền chi thuộc Sơ thiền) mà bản Hán này thường dịch là *quán* (th.d.: *hữu giác hữu quán*, Pl. *savitakka*, *savicāra*) *Tập Dị* ibid.: “Mắt sau khi thấy, nó tùy theo trú xú của hỷ mà đi sát (hay đi gần, *cận hành*) với sắc”. Pāli: *cakkhunā rūpam disvā somanassaṭṭhānīyam rūpam upavicarati*.

¹² *Hỷ quán: hỷ cận hành*.

mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ¹³, do nhơn gì mà nói như thế? Là chân đế trụ xứ, huệ trụ xứ, thí xả trụ xứ và tịch tĩnh trụ xứ. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhơn đó mà nói.

“Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: ‘Nay thân này của ta có nội địa giới, được chấp thọ nơi hữu tình¹⁴. Nội địa giới là thế nào? Là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phổi, lá lách, ruột già, bao tử, phổi, tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa. Những gì được thâm nhiếp trong thân thuộc về chất cứng, tính cứng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình.’ Tỳ-kheo, đó là nội địa giới. Này Tỳ-kheo, dù là nội địa giới hay ngoại địa giới đều gọi chung là địa giới. Tỳ-kheo đó bằng trí tuệ quán biết như thật rằng ‘Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã¹⁵.’ Tâm vị ấy không nhiễm trước địa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: ‘Nay thân này của ta có nội thủy giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội thủy giới là gì? Não tủy¹⁶, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, mù, máu, mỡ, tủy, nước giải, đờm, nước tiểu, tương tự như thế, trong thân này còn có nhiều thể khác nữa. Những gì được thâm nhiếp trong thân, thuộc về chất nước, tính nước nhuần thấm ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình.’ Tỳ-kheo, đó là nội [691a]thủy giới. Này Tỳ-kheo, nội thủy giới hay ngoại thủy giới đều gọi chung là thủy giới. Tỳ-kheo ấy bằng trí

¹³ Tứ trụ xứ 四住處. Pāli: *caturādhīṭhāno*, bốn y chỉ, sự xác lập: *paññādhīṭhāno* (tuệ y chỉ), *saccādhīṭhāno* (chân đế y chỉ), *cāgādhīṭhāno* (huệ thí y chỉ), *upasamādhīṭhāno* (tịch tĩnh y chỉ).

¹⁴ Thọ ư sanh 受於生. Cf. *Câu-xá 1* (tr. 2c11): hữu chấp thọ 有執受. *Ti-bà-sa 52* (272a18). M. 140: *ajjhataṃ paccattaṃ kakkhaḷaṃ kharigataṃ upādinnaṃ*, (những gì) thuộc bên trong, thuộc cá nhân, thô cứng, có tính cứng, được chấp thủ.

¹⁵ Hán: phi thân 非神. Pāli: *n’etaṃ mama, n’eso ‘ham asmi. na me sattā*, “cái này không là của tôi; tôi không là cái này; cái này không là tự ngã của tôi”.

¹⁶ Bản Cao-li: *nāo mac*. Plā: *pitta*, mật.

tuệ quán biết như thật rằng: ‘Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã.’ Tâm vị ấy không nhiễm trước thủy giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: ‘Nay thân này của ta có nội hỏa giới được chấp thọ nơi hữu tình. Nội hỏa giới là gì? Những gì làm cho thân phát nhiệt, thân nóng, thân phiền muộn, thân âm áp, làm tiêu đồ ăn thức uống, tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân thuộc về lửa, tức lửa làm nóng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình.’ Tỳ-kheo, đó là nội hỏa giới. Nay Tỳ-kheo, dù nội hỏa giới hay ngoại hỏa giới đều gọi chung là hỏa giới. Vị ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: ‘Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã.’ Tâm Tỳ-kheo ấy không nhiễm trước hỏa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: ‘Nay thân này của ta có nội phong giới được chấp thọ nơi hữu tình. Nội phong giới là gì? Gió thổi lên, gió thổi xuống, gió ngang hông, gió co thắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió cử động tay chân, gió ở hơi thở ra, thở vào, tương tự như thế, trong thân này còn các thứ khác nữa. Những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về gió, tánh gió, lưu động bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình.’ Tỳ-kheo, đó là nội phong giới. Nay Tỳ-kheo, dù ngoại phong giới hay nội phong giới đều gọi là phong giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: ‘Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã.’ Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Tỳ-kheo phân biệt thân giới như thế này: ‘Nay thân này của ta có nội không giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội không giới là gì? Lỗ trống ở mắt, lỗ trống ở tai, lỗ trống ở mũi, lỗ trống ở miệng, cái khiến cho cổ họng cử động, tức để cho thức ăn được nhai và nuốt từ từ đi qua cổ họng, đi xuống rồi ra ngoài, tương tự như thế, trong thân này có những thứ khác nữa thuộc về hư không. Ở chỗ hư không ấy không bị da, thịt, xương, gân lấp kín.’ Tỳ-kheo, đó là nội

không giới. Nay Tỳ-kheo, dù nội không giới hay ngoại không giới đều gọi chung là không giới. Tỳ-kheo bằng trí tuệ quán biết như thật rằng: ‘Tất cả những cái ấy không phải là sở hữu của ta. Ta không phải là sở hữu của những cái ấy. Những cái ấy cũng không phải là tự ngã.’ [691b] Tâm vị ấy không nhiễm trước không giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo biết như thật về năm giới này, sau khi biết như thật, tâm không nhiễm trước chúng thì được giải thoát, chỉ còn có các thức mà thôi.¹⁷ Đó là những thức nào? Thức biết lạc, thức biết khổ, thức biết hỷ, thức biết ưu và thức biết xả¹⁸.

“Nay Tỳ-kheo, như lạc xúc mà sanh lạc thọ¹⁹, vị ấy cảm giác lạc thọ. Khi cảm giác lạc thọ, vị ấy biết mình cảm giác lạc thọ. Nếu Tỳ-kheo diệt lạc xúc; sau khi lạc xúc này diệt, nếu có lạc thọ do lạc xúc sanh, lạc thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ. Tỳ-kheo biết như vậy rồi, trở thành mát lạnh.²⁰

“Nay Tỳ-kheo, như khổ xúc sanh ra khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ. Khi cảm giác khổ thọ, vị ấy biết mình cảm giác khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo diệt khổ xúc, sau khi khổ xúc này diệt, nếu có khổ thọ do khổ xúc sanh, khổ thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ. Tỳ-kheo khi biết như vậy rồi, trở thành mát lạnh.

“Nay Tỳ-kheo, như hỷ xúc sanh ra hỷ thọ, vị ấy cảm giác hỷ thọ. Khi cảm giác hỷ thọ, vị ấy biết mình cảm giác hỷ thọ. Nếu Tỳ-kheo diệt hỷ xúc, sau khi hỷ xúc này diệt, nếu có hỷ thọ do hỷ xúc sanh, hỷ thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ. Tỳ-kheo biết như vậy rồi, trở thành mát lạnh.

“Nay Tỳ-kheo, như ưu xúc sanh ra ưu thọ, vị ấy cảm giác ưu thọ. Khi cảm giác ưu thọ, vị ấy biết mình cảm giác ưu thọ. Nếu Tỳ-kheo diệt ưu

¹⁷ Pl.: *aparam viññānamyeva avasissati parisuddham pariyodātam*, các rthử còn lại thanh tịnh, tnh kết.

¹⁸ Pāli: *sukhan ti pi vijānāti, dukkhan ti pi vijānāti*..., nhận biết rằng ‘đây là lạc’, nhận biết rằng ‘đây là khổ’...

¹⁹ Nguyên Hán: *nhân lạc canh lạc cố sanh lạc giác* 因樂更樂故生樂覺; Pāli: *sukhavedanīyam... phassam paṭicca uppajjati sukhā vedanā*, do xúc chạm với đối tượng đáng ưa mà phát sinh cảm giác lạc.

²⁰ Pl.: *sūtibhavissati*. Xem đoạn sau.

xúc, sau khi ưu xúc này diệt, nếu có ưu thọ do ưu xúc sanh, ưu thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ. Tỳ kheo biết như vậy rồi, trở thành mát lạnh.

“Này Tỳ-kheo, như xả xúc sanh ra xả thọ, vị ấy cảm giác xả thọ. Khi cảm giác xả thọ, vị ấy biết mình cảm giác xả thọ. Nếu Tỳ-kheo diệt xả xúc, sau khi xả xúc này diệt, nếu có xả thọ do xả xúc sanh, xả thọ ấy cũng diệt, tĩnh chỉ. Tỳ kheo biết như vậy rồi, trở thành mát lạnh.

“Này Tỳ-kheo, như các xúc ấy sanh ra các thọ ấy. Khi các xúc ấy diệt, các thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết rằng, thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm căn bản, do xúc mà tập khởi, từ xúc sanh ra, dần dần bởi xúc, y cứ nơi xúc mà hiện hành.

“Này Tỳ-kheo, cũng như mỗi lửa, như cái dùi, sự nỗ lực của người và sức nóng mà lửa phát sanh. Này Tỳ-kheo, khi các loại cây rừng làm dùi cây ấy tách rời nhau, thì lửa mà từ đó phát sanh, sức nóng của lửa và sự chấp thọ của hữu tình, tất cả [691c] đều tắt biến, vắng bật, im lìm và dùi cây ấy trở nên nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, các xúc ấy thế này hay thế kia, sanh ra các thọ như thế này hay thế khác. Các xúc ấy diệt, các thọ ấy cũng diệt. Như vậy là biết thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm căn bản, do xúc tập khởi, từ xúc sanh ra, dần dần bởi xúc, y cứ nơi xúc mà hiện hành.

“Nếu Tỳ-kheo không nhiễm trước ba thọ này, giải thoát khỏi chúng, Tỳ-kheo ấy chỉ còn có xả cực kỳ thanh tịnh.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng, ‘Ta với xả thanh tịnh này nhập vào không vô biên xứ²¹; tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó.²² Ta với xả thanh tịnh này nhập vào thức vô biên xứ²³, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ,²⁴ tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó.’

“Này Tỳ-kheo, cũng như thợ luyện kim lành nghề, dùng lửa đốt thỏi vàng,

²¹ Nhập không vô biên xứ 無量空處. Pāli: *ākāsānañcāyatanam upasamhareyyam*.

²² Pl.: *ayam upekkha taṃmissitā tadupādānā ciram dīghamaddhānam tiṭṭheyya*, được y chỉ trên đó (không vô biên), được chấp thủ trên đó, tồn tại một thời gian dài.

²³ Thức vô biên xứ 無量識處, Pāli: *viññāṇaṇñcāyatanam*.

²⁴ Nguyên bản Hán: phi hữu tướng phi vô tướng xứ 非有想非無想處.

dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đến lúc tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Nay Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thợ vàng đã đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Như vậy rồi, thợ vàng ấy làm theo ý mình, như làm dây đính vào tơ lụa để trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay, xuyên, chuỗi, lưới tóc... Cũng vậy, nay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: ‘Ta với xả thanh tịnh này nhập không vô biên xứ; tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này nhập thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó.’

“Tỳ-kheo ấy lại nghĩ, ‘Ta với xả thanh tịnh này, y vào không vô biên xứ, như vậy xả ấy thuộc pháp hữu vi. Những gì là pháp hữu vi, thấy là vô thường. Cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu cái gì là khổ, thì biết đó là khổ.’ Sau khi biết khổ, vị ấy xả, không còn di chuyển nhập²⁵ không vô biên xứ nữa.

“‘Ta với xả thanh tịnh này, mà y thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, xả ấy thuộc pháp hữu vi. Cái gì là pháp hữu vi, nó vô thường. Cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu cái gì là khổ, thì biết đó là khổ.’ Sau khi biết khổ, vị ấy xả, không còn di chuyển nhập thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ nữa.

“Nay Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo [692a] đối với bốn xứ này bằng tuệ mà quán sát, biết như thật, tâm không tác thành, không di chuyển nhập, bấy giờ vị ấy không làm gì cả, và cũng không tư niệm gì, nghĩa là những gì liên hệ đến hữu và phi hữu²⁶. Vị ấy cảm giác về thân tối hậu chấp thọ²⁷ thì biết cảm giác về thân chấp thọ cuối cùng; cảm giác về mạng chấp

²⁵ Hán: bất phục di nhập 不復移入. Pl.: *na abhisankharoti*, không hành trì, không thể hiện, không tác thành.

²⁶ Hán: bất phục hữu vi diệc vô sở tư, vị hữu cập vô 不復有為亦無所思, 謂有及無. Pāli: *so neva tam abhisamkharoti na abhisamceta yati bhavāya vā vibhavāya vā*, vị ấy không hành trì cũng không tư duy về hữu hay phi hữu.

²⁷ Thọ thân tối hậu 受身最後, thân được chấp thọ, hay chấp thủ, cuối cùng. Pāli: *kāyapariyantika*.

thọ tối hậu²⁸ thì biết cảm giác về mạng chấp thọ tối hậu; và biết khi thân hoại mạng chung, thọ mạng chấm dứt, những gì được cảm thọ, tất cả đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là trở thành rất mát lạnh²⁹.

“Này Tỳ-kheo, ví như đèn sáng là nhờ dầu và nhờ bắc. Nếu không có ai đổ thêm dầu, nối thêm bắc, như vậy khi dầu và bắc có trước đã cháy hết mà những cái sau không được tiếp nối sẽ không còn gì để chấp thọ nữa. Tỳ-kheo ấy cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu; cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu; và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt thì tất cả những gì được cảm thọ thấy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là trở thành rất mát lạnh.

“Này Tỳ-kheo, như thế vị ấy được gọi là Tỳ-kheo tối thắng chánh tuệ, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng chánh tuệ xứ³⁰.

“Này Tỳ-kheo, sự giải thoát này an trú nơi chân đế, không bị di động. Chân đế là pháp như thật. Giả dối là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu tối thắng chân đế xứ³¹.

“Này Tỳ-kheo, với thí xả, nếu trước kia có oan gia cố cựu thì bấy giờ vị ấy phóng xả, lia bỏ, giải thoát, dứt trừ. Này Tỳ-kheo, đó là Tỳ-kheo tối thắng chánh huệ thí, là xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tĩnh, tĩnh chỉ. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu tối thắng huệ thí xứ.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào tâm bị dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát, Tỳ-kheo ấy tận diệt tất cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tịnh, tĩnh chỉ, chứng đắc tối thắng, tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu tối thắng tịch tĩnh xứ.

“Này Tỳ-kheo, ai nghĩ rằng ‘Tôi đang là’, ấy là tự đề cao³². Rằng ‘Tôi

²⁸ Mạng tối hậu 受命最後. Pāli: *jīvitapariyantika*.

²⁹ Pāli: *sabbavedayitāni abhinanditāni sītibhavissanti*, “tất cả những gì được cảm thọ đây hỷ lạc đều trở thành mát mẻ”.

³⁰ Đệ nhất chánh huệ xứ; Pāli: *paramapaññādiṭṭhāna*.

³¹ Đệ nhất chân đế xứ; Pāli: *paramasaccādiṭṭhāna*.

³² Hán: tự cử 自舉, nghĩa là kiêu mạn (Pāli: *māna*). Trong bản Pāi: *maññita*,

sẽ hiện hữu’, ấy là tự đề cao. Rằng “Tôi sẽ không hiện hữu, cũng không phải không hiện hữu’, ấy là tự đề cao. ‘Tôi sẽ có sắc’, ấy là tự đề cao. ‘Tôi sẽ không có sắc’, ấy là tự đề cao. ‘Tôi sẽ có tướng’, ấy là tự đề cao. ‘Tôi sẽ không có tướng’, ấy là tự đề cao. ‘Tôi sẽ không có tướng, không phải không có tướng’, ấy là tự đề cao. Đó là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật.

“Này Tỳ-kheo, nếu không có tất cả những sự tự đề cao, cống cao, kiêu ngạo, phóng dật ấy thì ý tịch tĩnh.

“Này Tỳ-kheo, nếu ý tịch tĩnh thì không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, [692b] không sợ hãi. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét, không chán ghét thì không ưu tư, không ưu tư thì không sầu não, không sầu não thì không lao nhọc, không lao nhọc thì không sợ hãi. Như không sợ hãi nên sẽ đắc Niết-bàn, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ ”

Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi viễn ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn và các pháp. Bấy giờ, Tôn giả Phát-ca-la-sa-lợi viễn thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn, không tùy thuộc ai nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc; đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con ăn năn! Bạch Thiện Thệ, con ngay từ đầu như ngu, như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không nhận ra Bạc Lương Điền mà không tự biết. Vì sao? Vì con đã gọi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là “Hiền giả³³.” Mong Đức Thế Tôn cho con sám hối. Sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa.”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Tỳ-kheo, người quả thực ngu si, quả thực là khờ dại, không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là ‘Hiền giả.’ Này Tỳ-kheo, nếu người tự sám hối, đã thấy và phát lộ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, này Tỳ-kheo, đối với pháp luật của bậc Thánh như

vọng tướng.

³³ Túc đã gọi Phật là “bạn”. Pāli: *āvusovādena*.

vậy là tăng ích chứ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa.”

Đức Phật, thuyết như vậy. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viển sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.³⁴

□

³⁴ Đoạn kết M 140: Pukkasati sau đó đi tìm y bát, bị bò húc chết. Phật thọ ký: Tôn giả chứng đắc A-nan-hàm, tsai sinh Tịnh cư thiên, sẽ nhập niết-bàn tại đó.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các người, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là phân biệt sáu xứ. Các người hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.”

Đức Phật, bảo rằng:

“Này các Tỳ-kheo, sáu xứ, nên biết, là bên trong vậy; sáu xúc xứ¹ nên biết là bên trong; mười [692c] tám ý hành² nên biết là bên trong; ba mươi sáu đao kiếm³ nên biết là bên trong. Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này, vô lượng thuyết pháp, nên biết, là bên trong. Có ba niệm trụ⁴, là những điều mà bậc Thánh tu tập; sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng⁵, đó là bậc Vô thượng Điều ngự con người⁶, là điều ngự người thú

¹ Lục cánh lạc xứ 更樂處. Pāli: *cha phassakayā*.

² Thập bát ý hành 十八意行. Pāli: *aṭṭhādasā manopavicārā*. Xem kinh 62.

³ Tam thập lục đao 三十六刀. Pāli, M 137 (iii. 217): *chattimsa sattapadā*, 36 cú (phạm trừ), hay đầu chân, của chúng sanh; 36 loại chúng sanh. Trong bản Hán, đọc là *sattha* (đao kiếm) thay vì *satta* (hữu tình). *Tỳ-bà-sa 139* (No.1545, tr. 718a25): Tam thập lục sư cú 三十六師句. Pāli: *Sattapadā* (36 cú nghĩa, hay phạm trừ, về chúng sanh). Cả ba bản đọc theo ngữ nguyên khác nhau. Pāli: *satta*, *chúng sanh*. Bản Hán này, *đao kiếm*: do Skt. *śāstra* (Pāli: *sattha*), Tỳ-bà-sa; Skt. *śāstra*: *đạo sư* (Pāli: *sattha*).

⁴ Tam ý chỉ 三意止. Pāli: *tayo satipaṭṭhānā*, ba niệm trụ.

⁵ Tham chiếu Pāli: *tatr'idaṃ nissāya idaṃ pajahatha. tayo satipaṭṭhānā yad ariyo sevati, yad ariyo sevamāno satthā gaṇaṃ anusāsituṃ arahati*, “trong đây, y trên cái này, các người hãy đoạn trừ cái này; có ba niệm trụ mà bậc Thánh tập hành, và khi tập hành nó bậc Thánh xứng đáng là Đạo sư giáo huấn đồ chúng”.

hướng tất cả phương.’ Như vậy là phân biệt lục xứ.

“Nói rằng, ‘sáu xứ nên biết là bên trong’, do nhơn gì mà nói như thế? Đó là :xứ là mắt; xứ là tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nói rằng ‘sáu xứ nên biết bên trong’ là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Sáu xúc xứ nên biết là bên trong’, do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là xúc con mắt thì thấy sắc, xúc lỗ tai thì nghe tiếng, xúc của mũi thì ngửi mùi, xúc của lưỡi thì nếm vị, xúc của thân thì cảm giác, xúc bởi ý thì biết pháp. Nói rằng ‘sáu xúc xứ nên biết bên trong’ là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Mười tám ý hành nên biết là bên trong’, do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an trụ nơi hỷ, phân biệt các sắc mà an trụ nơi ưu, phân biệt các sắc mà an trụ nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý đã biết pháp rồi, phân biệt pháp mà an trụ nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trụ nơi ưu, phân biệt pháp mà an trụ nơi xả. Đó gọi là phân biệt sáu hỷ, phân biệt sáu ưu, phân biệt sáu xả. Tổng thuyết là mười tám ý hành. Nói rằng ‘mười tám ý hành nên biết là bên trong’ là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Ba mươi sáu loại đao kiếm nên biết bên trong’, do nhơn gì mà nói như vậy? Có sáu hỷ y trên đấm trước, có sáu hỷ y trên vô dục⁶; có sáu ưu y trên đấm trước, có sáu ưu y trên vô dục; có sáu xả y trên đấm trước, có sáu xả y trên vô dục.

“Thế nào là sáu hỷ y trên đấm trước? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh hỷ, nên biết, có hai loại, hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là hỷ y đấm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc

⁶ Hán: *điều ngự sĩ*, chế ngự hay huấn luyện con người và đánh xe đưa con người đến chỗ an ổn. Pāli: *so vuccati yoggācariyānaṃ anuttaro purisadammasārathī ti*, vị ấy được gọi là vị hướng đạo và huấn luyện con người, cao cả nhất trong tất cả những người đánh xe.

⁷ Y trước y vô dục 依著依無欲. *Tỳ-bà-sa ibid.*: Y đam thị y xuất ly 依耽嗜依出離. Pāli: *gehaseta, nekkhammasita*: y tại gia và y xuất gia. Do từ nguyên trong Skt. hay đồng âm của từ *gaha* (Pāli) có nghĩa là nhà (Skt. *grha*) và sự nắm chặt (Skt. *graha*) nên có những nghĩa khác nhau như thế.

ái, lạc tương ưng với dục⁸; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đấm trước.

“Thế nào là hỷ y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi [693a] là hỷ y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ, nên biết có hai loại, hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào hỷ y trên đấm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, ý niệm, pháp ái, lạc tương ưng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đấm trước.

“Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục.

“Thế nào là sáu ưu y trên đấm trước? Thế nào là sáu ưu y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đấm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là ưu y trên đấm trước? Sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, lạc tương ưng với dục, cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đấm trước.

“Thế nào là ưu y trên vô dục? Biết sắc là pháp vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, pháp hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng ‘Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?’ Do ước nguyện chứng nhập giải thoát tối thượng ấy mà lo sợ⁹, sầu

⁸ Pāli: *lokāmisapaṭisaṃyuttam*, liên hệ đến vật dục thế gian.

⁹ Hán: *thượng cụ xúc nguyện khủng bố* 上具觸願恐怖; không hiểu ý. Có lẽ bản Hán chép nhầm chữ *bối* 背 (=giải thoát) thành chữ *cụ* 具. Pāli: *anuttaresu vimokkhesu piham upaṭṭhāyato uppajjati pihapaccayā damoanassam*, sau khi khởi lên ước nguyện đối với các giải thoát vô thượng như vậy, ưu duyên nơi nguyện ấy mà phát sanh.

khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi sanh ưu, nên biết có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là ưu y trên đắm trước? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, niệm, pháp ái, lạc tương ưng với dục, cái chưa được mà không được, cái đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu ấy gọi là ưu y trên đắm trước.

“Thế nào là ưu do vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi nghĩ rằng ‘Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?’ Do ước nguyện chứng nhập tối thượng giải thoát ấy mà lo sợ, sầu khổ nên phát sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đắm trước? Thế nào là xả y trên vô dục? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đắm trước? Mắt thấy sắc rồi phát sanh xả. Phạm phu ngu si hoàn toàn¹⁰ không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả nhưng không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đắm trước.

“Thế nào là xả y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch, diệt tận, [693b] vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Vị nào dốc lòng tu tập xả như thế, đó là xả y trên vô dục.

“Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý nhận thức pháp rồi phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại: hoặc y trên đắm trước, hoặc y trên vô dục.

“Thế nào là xả y trên đắm trước? Ý nhận thức, phát sanh xả. Phạm phu ngu si, hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với pháp có xả nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đắm.

“Thế nào là xả y trên vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch, diệt tận, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh; biết pháp trước kia hay bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt. Truy ức như vậy rồi an trụ nơi xả. Ai dốc lòng tu

¹⁰ Hán: *bình đẳng* 平等, liên hệ từ *samm* (Pāli = Skt.).

tập xả ấy, thì đó là xả y trên vô dục.

“Đó là sáu hỷ y trên đấm trước, sáu hỷ y trên vô dục; sáu ưu y trên đấm trước, sáu ưu y trên vô dục; sáu xả y trên đấm trước, sáu xả y trên vô dục. Tổng thuyết là ba mươi sáu thứ đao kiếm, nên biết, bên trong. Do nhưn đó mà nói như thế.

“Nói rằng ‘Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này’, do nhưn gì mà nói như vậy? Đó là, đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu hỷ y trên đấm trước kia, thì hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhỏ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu ưu y trên đấm trước kia, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhỏ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này; còn đối với sáu xả y trên đấm trước kia, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhỏ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc; có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc.¹¹

“Thế nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc? Nếu xả đối với sắc, đối với thanh, đối với hương, đối với vị, đối với xúc, thì xả ấy có vô lượng xúc, sai biệt xúc.

“Thế nào là xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc? Xả hoặc y vào không vô biên xứ, hoặc y vào thức vô biên xứ, hoặc y vào vô sở hữu xứ, hoặc y vào phi tướng phi phi tướng xứ, xả ấy chỉ có một xúc, không sai biệt xúc.

“Đối với xả có một xúc, không [693c] sai biệt xúc, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt cái kia, đoạn trừ cái kia, nhỏ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia. Thủ vô lượng, y vô lượng, trú vô lượng, tức là đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy cái này, y trên cái này, an trú nơi cái này.¹² Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt

¹¹ Pāli: *atthi bhikkhave upekkhā nānattā nānattasitā; atthi upekkhā ekattā ekattasitā*, có xả là tạp đa tánh, y trên tạp đa tánh; có xả đơn nhất tánh, y trên đơn nhất tánh.

¹² Pī.: *atammayataṃ nissāya atammayataṃ āgamma yāyaṃ upekkhā ekattā ekattasitā*

cái kia, đoạn trừ cái kia, nhờ cái kia ra. Như vậy là đoạn trừ cái kia.

“Nói rằng ‘Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này’ là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Vô lượng thuyết pháp, nên biết, là bên trong’, do nhơn gì mà nói như thế?

“Như Lai có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng tâm,¹³ tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, cho đến lúc bốn đệ tử lâm chung.

“Cũng như bốn người bắn giỏi, cùng kéo mạnh dây cung mà bắn một lượt, khéo học kỹ, khéo biết rõ. Cũng vậy, Thế Tôn có bốn đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng tâm, tăng thượng niệm, tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho đệ tử ấy suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn lúc uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội; những pháp mà Như Lai thuyết kia, có văn cú, pháp cú, quán nghĩa, bằng tuệ mà quán nghĩa một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận.

“Nói rằng ‘Vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong’, là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Có ba niệm trụ, là những điều mà bậc Thánh tu tập; sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng’, do nhơn gì mà nói như thế?

“Như Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì mến yêu, mưu cầu nhiều thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng ‘Đây là lợi ích, đây là khoái lạc, đây là lợi ích khoái lạc.’ Nếu các đệ tử kia mà không cung kính, không thuận hành, không xác lập nơi trí, tâm không

taṃ pajahataṃ taṃ samatikkamatha, y trên tính không khát ái, thú hưởng tính không khát ái mà đoạn trừ vượt qua xả đơn nhất tính, y trên đơn nhất tính.

¹³ Nguyên Hán: tăng thượng ý 增上意.

thực hành pháp tùy pháp¹⁴, không thọ chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định; nhưng Thế Tôn không vì thế mà [694a] buồn rầu. Thế Tôn chỉ xả mà không làm gì, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là niệm trụ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập; sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

“Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, nói rằng ‘Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.’ Nếu đệ tử kia cung kính thực hành theo chánh trí, tâm thực hành pháp và tùy pháp, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là niệm trụ thứ hai mà bậc Thánh tu tập; sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

“Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi, bảo rằng ‘Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.’ Nhưng có đệ tử không cung kính, cũng không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ trì chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp. Trái lại, có đệ tử cung kính, thực hành, vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ trì chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định, Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ. Thế Tôn chỉ xả, mà không làm gì cả, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là niệm trụ thứ ba mà bậc Thánh tu tập; sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

“Nói rằng ‘Có ba niệm trụ, là những điều mà bậc Thánh tu tập; sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng’, là nhưn đó mà nói.

“Nói rằng ‘Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hướng tất cả phương’, do nhưn gì mà nói như vậy?

“Điều ngự con người, đó là nói, điều ngự con người chỉ thú hướng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi, là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây,

¹⁴ Thú hướng pháp thứ pháp, Pāli: *dhammānudhamma-paṭipanna*

phương Bắc. Điều ngự ngựa là vị điều ngự chỉ dẫn con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Điều ngự bò là vị điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Trái lại, Vô thượng Điều ngự con người thú hướng đến tất cả phương. Trong đó, phương là có sắc thì quán sắc, đó là phương thứ nhất¹⁵. Bên trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là phương thứ hai. Tịnh giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú, [694b] đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không nghĩ đến các loại tướng sai biệt, nhập không vô biên, thành tựu và an trú không vô biên xứ, đó là phương thứ tư. Vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu an trú thức vô biên xứ, đó là phương thứ năm. Vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú vô sở hữu xứ, đó là phương thứ sáu. Vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trú, đó là phương thứ bảy. Vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, tướng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu, an trú, do tuệ mà quán lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ, đó là phương thứ tám.

“Nói rằng ‘Bậc Vô Thượng điều ngự con người, là điều ngự người thú hướng tất cả phương’ là nhưn đó mà nói.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁵ Từ đây trở xuống, nói về tám giải thoát, cũng nói là tam bối. Xem giải thích *Tập dị 18*, Đại 16, trang 443.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các người, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh ‘Phân biệt quán pháp’¹. Các người hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ!

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.”

Đức Phật bảo rằng:

“Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Người quán như vậy rồi, Tỳ-kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các người đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các người không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ.”

Đức Phật nói như thế, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chư Hiền nên biết, Đức Thế Tôn nói lên điều đó một cách tóm tắt, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói: ‘Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Người quán như vậy rồi, Tỳ-kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các người đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các người không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ.’”

Các vị ấy lại nghĩ rằng: “Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?” Các vị ấy lại nghĩ: “Tôn giả Đại

¹ Uddesavibhaṅgo, M. 138 (iii. 223).

Ca-chiên-diên² thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Nay chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì.”

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết cho rằng, Đức Thế Tôn nói điều này một cách tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói rằng, ‘Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Người quán như vậy rồi, Tỳ-kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, nay các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các người đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các người không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự kho.ã’

“Chúng tôi đã nghĩ rằng, ‘Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?’

“Chúng tôi lại nghĩ, ‘Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược.’ Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà phân biệt rộng rãi cho.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói rằng:

“Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa.

“Này chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con Mất, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp

²Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāna.

tướng Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

“Này chư Hiền, hãy đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này, ‘Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?’ Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy.”

Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như vậy ‘Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?’ Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có tri tán tán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho.”

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói:

“Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói.

“Này chư Hiền, thế nào là tâm³ Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn? –Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo con mắt thấy sắc, thức ăn tướng của sắc, thức đắm trước vị lạc của tướng của sắc, thức bị trói buộc bởi vị lạc của tướng của sắc; vị ấy bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra ngoài, bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đắm trước vị lạc của pháp tướng, thức bị trói buộc bởi vị lạc của pháp tướng, vị ấy bị vị của vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

“Này Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

“Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn?

“Này chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc của sắc tướng, thức không bị trói buộc

³Trong bản Pāli: thức (viññāna) bị phân tán.

bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước lạc của pháp tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của pháp tướng. Vị ấy không bị vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn.

“Này Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn.

“Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong?

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước ở vị ngọt của ly dục, y nơi đó, trú nơi đó, duyên nơi đó, gắn chặt nơi đó, nên thức không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định phát sanh, đắc thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước nơi vị ngọt của định, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc⁴, đắc thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của ly hỷ, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của xả và của niệm, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy đến các loại tướng sai khác, nhập không vô biên,

⁴Hán: Thánh sở thuyết Thánh sở xả niệm lạc trú 聖說聖所捨念樂住. Pāli: yam taṃ āriyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhaviharī, điều mà các Thánh nói là xả, an trú lạc với chánh niệm.

thành không vô biên xứ, thành tựu và an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thức vô biên xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập Phi tướng phi phi tướng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của tướng trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

“Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong.

“Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo an trú vào bên trong?

“Chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đặc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đặc đệ Nhị thiền, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của định, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trụ, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, đặc Thiền thứ ba, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của ly hỷ, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ và ưu có trước kia, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đặc Thiền thứ tư, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của xả và vị của niệm

thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không tư duy đến các loại tướng sai biệt, nhập không vô biên xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của không trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô sở hữu trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô tướng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

“Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong.

“Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ mà sợ hãi?

“Chư Hiền, Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát, thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng ‘Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta.’ Khi đã muốn được sắc, truy cầu sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng ‘Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta’, thì thức nắm bắt sắc. Sau khi thức nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo sắc. Khi thức đã bị chuyển theo sắc thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhon vì tâm không biết nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức

dục, không ly thức ái, không ly thức khát, thì vị ấy muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng ‘Thức là ta. Thức là sở hữu của ta.’ Vị ấy khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng ‘Thức là ta. Thức là sở hữu của ta’ thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức nắm bắt thức, lúc thức ấy biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhon vì tâm không biết nên sanh khiếp hãi, lao nhọc, không chấp thọ mà sợ hãi.

“Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi.

“Này chư Hiền, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ, không sợ hãi?

“Chư Hiền, là Tỳ-kheo ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát, thì vị ấy không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng ‘Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta.’ Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng ‘Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta’ thì thức không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bị chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhon vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát thì vị ấy không muốn đắc thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng ‘Thức không phải là ta. Thức không phải là sở hữu của ta.’ Tỳ-kheo ấy khi đã không muốn được thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng ‘Thức không phải là ta. Thức không phải là của ta’, thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhon vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi.

“Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ, không sợ hãi.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói điều đó tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Ngài chỉ nói rằng ‘Tỳ-kheo, quán như vậy như vậy. Người quán như vậy rồi, Tỳ-kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các người đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy các người không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ.’ Đức Thế Tôn đã nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi như vậy đó. Tôi đã dùng cú này, văn này giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền, hãy đến trình bày với Thế Tôn đầy đủ. Nếu Đức Thế Tôn nói điều đó như thế nào thì chư Hiền thọ trì như thế ấy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa, thì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó.”

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, đó là vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì đạo sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên những gì mà Ca-chiên-diên đã nói, các người hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa¹.

Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề² cũng đi trú ở thành Vương xá, tại Ôn tuyền lâm³.

Bấy giờ, đêm gần tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn tuyền, cỡi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào.

Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đánh lễ Tôn giả Tam-di-đề rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền.

Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

“Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế⁴ chăng?”

Tôn giả Tam-di-đề trả lời vị thiên thần kia rằng:

“Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.”

Rồi Tôn giả hỏi lại thiên thần:

“Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?”

Thiên thần trả lời:

“Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.”

Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị thiên thần kia:

“Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?”

Thiên thần kia đáp:

¹ Bản Pāli nói tại Tapodārāna, cũng trong Rājagaha (Vương xá), xem thêm chú thích (4) ở sau.

² Tam-di-đề 三彌提. Pāli: Samiddhi, thuộc một gia đình phú hào tại Vương xá.

³ Ôn tuyền lâm 溫泉林. Pāli: Tapodārāma (tinh xá Ôn tuyền), ở cạnh hồ Ôn tuyền (Tapodā), dưới chân núi Vebhāra, ngoài thành Vương xá.

⁴ Bạt-địa-la-đế 跋地羅帝. Pāli: Bhaddekaratta: một đêm hạnh phúc, nhất dạ hiền giả.

“Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Nay Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.”

Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đề, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Sau khi thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp rạng đông, con ra khỏi phòng, đi đến Ôn tuyền, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến con, cúi đầu đánh lễ con rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với con: ‘Nay Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Con trả lời vị thiên thần kia rằng: ‘Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.’ Rồi con hỏi lại thiên thần: ‘Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?’ Thiên thần trả lời: ‘Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.’ Con lại hỏi vị thiên thần kia: ‘Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?’ Thiên thần kia đáp: ‘Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Nay Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.’ Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân con, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Nay Tam-di-đề, người có biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị

thiên thần kia tên là gì chăng?”

“Tôn giả Tam-di-đề đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Tam-di-đề, vị thiên thần kia tên là Chánh Điện⁵, làm tướng quân ở cõi trời Tam thập tam thiên.

Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ ghi nhớ kỹ.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Tam-di-đề, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói cho ông nghe.”

Tôn giả Tam-di-đề bạch:

“Xin vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo mà lắng nghe.

Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.*

*Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,*

⁵ Chánh Điện 正殿. Bản Pāli không nhắc đến vị thiên thần này.

*Ngày đêm không chút biếng lười.
 Vì vậy phải thường tụng đọc
 Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Sau khi nói bài kệ như vậy, Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất mà tĩnh tọa.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
 Tương lai cũng chớ mong cầu.
 Quá khứ đã qua, đã mất,
 Tương lai chưa đến, còn xa.
 Hiện tại những gì đang có
 Thì nên quán sát suy tư.*

*Niệm niệm mong manh không chắc,
 Người khôn biết vậy nên tu.
 Nếu có làm theo hạnh Thánh,
 Ai hay nổi chết ưu sầu.
 Nhất định tránh xa sự chết;
 Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
 Ngày đêm không chút biếng lười.
 Vì vậy phải thường tụng đọc
 Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Các vị ấy lại nghĩ rằng: “Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?” Các vị ấy lại nghĩ: “Tôn giả Đại Ca-chiên-diên⁶ thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì.”

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên,

⁶Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāna.

cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

“Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

*Cần thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.*

*Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

“Chúng tôi suy nghĩ rằng: ‘Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?’ Chúng tôi lại nghĩ: ‘Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi.’”

Bấy giờ, Tôn giả [697c] Đại Ca-chiên-diên nói rằng:

“Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa.

“Này chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư

Hiền nên biết, Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

“Này chư Hiền, hãy đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này, ‘Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?’ Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy.”

Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như vậy ‘Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?’ Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có tri tán thán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho.”

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói.

“Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái, tương ưng với dục, tâm lạc,⁷ do đó mò tìm cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục.⁸ Do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái, tương ưng với dục, tâm lạc, do đó mò tìm cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái,

⁷ Pl., thành cú: *cakkhuvīññeyyā rūpā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasamhitā rajanīyā*, “sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa thích, đáng ham muốn, dễ xứng ý, đáng yêu, liên hệ dục, dễ đắm nhiễm.”

⁸ Pl.: *tattha chandarāgappatibaddham hoti viññānam*, ở đây thức bị trói chặt bởi dục tham.

tương ưng với dục, tâm lạc, do đó mò tìm [698a] cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục, nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không nhiễm trước dục, vị ấy không hoan lạc. Do không hoan lạc, vị ấy không truy niệm quá khứ.

Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được. Đã được thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì không muốn được, đã được rồi thì tâm không mong ước. Do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước

dục nên không hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục [698c] nên không hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại.

“Nay chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rời từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa.”

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.*

*Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

“Phần này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này nói một cách rộng rãi như vậy đó. Nay chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu Đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa, sau đó Tôn giả

Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, vẫn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó.”

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, đó là vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, vẫn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên những gì mà Ca-chiên-diên đã nói, các người hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy⁹.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

□

⁹ Pl., thành cú: *eso cevetassa attho*.

166. KINH THÍCH TRUNG THIÊN THẮT TÔN

[698c5]Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độ.

Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ¹ cũng ở giữa những người họ Thích tại thiên thất Vô sự².

Khi ấy, vào lúc trời gần sáng, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ từ thiên thất kia đi ra, đến một khoảng đất trống nằm trong bóng thiên thất, trải ni-sur-đàn lên trên chõng rồi ngồi kiết già.

Bấy giờ có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp nguy nguy, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, cúi đầu đánh lễ rồi đứng qua một bên. Sắc tượng và uy thần của vị trời này rất là thù diệu, ánh sáng chói khắp cả thiên thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

“Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?”

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời vị thiên thần ấy rằng:

“Tôi không có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó.”

Rồi Tôn giả hỏi lại:

“Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?”

Thiên thần trả lời:

“Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng ý nghĩa thì không hiểu.”

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi thiên thần:

“Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu ý nghĩa của nó?”

Thiên thần đáp:

“Một thời, Đức Thế Tôn trú trong thành Vương xá, trú tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ

¹ Lô-di-cường-kỳ 盧夷強耆. Pāli: Lomasakaṅgiya, dòng họ Thích, ở Ca-tỳ-la-vệ.

² Vô sự thiên thất. Bản Pāli nói: tại Nigrodhārāma (vườn cây Ni-câu-loại).

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ như vậy:

*Cần thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.*

*Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.*

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

[699a] “Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa của nó.”

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ hỏi thiên thần:

“Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó?”

Thiên thần kia đáp:

“Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.”

Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân của Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Chẳng bao lâu sau khi vị thiên thần biến mất, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, ở

giữa dòng họ Thích, ba tháng an cư mùa mưa đã qua, khâu vá y cũng đã xong, đắp y ôm bát đi vào nước Xá-vệ. Tôn giả lần hồi tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trụ tại rừng Thắng, trong vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi một bên mà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, một thời con trú ở giữa dòng họ Thích, tại thiên thất Vô sự. Bạch Đức Thế Tôn, bấy giờ vào lúc trời gần sáng, con từ thiên thất đi ra, đến khoảng đất trống nằm trong bóng của thiên thất, con trải tọa cụ lên trên chõng rồi ngồi kiết già. Lúc đó có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp nguy nguy, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ con, cúi đầu đánh lễ rồi đứng qua một bên. Sắc tượng và uy thần của vị trời này rất là thù diệu, ánh sáng chói khắp cả thiên thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với con rằng ‘Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?’ Con trả lời vị thiên thần ấy rằng: ‘Tôi không có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó.’ Rồi con hỏi lại ‘Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng?’ Thiên thần trả lời ‘Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng ý nghĩa thì không hiểu.’ Con lại hỏi thiên thần ‘Bài kệ Bạt-địa-la-đế như thế nào, được thọ trì mà lại không hiểu ý nghĩa của nó?’ Thiên thần đáp ‘Một thời, Đức Thế Tôn trú trong thành Vương xá, trú tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ như vậy:

[699b] *Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;*

Tương lai cũng chớ mong cầu.

Quá khứ đã qua, đã mất,

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh,

Ai hay nổi chết ưu sầu.

Nhất định tránh xa sự chết;

Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

*Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

“Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy nhưng mà không thọ trì ý nghĩa của nó.’ Con lại hỏi thiên thần ‘Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó?’ Thiên thần kia đáp ‘Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.’ Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân của con, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng:

“Người biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng?”

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu tới, cũng không biết tên vị ấy là gì.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Cường-kỳ, vị thiên thần kia tên là Ban-na³, làm tướng quân cõi trời Tam thập tam.

Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc, nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó thì các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì.”

³Ban-na 般那. Pāli: Candana, tiền thân trong đời Phật Ca-diếp, là vị Tỳ-kheo đã đọc bài kệ này cho Lomasakangiya, nhưng Loma không hiểu và được hứa hẹn trong tương lai sẽ hiểu. (*Pāli Proper Names*. II, trang 789 -10).

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Cường-kỳ, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho ông nghe.”

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch rằng:

“Xin vâng, con xin chấp thuận lời dạy.”

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

Tương lai cũng chớ mong cầu.

[699c] *Quá khứ đã qua, đã mất,*

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh,

Ai hay nổi chết ưu sầu.

Nhất định tránh xa sự chết;

Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn,

Ngày đêm không chút biếng lười.

Vì vậy phải thường tụng đọc

Bạt-địa-la-đế kệ này.

“Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Tỳ-kheo hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

“Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Tỳ-kheo không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

“Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai? Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Tỳ-kheo hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là

Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

“Này Cường-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tướng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

“Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Hoan lạc thọ, tướng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

“Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tướng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



167. KINH A-NAN THUYẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn [700a] Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo đang tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm.

Bấy giờ đêm đã qua, trời hừng sáng, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch Phật, rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường vào lúc ban đêm.”

Nhân đó, Đức Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo rằng:

“Người hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan mà nói như vậy: Thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn gọi Tôn giả.”

Tỳ-kheo kia vâng lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu Phật ba vòng rồi đi đến chỗ của Tôn giả A-nan mà nói rằng:

“Thế Tôn gọi Tôn giả A-nan.”

Tôn giả A-nan liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi đứng qua một bên.

Đức Thế Tôn hỏi A-nan rằng:

“Này A-nan, có quả thật ông có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này A-nan, ông nói bài kệ Bạt-địa-la-đế kệ và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo nghe như thế nào?”

Tôn giả A-nan liền nói rằng:

*Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có*

*Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.*

Đức Thế Tôn lại hỏi A-nan rằng:

“Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo hoan lạc sắc quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.”

[700b]Đức Thế Tôn lại hỏi:

“A-nan, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“A-nan, thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Lành thay! Lành thay! Đệ tử của Ta là người có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp. Vì sao vậy? Vì là đệ tử, ngay trước mặt Tôn sư, mà diễn rộng ý nghĩa của văn cú như vậy. Đúng như những gì Tỳ-kheo A-nan đã nói, các người hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Lời nói ấy và quán nghĩa đó phải như vậy.”

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



168. KINH Ý HÀNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Nay Ta sẽ nói pháp cho các người nghe, vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa, và đoạn cuối cũng vi diệu; có văn, có nghĩa đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh ‘Phân biệt ý hành’ nói về sự thọ sanh theo ý hành¹. Hãy lắng nghe, [700c] hãy khéo tư niệm kỹ!”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

“Sao gọi là sự tái sinh do ý hành đưa tới? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm, có tứ, chứng được Sơ thiên², thành tựu an trụ. Vị ấy đối với định này, vui sướng trụ ở đó. Vị ấy đối với định kia đã ham muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ vào đó, khoái lạc đó, khi mạng chung tái sanh trong cõi Phạm thân. Các trời Phạm thân³ sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc phát sanh do ly dục; và Tỳ-kheo sống ở đây⁴ nhập Sơ thiên, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai thứ hỷ và lạc do ly dục sanh này không có sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thân. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tâm tứ đã tịch tĩnh, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, chứng đệ Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Đối với định lực này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này, khi đã trụ ở đó, tất có

¹ Ý hành sanh 意行生, thọ sanh do hành nghiệp của ý. Pāli: *saṅkhārupatti*; *sankhāra*: hành, đây chỉ các uẩn dị thực (*vipākakkhandhā*); Sớ giải: duy chỉ là sự tái sanh của các hành, không có tái sinh của chúng sanh, của con người (*saṅkhārānamyeva upapattim na sattassa na posassa*).

² Đây bắt đầu từ Sắc giới. Bản Pāli bắt đầu từ Dục giới.

³ Phạm thân thiên 梵身天, Phạm chúng thiên. Pāli: *Brahmakāyika*.

⁴ Tỳ-kheo đang sống ở Dục giới nhưng nhập Sơ thiên.

trường hợp này: trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi trời Hoảng dục⁵. Các trời Hoảng dục sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh; và Tỳ-kheo trụ ở đây, nhập đệ nhị thiền, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Hoảng dục thiên. Như vậy gọi là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, ly hỷ dục, an trụ xả vô cầu; có chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này, vị kia vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến tịnh thiên⁶. Các trời Biến tịnh sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ; và Tỳ-kheo sống ở đây nhập Tam thiền này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ ở đó, khoái lạc ở đó, [701a] khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Quả thật thiên⁷. Các trời Quả thật thiên, sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh; và Tỳ-kheo sống ở đây, nhập đệ Tứ thiền, thọ hưởng diệu lạc do xả, niệm thanh tịnh. Hai diệu lạc do xả, niệm thanh tịnh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả thật thiên. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tượng, không

⁵ Hoảng dục thiên 晃昱天, Quang âm thiên, hay Cực quang thiên. Pāli: Ābhassara.

⁶ Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: Subhakiṇhā.

⁷ Quả thật thiên 果實天 hay Quảng quả thiên 廣果天. Pāli: Vedapphalā.

truy niệm bất cứ tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu an trụ không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi không vô biên xứ thiên. Các trời Không vô biên xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng không vô biên xứ tướng; và Tỳ-kheo ở đây thọ hưởng không vô biên xứ tướng. Hai không vô biên xứ tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Không vô biên xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ, thành tựu an trụ thức vô biên xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi thức vô biên xứ thiên. Các trời thức vô biên xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng thức vô biên xứ tướng; và Tỳ-kheo sống ở đây thọ hưởng thức vô biên xứ tướng. Hai thức vô biên tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Thức vô biên xứ. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trụ vô sở hữu xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi vô sở hữu xứ thiên. Các trời vô sở hữu xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng vô sở hữu xứ tướng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng vô sở hữu xứ tướng. Hai vô sở hữu xứ tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, [701b] phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi vô sở hữu xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả vô sở hữu xứ tướng, nhập phi tướng phi phi tướng, thành tựu an trụ phi tướng phi phi tướng xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này: trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong phi tướng phi phi tướng xứ thiên. Chư Thiên trên cõi trời phi tướng

phi phi tướng xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng phi tướng phi phi tướng xứ tướng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng phi tướng phi phi tướng xứ tướng. Hai tướng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào Phi tướng phi phi tướng xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ tướng, nhập tướng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, định này được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thực tô, do thực tô có tinh tô. Tô tinh này được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, trụ ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đó là tận cùng sự khổ.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



169. KINH CÂU-LÂU-SẦU VÔ TRÁNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Bà-kì-sầu¹, ở Kiêm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu².

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Nay Ta sẽ nói pháp cho các người nghe. Pháp ấy vi diệu ở phần đầu, vi diệu ở quãng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, gọi là kinh ‘Phân biệt vô tránh.’³ Các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

“Đừng nên mong cầu dục lạc⁴, là nghiệp vô cùng hèn hạ⁵, là hành vi của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất [701c] khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với nghĩa⁶. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tuệ tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Có tán thán và chỉ trích, có sự không tán thán và không chỉ trích, mà chỉ nói pháp.⁷ Quyết định

¹ Bà-kì-sầu 婆奇瘦; Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.M. 139: Phật trú ở Sāvattthi.

² Kiêm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu 劍摩瑟曇拘樓都邑, xem kinh số 10.

³ Hán: phân biệt vô tránh 分別無諍經. Pl.: *araṇvibhaṅgasutta*.

⁴ Hán: mạc cầu dục lạc 莫求欲樂. Pāli: *na kāmasukham anuyuñjeyya*, chớ đam mê khoái lạc dục tình.

⁵ Hán: cực hạ tiện nghiệp 極下賤業. Pāli: *hīnaṃ gammaṃ*, thấp hèn và đê tiện. Trong bản Hán, *gamma* (đê tiện) được đọc là *kamma*: nghiệp.

⁶ Vô nghĩa tương ưng, Pāli: *anattasamhita*, không liên hệ đến mục đích.

⁷ Pl. (M.iii. 231): *ussādanañca jaññā apasādanañca jaññā; ussādanañca ñatvā apasādanañca ñatvā nevussādeyya na apasādeyya dhammameva deseyya*. biết tán thán, biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán, biết chỉ trích; không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp.

đúng mức⁸ và sau khi đã biết quyết định, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong.⁹ Đừng nói lời ám chi¹⁰, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn¹¹; tùy theo phong tục địa phương¹², đừng nói thị, đừng nói phi. Đó là những vấn đề của kinh ‘Phân biệt vô tránh.’

“‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hành vi của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với cứu cánh.’ Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Ở đây, ‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hành vi của phàm phu.’ Đây là nói về một một cực đoan. ‘Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa.’ Đây là nói về một cực đoan nữa. Do bởi sự kiện này mà nói ‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hành vi của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa.’

“‘Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn.’ Vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào? Ở đây, Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói ‘Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn.’

“‘Có sự tán thán và có chỉ trích, có sự không tán thán và không chỉ trích, mà chỉ thuyết pháp.’ Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Sao

⁸ Hán: *quyết định u tề* 決定於齊 (có bản chép là *trai* 齋). Pāli: *sukhavinicchayam*, sự phán định về lạc.

⁹ Pl. *ibid.*: *sukhavinicchayam jaññā; sukhavinicchayam ñatvā ajjhataṃ sukham anuyuñjeyya*; biết pháp định lạc; sau khi biết phán định lạc, hãy chuyên tâm lạc nội tại.

¹⁰ *Đạo thuyết* 道說; bản Cao-li chép 導; TNM: 道. Pāli: *rahovādam*, nói chuyện bí mật, nói lên.

¹¹ Hán: *tề hạn thuyết* 齊限說. Pāli: *ataramāno bhāseyya na taramāno*, nói thông thả, đừng nhanh quá.

¹² Hán: *tùy quốc tục pháp* 隨國俗法. Pāli: *janapadaniruttiṃ nābhiniveseyya*, đừng cố chấp địa phương ngữ.

gọi là có tán thán, sao gọi là có chỉ trích nhưng không nói pháp? ‘Ở đây có lạc tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hành vi của phàm phu; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh’ Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình¹³. Vì sao? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vô thường cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh.’ Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

“‘Tự thân khổ hành, rất khổ, không tương ưng với nghĩa. Pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, là tà hạnh.’ Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì Sa-môn Bà-la-môn kia sợ hãi sự khổ nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nhưng Sa-môn Bà-la-môn này lại ôm cái khổ này nữa, cho nên họ nhất thiết có khổ, có phiền nhọc, có [702a] nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

“‘Kết sử hữu¹⁴ không được đoạn tận; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, là tà hạnh.’ Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu với người nào mà kết sử hữu không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này cho nên tự chỉ trích mình.

“‘Kết sử hữu đã đoạn tận; pháp này không có khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, chánh hạnh.’ Vị ấy đã biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu với người nào mà kết sử hữu đoạn tận thì sự hữu kia cũng bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết không khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, là chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều đó, cho nên tự tán thán.

“‘Không mong cầu sự lạc bên trong; pháp ấy có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, cũng không cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết có khổ, có phiền nhọc, có

¹³ Pāli: iti vadam itth’ eke apasādeti, vị ấy chỉ trích một số người bằng lời lẽ như vậy.

¹⁴ Hữu kết 有結. Pāli: bhava-saṃyojana.

nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, tự chỉ trích mình.

“Mong cầu sự lạc bên trong; pháp này không có khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, là chánh hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu người nào mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong. Cho nên người đó không có khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, là chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên tự tán thán.

“Nhu vậy gọi là ‘Có tán thán, có chỉ trích mà không thuyết pháp. Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp.’

“Thế nào là ‘Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp’? ‘Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hành vi của phàm phu, thì pháp ấy có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vậy, ‘Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt.’ Vị ấy đã biết dục là vô thường cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh. Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“‘Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vậy, ‘Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.’ Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền nhọc, [702b] có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.’

“‘Kết sử hữu không được đoạn tận; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, là tà hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vậy, ‘Nếu người nào kết sử hữu không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người ấy nhất định phải khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.’ Không thấu suốt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền nhọc, có nghiệp nã, có buồn rầu, là tà hạnh. Vị ấy đã biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“‘Kết sử hữu đã đoạn tận; pháp này không có khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, chánh hạnh.’ Vị ấy đã biết điều này rồi,

liên nói pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vậy, ‘Nếu người nào kết sử hữu đã đoạn tận thì sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không có khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh.’ Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“‘Không mong cầu sự lạc bên trong; pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vậy, ‘Nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong thì cũng không mong cầu bên trong, cho nên người ấy nhất thiết có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.’ Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“‘Mong cầu sự lạc bên trong; pháp này không có khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh.’ Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vậy, ‘Nếu người nào có mong cầu sự lạc bên trong, thì cũng mong cầu bên trong cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh.’ Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp.

“Nhu vậy là ‘không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp.’ Vấn đề đó được nói với nguyên nhân như vậy.

“‘Quyết định đúng mức, và sau khi đã biết quyết định, hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong.’ Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

“Có sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh, mà là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn¹⁵, thuộc sanh tử, không đáng tu, không đáng tập, [702c] không đáng phát triển. Ta nói điều ấy không đáng tu tập.

“Có sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của vô dục, sự lạc của ly dục, sự lạc

¹⁵ *Hữu thực* 有食, ở đây nên hiểu là ‘thuộc về vật chất.’

của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn,¹⁶ không thuộc sanh tử, nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu được vậy.

“Sao gọi là ‘Có sự lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, thuộc sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu tập’? Hỷ lạc nào do năm công đức của dục mà sanh, sự lạc ấy là lạc của phàm phu, không phải là lạc của bậc Thánh, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, thuộc sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu tập vậy.

“Sao gọi là ‘Có sự lạc của bậc Thánh, là lạc của vô dục, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn, không thuộc sanh tử, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy.’ Ở đây Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng Tứ thiền, thành tựu an trụ. Sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn, không thuộc sant tử, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy.

“‘Quyết định đúng mức, sau khi đã biết quyết định hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong.’ Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“‘Không nên nói lời ám chỉ, cũng không nên đối mặt tán thán’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

“Có lời nói ám chỉ mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với nghĩa. Cũng có lời nói ám chỉ mà chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa. Trong này nếu lời nói ám chỉ nào mà không chân thật, hư vọng, không tương ưng với nghĩa, nhất định không nói những lời như vậy. Trong này nếu có lời nói ám chỉ nào mà chân thật, không hư vọng, không tương ưng với cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Ở đây nếu có lời nói ám chỉ nào mà chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa thì hãy nên biết thời, chánh trí, chánh niệm để cho thành tựu lời nói ấy.

“Như vậy, ‘Đừng nói lời ám chỉ, cũng đừng đối mặt khen ngợi’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“‘Nói vừa phải, chứ đừng quá giới hạn’, vấn đề này được nói lên với

¹⁶ Vô thực 無食: phi vật chất.

nguyên nhân nào?

“Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiếng bị hư mà hưởng đến trí thì không được tự tại¹⁷. Nói vừa phải thì thân không phiền nhọc, niệm không ưa quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói [703a] không bị hư, hưởng đến trí thì được tự tại.

“Nói vừa phải, đừng nói quá giới hạn’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Tùy theo phong tục địa phương, đừng nói thị, đừng nói phi’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương? Ở địa phương này, ở nhân gian này, sự kiện này hoặc được nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói là ‘cái ô’, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc’; hay nói là cái khay, hay nói là cái ô, hay nói là cái chén, hay nói là đồ đạc; mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng, ‘Đây là sự thực, ngoài ra là láo cả.’ Như vậy, đó là tùy theo phong tục địa phương mà nói thị hay phi vậy.

“Sao gọi là ‘Tùy phong tục địa phương, không thị không phi’? Ở địa phương này, ở nhân gian này, sự kiện này hoặc được nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói là ‘cái ô’, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc’, và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự kiện kia, hoặc nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói là ‘cái ô’, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc.’ Với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng ‘Đây là sự thật, ngoài ra đều láo cả’, như vậy là tùy phong tục địa phương không nói thị không nói phi.

“‘Tùy phong tục địa phương, đừng nói thị, đừng nói phi’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“‘Pháp hữu tránh và pháp vô tránh.’ Sao gọi là pháp hữu tránh? Nếu có lạc gì tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hành vi phạm phu, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải chánh hạnh, không tương ưng với nghĩa, thì pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức,

¹⁷ Nghĩa là, nói nhanh quá, người nghe không kịp hiểu.

có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Xa lìa hai cực đoan ấy, có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tuệ, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Kết sử hữu mà không đoan tận, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Kết sử hữu diệt tận, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này [702b] không khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này không tranh chấp, không mong cầu nội lạc.

“Không cầu nội lạc, pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, nên nói pháp này là hữu tránh.

“Mong cầu ở nội lạc, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền nhọc, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Trong đó, nếu có sự lạc nào không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, thuộc sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói pháp ấy không nên tu. Pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Trong đó nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, sự lạc nào của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không thức ăn, không thuộc sanh tử, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói pháp ấy nên tu, pháp này là pháp vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Trong đó nếu có lời nói ám chỉ mà không chân thật, dối láo, không

tương ưng với cứu cánh, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Trong đó, nếu có lời nói ám chỉ mà chân thật, không dối láo, tương ưng với cứu cánh, pháp ấy là vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp ấy là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Không nói vừa phải; pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là tranh chấp.

“Nói vừa phải, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói [702c] pháp này là vô tránh.

“Thị và phi theo phong tục địa phương, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền nhọc, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên pháp này có tranh chấp.

“Tùy phong tục địa phương, không nói thị không nói phi, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền nhọc, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Đó gọi là tránh pháp. Các người nên biết pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biết pháp tránh và pháp vô tránh thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các người cần phải học như vậy.

“Như vậy thiện nam tử Tu-bồ-đề¹⁸ do đạo vô tránh¹⁹ mà về sau biết được pháp như pháp²⁰.”

Biết pháp Như chơn thật

¹⁸ Tu-bồ-đề 須菩提. Pāli: Subhūti.

¹⁹ Vô tránh đạo 無諍道.

²⁰ Pāli: *Subhūti ca pana, bhikkhave, kulaputto arañāpaṭipadam paṭipanno*, thiện nam tử Tu-bồ-đề là người thực hành con đường vô tránh.

Tu-bồ-đề thuyết kệ

Thực hành chơn không này

Bỏ đây, trụ tịch tịnh.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.²¹ □

170. KINH ANH VŨ (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, Đức Thế Tôn mang y cầm bát vào nước Xá-vệ. Trong khi đi khát thực, Thế Tôn đi qua nhà của Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử²². Lúc bấy giờ, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử có chút việc phải làm nên đi khỏi, không có ở nhà.

Khi ấy, tại nhà Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử có một con chó trắng²³ đang ăn cơm trong cái chậu bằng vàng, trên một cái giường lớn. Rồi con chó trắng trông thấy Đức Phật từ xa đi lại. Thấy Ngài, nó liền sủa. Đức Thế Tôn nói với con chó trắng rằng:

“Ngươi không nên làm như vậy. Nhà người hét ó [704a] rồi lại sủa.”

Chó trắng nghe nói, giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên đồng cây, nằm buồn thiếu não.

Sau đó, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử trở về nhà, thấy chó trắng có vẻ giận dữ, đã từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiếu não, ông mới hỏi người nhà rằng:

²¹ Bản Hán, hết quyển 43.

²² Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử 鸚鵡摩納都提子. No.79: Anh Vũ Ma-lao Đâu-la Tử 鸚鵡摩牢兜羅子; No.78: Đâu-diệu Tử Cốc 兜調子谷; No.80: Điều-đề-đa Tử Thủ-ca Trưởng giả 怛提耶子首迦長者; No.81: Đâu-nễ-dã Tử Du-ca Trưởng giả 兜儂野子輸迦長者; Pāli: niên thiếu Bà-la-môn tên là Subha, con trai của Todeyya. Xem kinh 152.

²³ Bạch cầu 白狗. No.78: con chó tên Loa 螺; No.79 nó tên là Bối 貝 (in làm là cụ 具) và No.81 gọi nó là Thương-khur 傷 佉, phiên âm tương đương Pāli là Saṅkha: con sò.

“Ai quấy rầy con chó của tôi, khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiếu ngủ vậy?”

Người nhà trả lời:

“Chúng tôi không ai quấy rầy con chó trắng cả, khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiếu ngủ. Ma-nạp nên biết, ngày nay có Sa-môn Cù-đàm đến đây khát thực, con chó trắng thấy liền chạy tới sủa. Sa-môn Cù-đàm nói với con chó trắng rằng, ‘Người không nên làm như vậy. Nhà người hết ó rồi lại sủa.’ Nay Ma-nạp, do vậy nên khiến con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiếu ngủ.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử vừa nghe xong tức thì nổi giận, muốn vu khống Đức Thế Tôn, muốn hủy báng Đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, ông liền ra khỏi Xá-vệ, đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đứng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đến không?”

Các Tỳ-kheo trả lời:

“Bạch Đức Thế Tôn, dạ thấy.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử mà mạng chung ngay bấy giờ thì như co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc tất sanh địa ngục. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta đang nổi cơn thịnh nộ. Nếu có chúng sanh nào, do bởi tâm sân nhuế, thân hoại mạng chung tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.”

Rồi Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đến chỗ Đức Phật, nói với Thế Tôn rằng:

“Hôm nay Sa-môn Cù-đàm có đến nhà tôi khát thực phải không?”

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

“Hôm nay Ta có đến nhà ông khát thực.”

“Cù-đàm, ông nói gì với con chó trắng của tôi, khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiếu ngủ?”

Đức Thế Tôn trả lời rằng:

“Hôm nay vào lúc trời vừa sáng, Ta đắp y mang bát vào Xá-vệ khát thực, lần lượt khát thực đến nhà ông. Lúc ấy con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến. Thấy Ta, nó liền sủa. Ta nói với con chó trắng rằng, ‘Người không nên làm như vậy. Nhà người hết la ó rồi lại sủa.’ Vì vậy, con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên đồng cây [704b] nằm buồn thiếu não.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử hỏi Thế Tôn:

“Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử hỏi đi hỏi lại Đức Thế Tôn ba lần:

“Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi?”

Đức Thế Tôn cũng ba lần nói:

“Thôi, thôi, này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý.”

Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp rằng:

“Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia đời trước là cha của ông, tên là Đô-đề vậy.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử nghe nói xong, nổi giận gấp bội. Ông muốn vu khống Đức Thế Tôn, muốn hủy báng Đức Thế Tôn, muốn hạ nhục Đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, ông nói với Đức Thế Tôn:

“Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ đại, sau khi thân hoại mạng chung nhất định sanh lên Phạm thiên. Chớ do nhơn gì, duyên gì mà sanh vào loài chó hạ tiện này?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đô-đề, cha của ông do bởi tặng thượng mạn ấy nên sanh vào loài chó hạ tiện.”

*Phạm-chi tặng thượng mạn,
Chết rồi sanh sáu nơi:*

*Chó, gà, heo và sói,
Lừa năm, địa ngục sáu.*

“Anh Vũ Ma-nạp, nếu ông không tin lời Ta nói, ông có thể trở về nói với con chó trắng rằng, ‘Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn.’ Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở lên giường lớn. ‘Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.’ Nay Ma-nạp, chó trắng tất ăn trong mâm vàng như cũ. ‘Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi thấy kho tàng cất giấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.’ Nay Ma-nạp, chó trắng chắc chắn sẽ chỉ cho ông thấy kho tàng cất giấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà ông không biết.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử nghe những lời Đức Phật, nói, ghi nhớ kỹ, nhiều quanh Đức Thế Tôn xong rồi trở về nhà, nói với con chó trắng rằng:

“Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn.”

Chó trắng liền trở lên giường lớn.

“Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.”

Chó trắng liền ăn trong mâm vàng như cũ.

“Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ [704c] chỗ kho tàng trước kia cha tôi cất giấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.”

Chó trắng tức thì từ trên giường nhảy xuống, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân bươi bốn chân giường.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử liền từ chỗ đó mà được rất nhiều báu vật. Rồi thì Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đã được báu vật, rất đổi vui mừng, quỳ gối bên phải xuống đất, chấp tay hướng đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc, ba lần xưng lên những lời tán thán Đức Thế Tôn:

“Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không hư dối. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều chắc thật. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật.”

Ba lần tán thán Đức Thế Tôn xong, ông từ Xá-vệ đi ra, đến Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đi đến không?”

Các Tỳ-kheo trả lời:

“Bạch Đức Thế Tôn, thấy.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bây giờ mà mạng chung thì như cò đuổi cánh tay, trong khoảnh khắc chắc chắn đi đến chỗ lạnh. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung tất đến chỗ lạnh, sanh vào trong thiên giới.”

Bấy giờ, Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử đi đến chỗ Đức Phật, cùng thăm hỏi rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn bảo:

“Thế nào? Nay Ma-nạp, như Ta đã nói, con chó trắng như vậy có đúng chăng, hay không đúng như vậy?”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, thật đúng như đã nói. Kính bạch Cù-đàm, tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám tỏ bày.”

“Đức Thế Tôn bảo:

“Tùy ý, ông cứ hỏi.”

“Bạch Cù-đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yểu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí.”

Đức Thế Tôn trả lời:

“Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.”²⁴

²⁴ Pl. (M.iii.204): *kamassakā sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammappaṭisaraṇā. kammaṃ satte vibajati yadidaṃ hīnappaṇītatāyāti*. “chúng sanh là sở hữu chủ của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, là thai sanh của nghiệp, lấy nghiệp làm quyến thuộc, nghiệp làm sở y. Nghiệp phân biệt chúng sanh thành cao quý hay hạ liệt.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng:

“Sa-môn Cù-đàm nói vấn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể hiểu hết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe [705a] để tôi được hiểu rõ ý nghĩa.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Ma-nạp, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông nghe.”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch:

“Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe.”

Đức Phật nói:

“Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoán thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm từ, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiều hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao

vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh.²⁵ Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiều hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu [705b] có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi gan ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc.²⁶ Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không gan ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như

²⁵ Pl.: *sattānam vihetḥakajātiko hoti*, người có bầm tính ưa bức hại chúng sanh.

²⁶ Pl.: *kodhano hoti upāyāsabahulo*, người hay phẫn nộ, nhiều bực dọc.

vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố.²⁷ Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi ti tiện? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối,²⁸ đáng nhường chỗ ngồi thì không [705c] nhường chỗ ngồi, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi ti

²⁷ Pl.: *issāmanako hoti*, người có tâm tật đố, hay ganh tị.

²⁸ Pl.: *maggārahassa na maggaṃ deti*.

tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại mạn.²⁹ Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chấp tay hướng về lễ bái thăm hỏi thì chấp tay hướng về lễ bái thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí.³⁰ Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ ăn thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn

²⁹ Pl.: *thaddho hoti atimānī*, cao ngạo, kiêu mạn.

³⁰ Pl.: *na dātā hoti*, không phải là người cho, không phải là người hay bố thí.

kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà [706a] kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa, rằng ‘Thưa Chư Tôn, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?’ Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa, rằng ‘Thưa Chư Tôn, thế nào là nghiệp thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?’ Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp. Vì sao vậy? – Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Ma Mạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoán thọ, tất chịu đoán thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo

tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị [706b] trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp. “Này Ma-nạp, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng ‘Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xử cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.’ ”

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu! Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ ngày nay, trọn đời tự quy y cho đến tận mạng. Bạch Đức Thế Tôn, bắt đầu ngày nay, mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào nhà Ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ, để cho nhà Đô-đề được lợi nghĩa, được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài³¹.”

Phật thuyết như vậy. Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử và vô lượng chúng sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



³¹No.79 kết luận, Phật nói: đời sau ai nghe kinh này mà lòng dựng đứng, nước mắt chảy sẽ được gặp Phật Di-lặc trong tương lai.

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trú trong Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề¹ cũng trú ở thành Vương xá, trong thiên thất Vô sự. Lúc ấy, Di học Bô-la-đà Tử² sau giờ trưa, ung dung đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cùng chào hỏi rồi lui ngòi xuống một bên và hỏi:

“Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng?”

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, muốn hỏi cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Di học Bô-la-đà Tử bèn hỏi:

“Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi trực tiếp nghe từ Sa-môn Cù-đàm, tôi trực tiếp nhận từ Sa-môn Cù-đàm, rằng ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng. Chỉ có ý nghiệp là chơn thật.’³ Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn cảm giác gì.’⁴”

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng Đức Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy.

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng ‘Nếu cố ý tạo tác nghiệp⁵, khi tác đã thành, Ta nói không có việc không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.’”

Di học Bô-la-đà Tử ba lần nhắc lại câu ấy với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

“Này Hiền giả Tam-di-đề, tôi trực tiếp nghe từ Sa-môn [706c] Cù-đàm,

¹ Tam-di-đề, xem kinh số 165.

² Bô-la-đà Tử 瞿羅陀子. Pāli: Potaliputta.

³ Pl. M. 136 (iii. 207): *moghaṃ kāyakammaṃ moghaṃ vacīkammaṃ, manokammaṃ eva saccaṇṭi*, “thân và ngữ nghiệp vô hiệu; ý nghiệp mới chơn thật.”

⁴ Pl. ibid.: *na kiñci vediyati*, không có cảm thọ gì.

⁵ Hán: cố tác nghiệp 故作業, nghiệp được làm với sự cố ý. Pāli: sañcetanika kamma.

tôi trực tiếp nhận từ Sa-môn Cù-đàm, rằng ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng. Chỉ có ý nghiệp là chơn thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn cảm giác gì.’ ”

Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp:

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng Đức Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như vậy.

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng ‘Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta nói không có việc không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.’ ”

Dị học Bô-la-đà Tử hỏi Tôn giả Tam-di-đề:

“Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác nghiệp đã thành, phải thọ báo gì?”

Tôn giả Tam-di-đề đáp:

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác nghiệp đã thành, tất thọ báo khổ.”

Dị học Bô-la-đà Tử lại hỏi:

“Này Hiền giả Tam-di-đề, ông học đạo trong pháp luật này bao lâu rồi?”

Tôn giả Tam-di-đề đáp rằng:

“Hiền giả Bô-la-đà Tử, tôi học đạo trong pháp luật này mới có ba năm.”

Lúc ấy, Dị học Bô-la-đà Tử bèn suy nghĩ rằng: “Tỳ-kheo niên thiếu mà vẫn có thể bảo hộ Tôn sư như vậy, huống nữa là vị Thượng tọa cựu học.”

Rồi thì Dị học Bô-la-đà Tử nghe Tôn giả Tam-di-đề nói, không cho là phải, cũng không cho là quấy, rời chỗ ngồi, lắc đầu mà đi.

Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Châu-na⁶, đang ở cách chỗ nghỉ ngày của Tôn giả Tam-di-đề không xa. Tôn giả Đại Châu-na nghe cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và Dị học Bô-la-đà Tử, ghi nhớ tất cả, rời từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong rồi ngồi xuống một bên và mang những lời đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và Dị học Bô-la-đà Tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe.

Tôn giả A-nan nghe xong bảo rằng:

⁶Đại Châu-na 大周那. Pāli: Mahā-Cunda.

“Này Hiền giả Châu-na, như câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp Đức Phật và trình bày lên Thế Tôn. Hiền giả Châu-na, chúng ta hãy cùng đến nơi Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn tất cả nghĩa này. Hoặc như đây, chúng ta được nghe những pháp nào khác của Thế Tôn.”

Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Châu-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Đại Châu-na cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên.

Lúc đó, Tôn giả A-nan [707a] nói rằng:

“Này Hiền giả Châu-na, Hiền giả nên nói đi! Hiền giả nên nói đi!”

Bấy giờ Thế Tôn hỏi:

“Này A-nan, Tỳ-kheo Châu-na muốn nói sự gì?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sẽ tự nghe hết câu chuyện.”

Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầu đuôi cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề và Di học Bô-la-đà Tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-nan, hãy xem Tỳ-kheo Tam-di-đề là người si, không đạo lý gì.⁷ Vì sao? Vấn đề Di học Bô-la-đà Tử hỏi là bất định⁸ mà Tỳ-kheo Tam-di-đề, người ngu si kia chỉ trả lời theo nhất hướng⁹.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề như việc này trả lời rằng ‘Những gì được cảm thọ đều là khổ’ thì có lỗi gì?”

Đức Thế Tôn quở Tôn giả A-nan:

“Hãy xem Tỳ-kheo A-nan cũng không có đạo lý gì cả. A-nan, kẻ ngu si Tam-di-đề này được Di học Bô-la-đà Tử kia hỏi tất cả ba cảm thọ, khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. A-nan, nếu kẻ ngu si Tam-di-đề

⁷ Pl.: *ummaṅgam*, con đường nhằm lạc.

⁸ *Vấn sự bất định* 問事不定, câu hỏi không xác định, cần trả lời bằng phân biệt đáp; một trong bốn ký vấn. Bản Thánh chép: *vấn sự bất túc* 足, nhằm tự dạng. Pāli: *vibhajja-byākāṇiyo pañho*.

⁹ Nhất hướng đáp 一向答, một trong bốn cách trả lời vấn đề, *tứ ký vấn*: nhất hướng (xác định), phân biệt, phản cật bà xả trí. Pāli: *ekamsena vyākato*.

được Dị học Bô-la-đà Tử hỏi, nên đáp như vậy, ‘Này Hiền giả Bô-la-đà Tử, nếu cố ý tạo nghiệp an lạc, khi tác đã thành sẽ thọ quả báo an lạc. Nếu cố ý tạo nghiệp khổ, khi tác đã thành, sẽ thọ quả báo khổ. Nếu cố ý tạo nghiệp không khổ không lạc, khi tác đã thành rồi sẽ thọ quả báo không khổ không lạc.’ Này A-nan, nếu kẻ ngu si Tam-di-đề được Dị học Bô-la-đà Tử hỏi và đáp như vậy thì Dị học Bô-la-đà Tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề ngu si ấy, huống nữa lại có thể hỏi đến chuyện như vậy chăng?

“Này A-nan, nếu người từ Thế Tôn mà nghe kinh ‘Phân biệt đại nghiệp’,¹⁰ thì đối với Như Lai lại càng tăng thượng tâm tinh, được hoan hỷ.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói kinh ‘Phân Biệt Đại Nghiệp’, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ ghi nhớ kỹ.”

Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho người nghe.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

“Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, sanh lên trời. Này A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, sự thủ hộ này, thân hoại mạng [707b] chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục.

“Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không

¹⁰ Phân biệt đại nghiệp 分別大業. Pl.: *mahākammavibhaṅgam*.

từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục. Nay A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly và thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, trong cõi trời.

“Này A-nan, ở đây có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung, người ấy sanh về chốn lành, trong cõi trời. Nếu có vị Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng, ‘Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành. Vì sao? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ sự lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, nhưng khi thân hoại mạng chung sanh về cõi lành, trong cõi trời. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về cõi lành, trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.’ Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’

“Này A-nan, ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng: “Không có thân diệu hành, không có quả báo của thân diệu hành, không có khẩu và ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành.’ Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ sự lấy của không cho từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này,

kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.’ Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’

“Này A-nan, ở đây có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về [707c] chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: ‘Có thân ác hành, có quả báo của thân ác hành, có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành.’ Vì sao? Ta thấy kẻ kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.’ Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng: ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: ‘Có thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu và ý diệu hành, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hành. Vì sao? Ta thấy kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu lại có trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ sanh về nẻo lành, sanh trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà.’ Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng: ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’

“Này A-nan, ở trong đó, nếu vị Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như thế này, ‘Không có thân ác hành, không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu, ý ác hành, không có quả báo của khẩu và ý ác hành.’ Ta không chấp thuận vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này, ‘Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh lên trời.’ Ta chấp thuận¹¹ vị ấy. Nếu nói như vậy, ‘Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, [708a] sanh lên trời.’ Ta không chấp thuận vị ấy. Nếu có ai nói như vậy, ‘Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà.’ Ta không chấp thuận. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’ Ta cũng không chấp thuận. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Này A-nan, trong đó có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói thế này, ‘Không có thân diệu hành, cũng không có quả báo của thân diệu hành; không có khẩu, ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành.’ Ta không chấp thuận vị ấy. Nếu nói thế này, ‘Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục.’ Ta chấp thuận¹² vị ấy. Nếu có ai nói thế này, ‘Có những trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục.’ Ta không chấp thuận¹³. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là

¹¹Chấp nhận có, vì những trường hợp cần phân biệt.

¹²Chấp nhận có. Trường hợp hành thiện, nhưng tái sanh ác thú. Vì có sự phân biệt.

¹³Như trên, nhưng không chấp nhận, vì quan điểm một chiều (nhất hướng).

chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà.’ Ta cũng không chấp thuận. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’ Ta cũng không chấp thuận. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

‘Nay A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vậy, ‘Có thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành. Có khẩu, ý ác hành, cũng có quả báo của khẩu và ý ác hành.’ Ta chấp thuận vị ấy. Nếu kia nói như thế này, ‘Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục.’ Ta chấp thuận vị ấy. Nếu nói thế này, ‘Những trường hợp tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục.’ Ta không chấp thuận. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà.’ Ta cũng không chấp thuận. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’ Ta cũng không chấp thuận. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết [708b] những người đó là trường hợp khác.

‘Nay A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như thế này, ‘Có thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu, ý diệu hành, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hành.’ Ta chấp thuận vị ấy. Nếu nói như vậy, ‘Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời.’ Ta chấp thuận họ. Nếu nói như vậy, ‘Nếu có những trường hợp tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời.’ Ta không chấp thuận họ. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ có trí tà.’ Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực

mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.’ Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là, nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó¹⁴. Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhơn này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải được thọ báo ở chốn lành; kia do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện¹⁵ tương ưng với chánh kiến; kia nhờ nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Người ấy dục trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhơn này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải [708c] thọ báo ở địa ngục; họ do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ

¹⁴ Tức sanh về cõi lành.

¹⁵ Tức khi chết với tâm và tâm sở thiện.

bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chánh kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Lại nữa, có bốn hạng người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.¹⁶

“Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài. Hoặc xoài không chín mà giống như chín. Hoặc chín giống như không chín. Hoặc không chín giống như không chín. Hoặc chín giống như chín.

“Cũng vậy A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.”

¹⁶ Pl. (M.iii. 215), bốn loại nghiệp: *atthi kammaṃ abhabbaṃ abhabbābhāsaṃ*, có nghiệp vô năng tương tợ vô năng; *abhabbaṃ bhabbābhāsaṃ*, vô năng tợ hữu năng; *bhabbañceva bhabbābhāsaṃ*, hữu năng tợ hữu năng; *bhabbaṃ abhabbābhāsaṃ*, hữu năng tợ vô năng.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁷



PHẨM 16: TÂM

TỤNG NGÀY THỨ TƯ

Phân biệt tụng

心淨受法二 行禪說獵師
五枝財物主 瞿曇彌多界

Kệ tóm tắt:

Tâm, Phù, hai Pháp thọ,
Hành thiền, Thuyết, Lạp sư,
Ngũ chi tài vật chủ,
Cù-đàm-dfi, Đa giới.

172. KINH TÂM

173. KINH PHÙ-DI

174. KINH THỌ PHÁP (I)

175. KINH THỌ PHÁP (II)

176. KINH HÀNH THIỀN

177. KINH THUYẾT

178. KINH LẠP SƯ

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI

181. KINH ĐA GIỚI

¹⁷ Bản Hán, hết quyển 44.

172. KINH TÂM

[709a13] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại một nơi an tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: “Cái gì dẫn thế gian đi? Bởi cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?”¹

Khi ấy, vào lúc xế chiều, Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm ‘Cái gì dẫn thế gian đi? Bởi cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?’ ”

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo² rằng ‘Cái gì dẫn thế gian đi? Bởi cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?’ Nay Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?”

Thầy Tỳ-kheo ấy đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm làm nhiễm trước, tâm sanh khởi tự tại³. Này Tỳ-kheo, chính nó dẫn thế gian đi, chính nó làm nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ-kheo,

¹ Pl. A ii. 177: *kena nu kho loko nīyati, kena loko parikkassati, kassa ca uppannassa vasaṃ gacchati*, “Cái gì dẫn đạo thế gian? Cái gì lôi kéo thế gian đi? Đối với cái gì đã sanh mà thế gian thân phược?”

² Hữu hiền đạo nhi hữu hiền quán... 有賢道而有賢觀. Pāli: *bhaddako kho te ummaggo, bhaddako paṭibhānam kalyāni paripucchā*, tốt lành thay là con đường (hàm) của ngươi; sự lý giải thật là tốt lành; những câu hỏi thật là khéo léo.

³ Pāli: *cittassa upannassa vasaṃ gacchati*, tâm sau khi sanh khởi nó khống chế (thế gian).

đa văn Thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của đa văn Thánh đệ tử.”

Tỳ-kheo bạch rằng:

“Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!”

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn; được nói là Tỳ-kheo đa văn. [709b] Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn?”

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn; được nói là Tỳ-kheo đa văn, bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn?’ Đây Tỳ-kheo, câu hỏi của người là như vậy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Đây Tỳ-kheo, những gì được Ta thuyết giảng rất nhiều, là chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Đây Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ mà biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp tùy pháp, thuận theo phạm hạnh, thì đây Tỳ-kheo, nói Tỳ-kheo đa văn là chỉ nói như vậy chứ không hơn nữa. Đây Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo đa văn.”

Tỳ-kheo bạch rằng:

“Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!”

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt⁴, nói là Tỳ-kheo đa

⁴ Minh đạt trí tuệ. No.82: Tiệp tậ trí tuệ. Pāli: *nibbedhikapañño*, trí tuệ nhạy bén,

văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt?”

Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt, nói là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt?’ Nay Tỳ-kheo, câu hỏi của ngươi là như vậy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghe rằng ‘Đây là Khổ’, tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy khổ như thật; nghe Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo, tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy Khổ diệt đạo như thật. Nay Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bố như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt.”

Tỳ-kheo bạch rằng:

“Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!”

Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành rồi lại hỏi tiếp:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ,⁵ nói là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, [709c] quảng tuệ?”

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, nói là Tỳ-kheo thông

sâu sắc (quyết trạch tuệ).

⁵ Pl.: *paññito mahāpañño*, quảng tuệ, đại tuệ.

minh có hiệt tuệ, quảng tuệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ? Thế nào để được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ? Nay Tỳ-kheo, câu hỏi của người là như vậy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nếu Tỳ-kheo không có tâm niệm gây tự hại, không có tâm niệm gây hại người, cũng không có tâm niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo chỉ có tâm niệm làm lợi ích cho tự thân và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Nay Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ.”

Tỳ-kheo bạch rằng:

“Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!”

Khi ấy, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, khéo tụng tập, rời từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời dạy của Đức Thế Tôn, sống cô độc nơi yên tĩnh xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Tỳ-kheo ấy khi sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vị Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



173. KINH PHÙ-DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, ở trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, Tôn giả Phù-di¹ cũng ở tại thành Vương xá, [710a] trong thiên thất Vô sự².

Lúc bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Phù-di khoác y, ôm bát vào thành Vương xá để khát thực. Tôn giả Phù-di suy nghĩ rằng: “Hãy khoan vào thành Vương xá khát thực. Ta nên đến nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử³.”

Rồi thì Tôn giả Phù-di đi đến nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử xa trông thấy Tôn giả Phù-di đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Tôn giả Phù-di nói như vậy:

“Kính chào Tôn giả Phù-di. Tôn giả Phù-di lâu không đến đây. Xin mời ngồi trên giường này.”

Tôn giả Phù-di ngồi xuống, Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử cúi đầu đánh lễ sát chân Tôn giả Phù-di rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho.”

“Tôn giả Phù-di đáp:

“Vương đồng tử, muốn hỏi điều gì cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ.”

Vương đồng tử liền hỏi:

“Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn Bà-la-môn đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng, ‘Này Vương đồng tử, người nào có ước nguyện tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành

¹ Phù-di 浮彌. Pāli: Bhūmija.

² Xem các kinh số 166, 171.

³ Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử 王子耆婆先那童子, Pāli đọc theo bản Hán: Jīvasena Kumāra. Nhưng, tên trong bản Pāli M. 126: Jayasena rājakumara.

phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả.’ Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có thuyết gì chẳng⁴?”

Tôn giả Phù-di nói:

“Này Vương đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe Đức Thế Tôn nói, cũng chưa được nghe các vị đồng phạm hạnh nói lại, nhưng này Vương đồng tử, có thể Đức Thế Tôn đã nói như vậy, ‘Người nào có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, người ấy tất sẽ chứng quả⁵.’”

Vương đồng tử thưa rằng:

“Nếu Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, thuyết như vậy, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời trên thế gian này, Ngài quả là Bạc Tội Thượng. Thưa Tôn giả Phù-di, xin mời ngài thọ trai tại đây luôn.”

Tôn giả Phù-di im lặng nhận lời. Sau khi biết Tôn giả Phù-di đã im lặng nhận lời rồi, Vương đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các món ngon sạch, mỹ diệu với đủ thức mềm, thức cứng, tự tay châm chước, khiến Tôn giả thọ dùng no đủ.

Khi Tôn giả ăn xong, Vương đồng tử thu dọn chén bát, múc nước rửa, rồi lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Tôn giả Phù-di thuyết pháp cho Vương đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

⁴ Pāli, M.126: cả bốn trường hợp đều không đắc quả (*abhabbā phalassa adhigamāya*).

⁵ Có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán. Xem nội dung kinh. Cf. Pl. M 126: (...) *ayoniso brahmacariyaṃ caranti abhabbā phalassa adhigamāya* (...) *yoniso brahmacariyaṃ caranti bhhabbā phalassa adhigamāya*, “Những ai hành phạm hạnh không như lý, không thể đạt được kết quả. Những ai hành phạm hạnh như lý, tất sẽ đạt được kết quả.”

[710b] Tôn giả đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, đem những điều đã bàn luận với Vương đồng tử thuật lại hết với Đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

“Này Phù-di, sao ngươi không đem bốn ví dụ nói cho Vương đồng tử rõ?”

Tôn giả Phù-di hỏi:

“Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì?”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến cố định⁶, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối⁷.

“Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng con bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến cố định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên

⁶ Bản Hán: tà kiến, tà kiến định 邪見邪見定. Pāli, nêu tám tà chi, từ *tà kiến* cho đến *tà định*.

⁷ Hán: vô đạo 無道. Pāli: *ayoni hesā*.

định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa, cho bò ăn uống no nê rồi vắt sữa nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa, cho bò ăn no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, là vắt nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng [710c] đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, cũng chẳng phải không có ước nguyện. Người ấy muốn có tô, mà lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện,

chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, người ấy muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn có được tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách chân chánh, là khuấy lạc. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, nên chắc chắn không có được dầu. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có dầu mà đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước

lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, thì chắc chắn không có được dầu. Vì sao vậy? Vì tìm cầu dầu một cách tà vạy, là ép cát. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể [711a] chứng đắc quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện mà tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, nên chắc chắn sẽ chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống nên chắc chắn có được dầu. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống thì chắc chắn có được dầu. Vì sao vậy? Vì tìm cầu dầu một cách chân chánh, là ép hạt mè. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, kiên định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng đắc quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì

chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa, bèn lấy củi ướt làm môi lửa, dùng dùi ướt mà dùi nên chắc chắn không có được lửa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có lửa mà lấy củi ướt làm môi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắc chắn không có được lửa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu lửa một cách tà vạy, là dùi củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không được chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, nên chắc chắn sẽ chứng quả. Hoặc không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị [711b] một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa bèn lấy củi khô làm môi lửa, dùng dùi khô mà dùi nên chắc chắn có được lửa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, người ấy muốn có lửa, lấy củi khô làm môi lửa, dùng dùi khô mà dùi thì chắc chắn có được lửa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu lửa một cách chân chánh, là dùi củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

“Này Phò-di, nếu người nói cho Vương đồng tử nghe bốn ví dụ này, Vương đồng tử nghe xong chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường người suốt đời, như áo, chăn, uống ăn, ngựa cưỡi, thuốc thang và đủ các thứ nhu dụng khác cho đời sống.”

Tôn giả Phò-di thưa:

“Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này, thì lấy đâu để nói lại. Duy chỉ hôm nay mới được nghe Thế Tôn nói mà thôi.”

Phật thuyết giảng như vậy. Tôn giả Phò-di và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



174. KINH THỌ PHÁP (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp¹. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc.

“Thế nào là thọ pháp hiện tại lạc, mà tương lai thọ quả báo khổ?²

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Bà-la-môn ham thích vui đùa chung với người con gái trang điểm³ mà chủ trương rằng ‘Sa-môn, Bà-la-môn này thấy nơi dục có những sợ hãi và những tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Sung sướng thay xúc chạm nơi thân thể người nữ trang điểm này!’ Người ấy với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hí ở trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung thẳng [711c] đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, khi ấy mới dấy lên ý nghĩ như vậy, ‘Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy nơi dục có những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai cho nên đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, do tranh với dục⁴, duyên do dục cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy.’

¹ Bốn thọ pháp 受法. Pāli: *cattārimāni dhammasamādānāni*. Cf. *Tập dị 8* (tr. 398c06): bốn pháp thọ 四法受.

² M. 45 (i. 305): *dhammasamādānaṃ paccupannasukhaṃ āyatim dukkhavipākaṃ*. *Tập dị*. ibid.: cảm hiện lạc hậu khổ dị thực 感現樂後苦異熟.

³ Hán: trang nghiêm nữ 莊嚴女. M. 45: *te kho moḷibaddhāhi paribbājikāhi paricārenti*, họ đi tìm lạc thú với các nữ du sĩ tóc quấn.

⁴ Hán: tranh dục 爭欲, “tranh cãi với dục”. Có lẽ hiểu *adhikaraṇa* là tranh cãi, thay vì là nguyên nhân hay động cơ. M. 45: *kāmahetu kāmanidānaṃ*, nhân bởi dục, duyên do dục.

“Cũng như vào tháng cuối mùa Xuân⁵, giữa trưa rất nóng, hạt dây leo bị nắng đốt nứt ra⁶, rơi xuống gốc cây sa-la. Bấy giờ Thần cây sa-la nhân đó sanh ra sợ sệt. Khi ấy, chung quanh có các Thần Cây loại hạt giống, trăm thứ cây lúa, cây thuốc, các Thần Cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống có sự sợ hãi trong tương lai, có đủ tai họa như vậy, liền đi đến chỗ Thần cây mà an ủi rằng, ‘Thần Cây chớ sợ, Thần Cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai sẽ ăn, hoặc không tước sẽ ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần Cây, ông được an ổn.’ Nếu hạt giống này không bị nai ăn, không tước ăn, gió thổi đi, lửa thôn thiêu, cũng như không bị lửa đồng thiêu, cũng không hư hoại, chẳng thành hạt giống; hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bị vỡ nứt, không bị mưa, gió, nắng làm tổn thương; gặp mưa lớn tưới ướt, nó liền nảy sanh nhanh chóng. Thần Cây kia liền suy nghĩ như vậy, ‘Vì những có gì các Thần Cây xung quanh, các Thần Cây loại hạt giống, trăm thứ cây lúa, cây thuốc, các Thần cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống tương lai có sự sợ hãi gì, tai họa gì mà sang an ủi ta, nói rằng, ‘Thần Cây chớ sợ, Thần Cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai ăn, hoặc không tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần Cây, ông được an ổn?’’ Nhưng hạt giống này không bị nai ăn, không bị không tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa thôn thiêu, không bị lửa đồng thiêu, cũng không bị hư hoại, không thành hạt giống, hạt giống này chẳng khuyết, chẳng lung, không bị vỡ nứt, chẳng bị mưa, gió, nắng làm tổn thương, gặp mưa lớn tưới ướt nó liền nảy mầm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mềm mại, thành đốt, sờ đến thích thú. Thân, cành, lá mềm mại thành đốt này sờ đến thích thú, xúc chạm vui sướng.

“Rồi cái này duyên vào cây mà thành cành lá to lớn, quán lấy thân cây ấy, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên rồi, vị Thần Cây kia bấy giờ mới suy nghĩ như vậy, ‘Các Thần Cây xung quanh kia, Thần Cây loại hạt

⁵ Xuân hậu nguyệt. M 45: *gimhānam pacchime māse*, tháng cuối cùng mùa hạ.

⁶ Hán: *nhật chích sách bình* 日炙坼迸. Các bản chép khác nhau về nhóm từ này. Bản Cao-li, *viết* 曰 thay vì *nhật* 日; bản Cao-li: *bi* 圯, bản Tống: *ngạn* 岸, thay vì *sách* 坼.

giống, trăm thứ cây lúa, [712a] cây thuốc, các Thần Cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống tương lai có sự sợ hãi gì, tai họa gì mà sang an ủi ta, nói rằng, ‘Thần Cây chớ sợ, Thần Cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc là nai ăn, hoặc không tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm đốt, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc hư, hoặc chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần Cây, ông được an ổn.’ Nhưng hạt giống này không bị nai ăn, không bị không tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị thiêu bởi lửa xóm, không bị thiêu bởi lửa đồng, không bị hư hại chẳng thành hạt giống; hạt giống này chẳng khuyết, chẳng lũng, cũng chẳng bị vỡ nứt, không bị mưa gió nắng làm thương tổn, gặp mưa lớn tưới nước nó liền nảy sinh mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên vì hạt giống mà ta chịu sự khổ cùng cực này, sự khổ trọng đại này.’

“Cũng vậy, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Bà-la-môn ham thích vui đùa chung với người con gái trang điểm mà chủ trương rằng ‘Sa-môn, Bà-la-môn này thấy nơi có những sợ hãi và những tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Sung sướng thay xúc chạm nơi thân thể người nữ trang điểm này!’ Người ấy với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hí ở trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung thăng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, khi ấy mới dấy lên ý nghĩ như vậy, ‘Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy nơi dục những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai cho nên đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, do tranh với dục, duyên do dục cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy.’

“Đó gọi là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ.

“Sao gọi là pháp thọ hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc?”⁷

“Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục,⁸ nặng đắm nhuế, nặng đắm si, thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu sầu; tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu sầu. Người ấy vì khổ, vì ưu sầu mà trọn suốt cuộc sống tu hành phạm hạnh, cho đến khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp này,

⁷ Pl.: *paccuppannadukkhañceva āyatim sukhavipākam*. Tập dị ibid.: cảm hiện khổ hậu lạc dị thực 感現苦後樂異熟.

⁸ Pl.: *pakatiyā tibbarāgajātiko*, bản tánh rất nhạy cảm với tham ái.

đã thành tựu đầy đủ, thân hoại mạng chung tất sanh lên chỗ lành, sanh trên các cõi trời.

“Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo khổ?”

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn lỏa hình,¹⁰ không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xóc xĩa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, [712b] không là khách được lưu, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có làng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự, y nơi vô sự; hoặc ăn rẽ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá¹¹, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bên, hoặc để tóc vừa xõa vừa bên, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hồm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chấp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng,

⁹ Pl.: *paccuppannadukkhāñceva āyatim dukkhavipākam*.

¹⁰ Xem kinh 25 (Lỏa hình Phạm chí), tr. 103b.

¹¹ Hán: *đầu-xá y 頭舍衣*. Pāli dussa, vải thô chưa nhuộm màu.

học hạnh nóng bức¹². Vị ấy thọ pháp này khi đã thành tựu đầy đủ rồi, thân hoại mạng chung tất sanh tới chỗ ác, sanh trong địa ngục.

“Đó là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo khổ vậy.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc?”¹³

“Hoặc có người bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế, không nặng đắm si. Vị ấy không thường theo tâm dục mà thọ khổ ưu lo; không theo tâm sân nhuế mà thọ khổ ưu lo và không theo tâm si mà chịu khổ, ưu lo. Vị ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan hỷ. Vị ấy thọ pháp này, đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kết dứt sạch, hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi này.

“Đó là pháp thọ hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc.

“Thế gian thật sự có bốn thọ pháp như vậy, do đó mà Ta [712c] giảng thuyết.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹² Hán: *Học phiền nhiệt hành* 學煩熱行. Pāli: *ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati*, sống hành theo sự khổ hạnh ép xác.

¹³ Pī.: *paccuppannasukhañceva āyatiñca sukhavipākaṃ*.

175. KINH THỌ PHÁP (II)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sầu, ở tại đô ấp Kiêm-ma-sát-đàm¹.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Thế gian này có ham muốn như vậy, ước nguyện như vậy, yêu thích như vậy, vui sướng như vậy và ý hướng như vậy: ‘Mong sao các pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt. Mong sao các pháp đáng thích, đáng yêu, vừa ý sanh ra.’ Nó ham muốn như vậy, ước vọng như vậy, yêu thích như vậy, vui sướng như vậy và ý hướng như vậy như vậy. Song, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Pháp của Ta rất là sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt. Như vậy, pháp của Ta rất sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt, là pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý được sanh. Đó là pháp không ngu si.

“Thế gian này chân thật có bốn thọ pháp.² Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc.

“Thế nào là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có một người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh. Do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc lấy của không cho, nói láo, cho đến tà kiến, nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện, từ bất thiện mà sanh ra, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

“Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai chịu quả báo khổ.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai được quả báo lạc? Hoặc

¹ Xem kinh số 10. No.83: tại Câu loại Pháp trị xứ 拘類法治處 dịch âm và dịch nghĩa hỗn hợp của Kuru-kammāsaddhamma. M 46: tại Sāvattthi.

² Xem minh 174 trên. No 83: bốn pháp tương ưng 四法相應.

có người tự mình khổ, tự mình ưu, đoạn trừ việc sát sanh, do sự đoạn trừ việc sát hại mà sanh khổ, sanh ưu, người đó tự khổ, tự ưu; đoạn trừ việc lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn tà kiến mà sanh khổ sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, thiện từ thiện sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

“Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có người tự khổ, tự ưu và sát sanh, do sát sanh mà khổ, sanh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu và lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Nhân tà kiến mà sanh khổ, sanh [713a] ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, bất thiện từ bất thiện mà sanh, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

“Đó gọi là pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ quả báo khổ.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại an vui mà tương lai cũng thọ quả báo an vui? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích đoạn trừ lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc và tâm lạc, thiện từ thiện mà sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

“Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ, nhưng người kia do ngu si chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc, nhưng tương lai chịu lấy khổ báo. Do không biết như thật nên tập hành không đoạn trừ³. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, vừa ý tiêu diệt. Cũng như thuốc a-ma-ni-dược⁴, một phần có sắc, có hương, có vị, nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống thì sắc, hương và vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong,

³ Tập hành, bất đoạn 習行不斷. N.83: hành, bất khí 行不棄. Làm theo chứ không bỏ”. Pāli: *sevati na parivajjiti*, phục vụ (thân cận), không tránh né.

⁴ A-ma-ni-dược 阿摩尼藥. M 46: *āpānīyakamsa*, bình đựng nước uống. Trong bản Hán, *dược*, có lẽ phiên âm từ *-yakamsa*, không có nghĩa là *thuốc*.

vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai chịu quả báo lạc, song người ấy ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo an lạc. Khi đã không biết như thật liền không tập hành đoạn trừ. Sau khi không tập hành đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, song người ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, liền tập hành không đoạn trừ. Khi đã tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt.

“Cũng như đại tiểu tiện⁵ lại trộn lẫn độc, hoặc có người bị bệnh cho nên uống. Khi uống thì như nhớp, hôi thối, không có mùi vị, không ngon miệng mà lại tổn thương cuống họng, uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. [713b] Đã không biết như thật, bèn tập hành sự không đoạn trừ. Do tập hành sự không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc, nhưng người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Do không biết như thật nên không tập hành sự đoạn trừ. Do không tập hành sự đoạn trừ nên, pháp không đáng thích,

⁵ Pāli: *pūtimuttam*, nước đại quý, tức a-ngũy, thường dùng làm thuốc.

không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào không nên tập hành và không biết như thật pháp nào nên tập hành, do đó pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên hành lại không hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Nếu có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Do biết như thật nên không tập hành nó, mà đoạn trừ nó. Do không tập hành nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ nhưng tương lai lại được quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh.

“Cũng như đại tiểu tiện⁶ có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống, sắc xấu, hôi thối, không mùi vị, không ngon miệng mà hại đau cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Do trí biết như thật, vị ấy không tập hành

⁶ Xem cht.5 trên.

nó, nhưng đoạn trừ. Do không tập hành nó nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc, tương lai thọ [713c] quả báo lạc. Do biết như thật, vì ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống, nó có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng; uống vào bụng, nó lại thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết một cách như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vì ấy tập hành chứ không đoạn trừ; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Người đó biết như thật rằng, đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Do biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vì ấy tập hành pháp nên tập hành, không tập hành pháp không nên tập hành. Do tập hành pháp nên tập hành và không nên tập hành pháp không nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng thuyết.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁷



⁷ Bản Hán, hết quyển 45.

176. KINH HÀNH THIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Trong thế gian quả thật có bốn loại hành thiền. Những gì là bốn? Hoặc có hành thiền xí thanh mà gọi là suy thoái. Hoặc có hành thiền suy thoái mà gọi là xí thanh. Hoặc có hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Hoặc có hành thiền xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Tại sao gọi là người hành thiền xí thanh mà bảo là suy thoái?

“Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm người đó tu tập chánh tư duy, [714a] đang từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền đó lại nghĩ rằng, ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định.’ Người hành thiền ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vì đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền, khi tâm và tứ đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ và lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó gọi là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Nhị thiền và diệt mất định.’ Người hành thiền ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vì đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền ly hỷ và dục, an trụ xả vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân có cảm giác lạc, điều được Thánh nói là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu

tập chánh tư duy, từ đệ Tam thiên hướng đến đệ Tứ thiên, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiên đó lại nghĩ rằng ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Tam thiên và diệt mất định.’ Người hành thiên ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiên hướng đến Tứ thiên, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiên như vậy là xí thành mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiên định mà khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu trước vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ đệ Tứ thiên hướng đến Không vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiên ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Tứ thiên và diệt mất định.’ Người hành thiên ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiên hướng đến Không vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiên như vậy [714b] là xí thành mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiên vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu an trụ nơi Không vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiên ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Không vô biên xứ và diệt mất định.’ Người hành thiên ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiên như vậy là xí thành mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiên vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu an trụ Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiên ấy lại nghĩ ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thức vô biên xứ và diệt mất định.’ Người hành thiên ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh,

từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thịnh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến phi tướng phi phi tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng: “Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, nên mất vô xứ Vô sở hữu xứ, diệt mất định.” Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến phi tướng phi phi tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thịnh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là xí thịnh?

“Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tầm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Nhị thiền, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, [714c] đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Sơ thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Nhị thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

“Lại nữa, vị hành thiền với tầm và tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tam thiền. Nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Nhị thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Tam thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

“Vị hành thiên ly hỷ, ly dục, an trụ xả vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đệ Tam thiên, thành tựu và an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tứ thiên. Nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiên hướng đến Tứ thiên, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiên ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Tam thiên, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Tứ thiên. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiên như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

“Lại nữa, vị hành thiên với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu trước vốn cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Không vô biên xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiên thiên hướng đến Không vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiên ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Tứ thiên, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Không vô biên xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiên như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

“Lại nữa, vị hành thiên vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, [715a] nhập không vô biên, chứng Không vô biên xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiên ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Không vô biên xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Thức vô biên xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiên như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

“Lại nữa, vị hành thiên vượt qua Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, chứng Thức vô biên xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư

tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Thức vô biên xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Thế nào là hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái?

“Vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Vô sở hữu xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng, ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Phi tưởng phi phi tưởng xứ; diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không [715b] thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Thức vô biên xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng, ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ; diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định.

Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, chứng Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Không vô biên xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy bèn nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thức vô biên xứ; diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả các sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, chứng Không vô biên xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng sự ái lạc sắc, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Không vô biên xứ; diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu trước vốn cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng Tứ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Tam thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Tứ thiền; diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, an trụ xả vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi Thánh xả, niệm, an trú lạc trụ, [715c] chứng Tam thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng đệ Nhị thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Tam thiền; diệt mất định.’ Vị ấy biết

như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, tâm và tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tâm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Sơ thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Nhị thiền; diệt mất định.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng sự ái lạc dục, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng ‘Tâm ta lia khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Sơ thiền, diệt mất định vậy.’ Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Thế nào là hành thiền mà xí thanh thì biết như thật là xí thanh?

“Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến đệ Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với tâm tứ đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không tâm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị ấy bèn nghĩ rằng [716a] ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy ly hỷ, ly dục, an trụ xả vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trụ lạc trụ, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thành thì biết như thật là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tứ thiền hướng đến Không vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tứ thiền hướng đến Không vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thành thì biết như thật là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, chứng Không vô biên xứ ấy, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thành thì biết như thật là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, chứng Thức vô biên xứ ấy, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi, [716b] bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thành thì biết như thật là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư

duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng.’ Vị ấy biết như thật rồi bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thành thì biết như thật là xí thành.

“Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền, vì vậy mà Ta giảng thuyết.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



177. KINH THUYẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-lâu-sâu, ở trong Kiềm-ma-sát-đàm, đô áp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ thuyết pháp cho các người nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở quảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối; có văn, có nghĩa, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Đó là kinh ‘Tứ Chúng Thuyết.’ Sau đây Ta sẽ phân biệt nghĩa lý của kinh ‘Tứ Chúng Thuyết.’ Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm. Ta sẽ nói.”

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời dạy, lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Thế nào gọi là phân biệt nghĩa lý của kinh Tứ Chúng Thuyết?

“Nếu có Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng và tiêu đích, mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này mà chỉ hành niệm tương tương ưng với dục lạc, bèn thoái chuyển; Tỳ-kheo ấy phải nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển. Do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên, thành tựu an trụ và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an trụ với ý chuyên nhất, [716c] Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta an trụ, mà định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên,

¹ Xem các kinh số 10, 55, 169.

thành tựu và an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ niệm tưởng tương ưng với Nhị thiên, thành tựu sự thăng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Nhị thiên.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên, thành tựu và an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, thành tựu vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yếm ly. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, tầm tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Sơ thiên, thành tựu sự thoái chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, tầm tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, tầm tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Tam thiên, thành tựu sự thăng tiến, Tỳ-kheo ấy [717a] nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không

yếm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Tam thiên.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, tâm tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tâm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này nên khiến ta yếm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với đệ Nhị thiên, thành tựu sự thoái chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu và an trụ; và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Tứ thiên, thành tựu sự thăng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng Tứ thiên.’ Tỳ-

kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ, dục, an trụ xả vô cầu, [717b] với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu sự vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này nên có thể khiến ta bị yểm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương ưng với Tam thiên, thành tựu thối thất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên khiến ta bị thối thất, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có; không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương ưng với Không vô biên xứ, với sự thăng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yểm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Không vô biên xứ.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu sự vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yếm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết [717c] như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ. Nhưng vị ấy chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương tương ưng với ái lạc sắc, thành tựu sự thoái chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này khiến ta bị thối thất, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này có thể khiến ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tương tương ưng với Thức vô biên xứ, thành tựu thăng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thức vô biên xứ.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập

không vô biên, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái, không trụ, cũng không thăng tiến. Ta sanh pháp này có thể khiến ta yếm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Không vô biên xứ, thành tựu thoái chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên ta bị thối thất, do đó, [718a] định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này khiến ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô sở hữu xứ, thành tựu thăng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô sở hữu xứ.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, thành tựu vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thăng tiến; vì ta sanh

pháp này nên khiến ta yếm ly, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thức vô biên xứ, thành tựu thoái chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không trụ, không tiến, cũng không yếm ly. Ta sanh pháp này khiến ta bị thối thất, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trụ với ý chuyên nhất, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không tiến, cũng không yếm ly; vì ta sanh pháp này nên ta được an trụ, do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, [718b] vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu sự thắng tiến, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không yếm ly; vì ta sanh pháp này nên ta được thắng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc phi tướng, phi phi tướng xứ.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với sự nhầm tởm, thành tựu vô dục, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng ‘Ta sanh pháp này mà không thoái chuyển, không trụ, cũng không thắng tiến; vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhầm tởm, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.’ Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

“Có tướng và có thọ². Ngang mức ấy còn được thọ; cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ là hành dư cao hơn hết trong sự hữu³. Tỳ-kheo hành thiền hãy phát khởi từ đó, hãy thuyết giảng lại cho người khác biết.

Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁴



² *Tướng tri* 想知: *tướng thọ*; chỉ tất cả thiên định, trừ diệt tận định. Ở định Phi tướng phi tướng xứ chỉ tồn tại hai yếu tố này. Vượt lên nữa, là *diệt tận định* hay *tướng thọ diệt tận định*.

³ Hành dư đệ nhất hữu 行餘第一有.

⁴ Bản Hán, hết quyển 46.

178. KINH LẠP SU'

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Người thợ săn khi bẫy mỗi nai, không có tâm như vậy ‘Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu.’ Nhưng người thợ săn bẫy mỗi nai với tâm như vậy ‘Bẫy mỗi là chỉ muốn chúng đến gần để ăn; đã đến gần để ăn thì sẽ kiêu loạn phóng dật, mà đã kiêu loạn phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.’ Người thợ ăn bẫy mỗi nai với tâm như vậy.

“Đàn nai thứ nhất đến gần đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, [718c] bèn sanh kiêu loạn phóng dật rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn¹, ăn cỏ uống nước được chăng?’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối mùa Xuân², cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng, ‘Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta

¹ Hán: vô sự xứ 無事處. Pāli: *araññāyatana*.

² Hán: xuân hậu nguyệt 春後月. Pāli: *gimhānam pacchime māse*, vào tháng cuối mùa hạ.

hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ ăn của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa. Sau đó ăn đồ ăn của thợ săn mà không đến gần. Ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật, rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ ăn của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa lưới chạy dài chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này.’ Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ, ‘Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được. Sau đó hãy ăn đồ ăn của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì [719a] không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ ăn của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu sa phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng: “Đàn nai thứ tư này ranh mãnh xảo trá kỳ lạ! Quả thật ranh mãnh xảo trá, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những nai con khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này.’ Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc.

“Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Này Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn các giải rõ ý nghĩa. Nay Ta nói đây, các ngươi hãy quán sát nghĩa lý:

“Đồ mời của thợ săn, nên biết, đó là năm công đức của dục³: sắc được biết bởi, tiếng nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc được chạm bởi thân. Đồ mời của thợ săn, nên biết, đó là năm niệm công đức của dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyền thuộc của thợ săn, nên biết, đó chính là quyền thuộc của Ma vương. Đàn nai, nên biết đó chính là Sa-môn, Bà-la-môn vậy.

“Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất đến gần ăn đồ mời của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc của Ma vương.

“Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mời của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Các người hãy quán sát các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng giống như vậy.

“Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai lại suy nghĩ rằng, ‘Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất đến gần ăn đồ mời của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mời của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây.’ Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai liền từ bỏ đồ ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây. [719b] Đến tháng cuối Xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vị ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn, nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn. Và tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trở lại bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc của Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc của Ma vương.

³ Ngũ dục công đức 五欲功德. Pāli: *pañca kāmaganā*, năm tố chất của dục vọng.

“Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn bèn sanh kiêu sa phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước được chăng? Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối Xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Các người hãy quán sát Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai kia cũng giống như vậy.

“Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba lại suy nghĩ rằng, ‘Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyền thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương.’ Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyền thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần, nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương, nhưng còn chấp thủ hai kiến chấp, hữu kiến và vô kiến. Những vị ấy do chấp thủ hai kiến chấp này nên rồi cũng bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc Ma vương.

“Ví như đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ nhất và đàn nai thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyền thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì [719c] không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn.’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyền thuộc thợ săn,

nuong ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mời của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không ý thị, phóng dật, rồi do không ý thị phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyền thuộc thợ săn suy nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh. Vì sao vậy? Vì chúng ăn đồ mời của ta mà không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này.’ Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyền thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết đó chính là vô kiến. Các người hãy quán sát Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba cũng giống như vậy.

“Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư lại suy nghĩ rằng, ‘Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Nay ta hãy nuong ở một nơi mà Ma vương và quyền thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó hãy ăn đồ mời của thế gian tín thí mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc của Ma vương.’ Sau khi suy nghĩ, Sa-môn Bà-la-môn thứ tư này liền nuong ở một nơi mà Ma vương và quyền thuộc Ma vương không thể đến được, sau đó ăn đồ mời của thế gian tín thí mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyền thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyền thuộc của Ma vương.

“Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ rằng, ‘Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nuong ở một nơi mà thợ săn và quyền thuộc thợ săn không đến được, sau đó hãy ăn đồ mời của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật, không kiêu sa phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn.’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nuong ở một nơi mà thợ săn và quyền thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mời của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không [720a] kiêu loạn

phóng dật, rồi do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyền thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng, ‘Đàn nai thứ tư khôn lanh xảo quyết kỳ lạ! Quả thật rất khôn lanh xảo quyết. Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư này.’ Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyền thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Các người hãy quán rằng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư cũng giống như vậy.

“Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy để khiến Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được.

“Chỗ nào mà Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Đó là chỗ Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được.

“Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo tâm câu hữu với từ, biếu mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biếu mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm câu hữu với xả, biếu mãn cả một phương, thành tựu và an trụ. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập biếu mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được.

“Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyền thuộc của Ma vương của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tướng, cho đến thành tựu và an trụ Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được.

“Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập tướng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến mà

vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được.

“Này Tỳ-kheo, chỗ ở và đường lui tới như vậy khiến Ma vương và quyền thuộc của Ma vương không thể đến được. Các người hãy nên học như vậy.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ

[720b] Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Ngũ Chi Vật chủ¹ vào buổi sáng sớm rời khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật để cúng dường lễ bái. Ngũ Chi Vật chủ suy nghĩ: “Dù có đến chỗ Đức Phật thì Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của Dị học Nhất Sa-la Mạt-lị².”

Rồi thì Ngũ Chi Vật chủ bèn ghé lại chỗ du hí hoan lạc gần hàng cây Càn-đầu-a-lê³, đi đến khu vườn Dị học Nhất sa-la Mạt-lị⁴.

Bấy giờ, trong khu vườn Dị học nhất sa-la mạt-lị có một Dị học tên là Sa-môn Văn-kì Tử⁵, là đại tông chủ ở trong chúng đó, là tôn sư của nhiều người, được nhiều người kính trọng, thống lãnh một đại chúng gần năm trăm Dị học sư. Ông đang ở giữa đám đông ồn ào, lớn tiếng, âm thanh huyên náo, luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh⁶, như: đề tài vua chúa, đề tài trộm cướp, đề tài đấu tranh, đề tài ăn uống, đề tài áo chăn, đề tài phụ nữ, đề tài đàn bà, đề tài con gái, đề tài dâm nữ, đề tài thế gian, đề tài tà đạo, đề tài trong biển; đại loại như thế, chúng tụ tập luận bàn đủ mọi đề tài súc

¹ Ngũ Chi Vật chủ 五支物主, Pāli: Pancakaṅga thapati, một người thợ mộc.

² Nhất sa-la mạt-lị dị học viên 一娑邏未利異學園; M 78: đi đến khu vườn Mallika, tại nhà hội Ekasālaka có hàng cây tinduka bao quanh (xem chú thích 4 ở dưới).

³ Càn-đầu-a-lê 巾頭阿梨; xem cht.4 dưới đây.

⁴ Mallikārāma, là một khu rừng để thưởng ngoạn ở trong thành Sāvatti của hoàng hậu Mallikā (Mạt-lị phu nhân). Tại đây, trước tiên chỉ có một ngôi nhà độc nhất, nhưng sau được du sĩ ngoại đạo Pottṭhapāda dựng lên nhiều cái nữa, do đó được gọi là Ekasālaka (Hán: *Nhất sa-la*); với hàng rào bằng cây tinduka (tên khoa học: Diospyros embryopters) nên cũng được gọi là Tindukācīrā (Hán: *càn-đầu-a-lê*). Khu vườn cũng được gọi là Samayappavālaka, một hội trường để tranh luận các vấn đề tà chánh.

⁵ Sa-môn Văn-kì Tử 娑門文祁子. Pl.: Samaṇamaṇḍikāputta, tên thật là Uggāhamana.

⁶ Súc sanh luận 畜生論. Pāli: *tiracchānakathā*, luận bàn phiếm, vô ích. Đoạn kể kể các đề tài được nói là Súc sanh luận.

sanh.

Dị học Sa-môn Văn-kì Tử trông thấy Ngũ Chi Vật chủ từ xa đang đi đến, liền ra lệnh bảo chúng của mình im lặng, rằng:

“Các người hãy im lặng, đừng nói nữa. Hãy tự thu liễm. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Ngũ Chi Vật chủ sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này không ai hơn được Ngũ Chi Vật chủ. Vì sao vậy? Vì ông ấy ưa thích sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm.”

Bấy giờ, Dị học Sa-môn Văn-kì Tử bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng.

Khi ấy, Ngũ Chi Vật chủ đi đến chỗ Dị học Sa-môn Văn-kì Tử, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói:

“Này Vật chủ⁷, nếu có bốn sự, ta tuyên bố rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa,⁸ là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống bằng tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật chủ, nếu có bốn sự này, ta tuyên bố rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.”

Ngũ Chi Vật chủ nghe Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy, bước đi với ý niệm: “Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến [720c] Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này.” Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên, đem những điều đã bàn luận với Dị học Sa-môn Văn-kì Tử thuật lại hết với Đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

“Này Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sanh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng sẽ thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về thân, huống nữa là tạo nghiệp ác của thân. Nó chỉ có thể cử động thân. Này Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về miệng, huống nữa là nói ác.

⁷ Vật chủ 物主. Pāli: Thapati, thợ mộc.

⁸ Đắc đệ nhất nghĩa 得第一義: đạt được mục đích tối thượng.

Nó chỉ biết khóc. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về niệm, huông nữa là niệm ác, duy chỉ biết bập bẹ⁹. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về mạng, huông nữa là sống tà mạng, duy chỉ suy niệm đến sữa mẹ. Nay Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-ki Tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

“Nay Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta tuyên bố rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

“Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống tà mạng và không suy niệm niệm ác. Nay Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta tuyên bố rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

“Nay Vật chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta tuyên bố đó là giới.

“Nay Vật chủ, niệm,¹⁰ Ta tuyên bố đó là tâm sở hữu đi theo với tâm.

“Nay Vật chủ, Ta nói nên biết giới bất thiện. Nên biết giới bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết, giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nên biết, đệ tử Hiền Thánh làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện?

“Nay Vật chủ, Ta nói nên biết giới thiện. Nên biết giới thiện phát sanh từ đâu? Nên biết, giới thiện bị diệt không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nên biết, đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới thiện?

“Nay Vật chủ, ta nói nên biết niệm bất thiện. Nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nên biết, đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện?

“Nay Vật chủ, ta nói nên biết niệm thiện. Nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu? Nên biết, niệm thiện [721a] bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nên biết, Hiền Thánh làm

⁹ Trong bản Hán có sự nhầm lẫn về thứ tự *mạng* và *niệm*.

¹⁰ Hán: niệm 念. Pl.: *sankappa*, tư duy.

thế nào để diệt trừ niệm thiện?

“Này Vật chủ, thế nào gọi là giới bất thiện?”

“Thân hành bất thiện, miệng, ý hành bất thiện. Đó gọi là giới bất thiện.

“Này Vật chủ, giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ tâm này.

“Này Vật chủ, giới bất thiện bị diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về miệng, ý, tu tập nghiệp thiện về miệng, ý. Đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, đệ tử Hiền Thánh làm thế nào diệt trừ giới bất thiện? Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

“Này Vật chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.

“Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền Thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện? Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là suy niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại.¹¹ Đó gọi là suy niệm bất thiện.

“Này Vật chủ, suy niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát

¹¹ Ba bất thiện niệm 不善念: bất thiện tư duy. Cf. D 33: *tayo akusalasāṅkappā – kāmasāṅkappo, vyāpādasāṅkappo, vihiṃsasāṅkappo*.

sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tướng.¹² Thế nào là tướng? Ta nói hành trạng của tướng có nhiều loại, đa thù, vô lượng sai biệt, hoặc dục tướng, nhuế tướng, hại tướng.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tướng dục giới¹³ mà sanh suy niệm bất thiện tương ưng với dục giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh suy niệm bất thiện tương ưng với dục giới.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tướng nhuế giới, hại giới cho nên sanh suy niệm bất thiện tương ưng với nhuế và hại giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh suy niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới. Đó là suy niệm bất thiện phát sanh từ tướng này.

“Này Vật chủ, suy niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, [721b] bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên, thành tựu và an trụ, đây là suy niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền Thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ suy niệm bất thiện? Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ suy niệm bất thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là suy niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, suy niệm vô nhuế, suy niệm vô hại¹⁴. Đó gọi là niệm thiện.

“Này Vật chủ, suy niệm này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tướng. Thế nào là tướng? Ta nói hành trạng của tướng có nhiều loại, đa thù, vô lượng sai biệt, hoặc vô dục tướng, vô nhuế tướng, vô hại tướng.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tướng trong vô dục giới cho nên sanh suy niệm thiện tương ưng với vô dục giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi

¹² Pl.: *saññāsamuṭṭhānā*, tướng đẳng khởi.

¹³ Dục giới tướng 欲界想; đây không chỉ cho giới hệ hay cõi, mà là giới loại. Đoạn kinh này đề cập ba bất thiện giới: *dục giới*, *sân giới*, *hại giới* (Pāli: *tisso akusalaudhātuyo - kāmādhātu, vyāpādadhātu, vihiṃsadhātu*). Xem *Pháp uẩn 11* (No.1537, tr. 503c).

¹⁴ Ba thiện giới. Xem **cht. 11** trên.

tưởng đó cho nên sanh suy niệm thiện, tương ưng với vô dục giới.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới cho nên sanh suy niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh suy niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Đó là suy niệm thiện phát sanh từ tưởng này.

“Này Vật chủ, suy niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trụ, đây là suy niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền Thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ suy niệm thiện? Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ suy niệm thiện.

“Này Vật chủ, Đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát biết như thật giới bất thiện, biết như thật giới bất thiện phát sanh từ đâu, biết như thật giới bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết như thật như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết như thật giới thiện, biết như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết như thật như vậy là Hiền Thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết như thật suy niệm bất thiện, biết như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết như thật niệm bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết như thật. Hiền Thánh đệ tử [721c] hành như vậy mà diệt trừ suy niệm bất thiện, biết như thật.

“Do tuệ mà quán sát biết như thật suy niệm thiện, biết như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết như thật. Hiền Thánh đệ tử hành như vậy mà diệt trừ suy niệm thiện, biết như thật.

“Vì sao vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh tư duy¹⁵, nhân chánh tư duy nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh tinh tấn¹⁶, nhân chánh tinh tấn nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền Thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si.

“Này Vật chủ, Hiền Thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Đó gọi là học kiến đạo¹⁷ thành tựu tám chi, và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi¹⁸.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến cho đến chánh định.¹⁹ Như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi.

“Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí²⁰. Như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.

“Này Vật chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.”

Phật thuyết như vậy. Ngũ Chi Vật chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

¹⁵ Chánh chí, tức chánh tư duy.

¹⁶ Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn.

¹⁷ Hán: *học kiến tích* 學見跡, chỉ giai đoạn kiến đạo của hàng hữu học. Xem thêm cht. dưới.

¹⁸ Hàng hữu học ở địa vị kiến đạo, tu tập và thành tựu tám chi Thánh đạo để thấy lý Tứ đế. Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu mười vô học chi. Xem *Tỳ-bà-sa 92* (tr.479 a).

¹⁹ M 78:

²⁰ Tám vô học chi của Thánh đạo, thứ 9 *vô học chánh giải thoát* và 10 *vô học chánh trí* (xem giải thích *Tập dị 20* tr. 452 c). Pl., thứ 9: *asekha-sammāñāṇa* (vô học chánh trí), thứ 10: *asekha-sammāvimutti* (vô học chánh giải thoát).



180. KINH CÙ-ĐÀM-DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Thích-ki-sầu, ở tại Gia-tì-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại¹.

Bấy giờ, Ma-ha Bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di² đem một chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến, đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên rồi thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn. Mong Thế Tôn thương xót tôi mà thu nạp cho.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho Chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho Chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường Đại chúng.”

[722a] Lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Đại Sanh Chủ³ Cù-đàm-di vẫn thưa:

“Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn. Mong Thế Tôn thương xót tôi mà thu nạp cho.”

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng vẫn nói:

“Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho Chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho Chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường Đại chúng.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng phía sau Đức Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật, liền thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều

¹ Thích-ki-sầu, Gia-tì-la-vệ, Ni-câu-loại thọ viên 釋羈瘦, 加鞞羅衛, 尼拘類樹園. Pāli: sống những người họ Thích (Sakkesu), trong tinh xá (vườn) Nigrodha, Ca-tì-la-vệ.

² Ma-ha Bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di 摩訶簸邏闍鉢提瞿曇彌: Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Đại Ái Đạo; đoạn dưới dịch là Đại Sanh Chủ 大生主. Xem kinh 116. Pāli: Mahā-Pajāpati Gotamī. No 84: Bí-xô-ni tên là Ma-ha-ba-xà-ba-đề 苾芻尼名摩訶波闍波提.

³ Đại Sanh Chủ 大生主, xem [cht. 2](#) trên.

lợi ích, đã bảo dưỡng Thế Tôn sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-nan, thật sự như vậy. Này A-nan, thật sự như vậy. Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Đại Sanh Chủ Cù-đàm-di nhờ Ta mà được quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. A-nan, nếu có người nhờ người ấy mà được quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi Tôn quý, không nghi ngờ Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu, thì người này cúng dường lại người kia, dù cho đến suốt đời, uống ăn, áo chăn, giường chõng, thuốc thang và đủ các thứ vật dụng cho đời sống, vẫn chưa thể đền ơn.

“Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng, và có mười loại bố thí riêng cho từng người,⁴ sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Này A-nan, thế nào là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn?

“Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, khi Phật còn tại thế, Phật là vị đứng đầu, mà bố thí cho Phật và Chúng Tỳ-kheo, như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng, bố thí cho Chúng Tỳ-kheo, bố thí cho Chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo bạch với Chúng rằng ‘Mong trong Chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí’; đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni bạch với Chúng rằng ‘Mong trong Chúng

⁴ No 84: 14 loại giáo lượng bố thí 十四種較量布施. M 142: *cuddasa pātipuggalikā dakkhīnā*, 14 loại bố thí phân loại theo từng hạng người.

ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí.’ Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, [722b] được quả báo rộng lớn.⁵

“Này A-nan, trong thời tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh⁶, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn. Người ấy tuy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì có ở trong Chúng, duyên nơi Chúng, ở trên Chúng, nhân nơi Chúng, Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng, không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc; huống nữa là bố thí cho Tỳ-kheo thành tựu hành sự⁷, thành tựu trừ sự⁸, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực,⁹ thành tựu nhu nhuyễn,¹⁰ thành tựu cả chất trực và nhu nhuyễn, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du¹¹, thành tựu cả oai nghi và hành lai du¹², thành tựu tín, thành

⁵ Bấy loại bố thí Tăng, No 84: 1. Phật tại thế, bố thí Tăng với Phật đứng đầu. 2. Sau khi Phật diệt, bố thí Chúng Bí-xô. 3. Sau khi Phật diệt, bố thí Chúng Bí-xô-ni. 4. Sau khi Phật diệt, bố thí cả hai Chúng. 5. Sau khi Phật diệt bố thí Chúng Bí-xô du phương hành hóa. 6. Sau khi Phật diệt, bố thí Chúng Bí-xô-ni du phương hành hóa. 7. Sau khi Phật diệt bố thí cả hai Chúng du phương hành hóa.

⁶ Tỳ kheo danh tánh chủng 比丘名姓種, chỉ Tỳ-kheo chỉ có danh tự, chứ không có thực chất. Pāli: *gotrabhuno*, Sớ giải: chỉ có cái tên chủng tánh, là loại sa-môn hư danh (*gottamattakam eva anubhavamānā, nāmamattasamañāti attho*).

⁷ Tức bốn hành, Cf. Pháp uẩn 2 (tr. 463b25): không an ổn 不安隱行, an ổn 安隱行, điều phục 調伏行 và tịch tĩnh 寂靜行. Chúng đệ tử Phật hành ba loại sau. Cf. D. 33. Saṅgīti-suttanta: *catasso paṭipadā - akkhamā paṇipadā* (hành không kham nhẫn), *khamā paṭipadā* (hành kham nhẫn), *damā paṭipadā* (hành điều phục), *samā paṭipadā* (hành tịch tĩnh).

⁸ Trừ sự, trong kinh 215, tám thắng xứ được gọi là tám trừ xứ, nhưng ở đây trừ sự có thể chỉ cho bốn thông hành (xem kinh số 215 ở sau).

⁹ Cf. Pháp uẩn 2 (tr. 463a27) : chất trực hành 質直行.

¹⁰ Nhu nhuyễn 柔軟; cf. Pháp uẩn 2 (tr. 463b15): hòa kính hành 和敬行.

¹¹ Hành lai du 行來遊, cf. Pháp uẩn 3 (No.1537, tr. 463 b), được gọi là tùy pháp hành, tức tám chi Thánh đạo. Chúng đệ tử của Phật tùy thuận du lịch thiệp hành trong đó.

tự giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu cả tín, giới, đa văn, thí, tuệ. Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người được đại phước, được đại quả, được đại công đức, quả báo rộng lớn?

“Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bố thí cho Đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sanh.

“Này A-nan, bố thí cho súc sanh được phước trăm lần hơn.

“Bố thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn.

“Bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn.

“Bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn.

“Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng.

“Bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng.

“Bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng.

“Bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng.

“Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng.

“Bố thí cho vị đắc a-na-hàm được phước vô lượng.

¹² Mười sự thành tựu trên đây, trừ những thành tựu: *nhu nhuyến*, *nhẫn* và *lạc*, còn lại có thể so với những đức tánh Tăng bảo thường được tán thán, mà theo văn của *Tập dị* và *Pháp uẩn* (tr. 463b5) như vậy: Cụ túc diệu hành, chất trực hành, như lý hành, pháp tùy pháp hành, hòa kinh hành, tùy pháp hành 具足妙行質直行如理行法隨法行和敬行隨法. Cf. Pl. thành cú: *suppaṭipanno*, *ujuppaṭipanno*, *ñāyappaṭipanno*, *sāmicippaṭipanno*.

“Bồ thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng.

“Bồ thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng.

“Huống nữa là bồ thí cho Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

“Đây là mười bốn loại bồ thí riêng cho từng người, được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

“Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bồ thí và chỉ ba loại được thanh tịnh.

“Những gì là bốn? Có loại bồ thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Có loại bồ thí do người thọ nhận thanh tịnh, chứ không phải do [722c] thí chủ. Có loại bồ thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Có loại bồ thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

“Này A-nan, thế nào gọi là loại bồ thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo¹³. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bồ thí, có quả báo của sự bồ thí.’ Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Không có sự bồ thí, không có quả báo của sự bồ thí.’ Như vậy gọi là loại bồ thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận.

“Này A-nan, thế nào gọi là loại bồ thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Không có sự bồ thí, không có quả báo của sự bồ thí.’ Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bồ thí, có quả báo của sự bồ thí.’ Như vậy gọi là loại bồ thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

“Này A-nan, thế nào gọi là loại bồ thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy

¹³ Kiến lai kiến quả 見來見果; Xem Tập dị (No.1536, tr. 402a18): hữu y kiến, hữu quả kiến 有依見有果見.

nên nói như vậy, rằng ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.’ Người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.’ Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận.

“Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.’ Người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.’ Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Tinh tấn thí người không tinh tấn,

Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ.

Vì tin có nghiệp và quả báo:

Loại thí này thí chủ thanh tịnh.

Không tinh tấn thí người tinh tấn;

Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ.

Vì không tin nghiệp và quả báo:

Loại thí này người nhận thanh tịnh.

Người giải đãi thí không tinh tấn;

Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ.

Vì không tin nghiệp và quả báo:

Loại thí này không được quảng báo.

Người tinh tấn thí người tinh tấn,

Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ.

Vì tin có nghiệp và quả báo:

Loại thí này đạt được quảng báo.

[723a] *Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng,*

Hoan hỷ tự mình làm bố thí;

Vì tin có nghiệp, có quả báo:

Bố thí như vậy thiên nhân khen.

Khéo léo giữ gìn cả thân miệng;

Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp;

Người ly dục thí người ly dục:

Đó chính là tài thí đệ nhất.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



181. KINH ĐA GIỚI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: “Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.”¹

Rồi Tôn giả A-nan vào lúc xế chiều, từ tịnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: ‘Những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.’”

Thế Tôn nói rằng:

“Thật vậy, A-nan, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lâu các, điện đường. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong quá khứ, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong thời vị lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, [723b] chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất

¹ Nội dung bản Hán này gần đúng nhất với *Pháp uẩn 10* (tr. 501b25). Pāli, M 115 (Bahudhātu), đây là lời Phật nói với các Tỳ-kheo.

cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, đó gọi là, ngu si có sợ hãi, trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vương tai hoạn, ưu não; trí tuệ không có vương tai hoạn, ưu não.

“Này A-nan, những ai có sợ hãi, vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng có thể tìm thấy nơi ngu si chứ không phải nơi trí tuệ.”

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan buồn rầu, khóc lóc, nước mắt chảy, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ²?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ phi xứ³. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si?”

Thế Tôn đáp rằng:

“A-nan, Tỳ-kheo biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ.⁴ A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới?”

Thế Tôn nói:

“Này A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới: nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương

² Pháp uẩn và M 115 giồng nhau về câu hỏi này: “đến mức độ nào để được liệt vào loại ngu phu?”

³ *Thị xứ phi xứ*: trường hợp đúng và trường hợp sai.

⁴ M 115: *dhānukusalo, āyatanakusalo, paṭicasamuppādakusalo, thānāthānakusalo*: thiện xảo giới, thiện xảo xứ, thiện xảo duyên kkhởi, thiện xảo xứ phi xứ. *Pháp uẩn*: ư giới, xứ uẩn, duyên khởi, xứ phi xứ pháp đắc thiện xảo 於界處蘊緣起處非處法得善巧.

giới, tỷ thức giới; thiết giới, vị giới, thiết thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về mười tám giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới: thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, [723c] A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: quá khứ giới, vị lai giới, hiện tại giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: diệu giới, bất diệu giới, trung giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: học giới, vô học giới, phi học vô học giới. A-nan, thấy và biết như thật về ba giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới: hữu lậu giới, vô lậu giới. A-nan, thấy và biết như thật về hai giới này.

“Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về: hữu vi giới, vô vi giới. A-nan, thấy và biết như thật về hai giới này.

“Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới này. A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về giới như vậy.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười hai xứ: nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. A-nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ này. Nay A-nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên⁵?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp sanh khởi từ nhân duyên, rằng ‘Nhân cái này có, cái kia có; cái này không, cái kia không. Cái này sanh, cái kia sanh; cái này diệt cho nên cái kia diệt.’ Tức là duyên vô minh có hành..., cho đến duyên sanh có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt. A-nan, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ phi xứ?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Nay A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp này tất có.

“Nay A-nan, nếu [724a] trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

“Nay A-nan, nếu một người đã thấy đế lý⁶ mà có ý sát hại cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ

⁵ Nhân duyên 因緣, đây chỉ duyên khởi. Pāli: *paṭiccasamuppāda*.

⁶ Kiến đế nhân, đây chỉ vị Tu-đà-hoàn.

máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu cố ý hại cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.

“A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

“Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác nói như vậy: ‘Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết’, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phạm phu theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nói rằng: ‘Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết’, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phạm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phạm phu theo các Sa-môn, Bà-la-môn khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu người thấy đế lý mà khi phát sanh sự cực khổ, rất khổ, trọng đại khổ, không thể ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở ngoại đạo. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn trì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, ‘Mong giải trừ sự khổ cho tôi’, đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu xả ly nội đạo này mà cầu cứu ngoại đạo, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, ‘Mong giải trừ sự khổ cho tôi’, đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ, mà nói là dứt khổ, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu người thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này

hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu tái sanh lần thứ tám, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý [724b] ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ lạc báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ khổ báo, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém mà tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác ý, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, trường hợp này tất có.

“A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý, không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà đoạn tận khổ biên, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, đoạn tận khổ biên, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ như vậy.”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đức Phật bạch:

“Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, hãy thọ trì [724c] pháp này, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ,⁷ là pháp kính,⁸ là tứ phẩm⁹. Do đó kinh này được gọi là Đa Giới.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁰



⁷ Cam lộ cổ 甘露鼓. Pl.: *amatadundubhi*, tiếng trống bát tử.

⁸ Pháp kính. Pl.: *dharmādāso*, tâm gương của Pháp. Pháp uẩn: đại pháp kính 大法鏡.

⁹ Tứ phẩm 四品. *Pháp uẩn*: tứ chuyển 四轉. Pāli: *catuparivaṭṭo*.

¹⁰ Bản Hán, hết quyển 47.

PHẨM 17: SONG

TỤNG NGÀY THỨ TƯ

Phân biệt tụng

馬邑及馬邑	牛角娑羅林
牛角娑羅林	求解最在後
說智阿夷那	拘樓明聖道
東園論小空	大空最在後

Kệ tóm tắt:¹

Mã ấp và Mã ấp,
Rừng Ngư giác sa-la,
Rừng Nguru giác sa-la,
Cầu giải ở sau cùng.
Thuyết trí, A-di-na,
Câu-lâu minh Thánh đạo,
Đông viên luận Tiểu không,
Đại không ở sau cùng.

182. KINH MÃ ẤP (I)

183. KINH MÃ ẤP (II)

184. KINH NGƯỜI GIÁC SA-LA LÂM (I)

185. KINH NGƯỜI GIÁC SA-LA LÂM (II)

186. KINH CẦU GIẢI

¹ Phẩm này có tất cả 10 kinh, chia làm hai phần. Phần đầu gồm 5 kinh thuộc ngày tụng thứ tư (Phân biệt tụng), từ 182 - 186 Phần II còn lại, thuộc tụng ngày thứ năm, gọi là “Hậu tụng.” Trong bản dịch Việt này, không tách rời thành hai.

TỤNG NGÀY THỨ NĂM

Hậu tụng

187. KINH THUYẾT TRÍ

188. KINH A-DI-NA

189. KINH THÁNH ĐẠO

190. KINH TIÊU KHÔNG

191. KINH ĐẠI KHÔNG

182. KINH MÃ ẤP (I)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Ương-kị¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã ấp², ngụ tại Mã lâm tự³.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Người ta thấy các người, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các người, những Sa-môn, thì các người có tự xưng mình là Sa-môn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Phật lại nói:

“Cho nên, các người chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học pháp như thật Sa-môn, và pháp như thật Bà-la-môn.⁴ Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Bà-la-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những ai cung cấp các thứ ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các người nên học như vậy.

“Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Bà-la-môn?”

“Thân hành thanh tịnh,⁵ chánh đại quang minh,⁶ khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, [725a] được các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân

¹ Ương-kị quốc 鶯騎國; nơi khác (kinh 81, v.v.): Ương-ki 鶯祁, hoặc Ương-già, một trong mười sáu nước lớn thời Phật. Pāli: *Anga*.

² Mã ấp 馬邑; một thị trấn của Ương-kị. Pāli: *assapuram nāma aṅgānaṃ nigamo*.

³ Mã lâm tự 馬林寺; không rõ ở đâu.

⁴ M 39 (Mahā-Assapura): *ye dhammā samaṇakaraṇā ca brāhmaṇakaraṇā ca te dhamme samādāya vattisāma*, “Những pháp gì tác thành Sa-môn, tác thành Bà-la-môn, chúng tôi thọ trì những pháp đó.”

⁵ Thân hành thanh tịnh 身行清淨. Pl. *parisuddho kāyasamācāro*.

⁶ Nguyên hán: ngưỡng hướng phát lộ 仰向發露. Pl.: *uttāno vivaṭo*, cởi mở, không che đậy; cao thượng, bao dung.

hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu ý nghĩa của Sa-môn⁷ mà lạc mất ý nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh lại phải làm những gì? Cần học khẩu hành thanh tịnh,⁸ chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Cần học ý hành thanh tịnh,⁹ chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi ý hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành¹⁰ thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo Ta nói cho các người biết, không để các

⁷ Sa-môn nghĩa 沙門義失: mục đích của Sa-môn. Pl.: *samaññatthika*.

⁸ Khẩu hành thanh tịnh 口行清淨. Pl.: *parisuddho vacisamācāro*.

⁹ Ý hành thanh tịnh 意行清淨. Pl.: *parisuddho manosamācāro*.

¹⁰ Mạng hành thanh tịnh 命行清淨. Pāli: *parisuddho ājīvo*.

ngươi mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khấp kín¹¹, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng của sắc, không đắm nhiễm vị¹² của sắc. Do nguyên nhân gì¹³ mà khi nhãn căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, [725b] không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Do nguyên nhân gì mà khi ý căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hướng đến kia mà thủ hộ ý căn. Nếu các ngươi nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì làm phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các ngươi biết, không để các ngươi mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học chánh tri khi ra, khi vào¹⁴, khéo quán sát phân biệt¹⁵; co duỗi, cúi ngược,

¹¹ Thường niệm bé tắc 常念閉塞. Có lẽ tương đương Pāli: *indriyesu guttadvāro*, canh chừng cửa nơi các căn.

¹² Hán: bất vị sắc 不味色. Pl.: *mā' nuyyañjanaggahāhī*, chớ nắm bắt tuy tướng (các chi tiết nhỏ khi nhìn thấy sắc). Pl. *anuyyañjana*: tùy tướng, tùy hình hảo; nhưng bản Hán hiểu từ *vyañjana* là vị để nếm, gia vị hương vị.

¹³ *Vị phần tránh có* 謂忿諍故, vì sự phần nộ và tranh cãi; Hán dịch có thể nhằm vì vô nghĩa trong đoạn mach này. Pāli: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāsutvā tassa saṃvarāya paṭipajjhāhi*, do nguyên nhân gì mà khi sống với nhãn căn không được phòng hộ khi ấy tham và ưu cũng các pháp ác bất thiện chảy lọt vào, ngại hãy tu tập để ngăn chặn nguyên nhân ấy. Trong bản Hán, *adhikarāna*, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

¹⁴ Chánh tri xuất nhập 正知出入; Pāli: *abhikkante paṭikkante saṃpajānakārī*, tỉnh giác (biết mình đang làm gì) khi đi tới đi lui.

¹⁵ Thiện quán phân biệt; Pāli: *ālokite vilokite saupajānakārī*, tỉnh giác khi nhìn

nghi dung chững chạc; khéo mang tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng... đều có chánh tri. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, có chánh tri khi ra, khi vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, sù non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, trải ni-sur-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện¹⁶, hướng niệm nội tâm¹⁷, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh chấp¹⁸, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rời ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ.

“Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Cũng biết như thật ‘Đây là Lậu’, ‘Đây là Lậu tập’, ‘Đây là Lậu diệt’, ‘Đây là Lậu diệt đạo.’ Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, [725c] tâm

trước nhìn sau.

¹⁶ Chánh thân chánh nguyện 正身正願; Pāli: *ujum kāyaṃ paṇidhāya*, ngồi thẳng lưng. Bản Hán, *paṇidhāya*: đặt đê, được hiểu là *paṇidhāna*: ước nguyện.

¹⁷ Phản niệm bất hướng 反念不向; Pāli: *parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*, dụng chánh niệm ngay trước mặt (*hệ niệm tại tiền*).

¹⁸ Tâm vô hữu tránh 心無有諍; Pāli: *vigatābhijjhena cetasā vharati*, sống với tâm tư không tham lam.

giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Bà-la-môn, là Thánh, là Tịnh dục¹⁹.

“Thế nào gọi là ‘Sa-môn’? Là người đã đình chỉ²⁰ các pháp ác bất thiện, các lậu ô ứ, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

“Thế nào gọi là ‘Bà-la-môn’? Là người xa lìa²¹ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Bà-la-môn.

“Thế nào gọi là ‘Thánh’? Là người xa lìa²² các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

“Thế nào gọi là ‘Tịnh dục’? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là Thánh, là tịnh dục.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁹ Tịnh dục 淨欲; Pāli: *nahātaka*, người đã tắm sạch.

²⁰ Tức chỉ 息止. M 39 (i. 280): *samaṇo...samitāssa honti pāpakā ākusalā dhammā*, Sa-môn..., là những người đã đình chỉ các pháp ác bất thiện. Theo đây, từ *samaṇa* (Sa-môn) được giải thích là do động từ *sammati*: (làm cho) yên lặng, tĩnh lặng, tĩnh chỉ, đình chỉ.

²¹ Viễn ly 遠離; M 39 ibid.: *brāhmaṇo...bāhitāssa honti pāpakā ākusalā dhammā*, Bà-la-môn (*brāhmaṇa*) là những người đã loại ra ngoài các pháp ác bất thiện. Theo đây, từ *brāhmaṇa* được giải thích là do động từ *bāheti*, cự tuyệt, tránh xa, loại bỏ.

²² Viễn ly 遠離; M 39 ibid.: *āriyo...ārakāssa...*, Thánh (*āriya*), là những người cách xa... Theo đây, *āriya* do trạng từ *ārakā*, cách xa.

183. KINH MÃ ẤP (II)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật trú tại nước Ương-kị¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã lâm tự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Người ta thấy các người, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các người, những Sa-môn, thì các người có tự xưng mình là Sa-môn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Phật lại nói:

“Cho nên, các người chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học đạo hành² của Sa-môn, chớ đừng là phi Sa-môn. Sau khi đã học đạo hành của Sa-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những ai cung cấp các thứ ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các người nên học như vậy.

“Thế nào là không phải đạo hành của Sa-môn? Không phải là Sa-môn? Có tham lam,³ không dứt tham lam. Có nhuế, không dứt nhuế. Có sân, không bỏ sân⁴. Có phú tang không dứt phú tàng⁵. Có kết không dứt [726a] kết⁶. Có bòn sên, không dứt bòn sên. Có tật đồ, không dứt tật đồ. Có dua nịnh, không dứt dua nịnh. Có lường gạt, không dứt lường gạt. Có vô tâm,

¹ Xem kinh 182 trên.

² Đạo tích 道跡; M 40 (i.281): *yā samaṇasāmicīpaṭipadā taṃ paṭipajjissāma*, “những gì là sự hành trì chân chánh của sa-môn, chúng tôi sẽ hành trì sự đó.”

³ Tham tứ 貪伺. Pī.: *abhijjhālu*.

⁴ Hán: nhuế 恚 và 瞋 sân; những từ dễ lẫn lộn. *Nhuế*, Pāli: *vyāpāda*, sân hận hay thù nghịch, có ác ý muốn làm thiệt hại người. *Sân*, Pāli: *kodha*, nóng giận, phẫn nộ.

⁵ Bất ngữ 不語; Pāli: *makkha*, phú tàng, sự che giấu tội lỗi, đạo đức giả, ngụ thiện.

⁶ Kết 結; Pāli: *paḷāsa*, não hại, ác ý, thù nghịch muốn gây hại.

không dứt vô tâm⁷. Có vô quý⁸, không dứt vô quý. Có ác dục, không bỏ ác dục. Có tà kiến, không bỏ tà kiến. Đó gọi là sự cấu uế của Sa-môn, du siểm của Sa-môn, là trá nguy của Sa-môn, sự cong vạy của Sa-môn, dẫn đến chỗ ác, vì chưa dứt sạch, nên sự học không phải là đạo hành của Sa-môn, không phải là Sa-môn⁹.

“Cũng như cái búa¹⁰ mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, được bọc trong tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy, nghĩa là có tham lam, không dứt tham lam, có nhuế, không dứt nhuế, có sân, không bỏ sân, có phú tàng không dứt phú tàng, có kết không dứt kết, có bồn sên, không dứt bồn sên, có tật đố, không dứt tật đố, có dua nịnh, không dứt dua nịnh, có lường gạt, không dứt lường gạt, có vô tâm, không dứt vô tâm, có vô quý, không dứt vô quý, có ác dục, không bỏ ác dục, có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù khoác tăng-già-lê, Ta không nói đó là Sa-môn.

“Nếu ai chỉ cần khoác tăng-già-lê mà có tham lam thì dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có phú tàng dứt phú tàng, có kết dứt kết, có bồn sên dứt bồn sên, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tâm dứt vô tâm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến, thì bạn bè thân thiết của người đó nên đến nói với người đó rằng, ‘Này Hiền nhân, bạn hãy học khoác tăng-già-lê. Này Hiền nhân, nếu bạn học khoác tăng-già-lê, có tham lam thì dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân dứt sân, có phú tàng dứt phú tàng, có kết dứt kết, có bồn sên dứt bồn sên, có tật đố dứt tật đố, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tâm dứt vô tâm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến.’

⁷ Vô tâm 無慚; không biết tự thẹn.

⁸ Vô quý 無愧; không biết thẹn với người.

⁹ M 40 ibid: *imesaṃ... samaṇamalānaṃ samaṇadosānaṃ samaṇakasaṭṭānaṃ āpāyikānaṃ thānānaṃ duggativedaniyānaṃ appahānā na samaṇasāmīcipaṭipadaṃ paṭipanno*, những sự cấu uế của Sa-môn này, những khuyết điểm, những tà ác của Sa-môn này, dẫn đến chỗ thấp kém, cảm thọ ác thú; vì chưa dứt trừ chúng nên không có sự thực hành chánh đạo của Sa-môn.

¹⁰ Việt phủ 鐵斧; Pāli: *mataja*, một loại vũ khí nhọn hai đầu.

“Bởi vì Ta thấy người khoác tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có phú tàng, có kết, có bôn sên, có tật đồ, có dua nịnh, có lờng gạt, có vô tâm, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người khoác tăng-già-lê ấy Ta không nói nó là Sa-môn.

“Cũng như vậy, lỏa hình, bện tóc, không ngồi, ăn một bữa, thường tung nước,¹¹ thọ trì nước. Những Sa-môn có hạnh như vậy Ta nói không phải là Sa-môn. Nếu Sa-môn do thọ trì nước mà có tham lam thì dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có phú tàng dứt [726b] phú tàng, có kết dứt kết, có bôn sên dứt bôn sên, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lờng gạt dứt lờng gạt, có vô tâm dứt vô tâm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến; thì bạn bè thân thiết của người đó nên đến bảo người đó rằng: ‘Này bạn, bạn nên thọ trì nước, vì do thọ trì nước mà có tham lam thì dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có phú tàng dứt phú tàng, có kết dứt kết, có bôn sên dứt bôn sên, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lờng gạt dứt lờng gạt, có vô tâm dứt vô tâm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến.’

“Bởi vì Ta thấy có người thọ trì nước mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có phú tàng, có kết, có bôn sên, có tật đồ, có dua nịnh, có lờng gạt, có vô tâm, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người thọ trì nước ấy Ta nói không phải là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hành của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

“Thế nào là đạo hành của Sa-môn? Không phải phi Sa-môn? Nếu có tham lam thì dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có phú tàng dứt phú tàng, có kết dứt kết, có bôn sên dứt bôn sên, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lờng gạt dứt lờng gạt, có vô tâm dứt vô tâm, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến. Sự tật đồ ấy của Sa-môn¹², sự dua nịnh của Sa-môn, sự trá ngụy của Sa-môn, sự tà vạy của Sa-môn dẫn đến chỗ dữ đều đã bị dứt sạch, rồi học đạo hành của Sa-môn. Vị ấy như vậy không phải phi Sa-môn. Đó là đạo hành

¹¹ Hán; thường dương thủy常揚水. Pl. *udakorohakassa*, đối với người hay xuong nước. Sớ giải: mỗi ngày lội xuong nước ba lần (*divasassa tikkhattum udakam orohantassa*).

¹² Bản Hán, *Sa-môn tật*, ở trên nói là *Sa-môn cấu*. Có lẽ đây chép nhầm.

của Sa-môn, không phải phi Sa-môn.

“Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thùy miên, không trạo cử kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm chánh trí, không có ngu si. Tâm vị ấy câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, khắp tất cả, tâm của vị ấy câu hữu với từ, không kết không oán, không nhuế không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ câu hữu với xả, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

“Vị ấy tự nghĩ: ‘Có thô, có diệu, có tướng, dẫn đến xuất yếu cao hơn nữa¹³, biết như thật.’ Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, [726c] liền biết là đã giải thoát. vị ấy biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’

“Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-lị, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Bà-la-môn, là Thánh, là Tịnh dục.

“Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ.

¹³Lai thượng xuất yếu 來上出要; không rõ. Có lẽ ý nói dẫn đến sự xuất ly cao thượng hơn. Cf Pāli, M. 49 (i. 326): *ito ca panaññam uttari nissaraṇam natthi*, “ngoài đây ra không còn nơi nào khác có sự xuất yếu cao hơn.”

Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Bà-la-môn, là Thánh, là Tịnh dục.

“Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã đình chỉ¹⁴ các pháp ác bất thiện, các lậu ô ứ, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

“Thế nào gọi là Bà-la-môn? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Bà-la-môn.

“Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

“Thế nào gọi là Tịnh dục? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô ứ, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là Thánh, là Tịnh dục.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁴Đoạn này giống đoạn cuối kinh 183 trên.

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú đến Bạt-kì-sấu¹, trong rừng Ngưu giác sa-la², cùng với số đông các Đại đệ tử Tỳ-kheo Thượng tôn danh tiếng, như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả [727a] Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan³. Các Tỳ-kheo Đại đệ tử là những vị Thượng tôn danh tiếng như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kì-sấu, trong rừng Ngưu giác sa-la, cùng ở gần bên ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi qua, bạch rằng:

“Hiền giả Ly-việt-đa, nên biết, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lợi-phất.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi từ xa thấy các vị Thượng tôn đi đến. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bởi các vị Thượng tôn ấy, nói rằng:

¹ Bạt-kì-sấu 跋耆瘦, xem [cht. 2](#) dưới. Xem kinh 142.

² Ngưu giác sa-la lâm 牛角娑羅林; Pāli: Gosīṅgasālavanadāya, một khu rừng ở gần Nāḍika, xứ Vajjī, mà bản Hán âm là Bạt-kì-sấu: Vajjīsu, giữa những người Bạt-kỳ.

³ Các đệ tử Thượng tọa nổi tiếng (*abhiññātehi abhiññātehi therehi sāvakehi*): Tôn giả Xá-lợi-phất (Sāriputta), Tôn giả Đại Mục-kiền-liên (Mahā-Moggakāna), Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahā-Kassapa), Tôn giả Đại Ca-chiên-diên (Mahā-Kaccayāna, bản Pāli không kể), Tôn giả A-na-luật-đà (Anuruddha), Tôn giả Ly-việt-đa (Revata), Tôn giả A-nan (Ānanda).

“Kính chào A-nan, kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?”

Tôn giả A-nan đáp rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la này.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

“Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, [727b] ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?”

Tôn giả Ly-việt-đa đáp rằng :

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo ưa tĩnh tọa⁴, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ⁵, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Hiền giả A-na-luật-đa, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đa: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đa, những Tỳ-kheo nào

⁴ Yên tọa 燕坐; ngồi nơi chỗ vắng vẻ. Pāli: *patissallāna*.

⁵ Nội hành chỉ 內行止. Pāli: *ajjhataṃ cetosamathānuyutto*.

làm rực sáng khu rừng Ngu giác sa-la?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện⁶, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nổng với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng vậy, Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: khả ái thay, rừng Ngu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngu giác sa-la?”

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: khả ái thay, rừng Ngu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời.’ [727c] Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngu giác sa-la?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp rằng:

“Hiền giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo tự mình sống nơi rừng vắng⁷ khen ngợi ở

⁶ Nên hiểu là “một ít cố gắng”.

⁷ Vô sự 無事, chỉ Tỳ-kheo A-lan-nhã, tu theo hạnh chỉ sống trên rừng. Pāli:

nơi rừng vắng; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thân thành nhiều thân, hợp nhiều thân làm thành một thân, một thì trụ trên một, được biết, được thấy⁸; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa

araññaka.

⁸ Hán: nhất tắc trụ nhất, hữu tri hữu kiến 一則住一有知有見. Nghĩa không rõ.

Tập dị: hoặc ẩn hoặc hiện. Pāli: *āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ.*

huong thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo nào làm rục sáng khu rừng Nguu giác sa-la?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Hiền giả Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm⁹. [728a] Nếu muốn trú định nào¹⁰, vị ấy vào buổi sáng an trú¹¹ định ấy. Nếu muốn an trú trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trú định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rục rở, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trú định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rục sáng khu rừng Nguu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

“Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào khéo nói.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cũng cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buổi sáng sớm tất cả đều đi đến chỗ con.

⁹ Pāli: *cittam vasam vatteti, no... cittassa vasena vatteti*, (Tỳ-kheo chế ngự tâm chứ không phải bị tâm chế ngự).

¹⁰ Hán: trú chỉ 住止; Pāli: *vihārasamāpattiyā*. Bản Hán, *samāpatti* (định, hay đẳng chỉ) được hiểu là *samatha*, chỉ.

¹¹ Hán: du hành 遊行; Pāli: *viharati*.

“Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng:

“ - Kính chào A-nan, kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Tôn giả A-nan đáp rằng:

“ - Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có [728b] văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la này.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như thật lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa-văn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi:

“ - Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa, khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Hiền giả Ly-việt-đa đáp con rằng:

“ - Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo ưa tĩnh tọa, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã

nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa ưa Tọa thiền.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi:

“ - Hiền giả A-na-luật-đa, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đa: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Hiền giả A-na-luật-đa liền đáp lại con rằng:

“ - Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nổi với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác [728c] sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đa đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đa Tỳ-kheo đã thành tựu Thiên nhãn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi:

“ - Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng:

“ - Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là Phân biệt pháp sư.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi”

“ - Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng:

“ - Hiền giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo tự mình sống nơi rừng vắng khen ngợi ở nơi rừng vắng; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-phất, vì Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh Vô sự.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

[729a] “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi:

“ - Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?

“Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng:

“ - Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có

đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, quả như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có đại như ý túc.”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rời chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên, chấp tay mà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, con liền bạch Tôn giả Xá-lợi-phất rằng, ‘Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?’

“Tôn giả Xá-lợi-phất liền đáp lại lời con rằng:

“ - Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay [729b] buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, quả như lời Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã nói. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên mà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, bảo rằng:

“ - Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Đức Phật để biết trong những điều vừa bàn luận ấy vị nào nói hay. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai khéo nói?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Xá-lợi-phất, tất cả đều khéo nói. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lợi-phất, hãy nghe Ta nói. Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, vào buổi sáng sớm mang y cầm bát vào thôn khát thực, khéo thủ hộ thân, khéo thức liễm các căn, khéo giữ tâm niệm. Vị ấy sau khi khát thực xong, sau giờ ngộ, thân xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên trên vai, đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, hay chỗ thanh vắng, trải ni-sur-đàn mà ngồi kiết già, ngồi luôn cho đến chứng lậu tận mới giải kiết già. Vị ấy không giải kiết già cho đến khi nào chưa chứng được lậu tận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú đến Na-ma-đề-sầu¹, ở tại tinh xá [729c] Kiền-kì².

Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y trì bát, vào Na-ma-đề khát thực. Sau khi ăn xong, vào buổi chiều, Ngài đi đến khu rừng Ngưu giác sa-la³. Có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong đó, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la⁴.

Ba Tôn giả ấy làm như vậy. Nếu ai khát thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa. Nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn. Nếu còn dư thì cho vào đồ chứa đậy kín và mang cất. Ăn xong, cất bình bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào nhà ngồi tĩnh tọa. Nếu ai khát thực đi về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn. Nếu không đủ thì lấy đồ dư của người trước đem ra ăn cho đủ. Nếu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, thân khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, dọn dẹp nhà ăn sạch sẽ rồi thân cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt trên vai, vào nhà tĩnh tọa.

Ngồi đến xế, trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà trở dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đem đi lấy. Nếu xách nổi thì tự xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau,

¹ Na-ma-đề-sầu 那摩提瘦. M 31: Nadika (Natika), thuộc xứ Vajji, ở giữa Ketigāma và Vesali. Theo phiên âm bản Hán, mà tương đương Pāli có thể là Nadikesu, giữa những người Nadika, cho thấy đây là một bộ tộc thay vì một địa danh.

² Kiền-kì tinh xá 鞞祁精舍. Pāli: Giṅjakāvasatha (Luyện ngõa đường), một tinh xá bằng gạch mà dân xứ Vajji cúng dường Phật. Du khách hay các du sĩ cũng thường ghé ngụ tinh xá này.

³ Xem chú thích kinh số 184 ở trước.

⁴ Anurudha, Nandiya, Kimbila, ba vị Vương tử họ Thích, cùng xuất gia một lần khi Phật về thăm Ca-tì-la-vệ.

không hỏi gì nhau.

Các vị ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng cả theo các bậc Thánh.

Bấy giờ người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến, đón ngăn lại, quở rằng:

“Sa-môn! Sa-môn! Chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay trong khu rừng này có ba người dòng quý tộc ở. Ấy là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-ti-la. Nếu thấy ông, chắc họ không chịu.”

Đức Phật bảo rằng:

“Này người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không chịu.”

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà từ xa thấy Thế Tôn đến, liền quở người giữ rừng rằng:

“Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản Đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ có quở la Đức Thiện Thệ. Vì sao? Vì đó là Tôn sư Thế Tôn của tôi đến, là Đấng Thiện Thệ của tôi đến.”

Rồi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước Thế Tôn, đón lấy y bát. Tôn giả [730a] Nan-đề trái giường ngồi, Tôn giả Kim-ti-la đi lấy nước.

Đức Thế Tôn bấy giờ sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ngồi xong Ngài hỏi rằng:

“A-na-luật-đà, ông có thường an ổn, không thiếu thốn chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này A-na-luật-đà, vì sao ông được an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị đồng phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các đồng phạm hạnh này tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, ‘Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.’ Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả

này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.”

Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, đáp cũng như vậy. Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tì-la rằng:

“Ông có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?”

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn không có gì thiếu thốn.”

Phật lại hỏi:

“Này Kim-tì-la, vì sao ông thường được an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các đồng phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các đồng phạm hạnh này tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, ‘Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.’ Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, các ông thường cùng nhau hòa hiệp an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hiệp nhất như nước với sữa. Thế nhưng có chứng đắc pháp Thượng nhân mà sống an lạc⁵ chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, quả như vậy. Chúng con thường cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chứng đắc pháp Thượng nhân mà sống an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con [730b] ly dục, ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ.

⁵ Sai giảng an lạc trụ chỉ 差降安樂住止. Pāli: phāsuvihāro, sống an lạc thoải mái. Xem thêm kinh số 77, đoạn cuối.

“Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chúng đắc pháp Thượng nhân mà sống an lạc.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua an lạc trụ này, mà quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc. Bạch Thế Tôn, tâm của con câu hữu với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú.

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến, nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ.

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây,

vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con đắc như ý túc, thiên nhĩ trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay [730c] trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’”

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ qua an lạc trụ này, quá đây, vượt đây, còn có sự chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà sống an lạc chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua an lạc trụ này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, mà sống an lạc.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như vậy: “SỰ an trú của thiện nam tử này thật sự là an ổn khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe.”

Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy đi về.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la đi theo Đức Thế Tôn được một quãng đường, rồi trở lại chỗ trú.

Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la khen Tôn giả A-na-luật-đà:

“Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà, chúng tôi trước chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy. Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy, nhưng Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước Đức Thế

Tôn.”

Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la:

“Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhưng một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước Đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy.”

Bấy giờ có vị trời Trường Quỷ⁶, hình dáng cực diệu, sáng chói lồng lộng, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi lui đứng một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch Đại Tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, [731a] Nan-đề và Kim-tì-la.”

Các Địa thần nghe Trường Quỷ thiên nói, bèn làm cho âm thanh ấy vang lớn:

“Bạch Đại Tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.”

Nghe theo âm thanh vang lớn truyền bởi Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đều cũng làm cho âm thanh ấy thấu đến Phạm thiên: “Bạch Đại Tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Thật vậy, này Trường Quỷ thiên, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.

“Này Trường Quỷ thiên, các Địa thần nghe tiếng nói của người rồi, liền

⁶ Trường Quỷ thiên 長鬼天; Pāli: Dīgho parajano yakkho, quỷ Dạ-xoa tên là Dīgha (dài).

làm vang lớn âm thanh, ‘Bạch Đại Tiên nhân, dân chúng nước Bạt-ki được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.’ Tiếp theo âm thanh vang lớn của Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh ấy thấu đến Phạm thiên: ‘Bạch Đại Tiên nhân, dân chúng nước Bạt-ki được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.’

“Này Trường Quỷ thiên, nếu ba thiện gia kia có ba vị thiện gia nam tử này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tín xả, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì ba thiện gia ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con. Họ cũng sẽ được lợi ích lớn, khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời mà nhớ nghĩ đến nhân duyên và công hạnh của ba vị thiện gia nam tử ấy, họ cũng sẽ được đại lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

“Này Trường Quỷ thiên, vì ba vị thiện gia nam tử ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy.”

Phật thuyết giảng như vậy. ba vị thiện gia nam tử và Trường Quỷ thiên sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



186. KINH CẦU GIẢI

[731b2] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiềm-ma-sát-đàm, một đô ấp của Câu-lâu¹.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác² thì không thể biết được sự Giác ngộ Chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu³ Như Lai?”

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có. Ngưỡng mong Ngài thuyết cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý.”

Phật liền bảo rằng:

“Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe rõ và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các ông nghe.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời mà lắng nghe.

Thế Tôn bảo rằng:

“Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai, một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai.

“Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy⁴? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai

¹ Câu-lâu-sấu, xem các kinh 177, 175.

² M 47 (i. 317): *vīmaṃsakena bhikkhunā parassa cetopariyāyam ajānantena tathāgate samānesanā kātabbā, sammāsambuddho vā no vā ti viññānāyā ti*, “Tỳ-kheo tư sát muốn biết tâm tư người khác của người khác cần phải suy cầu nơi Như lai để biết rằng Ngài có phải là Chánh đẳng giác hay không.”

³ Cầu giải 求解: ước mong nhận thức. Pāli: *samānesanā*. Sớ giải: *esanā pariyesanā upaparikkhā*, tầm cầu, biện tầm cầu, quán sát. Đại ý đoạn văn: “làm sao biết Như Lai có phải là Chánh đẳng giác hay không?”

⁴ M 47: nơi Như Lai (*saṃvijjanti vā te tathāgatassa no vā ti*).

không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu nữa.

“Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai⁵, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, phải tìm hiểu thêm nữa.

“Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm nữa.

“Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu là thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa.

“Tôn giả ấy nhập vào thiền này⁶ vì danh dự, vì lợi nghĩa,⁷ hay không vì danh dự và lợi nghĩa? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai họa.

“Nếu có người nói như vậy, ‘Tôn giả ấy hành an lạc⁸ không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận⁹’, thì nên hỏi người ấy rằng, ‘Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng, Tôn giả ấy hành an lạc không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận?’ Nếu người ấy trả lời như vậy, ‘Tôi không biết tâm trí của vị ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vị Tôn giả ấy, hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, [731c] hoặc ở giữa chỗ tập họp, nơi

⁵ Pháp hỗn tạp, lẫn lộn cả tịnh và nhiễm. M 47: *vītimissā cakkhusotaviññeyyā dhammā*. Sớ giải: pháp hỗn tạp (vītimissā) là pháp đa tạp (vomissakā) lẫn lộn khi đen, khi trắng (*kāle kaṇhā kāle sukkāti*).

⁶ Bản Hán: bi Tôn giả... nhập thứ thiền, 彼尊者... 入此禪. M 47: *ñattajjhāpanno āyasmā bhikkhu*, “Tôn giả Tỳ-kheo nổi tiếng này,” Sớ giải: *ayam āyasmā amhākaṃ satthā bhikkhu* (...) “Vị Trưởng lão này là Tỳ kheo Tôn sư của chúng ta.”

⁷ M 47: *yasapatto nāssa idhekacce ādīnavā saṃvijjanti*, “khi nổi tiếng, có những tai hại nào xảy ra cho vị ấy không?”

⁸ Hán: lạc hành 樂行; Pāli: *uparata*, tự kèm chế, loại trừ.

⁹ M 47: *vitārāgattā kāme na sevati khayā rāgassā ti*, không hành theo dục, vì đã ly dục, diệt tận dục.

đó hoặc có Thiện thế hay những người thọ hóa bởi Thiện thế¹⁰, hoặc là bậc Tông chủ, hoặc là người được thấy bởi vật dục¹¹, này Hiền giả, tôi cũng không tự mình hiểu biết vị ấy¹². Tôi nghe từ chính Tôn giả ấy mà trực tiếp ghi nhận như vậy, ‘Ta hành an lạc không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận’ Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy, khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng, ‘Tôn giả ấy hành an lạc không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận.’

“Trong đây lại cần phải hỏi thêm nữa về Như Lai, ‘Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng?’ Như Lai bèn trả lời người ấy rằng, ‘Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư.’

“Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh, thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, đạo Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp luật này.

“Có đệ tử tịnh tín đến thăm viếng Như Lai, phụng sự Như Lai, nghe pháp

¹⁰ Thiện thế, vi thiện thế sở hóa 善逝為善逝所化. M 47: *ye ca tattha sugatā ye ca tattha duggatā*, “những người ở nơi đó là thiện hành hay ác hành”. *Sugatā*, bản Hán hiểu là danh hiệu Phật. Sớ giải: thiện hành, *sugatā*, chỉ các Tỷ kheo hành trì chân chánh, thiện xảo (*suppaṭipannā*). Ác hành, chỉ các Tỷ kheo hành trì không thiện xảo (*duppaṭipannā*).

¹¹ Nhân thực khả kiến 因食可見, do ăn mà được thấy (xuất hiện). M 47: *ye ca idhekacce āmisesu sandissati*, một số người ở đây bị lôi cuốn theo vật dục. Bản Hán hiểu *sandissati* (bị lôi cuốn) là được thấy (khả kiến), do gốc động từ *passati* (thấy).

¹² Ngã bất tự tri 我不自知. M 47: *nāyasmā taṃ tena avajānāti*, Tôn giả ấy không vì vậy mà khinh bỉ người đó.

từ Như Lai, và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch; nghe như vậy như vậy rồi, vị ấy biết tường tận¹³ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác’ vậy.

“Ồ đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng, ‘Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác?’ Vị ấy sẽ trả lời như vậy, ‘Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Này Hiền giả, như Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy như vậy, Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch, và tôi nghe như vậy như vậy rồi, biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, [732a] tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác.’ Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác.’”

“Nếu ai có hành này, lực này, trồng sâu gốc rễ tịnh tín nơi Như Lai, tín căn đã vững, thì được gọi là tín tương ưng với trí bất hoại, do thấy được gốc rễ. Sa-môn, Bà-la-môn, Chư thiên, Ma, Phạm và các hàng thế gian khác không thể tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết chính đáng về Như Lai.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³ Hán: tri đoạn 知斷; Pāli: *abhiññāya*, thắng tri.

187. KINH THUYẾT TRÍ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu các Tỳ-kheo đến trước các người nói lên trí mà mình đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Các người nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành².

“Sau khi đã khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các người nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thủ uẩn³: sắc, thọ⁴, tưởng, hành và thức. Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào năm thủ uẩn này để được biết là không còn chấp thủ, mà dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu [732b] và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vậy, ‘Này chư Hiền, sắc thủ uẩn là không hiệu quả⁵, là không hư, không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc, trói buộc sai sử,⁶ tất cả đều bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn là không hiệu quả, là không hư, là không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có

¹ Xem cước chú phần đầu phẩm. Từ đây trở xuống, thuộc tụng phần ngay thứ năm, gọi là “Hậu tụng.”

² M 112 (iii.29): *n’eva abhinanditabbam nappatikkositabbam*, không hoan hỷ cũng không phản đối.

³ Hán: thanh âm 盛陰. Pl. *upādānakkhandha*.

⁴ Nguyên Hán: giác 覺.

⁵ Vô quả 無果. M 112: *abala*, không có thể lực. Bản Hán: *aphala*.

⁶ M 112: *ye rūpe upāyupādānā cetaso adhiṭṭhānābhinivesānusayā*, những sắc nào mà là phương tiện chấp thủ, là sự cố chấp, tham chấp, tùy miên của tâm.

đắm trước, có trói buộc, trói buộc sai sử, thấy đều bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Nay chư Hiền, đối với năm thủ uẩn, tôi biết như vậy, thấy như vậy, được rõ biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vậy. Và các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Khi đã khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói bốn loại thức ăn⁷, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Một là đoàn thực hoặc thô hoặc tế. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực.’

“‘Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào bốn loại thực này để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rất ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý tư thực và thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rất ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy đối với bốn loại thực này, rõ biết không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết mình phạm hạnh đã vững nên như pháp mà đáp như vậy. Các người nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như

⁷ Tư thực: 1. đoàn thực thô tế 搏食麤細, 2. canh lạc 更樂, 3. ý niệm 意念, 4. thức 識. Xem kinh 29

vậy, ‘Này Hiền giả, Đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết⁸. Những gì là bốn? Một là cái được thấy thì nói là cái được thấy. Hai là cái được nghe thì nói là cái được nghe. Ba là cái được thức thì nói là cái được thức. Bốn là biết cái được thì nói là cái được biết.’

“‘Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào bốn loại tuyên thuyết này để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?’

“Tỳ-kheo các lậu đã dứt sạch, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, đối với cái được thấy nói là được thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát.’ Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Đức Thế Tôn đã nói pháp sáu nội xứ⁹, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào sáu nội xứ này để biết rõ là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà tôi biết là đã

⁸ Tứ thuyết: kiến, văn, thức (giác), tri 見聞識知. Pl: cattaro vohārā - *diṭṭhe diṭṭhavādītā, sute sutavādītā, mute mutavādītā, viññāte viññātavādītā*, bốn ngôn thuyết: đối với cái được thấy thì nói là cái được thấy, cái được nghe nói là cái được nghe, cái được cảm nói là cái được cảm, cái được nhận thức nói là cái được nhận thức.

⁹ Hán: nội lục xứ 內六處.

dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, pháp biết bởi ý thức, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với ý và ý thức, pháp được biết bởi ý thức, mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà đã biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với nội lục xứ được biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát.’ Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Thế Tôn nói sáu giới: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào sáu giới này [733a] để rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch phiền não, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi. Tôi không phải là sở thuộc của địa giới. Địa giới chẳng phải là tự ngã. Nhưng ba thủ¹⁰ nương địa giới mà trụ và các kết sử¹¹ dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi. Tôi không phải sở thuộc của thức giới. Thức giới chẳng phải là tự ngã. Nhưng ba thủ nương địa giới mà trụ và các kết sử dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu giới ấy, rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát.’ Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng

¹⁰Tam thọ 三受, TNM: hai thọ, ở đây thọ được hiểu là thủ, hay chấp thủ và có hai: *dục thủ, kiến thủ*. Hay ba thủ, thêm *ngã ngữ thủ*.

¹¹Đề bản: thức sử 識使; TNM: chư sử 諸使. *Sử*, M 112: *amusaya*: tùy miên (Hán thường dịch là sử 使).

hành.

“Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, biết thế nào, thấy thế nào bên trong thân cùng với thức này¹² và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thấy đều được đoạn tri¹³, nhờ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sinh nữa?’ Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã nhàm tởm sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khổn khổ, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Này chư Hiền! Sau khi đã nhàm tởm ghê sợ, tôi quán sát, tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao bụi bặm. Xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích quăn chặt, không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền! Sau đó, tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

“Này chư Hiền! Sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ Biệt giải thoát, tôi lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhiệm cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lia sát sanh, xả bỏ kiếm gậy, biết hổ, biết thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Tôi đối với sự sát sanh, [733b] tâm đã tịnh trừ.

“Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; chỉ lấy của đã

¹² Thân cộng hữu thức 身共有識: hữu thức thân, thân tồn tại cùng với thức, hay là sở y cho thức hoạt động. Pāli: *saviññāṇaka kāya*.

¹³ Đoạn tri 斷知, được hiểu là *đoạn biến tri*. *Phát trí 2* (tr. 924 c), “Thế nào là *đoạn biến tri*? Các tham đã vĩnh viễn bị đoạn trừ, sân và si vĩnh viễn bị đoạn trừ. Tất cả phiền não vĩnh viễn bị đoạn trừ”. Pāli: *susamūhata*. M 112: *imasmim ca saviññāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahaṃkāramamaṃkāramānānusayā susamūhata*, ở trong các thân câu hữu với thức này và trong tất cả tướng bên ngoài, mà hoàn toàn đoạn tuyệt ngã kiến, ngã sở kiến và mạn tùy miên.

cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không cầu mong sự đáp lại. Tôi đối với sự ưa lấy của không cho, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi phạm hạnh, tránh xa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh tấn với diệu hành, thanh tịnh không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ dâm dục. Tôi đối với sự phi phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự chân thật không sai chạy. Tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Tôi đối với tâm nói láo, tâm đã dứt trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia; người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp, tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng, không khen ngợi phe đảng. Tôi đối với sự nói hai lưỡi, tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô ác, tránh xa lời nói thô ác, giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa không mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy. Tôi đối với sự nói lời độc ác, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng. Tôi đối với sự nói thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ thói cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người. Tôi đối với sự sinh hoạt buôn bán, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ. Đối với việc nhận đàn bà góa, con gái

thơ, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ. Đối với việc nhận nô tỳ, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận voi, ngựa, bò, dê; tránh xa việc nhận voi, ngựa, bò, dê. Đối với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận gà, heo; tránh xa việc nhận gà, heo. Đối với việc nhận gà, heo, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận ruộng nương, hàng quán; tránh xa việc nhận ruộng nương, [733c] hàng quán. Đối với việc nhận ruộng nương, hàng quán, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu. Đối với việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ rượu, tránh xa rượu. Đối với việc uống rượu, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không dùng giường cao, rộng lớn; tránh xa giường cao, rộng lớn. Đối với việc dùng giường cao, rộng lớn, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương liệu, dầu thơm; tránh xa không trang sức vòng hoa, ngọc ngà, hương thoa, phấn sáp. Đối với việc trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không ca múa, xướng hát và đi xem nghe; tránh xa sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe. Đối với sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận vàng bạc, tránh xa việc nhận vàng bạc. Đối với việc nhận vàng bạc, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá giữa trưa, ăn đúng giữa trưa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời. Đối với sự ăn quá giữa trưa, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới này, thân lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt đủ để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào mang

theo y bát, không có luyến tiếc, ví như chim nhận cùng với hai cánh bay liệng trong không theo hai cánh, tôi cũng như vậy.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, rồi lại thủ hộ các căn, hường niệm tưởng sự khép kín¹⁴, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc, tôi không chấp thủ tướng của sắc, không đắm nhiễm vị¹⁵ của sắc. Do nguyên nhân gì¹⁶ mà khi nhãn căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, tôi hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, tôi không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp. Do nguyên nhân gì mà khi ý căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, tôi hướng đến kia mà thủ hộ ý căn.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, Thánh thủ hộ các căn, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngược, nghi dung chững chạc, khéo đáp tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sùnon, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Tôi sau khi ở trong rừng

¹⁴ Thường niệm bế tắc 常念閉塞. Có lẽ tương đương Pāli: *indriyesu guttadvāro*, canh chừng cửa nơi các căn.

¹⁵ Hán: bất vị sắc 不味色. Pl.: *mā' nuyyañjanaggahāhī*, chớ nắm bắt tuy tướng (các chi tiết nhỏ khi nhìn thấy sắc). Pl. *anuyyañjana*: tùy tướng, tùy hình hảo; nhưng bản Hán hiểu từ *vyañjana* là vị để nếm, gia vị hương vị.

¹⁶ *Vị phần tránh cố* 謂忿爭故, vì sự phần nộ và tranh cãi; Hán dịch có thể nhằm vì vô nghĩa trong đoạn mach này. Pāli: *yatvādhikaraṇam enam cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāsutvā tassa saṃvarāya paṭipajjhāhi*, do nguyên nhân gì mà khi sống với nhãn căn không được phòng hộ khi ấy tham và ưu cũng các pháp ác bất thiện chảy lọt vào, ngại hãy tu tập để ngăn chặn nguyên nhân ấy. Trong bản Hán, *adhikaraṇa*, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.

vắng, hoặc đến [734a] gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trái ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Tôi đối với tham lam, tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, cho đến, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ.

“Này chư Hiền, tôi đã đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, được bất động tâm, hướng đến chứng ngộ trí lậu tận thông. Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng, ‘Đây là Khổ’, biết như thật: ‘Đây là Khổ tập’, biết như thật: ‘Đây là Khổ diệt’, và biết như thật: ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Biết như thật, ‘Đây là lậu’, ‘Đây là lậu tập’, ‘Đây là lậu diệt’, và ‘Đây là lậu diệt đạo.’ Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng, ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bên trong thân cùng với thức này và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thấy đều được đoạn trừ, nhờ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa.’ Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi, nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, nên nói với vị Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài. Vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa.’”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



188. KINH A-DI-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trú tại Đông viên, giảng đường [734b]Lộc tử mẫu¹.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn từ tỉnh tọa đứng dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe.

Lúc ấy, Dij học A-di-na², đệ tử của Sa-môn Man-đầu³, từ xa thấy Đức Thế Tôn từ tỉnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe; Dij học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật.

Đức Thế Tôn quay lại hỏi rằng:

“Dij học A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy? Nếu có Dij học, Sa-môn, Bà-la-môn nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn chăng?”⁴

Dij học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có Dij học, Sa-môn, Bà-la-môn nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót thứ gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn.”

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

¹ Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường, xem các kinh số 118, 144, 154, ...Pl. Pubbārāma Migāramātu-pāsāda.

² A-di-na 阿夷那. Pāli: Ajita.

³ Sa-môn Man-đầu 沙門蠻頭. A 10. 116 (v. 228), Chính lời của Ajita nói: *amhakam paṇḍito nāma sabrahmacārī*, vị đồng phạm hạnh của chúng tôi thật sự là *paṇḍita* (thông thái, trí tuệ), hay tên là Paṇḍita (Man-đầu) ?

⁴ Đoạn này và vấn đề liên hệ ở dưới, không có trong bản Pāli đối chiếu này, nhưng văn và nghĩa chính xác, có thể thấy trong M.76 (i. 519).

“A-di-na, như thế nào Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy? Và nếu có Dij học, Sa-môn, Bà-la-môn nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn?”

Dij học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu nói như vậy, ‘Khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày, tri vẫn thường không bị chướng ngại. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruổi nhanh, lính bại trận, con trai chạy trốn, con gái chạy trốn, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc thấy thôn ấp mà phải hỏi tên đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: ‘Ông ở đâu đến?’ Ta đáp rằng, ‘Này chư Hiền, tôi đi lộn đường.’

“Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy, và nếu có Dij học Sa-môn, Bà-la-môn nào là bậc nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho rằng: Ta biết không sót cái gì’, nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy.”

Rồi Đức Thế Tôn đi kinh hành đến mút đường, [734c] dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết già, hỏi các Tỳ-kheo:

“Những sự kiện trí tuệ⁵ được Ta nói đến, các người thọ trì chẳng?

Các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần:

“Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các người thọ trì chẳng?”

Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng đến Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe thì các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói sẽ khéo léo thọ trì.”

⁵ Trí tuệ sự 智慧事. Pāli: *paññitavattthūni*, xem [cht.4](#) trên.

Thế Tôn nói:

“Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân tích đầy đủ cho các ngươi.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Chúng con kính vâng lời, lắng nghe.”

Đức Phật lại bảo rằng:

“Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được. Đối với trong Chánh pháp luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết. Nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là ‘Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả.’ Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chánh pháp luật có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp, tự cho là ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả.’ Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

“Cho nên, các ngươi nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã chứng biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các ngươi nên học pháp như thật và nghĩa như thật.”⁶

Phật thuyết như vậy rồi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Chư Hiền nên biết, Đức Thế Tôn chi

⁶ Từ đoạn này trở xuống, tương đương Pāli, A 10. 115 (v. 225).

nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa; nói rằng, ‘Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa [735a] và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật.’”

Họ lại nghĩ rằng: “Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt?”

Họ lại nghĩ rằng: “Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt. Này chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan để yêu cầu nói ý nghĩa bày. Nếu được Tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ trì.”

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-nan, xin biết cho! Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng ‘Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật.’

“Chúng tôi lại nghĩ, ‘Này chư Hiền! Ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt?’ Chúng tôi lại nghĩ rằng: ‘Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt.’ Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho.”

Tôn giả A-nan bảo rằng:

“Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ. Người có trí sau khi nghe ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa:

“Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây; vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa và lõi. Người ấy không đục đến rễ, thân, đốt, lõi, mà chỉ đục đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang còn đó, sao chư Hiền lại bỏ đi mà tìm đến tôi để hỏi ý

nghĩa này? Vì sao vậy? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là Bậc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Chư Hiền nên đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này, ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gì?’ Đúng như những lời Thế Tôn nói, chư Hiền hãy khéo léo thọ trì.”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-nan, vâng, Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là bậc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và [735b] các đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Bạch Tôn giả A-nan, Tôn giả có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho.”

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này chư Hiền, vậy hãy cùng nghe tôi nói.

“Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu điều nào nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

“Này chư Hiền, cho đến tà trí⁷ là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

“Này chư Hiền! Sự kiện Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng ‘Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật.’

“Ý nghĩa mà Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu đúng như ý nghĩa mà Đức

⁷ Tà trí, hay tà tuệ, tương phản với chánh trí hay chánh tuệ trong tám chi Thánh đạo.

Thế Tôn nói thí chư Hiền hãy thọ trì.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, vừa rời Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng vắn ấy mà diễn rộng ra.”

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có Mắt, có Trí, có Pháp, có Nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi, đệ tử ấy bằng câu ấy, bằng vắn ấy mà diễn rộng ra.

“Đúng như những gì A-nan nói, các người hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? –Vi thuyết quán nghĩa phải như vậy.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



189. KINH THÁNH ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-lâu-lâu, ở Kiềm Ma-sát-đàm, [735c] đô ấp Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có cận tập, có trợ bạn và cũng có tư cụ,¹ bao gồm bảy chi.

“Thế nào nói là Thánh chánh định có cận tập, có trợ bạn và có tư cụ gồm bảy chi? Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ², khéo hướng đến tâm chuyên nhất³, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh chánh tư duy,⁴ chánh tư duy sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh tinh tấn,⁵ chánh tinh tấn sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh định. Hiền Thánh đệ tử với tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh đệ tử với chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’

“Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu.⁶ Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

“Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tỵ,

¹ Hữu tập hữu trợ 有習有助有具. M . 117 (iii. 71): *arriyam sammāsamādhim sa-upanisam saparikkhāram*, Thánh chánh định cùng với cận duyên, tư cụ.

² Nhờ bảy chi này làm phương tiện và hỗ trợ cho chánh định.

³ Tâm đắc nhất 心得一 ; trạng thái tập trung vào một điểm. Pāli: *cittassa ekaggatā*, tâm nhất cảnh tánh.

⁴ Nguyên hán: chánh chí 正志.

⁵ Nguyên Hán: chánh phương tiện 正方便.

⁶ Pl.: *sammādiṭṭhi pubbaṅgamā hoti*.

không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, ác, không có quả báo của nghiệp thiện, ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

“Thế nào gọi là chánh kiến?⁷ Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.

“Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học để đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến,⁸ thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh kiến, tùy từng phương tiện của kiến.⁹ Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

“Nếu thấy tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Nếu thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy.

“Thế nào gọi là tà tư duy? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm [736a] hại, được gọi là tà tư duy.¹⁰

“Thế nào gọi là chánh tư duy? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh tư duy.

“Thấy rõ tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Thấy rõ chánh tư

⁷ M 117: có hai loại chánh kiến: 1. Hữu lậu, dẫn đến phước báo, dị thực hữu dư y (*sāsava puññabhāgiyā upadhivepakkā*), tức là có quan điêrm: có bố thí, có nghiệp thiện ác v.v. 2. Thánh đạo vô lậu, xuất thế, thuộc đạo chi (*ariyā anāsava lokuttarā maggaṅgā*), đó là tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, v.v.

⁸ M 117: *so sato micchādīṭṭhim pajahati*, Tỳ kheo có chánh niệm mà đoạn trừ tà kiến.

⁹ M 177: *ime tayo dhammā sammādīṭṭhim anuparidhāvanti anuparivattanti*, ba pháp này tùy hành quanh chánh kiến, vận hành tùy thuận chánh kiến.

¹⁰ Pl. *kāmasaṅkappo vyāpādasakaṅkappo vihiṃsāsaṅkappo*: tư duy dục, tư duy sân, tư duy hại; ba bất rthiện tư duy.

duy là chánh tư duy, thì đó cũng là chánh tư duy. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh niệm.

“Tất cả ba chi này đi theo chánh tư duy, tùy từng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là chánh ngữ. Nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ, thì đó cũng chính là chánh ngữ.

“Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thù dật, đó gọi là tà ngữ.

“Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thù dật, đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ, cũng gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ. Đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

“Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, tùy từng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

“Thế nào là tà mạng? Có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp.

Đó là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Không có sự mong cầu không mãn ý; không [736b] dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, tùy từng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần, dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh tinh tấn.

“Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

“Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ; đó gọi là chánh định.

“Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

“Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

“Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

“Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy cần phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến

sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập [736c] để được sung mãn.

“Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

“Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

“Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

“Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

“Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các hạng thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

“Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn khác sống ngồi chồm hỏm¹¹, thuyết giảng sự ngồi chồm hỏm; sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹¹ Tôn cứ 蹲踞. Pāli: Okkalā Vessa-Bhanna, những người ở Ukkalā, Vassa và Bhanna, được coi như theo chủ trương vô nhân (*ahetuvāda*), vô tác (*akiriyavāda*), và vô sở hữu (*natthikavādā*). Bản Hán đọc Ukkalā như là Ukkūla, ngồi chồm hỏm.

190. KINH TIỂU KHÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, tại Đông viên, [737a] Lộc tử mẫu giảng đường¹.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc xế, từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, lui đứng sang một bên mà bạch rằng:

“Một thời Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích Đô ấp². Con lúc ấy được nghe Thế Tôn nói ý nghĩa như vậy, ‘Này A-nan, Ta phần nhiều hành nơi không tánh’³. Thế Tôn, có phải là con biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ không?”

Khi ấy Thế Tôn đáp rằng:

“Này A-nan, lời nói của Ta đó, ông thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì Ta tự bao giờ cho đến hôm nay phần nhiều hành nơi không tánh.

“Này A-nan, như giảng đường Lộc tử mẫu này trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, nô tỳ; nhưng có cái không trống không. Đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà Ta thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì Ta thấy là chân thật có.⁴ Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo⁵.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về xóm làng, đừng tác ý đến ý tưởng về người, mà hằng tác ý đến ý tưởng về duy nhất tánh là ý tưởng về khu

¹ Xem kinh 189 trên.

² M 121 (iii. 105): *sakkesu* (....) *nagarakam nāma sakyānaṃ nigamo*, giữa những người họ Thích, một thị trấn của họ Thích ca, tên là Nagaraka.

³ Hành không 行空. Pāli: *suññatāvihāra*, không trụ, sự an trụ nơi tánh không, sống trong trạng thái không tánh.

⁴ M 121: *yaṃ pana tattha avasiṭṭhaṃ hoti taṃ sanatm idam atthī ti pajānāti*, trong đây cái gì lưu tồn vị ấy ấy biết rằng “do cái này tồn tại, nó tồn tại.”

⁵ Hành chân thật không bất điên đảo 行真實空不顛倒. M 121: *yathābhuccā avipallatthā parisuddhā suññatāvakkam bhavati*. Thâm nhập không tánh, chân thật, thanh tịnh, không điên đảo. Bốn từ này ở đây được coi là đồng nghĩa.

rừng⁶. Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trống không là ý tưởng về xóm làng, trống không là ý tưởng về người, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất tánh do ý tưởng về khu rừng. Nếu có sự mệt nhọc⁷ do ý tưởng về xóm làng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự mệt nhọc do ý tưởng [737b] về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự mệt nhọc là do duy nhất tánh ý tưởng về khu rừng.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy đó là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

“Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về người, đừng tác ý đến ý tưởng khu rừng mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về đất.⁸ Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao có thấp, có ổ rần, có bụi gai, có cát, có đá, núi chơm, sông sâu thì chớ có tác ý đến. Nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý đến.

“Này A-nan, ví như da bò, lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng rất thẳng, nó không nhăn, không rút lại. Nếu thấy chỗ đất này có cao có thấp, có ổ rần, có bụi gai, có cát, có đá, núi chơm, sông sâu thì đừng tác ý đến. Nếu thấy chỗ đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý. Vị ấy biết như vậy, biết rằng, ‘Trống không ý tưởng về người, trống không ý tưởng về khu rừng, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về đất. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về đất.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành

⁶ Hán: niệm nhất vô sự tưởng 念一無事想. Pāli: *araññasaññaṃ paṭicca manasi karoti ekattaṃ*, duyên vào ý tưởng về khu rừng mà tác ý cái một (nhất tánh, nhất thể). Duyên vào ý tưởng rừng mà tập trung trên một đối tượng duy nhất, nhất tánh.

⁷ Bì bao 疲勞, Pāli: *daratha*, bất an, buồn phiền.

⁸ M 121: *pathavisaññaṃ paṭicca manasi karoti ekattaṃ*, duyên vào ý tưởng về đất mà tác ý nhất thể tánh.

trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

“Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng thuần nhất về không vô biên xứ⁹. Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về không vô biên xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự đó. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ta không có sự đó. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về không vô biên xứ.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, đừng tác ý về ý tưởng không vô biên xứ, hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về thức vô biên xứ¹⁰. Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, trống không ý tưởng về không vô biên xứ, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về thức vô biên xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về không vô biên xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về thức vô biên xứ.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có một cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về không vô biên xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về thức vô biên xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý

⁹ Nguyên Hán: vô lượng không xứ tưởng 無量空處想. Pāli: *ākāsānañcāyatana-saññā*.

¹⁰ Vô lượng thức xứ tưởng 無量識處想. Pāli: *viññānañcanāyatana-saññā*.

tưởng về vô sở hữu xứ¹¹. Vị ấy niệm biết như vậy, ‘Trống không không vô biên xứ, trống không thức vô biên xứ, nhưng có một cái không trống không. Đó là duy nhất ý tưởng về vô sở hữu xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về không vô biên xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về thức vô biên xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô sở hữu xứ.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

[737c] “Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về thức vô biên xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô sở hữu xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô tướng tâm định¹². Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trống không ý tưởng về thức vô biên xứ, trống không ý tưởng về vô sở hữu xứ, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất tánh do vô tướng tâm định. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về thức vô biên xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô sở hữu xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất là về vô tướng tâm định.’ Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Vị ấy lại suy nghĩ như vậy, ‘Vô tướng tâm định mà ta đã có đây vốn là sở hành, vốn là sở tư¹³. Nếu nó vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không

¹¹ Vô sở hữu xứ tưởng 無所處想. Pāli: ākiñcaññāyatana-saññā.

¹² Vô tướng tâm định 無想心定. Pāli: *animitta-cetosamādhī* (vô tướng tâm định). Bản Hán bỏ qua Phi tướng phi phi tướng xứ (*nevasaññāsaññāyatana-saññā*) được đề cập trong M 121.

¹³ Bốn sở hành, bốn sở tư 本所本所思. M 121: *ayampi kho animitto cetosamādhī abhisankhato abhisāñcetaṃyito*, vô tướng tâm định này là thắng hữu vi, được tu duy. *Thắng hữu vi*, thuộc hữu vi, vì những thù thắng, siêu việt hơn. Trong bản Hán, đọc là *abhisamkhāra* (bốn sở hành hay thắng hành) thay vì là *abhisamkhata*. Bốn sở tư (*abhisāñcetaṃyita*), ở đây hiểu là cái được tạo ra do tu niệm, tư sở tác.

ái lạc nó¹⁴, không mong cầu nó, không an trụ trên nó.’

“Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vị ấy biết như vậy, ‘Trống không là dục lậu, trống không là hữu lậu, trống không là vô minh lậu; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại. Nếu có sự phiền nhọc do dục lậu, thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do hữu lậu và vô minh lậu, ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại¹⁵.’ Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Đây A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

“Đây A-nan, trong quá khứ, các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

“Đây A-nan, trong vị lai, các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

“Đây A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

“Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy.”

Phật thuyết như vậy, [738a] Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁴ Cf. M 121: *abhisankhataṃ* (...) *aniccam*: cái gì thuộc về hữu vi, nó là vô thường.

¹⁵ M 121: *kāyaṃ paṭicca salāyataniṃ jīvitapaccayā*, duyên nơi thân với sáu xứ là điều kiện cho mạng tồn tại.

191. KINH ĐẠI KHÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy-la-vệ, tại vườn Ni-câu-loại¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, kháo y cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực.

Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Gia-la-sai-ma Thích². Lúc bấy giờ tại tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích đi ra, đến Già-la Thích³ tinh xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già-la Thích đang làm y. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy Phật sắp đến, bèn ra nghinh tiếp, rước y bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân.

Phật rửa chân rồi, ngồi trên chỗ ngồi của Tôn giả A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la Thích và nói rằng:

“Này A-nan, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng?”

Tôn giả A-nan bạch:

“Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo đang trú nghỉ trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan rằng:

“Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào; ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

¹ Xem các kinh 12, 100, 116.

² Gia-la-sai-ma Thích tinh xá 加羅差摩釋精舍. M 122: Kālakhemakassa Sakkassa vohāra, tinh xá của Kālakhema, người họ Thích.

³ Già-la Thích 伽羅釋, Pāli: Ghaṭṭāya-sakkassa.

“Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; Tỳ-kheo ấy mà có sự an lạc nơi sự an lạc của bậc Thánh, an lạc do vô dục, an lạc do viễn ly, an lạc do tịch tịnh, an lạc do chánh giác, an lạc phi vật dục,⁴ [738b] an lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc ấy mà được dễ dàng không khó, trường hợp này không thể xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy mà có sự an lạc nơi sự an lạc của bậc Thánh, an lạc do vô dục, an lạc do viễn ly, an lạc do tịch tịnh, an lạc do chánh giác, an lạc phi vật dục, an lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc này mà được dễ dàng không khó, trường hợp này tất có thể xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

“Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng. Giả sử Tỳ-kheo ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát⁵ và bất thời bất di động tâm giải thoát⁶, trường hợp này hoàn toàn không xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự

⁴ Nguyên Hán: vô thực chi lạc 無食之樂.

⁵ Xem các chú thích trong kinh số 127. Pāli: *sāmāyikā kantā cetovimutti*.

⁶ Xem các chú thích trong kinh số 172. Pāli: *asāmāyika akuppā cetovimutti*.

sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất di động tâm giải thoát, trường hợp này tất có xảy ra.

“Vì sao vậy? Nay A-nan, Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn hoan lạc. Sắc ấy bại hoại, biến dịch, và khi nó đổi khác thì sanh ra sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trụ nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Đó là vượt qua tất cả sắc tướng, an trụ nơi ngoại không.⁷

“Này A-nan, Ta an trụ nơi trú xứ này rồi, phát sanh sự hoan hỷ. Sự hoan hỷ này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an⁸, phát sanh lạc, phát sanh định. Định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm chánh trí.

“Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di nào tìm đến Ta, Ta bèn vì họ mà an trụ trong tâm như vậy như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh⁹, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định¹⁰ Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không.

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vậy: ‘Tôi không giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, không khiến cho chuyên nhất và định’, thì này A-nan, nên biết vị ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc.

“Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định? Tỳ-kheo ở nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Nay A-nan, cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm trong nhà rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, phổ

⁷ M 122 (iii.111): *sabbanimittānaṃ amanasikārā ajjhataṃ suññataṃ upasampajja viharitum*, không tác ý đến tất cả tướng, chứng đạt an trụ *nội không*.

⁸ Chỉ, được hiểu là khinh an.

⁹ Đa hành không. Như kinh số 190 trên.

¹⁰ M 122: *ajjhataṃeva cittaṃ saññhapetabbaṃ sammisādetabbaṃ ekodikātabbaṃ samādahātabbaṃ*, nội tâm cần an định, tĩnh chỉ, sự chuyên nhất cần tập trung.

biến sung mãn, trong ngoài kín đáo không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, [738c] Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn. Hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn.

“Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi¹¹, hãy tác ý về nội không. Vị ấy sau khi tác ý nội không rồi, mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với nội không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về ngoại không. Vị ấy sau khi tác ý về ngoại không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không.

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang tác ý về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không lắng trong, không an trụ, không giải thoát¹² đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về nội ngoại không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán mà biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về sự không di động.

“Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát biết được rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lắng trong, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động, Tỳ-kheo ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục, liên tục điều phục, tu tập, liên tục tu tập, làm nhu nhuyễn rồi lại nhu nhuyễn, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly.

¹¹ Nghĩa là sau khi chứng nhập Sơ thiên. M 122 nói: từ Sơ thiên đến Tứ thiên.

¹² M 122: *na pakkhandati nappasīdati na santiṭṭhati na vimuccati*, không tiến tới, không lắng đọng, không trụ vững, không giải thoát.

“Nếu vị ấy có tâm như thể này hay thể khác bằng định như thể này hay thể khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyễn rồi lại nhu nhuyễn, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viên ly rồi, hãy bằng nội không mà thành tựu an trụ.

“Vị ấy sau khi nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với nội không. Nay A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với nội không, đó là chánh tri.¹³

“Nay A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với [739a] ngoại không. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

“Nay A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng nội ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi nội ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

“Nay A-nan, hãy bằng bất di động thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được lắng trong, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Đó gọi là chánh tri.

“Nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là

¹³ Pāli: *itiha tattha sampajāno hoti*.

chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trong trụ xứ này, nếu muốn có suy niệm¹⁴, thì Tỳ-kheo ấy đối với ba sự suy niệm về ác bất thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác bất thiện ấy. Đối với ba suy niệm thiện là: niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ấy. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo ấy đối với những luận bàn không phải là Thánh luận, không tương ưng nghĩa¹⁵, tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, vấn đề đạo tặc, vấn đề tránh sự, vấn đề âm thực, vấn đề đàn bà, vấn đề đồng nữ, vấn đề dâm nữ, vấn đề thế gian, vấn đề tà đạo, vấn đề trong biển. Vị ấy không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nếu có những vấn đề thuộc Thánh luận, tương ưng nghĩa, khiến tâm nhu hòa, [739b] không có những sự che đậy¹⁶, tức là vấn đề thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệm giảm¹⁷, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiếu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tỉnh tọa, vấn đề duyên khởi. Sau khi luận bàn những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

“Lại nữa, này A-nan, có năm công đức của dục, khả lạc, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là, sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi

¹⁴Niệm, tức tầm, suy tầm hay toan tính. Có ba bất thiện tâm: dục tâm, nhuế tâm và hại tâm. Pāli: *tayo akusala-vitkkā: kāma-vitakko, vyāpāda-vitakko, avihims-vitakko*. Xem, D.33 Saṅgītisuttanta.

¹⁵Không liên hệ đến mục đích của Thánh đạo.

¹⁶Pāli: *cetovinīvaraṇasappayā*, tâm được cởi mở, không bị che đậy.

¹⁷Tiệm tổn 漸 損, xem kinh 91 ở trước.

thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú¹⁸ mà quán¹⁹ năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm²⁰. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm dục công đức này tùy theo dục công đức nào mà có hành ấy trong tâm.

“Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết năm công đức của dục này, tùy theo công đức dục nào mà có hành ấy trong tâm. Tỳ-kheo ấy với công đức dục này hay công đức dục kia quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán đoạn xả ly. Nếu năm công đức dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết năm công đức dục này có dục và bị nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi. Đó gọi là chánh tri.

“Lại nữa, này A-nan, có năm thủ uẩn²¹, sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Tỳ-kheo như vậy mà quán sự hưng suy, quán sát rằng, đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành và thức. Đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu năm thủ uẩn này có ngã mạn²², nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết trong năm thủ uẩn, ngã mạn đã bị diệt rồi. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan! Pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, không chấp thủ²³, Ma không đến gần được, ác không thể đến gần được. Các pháp ác bất thiện ô uế làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh

¹⁸ Nguyên Hán: chí đáo 至 到, có lẽ Pāli là abhikhaṇaṃ (*thường xuyên*) ở đây hiểu là abhikkantaṃ (vượt lên).

¹⁹ M 122: *abhikkhaṇaṃ sakam cittam paccavekkhitabham*, thường tự quán tâm, thường xuyên tự quán sát tâm mình.

²⁰ Cf. M 122 (iii. 114): *atthi nu kho me imesu pañcasu kāmaguṇesu aññatarasmim vā aññatarasmim vā āyatane upajjati cetaso samudācāroti*, trong tâm tư ta có phát sinh tập quán gì trong xứ này hay xứ kia trong năm công đức của dục?

²¹ Ngũ thanh uẩn. Pl.: *pañca upādānakkahndhā*.

²² Ngã mạn, Pāli: *asmimāna*, phức cảm về “Tôi hiện hữu” hay “Tôi là”.

²³ Vô thọ.

Giác chứng đắc giác ngộ, nhân gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đến các trợ đạo phẩm²⁴.

“Cho nên, này A-nan, người phải học như vậy, ‘Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dật.’ Hãy học như vậy.

“Này A-nan, do nghĩa lợi nào mà một tín đồ đệ tử đi theo Thế Tôn mà hành phụng sự cho đến trọn đời?”

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là [739c] pháp bản, Thế Tôn là pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó. Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy.”

Đức Phật bèn nói:

“Này A-nan, hãy lắng nghe. Hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe.”

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này A-nan, không phải chỉ vì chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết mà một tín đồ đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, tụng tập đến cả ngàn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề này là Thánh luận tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bố thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề tuệ, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệt giã, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiếu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó. Do ý nghĩa này mà một tín đồ đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy²⁵ cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vị đồng phạm hạnh.

“Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư?”

“Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế, có sách lược tư duy, bằng tâm trạng sách lược

²⁴ Nhược hữu tùy đạo phẩm.

²⁵ Phiền sự, Pāli: *ācariyūpaddava*, bất hạnh, hay nguy hại cho Thầy.

mà quán sát các loại phạm nhân. Có biện tài, vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

“Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc, rồi theo các đệ tử trở về với các Bà-la-môn, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về, với các Bà-la-môn, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho Tôn sư và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư.

“Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy, sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn non, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Bà-la-môn, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử về với các Bà-la-môn, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy [740a] là làm phiền lụy cho đệ tử, và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác, bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó là phiền lụy cho đệ tử.

“Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho các đồng phạm hạnh? Ở đây Đức Như Lai xuất thế, Ngài là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn cao, vắng bật không chút động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

“Này A-nan, Đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa?”

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy, con nay sau khi nghe xong được biết rộng nghĩa ấy.”

Đức Phật bèn nói:

“Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe.”

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này A-nan, như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình. Hai là từ mẫn đối với những người đời sau.

“Hoặc giả, đời sau người người noi bóng Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có giận dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

“Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, theo các đồng phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Như Lai sau khi theo các đồng phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi, không tự cao mà trở về nhà.

“Này A-nan, nếu vị ấy chứng ngộ bất động tâm giải thoát, thì Ta không nói vị ấy [740b] có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc bốn tầng thượng tâm²⁶, sống an lạc trong đời hiện tại, vốn do trước kia sống tinh

²⁶ Tứ tầng thượng tâm, ở đây chỉ Bốn tịnh lự hay Tứ thiên.

cần, không phóng dật, thì ở đây, hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đệ tử.

“Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi theo các đồng phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các đồng phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các đồng phạm hạnh và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó gọi là phiền lụy cho các phạm hạnh.

“Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ý, khả niệm. Cho nên, này A-nan, các người hãy hành sự từ hòa đối với Ta, đừng gây sự oán hận.

“Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa?

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi từ bi tâm, nói rằng, ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc.’ Nếu đệ tử ấy mà không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ lãnh chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định, đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa.

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử phát khởi từ bi tâm mà nói rằng, ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc.’ Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định. Vị đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành

sự từ hòa, không gây sự oán hận.

“Cho nên này A-nan, các người đối với Ta hãy hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vậy ‘Nhu người thợ gốm làm ngói²⁷.’ Nhưng, này A-nan, Ta nói: ‘Nghiêm khắc, khắc khổ²⁸.’ Nghiêm cấp chí khổ. Cái gì chắc thật, [740c] cái ấy đứng vững²⁹.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.³⁰



²⁷ Người thợ gốm bao giờ cũng phải nhẹ tay đối với ngói. Nhưng một vị Tôn sư không chỉ nuông chiều đệ tử. Như “đào sư tác ngõa” 陶師作瓦. Pāli, thành cú: *yathā kumbakāro āmake āmakamatte*, như thợ gốm đối với đồ gốm chưa nung chín.

²⁸ Nghiêm cấp chí khổ 嚴急至苦, Pāli: *niggayha niggayha, pavayha pavayha*, khiển trách khiển trách, tán thán tán thán.

²⁹ Nhược chân thật giả, tất năng vãng giả 若真實者必能往也. Pāli: *yo sāro so ṭhassati*.

³⁰ Bản Hán, hết quyển 49.

PHẨM 18: ĐẠI

TỤNG NGÀY THỨ NĂM

Hậu tụng

加樓烏陀夷 牟梨破群那
跋陀阿濕貝 周那·優婆離
調御癡慧地 阿梨叱[口*茶]帝

Kệ tóm tắt:

Gia-lâu Ô-đà-di,
Mâu-lê-phá-quần-na,
Bạt-đà, A-thấp-bôi,
Châu-na, Ưu-bà-li,
Điều ngự, Si tuệ địa,
A-lê-yta, Trà-đế.

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI
193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA
194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI
195. KINH A-THẤP-BÔI
196. KINH CHÂU-NA
197. KINH ƯU-BA-LY
198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA
199. KINH SI TUỆ ĐỊA
200. KINH A-LÊ-TRA
201. KINH TRÀ-ĐẾ

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI

Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật trú trong nước Ương-già¹, cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến A-hòa-na², ở tại tịnh xá Kiền-nhã³.

Bấy giờ sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát đi vào A-hòa-na khát thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến một khu rừng để nghỉ trưa⁴.

Tôn giả Ô-đà-di, cũng sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, khoác y cầm bát vào thôn A-hòa-na khát thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi theo hầu sau Phật mà nghĩ rằng, “Nếu Thế Tôn đi nghỉ trưa ở đâu, mình cũng đến nghỉ mát ở đó.”

Rồi Thế Tôn vào trong rừng, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết già. Tôn giả Ô-đà-di cũng đi vào khu rừng ấy, cách Phật không xa, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già.

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di, riêng một mình ngồi tĩnh tọa chỗ thanh vắng mà tư duy, trong tâm nghĩ rằng, “Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta. Đức Thiện Thệ mang lại [741a] sự an ổn rất nhiều cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta các pháp khổ, làm tăng thêm pháp lợi ích an lạc cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác, pháp bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện và vi diệu cho chúng ta.”

Vào lúc xế, Tôn giả Ô-đà-di rời chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Ô-đà-di, ông không thiếu thốn gì, được an ổn khoái lạc, sức khỏe

¹ Ương-già 耆伽.. M 66: Aṅguttarāpesu.

² A-hòa-na 阿憇那. M 66: Āpana, một thị trấn ở trong Aṅguttarāpa, một bộ phận của nước Aṅga.

³ Kiền-nhã 健若. M 66: Keniya; dịch là “Chúng tụ”, *Phiên Phạn Ngữ 10* (No.2130, tr.1041b).

⁴ Trú kinh hành 晝經行. Pāli: *divāvihāra*, “an trú ban ngày” tức nghỉ ngày, hay nghỉ trưa, không phải kinh hành đi bộ.

vẫn như thường chăng?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gì, an ổn khoái lạc, và sức khỏe vẫn như thường.”

Thế Tôn lại hỏi rằng:

“Này Ô-đà-di, vì sao ông không thiếu thốn, thường được an ổn, và sức khỏe vẫn như thường?”

Tôn giả Ô-đà-di đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, con riêng một mình ngồi tĩnh tọa chỗ thanh vắng mà tư duy, trong tâm nghĩ rằng, ‘Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta. Đức Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta các pháp khổ, làm tăng thêm pháp lợi ích an lạc cho chúng ta. Đức Thế Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác, pháp bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện và vi diệu cho chúng ta.’

“Bạch Thế Tôn, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng, ‘Hãy dứt trừ việc ăn quá giữa trưa⁵.’ Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi mà không kham, không nhẫn, không muốn, không vui, mà nghĩ rằng, ‘Nếu có Bà-la-môn, Cư sĩ tín tâm đi đến chúng viên bố thí, tạo phước rộng rãi, chúng ta tự tay nhận lấy đồ ăn; nhưng Thế Tôn hôm nay dạy ta từ bỏ điều này; Đức Thiện Thệ dạy ta dứt tuyệt điều này.’ Chúng con lại nói như vậy, ‘Vị Đại Sa-môn ấy không tiêu hóa nổi đồ ăn.’ Nhưng chúng con đối với oai thần diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bắt kham, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn sau giữa trưa.

“Lại nữa, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng, ‘Các ông hãy dứt trừ việc ăn tối.’ Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi mà không kham, không nhẫn, không thích, không vui. Chúng con nghĩ rằng, ‘Trong hai bữa ăn rất tối thượng, tối diệu, tối thắng, tối mỹ mà Thế Tôn nay dạy ta chấm dứt cả.’ Chúng con lại nói rằng, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.’

“Bạch Thế Tôn, khi xưa có một cư sĩ mang rất nhiều đồ ăn thức uống ngon lành trở về nhà, bảo người nhà rằng, ‘Các người hãy lấy đồ ăn này

⁵ Quá trung thực 過中食. Pāli: *divāvīkālabhojanam*: ăn phi thời ban ngày.

đem cát một chỗ. Ta sẽ tụ tập mọi người để ăn ban đêm, không ăn buổi sáng và buổi trưa.’ Bạch Thế Tôn, các nhà bày soạn các món ăn rất ngon lành thượng diệu, chỉ ăn trong ban đêm mà ta thì buổi sáng và buổi trưa, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ việc đó, Đức Thiện Thệ dạy ta dứt trừ việc đó.’ Nhưng chúng con đối với oai thần diệu đức của Thế Tôn, kính trọng bất kham, [741b] cho nên chúng con chắm dứt việc ăn ban đêm.

“Bạch Thế Tôn, con lại nghĩ rằng, ‘Nếu có Tỳ-kheo phi thời đi vào thôn ấp khát thực, hoặc có thể gặp kẻ đạo tặc đang hành sự hay chưa hành sự, hoặc gặp cọp, gặp nai, hoặc gặp cả cọp nai, hoặc gặp beo gặp gấu, hoặc gặp cả beo gấu, hoặc sống⁶ ở những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gây đánh, hoặc té vào nương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc cỡi lên bò đang nằm, hoặc lọt xuống hầm sâu, hoặc vướng vào bụi gai, xem xét thấy nhà trống mà bước vào nhà như vậy, khi vào trong đó rồi, người con gái thấy rú rê làm việc bất tịnh hạnh xấu xa.

“Bạch Thế Tôn, xưa có một Tỳ-kheo⁷ trong đêm tối mịt, trời mưa lâm râm, chớp lóe như lửa xẹt, mà phi thời đi vào nhà người ta khát thực. Bấy giờ người đàn bà đi ngoài rửa chén bát. Khi ấy người đàn bà này trong cơn chớp lóe, trông xa thấy Tỳ-kheo tưởng là quý. Thấy rồi, bà ta kinh hãi, lông tóc dựng ngược, thất thanh la lớn, tức thì ngã xuống⁸, miệng nói rằng, ‘Ông là ma! Ông là ma!’ Tỳ-kheo mới nói với người đàn bà ấy rằng, ‘Này cô em, tôi không phải là ma đâu, tôi là Sa-môn đến khát thực.’ Bấy giờ người đàn bà ấy giận và mắng vị Tỳ-kheo rất nhức nhối, rất dữ dằn rằng, ‘Sa-môn hãy vong mạng cho lẹ đi! Bố mẹ Sa-môn hãy chết cho lẹ đi! Dòng họ Sa-môn hãy tuyệt diệt đi! Sa-môn hãy lòi ruột đi! Sa-môn trọc đầu, đen thui, tuyệt tự, không con cái! Hãy cầm dao bén mà tự mổ bụng đi! Chớ đừng đi khát thực phi thời ban đêm. Ôi chao! Tại Sa-môn mà tôi bị té!’ Bạch Thế Tôn, con nhớ lại chuyện đó rồi tâm sanh hân hoan. Bạch Thế Tôn, con nhờ sự hân hoan này mà sung mãn châu thân, chánh niệm chánh trí, phát sanh hỷ, khinh an, lạc, định. Bạch Thế Tôn, con nhờ định này, sung mãn châu thân mà

⁶ Vãng 往: đi qua. TNM: trú 住.

⁷ M 66: Udāyi tự thuật.

⁸ Đọa thân 墮娠, xảy thai; TNM: đọa thân 墮身.

được chánh niệm chánh trí. Như vậy, bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gì, thường được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ô-đà-di, ông nay không phải như người ngu si kia, khi Ta nói với người ngu si ấy rằng, ‘Các ông hãy từ bỏ điều này’, thì nó nói rằng, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng nay Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ việc ấy. Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt việc ấy!’ Và nó cũng nói như vậy, ‘Vị Đại sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn’, rồi nó không từ bỏ. Không phải chỉ với Ta mà nó không vừa ý, không nhẫn thọ; đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, nó cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. [741c] Nay Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói buộc rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

“Nay Ô-đà-di, ví như có một con ruồi bị dính dưới bãi nước mũi. Nó ở trong đó hoặc khổ hoặc chết. Nay Ô-đà-di, hoặc có người nói rằng: ‘Con ruồi kia tuy bị dính mà không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao nên có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Nói như vậy có đúng không?’”

Ô-đà-di bạch rằng:

“Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì con ruồi đã bị dính. Nó ở trong đó hoặc khổ hoặc bị chết. Thế nên, bạch Thế Tôn, con ruồi kia bị dính rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.”

“Nay Ô-đà-di, người ngu si kia được Ta bảo rằng ‘Các người hãy từ bỏ điều này,’ thì nó nói như vậy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải từ bỏ việc ấy! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ việc ấy!’ Và nó cũng nói như vậy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.’ Rồi nó không từ bỏ. Không chỉ đối với Ta nó không vừa ý, không nhẫn thọ, mà chúng đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, nó cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Nay Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát. Nay Ô-đà-di, nếu có một thiện gia nam tử được Ta bảo rằng, ‘Người hãy từ bỏ điều này,’ thì người ấy không nói như vậy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ

việc ấy! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!’ và cũng không nói như vậy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.’ Rồi người ấy từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ, và đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới, cũng không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ. Nay Ô-đà-di, thiện gia nam tử ấy không bị trói cứng, không chắc, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, ví như con voi chúa tuổi đến sáu mươi, sẽ thành một ma-ha-năng-già⁹ kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, nó bị trói chặt, nhưng nó nỗ lực chuyển mình, sự trói chặt kia liền bị đứt, và nó trở về chỗ cũ. Này Ô-đà-di, nếu có người nói như vậy, ‘Con voi chúa to lớn kia tuổi đến sáu mươi, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, nó bị trói chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát được.’ Nói như vậy có đúng không?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

“Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì con voi chúa [742a] to lớn kia tuổi đến sáu mươi, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà đủ vóc, gân cốt tráng kiện, bị trói chặt, nhưng nó nỗ lực chuyển mình, sự trói chặt kia liền bị đứt và nó trở về chỗ cũ. Bạch Thế Tôn, cho nên con voi chúa to lớn kia, tuổi đến sáu mươi, đã trở thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, gân cốt tráng kiện, sự trói buộc kia không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.”

“Cũng như vậy, này Ô-đà-di, với thiện gia nam tử kia, Ta khuyên rằng, ‘Ngươi hãy từ bỏ điều này’, người ấy không nói như vậy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ! Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!’ Và cũng không nói như vậy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn’ và người ấy liền từ bỏ. Không chỉ đối với Ta vị ấy không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận mà đối với những Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thiện gia nam tử ấy bị trói không chặt, không cứng, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, với người ngu si mà Ta khuyên dạy rằng, ‘Ngươi hãy từ bỏ điều này’, người ấy sẽ nói như vậy, ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải

⁹Ma-ha-năng-già; Pāli: *mahānāga*. M 66: *rañño nāgo*, con voi của vua.

từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ! Thiện Thệ muốn ta từ bỏ!’ và cũng nói như vậy, ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn’ rồi nó không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta nó sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận mà đối với các Tỳ-kheo giữ giới cẩn thận, nó cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Nay Ô-đà-di, người ngu si kia bị trói chặt cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

‘Này Ô-đà-di, ví như người nghèo khổ, không có của cải, cũng không có thể lực; người ấy có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tẻ không thể ở. Lại có một cái giường bị gãy sập, tẻ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch chân, trải ni-su-dàn ngồi dưới một gốc cây mát mẻ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy trong tâm nghĩ rằng ‘Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta thật là xấu xa vô đức. Vì sao? Vì ta có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tẻ không thể ở, nhưng cũng không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tẻ không thể [742b] nằm, nhưng không thể bỏ; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Ta ưa thích Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.’ Này Ô-đà-di, nếu có người nói như vậy, ‘Người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thể lực, mà bị trói buộc không cứng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt có thể giải thoát.’ Nói như vậy có đúng chăng?’

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

‘Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thể lực, có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tẻ không thể ở, nhưng cũng không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tẻ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Dù người ấy ưa thích như vị Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người nghèo khổ kia, không có tiền của cũng không có thể lực, bị trói rất cứng,

rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt cũng không thể giải thoát được.”

“Cũng vậy, này Ô-đà-di, nếu có người ngu si mà Ta khuyên rằng ‘Người hãy từ bỏ điều ấy’, người ấy lại nói rằng ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!’ Và cũng nói ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.’ Rồi người ấy không đoạn trừ. Nó không chỉ đối với Ta sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng ‘Người hãy từ bỏ điều này,’ người ấy không nói như vậy ‘Ấy là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!’ Và cũng không nói ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.’ Rồi người ấy đoạn trừ. Người không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, ví như cư sĩ, con cư sĩ, rất giàu có, sung sướng, rất nhiều tiền của, [742c] sản nghiệp súc mục không thể tính được, phong hộ thực ấp, lúa gạo, bao nhiêu những nhu dụng sinh sống đều rất đầy đủ. Nô tỳ, voi ngựa thì không kể. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa tay chân, trải ni-sư-đần ngồi dưới một gốc cây mát mẽ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Thấy vậy người ấy nghĩ rằng ‘Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta nên từ bỏ sự giàu sang sung sướng, vàng bạc châu báu, voi ngựa, nô tỳ, hâm mộ làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo!’ Này Ô-đà-di, có người lại nghĩ rằng ‘Người cư sĩ, con người cư sĩ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát.’ Nói như vậy có đúng không?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

“Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người cư sĩ hay con người cư sĩ kia có thể xa lìa, vứt bỏ sự giàu sang, phú quý, vàng bạc châu báu, lúa

gao, voi ngựa, nô tỳ để làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người cư sĩ hay con người cư sĩ kia bị trói không cứng chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát được.”

“Cũng như vậy, này Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng ‘Người hãy từ bỏ điều này,’ người ấy không nói như vậy ‘Ấy là việc nhỏ nhất, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!’ Và cũng không nói ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn.’ Rồi người ấy đoạn trừ. Người ấy không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả¹⁰. Vị ấy hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục¹¹, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy ham thích nó, không đoạn, không trụ¹², không xả bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện.¹³ Ô-đà-di, vì kết sử là bất thiện, cho nên Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy không ham thích nó, nhưng đoạn, trụ, xả bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng là trói buộc, không phải là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kết sử bất thiện, cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là [743a] giải thoát.

¹⁰ Hành xả 行捨. Pāli: *upadhipahānāya paṭipannaṃ*, hướng đến đoạn trừ hữu dư y, thực hành để xả trừ sanh y (hữu y). M 66: có bốn hạng người.

¹¹ Dục tương ưng niệm 欲相應 ; Pāli: *upadhipaṭisaṃyuttā sarasaṃkappā*, những niệm tương và tư duy liên hệ chặt với hữu dư y.

¹² Bất trụ 不住, ở đây nên hiểu là “làm cho không tồn tại”; Pāli: *anabhāvaṃ gameti*.

¹³ M 66: *indriyavemattatā hi me... viditā*, Ta nói, có sự sai biệt về căn tánh. Câu này kết luận cho cả bốn hạng người.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi, thỉnh thoảng ý lãng quên, song hành với suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm nhưng bị diệt nhanh¹⁴. Này Ô-đà-di, ví như hòn sắt hay lưỡi cày sắt trọn ngày bị đốt; nếu có người nhỏ lên đó hai hoặc ba giọt nước, nhỏ chậm, không liên tục, nước bèn tiêu tan mau chóng. Này Ô-đà-di, cũng vậy, Tỳ-kheo hành xả; vị ấy hành xả rồi thỉnh thoảng quên lãng, song hành với niệm tương ưng dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm nhưng bị diệt nhanh. Này Ô-đà-di, Ta nói như thế là trói buộc không phải là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kết sử bất thiện cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát.

“Này Ô-đà-di, cùng ở nơi gốc rễ của khổ, mà an trụ không sanh tử, ở nơi vô thượng ái tận mà tâm khéo giải thoát¹⁵. Này Ô-đà-di, Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc. Vì sao? Vì các kết sử đã chấm dứt. Này Ô-đà-di, vì các kiết sử đã chấm dứt cho nên Ta nói là giải thoát không nói là trói buộc.

“Này Ô-đà-di, có sự an lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụn nhọt, gốc rễ của gai nhọn, thuộc vật dục¹⁶, thuộc sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập. Này Ô-đà-di, có sự lạc gọi là Thánh lạc, là sự lạc vô dục, lạc viển ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không phải vật dục, không thuộc sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

“Này Ô-đà-di, thế nào gọi là sự lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụn nhọt, là gốc rễ của tên dâm, thuộc vật dục, thuộc sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập? Nếu nhân nơi ngũ dục mà sanh lạc, sanh hỷ, đó là sự lạc không phải là Thánh lạc, mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụn nhọt,

¹⁴ Trì quán tốc diệt 遲觀速滅. M 66: *dandho satuppādo. atha kho naṃ khippameva pajahati*, niệm khởi lên chậm nhưng bị đoạn tuyệt nhanh.

¹⁵ M 66: *upadhi dukkhassa mūlan ti veditvā iti nirupadhi hoti upadhisamkhaye vimutto*, sanh y (hữu dư y) là gốc rễ của khổ; sau khi biết như vậy, trở thành không sanh y, giải thoát với sự diệt tận của sanh y.

¹⁶ Hữu thực 有食.

gốc rễ của gai nhọn, có thức ăn, có sanh tử, không nên tu tập, không nên tập hành, không nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập.

“Này Ô-đà-di, thế nào là có sự lạc được gọi là Thánh lạc? Đó là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tĩnh, lạc chánh giác, không thuộc vật dục, không thuộc sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly [743b] pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Đó là sự lạc được gọi là Thánh lạc, là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không phải vật dục, không thuộc sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc Sơ thiên thành tựu an trú. Thánh nói đó là di động.¹⁷ Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Trong đó có tâm có tứ nên Thánh nói là di động.

“Trong đây những gì mà Thánh nói là di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tầm tứ tịch tịnh, nội tâm tĩnh chỉ, nhất tâm, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu và an trụ. Đó là điều mà Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Nếu đạt được hỷ này Thánh nói là di động.

“Trong đây những gì mà Thánh nói là di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo xả ly hỷ dục, an trụ xả vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là Thánh xả, niệm, an trú lạc¹⁸, chứng đắc đệ Tam thiên, thành tựu và an trụ. Đó là điều mà Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói là di động? Vì có tâm lạc¹⁹ nên Thánh nói là di động.

“Trong đây những gì mà Thánh nói là không di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trú. Đó là điều mà Thánh

¹⁷ M 66 (i. 454): *idam iñjitasmiñ vadāmi*, “Ta nói thiên này còn dao động.”

¹⁸ TNM: lạc trụ *khōng* 樂住空. Bản Cao-li: lạc trụ *thất* 室. Pāli: *sukhavihāra*, an trú với lạc.

¹⁹ Tâm lạc. Pāli: *upekhāsukham*, xả và lạc.

nói là không di động.²⁰

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên thành tựu và an trú. Này Ô-đà-di, ở đây Ta nói chưa được hoàn toàn, chưa đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ²¹. Trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tâm tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không tâm không tứ, hỷ lạc do định sanh, đạt đến Nhị thiên, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ, được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói đây cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiên, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói ở đây cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ và ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt đến cõi Tứ thiên, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua khỏi tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy đến bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, chứng không vô biên xứ, thành tựu và an trú. [743c] Đây là sự quá độ được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập thức vô biên, chứng thức vô biên xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa đạt được hoàn toàn, không đạt đến sự

²⁰ Bất di động 不移動. Pl.: *aniñjita*.

²¹ Quá độ 過度. Pāli: *samatikkama*, sự vượt qua.

đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Nay Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, chứng đắc vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó.

“Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến sự đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ. Vậy trong đó những gì là quá độ? Nay Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi tưởng, chứng phi tưởng phi tưởng xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Nay Ô-đà-di, Ta nói cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ.

“Này Ô-đà-di, có chăng một kết sử nào, hoặc ít hoặc nhiều tồn tại lâu dài mà Ta nói chưa được hoàn toàn, không đạt đến đoạn trừ, không đạt đến sự quá độ; Ta không nói đến sự đoạn trừ kết sử ấy?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng:

“Không có, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ô-đà-di! Ông không phải như người ngu si kia khi Ta khuyên rằng ‘Người hãy từ bỏ điều này’ người ấy lại nói rằng ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay bảo ta phải từ bỏ! Thiện Thệ bảo ta phải từ bỏ!’ Và cũng nói rằng ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.’ rồi người ấy không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta người ấy sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận người ấy cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Nay Ô-đà-di, thế cho nên người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không giải thoát được.

“Này Ô-đà-di, nếu có thiện gia nam tử nào mà Ta khuyên rằng: ‘Người hãy từ bỏ điều này’, người ấy không nói như vậy ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay bảo ta phải từ bỏ! Thiện bảo ta phải từ bỏ!’ Và cũng không nói như vậy ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.’ Rồi người ấy liền từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới cẩn thận vị ấy cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận.

Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện nam tử kia bị trời không cứng không chặt, không cày lúc cày gặt gao, có thể đoạn trừ, có thể [744a] giải thoát.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. □

193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na¹ thường tu tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Mâu-lê-phá-quần-na mà nói xấu² các Tỳ-kheo-ni, ông liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận hằn học cho đến cãi vã. Một số đông các Tỳ-kheo nghe như vậy liền đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, ngồi qua một bên thưa rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na, các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã.”

Đức Thế Tôn nghe rồi liền bảo một Tỳ-kheo: “Hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na mà nói rằng: Đức Thế Tôn gọi thầy.”

Một Tỳ-kheo nghe Phật dạy như vậy bèn thưa: “Kính vâng, bạch Thế Tôn”, rồi cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Vị Tỳ-kheo đó đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói rằng: “Đức Thế Tôn gọi thầy.”

Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nghe vậy liền đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Phá-quần-na, có thật người thường tụ hội cùng các Tỳ-kheo-ni? Và có vị nào trước mặt người nói xấu các Tỳ-kheo-ni, người nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo-ni nói xấu người, các Tỳ-kheo-ni ấy liền sân hận hằn học, cho đến cãi vã? Phá-quần-na, có thật vậy không?”

Phá-quần-na thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn! Điều đó có thật.”

¹ Mâu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那. Pāli: Moliyaphagguna.

² Đạo thuyết 道說. Pāli: *avaṇṇanam bhāsati*, nói điều không tốt.

Thế Tôn liền hỏi:

“Phá-quần-na, người há không phải là chí tín, lia bỏ gia đình sống không gia đình mà học đạo?”

Phá-quần-na đáp:

“Đúng như vậy, [744b] bạch Thế Tôn!”

Đức Phật hỏi:

“Phá-quần-na, như vậy, người chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, phải học như thế này, nếu có dục, có niệm nào y cứ trên thế tục³, hãy đoạn trừ. Nếu có dục, có niệm nào y trên vô dục, hãy tập, hãy tu, hãy phát triển rộng lớn. Phá-quần-na, người nên học như vậy.”

Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ông có phải chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa phải, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn lại bảo:

“Các ông chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, mà học đạo, hãy học như thế này, nếu có dục, có niệm nào y trên thế tục, hãy đoạn trừ. Nếu có dục, có niệm nào y trên vô dục, hãy tập, hãy tu, hãy phát triển rộng lớn. Các người hãy học như vậy.

“Một thời, Ta đã từng nói với các Tỳ-kheo rằng, ‘Này các Tỳ-kheo, hoặc có Tỳ-kheo được nhiều người biết đến⁴, hoặc có Tỳ-kheo ít được biết đến, tất cả các vị ấy hãy học nhất tọa thực⁵. Học nhất tọa thực rồi, vô vi, vô cầu, không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn sáng khoái.’ Các Tỳ-kheo ấy, hoặc được nhiều người biết đến, hoặc ít được người biết đến, tất cả đều học theo điều nhất tọa thực. Sau khi học theo điều nhất tọa thực, vô vi, vô cầu, không tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí

³ Nguyên Hán: dục, niệm y gia 欲念依家. M 21: *ye gehasitā chandā ye gehasitā vitakkā*, những dục gì liên hệ thế tục, những tâm gì liên hệ thế tục.

⁴ Đa sở tri thức 多所知識, chỉ người nổi tiếng.

⁵ Nhất tọa thực 一坐食: ăn một ngày một lần. Xem thêm kinh 194 dưới. Pāli: *ekāsana-bhojana*.

lực dồi dào, an ổn, sáng khoái. Những Tỳ-kheo ấy hài lòng Ta, và Ta cũng không phải khuyên giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó mà sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành⁶.

“Cũng như người điều khiển chiếc xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi, nó theo tám con đường mà đi, muốn đến nơi nào cũng được. Các Tỳ-kheo như vậy rất hài lòng Ta, và Ta cũng không phải khuyên giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành.

“Cũng như khoảng đất tốt có rừng cây sa-la. Người dọn rừng kia thông minh sáng suốt, không biếng nhác, tùy lúc mà dọn sửa gốc rễ cây sa-la, thường cào bừa những rác rưởi và luôn luôn tưới nước, san bằng chỗ cao, lấp bằng chỗ thấp, hai bên nếu có đại mộc đầy thì nhổ bỏ đi, nếu cây nào cong queo, xấu xí, không ngay thẳng, thì nhổ gốc bỏ ra ngoài, nếu có nhánh nào đâm ngang và cong, thì chặt xuống hoặc uốn lại, nếu gần biên vừa mới mọc thêm cây nào đều đặn ngay thẳng, thì tùy lúc mà sửa soạn, thường cào bừa đi những rác rưởi và thường tưới nước. Như vậy, trên khu đất tốt kia rừng cây sa-la càng ngày càng sầm uất. Cũng vậy các Tỳ-kheo làm hài lòng Ta và Ta cũng khỏi phải khuyên giáo, khiển trách nhiều.

“Ta không nói các Tỳ-kheo là thiện ngữ, cung thuận, do nguyên nhân [744c] các nhu dụng sinh sống, y bát, ẩm thực, giường chõng. Vì sao vậy? Tỳ-kheo ấy nếu không nhận được các thứ ấy thì trả lại bằng sự không thiện ngữ cung thuận, mà lại bầm thụ đức tánh không thiện ngữ cung thuận.

“Nếu có Tỳ-kheo vì viễn ly, y trên viễn ly, sống nơi viễn ly, mà thiện ngữ cung thuận, bầm thụ đức tánh không thiện ngữ cung thuận, Ta nói vị ấy thật sự là thiện ngữ cung thuận. Vì sao vậy? Ở đây, một Tỳ-kheo khéo thủ hộ, khéo an trú⁷ chỉ vì người khác không nói cộc cằn. Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì không phẫn nộ, cũng không thù nghịch, cũng không ưu sầu, oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo kia

⁶ Nguyên Hán: *sanh niệm hướng pháp thứ pháp*. M 21: *satuppādakaraṇīyam... bhikkhusu*, cần khơi dậy chánh niệm nơi các Tỳ-kheo.

⁷ Thiện thế hành 善逝行, TNM: thiện du hành 善遊行.

sau khi thấy vậy bèn nghĩ rằng ‘Hiền giả thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chủ, khéo định, khéo trầm tĩnh.’ Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì liền hằn học, thù nghịch, ưu phiền, ôm hận, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy bèn nói ‘Hiền giả này ngoan cố, nóng nảy, thô lỗ, không định, không tự chủ, không trầm tĩnh.’ Vì sao vậy?

“Này các Tỳ-kheo, có một nữ gia chủ tên là Tì-đà-đề⁸, rất giàu sang sung sướng, có nhiều tiền tài, sản nghiệp súc mục không thể kể xiết, phong hộ thực ấp, lúa gạo đầy đủ, và biết bao nhu dụng sinh sống khác. Bấy giờ nữ gia chủ Tì-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vậy: ‘Nữ gia chủ Tì-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tĩnh.’

“Bấy giờ nữ gia chủ ấy có một nữ tỳ tên là Hắc⁹ hầu hạ. Nữ tỳ ăn nói dịu dàng, ít nhiều hành thiện. Hắc nữ tỳ ấy bèn nghĩ rằng ‘Chủ nhân ta, nữ gia chủ Tì-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vậy: Nữ gia chủ Tì-đà-đề là người nhu thuận, nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tĩnh. Nay ta hãy thử xem chủ nhân nữ gia chủ Tì-đà-đề thật sự có sân hay không sân.’

“Rồi Hắc nô tỳ nằm ngủ [745a] không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy, ‘Hắc tỳ, sao ngươi không dậy sớm?’ Hắc tỳ nghe vậy bèn nghĩ rằng ‘Chủ nhân ta, nữ gia chủ Tì-đà-đề, thật sự có sân chứ không phải không sân, nhưng vì ta giỏi lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, khiến cho chủ ta nữ gia chủ Tì-đà-đề được vang danh với tiếng tốt như vậy: ‘Nữ gia chủ Tì-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tĩnh.’ Nay ta hãy thử thách hơn nữa xem chủ ta, nữ gia chủ Tì-đà-đề thật sự có sân hay không sân.’

“Rồi Hắc nữ tỳ ngủ không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy, ‘Hắc tỳ, sao ngươi dậy quá trễ vậy?’

“Hắc nữ tỳ nghe vậy bèn suy nghĩ, ‘Chủ ta, nữ gia chủ Tì-đà-đề thật sự có sân chứ không phải không sân. Nhưng vì ta khéo lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, nên chủ ta nữ gia chủ Tì-đà-đề mới có được vang danh với tiếng tốt như vậy: ‘Nữ gia chủ Tì-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu

⁸ Cư sĩ phụ Tì-đà-đề 居士婦鞞陀提. Pāli: Vedehikā gahapatānī.

⁹ Tỳ danh Hắc 婢名黑. Pāli: Kālī dāsī.

thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tĩnh.’ Nay ta lại thử thách thật lớn, xem chủ ta, nữ gia chủ Tì-đà-đề thật sự có sân hay không sân.

“Rồi Hắc nữ tỳ ngủ đến xế trưa mới dậy. Phu nhân gọi: ‘Hắc tỳ, sao ngươi ngủ đến xế trưa mới dậy? Ngươi đã không chịu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Con Hắc tỳ này không nghe ta dạy. Con Hắc tỳ này khinh mạn ta.’ Bèn thịnh nộ, hằn học, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy đánh vào đầu nữ tỳ. Nó vỡ đầu chảy máu. Với cái đầu máu chảy, Hắc nữ tỳ chạy qua nói với hàng xóm, lớn tiếng phân bua, nói xấu đủ điều rằng: ‘Này các ngài, hãy xem việc làm của người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo trầm tĩnh là như vậy chăng? Người ấy mắng chửi tôi: ‘Con Hắc tỳ này không nghe lời ta dạy, con Hắc tỳ này khinh mạn ta.’ Rồi thịnh nộ, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đi đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy, đánh vào đầu tôi, vỡ đầu chảy máu.’ Bấy giờ, nữ gia chủ Tì-đà-đề được đồn xa với tiếng xấu như vậy: ‘Nữ gia chủ Tì-đà-đề hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không tự chế, không định tĩnh, không trầm tĩnh.’

“Cũng vậy, ở đây, một người khéo thủ hộ, khéo đi, khéo đến, là do người khác không nói lời cộc cằn. Khi người khác không nói lời cộc cằn, vị ấy không phẫn nộ, không hằn học, không ưu phiền oán hận, không giận dữ thù nghịch, không lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ: ‘Hiền giả này là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, khéo tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tĩnh.’ Nếu khi có người khác nói lời cộc cằn bèn phẫn nộ, hằn học, ưu phiền oán hận, giận dữ, thù nghịch, lộ vẻ hung dữ, các Tỳ-kheo khác thấy vậy bèn nghĩ rằng: ‘Hiền giả này hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tĩnh.’

“Lại nữa, có năm con đường của ngôn ngữ¹⁰, hoặc nói đúng thời hay không đúng thời, [745b] hoặc nói chân thật hay không chân thật, hoặc nói dịu dàng hay cứng ngắt, hoặc nói từ hòa hay sân nhuế, hoặc nói có có nghĩa hay không có nghĩa.¹¹

¹⁰ Ngũ ngôn đạo 五言道. Xem *Tập dị* 13 (No.1536, tr.421c3): ngũ ngữ lộ 五語路. M 21 (i. 255): *pañca vacanapathā*.

¹¹ Pl.: *atthasamhita*, *anattasamhita*, liên hệ mục đích, không liên hệ mục đích.

Với năm con đường ngôn ngữ này, các người nếu khi người khác nói mà với tâm bị biến đổi, có thể miệng phát ra lời nói cộc cằn, Ta nói các người do đó mà bị suy thoái.

“Các người hãy học, với năm con đường ngôn ngữ này, khi người khác nói mà tâm không bị biến đổi, miệng không phát ra lời nói cộc cằn, hãy hướng đến kẻ thù nghịch, hãy duyên nơi kẻ thù nghịch mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ứng với từ biến mẫn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ứng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ứng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy.

“Cũng như một người cầm cái cuốc rất lớn đến và nói rằng: ‘Tôi có thể làm cho cả mặt đất nay trở thành không phải đất.’ Người ấy bèn đào chỗ này, chỗ kia, rồi nhổ nước miếng, nước tiểu để làm dơ bẩn. Khi người nói lời thô ác nói như vậy: ‘Mong cả mặt đất này không phải là đất.’ Ý người nghĩ sao? Người ấy do phương tiện ấy có thể làm cho mặt đất trở thành không phải mặt đất được chăng?”

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

“Không thể được bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì cõi đất này rất sâu rất rộng, không thể lường được. Cho nên người kia với phương tiện ấy không thể nào làm cho cõi đất này trở thành không phải đất. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.”

“Cũng vậy, với năm con đường ngôn ngữ này mà khi người khác nói, đúng thời hay không đúng thời, chân thật hay không chân thật, dịu dàng hay cứng ngắt, từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không có nghĩa. Các người đối với năm con đường ngôn ngữ này, khi người khác nói mà tâm biến đổi, hay miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các người do đó mà tất phải suy thoái. Các người hãy học, với năm con đường của ngôn ngữ này. Khi người khác nói mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác, hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy mà khởi tâm từ mẫn, như mặt đất tâm hành không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian,

thành tựu an trú. Các người hãy học như vậy.

“Cũng như một người cầm cây đuốc bằng gỗ rất lớn mà nói như vậy: ‘Tôi với cây đuốc bằng gỗ này đun nóng sông Hằng cho sôi sục lên.’ Các người nghĩ sao? Người ấy bằng phương tiện ấy có thể làm cho sông Hằng nóng và sôi lên chăng?”

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn! [745c] Vì sao vậy? Vì sông Hằng kia rất sâu, rất rộng không thể đo lường được. Cho nên người ấy với phương tiện ấy không thể làm cho sông Hằng nóng và sôi sục lên được. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.”

“Cũng vậy, với năm con đường ngôn ngữ này, nếu người khác nói đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng ngắt, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không nghĩa; các người đối với năm con đường ngôn ngữ này mà khi người khác nói, hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời nói thô ác. Ta nói các người do đó tất bị suy thoái. Các người hãy học năm con đường ngôn ngữ này, nếu khi người khác nói mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người ấy, duyên nơi người ấy, khởi tâm từ mẫn, tâm hành như sông Hằng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú. Các người hãy học như vậy.

“Cũng như thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ, tay cầm đủ các loại màu và nói như thế này: ‘Ở nơi hư không này, tôi vẽ lên các hình tượng.’ Rồi y tô lên các loại màu. Các người nghĩ sao? Thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ấy, bằng phương tiện ấy, có thể vẽ lên hư không các hình tượng, rồi tô lên các loại màu này chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không thể, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Hư không này không phải là vật sắc, không thể thấy, không có đối ngại. Do đó, thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ, bằng phương tiện ấy không thể vẽ lên hư không các hình tượng rồi tô lên các loại màu. Thợ vẽ và đệ tử của thợ vẽ chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.”

“Cũng vậy, bằng năm con đường ngôn ngữ này mà người khác nói, hoặc đúng thời hay không đúng thời, hoặc chân thật hay không chân thật, hoặc

địu dàng hay thô lỗ, hoặc từ hòa hay sân nhuế, hoặc có nghĩa hay không có nghĩa, các người đối với năm con đường ngôn ngữ này mà khi người khác nói, tâm không biến đổi. Miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người khác nói, duyên nơi người khác nói, mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành hư không, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy.

“Cũng như một cái túi bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp, và có một người hoặc nắm hoặc đấm, hoặc lấy đá chọi, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy dao chém, hoặc đập xuống đất. [746a] Các người nghĩ sao? Cái túi da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, làm hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp, bấy giờ lại phát ra tiếng kêu xì xộp nữa chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì cái túi ấy bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm nhũn, làm hết tiếng xì xộp, không còn tiếng xì xộp nữa, cho nên nó không còn phát ra tiếng xì xộp nữa.”

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có người khác, nắm tay đấm các người, hoặc vác đá chọi, hoặc xách gậy đánh, hoặc lấy dao chém các người, nếu khi bị người khác nắm tay đấm, vác đá chọi, dùng gậy đánh, lấy dao chém, mà tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác, Ta nói các người nhân đó tất bị suy thoái. Các người hãy học như vậy. Nếu bị người khác nắm tay đấm, vác đá chọi dùng gậy đánh, lấy dao chém, tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người đánh đập, duyên nơi người đánh đập mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như cái túi da mèo, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy.

“Nếu có giặc cướp đến, bằng lưỡi cưa bén, cắt xẻ tay chân chi tiết. Này các người, nếu có giặc cướp đến, dùng lưỡi cưa bén mà xẻ tay chân chi tiết các người mà các người hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác, Ta nói các người nhân đó tất bị suy thoái. Các người hãy học như vậy: nếu có giặc cướp đến, dùng lưỡi cưa bén cưa xẻ tay chân các người chi tiết, mà tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến

người cắt xả ấy, duyên nơi người cắt xả ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mẫn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy trên dưới, bao trùm tất cả tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy.”

Rồi bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo luôn luôn suy niệm thí về lười cura bén¹² cho giáo huấn của Sa-môn. Các người sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn của Sa-môn rồi, các người há còn thấy rằng: Người kia nói lời thô ác không khả ái đối với ta, sau khi ta nghe không thể chịu đựng nổi chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không có, bạch Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn lại tán thán các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các người hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn. Sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn, các người nếu sống ở phương Đông, chắc chắn [746b] được an lạc, không có các khổ nạn. Nếu sống ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc, cũng chắc chắn được an lạc, không có các khổ hoạn.

“Lành thay! Lành thay! Các người luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn. Các người sau khi suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn, đối với các thiện pháp các người đã an trụ, Ta còn không nói, huống nữa là nói đến sự suy thoái. Chỉ còn sự tăng trưởng thiện pháp ngày đêm, chứ không còn sự suy thoái nữa.

“Lành thay! Lành thay! Các người hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn; các người sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lười cura bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, trong hai quả chắc chắn được một. Hoặc ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc Cứu cánh trí, hoặc

¹² Hán: lợi cứ đao dụ. Pl.: *kakacūpama*, 𧀘 dụ lười cura.

chúng A-na-hàm nếu còn hữu dư y.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹³



¹³ Bản Hán, hết quyển 50.

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc, cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư trong mùa mưa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này các Tỳ-kheo, Ta chỉ ăn trong một lần ngồi¹. Do chỉ ăn trong một ăn trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực kang cường, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên chỉ ăn trong một lần ngồi; do chỉ ăn trong một lần ngồi, các người sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực kang cường an ổn khoái lạc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi² cũng ở trong đại chúng, rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con chỉ ăn trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, [746c] khi Ta nhận lời mời, người cũng đi theo Ta và nếu Ta chấp nhận cho người mang đồ ăn được mời ấy đi nhưng chỉ ăn trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành³.”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi lại bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, dù vậy con cũng không thể kham nổi sự việc chỉ ăn

¹ Nhất tọa thực 一坐食. Một ngày chỉ ăn một lần giữa ngọ, và trong một lần ấy cũng chỉ ngồi một lần, nếu có duyên sự gì phải đứng dậy nửa chừng thì không ngồi ăn trở lại. Đây là một trong sáu phép tịnh thực và cũng là một trong mười hai hạnh đầu đà. Xem thêm *Tứ phần 14* (No.1428, tr.660b8). Xem kinh 193.

Pāli: *ekāsanabhojana*.

² Bạt-đà-hòa-lợi 跋陀和利. Pāli: Bhaddālī.

³ Pāli nói: ăn một phần tại chỗ và một phần mang đi. *Tứ phần* ibid., trường hợp Tỳ-kheo bệnh, có thể ăn nhiều lần.

trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con chỉ ăn trong một lần ngồi, chẳng khác nào làm một việc chưa xong, cảm thấy ảo não trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc chỉ ăn trong một lần ngồi.”

Đức Thế Tôn đến ba lần nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta chỉ ăn trong một lần ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực kang cường, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên học chỉ ăn trong một lần ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, các người sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực kang cường, an ổn khoái lạc.”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng đến ba lần rời chỗ ngồi đứng dậy trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì không khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi việc ăn chỉ trong một lần ngồi.”

Đức Thế Tôn cũng đến ba lần nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời, người cũng đi theo; và nếu ta chấp thuận cho người mang đồ ăn được mời ấy đi, nhưng ăn chỉ trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành.”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng đến lần thứ ba bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, mặc dù như vậy, nhưng con cũng không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo⁴. Chúng Tỳ-kheo thấy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong

⁴Trong Luật tạng không thấy nói đến học giới Nhất tọa thực nhưng nói là Sát sát thực (Pāli: *parampara-bhojana*).

cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ trừ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi tuyên bố là không thể kham nổi, rời chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc⁵ và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi suốt trong một mùa mưa ấy lánh mình không gặp Đức Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới Thế Tôn.

Vào một lúc, chư Tỳ-kheo làm y cho Đức Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ và khâu vá lại y áo xong, Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi được nghe rằng chư Tỳ-kheo đang làm y cho Đức Phật để [747a] sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ và khâu vá lại các y áo xong, Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Sau khi nghe như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo. Chư Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đang đi đến, bèn nói như vậy:

“Hiền giả Bạt-đà-hòa-lợi, nên biết ở đây chúng tôi đang làm y cho Thế Tôn, để sau ba tháng an cư vào mùa mưa tại nước Xá-vệ, và khâu vá y xong Đức Thế Tôn sẽ thu vén y, ôm bát mà du hành trong nhân gian. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, hãy tự khéo gìn giữ trong trường hợp này, đừng để về sau xảy ra nhiều sự phiền nhọc.”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe những lời ấy xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thật sự con đã sai lầm! Thật sự con đã sai lầm! Con như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao? Vì Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Duy chỉ con tuyên bố là không kham nổi, rời chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc ấy người không biết rằng, ‘Một số đông các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị ấy

⁵ Bất học cụ giới, xem [cht.16](#) dưới.

biết ta⁶, thấy ta, rằng: Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.’ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ người không biết có sự kiện như vậy chăng?

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ người không biết rằng, ‘Một số đông Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di tại nước Xá-vệ, những người này biết ta, gặp ta, rằng: Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.’ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ người không biết có sự kiện như vậy chăng?”

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, người lúc ấy không biết rằng, ‘Một số đông các Sa-môn Bà-la-môn Di học đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị này biết ta, thấy ta, rằng: Có một Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, một bậc danh đức, nhưng không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.’ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ người không biết có sự kiện như vậy chăng?”

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu có Tỳ-kheo chứng câu giải thoát⁷ mà ta nói với vị ấy rằng, ‘Người hãy xuống vũng bùn!’⁸ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, ý người nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy Tỳ-kheo ấy há thể đứng im hay tránh đi chỗ khác chăng?”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi [747b] đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, giả sử không phải là Tỳ-kheo câu giải thoát nhưng là Tỳ-kheo tuệ giải thoát⁹; hoặc giả sử không phải là Tỳ-kheo tuệ giải thoát, nhưng Tỳ-kheo thân chứng¹⁰; hoặc giả sử không phải Tỳ-kheo thân

⁶ Ta: đây chỉ Bạt-đà-hòa-lợi. Văn giả thiết, trực tiếp dẫn lời của Bạt-đà-hòa-lợi.

⁷ Câu giải thoát 俱解脫, hay Câu phần giải thoát. Pāli: *ubhatobhāgavimutta*. Xem kinh 195 sau.

⁸ Pāli nói: *ehi me tvam bhikkhu pañke sānkamo hoti*, “Tỳ-kheo, lại đây, làm cầu trên bùn cho Ta”.

⁹ Tuệ giải thoát 慧解脫. Pāli: *paññāvimutta*, xem kinh 195 ở sau.

¹⁰ Thân chứng 身證. Pāli: *kāyasakkhin*, xem kinh 195 ở sau.

chúng, nhưng là kiến đáo¹¹; hoặc giả sử không phải là kiến đáo nhưng là tín giải thoát¹²; hoặc giả sử không phải là tín giải thoát nhưng là tùy pháp hành¹³; hoặc giả sử không phải là tùy pháp hành, nhưng là tùy ý hành¹⁴, mà ta nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng, ‘Ngươi hãy xuống vũng bùn!’ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo ấy há có thể đứng im hay tránh đi nơi khác chăng?’

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý ngươi nghĩ sao? Lúc bấy giờ ngươi đã chứng đắc tùy tín hành, tùy pháp hành, kiến đáo, thân chứng, tuệ giải thoát hay câu giải thoát chăng?”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ ngươi không phải như ngôi nhà trống chẳng?”

Lúc ấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bị Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi khiển trách Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi ngay mặt rồi, lại muốn làm cho Tôn giả được hoan hỷ bèn nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, ngươi lúc bấy giờ đối với Ta mà không có pháp tĩnh dẫn đến tín, không có pháp tĩnh dẫn đến thân ái, không có pháp tĩnh dẫn đến tịch tịnh¹⁵. Vì sao vậy? Trong lúc ta thiết lập giới nhất tọa thực

¹¹ Kiến đáo 見到. Pāli: *diṭṭhipatta*, xem kinh 195 ở sau.

¹² Tín giải thoát 信解脫. Pāli: *saddhāvimutta*, xem kinh 195 ở sau.

¹³ Pháp hành 法行, hay tùy pháp hành. Pāli: *dhammānusārin*.

¹⁴ Tín hành 信行, hay tùy tín hành. Pāli: *saddhāssussārin*.

¹⁵ Vô tín pháp tĩnh 無信法靜 (hoặc 靖) vô ái pháp tĩnh 無愛法靖, vô tĩnh pháp tĩnh 無靖(hoặc 諍) 法靖. Chưa rõ ý nghĩa. Cf. kinh 213; M 79 (ii.120): *dammanvayo*: pháp tù hành, pháp tương tợ; suy luận loại tợ từ pháp được nhận thức bằng hiện lượng trí (Số giải: *paccakkhaññāsañkhātassa dhammassa anunayo*

cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thấy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Duy chỉ riêng người tuyên bố là không kham nổi, và rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng:

“Quả thật như vậy. Vì sao vậy? Vì trong lúc Thế Tôn thiết lập học giới cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thấy đều vâng giữ, duy chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rời rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Con đã thấy lỗi lầm rồi sẽ tự mình ăn năn hối cải, và từ nay trở đi sẽ giữ gìn không tái phạm nữa.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy, người thật sự như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy? Vì trong lúc ta thiết lập học giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thấy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ riêng người tuyên bố [747c] là không kham nổi, rời rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì người không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu người có lỗi lầm, đã thấy và tự hối từ nay về sau gìn giữ, không thể để tái phạm. Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy ở trong Thánh pháp luật có ích lợi chớ không tổn hại. Nếu người có lầm lỗi, đã thấy và tự hối, từ nay về sau gìn giữ không để tái phạm nữa, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, ý người nghĩ sao, nếu có Tỳ-kheo không học theo giới cụ túc¹⁶, vị ấy sống trong rừng vắng, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Vị ấy sau khi sống tại một nơi xa vắng, tu hành tinh cần để chứng đắc tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trụ¹⁷. Nhưng vị ấy sống

anumānaṃ).

¹⁶ Bất học cụ giới 不學具戒. Pāli *satthusāsane sikkhāya aparipūrakārī*, sự học tập không đầy đủ trong giáo pháp của Tôn sư.

¹⁷ Nguyên Hán: *hiện pháp lạc cư*.

tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần như vậy mà chê bai học giới của Thế Tôn¹⁸, xuyên tạc chê bai chư Thiên và các phạm hạnh có trí và cũng xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi xuyên tạc học giới của Thế Tôn, xuyên tạc chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc học giới của chính mình rồi, bèn không sanh tâm hoan hỷ; do không sanh tâm hoan hỷ nên không sanh hỷ; do không sanh hỷ nên thân không khinh an; do thân không khinh an, nên không cảm thọ lạc; do không cảm thọ lạc, nên tâm bất định. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử khi tâm bất định, thì không thể thấy như thật, biết như thật.

“Nay Bạt-đà-hòa-lợi, ý người nghĩ sao, nếu có Tỳ-kheo học giới cụ túc, sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, để chứng đắc tầng thượng tâm, hiện pháp lạc trú. Vị ấy sau khi sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn khoái lạc rồi, không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, cũng không xuyên tạc chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình rồi bèn sanh hoan duyệt, do sanh hoan duyệt nên sanh hỷ, do sanh hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên tâm định. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử tâm định rồi bèn thấy như thật, biết như thật. Sau khi thấy như thật, biết như thật, bèn ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên, thành tựu an trụ. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, đó là [748a] vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tầng thượng tâm thứ nhất, ngay trong đời hiện tại sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn khoái lạc và thăng tiến đến Niết-bàn.

“Rồi vị ấy tầm và tứ đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiên, thành tựu an trụ. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy bấy giờ chứng đắc tầng thượng tâm thứ hai, ngay

¹⁸ Cf. M 65 (i. 440): *tassa tathāvūpakaṭṭhassa viharato satthāpi upavadatai... devatāpi upavadanti*, vị ấy trong khi sống viễn ly như vậy, nhưng bị Đạo sư chỉ trích,..., chư Thiên cũng chỉ trích.

trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn.

“Rồi vị ấy ly hỷ, xả dục, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là Thánh xả, niệm, an trụ lạc, chứng đắc đệ Tam thiên thành tựu an trụ. Đây Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tầng thượng tâm thứ ba, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn.

“Rồi vị ấy lạc diệt khổ diệt, ưu và hỷ vốn cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Đây Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tầng thượng tâm thứ tư ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chớ không khó an trú trong vô úy, an ổn khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn.

“Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyễn, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm nghìn đời sống đã trải qua, một đời, hai đời trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành kiếp hoại kiếp; chúng sanh ấy có tên như vậy, mà vị ấy xưa kia đã từng trải, biết rằng ‘Ta đã từng sanh làm người ấy, với tên như vậy, họ như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vậy, chết ở đây sanh ở chỗ kia, chết ở chỗ kia sanh ở đây. Ta sanh tại chỗ này với tên như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, tử như vậy, sanh như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vậy.’ Đây Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị kia lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ nhất này, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, cho đến vô trí diệt, và trí tuệ phát sanh, bóng tối biến mất mà ánh sáng xuất sanh, vô minh diệt mà minh phát sanh, tức là chứng ngộ minh đạt ức túc mạng trí.

“Vị ấy với sự chứng đắc định tâm như vậy, không nhuế, không phiền an trụ vững vàng. Đạt đến bất động tâm, học và chứng sanh tử trí thông. [748b] Vị ấy với thiên nhãn thanh tịnh, vượt hẳn trên người thường, thấy chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, diệu hay chẳng diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ. Tùy theo tác nghiệp của chúng sanh này mà thấy như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hành, khẩu và ý

ác hành, phi báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu tà kiến; do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung tất sanh đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diêu hành, khẩu và ý diêu hành, không phi báng chánh nhân, chánh kiến, thành tựu chánh kiến; do nhân duyên khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ hai, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng ngộ minh đạt sanh tử trí.

“Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, an trụ vững vàng, đạt được bất động tâm, học và chứng ngộ lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng ‘Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo’; biết như thật rằng ‘Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo.’ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát thì biết mình đã giải thoát. Biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Nay Bạt-đà-hòa-lợi, đó là vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ ba, do trước không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh tấn, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh chứng chứng ngộ minh đạt lậu tận trí.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, khi các Tỳ-kheo cùng phạm giới, nhưng có trường hợp khổ trị, có trường hợp không khổ trị.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nay Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo thường xuyên phạm giới; do bởi thường xuyên hay phạm giới nên các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói lảng sang vấn đề khác, những việc ngoài vấn đề; sân hận, thù nghịch, phần nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, [748c] nói như vậy,

‘Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà vui lòng?’ Với ý nghĩ như vậy. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, ‘Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới. Và do thường hay phạm giới, nên bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị này sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, sân hận, thù nghịch, phần nộ, bất mãn, xúc nhiều chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, nói như vậy: Tôi phải làm gì để chúng Tăng được hoan hỷ mà hài lòng?’ Sau khi quan sát vậy, các Tỳ kheo bèn nói rằng: “Này chư Tôn, hãy xem xét, và kéo dài một thời gian¹⁹.

“Hoặc giả có Tỳ-kheo thường hay phạm giới; do thường hay phạm giới cho nên bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói lảng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, không sân hận, thù nghịch chúng Tăng, phần nộ, bất mãn, xúc nhiều và khinh, mạn, không nói như vậy, ‘Tôi phải làm gì để Tăng chúng hoan hỷ mà hài lòng.’ Không có ý nghĩ như vậy. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, ‘Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới, do bởi thường hay phạm giới nên các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, vị ấy không nói lảng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề không sân hận, thù nghịch, phần nộ, bất mãn, không xúc nhiều chúng Tăng, không khinh mạn chúng Tăng, không nói như vậy, Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà hài lòng.’ Sau khi quánát như vậy, các Tỳ kheo bèn nói rằng, ‘Này chư Tôn, hãy xem xét mà khiến cho diệt sớm.’ Trường hợp phạm các cấm giới nhẹ cũng vậy.

¹⁹Đương quán linh cửu trụ 當觀令久住. Khi Tỳ kheo bị Tăng xử trị bằng các yết-ma trị phạt, cho đến khi nào Tỳ kheo ấy thuận tùng mới giải trị phạt. M 65: (...) *upaparikkhatha yathāssidaṃ adhikaraṇaṃ na khippameva vūpasameyyā ti*, hãy tham cứu, chớ chấm dứt nhanh chóng tránh sự này.

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc giả có Tỳ-kheo có tín, có ái, có tĩnh²⁰. ‘Nay Tỳ-kheo này còn có tín, có ái, có tĩnh. Nếu chúng ta khổ trị Tỳ-kheo này, thì Hiền giả này vốn có tín, ái và tĩnh, do đây mà dứt mất vậy. Chúng ta hãy cùng nhau cẩn thận gìn giữ cho Hiền giả này. Rồi các Tỳ-kheo bèn cùng nhau gìn giữ hộ. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như một người kia chỉ có một con mắt, các bà con quyến thuộc vì thương tưởng, yêu mến, mong cầu cho được sự thiện lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc, nên cùng nhau cẩn thận gìn giữ hộ, không để cho người này bị lạnh nóng, đói, khát, đau yếu, ưu sầu, [749a] vừa đau yếu vừa ưu sầu, không để cho phải bụi, không để cho khói, không để cho phải bụi và khói. Vì sao vậy? Vì sợ ấy mất luôn một con mắt nữa. Cho nên thân thuộc cẩn thận gìn giữ hộ. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, với Tỳ-kheo chỉ còn một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng, ‘Nay Tỳ-kheo chỉ có một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh nếu chúng ta khổ trị Tỳ-kheo này thì Tỳ-kheo này sẽ do đây mà dứt mất một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau gìn giữ hộ, cũng như thân thuộc gìn giữ người một mắt vậy.’”

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo sang bên, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, ngày xưa ít có thiết lập học giới nhưng được nhiều Tỳ-kheo vâng lĩnh phụng trì? Và do nhân gì, duyên gì, bạch Thế Tôn, ngày nay thiết lập nhiều học giới, nhưng ít có Tỳ-kheo vâng lĩnh phụng trì?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không được thịnh lợi, trong chúng không có pháp hi hảo²¹; nhưng khi chúng Tỳ-kheo được thịnh lợi, trong chúng phát sanh pháp hi hảo. Khi pháp hi hảo đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hi hảo đó, bèn thiết lập học giới cho đệ tử.

²⁰ Hữu tín hữu ái hữu tĩnh 有信有愛有靖 (hay 諍?) M 65 ibid.: (...) *saddāṃmattakena vāhati pemamattakena*, (Tỳ-kheo ấy) từng sự (Tăng) với một ít lòng tin, một ít yêu mến. Đoạn này có thể hiểu: “Tỳ-kheo tuy phạm tội, nhưng còn một ít lòng tin, một ít thương yêu, và với một ít tịch tĩnh.”

²¹ Hỷ hảo pháp 喜好法, “chuyện tốt”. Pāli: *āsavaṭṭhāniyā dhammā*, pháp được xác lập trên hữu lậu.

“Cũng vậy, khi chúng Tỳ-kheo được tán thán, được lớn mạnh, có những bậc Thượng tôn được hàng vương giả biết đến và có phước đức lớn, học vấn nhiều²².

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không có những người đa văn, trong chúng không phát sanh pháp hỉ hảo. Nhưng khi chúng Tỳ-kheo có những người đa văn, trong chúng phát sanh pháp hỉ hảo. Vì pháp hỉ hảo đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hỉ hảo ấy, cho nên thiết lập học giới cho các đệ tử.

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, không phải vì để đoạn trừ hữu lậu trong hiện tại mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Nhưng vì để đoạn trừ hữu lậu trong đời sau mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Bạt-đà-hòa-lợi, vì vậy, vì để đoạn trừ hữu lậu nên Ta thiết lập học giới đệ tử, khi đến vâng lãnh lời dạy của Ta.

“Bạt-đà-hòa-lợi, trước kia Ta đã từng nói pháp thí dụ về ngựa thuần giống²³ cho các Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân gì, duyên gì người có nhớ không?”

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, trong ấy có nguyên nhân. Vì sao vậy? Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo thấy đều vâng lãnh học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì không theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó gọi là trong ấy có [749b] nguyên nhân.”

Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, rằng:

“Trong đó không phải chỉ có nguyên nhân như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nói thí dụ về loài ngựa thanh tịnh cho các Tỳ-kheo, thì người hẳn là không nhất tâm, không khéo cung kính, không tư niệm mà nghe. Này

²²Năm trường hợp pháp hữu lậu phát sanh trong Tăng chúng: có thịnh lợi, tăng lớn mạnh, có danh dự, có bậc kỳ túc được kính trọng, và có học vấn cao. Cf. M 65: *saṅgho mahattaṃ patto... lābhaggaṃ patto... yasaggaṃ... bāhusaccau... rattaññutaṃ...*

²³Thanh tịnh mã dư pháp 清淨馬喻法. Pāli: *ājāniyassusūpamaṃ dhamma-pariyāyaṃ*, pháp môn thí dụ lương mã (tuần mã).

Bạt-đà-hòa-lợi, đó gọi là trong ấy lại còn có nguyên nhân khác nữa vậy.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền rời chỗ ngồi đứng dậy trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói thí dụ về con ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ khéo léo ghi nhớ.”

Thế Tôn nói rằng:

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như người biết cách huấn luyện ngựa, được một con ngựa tốt thuần giống. Người giỏi huấn luyện ấy trước hết trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động, muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì chưa từng được trị. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần giống tuân theo cách trị của người huấn luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dằm mõm, cùm chân; cùm chân, dằm mõm, nhưng khiến nó sãi, đi, cần phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gợn hơn; trị các chi thể khác, thầy đều huấn luyện cho thành tựu. Tất nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì bị sửa trị nhiều lần. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huấn luyện, được sửa trị nhiều lần cho đến thành tựu. Lúc bấy giờ nó là con ngựa thuần thực, khéo thuần thực, được đệ nhất vô thượng thuần thực, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi xung vào cho vua cỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua.

“Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, nếu bấy giờ có một người hiền minh, có trí, thành tựu mười pháp vô học, vô học chính kiến cho đến vô học chánh trí, người ấy lúc bấy giờ là một người thuần thực, khéo thuần thực, vô thượng thuần thực, được đệ nhất vô thượng thuần thực, vô thượng tĩnh chi, đệ nhất tĩnh chi, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt trừ tất cả siểm nịnh, lặng động mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trược, không còn gì để bị dính trước đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thầy chư Thiên và Nhân loại.”

Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



195. KINH A-THẤP-BỒI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Ca-thi¹ cùng với đại chúng Tỳ-kheo.

Trong lúc dừng chân tại một nơi², Đức Phật nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta một ngày chỉ ăn một lần³. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi vô cầu, không bệnh không đau, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không bệnh không đau, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc.”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà thi thiết giới, một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn lần hồi đi đến Ca-la-lại⁴, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ca-la-lại.

Lúc bấy giờ tại Ca-la-lại, có hai vị Tỳ-kheo, một vị tên là A-thấp-bồi, một vị tên là Phất-na-bà-tu⁵. Hai vị này là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị này sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá Ngọ cũng ăn. Vì sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ cũng ăn, mà vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Một số đông Tỳ-kheo nghe vậy, liền đến chỗ hai vị Tỳ-kheo A-thấp-bồi và Phất-na-bà-tu mà nói hai vị rằng:

¹ Ca thi quốc 迦尸國. Pāli: Kāsi, một trong mười sáu đại quốc. Thủ phủ là Bārāṇāsī. Trong thời Đức Phật, Kāsi được sát nhập với Kosala của vua Pasenadi. Kāsi là một trung tâm thương mại và đông dân.

² Du tại nhất xứ: không xác định địa điểm.

³ Nhật nhất thực 日一食. Pāli: *ekabhaddika*. M 70 (i.473): *aññatreva rattibhojanā bhujjāmi*. Ta từ bỏ ăn đêm.

⁴ Ca-la-lại 迦羅賴. Pāli: Kīṭagiri. Cf. *Tứ phần 5*: Ki-liên 羈連.

⁵ A-thấp-bồi 阿濕貝, Pāli: Assaji. (trùng tên với một người trong năm đệ tử đầu tiên của Phật). Phất-na-bà-tu 弗那婆修; Pāli: Punabhasuka. Hai vị này dẫn đầu một nhóm Tỳ-kheo bất tuân ở tại Kīṭagiri, đưa đến việc thiết lập một điều khoản quan trọng trong Giới bốn Tỳ-kheo. Xem *Tứ Phần 5*, tr. 596c-599a: A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa 阿濕婆 富那婆娑.

“Này A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu, Đức Thế Tôn trú tại nước Ca-thi cùng với đại chúng Tỳ-kheo, trong lúc dừng chân tại một nơi, bảo các Tỳ-kheo rằng, ‘Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc.’ Bấy giờ Đức Thế Tôn thi thiết giới này cho chúng Tỳ-kheo, đó là một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này cùng các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Này A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu, các thầy cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.”

A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền nói:

“Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn. Vì sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn, xong rồi, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực [750a] dồi dào, an ổn khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi cái mai sau?”⁶

Hai vị ấy nói như thế ba lần. Chúng Tỳ-kheo không thể làm cho A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu trừ bỏ ác tà kiến, liền rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi sang một bên thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ở Ca-la-lại này có hai vị Tỳ-kheo, một vị tên là A-tháp-bôi, một vị tên là Phất-na-bà-tu. Hai vị này là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị này sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá Ngọ cũng ăn. Vì sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ cũng ăn, mà vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Bạch Thế Tôn, chúng con nghe như vậy liền đến chỗ cho A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu mà nói thế này, ‘Này A-tháp-bôi và Phất-na-bà-tu, Đức Thế Tôn trú tại nước Ca-thi cùng với chúng đại Tỳ-kheo, trong lúc dừng chân tại một nơi, bảo các Tỳ-kheo rằng, ‘Ta một ngày chỉ ăn một lần.

⁶ M 70 (i. 474): *te mayam kim sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikam anudhāvissāma?* Sao chúng tôi lại bỏ cái hiện tiền, chạy theo cái lệ thuộc thời gian?

Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc.’ Bấy giờ Đức Thế Tôn thi thiết giới này cho chúng Tỳ-kheo, đó là một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này cùng các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Nay A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, các thầy cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.’

“A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu nghe vậy liền trả lời chúng con như vậy, ‘Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn. Vì sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn, xong rồi, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi về sau?’ Như vậy ba lần.

“Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con không thể làm cho A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu trừ bỏ ác tà kiến này, nên chúng con rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.”

Đức Thế Tôn nghe xong liền bảo một vị Tỳ-kheo:

“Người đến chỗ A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu mà nói như thế này: ‘Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, Đức Thế Tôn gọi các thầy.’”

Vị Tỳ-kheo nghe rồi liền đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Tỳ-kheo [750b] liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi. Tỳ-kheo ấy đến chỗ hai vị Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu nói rằng:

“Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, Thế Tôn gọi hai thầy đó.”

A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu nghe vậy liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, chúng Tỳ-kheo thật có nói với các người như vậy: ‘Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, Đức Thế Tôn trú tại

nước Ca-thi cùng với chúng Đại Tỳ-kheo, trong lúc dừng chân tại một nơi, bảo các Tỳ-kheo rằng, ‘Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc.’ Bấy giờ Đức Thế Tôn thi thiết giới này cho chúng Tỳ-kheo, đó là một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này cùng các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Nay A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, các thầy cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.’

“Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, các người nghe rồi lại nói với chúng Tỳ-kheo rằng, ‘Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn. Vì sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá Ngọ ăn, xong rồi, vô vi, vô cầu, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi cái về sau?’ Hai người nói như vậy ba lần. Nay A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, rồi chúng Tỳ-kheo không thể làm cho hai người trừ bỏ ác tà kiến, nên rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Thật có vậy không?”

A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, thật có như vậy.”

Thế Tôn dạy nói:

“Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, các người có hiểu biết pháp Ta nói như vậy: ‘Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi người ấy cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, thì các pháp ác bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện lại giảm? Nếu ai cảm thọ về cảm thọ khổ, và khi cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp ác bất thiện giảm và các thiện pháp sanh trưởng?’”

A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, thưa rằng:

“Quả vậy, bạch Thế Tôn. Chúng con biết Đức Thế Tôn nói pháp như vậy, ‘Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi đã cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, pháp ác bất thiện tăng trưởng và thiện pháp tổn giảm. [750c] Nếu ai cảm thọ về cảm thọ khổ, và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ rồi thì pháp ác bất thiện giảm và pháp thiện tăng trưởng.’”

Đức Thế Tôn quở trách A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu rằng:

“Các ngươi là người ngu. Do đâu mà các ngươi biết ta nói pháp như vậy? Các ngươi là người ngu. Từ miệng ai mà các ngươi biết Ta nói pháp như vậy? Các ngươi là người ngu. Ta không nói một chiều, mà các ngươi lại thọ trì một chiều. Các ngươi là người ngu. Khi nào được các Tỳ-kheo hỏi, các ngươi phải đáp đúng như pháp rằng, ‘Chúng tôi chưa biết, sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo.’”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Phải chăng các ngươi cũng hiểu biết pháp Ta nói như vậy, ‘Nếu ai cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi đã cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, pháp bất thiện tăng trưởng và pháp thiện tổn giảm. Nếu ai có cảm thọ khổ, và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp bất thiện tổn giảm và pháp thiện tăng trưởng?’”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Các ngươi biết pháp ta nói như thế nào?”

Chúng Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu biết pháp Đức Thế Tôn nói như vậy, ‘Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc thì ác pháp, bất thiện pháp tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện lại tăng trưởng, pháp thiện lại tổn giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác bất thiện tổn giảm và pháp thiện tăng trưởng.’ Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu biết Đức Thế Tôn nói pháp như vậy.”

Đức Thế Tôn nghe nói thế, tán thán các Tỳ-kheo rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các ngươi biết như vậy, ‘Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện tổn giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác, bất thiện tổn giảm, thiện pháp tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, thiện pháp bị tổn giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bất thiện tổn giảm, pháp thiện tăng trưởng.’ Vì sao? Ta cũng nói

như vậy, ‘Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện tổn giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện tổn giảm, pháp thiện tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện tổn giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bất thiện tổn giảm, pháp thiện tăng trưởng.’

“Nếu Ta không biết như thật, không thấy, không hiểu rõ, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh; thì hoặc đối với một người có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện tăng trưởng, Ta không nên nói hãy đoạn trừ cảm thọ lạc ấy. Nếu [751a] Ta không biết như thật, không thấy, không hiểu rõ, không chứng đắc, không chứng ngộ cứu cánh; thì hoặc đối với một người có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng, Ta không nên nói hãy tu tập cảm thọ lạc.

“Nếu Ta không biết như thật, không thấy, không hiểu rõ, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh; thì hoặc có cảm thọ khổ mà pháp bất thiện lại tăng, thiện pháp tăng giảm, Ta không nên nói hãy đoạn trừ cảm thọ khổ. Nếu Ta không biết như thật, không thấy, không hiểu rõ, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh; thì hoặc có cảm thọ khổ mà pháp bất thiện lại giảm, thiện pháp tăng tăng, Ta không nên nói hãy tu cảm thọ khổ.

“Do bởi Ta biết như thật, thấy rõ, hiểu rõ, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh; hoặc đối với một người có cảm thọ lạc, mà pháp ác bất thiện lại tăng, pháp thiện lại giảm, cho nên ta nói hãy đoạn trừ cảm thọ lạc. Do bởi Ta biết như thật, thấy rõ, hiểu rõ, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh; hoặc đối với một người có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng, cho nên Ta nói hãy tu cảm thọ lạc.

“Do bởi Ta biết như thật, thấy rõ, hiểu rõ, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh; hoặc đối với một người có cảm thọ khổ, mà pháp ác bất thiện lại tăng, pháp thiện lại giảm, cho nên Ta nói đoạn trừ cảm thọ khổ. Do bởi Ta biết như thật, thấy rõ, hiểu rõ, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh; hoặc đối với một người có cảm thọ khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng, cho nên Ta nói hãy tu cảm thọ khổ.

“Vì sao? Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc. Ta không nói tu tập tất cả thân khổ, cũng không nói

không nên tu tập tất cả thân khổ. Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả về tâm lạc. Ta không nói tu tập tất cả tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ.

“Thế nào là thân lạc mà ta nói là không tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thì thân lạc như vậy ta nói không nên tu. Thế nào là thân lạc mà Ta nói hãy tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân lạc như vậy ta nói hãy tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói không tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thân khổ như vậy, ta nói không nên tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Thân khổ như vậy, ta nói hãy tu.

“Thế nào là tâm lạc ta nói không tu? Nếu tu tâm lạc mà các pháp ác bất thiện [751b] tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm lạc như vậy, ta nói không nên tu. Thế nào là tâm lạc ta nói hãy tu? Nếu tu tâm lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Tâm lạc như vậy ta nói hãy tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói không tu? Nếu tu tâm khổ mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm khổ như vậy ta nói không tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói tu? Nếu tu tâm khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng, tâm khổ như vậy, ta nói tu.

“Người kia đối với pháp nên tu mà biết như thật, đối với pháp không nên tu cũng biết như thật; và khi đã biết như thật về pháp nên tu và pháp không nên tu, người ấy liền không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu. Sau khi đã không tu pháp không nên tu, và tu pháp nên tu rồi, pháp ác bất thiện liền giảm, pháp thiện tăng trưởng.

“Ta không nói tất cả Tỳ-kheo đều thực hành sự không phóng dật, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo đều không thực hành sự không phóng dật.

“Thế nào là Tỳ-kheo không thực hành sự không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào chứng câu giải thoát⁷. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát?

⁷ Câu giải thoát hay Câu phần giải thoát 俱分解脫. Gọi là Câu phần vì có hai phần chướng, phiền não phần chướng và giải thoát phần chướng (xem *Tập dị 17*, tr.436a). Pāli: *ubhatobhāgavimutta*.

Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, thân đã chứng⁸, thành tựu an trụ, do tuệ kiến⁹ mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vị Tỳ-kheo này ta nói thực hành sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy, Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát? Tỳ-kheo đối với tám giải thoát mà không tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vốn đã thành tựu sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này trước kia có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thành tựu sự không phóng dật.

“Hai hạng Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Đây các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thành tựu sự không phóng dật? Hoặc Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng?¹⁰ Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, đã tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, không do tuệ kiến [751c] mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ¹¹. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo này Ta nói thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo ấy hành không phóng dật? Ở đây, vị Tỳ-kheo này tìm cách chế ngự các căn¹², học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú¹³, các lậu đã diệt tận, đắc được

⁸ Nguyên Hán: Thân xúc 身觸; *Tập dị* ibid.: Thân dĩ chứng 身已證. Pāli: *santā vimokhā atikkama rūpe āruppā te kāyena phassitvā viharati*, tịch tịnh giải thoát, vượt qua các sắc và vô sắc, sau khi thể nghiệm bằng tự thân, vị ấy an trụ.

⁹ Tuệ kiến, Pāli: *paññāya cassa divvā*, sau khi thấy bằng tuệ.

¹⁰ Thân chứng 身證. Vị A-na-hàm chứng đắc diệt tận định. Pl.: *kāyasakkhi*.

¹¹ “Căn cứ vào sự chứng đắc diệt định mà thành lập thân chứng, tức là do thân chứng đắc diệt định vậy” (*Câu-xá 25*, tr.131b).

¹² Cầu ư chư căn 求於諸根. Pāli: *indriyāni samannayāmano*, đang chế ngự các căn.

¹³ Hành tùy thuận trụ chỉ 行隨順住止. Pāli: *anulomikāni senāsanāni paṭisevamaṇo*, đang sử dụng các thứ sáng toạ đúng quy định (một cách tùy thuận).

vô lậu, giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, nhưng lại kiến đáo¹⁴. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo? Nếu Tỳ-kheo nào có tín tâm quyết định nơi Phật, Pháp, Tăng, tùy thuộc pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhãn¹⁵. Như thế, vị Tỳ-kheo này có kiến đáo. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Tỳ-kheo tìm cách chế ngự các căn, học tập các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã tận diệt, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Hoặc Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, cũng không phải kiến đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tín giải thoát?¹⁶ Tỳ-kheo có tín tâm quyết định nơi Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có quán và nhãn nhận, không bằng kiến đáo¹⁷. Như vậy là vị Tỳ-kheo này có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì, khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Tỳ-kheo tìm cách chế ngự được các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã diệt

¹⁴ Kiến đáo 見到, cũng gọi là kiến chí. Pāli: *ditṭhipatto*.

¹⁵ Tức là bậc Thánh này căn cứ trên địa vị tùy pháp hành (xem dưới) chứng đắc đạo loại trí, với sự bén nhạy của tuệ (*Tập dị* ibid., tr.435c *Câu-xá* ibid. Pāli: *paññāya vodiṭṭhā honti vocaritā*, do tuệ mà quán sát và thấu triệt.

¹⁶ Tín giải thoát 信解脫. Pl.: *saddhāvimutto*.

¹⁷ *Câu-xá*, ibid, căn cứ trên tùy tín hành (xem dưới) mà chứng đắc đạo loại trí, khả năng của tuệ không bén nhạy nên phải nương vào tín.

tận, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng [752a] ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Hoặc Tỳ-kheo không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo cũng không có tín giải thoát, nhưng có tùy pháp hành¹⁸. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp tùy hành? Tỳ-kheo có tín tâm quyết định nơi Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán, tăng thượng nhãn¹⁹. Như vậy, Tỳ-kheo này có pháp hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một. Hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị này hành không phóng dật, có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Hoặc Tỳ-kheo không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, không có tín giải thoát, không có pháp hành, nhưng lại có tùy tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tùy tín hành?²⁰ Tỳ-kheo có tín tâm quyết định nơi Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán và nhãn, không như pháp hành. Như vậy, Tỳ-kheo này có tùy tín hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế

¹⁸ Nguyên Hán: Pháp hành 法行. Với bản tánh nhiều tư duy phân tích, mà học về bốn Diệu đế, quán sát khổ đế (tuệ tăng thượng) rồi thấy rõ nhận thức về sự thật của khổ đế (nhân tăng thượng) như vậy là chứng bậc tùy hành pháp” (tóm tắt, *Tập dị* ibid). Pāli: *dhammānusāri*.

¹⁹ M 70 (i. 479): (...) *mattaso nijjhānaṃ khamanti*, bằng vào tuệ mà chấp nhận sự lý giải hạn một cách hạn chế.

²⁰ Hán: tín hành 信行. Pī.: *saddhānusārī*.

ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, đặc A-na-hàm. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Các vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật.

“Ta không nói tất cả Tỳ-kheo được cứu cánh trí, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo ngay từ đầu được cứu cánh trí, song tuần tự học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn, chịu khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này.”²¹

“Thế nào là [752b] tuần tự học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này? Hoặc có tín giả liền tìm đến.²² Tìm đến rồi liền phụng sự; phụng sự rồi liền nhất tâm nghe pháp; nhất tâm nghe pháp rồi liền thọ trì pháp; thọ trì pháp rồi liền tư duy về pháp; tư duy về pháp rồi liền chấp nhận²³; chấp nhận rồi liền quán sát về pháp. Đệ tử Hiền Thánh quán sát về pháp rồi thì tự thân tác chứng chân đế, và do tuệ có tăng thượng quán²⁴. Vị ấy liền nghĩ, ‘Chân đế này, tự thân ta chưa từng tác chứng cũng không phải được tăng thượng quán bằng tuệ. Ta hãy tự thân tác chứng chân đế này, và do tuệ mà tăng thượng quán. Như vậy tuần tự học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, rồi sau các Tỳ-kheo mới đắc cứu cánh trí, cứu cánh trí mà các Tỳ-kheo chứng đắc này.’”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu, có pháp được gọi là tứ cú²⁵, Ta nói cho các người nghe, các người có muốn biết không?”

A-thấp-bối và Phát-na-bà-tu thưa:

²¹ M. i. 480: *anupubbasikkhā anupubbakiriyā anupubbapaṭipadā aññārāḍhanā*, tuần tự học, tuần tự hành, tuần tự tự rồi đạt đến cứu cánh hoàn toàn.

²² Pl. *ibid.*: *saddhājāto upasaṅkamati*; Sớ giải: Tín giả đi đến gần các vị sư trưởng (*garūṇaṃ samīpaṃ gacchati*).

²³ Hán: bình lượng 評量. Pāli: *dhammā nijjhānaṃ khamanti*, hoan hỷ chấp nhận pháp.

²⁴ Pāli: *paññāya naṃ ativijjha passati*, do tuệ mà thấy pháp ấy một cách tinh mật.

²⁵ Tứ cú 四句. Pl.: *catuppadaṃ*.

“Bạch Thế Tôn! Chúng con là hạng người nào và do đâu hiểu được pháp?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nghĩ rằng:

“Hạng người ngu si này vượt quá sự chỉ dạy của Ta. Đối với pháp luật chân chính này, còn cách biệt quá lâu dài. Đối với bậc thầy pháp luật tham đắm vật dục,²⁶ không xả ly v vật dục mà đệ tử của vị ấy còn không nên dục tốc, phóng dật. Huống chi Ta lại là người không tham đắm vật dục, viễn ly vật dục, do đó tín đệ tử của Ta nên nói, ‘Đức Thế Tôn là Thầy của ta. Ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp cho ta nghe. Đức Thiện Thế nói pháp cho ta nghe. Mong cho ta được thiện lợi, hữu ích, được an ổn khoái lạc lâu dài. Tín đệ tử kia đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích. Đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn. Nếu trú ở phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có chỗ khổ hoạn. Nếu trú ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn.’ Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Thế Tôn mà có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn, được nhiều điều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, an chỉ cảnh giới của Thế Tôn. Tín đệ tử ấy đối với pháp thiện đã trụ Ta không còn nói, huống chi nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vẫn tăng trưởng pháp thiện, chớ không suy thoái. Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Đức Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập vào cảnh giới của Thế Tôn, [752c] an chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn, trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc hiện tại được cứu cánh trí, nếu hữu dư, chứng được A-na-hàm.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.²⁷

²⁶ Hán: tham trước thực 貪著食. Pl. (M.i. 479): *āmisagaru āmisadāyādo āmisehi samsattho viharati*, “sống coi trọng vật chất, thừa tự vật chất, kết hợp với vật chất.”

²⁷ Bản Hán, hết quyển 51.



196. KINH CHÂU-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Bạt-ki, thôn Xá-di¹.

Bấy giờ sa-di Châu-na², kiết hạ ở Ba-hòa³. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử⁴. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, “Ta biết pháp này, người không biết. Người biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn người không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn người không phù hợp. Điều đáng nói trước, người nói sau; điều đáng nói sau người lại nói trước. Ta hơn, còn người không bằng. Ta hỏi việc người, người không thể trả lời được. Ta đã chế phục người, người còn hỏi nữa. Nếu người động thủ, ta sẽ cột trói người lại.” Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, thấy đều chán nản và lảng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến Chánh giác, cũng không phải là lời dạy của Đấng Thiện Thế. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc Thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ Sa-di Châu-na đã qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa vá lại y áo, rồi mang y cát bát đến thôn Xá-di, rồi qua phía bắc thôn Xá-di, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Sa-di Châu-na đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi đến nơi, [753a] đánh lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi qua một bên.

¹Bạt-ki 跋耆, Xá-di 舍彌. No.85: Xa-ma-ca tử tụ lạc 舍摩迦子聚落. M 104: Sakkesu viharti (...) Sāmagāme, là một ngôi làng của giòng họ Sakya.

²Sa-di Châu-na 沙彌周那. Pāli: Cunda samaṇuddesa. Được đồng với Mahā-Cunda em ruột ngài Sāriputta và đặc quả A-na-hàm trong lúc là Sa-di.

³Ba-hòa 波和. Pāli: Pāvā, một thị trấn của bộ tộc Malla. Đoạn đường cuối cùng của Phật, đi từ Pāvā ñeán Kusinārā và ngài dùng chân để nghỉ 25 lần trên đoạn đường ấy.

⁴Ni-kiền danh Thân Tử 尼犍名親子. Pāli: Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Tôn giả A-nan hỏi⁵:

“Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?”

Sa-di Châu-na đáp:

“Bạch Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, và an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Bạch Tôn giả A-nan, tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử⁶. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng, ‘Ta biết pháp này, người không biết. Người biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn người không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn người không phù hợp. Điều đáng nói trước, người nói sau; điều đáng nói sau người lại nói trước. Ta hơn, còn người không bằng. Ta hỏi việc người, người không thể trả lời được. Ta đã chế phục người, người còn hỏi nữa. Nếu người động thủ, ta sẽ cột trói người lại.’ Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lảng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng:

“Hiền giả Châu-na, nhân dịp này, chúng ta có thể đến yết kiến Đức Phật, đem sự việc này trình bày lên Thế Tôn. Nay Hiền giả Châu-na, bây giờ chúng ta cùng đi đến Đức Phật, đem tất cả sự việc này trình lên cho Đức Thế Tôn. Thắng hoặc, chúng ta có thể nhân đó mà được nghe pháp khác nữa từ Đức Thế Tôn.”

Rồi Tôn giả A-nan và Sa-di Châu-na cùng nhau đến chỗ Đức Phật, chấp tay cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, Tôn giả A-nan đứng qua một bên và Sa-di Châu-na ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan bạch với Đức Thế

⁵Ngài A-nan là Bổn sư của Châu-na.

⁶Ni-kiền Thân Tử 尼犍親子. Pāli: Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Tôn:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay Sa-di Châu-na đi đến chỗ con, cúi đầu đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Con hỏi: ‘Hiền giả Châu-na, từ nơi nào đến đây và an cư mùa mưa ở đâu?’ Sa-di Châu-na liền trả lời với con rằng: ‘Thưa Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Bạch Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, [753b] tranh luận với nhau rằng, ‘Ta biết pháp này, người không biết. Người biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn người không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn người không phù hợp. Điều đáng nói trước, người nói sau; điều đáng nói sau người lại nói trước. Ta hơn, còn người không bằng. Ta hỏi việc người, người không thể trả lời được. Ta đã chế phục người, người còn hỏi nữa. Nếu người động thủ, ta sẽ cột trói người lại.’ Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.’

“Bạch Thế Tôn, con nghe rồi kinh sợ hãi hùng, toàn thân lông tóc dựng đứng. Mong sau khi Thế Tôn khuất bóng, đừng có một vị Tỳ-kheo nào ở trong chúng mà gây ra Tránh sự như vậy. Tránh sự ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời và loài người cũng phải chịu đau khổ và tai họa. Bạch Thế Tôn, khi con thấy một vị Tỳ-kheo ngồi trước Đức Thế Tôn chí tâm kính trọng Đức Thế Tôn, khéo hộ trì Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn! Con thấy như vậy rồi liền nghĩ, nếu sau này khi Thế Tôn khuất bóng mà vị Tỳ-kheo ấy trong chúng gây Tránh sự, thì tránh sự ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người, nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai

hoạn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi:

“Người thấy những điều nào khiến chúng Tăng có Tránh sự, Tránh sự ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạ?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bạch Thế Tôn, đó là do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán⁷ mà phát sanh Tránh sự ở trong chúng. Bạch Thế Tôn, Tránh sự ấy, không giúp gì cho ai mà chỉ gây đau khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích. Không phải là sự an ổn, khoái lạc cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu tai hoạ, đau khổ.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này A-nan, nếu tránh sự do bởi giới tăng thượng, tâm tăng thượng, quán tăng thượng thì Tránh sự ấy quá nhỏ nhặt. Này A-nan! Nếu có Tránh sự trong chúng Tăng do đạo và đạo tích⁸ thì Tránh sự ấy không giúp ích gì cho ai mà [753c] chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc.

“Này A-nan, khi người thấy ở trong đây có hai Tỳ-kheo vì mỗi người có mỗi ý kiến khác nhau mà gây ra cuộc tránh sự mà nói rằng, ‘Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; hoặc nhẹ, hoặc nặng; có thể sám hối, không thể sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; khởi, không khởi’⁹.

“Này A-nan, ý người nghĩ sao, đối với pháp tụ mà Ta tự giác, tự thân chứng ngộ, gồm bốn niệm xứ, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo?

⁷ M 104: do *ajjhājīva* (tăng thượng hoạt mạng) và do *adhipātimokkha* (tăng thượng giới bổn), tranh chấp các vấn đề liên hệ sinh hoạt và giới bổn, cả hai đều chỉ liên hệ đến giới luật. Bản Hán nói do cả giới, định, và tuệ.

⁸ Đạo và đạo tích 道 道跡. M 104: *magge vā hi patipadāya*, tranh chấp trong các vấn đề liên hệ Thánh đạo và sự tu tập Thánh đạo.

⁹ Có 18 tránh sự, theo các Luật tạng. Trong đây chỉ nêu 16. Hai điều thuyết và phi thuyết đề cập riêng.

“Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật sự không phải là Nhất thiết trí¹⁰ nhưng tự cho là Nhất thiết trí.

“Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử là vị biết tất cả, thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ tử mà giảng giải sáu gốc rễ của tránh sự,¹¹ nghĩa là, có thể nghe để đình chỉ¹².”

Bấy giờ Tôn giả A Nan chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn! Nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật hợp thời, nếu Thế Tôn dạy về sáu gốc rễ của Tránh sự cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, hãy nghe kỹ; hãy suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt đầy đủ.”

Tôn giả A Nan bạch rằng:

“Kính vâng, xin vâng lời lắng nghe.”

Đức Phật dạy:

“Này A-nan, ở đây có người bị kết sử sân và não quán chặt¹³. Này A-nan, người ấy bị kết sử sân và não quán chặt cho nên không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra Tránh sự như vậy. Tránh sự ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạ. Này A-nan! Nếu người thấy Tránh sự như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy, để đoạn trừ Tránh sự ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu người thấy

¹⁰ Nguyên Hán: tát-vân-nhã 薩云若; Pāli: *sabbaññu*.

¹¹ Lục tránh bản 六諍本. Cf. Tập dị 15 (tr. 431a16): sáu tránh căn 六諍根. Pl.: cha *vivādamūlāni*.

¹² *Khả văn nhi chỉ*. Không rõ ý. Có lẽ, cần biết để dập tắt tranh chấp.

¹³ Sân não kết triền 瞋惱結纏, tức phẫn và hận. Pāli: *kodhano upanāhi*, phẫn nộ và oán hận.

Tránh sự như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ Tránh sự ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

“Này A-nan, Tránh sự như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn Tránh sự ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, Tránh sự như vậy, bên trong hay bên ngoài, [754a] mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn Tránh sự ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ.

“Cũng giống như vậy với các kết sử phú tàng¹⁴, bồn sên, tật đố, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý, ác dục, tà kiến, và ác tánh không biết phục thiện¹⁵.

“Này A-nan, nếu một người nào có ác dục, tà kiến, ác tánh không biết phục thiện thì không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra Tránh sự như vậy. Tránh sự ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan! Nếu người thấy Tránh sự như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ Tránh sự ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu người thấy Tránh sự như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ Tránh sự ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần,

¹⁴ Nguyên Hán, bất ngữ kết 不語結. Xem kinh 183.

¹⁵ Ác tánh bất khả chế 惡性不可制, hoặc nói là ác tánh bất thọ nhân ngữ 惡性不受人語. Tánh ương ngạnh không chịu nghe lời. Đoạn này tóm tắt, liệt kê các cặp kiết sử làm nguyên nhân cho đấu tranh, có thể xếp loại theo thuật ngữ thông dụng: Phẫn, hận; phú, nảo; tật, xan; cuồng, siểm; vô tâm, vô quý; ác dục, tà kiến. Xem thêm, đối chiếu kinh 98 trên. Xem giải thích *Tập dị 15* (tr.431a-b).

chánh niệm chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

“Này A-nan, Tránh sự như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn Tránh sự ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu người thấy Tránh sự như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn Tránh sự ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ.

“Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp đình chỉ tranh sự¹⁶. Bảy phương pháp đó là: một là luật đình chỉ tránh sự bằng hiện tiền cần được áp dụng, hai là luật đình chỉ tránh sự bằng ức niệm cần được áp dụng, ba là luật đình chỉ tránh sự bằng bất si cần được áp dụng, bốn là luật đình chỉ tránh sự bằng tự phát lộ cần được áp dụng, năm là luật đình chỉ tránh sự bằng đương nhân cần được áp dụng, sáu là luật đình chỉ tránh sự bằng đa số cần được áp dụng, bảy là luật đình chỉ tránh sự bằng sự rải cỏ kín đất cần được áp dụng¹⁷.

“Này A-nan, thế nào là luật đình chỉ tránh sự bằng hiện tiền cần được áp dụng¹⁸? Làm thế nào để đoạn trừ Tránh sự này? Tức là điều luật đình chỉ tránh sự bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người, mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư

¹⁶ Chỉ tránh 止諍 hay nói là diệt tránh pháp 滅諍法; Pāli: *adhikaraṇasamathā*.

¹⁷ Ứng dữ diện tiền chỉ tránh luật 應與面前止諍律, hai là ứng dữ ức chỉ tránh luật 應與憶止諍律, ba là ứng dữ bất si chỉ tránh luật 應與不癡止諍律, bốn là ứng dữ tự phát lộ chỉ tránh luật 自發露止諍律, năm là ứng dữ quân chỉ tránh luật 應與君止諍律, sáu là ứng dữ triển chuyển chỉ tránh luật 應與展轉止諍律, bảy là ứng dữ như khí phần tảo chỉ tránh luật 應與如棄糞掃止諍律. Thuật ngữ theo Luật Tứ Phần: 1. Hiện tiền ti-ni (Pāli: *sammukhāvinaya*), 2. Ưc niệm ti-ni (*sativinaya*), 3. Bất si ti-ni (*amūḥavinaya*), 4. Tự ngôn trị (*paṭiññāyā kāretabbam*), 5. Đa nhân ngữ (*yebhuyyasikā*), 6. Tội xử sở (*tassapāyikā*), 7. Như thảo phủ địa (*tiṇavatthāraka*).

¹⁸ Ứng dữ diện tiền chỉ tránh luật 應與面前止諍律. Xem cht.17 trên.

đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với chúng Tăng mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người [754b] đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với nhiều người, hai người đối với chúng Tăng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với chúng Tăng, nhiều người đối với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Chúng Tăng đối với một người, chúng Tăng đối với hai người, chúng Tăng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Đây A-nan, như vậy gọi là luật chấm dứt tránh sự bằng sự hiện diện.. Tránh sự ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt tránh sự bằng sự hiện diện.

“Đây A-nan, thế nào là luật đình chỉ tránh sự bằng ức niệm cần được áp dụng¹⁹? Làm thế nào để đoạn trừ sự tranh đấu này? Tức là do đình chỉ tránh sự bằng ức niệm. Đây A-nan, nếu có một người không nhớ rằng mình đã phạm giới.²⁰ Các Tỷ-kheo thấy vậy nói rằng,²¹ ‘Thầy không

¹⁹ Ứng dữ ức chỉ tránh luật 應與憶止諍律. Xem cht.17 trên.

²⁰ Nghĩa là vô tội. Trường hợp Đạp-bà-ma-la Tử (Pl. Dabba-Mallaputta) bị vu không tội ba-la-di, bị các Tỷ kheo cật vấn. Tăng họp, tác yết-ma ức niệm, xác định Đạp-bà-ma-la Tử vô tội. Xem *Ngũ phần 3* (tr. 15c25); *Tăng-kì 13* (tr. 331b21); *Tứ phần 47* (tr. 914a12); *Thập tụng 20* (tr. 142b26); *Cullavagga* (Vin. ii. 74).

²¹ Đoạn này, trong bản Hán, văn cú đảo trang, dễ khiến nhầm lẫn người có tội và người vô tội. Ở đây căn cứ giải thích về bảy diệt tránh của các Luật bộ, và văn nghĩa Pāli để cấu trúc lại văn cú thích hợp. Cf. M 104: *idha bhikkhū bhikkhum evarūpāya garukāya āpattiyā codenti ... so evam āha – na kho aham sarāmi evarūpim*

nhớ mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm. Tăng chúng sẽ áp dụng Hiền giả luật ức niệm.’ Nay A-nan, nếu ở một nơi nào có Tăng chúng hòa hợp mà nhóm họp, vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đánh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chấp tay quỳ mọp mà bạch với các trưởng lão thượng tôn rằng, ‘Bạch chư Tôn, mong các ngài nghe cho, con không nhớ đã từng phạm giới, nay con từ nơi chúng Tăng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp áp dụng con luật ức niệm.’ Nay A-nan, Tăng chúng hòa hợp lại để áp dụng vị Tỳ-kheo này luật ức niệm, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Nay A-nan, như vậy gọi là luật đình chỉ tránh sự bằng ức niệm cần được áp dụng. Tránh sự ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt tránh sự bằng ức niệm.

“Này A-nan, thế nào là luật chấm dứt tránh sự bằng bất si²²? Làm thế nào để đoạn trừ Tránh sự ấy? Tức là luật đình chỉ tránh sự bằng sự không si cuồng. Nay A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Người ấy sau khi trở lại tâm trạng như trước, bị buộc tội.²³ Các Tỳ kheo thấy vậy bảo rằng: ‘Thầy đã phát cuồng và tâm điên đảo, do phát cuồng và tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành nên bị buộc tội vi phạm. Nay Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, [754c] Hiền giả có thể đến nơi chúng Tăng mà cầu xin luật bất si. Chúng Tăng sẽ áp dụng Hiền giả luật

garukam āpattim... tassa kho bhikkhuno sativinayo dātabbo, “Ở đây các Tỳ kheo buộc tội một Tỳ kheo đã phạm trọng tội như vậy... Tỳ kheo này nói: tôi không nhớ (=không phạm) phạm trọng tội như vậy...Ức niệm tì-ni cần áp dụng cho ý kheo nay.”

²² Ứng dữ bất si chỉ tránh luật 應與不癡止諍律. Xem cht.17 trên.

²³ *Tứ phần 47* (tr. 914b16): Tỳ kheo Nan-đề phát bệnh cuồng, phạm nhiều cấm giới. Khi tỉnh, bị các Tỳ kheo cật vấn, ép buộc nhận có phạm tội. Nan-đề xin Tăng phán quyết bằng luật bất si để không Tỳ kheo nào cố ý cật vấn những điều Nan-đề đã làm vì bị bệnh cuồng si. Cf. *Cullavagga* (Vin. ii. 78): Tỳ kheo Gagga, tình tiết như Tứ phần. Thập tụng 20 (tr. 143a27) Tỳ kheo Thi-việt 施越.

bất si.’ Nay A Nan, nếu một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hợp và nhóm hội, vị Tỳ-kheo ấy nên đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong Tăng chúng, cúi đầu lễ sát dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo chấp tay quì mọp, mà bạch với các Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo rằng, ‘Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo. Do con đã phát cuồng và tâm điên đảo nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành nên bị buộc tội vi phạm. Về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi chúng Tăng xin cầu luật bất si. Mong chúng Tăng hòa hợp áp dụng con luật bất si.’ Nay A-nan, chúng Tăng cùng hòa hợp và nhóm hội, áp dụng vị Tỳ-kheo ấy luật bất si, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện, khiến được hoan hỷ. Nay A-nan, đó gọi là luật đình chỉ tránh sự bằng bất si. Tránh sự ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt tránh sự bằng sự không si cuồng.

“Nay A-nan, thế nào là luật đình chỉ tránh sự bằng tự phát lồ²⁴? Tránh sự làm thế nào để chấm dứt? Tức do luật chấm dứt tránh sự bằng sự tự thú nhận. Nay A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc có nhớ hay không nhớ. Nay A-nan, nếu tại nơi nào đó có chúng Tăng đang hòa hợp và nhóm hội. Vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đánh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chấp tay quì mọp mà bạch rằng, ‘Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con phạm giới đó, con nay hướng về các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trung bày rõ, không dám che giấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì không tái phạm.’ Nay A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng, ‘Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm không?’ Vị Tỳ-kheo ấy đáp, ‘Con thật sự có thấy điều con phạm.’ Đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng, ‘Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn đừng tái phạm.’ Nay A-nan! Đó là luật đình chỉ tránh sự bằng tự phát lồ. Tránh sự ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt tránh sự bằng sự từ thú nhận.

“Nay A-nan, thế nào là luật đình chỉ tránh sự bằng chính đương nhân²⁵?

²⁴ Ứng dữ phát lồ chỉ tránh luật 應與發露止諍律. Xem cht.17 trên.

²⁵ Ứng dữ quân chỉ tránh luật 應與君止諍律. Xem cht.17 trên. Quân luật 君律. Luật áp dụng cho chính ngài”. Vì vị này khi bị hỏi tội, cứ nói loanh quanh,

Làm sao để đoạn trừ tránh sự ấy? Tức do luật chấm dứt tránh sự bằng chính đương nhân. Nay A-nan, nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bị người khác nghi ngờ là ác dục. Người ấy đã phạm giới rồi nói là được biết ở một nơi, được thấy ở một nơi. Sau khi nói được biết ở một nơi này, lại nói được thấy ở một nơi.²⁶ Sau khi nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong Tăng chúng mà nói là được biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là được thấy ở một nơi. Nói được biết [755a] ở một nơi, rồi lại nói được thấy ở một nơi. Nói được thấy ở một nơi rồi lại nói được biết ở một nơi. Nay A-nan, vì Tỳ-kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp mà áp dụng luật đa số, nói rằng: ‘Nhà người không đạo lý, nhà người ác bất thiện. Vì sao? Vì người đã phạm giới rồi lại nói được biết ở một nơi, được thấy ở một nơi. Nói được biết ở một nơi, rồi lại nói được thấy ở một nơi. Nói được thấy ở một nơi, rồi lại nói được biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói được biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói được thấy ở một nơi. Nói được biết ở một nơi rồi lại nói được thấy ở một nơi. Nói được thấy ở một nơi rồi lại nói được biết ở một nơi.’ Nay A-nan, như vậy gọi là luật đình chỉ tránh sự bằng đa số. Tránh sự ấy phải được đoạn trừ bằng sự như vậy. Tức do luật chấm dứt tránh sự bằng chính đương nhân.

“Này A-nan, thế nào là luật đình chỉ tránh sự bằng đa số²⁷? Làm thế nào để đoạn trừ Tránh sự ấy? Tức là do luật chấm dứt tránh sự bằng sự diễn tiến. Nay A-nan, ở đây, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra tránh sự như vậy, ‘Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; khả thuyết, không khả thuyết²⁸; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn;

nên Tăng chúng phải chỉ định ngay tội danh: “*Chính ngài đã phạm tội*”. *Ngũ phần*: bản ngôn trị 本言治. *Tứ phần*: tội xứ sở 罪處所. *Thập tụng*: thật mich 實覓. Pl.: *tassapāpiyasikā*.

²⁶ Tỳ kheo nói quanh để chối tội.

²⁷ Ứng dữ triển chuyển luật 應與展轉止諍律. *Tứ phần*: đa nhân ngữ 多人語.

Pl.: *yebhuyasikā*.

²⁸ Đoạn trên, bản Hán thiếu hai sự này.

có thể sám hối, không thể sám hối²⁹. Nay A-nan, Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vã ấy mà chấm dứt tránh sự. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà chấm dứt tránh sự, thì tránh sự này được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà không chấm dứt, có thể đưa tránh sự ra bạch với chúng Tăng. Nếu ở trong chúng Tăng mà chấm dứt, thì tránh sự ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu trong chúng Tăng không chấm dứt, thì này A-nan, ở trú xứ gần đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luật giải³⁰, các Tỳ-kheo kia cùng đến vị này thưa việc tránh sự ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt, thì tránh sự được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem tránh sự ấy nói trước chúng Tăng.³¹ Nếu ở trước chúng Tăng mà chấm dứt, tránh sự ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ở tại chúng Tăng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu có nhiều trợ bạn giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì các vị này cần chấm dứt tránh sự ấy bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nay A-nan, như vậy gọi là luật đình chỉ bằng đa số. Tránh sự ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức là do luật chấm dứt tránh sự bằng sự triển chuyển.

“Này A-nan, thế nào gọi là luật đình chỉ tránh sự như rải cỏ kín đất?”³² Làm sao để đoạn trừ tránh sự ấy? Tức là luật chấm dứt tránh sự như quăng bỏ giẻ rách. Nay A-nan, nếu các vị Tỳ-kheo ở chung một chỗ tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm có bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, hay dưới Trưởng lão một bậc; hoặc có người làm tông chủ hay nhỏ hơn tông chủ một bậc. Nay A-nan, [755b] vị Tỳ-kheo này nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng, ‘Này chư Hiền, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là những kẻ xấu, bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng

²⁹ Đoạn trên nói là khởi và không khởi. *Khởi*, hay *cử tội*, nêu tội Tỳ-kheo; tức khởi tố.

³⁰ Nguyên bản: *trì mẫu* 持母; hay giới Ma-đắc-lặc-già (Pāli: Mātikā), chỉ bản giải Luật, hay tinh yếu Luật tạng.

³¹ Tăng tại trú xứ gần đó.

³² Ứng dữ như khí phẩn tảo chỉ tránh luật 應與如棄糞掃止諍律: luật đình chỉ tránh sự bằng cách như quét dọn rác rưởi. Xem cht. 17 trên.

dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Nay chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội thâm-lan-giá³³ và ngoại trừ tội tương ưng tại gia.³⁴ Tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.’ Nay A-nan, nếu ở trong nhóm này mà không có vị Tỳ-kheo nào ứng theo, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đến nơi rồi, cúi đầu đánh lễ các bậc Thượng tôn trưởng lão Tỳ-kheo chấp tay quì mọp mà thưa rằng, ‘Thưa chư Tôn, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là những kẻ xấu, bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Nay chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội thâm-lan-giá, và ngoại trừ tội tương đương tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chính chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa.’ Nay A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo này như vậy, ‘Này Hiền giả, thật tự thấy mình phạm giới chăng?’ Vị Tỳ-kheo này đáp, ‘Quả thật tôi tự thấy mình đã phạm giới.’ Tỳ-kheo kia nên nói, ‘Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái phạm.’ Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Nay A-nan, như vậy gọi là luật đình chỉ tránh sự như rải cỏ kín đất. Nay A-nan! Tránh sự ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt tránh sự như quăng bỏ giẻ rách.

“Này A-nan! Nay ta nói cho người sáu pháp ủy lao³⁵, hãy lắng nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ kỹ.”

³³ Trong bản, thâm-la-chá 偷羅柘, thường nói là thâm-lan-giá. Có ý phạm các tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa mà chưa thành tựu thì gọi là thâm-lan-giá, thô tội. Pāli: *thullavajja*.

³⁴ Gia tương ưng 家相應; đây chỉ các tội bắt buộc trở về sống đời tại gia, tức bị diệt tận.

³⁵ Ủy lao pháp 慰勞法, tức sáu pháp hòa kinh hay lục hòa. *Tập dị 15* (tr.431b):sáu pháp khả hỷ. Pāli: *cha sārāṇiyā dhammā*.

Tôn giả A Nan bạch rằng:

“Kính vâng, con xin vâng lời lắng nghe.”

Phật nói:

“Thế nào là sáu? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lao. Đó là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho tương thân, khiến cho tương kính, khiến cho tương trợ, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Khẩu nghiệp nói năng từ hòa, ý nghiệp từ hòa, cũng vậy.

“Có lợi lộc nào đúng pháp mà nhận được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy, mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh, pháp đó gọi là pháp ủy lao, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho tương thân, khiến cho tương kính, khiến cho tương trợ, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nếu có giới nào [755c] không bị sút mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như mặt đất, được Thánh khen ngợi, đầy đủ khéo thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho tương thân, khiến cho tương kính, khiến cho tương trợ, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Nếu có kiến giải của Thánh có sự xuất yếu, được thông suốt bằng tuệ kiến, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho tương thân, khiến cho tương kính, khiến cho tương trợ, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

“Này A-nan, Ta vừa nói sáu pháp ủy lao, vì vậy mà Ta giảng giải. Này A-nan, nếu các người đối với sáu gốc rễ của tránh sự mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp đình chỉ tránh sự, khi trong Tăng chúng khởi lên tránh sự, thì chấm dứt bằng luật đình chỉ tránh sự như quăng bỏ giẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lao ấy, thì này A-nan, như vậy sau khi Ta khuất bóng, các con sống cộng đồng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp,

cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, sống an lạc như lúc Ta còn tại thế.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và chư Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



197. KINH ƯU-BA-LY

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Chiêm-ba, trú tại bờ ao Hằng-già¹.

Bấy giờ vào một buổi chiều Tôn giả Ưu-ba-ly², từ tỉnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên, thưa:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng nhau hòa hợp mà tác biệt kiết ma, thuyết biệt kiết ma³; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn [756a] đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật hiện tiền⁴, nhưng lại áp dụng luật ức niệm, cần áp dụng luật ức niệm lại áp dụng luật hiện tiền. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật ức niệm lại áp dụng luật bất si, cần áp dụng luật bất si, lại áp dụng luật ức niệm, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật bất si, lại áp dụng luật tự phát lồ, cần áp dụng luật tự phát lồ

¹ Xem cht.2, kinh 37.

² Ưu-ba-ly 優波離. Pāli: Upāli.

³ Nguyên Hán: tác dị nghiệp thuyết dị nghiệp 作異業說異業.

⁴ Xem kinh 196 trên.

lại áp dụng luật bất si, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật tự phát lồ, lại áp dụng luật đương nhân, cần áp dụng luật đương nhân, lại áp dụng luật tự phát lồ, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật đương nhân nhưng lại ha trách⁵; cần ha trách nhưng lại áp dụng luật đương; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết-ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần khiển trách lại hạ trí⁶, cần hạ trí lại khiển trách, đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trí lại dùng cử tội⁷, cần cử tội lại dùng hạ trí, đó có phải là kiết ma

⁵Trong bản, trách số 責數, tức Tứ phần gọi là *ha trách*, tức khiển trách hay cảnh cáo.

⁶Hạ trí 下置, tức Tứ Phần nói là *y chỉ*, bắt phục tùng giám hộ.

⁷Hán: *cử* 舉, hay *cử tội*, thủ tục buộc tội Tỳ-kheo trước đại chúng.

đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần cử tội lại diệt tẩn⁸, cần diệt tẩn lại cử tội; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần diệt tẩn lại áp dụng luật ức niệm, cần áp dụng luật ức niệm lại diệt tẩn; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng ức niệm, lại do căn bản trị;⁹ cần phải do căn bản trị lại áp dụng ức niệm; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, [756b] nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần phải do căn bản trị, lại khu xuất,¹⁰ cần khu xuất lại do căn bản trị. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

⁸ Hán: tẩn 擯 hay diệt tẩn, trục xuất khỏi Tăng, bắt hoàn tục.

⁹ Căn bản trị 根本治, tức Tứ phần gọi là bản nhật trí: tái phạm trong khi đang sám tãng-già-bà-thi-sa

¹⁰ Khu xuất 驅出, tẩn xuất, đuổi Tỳ kheo ra khỏi chỗ đang ở, di chuyển đến chỗ khác. Chính yếu áp dụng cho Tỳ kheo phạm ô tha gia.

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trường hợp cần khu xuất lại hành bất mạn¹¹, cần hành bất mạn lại khu xuất; đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.”

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần phải hành bất mạn mà lại trị¹², cần đến trị lại hành bất mạn. Đó có phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Không đúng vậy, này Ưu-ba-ly.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp mà tác biệt kiết ma thuyết biệt kiết ma, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tăng cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật hiện tiền lại áp dụng luật ức niệm, cần áp dụng luật ức niệm lại áp dụng luật diện tiền, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp trong trường hợp cần áp dụng luật ức niệm lại áp dụng luật bất si, cần áp dụng luật bất si, lại áp dụng luật ức niệm. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật bất si, lại áp dụng luật tự phát lồ, cần áp dụng luật tự phát lồ lại áp dụng luật bất si. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần

¹¹ Hành bất mạn 行不慢, Tứ Phần: hành ma-na-đỏa, trong sám tăng-già-bà-thi-sa.

¹² Trị 治, Tứ Phần: a-phù-ha-na, phép xuất tội tăng-già-bà-thi-sa.

áp dụng luật tự phát lồ lại áp dụng luật quân, cần áp dụng luật quân lại áp dụng luật tự phát lồ. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật đương nhân, lại khiển trách, cần khiển trách lại áp dụng luật đương nhân. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trách lại hạ trí, cần hạ trí lại hạ trách. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trí, nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội lại hạ trí. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần cử tội lại diệt tẩn, cần diệt tẩn lại cử tội. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần diệt tẩn, nhưng lại dùng ức niệm, cần áp dụng ức niệm lại diệt tẩn, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, [756c] kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng luật ức niệm, nhưng lại do căn bản trị, cần ban do căn bản trị, lại áp dụng luật ức niệm. Đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần do căn bản trị, nhưng lại khu xuất, cần khu xuất lại do căn bản trị, đó không phải là kiết ma đúng Pháp, kiết ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, ông nên học tùy theo loại kiết ma nào mà thuyết kiết ma đó. Cần áp dụng luật diện tiền liền áp dụng luật diện tiền, cần áp dụng luật ức niệm liền áp dụng luật ức niệm, cần áp dụng luật bất si liền áp dụng luật bất si, cần áp dụng luật tự phát lồ, liền áp dụng luật tự phát lồ, cần áp dụng luật quân liền áp dụng luật quân, cần khiển trách liền khiển trách, cần hạ trí liền hạ trí, cần cử tội liền cử tội, cần diệt tẩn liền diệt tẩn,

cần dùng cần bản trị liền dùng cần bản trị, cần khu xuất liền khu xuất,
cần hành bất mạn liền hành bất mạn, cần trị liền trị.

“Này Ưu-ba-ly, thầy nên học như vậy.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ưu ba ly, và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật
thuyết, [757a]hoan hỷ phụng hành.



198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA¹

[757a5] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, ở tại Trúc lâm, trong vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ Sa-di A-di-na-hòa-đề², cũng ở tại thành Vương xá, tại một am cốc thiền, trong khu rừng vắng. Lúc bấy giờ Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na³, sau giờ trưa, thông dong đi đến Sa-di A-di-na-hòa-đề, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên hỏi rằng:

“Hiền giả A-kì-xá-na⁴, tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng?”

Sa-di A-di-na-hòa-đề nói:

“Hiền Vương đồng tử, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe rõ rồi sẽ suy nghĩ.”

Vương đồng tử hỏi:

“Hiền giả A-kì-xá-na, phải chăng thật sự Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm⁵ chăng?”

Sa-di đáp:

“Hiền Vương đồng tử, thật sự như vậy, Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này, không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt được nhất tâm.”

Vương đồng tử lại hỏi:

“Hiền giả A-kì-xá-na, mong Hiền giả theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho tôi rõ, như Tỳ-kheo trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt đến nhất tâm.”

Sa-di đáp:

¹ Tương đương Pāli, M.125. Dantabhūmi-suttam.

² Sa-di A-di-na-hòa-đề 沙彌阿夷那和提. Pāli: Aciravato samaṇuddeso, tân học Sa-môn Aciravata.

³ Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na 王童子耆婆先那. Pāli: Jayasena-Rājakūmāra. Hán đọc là Jīvasena-rājakumāra.

⁴ A-kì-xá-na 阿奇舍那; Pāli: Aggivassana: có thể tên của một bộ tộc chứ không phải biệt danh của Tôn giả.

⁵ Nhất tâm 一心. Pl.: *cittassa ekagatam*.

“Hiền Vương đồng tử, tôi không đủ sức để theo những điều đã nghe, đã tụng tập nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm. Hiền Vương tử, nếu tôi theo những điều đã nghe, đã tụng tập nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm, hoặc Hiền giả Vương tử không thể hiểu được. Như vậy thì tôi nhọc công vô ích.”

Vương đồng tử nói với Sa di:

“Hiền giả A-kì-xá-na, Hiền giả chưa bị người khác chiết phục, vì ý gì mà đã tự mình rút lui? Hiền giả A-kì-xá-na, mong Hiền giả cứ theo những điều đã nghe, đã tụng tập, có thể nói lại hết cho tôi, như Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt đến nhất tâm, nếu tôi hiểu được thì hay lắm, nhưng nếu tôi không hiểu sẽ không hỏi thêm về các pháp nữa.”

Rồi thì Sa-di A-di-na-hòa-đề theo những pháp đã nghe, đã tụng tập, nói lại cho Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na, như [757b] Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này, không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm. Bấy giờ Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na nói:

“Hiền giả A-kì-xá-na, nếu Tỳ-kheo ở trong Pháp Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến nhất tâm; không bao giờ có trường hợp này.”

Nói xong, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, không nói lời từ giã mà bỏ đi. Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na đi chưa bao lâu, Sa-di A-di-na-hòa-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ và ngồi sang một bên, đem những điều đã thảo luận với Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na kể hết lại cho Đức Phật. Đức Tôn nghe xong, nói với Sa-di:

“A-kì-xá-na, thôi đủ rồi. Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có địa vị⁶ vô dục mới biết, vô dục mới hay, vô dục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Đây A-kì-xá-na, vì

⁶ Bản Hán: địa 地, địa vị hay trình độ; ý nghĩa sẽ thấy sau. Pl.: *bhūmi*.

Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

“A-kì-xá-na, cũng như trong bốn trường hợp điều ngự⁷; điều ngự voi, điều ngự ngựa, điều ngự bò, điều ngự người. Trong đó có hai trường hợp cần điều ngự mà có thể điều ngự, và hai trường hợp cần điều ngự mà không thể điều ngự⁸. A-kì-xá-na, ý người nghĩ sao? Nếu trong hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự ấy; ở đây chưa điều phục tình trạng chưa được điều phục, chưa được huấn luyện mà tiếp nhận sự huấn luyện, trường hợp này không thể có⁹. Nếu trong hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự này, khéo điều ngự; ở đây điều phục tình trạng chưa điều phục, huấn luyện để tiếp nhận sự huấn luyện, trường hợp này có thể có¹⁰.

“Cũng vậy, ở đây, A-kì-xá-na, thôi đủ rồi! Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có địa vị vô dục mới biết, vô dục mới hay, vô dục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Nay A-kì-xá-na, vì Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

“A-kì-xá-na, cũng như cách xóm không xa có một hòn núi đá lớn, không sứt, không thủng, không trống, bền chặt, không lung lay, hợp thành khối duy nhất. Giả sử có hai người đang muốn nhìn ngắm, trong đó có một người leo nhanh lên núi, người thứ hai đứng dưới chân núi. Người đứng trên núi đá nhìn thấy bên kia núi đá có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược,

⁷ Điều ngự 調御; Pali: *damma*, huấn luyện. Xem kinh 212 sau. M 125 (iii. 130) chỉ kể có ba: *hatthidamma*, huấn luyện voi, *assadamma*, huấn luyện ngựa, *godamma*, huấn luyện bò.

⁸ M 125, có hai con vật cần huấn luyện nhưng chưa được huấn luyện, và hai con vật cần huấn luyện đã được huấn luyện.

⁹ Đoạn này văn Hán hơi tối. Cf M 125 ibid.: *api nu te adantāva dantakāraṇaṃ gaccheyyūṃ, adantāva dantabhūmiṃ sampāpuneyyūṃ, seyyathāpi te dve... sudantā suvinūā ’ti?* “Những con chưa được huấn luyện này có thể làm công việc của con vật đã được huấn luyện, có thể đạt đến địa vị của con vật đã được huấn luyện, như hai con... đã được huấn luyện kỹ, đã được khéo khuất phục kia chăng?”

¹⁰ Bản Hán hình như hiểu rằng có hai trường hợp có khả năng huấn luyện, và hai trường hợp *tuyệt đối không khả năng*.

cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn. Người trên núi sau khi thấy vậy, bèn hỏi người dưới núi rằng, ‘Bạn có thấy bên kia núi [757c] có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, ao hoa, suối trong, sông dài, nước lớn chăng?’ Người dưới núi đáp, ‘Nếu tôi thấy hòn núi này, với bên kia có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn, trường hợp này không thể có.’ Rồi người trên núi leo nhanh xuống, nắm người dưới núi dẫn lên trên hòn núi đá. Đến nơi rồi hỏi, ‘Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn chăng?’ Người kia đáp, ‘Bây giờ tôi mới thấy.’ Lại hỏi người kia, ‘Vừa rồi bạn nói rằng không thể có trường hợp này, nay lại nói là thấy có; thế nghĩa là sao?’ Người kia đáp, ‘Vừa rồi tôi bị hòn núi che khuất nên không thấy.’

“Cũng vậy, A-kì-xá-na, thôi đủ rồi! Làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na sống trong đục vọng, bị đục ái nhai nuốt, bị đục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ đục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của đục, tình trạng mà chỉ có địa vị vô đục mới biết, vô đục mới hay, vô đục mới chứng giác; địa vị ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao vậy? Nay A-kì-xá-na, vì Vương đồng tử Kì-bà-tiên-na thường sống trong đục vọng vậy.

“Này A-kì-xá-na, thuở xưa, vua Sát-lị Đảnh Sanh có một người thợ săn voi. Vua nói, ‘Này thợ săn voi, hãy bắt voi rừng về đây cho ta. Nếu bắt được rồi hãy báo cho ta hay.’ Bấy giờ thợ săn voi sau khi lãnh mạng của vua, bèn cỡi vương tượng đi đến một khu rừng già. Ở trong khu rừng già này, người thợ săn trông thấy một con voi rừng rất lớn. Sau khi thấy, ông bèn bắt và buộc nó vào cổ con vương tượng. Lúc bấy giờ con vương tượng dẫn voi rừng ra ngoài khoảng đất trống, còn người thợ săn voi thì đi đến vua Sát-lị Đảnh Sanh thưa rằng, ‘Tâu Thiên vương, thần đã bắt được con voi rừng, cột ở khoảng đất trống, xin theo ý Thiên vương!’ Vua Sát-lị Đảnh Sanh nghe tâu, liền bảo rằng, ‘Này nài voi giỏi, bây giờ người hãy huấn luyện nhanh chóng con voi rừng đó khiến nó khuất phục, khiến nó thành con voi được huấn luyện kỹ. Nếu huấn luyện đã hoàn hảo rồi, hãy trở lại báo cho ta biết.’

“Rồi người huấn luyện voi giỏi sau khi vâng mạng vua, vác cây gậy rất lớn trên vai hữu, đi đến chỗ con voi rừng. Người ấy cầm cây gậy xuống

đất, cột cổ voi rùng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng của nó, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ mệt nhọc núi rừng, khiến cho nó vui thích thôn ấp, tập yêu người đời.

“Người huấn luyện voi giỏi trước hết cho nó ăn uống. Nay A-kì-xá-na, khi voi rừng bắt đầu nghe theo thợ huấn luyện voi giỏi mà chịu ăn uống, người huấn luyện voi giỏi bèn nghĩ rằng, ‘Bây giờ con voi rừng này có thể sống được rồi. Vì sao vậy? Vì con voi rừng to lớn này bắt đầu chịu ăn uống.’ Khi voi rừng bắt đầu chịu ăn uống, nghe lời người huấn luyện, người huấn luyện voi [758a] nói với nó bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lẩy, bỏ, co lại, đuổi ra. Khi người luyện voi nói với voi rừng bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lẩy, bỏ, co lại, đuổi ra, và voi rừng làm y theo lời dạy của người huấn luyện voi như vậy. Nay A-kì-xá-na, khi voi rừng nghe theo lời dạy của người huấn luyện voi, bấy giờ người huấn luyện voi mới buộc hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thổi, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà, và buộc cả vòi nó lại, rồi sai người cầm móc câu cỡi lên đầu nó; khiến một số đông người cầm dao, thuẩn, sảo, mâu, kích, búa, việt, đứng phía trước, còn người huấn luyện voi thì tay cầm một cây mâu nhọn đứng ngay trước voi mà nói rằng, ‘Bây giờ ta trị ngươi, khiến ngươi không di động. Ta trị ngươi chớ có di động.’ Khi voi rừng nghe người huấn luyện voi sửa trị không di động, nó không giờ chân trước, cũng không động đậy chân sau, hai bàn thổi, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai ngà và vòi, tất cả thấy đều không động đậy. Voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im bất động như vậy.

“Nay A-kì-xá-na, khi voi rừng nghe theo người huấn luyện voi mà không di động, lúc bấy giờ nó nhẫn chịu những dao, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, hoặc thổi tù và, đánh trống, động chuông, nó có thể nhẫn chịu tất cả. Khi voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi được điều ngự, khéo điều ngự, thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể vào cho vua cỡi, ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng.

“Cũng vậy, A-kì-xá-na, khi Như Lai xuất hiện thế gian, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn,

vị ấy đối với thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ. Vị ấy thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu, phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; pháp được vị ấy nói, khi con nhà cư sĩ nghe được, và sau khi nghe người ấy có tín tâm nơi pháp được Như Lai nói. Người này sau khi có tín tâm, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo. Đây A-kì-xá-na, đó là lúc Thánh đệ tử ra nơi khoảng đất trống, cũng như vương tượng được dẫn voi rừng ra. Và cũng như voi rừng còn tham luyện ái dục, ái dục nơi đời sống trong rừng núi. Đây A-kì-xá-na, cũng vậy, chư Thiên và Nhân loại tham luyện dục lạc ở nơi ngũ dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc, Như Lai bắt đầu điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng, ‘Người hãy thủ hộ [758b] thân và mạng thanh tịnh. Hãy thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh.

“Khi Thánh đệ tử thủ hộ thân và mạng thanh tịnh, thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh. Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, ‘Người hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp.’ Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, quán thọ, tâm, pháp như pháp; bốn niệm xứ này ở trong tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm của vị ấy lại, chế ngự tâm ý vui say theo thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt trừ sự mệt nhọc thế tục, khiến cho vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới.

“Đây A-kì-xá-na, cũng như người huấn luyện voi, sau khi vâng mạng vua Sát-lị Đánh Sanh rồi, vác cây gậy rất lớn rồi trên vai phải đi đến chỗ voi rừng, cắm cây xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến vui với thôn ấp, quen yêu thích nhân gian. Cũng vậy, đây A-kì-xá-na, bốn niệm xứ này ở trong tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm người ấy lại, chế ngự tâm ta vui say thế tục, dứt bỏ sự mệt nhọc thế tục, khiến vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới.

“Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán, thọ, tâm, pháp như pháp, Như Lai điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, ‘Người hãy quán thân nơi nội thân, đừng suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp.’ Và đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai vậy. Đây A-kì-xá-na,

cũng như voi rừng nghe theo người huấn luyện voi, bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra. Voi rừng tuân theo lời dạy của người huấn luyện voi như vậy. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử quán thân nơi nội thân, không suy niệm tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm tư niệm tương ưng với phi pháp. Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy.

“Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy, Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng, ‘Người hãy ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên thành tựu và an trụ. Như vậy Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai, an trụ không di động.’ Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng vâng theo sự sửa trị của người huấn luyện voi [758c] không di động, không giở hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi xương sống, đầu, tai, ngà và vòi, tất cả đều không di động. Voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im không di động như vậy. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ, như vậy Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động.

“Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, nóng lạnh, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách, tiếng dũ, gậy đánh cũng đều có thể kham nhẫn. Thân gặp những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, tất cả đều có thể kham nhẫn. Này A-kì-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người huấn luyện voi đứng im không di động, nó lúc bấy giờ nhẫn chịu được dao, thuẩn, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, thổi tù và, đánh trống, động chuông thấy đều có thể kham nhẫn. Cũng vậy, này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà an trụ không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, lạnh, nóng, muỗi, chí, rận, gió, nắng, bức bách, tiếng dũ, gậy đánh, cũng có thể kham nhẫn, thân gặp những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, thấy đều có thể kham nhẫn.

“Này A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai mà có thể kham nhẫn, vị ấy lúc bấy giờ là vị được điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tịnh, tối

thượng tịch tịnh. Vị ấy trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm nịnh, thanh tịnh lắng đọng trần lao, không cấu nhiễm không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước cho tất cả chư Thiên và Nhân loại. Nay A-kì-xá-na, cũng như voi rừng đã có thể kham nhẫn. Lúc bấy giờ nó là voi điều ngự, thiện điều ngự, thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể xung vào cho vua cỡi, được ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, nay A-kì-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn, vị ấy lúc bấy giờ được gọi là điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng tịch tịnh, tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm nịnh, thanh tịnh lắng đọng các trần lao, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

“Nay A-kì-xá-na, con voi rừng còn nhỏ, [759a] không được điều ngự, mà chết, thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. Con voi rừng trung niên, không được điều ngự mà chết, thì gọi là cái chết không được điều ngự. Nay A-kì-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu không được điều ngự mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự. Thánh đệ tử trung niên không được điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự.

“Nay A-kì-xá-na, con voi rừng còn nhỏ được thiện điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết thiện điều ngự. Con voi rừng trung niên, được thiện điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết được thiện điều ngự. Nay A-kì-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu được thiện điều ngự mà mạng chung, đó gọi là mạng chung thiện điều ngự. Thánh đệ tử trung niên được thiện điều ngự mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung thiện điều ngự.”

Phật thuyết như vậy, Sa-di A-di-na-hòa-đề và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹¹



¹¹ Bản Hán, hết quyển 52.

199. KINH SI TUỆ ĐỊA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói cho các người nghe về pháp ngu si và pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: Sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si.¹ Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.

“Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si.

“Người ngu si kia [759b] ngay trong đời hiện tại, thân tâm phải cảm thọ ba điều sâu khổ. Thế nào là thân tâm người ngu si phải cảm thọ ba điều sâu khổ? Người ngu si có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc nơi đường cái, đường hẻm, hoặc nơi chợ quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người ngu si. Người ngu si mà làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, và thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác, và đã thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện khác rồi, khi người khác thấy được bèn nói sự ác của nó. Kẻ ngu si kia nghe vậy, tự nghĩ: ‘Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, khi người ta thấy được bèn nói sự ác của nó. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện. Nếu có kẻ khác biết được, cũng nói điều ác của ta.’ Đây là điều sâu khổ thứ nhất mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

“Lại nữa, người ngu si thấy người của vua bất trí kẻ có tội, trị bằng các

¹ M 129 (iii. 162): *tīṇi bālassa bālakkhaṇāni balanimittāni bālāpadāni*, ba đặc tính, ba dấu hiệu, ba dấu tích của người ngu.

thứ hình phạt đau đớn như: chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, nhổ tóc, bứt râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc nhốt trong cũi, trùm trong áo rồi đốt, hoặc lấy cát lấp, quán cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ trong chảo đồng, hoặc đặt trong chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc lấy mũi nhọn đâm, hoặc dùng móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt, lấy dầu sôi nhều xuống, hoặc bắt ngồi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mỗ, hoặc lấy roi đánh, hoặc dùng gậy phang, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi, bêu đầu, hoặc đem chém bêu đầu. Người ngu si kia thấy vậy rồi, tự suy nghĩ: ‘Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện mà vua biết được, cũng bắt và khảo như vậy. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết được, ta cũng bị khảo trị như vậy.’ Đây là điều sâu khổ thứ hai mà thân của kẻ ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

“Lại nữa, người ngu si kia thân hành ác hành; khẩu, ý hành ác hành; khi nó bệnh tật mà chịu đau đớn, hoặc ngồi nằm trên giường, hoặc ngồi nằm trên ván, hoặc ngồi nằm trên đất, thân tâm cực kỳ đau khổ, nhãn đến mạng sống gần đứt. Bảy giờ những thân ác hành, khẩu, ý ác hành của nó treo ngược từ trên cao, như lúc xế chiều mặt trời lặn xuống núi cao, dốc ngược trên mặt đất. Cũng vậy, những thân ác hành, [759c] khẩu và ý ác hành của nó bây giờ đang treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: ‘Đó là những thân ác hành, khẩu, ý ác hành của ta đang đổ ngược từ trên cao. Ta xưa kia làm ác nhiều, không tạo phước. Nếu có nơi nào cho những người làm ác, hung bạo, làm việc phi lý, không làm lành, không tạo phước, không tìm nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, ta đến chỗ ác đó.’ Rồi do đó mà sanh hối hận, mà chết không nhẹ nhàng, mạng chung chẳng an lành. Đây là điều sâu khổ thứ ba mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

“Lại nữa, người ngu si kia, thân hành ác hành, khẩu hành ác hành, ý hành ác hành. Và sau khi thân hành ác hành, khẩu, ý hành ác hành, do nhân duyên đó, thân hoại mạng chung chắc đến đường ác, sanh vào địa ngục. Đã sanh vào đó, nó lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm, cái đó là địa ngục. Vì sao? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý khả niệm vậy.”

Bảy giờ có một vị Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải,

chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, sự khổ trong địa ngục như thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Này Tỳ-kheo, địa ngục không thể nói hết được. Nghĩa là nói về sự khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, vì địa ngục chỉ có sự khổ mà thôi.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Đức Thế Tôn có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa về sự khổ ấy. Này Tỳ-kheo, ví như người của nhà vua bắt kẻ giặc đem về chỗ vua Sát-lị Đánh Sinh tâu: ‘Tâu Thiên vương, kẻ giặc này có tội xin Thiên vương trị nó.’ Vua Sát-lị Đánh Sinh bảo: ‘Các người hãy đem nó đi trị tội. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.’ Người của vua lãnh lệnh bèn đem đi trị tội. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lị Đánh Sinh hỏi: ‘Người kia thế nào?’ Người của vua đáp: ‘Tâu Thiên vương, người kia còn sống.’ Vua Sát-lị Đánh Sinh lại bảo: ‘Buổi trưa các người cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.’ Người của vua thừa lệnh, buổi giữa trưa dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lị Đánh Sinh lại hỏi: ‘Người kia thế nào?’ Người của vua đáp: ‘Tâu Thiên vương, kẻ kia còn sống.’ Vua Sát-lị Đánh Sinh lại bảo: ‘Khi mặt trời về Tây, các người cũng hãy dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.’ Người của vua thừa lệnh, khi mặt trời về Tây, lại dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Kẻ kia [769a] vẫn còn sống, nhưng thân thể đã bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn, dẫu nhỏ như lỗ đồng tiền. Vua Sát-lị Đánh Sinh lại hỏi: ‘Người kia thế nào?’ Người của vua đáp: ‘Tâu Thiên vương, người kia còn sống, nhưng thân thể bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tiền.’

“Này Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Nếu người kia một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, nó nhân đó, thân tâm có chịu ưu phiền, sầu khổ cực kỳ không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, bị một mũi giáo nhọn đâm còn chịu cực khổ, huống nữa

một ngày chịu ba trăm mũi giáo nhọn đâm. Thân tâm người kia há không chịu sự cực kỳ sâu khổ, ưu não?”

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ như hạt đậu hỏi Tỳ-kheo:

“Ngươi thấy tay Ta cầm viên đá nhỏ như hạt đậu chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thấy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá Ta cầm nhỏ bằng hạt đậu này sánh với Tuyết sơn vương, cái nào lớn hơn?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, viên đá cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu, đem sánh với Tuyết sơn vương, thì nhỏ thua gấp trăm, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn chẳng sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ, không thể so được. Chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, cực lớn.”

Thế Tôn bảo:

“Này Tỳ-kheo, nếu viên đá Ta cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu, đem sánh với Tuyết sơn vương nhỏ thua gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so được. Chỉ nói là núi Tuyết sơn vương rất lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu người này một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, do nhân duyên đó, thân tâm nó chịu ưu não sâu khổ cực trọng, mà đem so với sự khổ trong địa ngục không bằng gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ không thể so được, chỉ nói là trong địa ngục cực kỳ khổ sở mà thôi.

“Tỳ-kheo, thế nào là địa ngục khổ? Chúng sanh sanh trong địa ngục, đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt, trui lửa đỏ rực mà đèo thân thể, hoặc làm thành tám góc, hoặc làm sáu góc, hoặc làm vuông vức, hoặc làm hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như vậy, kẻ tội nhân bị tra khảo thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được trừ khi tội ác bất thiện đã hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh trong địa ngục, đã

sanh vào đó rồi, [760b] ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt trui lửa đỏ rực mà đẽo thân thể, hoặc làm thành tám góc, hoặc làm sáu góc, hoặc vuông vức, hoặc hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như thế, tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.²

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh trong địa ngục, khi sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt đốt cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, lấy kẽm sắt kẹp mở miệng tội nhân, lấy hòn sắt lửa cháy hừng hực, bỏ vào miệng kẻ tội, làm cháy môi cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi chạy xuống dưới thân mà ra. Như vậy tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt trui cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, bèn lấy kẽm sắt, kẹp mở miệng tội nhân, lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy cổ, cháy răng, cháy tim, cháy bao tử, rồi chảy xuống dưới thân ra ngoài. Như vậy tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, ngục tốt nắm lấy, rồi với đất bằng sắt đốt lửa đỏ rực, khiến nằm ngửa lên, trói năm chi thể lại, lấy đinh sắt đóng xuống hai tay và hai chân, dùng một cái đinh riêng đóng ở bụng tội nhân. Như vậy tội nhân bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ đau khổ, nhưng tội nhân không thể chết được trừ phi tội ác và nghiệp bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục khi đã sanh vào đó, ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt, đốt cháy đỏ rực, bắt

² Đoạn lặp lại trong nguyên bản Hán.

tội nhân nằm sát đất, kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh căng thẳng, không nhãn, không dùn. Cũng như miếng da bò được căng với một trăm cây đinh, nó không nhãn, không chùn. Cũng như vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, [760c] bị ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt đốt cháy đỏ rực, khiến tội nhân nằm xuống đất, từ miệng kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh đóng, căng thẳng không nhãn không dùn. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau khổ đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng nhưng họ không thể chết được trừ phi tội ác và bất thiện của họ tiêu diệt. Như thế gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào gọi là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, bị ngục tốt nắm lấy, lột da từ đầu đến chân, rồi lột ngược từ chân lên đầu, dùng xe sắt đốt lửa đỏ rực, buộc tội nhân vào, ở trên mặt đất bằng sắt, châm lửa cháy khắp, rồi bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Như vậy kẻ kia bị tra khảo đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác và bất thiện tiêu hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, bị ngục tốt nắm lấy, với lửa đốt cháy hừng hực rải khắp trên đất, lại bảo tội nhân lấy tay bốc lửa vãi lên thân mình. Như vậy kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, những thống khổ cực trọng, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện tiêu hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, bị ngục tốt nắm lấy, bằng cái chảo lớn, đốt lửa cháy đỏ, xách ngược thân tội nhân, chân lên trời đầu xuống đất quăng vào trong chảo. Tội nhân ở trong chảo sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, tự thân chảy ra bọt trở lại nấu lấy thân. Cũng như các thứ đậu lớn, đậu nhỏ, đậu uẩn, đậu đắng, hạt cải, bỏ chung trong chảo đó đổ đầy nước, chụm lửa cháy dữ; các hạt đậu trong chảo hoặc nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, đậu tự ra bọt rồi lại nấu lấy chúng. Cũng vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục, khi đã sanh vào đó, bị ngục tốt nắm lấy, dùng [761a] chảo bằng sắt lớn, đốt lửa cháy đỏ, dựng ngược

thân tội nhân, chân quay lên trên, đầu quay xuống đất, ném vào trong chảo có nước đang sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi giạt bốn bên, từ thân sanh ra bọt trở lại nấu lấy thân. Kẻ kia như vậy bị khảo trị thống khổ đau đớn cùng tột, trải qua nhiều năm cho đến ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, những khổ cực trọng. Nhưng tội nhân không thể chết được trừ phi tội ác bất thiện của họ tiêu trừ hết. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Trong địa ngục kia có ngục tên là Sáu xúc.³ Nếu chúng sanh sanh vào trong đó, sau khi đã sanh vào, hoặc sắc được thấy bởi mắt không được ưa, không được thích, không được ưa thích; không làm cho ý thấm nhuần ái, không phải thấm nhuần ái; không làm cho ý thiện lạc, không phải thiện lạc. Hoặc tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc chạm nơi thân và pháp được biết bởi ý, không được ưa, không được thích, không được ưa thích; không làm cho ý thấm nhuần ái, không phải thấm nhuần ái; không làm cho ý thiện lạc, không phải thiện lạc. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện nói cho các người về địa ngục, về sự việc ở địa ngục, song sự khổ địa ngục không thể nói hết được. Chỉ nói là địa ngục duy trì chỉ có khổ mà thôi.

“Này các Tỳ-kheo, đến một lúc người ngu si kia ra khỏi địa ngục, sanh làm súc sanh; súc sanh đó cũng rất khổ.

“Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Hoặc có chúng sanh sanh vào loài súc sanh, tức loài sống trong hầm tối, lớn lên trong hầm tối và chết đi trong hầm tối. Nó là loài gì? Là loài trùng sống trong đất.⁴ Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị.⁵ Nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành. Sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành rồi, do nhân duyên đó, đến lúc thân hoại mạng chung, sanh vào loài súc sanh, tức là loài sống trong hầm tối, lớn lên trong hầm tối và chết đi trong hầm tối. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

³ Lục cảnh lạc 六更樂.

⁴ Pl. M. iii. 168: các loại sâu hay dòi (*puḷavā*), giun (*gaṇḍuppādā*).

⁵ M 129 (iii.168): *bālo idha pubbe rasādo*, người ngu trước kia thường thức vị ngọt ở nơi này.

“Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Hoặc có chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức sống trong thân, lớn lên trong thân và chết trong thân. Nó là loài gì? Là loài vi trùng ghê chóc. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành. Nó sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung sanh vào loài súc sanh, tức nó sống trong thân, lớn lên trong thân, và rồi chết trong thân. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

“Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Hoặc có chúng sanh sanh trong loài súc sanh, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Nó là loài gì? Đó là loài cá kinh, rùa, cá sấu, bà-lưu-ly, đề-tì, [761b] đề-tì-già-la.⁶ Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành. Nó sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, sanh trong loài súc sanh tức sống trong nước lớn lên trong nước và rồi chết đi trong nước. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Hoặc có chúng sanh sanh trong súc sanh, loài có răng để cắn, sống ăn cỏ, cây lá. Chúng là loài gì? Đó là voi, lạc đà, bò, nai, lừa, trâu và chó. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành. Đó sau khi đã hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài súc sanh loài có răng để cắn, sống ăn cỏ cây lá. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là súc sanh khổ? Hoặc có chúng sanh sanh vào trong súc sanh, là loài súc sanh khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó, ăn loại đồ ăn đó. Cũng như trai, gái nghe được mùi ẩm thực liền chạy đến và nói rằng: ‘Đây là đồ ăn, đây là đồ ăn.’ Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, hoặc có chúng sanh sanh trong súc sanh, tức là loài súc sanh khi nghe mùi người ta đại tiểu tiện ra, liền chạy đến nơi đó, ăn loại đồ ăn đó. Chúng là những loại gì? Đó là gà, heo, chó, chó sói,

⁶ Các loại cá, phiên âm: bà-lưu-ni 婆留尼 (Skt. *vāruṇī*, hay *vāruṇa*, tên một loại rắn nước, thường luông?), đề-tì 提鼻 (Pl.: *timi*, một loại cá lớn), đề-tì-già-la 提鼻伽羅. (*timīṅgala*, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền); xem kinh 35 (A-tu-la). M 129 chỉ kẻ: *pāṇā udakasmim... macchā kacchapā susumārā*, các sanh vật trong nước: cá, rùa, cá sấu.

qua, câu-lâu-la, câu-lăng-ca.⁷ Người ngu si ấy, vì lúc xưa tham trước thực vị. Nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, sanh trong súc sanh, tức là loài ăn phân ô uế. Như vậy gọi là súc sanh khổ.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện để nói cho các người về súc sanh, nói sự việc của súc sanh. Song nỗi khổ của súc sanh không làm sao nói hết được. Chỉ nói là súc sanh duy chỉ có khổ mà thôi.

“Này các Tỳ-kheo, nếu như người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, trở lại sanh lên làm người; đây là việc cực kỳ khó khăn. Vì sao? Vì kẻ kia khi sanh trong loài súc sanh không làm nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc lành. Súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau. Con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con bé. Này Tỳ-kheo, như cội đất này tràn đầy những nước. Có một con rùa đui, sống lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván nhỏ, chỉ có một lỗ duy nhất, bị gió thổi trôi. Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao? Con rùa đui kia có thể chui đầu nó vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ nhẹ nhỏ kia chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, có thể chui được, nhưng thật lâu, thật lâu và rất khó.

Thế Tôn [761c] bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, con rùa đui kia hoặc trải qua một trăm năm, rồi nó từ phía Đông đến, ngóc đầu lên một lần. Miếng ván nhỏ kia chỉ có một lỗ lại bị gió thổi từ phương Đông dờn qua phương Nam. Có một lúc con rùa đui qua một trăm năm từ phương Nam đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván một lỗ kia, lại bị gió thổi từ phương Nam dờn đến phương Tây. Hoặc có lúc con rùa đui đờn một trăm năm qua từ phương Tây đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván có một lỗ kia, lại bị gió từ phương Tây thổi dờn đến phương Bắc. Hoặc lúc con rùa đui kia từ phương Bắc đến, ngóc đầu lên một lần nữa, thì miếng ván có một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Bắc dờn tới các phương khác. Này các Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Con rùa đui kia có chui vào được lỗ ván ấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

⁷ Câu-lâu-la 拘樓羅, câu-lăng-ca 拘稜迦. M 129 chỉ kể bốn loại: *kukkuṭā* (gà), *sūkarā* (lợn), *sonā* (chó), *siṅgalā* (dã can).

“Bạch Thế Tôn, con rùa cũng có thể chui vào được lỗ ván ấy. Nhưng thật lâu, thật lâu và khó lắm.”

“Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si kia, từ súc sanh thoát ra mà trở lại làm người thì cũng khó lắm. Vì sao? Kẻ kia khi sanh ở trong súc sanh, không làm việc nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc tốt lành. Loài súc sanh đó lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con nhỏ.

“Này các Tỳ-kheo, nếu người ngu si kia có khi ra khỏi súc sanh, sanh lên làm người, hoặc sanh nhằm nhà thuộc giai cấp hạ tiện, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm thức ăn rất khó. Họ là hạng người nào? Đó là nhà ngục tốt, nhà làm thợ, nhà thủ công, nhà làm đồ gốm, và các gia đình hạ tiện khác, đại loại như vậy. Xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm ăn rất khó. Họ sanh nhằm những nhà như vậy. Khi sanh vào đó rồi, hoặc đui, hoặc què, hoặc khuỷu tay ngắn, hoặc gù, hoặc chỉ dùng tay trái, da xấu, mặt dê, xấu xí đoan mạng, bị người khác sai sử. Nó hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành. Nó sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do nhân duyên đó, sau khi thân hoại mạng chung trở lại chỗ ác sanh vào địa ngục.

“Cũng như hai người cùng đánh bạc, một trong hai người đó, canh bạc đầu nó mất tôi tớ, và mất cả vợ con. Sau đó lại đến thân mình bị treo ngược trong nhà khói.⁸ Người đó tự nghĩ: ‘Ta không ăn không uống, song canh bạc đầu ta mất tôi tớ, mất cả vợ con. Canh bạc cuối, thân ta bị treo ngược trong nhà khói.’ Này các Tỳ-kheo, canh bạc ấy thua rất ít, chỉ mất tôi tớ, mất vợ con, và sau đó thân bị treo ngược trong nhà khói. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể. Đó là thân hành động ác, khẩu và ý hành động ác. Sau khi hành động với thân ác hành, khẩu và [762a] ý ác hành, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại chỗ ác, sanh trong địa ngục.

“Này các Tỳ-kheo, đối với việc làm này, thật không thể vui, thật không thể thích, chẳng phải điều đáng nghĩ tưởng đến.

“Này các Tỳ-kheo, những điều được nói như vậy, há không đầy đủ chẳng?”

⁸ Yên ốc 煙屋. M 129: *uttaripi adhibandham nigaccheyya*, cuối cùng bị cột trời.

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thật sự như vậy, những điều ấy đã nói hết các pháp ngu si kia.

Đức Thế Tôn bảo:

“Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có ba sự kiện: sự tướng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.

“Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ, nên được nói là trí tuệ vậy.

“Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói là thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện, nên người có trí được nói là kẻ trí.

“Người có trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm của họ cảm thọ ba điều hỷ lạc? Người trí tuệ khi có làm điều gì, hoặc ngồi nơi tụ lạc, hoặc tại đường cái, đường hẻm, hoặc tại chợ quán, hoặc tại ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người trí. Kẻ có trí từ bỏ sát sanh, từ bỏ việc lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến mà được chánh kiến, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nếu đã thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy họ, bèn khen ngợi. Người trí tuệ kia nghe điều đó, hoặc tự nghĩ: ‘Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy bèn khen ngợi. Ta đây cũng có vô lượng pháp thiện. Nếu có kẻ nào thấy tất sẽ khen ngợi ta.’ Đây là điều hỷ lạc thứ nhất mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

“Lại nữa, người trí tuệ kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp như chặt tay, chặt chân, và chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, hoặc nhổ tóc, bứt râu, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc bỏ vào cối, trùm trong áo rồi đốt cháy, hoặc lấy cát lấp, quán cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào trong bụng lừa sắt, hoặc ném vào trong miệng heo sắt, hoặc đôi vào miệng cạp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào chảo đồng, hoặc đôi vào chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng giáo nhọn đâm, hoặc lấy móc câu móc, hoặc đặt trên giường sắt rồi lấy dầu sôi nhều, hoặc ngồi trên cối sắt dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mỗ, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy đánh, [762b] hoặc lấy hèo

đập, hoặc xô lưởi bêu đầu, hoặc đâm chết bêu đầu. Người trí tuệ kia thấy rồi bèn nghĩ: ‘Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, vua biết được bắt và khảo trị như vậy. Ta không làm vô lượng pháp ác bất thiện. Nếu vua biết ta thì ta hoàn toàn chẳng bị các loại khổ trị như vậy.’ Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà người trí ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

“Lại nữa, người trí kia hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người đó gặp lúc bệnh khổ, hoặc nằm ngòì trên giường, hoặc nằm ngòì trên ván, hoặc nằm ngòì dưới đất, hoặc thân đau nhức rất khổ sở cho đến khi mạng sống gần dứt. Những hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành của người kia, bấy giờ các việc làm ấy treo ngược lên cao. Ví như xế chiều, mặt trời lặn xuống, bóng núi cao đổ ngược trên mặt đất. Cũng vậy, hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành của người kia treo ngược từ trên cao. Người ấy tự nghĩ: ‘Đây là những hành động với thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, treo ngược từ trên cao. Vì lúc xế trưa ta làm nhiều phước, không làm ác. Nếu có nơi nào cho những người không làm ác, không hung bạo, không làm điều phi lý, chỉ làm phước, tạo nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, thì ta đến chỗ lành đó.’ Do vậy, người ấy không sanh tâm hối hận. Do không hối hận, nên người ấy chết nhẹ nhàng, mạng chung an lành. Đây là điều hỷ lạc thứ ba mà người trí ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được.

“Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người ấy sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng: ‘Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm, nơi đó được nói là thiện xứ.’ Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý khả niệm.”

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo, rời chỗ ngòì đứng dậy, trích vai áo bên phải chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Này Tỳ-kheo, thiện xứ thì không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ. Chỉ có thể nói rằng nơi thiện xứ chỉ có hoan lạc.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví dụ Chuyển luân vương thành tựu bảy báu và bốn ý túc của loài người. Nay Tỳ-kheo, ý người nghĩ sao? [762c] Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người, nơi vua kia nhân đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, nếu ai thành tựu được một như ý túc loài người còn lãnh thọ được hỷ lạc cùng cực, huống nữa là Chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc loài người, há chẳng phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao?”

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo:

“Người có thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, có thấy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương cái nào lớn hơn?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đó đem so với Tuyết sơn vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi.”

Thế Tôn lại bảo:

“Này Tỳ-kheo, nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương, nó thật quá nhỏ, quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc, nơi vua kia thân tâm cảm thọ hỷ lạc cùng cực; đem so sánh với hỷ

lạc ở cõi trời, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn vạn lần, không thể so sánh, không thể tính toán, không thể ví dụ được. Nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ hoàn toàn hoan lạc thôi.

“Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện thiện xứ gọi là Sáu xúc. Chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được thấy bởi sắc, mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện xứ. Tiếng được nghe nơi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ.

“Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các người nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nào nói hết được. Chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi.

“Này các Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhằm nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ, [763a] thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là hạng người nào? Là nhà đại trưởng giả Cư sĩ, nhà trưởng giả dòng Sát-lị, nhà trưởng giả dòng Bà-la-môn và các nhà đại phú gia khác. Tiền của vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy đủ, và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhằm nhà như vậy, đọa chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệp hành, khẩu và ý diệp hành. Sau khi hành thân diệp hành, khẩu và ý diệp hành rồi, do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung trở lại thiên xứ, sanh lên thiên giới. Ví như hai người đánh bạc, trong đó một người ăn và tiếp tục đánh, ăn được nhiều tiền tài. Người đó nghĩ rằng: ‘Ta chẳng làm ruộng, nhưng ván đầu ta ăn và tiếp tục canh bạc như vậy, ta lấy được nhiều tiền tài.’ Này Tỳ-kheo, canh bạc đó quá nhỏ mà được nhiều tiền của. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể, đó là hành thân diệp hành, khẩu và ý diệp hành. Sau khi hành thân diệp hành, hành khẩu và ý diệp hành, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung trở lại thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Tỳ-kheo, các việc thiện này là sự việc rất đáng vui, rất đáng thích, rất đáng được thích ý.

“Này Tỳ-kheo, các pháp của người trí tuệ được nói như vậy, há không đầy đủ chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thật sự các pháp của người trí tuệ kia được nói như vậy là đầy đủ.”

Thế Tôn bảo:

“Đó là pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Các người cần phải biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Đã biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ rồi, hãy xả bỏ pháp của người ngu si và chọn lấy pháp của người trí tuệ. Các người hãy học như vậy.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.⁹



⁹ Bản Hán, hết quyển 53.

200. KINH A-LÊ-TRA

[763b0] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lê-tra,¹ trước kia là một người Già-đà-bà-lê,² sanh ác kiến như vậy, ‘Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vậy, ‘Hành dục không bị chướng ngại³.’”

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi:

“Này A-lê-tra, có thật thầy có nói như vậy: Tôi hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vậy, hành dục không bị chướng ngại?”

Khi ấy A-lê-tra đáp:

“Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu Đức Thế Tôn nói pháp như vậy: Hành dục không bị chướng ngại.”

Các Tỳ-kheo khiển trách A-lê-tra rằng:

“Thầy chớ nói như vậy; chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn. Xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện để nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.”

Tỳ-kheo A-lê-tra bị các Tỳ-kheo khiển trách, nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói, ‘Đây là điều chân thật, ngoài ra là hư vọng.’ Và lặp lại ba lần như vậy.

Chúng Tỳ-kheo không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về. Họ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi

¹ A-lê-tra 阿梨吒. M 22: Aritṭha.

² Bồn già-đà-bà-lê 本伽陀婆利. Pāli: Gadhabādhi-pubba. Trước kia là người huấn luyện chim ưng.

³ Chướng ngại 障礙, hoặc nói *chướng đạo pháp* 障道法. Pāli: anatāriyakā dhammā. Trường hợp này được ghi trong Luật tạng. Cf. *Ngũ phần 8* (tr. 56c12), ba-dật-đề 48; *Tăng-kì 25* (tr. 427a23): ba-dật-đề 45; *Tứ phần 17* (tr. 682b9), ba-dật-đề 68: A-lê-tra 阿梨吒; *Thập tụng 15* (tr. 106a3): A-lị-tra, ba-dật-đề 55; *Căn bản Hữu bộ 39* (tr. 840b21): Vô Tướng 無相, ba-dật-đề 55. Pāli, pāc. 68, Vin. iv. 133.

sang một bên bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến như vậy: Tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói là như vậy: ‘Hành dục không bị chướng ngại.’ Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi rằng: ‘Này A-lê-tra, có thật thầy nói như vậy: Tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói là như vậy, ‘Hành dục không bị chướng ngại chăng?’’ Tỳ-kheo A-lê-tra trả lời chúng con rằng, ‘Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói là như vậy: Hành dục là không bị chướng ngại.’ Bạch Thế Tôn, chúng con khiển trách rằng, ‘Này A-lê-tra, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn. Xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.’ Chúng con khiển trách, nhưng Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói, ‘Đây là điều chân thật, ngoài ra là hư vọng.’ Và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về.”

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một [763c] Tỳ-kheo:

“Hãy đến chỗ Tỳ-kheo A Lê Tra, nói như vậy: Thế Tôn cho gọi thầy.”

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra, Tỳ-kheo này nói:

“Đức Thế Tôn gọi thầy.”

Tỳ-kheo A-lê-tra liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Này A-lê-tra, có thật chẳng nguoi có nói như vậy: Tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói là như vậy, hành dục không bị chướng ngại?”

A-lê-tra đáp:

“Bạch Thế Tôn, thật sự con hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói là như vậy: Hành dục không bị chướng ngại.”

Đức Thế Tôn khiển trách:

“Này A-lê-tra, bằng cách nào mà nguoi hiểu pháp mà Ta nói là như vậy? Nguoi nghe từ miệng người nào nói pháp Ta thuyết là như vậy? Này

người ngu si kia, Ta không nói một chiều mà người lại nói một chiều chẳng? Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, người khi ấy phải đúng như pháp mà trả lời. Nay để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo đã.”

Liền đó, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người cũng hiểu như vậy chẳng, rằng pháp Ta nói là như vậy: Hành dục không bị chướng ngại?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Các người hiểu pháp Ta nói như thế nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu pháp mà Thế Tôn nói là như vậy: ‘Dục có chướng ngại, Thế Tôn nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Thế Tôn nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Thế Tôn nói dục như miếng thịt. Dục như bó thuốc, Thế Tôn nói dục như cây thuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Thế Tôn nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Thế Tôn nói dục như rắn độc. Dục như mộng, Thế Tôn nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Thế Tôn nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Thế Tôn nói dục như trái cây⁴.’ Chúng con hiểu pháp mà Thế Tôn nói là như vậy.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, các người hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy. Dục có chướng ngại, Ta nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Ta nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Ta nói dục như miếng thịt. Dục như bó thuốc, ta nói dục như cây thuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Ta nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Ta nói dục như rắn độc. Dục như mộng, Ta nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Ta [764a] nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Ta nói dục như trái cây.”

Đức Thế Tôn lại khen:

“Lành thay! Lành thay, các Tỳ-kheo! Các người hiểu pháp Ta nói như

⁴ Xem thí dụ kinh 203 sau.

vậy. Nhưng A-lê-tra ngu si này tiếp thọ và lãnh hội nghĩa và văn điền đảo. Người ấy nhân tiếp thọ và lãnh hội nghĩa và văn điền đảo cho nên xuyên tạc Ta, để tự gây thương hại cho mình. Có phạm, có tội. Đó là điều mà các đồng phạm hạnh có trí không hoan hỷ, và là một đại tội. Nay người ngu si kia, người có biết chỗ ác bất thiện này chăng?”

Tỳ-kheo A-lê-tra bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Tỳ-kheo A-lê-tra, rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì nên thọ trì đúng như vậy. Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì phải hỏi lại Ta hay các đồng phạm hạnh có trí. Vì sao? Hoặc có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điền đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điền đảo và ghi nhớ điền đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa⁵. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu pháp một cách điền đảo.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, nó đi vào rừng hoang. Thấy con rắn rất lớn, người ấy liền bước tới, dùng tay nắm lấy lưng rắn. Con rắn ngóc đầu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Nó làm công việc tìm bắt rắn, nhưng không đạt được mục đích, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì không biết rõ phương pháp bắt rắn. Cũng vậy, có thể có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điền đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điền đảo và ghi nhớ điền đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này,

⁵ Xem kinh 1 trên.

chi chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết pháp một cách điên đảo.

“Hoặc có một thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết [764b] nghĩa và vẫn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo nghĩa và vẫn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo pháp.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay cầm gậy sắt, đi trong rừng hoang. Thấy một con rắn rất lớn, người ấy liền lấy gậy sắt dè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Con rắn kia tuy ngoặt đuôi lại, hoặc quẩn tay chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người kia làm như vậy để tìm bắt rắn và đạt được mục đích, không chuốc lấy cực khổ luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy khéo biết cách bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết nghĩa và vẫn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo nghĩa và vẫn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo pháp.

“Ta thường nói cho các người nghe về thí dụ chiếc bè, là để cho các người biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ.

“Thí dụ chiếc bè mà Ta thường nói cho các người nghe, để các người biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ, là như thế nào?

“Ví như, con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa đó không có thuyền, bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc ở bờ bên kia nên cần

phải qua. Người ấy bèn nghĩ rằng, ‘Ở đây con nước từ trên núi chảy xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi rất nhiều thứ. Ở khoảng giữa không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc ở bờ bên kia cần phải qua. Cần phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn?’ Rồi người ấy tự suy nghĩ, ‘Nay ở bờ bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột lại làm bè⁶ để bơi qua.’ Người ấy bèn ở bên bờ bên này góp nhặt cỏ cây, cột lại làm bè, rồi bơi qua. Đến bờ bên kia được yên ổn, người ấy tự nghĩ rằng, ‘Chiếc bè này [764c] có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia đến bờ bên này. Nay ta hãy vác nó lên vai phải, hoặc đội trên đầu mà đi.’ Người ấy bèn vác lên vai phải, hoặc trên đầu mà mang đi. Ý các người nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có lợi ích gì đối với chiếc bè không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn lại nói:

“Người ấy phải làm thế nào mới có thể có lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy nghĩ như vậy, ‘Chiếc bè này có nhiều lợi ích, nhờ nó mà ta an ổn từ bờ bên kia đến bờ này. Nay ta có nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chăng?’ Người ấy mang chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó bên bờ rồi bỏ đi. Ý các người nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích đối với chiếc bè chăng?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Thế Tôn lại nói:

“Cũng vậy, Ta thường nói cho các người nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các người biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Nếu các người biết thí dụ về chiếc bè mà Ta thường nói, đối với pháp còn phải xả bỏ huống là phi pháp chăng?”

“Lại nữa, có sáu kiến xứ⁷. Những gì là sáu? Tỳ-kheo đối với những gì

⁶Đề bản, bệ phiệt 裊筏, bè cỏ (?); TNM: bạc phiệt 簿筏, bè liệp. Pāli: *kulla*, chiếc bè.

⁷Kiến xứ 見處. Pāli: *diṭṭhiṭṭhāna*, y xứ của kiến chấp.

thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả những sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, nó cũng không phải là tự ngã. Những gì thuộc thọ, tưởng, những gì thuộc về kiến này, đều thấy chúng không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, và cũng không phải là tự ngã⁸. Như vậy do tuệ, quán sát mà biết như thật về chúng.

“Những gì là thọ; những gì là tưởng⁹; những gì thuộc kiến này, đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, và cũng không phải là tự ngã. Như vậy do tuệ, quán sát mà biết như thật về chúng.

“Những gì thuộc về kiến này, những cái được thấy, nghe, nhận thức, biết¹⁰, được thủ đắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, và cũng không phải là thần ngã. Như vậy, do tuệ quán sát mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến này, đây là tự ngã¹¹, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trụ, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Như vậy, do tuệ biết như thật về chúng.”

Bấy giờ có một Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải chấp tay hướng về Đức Phật bạch:

“Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên trong mà có sợ hãi chẳng?”¹²

⁸ Hán: diệc phi thị thần 亦非是神. Pāli: *na m'eso attā*, cái đó không phải là tự ngã của tôi.

⁹ Bản Hán không kể *hành*.

¹⁰ Hán: kiến văn thức tri 見聞識知. Pāli: *diṭṭham sutam mutam viññātam*, cái được thấy, được nghe, được cảm giác, được nhận thức.

¹¹ Hán: thử thị thần 此是神. Pāli: *so attā*, đây là tự ngã. Xem [cht.8](#) trên.

¹² M 22 (i. 136): *siyā nu kho bhante ajjhataṃ asati paritassanā ti*, có thể có cái gì không thật hữu ở bên trong khiến lo sợ? Nội dung đoạn này, Hán và Pāli trái

Thế Tôn [765a] đáp:

“Có.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên trong mà có sợ hãi?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo, thấy như vậy, nói như vậy, ‘Cái kia trước đây hoặc giả không có; giả thiết nó có nhưng tôi không đạt được.’¹³ Và do thấy như vậy, nói như vậy, người ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si. Nay Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên trong mà có sợ hãi.”

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên trong mà không có sợ hãi chẳng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Có.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên trong mà không có sợ hãi?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo, không thấy như vậy, không nói như vậy, ‘Cái này trước đây hoặc giả không có; giả thiết có nhưng tôi không đạt được.’ Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, người ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Nay Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên trong mà không có sợ hãi.”

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên ngoài¹⁴ mà có sợ hãi chẳng?”

ngược nhau.

¹³ Hán và Pāli trái ngược nhau. M 22: đây là trường hợp nhân bên ngoài không thật có mà sanh lo sợ: *ahu vata me tam vata natthi; siyā vata me, tam vatāham na labhāmi*, “chao ôi, cái này (trước đây) là của tôi, (nay) không là của tôi. Cái này có thể là của tôi, nhưng tôi không thủ đắc được nó.”

¹⁴ M. *ibid.*:...*bahiddhā asati paritassanā*, bên ngoài không thật có, sinh lo sợ.

Thế Tôn đáp:

“Có.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân bên ngoài có sự sợ hãi?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo, thấy như vậy, nói như vậy, ‘Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau.’ Và do thấy như vậy, nói như vậy, mà hoặc giả gặp Như Lai hay đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ. Và bấy giờ Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai nói pháp khiến diệt trừ hết tất cả tự thân, để khiến xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã; diệt kiết sử kiêu mạn; vì vậy cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai nói pháp khiến diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp, khiến xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn; vì vậy cho nên nói pháp. Nghe vậy, nó bèn ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát si cuồng nói như vậy, ‘Ta sẽ đoạn hoại, không còn tái sinh nữa.’¹⁵ Vì sao vậy? Nay Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài, hằng sống với những điều không khả ái, không khả lạc, không xứng ý niệm ấy, cho nên nó ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát si cuồng. Nay Tỳ-kheo, như vậy là nhân bên ngoài mà có sự sợ hãi.”

Tỳ-kheo tán thán Thế Tôn, rồi lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào nhân bên ngoài mà không có sự sợ hãi chẳng?”

Thế Tôn đáp:

“Có.”

Tỳ-kheo lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo, không thấy như vậy, không [765b] nói như vậy, ‘Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau.’ Và do không thấy như

¹⁵ M 22, đây là trường hợp nhân bên trong không thật có mà sanh lo sợ (*siyā nu kho bhante ajjhataṃ asati paritassanā ti*).

vậy, không nói như vậy, mà hoặc giả gặp Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bấy giờ Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai nói pháp khiến diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp; khiến xả ly tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn; vì vậy cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai nói pháp khiến diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp, khiến xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và sở tác của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn; vì vậy cho nên nói pháp. Người ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si mà nói như vậy, ‘Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sinh nữa.’ Vì sao vậy? Nay Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài hằng sống với những điều khả ái, khả lạc, xứng ý niệm ấy, cho nên không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Nay Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo tán thán Đức Thế Tôn:

“Lành thay! Lành thay!”

Tán thán rồi, khéo léo ghi nhận và trì tụng, rồi im lặng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, người có thể chấp thủ những điều có thể được chấp thủ như vậy¹⁶, mà sau khi chấp thủ lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Nhưng, các người thấy có cái có thể chấp thủ nào mà khi được chấp thủ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát si cuồng chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Các người có thể y cứ vào cái sở y của kiến như

¹⁶ Thọ như thị sở khả thọ 受如是所可受. M 22: *taṃ attavādupādānāṃ upādiyetha yaṃsa...na uppajjeyyūṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā*, “các người có thể chấp thủ Ngã luận thủ nào (có chấp quan điểm hữu ngã) mà...chấp thủ ấy không khiến sanh sầu bi khổ não.:

vậy¹⁷, mà kiến được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực. Nhưng, các người có thể y cứ vào tri kiến như vậy, mà tri kiến được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chằng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Các người có thể chấp thủ thân như vậy,¹⁸ mà có thân nào là thường trụ không biến dịch, là pháp không hoại diệt chằng? Các người có thấy sự chấp thủ thân nào được chấp thủ như vậy mà là thường trụ, không biến dịch, là pháp không hoại diệt chằng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nói là do tự ngã mà có ta¹⁹, không có tự ngã thì không có ta. Nếu tự ngã và sở hữu của tự ngã, đều không thể bắt được,²⁰ không thể khái niệm được, [765c] thì kiến xứ ràng buộc với kết sử tùy miên ở trong tâm²¹, cũng không thể bắt được, cũng không thể khái niệm được. Nay Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như là Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người Già-đà-bà-

¹⁷ Y như thị kiến sở khả 依如是見所可依. M 22: *taṃ bhikkhave dīṭṭhinissayaṃ nissayetha yaṃsa...*, các người có thể y chỉ sở y của kiến...

¹⁸ M 22: *taṃ pariggahaṃ pariggaṇheyātha*.

¹⁹ Nhân thân cố hữu ngã 因神故有我. M 22: *attani vā sati attaniyaṃ me ti assā ti?* Phải chằng do có ngã mà có ngã sở của tôi?”

²⁰ Thân thân sở hữu bất khả đắc. Cf. M 22: *attani ca attaniye ca saccato thetato anupalabbhamāne*, trong khi ngã và ngã sở không được nhận thức như là chân thật, thường trụ.

²¹ Tâm trung sở hữu kiến xứ kết trước chư sử diệt bất khả đắc 心中所有見處結著諸使亦不可得. Cf. M 22: *yampi taṃ dīṭṭhithānaṃ - so loko so attā... nanāyaṃ ... bāladhammo*, thì kiến y xứ này: “Cái này là thế giới. Cái này là tự ngã.” Kiến y xứ này há không là pháp ngu si?

lê chãng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn. Như vậy là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người già-đà-bà-lê.”

“Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu? Tỳ-kheo, đối với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần hoặc xa; tất cả sắc ấy đều không phải sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của sắc ấy, cũng không phải là tự ngã. Như vậy do tuệ mà quán sát biết như thật về sắc. Những gì thuộc về thọ, tưởng, thuộc về kiến này đều thấy chúng không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Như vậy, do tuệ mà quán sát biết như thật về chúng. Những gì thuộc về kiến này, thấy, nghe, nhận thức, biết, được thủ đắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Như vậy do tuệ mà quán sát biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến này, ‘đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trụ, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại’; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã. Như vậy, do tuệ quán sát mà biết như thật về chúng.

“Này Tỳ-kheo, những gì thuộc về sáu kiến xứ ấy mà thấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã, và do không kiến chấp như vậy, nên không chấp thủ thế gian này. Do không chấp thủ thế gian này nên không có sợ hãi. Do không sợ hãi mà chúng đắc Niết-bàn, biết như thật rằng, ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

“Thế nào là Tỳ-kheo băng hào²²? Hào vô minh đã diệt tận,²³ đã biến tri, nhỏ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được băng hào.

“Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào²⁴? Hào hữu ái đã diệt tận,²⁵ đã biến tri, nhỏ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa, như vậy là Tỳ-kheo đã vượt hào.

“Thế nào là Tỳ-kheo phá đổ thành quách²⁶. Sanh tử vô cùng đã diệt tận,²⁷ đã biến tri, nhỏ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo phá đổ thành quách.

“Thế nào là Tỳ-kheo không cửa²⁸? [766a] Năm hạ phần kết đã diệt tận,²⁹ đã biến tri, nhỏ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được không cửa.

“Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ³⁰? Ngã mạn đã diệt tận,³¹ đã biến tri, nhỏ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được gương Thánh trí tuệ.

“Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

“Như Lai chánh giải thoát như vậy, dù Nhân-đà-la³², dù Thiên Y-sa-na³³, dù Phạm Thiên và quyến thuộc, không ai có thể tìm thấy thức sở y của Như Lai. Như Lai là Phạm, Như Lai là Mát Lạnh, Như Lai là Không

²² Độ tiệm 度塹. Pāli: *ukkhittapaligho*, người đã dẹp các chướng ngại.

²³ M 22: *āvajjā pahīnā hoti*.

²⁴ Quá tiệm 過塹. Pāli: *abbūhesiko*, người đã nhỏ lên cột trụ.

²⁵ M 22: *tanhā pahīnā hoti*.

²⁶ Phá quách 破墻. Pāli: *saṃkiṇṇaparikkho*, người đã lấp hào.

²⁷ M 22: *ponobbhaviko jātsaṃsāro pahīno hoti*.

²⁸ Vô môn 無門. Pāli: *niraggaḷo*, người đã tháo chốt cửa.

²⁹ M 22: *pañca orambhāgiyāni saṃyojanāni pahīnāno honti*.

³⁰ Thánh trí tuệ kính 聖智慧鏡. Pāli: *ariyo pannaddhajo pannabhāro visamyutto*, vị Thánh đã hạ cò, đã đặt gánh nặng xuống, đã thoát ly.

³¹ M 22: *asmimāno pahīno hoti*.

³² Nhân-đà-la 因陀羅. Pāli: Inda, tức Thiên Đế Thích.

³³ Y-sa-na 伊舍那. Pāli: Īsānā.

Phiền Nhiệt, Như Lai là Bất Di³⁴. Ta nói như vậy. Nhưng các Sa-môn Bà-la-môn xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng không chân thật rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô³⁵. Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương là đoạn, diệt, hoại³⁶. Nhưng nếu trong đó không có, thì Ta đã không nói rằng, ‘Như Lai ấy trong đời hiện tại, được nói là không ưu phiền. Nếu có ai mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai; trong trường hợp đó Như Lai không sân hận, không thù hận, trọn không có hại tâm.’ Nếu có ai đánh đập, mạ ly, sân hận, trách mắng Như Lai, ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ như vậy, ‘Có hành vi tạo tác nào của Ta trong quá khứ để đưa đến sự kiện này.’ Đối với sự mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy, ‘Nếu có ai cung kính cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai; Như Lai không do đó mà vui thích, không do đó mà hoan hỷ, tâm không do đó mà hoan lạc.’ Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng thừa sự Như Lai, thì ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ, ‘Ta nay do những gì được biết, do những gì được đoạn trừ mà đưa đến sự kiện này?’ Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có ai mạ ly đánh đập, trách mắng các người; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các người; các người nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hận, chớ có tâm hại, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng, ‘Chúng ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã. Ví như nay đây, ngoài cửa Thắng lâm này có cỏ khô, cây khô, có một người mang đi đốt, tùy ý mà dùng. Ý các người nghĩ sao? Cây cỏ khô kia có nghĩ rằng, người ấy mang ta đi đốt, [766b] tùy ý mà dùng không?’”

Các Tỳ-kheo đáp:

³⁴Như Lai thị Phạm, Như Lai thị lãnh, Như Lai bất phiền nhiệt, Như Lai bất di 如來是梵, 如來是冷, 如來不煩熱, 如來不異.

³⁵Ngư vô sở thi thiết 御無所施切. Pāli: *venayiko samano gotamo*, Sa-môn Cù-đàm, người dẫn đến chỗ hư vô.

³⁶Thi thiết đoạn diệt hoại. Pāli: *ucchedam vināsam vibhavam paññāpeti*, chủ trương đoạn diệt, hoại diệt, phi hữu.

“Bạch Thế Tôn, không.”

Cũng vậy, nếu có ai mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng các người hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các người; các người nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm cũng chớ có vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng, ‘Ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã.’

“Pháp mà Ta giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền, cho trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền, cho đến trời người như vậy, nếu có ai với chánh trí giải thoát mà mạng chung, với người ấy không giả thuyết có luân chuyển vô cùng.

“Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với năm hạ phần kết tận diệt mà mạng chung sẽ tái sanh lên chỗ kia mà vào Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này.

“Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với ba kết sử đã tận diệt, dâm nộ si đã mỏng, chứng đắc Nhất vĩng lai, sau khi qua lại nhân gian thượng một lần nữa, sẽ chứng đắc khổ biên.

“Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lau bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với ba kiết sử đã tận diệt, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp ác, quyết định sẽ đến chánh giác, chỉ cần bảy lần qua lại cõi trời cõi người, sau bảy lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên.

“Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng

bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lan bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với tâm tín lạc nơi Ta mà mạng chung, chắc chắn sẽ mau vào thiện xứ³⁷. Còn lại, như trên”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



³⁷ Hán: như thượng hữu dư 如上有餘. Không rõ ý.

201. KINH TRÀ-ĐẾ

[766c] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử¹ sanh ác kiến như vậy: “Tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy: Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác.”

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế hỏi:

“Này Trà-đế, thầy thật có nói như vậy chăng, rằng: Tôi biết pháp mà Đức Thế Tôn nói như vậy: ‘Ở đây thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác?’”

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

“Này chư Hiền, tôi thực sự hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói như vậy: Ở đây, thức này luân chuyển, và tái sanh nhưng không đổi khác.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo khiển trách:

“Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn, xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà khởi, Đức Thế Tôn dùng vô lượng phương tiện nói thức này do duyên mà khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế thầy nên xả bỏ ác kiến này đi.”

Tỳ-kheo Trà-đế bị các Tỳ-kheo khiển trách nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: “Đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng” và lặp lại ba lần như vậy.

Các Tỳ-kheo không thể khuyên Trà-đế xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về, và đến chỗ Phật. Đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trà-đế sanh ác kiến như vậy: Tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói như vậy, ‘Ở đây thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác.’ Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy và hỏi: Này Trà-đế, thật thầy có nói như vậy, ‘Tôi hiểu Thế

¹ Trà-đế Kê-hòa-đa Tử 喙帝雞和哆子. Sāti Kevatta Putta, con người đánh cá.

Tôn nói như vậy, Ở đây, thức này luân chuyển và tái sinh nhưng không đổi khác chăng?’ Trà-đế đáp chúng con rằng: ‘Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy: Ở đây, thức này luân chuyển và tái sinh nhưng không đổi khác.’ Chúng con khiển trách: ‘Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Đức Thế Tôn, xuyên tạc Đức Thế Tôn là không tốt, Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà khởi, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói thức này do duyên mà khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.’ Chúng con khiển trách như vậy, nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: ‘Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng’, và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con [767a] không thể khuyên Tỳ-kheo Trà-đế bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về.”

Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một Tỳ-kheo:

“Hãy đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế nói như vậy: Đức Thế Tôn gọi thầy.”

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo ấy vâng lời Đức Thế Tôn, rời chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế, nói lại lời Phật dạy: “Đức Thế Tôn gọi thầy.”

Tỳ-kheo Trà-đế liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Ngươi có thật nói như vậy: Tôi hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói như vậy: Ở đây, thức luân chuyển, và tái sinh nhưng không đổi khác chăng?”

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

“Bạch Thế Tôn, con thật sự hiểu pháp mà Đức Thế Tôn nói như vậy: Thức này luân chuyển và tái sinh không đổi khác.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Thế nào là thức?”

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

“Thức này nói năng, cảm thọ, hành động, và sai bảo hành động. Đứng dậy và sai bảo đứng dậy, nó tạo tác các nghiệp thiện ác chỗ này chỗ kia để rồi thọ báo.”

Đức Thế Tôn quở:

“Này Trà-đế, do đâu mà ngươi hiểu Ta thuyết pháp như vậy? Ngươi nghe từ miệng người nào mà nói Ta thuyết pháp như vậy? Ngươi là kẻ ngu si.

Ta không nói một chiều, người lại nói một chiều chẳng? Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, người bấy giờ phải đứng như pháp mà trả lời. Để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo đã.”

Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người cũng hiểu pháp Ta nói như vậy, Thức này luân chuyển và tái sinh nhưng không đổi khác chẳng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Các người hiểu pháp Ta nói như thế nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con hiểu pháp Thế Tôn nói như vậy: ‘Thức do duyên mà khởi, Thế Tôn nói thức do duyên mà khởi. Thức có duyên thì sinh, không duyên thì diệt.’ Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, các người hiểu Ta pháp nói như vậy. Vì sao? Ta cũng nói pháp như vậy: ‘Thức do duyên mà sinh. Ta nói thức do duyên là khởi. Thức có duyên thì sinh, không duyên thì diệt.’ Thức tùy theo những gì nó duyên vào để sinh khởi mà gọi tên theo duyên ấy. Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa tùy theo những gì nó duyên vào để sinh khởi mà gọi theo duyên đó. Lửa duyên cây mà khởi được gọi là lửa cây. Lửa duyên cỏ rác mà sanh được gọi là lửa cỏ, lửa rác. Cũng vậy, thức tùy theo những gì nó duyên vào đó để sanh thì gọi tên theo duyên đó. [767b] Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy gọi là ý thức.”

Đức Thế Tôn lại khen:

“Lành thay! Lành thay! Các người hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng Tỳ-kheo Trà-đế này là người ngu si, ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Rồi do ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa, cho nên xuyên tạc Ta, để tự làm tổn thương. Có phạm có tội là điều mà các đồng phạm

hạnh có trí không hoan hỷ, và cũng là một đại tội.

“Này người ngu si, người có biết chỗ ác bất thiện này chăng?”

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế bị Thế Tôn trách mắng ngay mặt, trong lòng buồn rầu, cúi đầu im lặng, không có lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi quả trách ngay mặt Tỳ-kheo Trà-đế, nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói pháp rất ráo không phiền, không nhiệt, hằng hữu, bất biến cho các người nghe. Những người có trí phải quán như vậy. Hãy lắng nghe. Hãy lắng nghe. Hãy khéo suy niệm!”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Đây là một chân thể,² các người có thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thấy.”

Đức Thế Tôn nói:

“N hư Lai là một chân thể, các người có thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thấy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Khi N hư Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các người thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thấy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Đây là một chân thể, các người đã thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

² Chân thuyết 真說; Pāli: *bhūta*. Được hiểu là một thực thể, một sự hữu, một sinh vật. Trong văn mạch bản Hán, cần phải hiểu là “Một sự vật đang hiện hữu”.

Đức Thế Tôn nói:

“Nhu Lai là một chân thể, các người đã thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các người đã thấy chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Đây là một chân thể các người có nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nhu Lai là một chân thể, các người có nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các người có nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Đây là một chân thể, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt.”

Đức Thế Tôn nói:

“Nhu Lai là một chân thể, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt.”

Đức Thế Tôn nói:

“Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy, cũng là pháp hủy diệt, do tuệ mà thấy chân thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt.”

Đức Thế Tôn nói:

“Đây là một chân thể, các người đã không còn [767c] nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Như Lai là một chân thể, các người đã không còn nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chân thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các người đã không còn nghi hoặc chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người thấy như vậy, biết như vậy, tức là nói: ‘Tri kiến này của tôi, nó thanh tịnh như vậy, nên chấp trước nó, tiếc nuôi nó, thủ trì nó, không muốn xả bỏ’ và các người biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi qua rồi, những gì bị bít kín, có thể được mở cho chảy xuôi chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, tức là

nói: ‘Tri kiến này của tôi, nó thanh tịnh như vậy, nhưng không chấp trước nó, không tiếc nuôi nó, không chủ trì nó, muốn xả bỏ nó’ và các người biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi biết rồi những gì bị bít kín, có thể được mở chày xuôi chãng?’

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ Di học đến hỏi các người: ‘Này Hiền giả, các ngài có tri kiến thanh tịnh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gì?’ Các người trả lời thế nào?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ Di học đến hỏi chúng con: ‘Này Hiền giả, các ngài tri kiến thanh tịnh, như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì? Có công đức gì?’ Chúng con sẽ đáp như sau: ‘Này chư Hiền, nghĩa lợi đó là yếm ly, nghĩa lợi đó là vô dục, nghĩa lợi đó là thấy biết như thật.’ Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ di học đến hỏi, chúng con sẽ đáp như vậy.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ di học đến hỏi các người, các người nên đáp như vậy. Vì sao? Đây được nói là sự quán sát: một là thực phẩm phần đoạn, thô hoặc tế, nghi hoặc xúc; ba là ý tư, bốn là thức. Bốn loại thực phẩm này lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, do đâu mà có? Bốn loại thực phẩm ấy, lấy ái làm nhân, do ái mà tập khởi, từ ái mà sanh, duyên ái mà có. Ái lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên gì mà có? Ái lấy thọ làm nhân, do thọ tập khởi, từ thọ mà sanh, duyên thọ mà có. Thọ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thọ lấy xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, từ xúc mà sanh, duyên xúc mà có. Xúc lấy gì làm nhân, do gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Xúc lấy sáu xứ làm nhân, do sáu xứ mà tập khởi, từ sáu xứ mà sanh, duyên sáu xứ mà có. Sáu xứ lấy gì làm nhân, do gì tập khởi, [768a] từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Sáu xứ lấy danh sắc làm nhân, do danh sắc mà tập khởi, từ danh sắc mà sanh, duyên danh sắc mà có. Danh sắc lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Danh sắc lấy thức làm nhân, do thức mà tập khởi, từ thức mà sanh, duyên thức mà có. Thức lấy gì làm nhân, do

cái gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thức lấy hành làm nhân, do hành mà tập khởi, từ hành mà sanh, duyên hành mà có. Hành lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Hành lấy vô minh làm nhân, do vô minh mà tập khởi, từ vô minh mà sanh, duyên vô minh mà có. Đó là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi khóc lóc, ưu khổ, ác nã. Như vậy, toàn vẹn khối lớn, khổ đau này phát sanh.

“Duyên sanh có già, chết. Ở đây nói là duyên sanh có già, chết, ý các người nghĩ sao?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, duyên sanh có già, chết, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sanh, có già, chết.”

“Duyên hữu có sanh, ở đây nói là duyên hữu có sanh, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên hữu có sanh, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hữu có sanh.”

“Duyên thủ có hữu, ở đây nói là duyên thủ có hữu, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên thủ có hữu, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thủ có hữu.”

“Duyên ái có thủ, ở đây nói là duyên ái có thủ, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên ái có thủ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên ái có thủ.”

“Duyên thọ có ái, ở đây nói là duyên thọ có ái, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên thọ có ái, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thọ có ái.”

“Duyên xúc có thọ, ở đây nói là duyên xúc có thọ, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên xúc có thọ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên xúc có thọ.”

“Duyên sáu xứ có xúc, ở đây nói là duyên sáu xứ có xúc, ý các người nghĩ sao?”

[768b] “Bạch Thế Tôn, duyên sáu xứ có xúc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sáu xứ có xúc.”

“Duyên danh sắc có sáu xứ, ở đây nói là duyên danh sắc có sáu xứ, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên danh sắc có sáu xứ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên danh sắc có sáu xứ.”

“Duyên thức có danh sắc, ở đây nói là duyên thức có danh sắc, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên thức có danh sắc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thức có danh sắc.”

“Duyên hành có thức, ở đây nói duyên hành có thức, ý các người nghĩ sao?”

“Duyên hành có thức, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hành có thức.”

“Duyên vô minh có hành, ở đây nói duyên vô minh có hành, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, duyên vô minh có hành, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên vô minh có hành.”

“Đây là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, áo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, các người nói như vậy. Vì sao? Ta cũng nói như vậy. Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, áo não. Như vậy, toàn vẹn khối lớn đau khổ này phát sanh.

“Sanh diệt thì già-chết diệt, ở đây nói là sanh diệt thì già-chết diệt, ý các người nghĩ sao?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, sanh diệt thì già-chết diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sanh diệt thì già-chết diệt.”

“Hữu diệt thì sanh diệt, ở đây nói hữu diệt thì sanh diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, hữu diệt thì sanh diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì hữu diệt thì sanh [768c] diệt.”

“Thủ diệt thì hữu diệt, ở đây nói là thủ diệt thì hữu diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, thủ diệt thì hữu diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thủ diệt thì hữu diệt.”

“Ái diệt thì thủ diệt, ở đây nói ái diệt thì thủ diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, ái diệt thì thủ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì ái diệt thì thủ diệt.”

“Thọ diệt thì ái diệt, ở đây nói thọ diệt thì ái diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, thọ diệt thì ái diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thọ diệt thì ái diệt.”

“Xúc diệt thì thọ diệt, ở đây nói xúc diệt thì thọ diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, xúc diệt thì thọ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì xúc diệt thì thọ diệt.”

“Sáu xứ diệt thì xúc diệt, ở đây nói sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sáu xứ diệt thì xúc diệt.”

“Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ở đây nói danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.”

“Thức diệt thì danh sắc diệt, ở đây nói thức diệt thì danh sắc diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, thức diệt thì danh sắc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thức diệt thì danh sắc diệt.”

“Hành diệt thì thức diệt, ở đây nói hành diệt thì danh sắc diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, hành diệt thì thức diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì hành diệt thì thức diệt.”

“Vô minh diệt thì hành diệt, ở đây nói vô minh diệt thì hành diệt, ý các người nghĩ sao?”

“Bạch Thế Tôn, vô minh diệt thì hành diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì vô minh diệt thì hành diệt.”

“Đây là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu não diệt. Như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ này bị diệt.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nay Tỳ-kheo, các người nói như vậy. Vì sao? Ta cũng nói như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ [769a] diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não diệt. Như vậy toàn vẹn khối lớn đau khổ này cũng diệt.”

Đức Thế Tôn lại khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người đối với quá khứ có nghĩ: ‘Ta có trong thời quá khứ, hay ta không có trong thời quá khứ? Ta có trong thời quá khứ như thế nào? Do gì mà có trong thời quá khứ’ chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người đối với vị lai có nghĩ rằng: ‘Ta sẽ có trong đời vị lai hay sẽ không có trong đời vị lai? Có trong đời vị lai như thế nào? Do đâu mà có trong đời vị lai’ chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người đối với bên trong mà có nghi hoặc rằng: ‘Đây là thế nào? Đây là cái gì? Chúng sanh này từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Do nhân gì mà đã có? Do nhân gì mà sẽ có’ chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có giết cha mẹ, hại đệ tử Phật, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, có ác ý với Phật, làm đổ máu Như Lai chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có phạm giới, xả giới, bỏ đạo chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người thấy như vậy, biết như vậy, các người có bỏ nội đạo mà tìm đến ngoại đạo để tìm ruộng phước chẳng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có đối với Sa-môn Bà-la-môn mà nói như vậy: ‘Chư Tôn, các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết’ chẳng?”

Tỳ-kheo [769b] đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có cho lễ cát tường³ là thanh tịnh chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có thấy những kiến chấp liên hệ đến lễ cát tường của các Sa-môn Bà-la-môn xen lẫn khổ, xen lẫn độc hại, xen lẫn phiền nhiệt, xen lẫn ảo não, là chân thật chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người khi thân thể bệnh hoạn, rất là đau đớn, đến gần như tuyệt mạng bèn bỏ nội đạo tìm đến ngoại đạo, tìm đến những Sa-môn Bà-la-môn kia những người trì loại chú một câu, chú hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm câu, nói rằng: ‘Xin trì chú này để tôi thoát khổ.’ Đó là tìm đến sự khổ, tập khởi sự khổ mà mang diệt tận khổ được chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có chấp thủ sự tái sanh không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Nếu các người biết như vậy, thấy như vậy, các người có nói như vậy: ‘Chúng ta cung kính Sa-môn, kính trọng Sa-môn.

³ Cát tường 吉祥; Pāli: *mangala*: có nghĩa “cát tường” mà cũng có nghĩa là ‘tế đàn’, ở đây nên hiểu theo nghĩa sau.

Sa-môn Cù-đàm là Bạch Thế Tôn Sư của chúng ta chăng?.”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Các người bằng sự tự biết, tự thấy, tự giác đối với sự chứng đắc tối chánh giác, các người có tùy theo những điều được hỏi mà trả lời chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, thật như vậy.”

Đức Thế Tôn khen:

“Lành thay! Lành thay! Ta chân chánh điều ngự các người đối với pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí. Vì lý do đó mà Ta đã nói rằng: Ta sẽ nói cho các người nghe pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí.

“Lại nữa, có ba sự kiện hội hợp để thác vào thai mẹ. Đó là cha mẹ tụ tập tại một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai, và hương âm đã đến. Do ba sự kiện này hội hợp mà thác vào thai mẹ. Thai mẹ kéo dài chín tháng hay mười tháng rồi sanh. Sau rồi được nuôi dưỡng bằng máu. Máu đó ở trong Thánh pháp gọi là sữa mẹ. Rồi thì các căn lớn dần cho đến thành tựu, ăn cơm, ăn cháo, dầu tô thoa mình, rồi mắt nó thấy sắc, ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu. Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn; nó không như thật biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát, [769c] những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận hoàn toàn, không bị hủy hoại, không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân ý cũng như vậy. Ý biết pháp, ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu. Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn. Nó không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận hoàn toàn, không bị hủy hoại, không dư tàn. Nó tùy những gì ưa, ghét mà lãnh nạp cảm thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Nó hoan lạc với cảm lạc ấy, tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy. Nó sau khi hoan lạc với cảm thọ ấy, tìm cầu chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy rồi; nếu đó là

cảm thọ lạc, vì do nó chấp thủ và duyên thủ mà có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, ưu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đầy đủ tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử.”

“Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Mắt vị ấy thấy sắc, nhưng đối với sắc đẹp không hoan lạc chấp trước, đối với sắc xấu không ghét bỏ. Vị ấy lập niệm tại thân với một tâm vô lượng, biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp ác bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Ý biết pháp đối với cái đẹp không hoan lạc, chấp trước, đối với cái xấu không ghét bỏ. Lập niệm tại thân với một tâm vô lượng. Biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Vị ấy như vậy, diệt những gì yêu ghét được lãnh nạp bởi thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Vị ấy không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ ấy. Do không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ theo cảm thọ ấy, nếu có cảm thọ lạc, nó liền diệt. Lạc diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não cũng diệt. Như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này đều diệt.

“Này Tỳ-kheo, đây há không phải là đầy đủ ái tận giải thoát chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ ái tận giải thoát.”

Khi pháp này được công bố, ba ngàn đại thiên thế giới ba lần chấn động, hết động lại động nữa, hết rung lại rung nữa, hết rền lại rền nữa. Cho nên kinh này gọi là: “Ái tận giải thoát.”

[779a] Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.⁴



⁴ Bản hán, hết quyển 54.

PHẨM 19: BÔ-ĐA-LỊ

TỤNG NGÀY THỨ NĂM

Hậu tụng

持齋哺利多 羅摩五下分
心穢箭毛二 隨摩那修學
法樂比丘尼 拘絺羅在後

Kệ tóm tắt:

Trì trai, Bô-đa-lị,
La-ma, Ngũ hạ phần,
Tâm uế, hai Tiền mao,
Tùy-ma-na-tu học,
Pháp Lạc Tỳ kheo ni,
Câu-hi-la cuối cùng.

202. KINH TRÌ TRAI

203. KINH BÔ-ĐA-LỊ

204. KINH LA-MA

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT

206. KINH TÂM UẾ

207. KINH TIỀN MAO (I)

208. KINH TIỀN MAO (II)

209. KINH BỆ-MA-NA-TU

210. KINH TỠ-KHEO-NI PHÁP LẠC

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA

202. KINH TRÌ TRAI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trụ trong Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường¹.

Bấy giờ Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khư², vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc chiếc áo trắng tinh, dẫn các con dâu³ với đoàn tùy tùng vây quanh đi đến chỗ Phật. Cúi đầu làm lễ, rồi đứng sang một bên, Thế Tôn hỏi:

“Này Bà Cư sĩ⁴, Bà vừa tắm gội chẳng?”

Đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai. Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Bà Cư sĩ, hôm nay Bà trì loại trai nào? Vì trai có ba loại. Những gì là ba? Thứ nhất là loại trai của mục đồng; thứ hai là loại trai của Ni-kiên; thứ ba là Thánh trai tám chi.

“Này Bà Cư sĩ, thế nào là loại trai của mục đồng⁵? Mục đồng buổi sáng thả bò trong đầm, buổi xế dẫn bò về thôn. Khi về thôn, nó nghĩ rằng, ‘Ngày hôm nay ta thả bò ở chỗ này; ngày mai ta sẽ thả bò ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho bò uống ở chỗ này; ngày mai ta sẽ cho bò uống nước tại chỗ kia. Này Bà Cư sĩ, nếu người trì trai [770b] nghĩ rằng, ‘Ngày hôm nay ta ăn thức ăn như vậy; ngày mai ta sẽ ăn thức ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vậy; ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta nuốt thức ăn như vậy; ngày mai ta sẽ

¹ Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường 東園鹿子母講堂. No 87: Đông Thừa tướng gia điện 東丞相家殿. No 88: Vu-da-lâu mẫu gia điện 蕪耶樓母家殿. Pāli: Pubbārāme Migāramātipāsāde.

² Lộc tử mẫu Tì-xá-khư 鹿子母毗舍佉. No 87: Thừa tướng mẫu Duy-da丞相母維耶. No 88: Tùy-xá-ca 墮舍迦. Pāli: Visākhā Migāramātā. Cf. A. i. 205

³ No 88: dẫn 7 người con dâu.

⁴ Nguyên Hán: Cư sĩ phụ 居婦.

⁵ Phóng ngư nhi trai 放牛兒齋. Pāli: *gopālakūposatha*. Cf. A. i. 205 (Uposatha)

nuốt thức ăn như thế kia.’ Người ấy ở đây trải qua ngày đêm hoan lạc, đắm trước trong dục vọng như vậy. Đó gọi là loại trai của mục đồng. Nếu trì loại trai mục đồng như vậy, không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển.

“Này Bà Cư sĩ, thế nào là loại trai của Ni-kiền⁶? Có người xuất gia học theo Ni-kiền. Vị ấy khuyên người rằng, ‘Người đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy. Cũng vậy, đối với phương Tây, phương Nam và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên mà có chúng sanh nào, vì để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy.’ Người ấy khuyến khích sách tấn người khác như vậy. Hoặc chúng sanh có tưởng được thủ hộ, hoặc chúng sanh không có tưởng không được ủng hộ.⁷ ‘Người vào ngày mười lăm là ngày thuyết Biệt giải thoát, cởi bỏ y phục, để mình trần truồng, đứng ngay về phương Đông, nói như vậy: Ta không có cha mẹ, không thuộc về cha mẹ. Ta không có vợ con, không thuộc về vợ con. Ta không có nô tỳ, không thuộc về nô tỳ.’ Này Bà Cư sĩ, người ấy khuyến khích sách tấn bằng lời nói chân thật, nhưng ngược lại sự khuyến khích sách tấn trở thành những lời nói hư dối. Người ấy ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng, ‘Đây là cha mẹ ta.’ Cha mẹ người ấy ngày ngày cũng thấy con mình, cũng nghĩ rằng, ‘Đây là con ta.’ Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng, ‘Đây là vợ con ta.’ Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng ‘Đây là tôn trưởng của ta.’ Người ấy gặp mặt nô tỳ cũng nghĩ rằng, ‘Đây là nô tỳ của ta.’ Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng, ‘Đây là chủ của ta.’⁸ Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng⁹. Đó gọi là loại trai của Ni-kiền, như vậy

⁶ Ni-kiền trai 尼犍齋. Pāli: *nigaṇṭhūposatha*. (A. i. 205).

⁷ A. *ibid.*: *ekaccānaṃ pāṇānaṃ anuddāya anukampāya samāpentī, ekaccānaṃ pāṇānaṃ nānuddāya nānukampāya samāpentī*, “họ huấn giới thương tưởng đối với một số sanh vật, không thương tưởng đối với một số sanh vật.

⁸ A. *ibid.* thêm: *idaṃ tassa musāvādasmiṃ vadāmi*, “Ta nói điều này người ấy nói dối.”

⁹ A. *ibid.*: *so tassā rattiyā accayena bhoge adinnamyēva paribhuñjati*, người ấy, ngày hôm sau, thọ dụng tài sản chưa được cho. Đại ý: hôm trước, khi trì trai, người ấy nói không có gì là sở hữu của mình; nhưng ngày hôm sau tự ý thọ dụng những

không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được phát triển. “Này Bà Cư sĩ, thế nào là Thánh trai tám chi¹⁰? Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng; Ngài đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng một ngày một đêm¹¹ xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tâm có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng. [770c] Đối với việc sát sanh nay tôi tịnh trừ tâm ấy. Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán¹².’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời không lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho rồi mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bồn sên, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Vị ấy đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng một ngày một đêm* xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bồn sên, thường không trông chờ sự báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình hay tự chế ngự. Đối với việc không cho mà lấy,

thứ ấy. Như vậy là lấy của không cho (*idaṃ tassa adinnādānasmim vāmi*).

¹⁰ Thánh bát chi trai 聖八支齋. Pāli: *atthaṅga samannāgato upasatho* hay *ariyūposatha*.

¹¹ Nguyên Hán: tận hình thọ 盡形壽, “suốt đời.” Bản Hán có sự nhầm lẫn ở đây. Cái giới sau hán dịch lại nói: “một ngày nay và một một đêm nay.” Giới bát quan trai có thể tự phát nguyện trong một ngày một đêm No.87 và bản Pāli cũng nói chỉ phát nguyện trong một ngày một đêm. Pāli: *yāvajjivaṃ arahanto pāṇātipātāṃ pahāya... ahaṃ pajja imaṅca rattim imaṅca divasaṃ pāṇtipātāṃ pahāya...*, A-la-hán trọn đời không sát sanh... tôi nay một ngày một đêm không sát sanh... Việt dịch theo đó sửa lại cho đúng.

¹² Câu chót này theo văn mạch bản Hán, phải hiểu lời kết của Phật. Nhưng theo bản Pāli nó nằm trong lời phát nguyện. Pāli: *imināpaṅgena arahantaṃ anukaromi uposatho ca me upavuttho*, “Tôi noi gương A-la-hán với chi này, tôi sẽ thọ trì trai giới.”

nay tôi tịnh trừ tâm ấy. Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, tu hành phạm hạnh, chí thành tâm tịnh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm, vị ấy đối với phi phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này¹³ xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh tu hành phạm hạnh, chí thành tịnh tâm, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Đối với phi phạm hạnh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy. Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo; chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay một ngày một đêm* không nói dối, đoạn trừ sự nói dối, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Đối với sự nói dối, tôi nay tịnh trừ tâm ấy. Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Vị ấy đối với việc uống rượu buông lung, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay cũng một ngày một đêm* xa lìa sự uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Đối với việc uống rượu buông lung, nay tôi tịnh trừ tâm ấy. [771a] Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngòai chỗ thấp, hoặc giường hoặc trái cỏ. Vị ấy đối với giường lớn cao rộng, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngòai chỗ thấp, hoặc giường hoặc trái cỏ. Đối với giường

¹³ Nguyênhán như vậy.

lớn cao rộng, tôi nay tịnh trừ tâm ấy.’ Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cur sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lia tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Vị ấy đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lia tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, nay tôi tịnh trừ tâm ấy.’ Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Lại nữa, này Bà Cur sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lia sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Vị ấy đối với sự ăn phi thời tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm xa lia sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Đối với sự ăn phi thời, tôi nay tịnh trừ tâm ấy.’ Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán.’ Do đó nói là trai.

“Người ấy sau khi đến với Thánh trai tám chi này rồi, để tiến lên, lại nên tu tập năm pháp.

“Những gì là năm? Này Bà Cur sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham¹⁴ nếu có liền [771b] bị tiêu diệt. Những pháp tạp uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt. Này Bà Cur sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt. Cũng như một người trên đầu có cái ghét, do cao, nước nóng, sức người tắm gội cho nên được sạch. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, ‘Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng

¹⁴ Nguyên Hán: ác tứ 惡伺.

Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Người ấy sau khi niệm tướng Như Lai như vậy ác lam tham nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, bất thiện nếu có cũng bị diệt. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì Phạm trai,¹⁵ cùng cộng hội với Phạm, nhân Phạm cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt.

Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tướng Pháp rằng, ‘Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí¹⁶.’ Người ấy sau khi niệm tướng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt. Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt. Cũng như một người trong mình có cấu ghét, nhờ bột tắm, nước nóng và sức người tắm gội kỹ cho nên được sạch sẽ. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tướng Pháp rằng, ‘Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi.’ Người ấy sau khi niệm pháp như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Nay Bà Cư sĩ, đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì pháp trai, cùng cộng hội với pháp, nhân pháp [771c] cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, bất thiện nếu có cũng được diệt.

“Lại nữa, nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tướng Tăng rằng, ‘Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả

¹⁵ Phạm trai 梵齋.

¹⁶ Tư duy về Pháp bảo, đọc theo *Pháp uẩn 2* (tr.462a) như vậy: “Phật Chánh pháp thiện thuyết hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng 佛正法善說現見無熱應時引導近觀智者內證.”

chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tu-đà-hàm thú, Tu-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng. Đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ. Đó là chúng tăng đệ tử của Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước là ruộng phước tốt cho trời và người¹⁷.’ Người đó sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người nơi áo có cấu ghét, bất tịnh, nhờ tro, bột kết, bột giặt, nước nóng, sức người giặt giũ, nên nó được sạch sẽ như vậy. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Tăng rằng, ‘Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yêu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng. Tu-đà-hàm thú, Tu-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng. Đó là bốn đôi tám hạng Thánh sĩ, đó là Tăng chúng của Thế Tôn, thành tựu, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng kính, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho trời và người.’ Người ấy niệm tưởng Tăng như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Nay Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi tăng nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó

¹⁷ Tư duy về Tăng bảo, theo *Pháp uẩn* ibid. như vậy: “Phật đệ tử, cụ túc diệu hành, chất trực hành, như lý hành, pháp tùy pháp hành, hòa kính hành, ở trong tăng này có Dự lưu hướng, Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả. Như vậy tổng có bốn đôi tám hạng Bồ-đặc-già-la. Phật đệ tử chúng giới cụ túc, ứng thỉnh, ứng khuất, ứng cung kính, vô thượng phước điền, thế sở ứng cúng 佛弟子具足妙行質直行如理行法隨法行和敬行隨法行 於此僧中 有預流向有預流果 有一來向 有一來果 有不還向 有不還果 有阿羅漢向 有阿羅漢果 如是總有四雙八隻補特伽羅 佛弟子眾 戒具足 定具足 慧具足 解脫具足 解脫智見具足 應請應屈應恭敬無上福田世所應供.”

gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì Tăng trai, cùng tăng cộng hội, nhân tăng mà tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi [772a] trì trai tư duy Giới mình đang thọ trì, không sút, không thủng, không uế, không ô, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hưởng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng Giới mình đang thọ rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Giới, nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một tấm gương bụi nhơ, không sáng, nhờ đá, đá mài, ngọc oanh, và sức người lau chùi, mài dũa mà được trong sáng. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Giới mình đang thọ trì, không sút, không thủng, không ô, không uế, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hưởng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng Giới mình đang thọ trì như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Giới nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì giới trai. Cùng Giới cộng hội, nhân Giới, tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

“Lại nữa, này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng chư Thiên rằng, ‘Thật sự có Tứ vương thiên. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy, tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng thành tựu tuệ ấy.’ Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi chư Thiên nên

tâm tịnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như [772b] vàng ròng thượng sắc, bị bụi đóng bất tịnh, nhờ lửa, bài, kiềm, chùy, đất đỏ, sức người lau chùi mài dũa mà được minh tịnh. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi tri trai niệm tưởng chư Thiên rằng ‘Thật sự có Tứ vương thiên. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi kia, tôi cũng có tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi kia, tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng thành tựu tín ấy. Hàng Thiên ấy, nếu ai thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy; tôi cũng thành tựu tuệ ấy.’ Người ấy niệm tưởng như vậy, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

“Này Bà Cư sĩ, nếu hành trì Thánh trai tám chi này như vậy và ở đây với mười sáu đại quốc này, một là Ưong-ca, hai là Ma-kiệt-đà, ba là Ca-thi, bốn là Câu-tát-la, năm là Câu-lâu, sáu là Ban-xà-la, bảy là A-nhiếp-bối, tám là A-hòa-đàn-đề, chín là Chi-đề, mười là Bạt-kỳ, mười một là Bạt-ta, mười hai là Bạt-la, mười ba là Tô-ma, mười bốn là Tô-la-tra, mười lăm là Dụ-ni, mười sáu là Kiếm-phù.¹⁸ Trong các nước này những sở hữu tiền tài, bảo vật, kim ngân, ma ni, chơn châu, lưu ly, tương-già¹⁹, bích ngọc, san hô, lưu-thiệu²⁰, ti-lưu²¹, ti-lặc²², mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyền châu, và giả sử một người làm vua trong đó, sẽ được xử dụng tự tại, tùy ý.

¹⁸ Danh sách 16 vương quốc lớn thời Phật: Ưong-ca 鸯迦, Ma-kiệt-đà 摩竭陀, Ca-thi 迦尸, Câu-tát-la 拘薩羅, Câu-lâu 拘樓, Ban-xà-la 般闍羅, A-nhiếp-bối 阿攝貝, A-hòa-đàn-đề 阿和檀提 Chi-đề 枝提, Bạt-kỳ 跋耆, Bạt-ta 跋蹉, Bạt-la 跋羅, Tô-ma 蘇摩, Tô-la-tra 蘇羅吒, Dụ-ni 喻尼, Kiếm-phù 劍浮. Danh sách theo Pāli, A. i. 213: Aṅgā, Magadha, Kāsi, Kosala, Vajji, malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Surasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, Kamboja.

¹⁹ Tương-già 瓊伽. Pāli: *saṃkha*, vỏ sò hay xa-cừ.

²⁰ Lưu-thiệu 留邵, không rõ ngọc gì. Có lẽ Skt. *lohita(muktikā)*, ngọc xích châu.

²¹ Ti-lưu 鞞留, không rõ ngọc gì. Có lẽ Skt. *vaidūrya*, ngọc lưu-ly.

²² Ti-lặc 鞞勒, không rõ ngọc gì. Có lẽ Skt. *vairāja*, ngọc thạch vương

Nhưng người ấy so với người thọ trì Thánh trai tám chi hoàn toàn không bằng một phần mười sáu.

“Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vậy, ‘Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên.’ Nếu nhân gian năm mươi năm, ở trên Tứ vương thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Năm trăm năm như vậy là tuổi thọ của Tứ vương thiên. Này Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi, thân hoại mạng chung sẽ sanh lên Tứ vương Thiên.

“Này Bà Cư sĩ, do đó mà ta nói như vậy, ‘Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.’ Nếu nhân gian sống một trăm tuổi, thì ở Tam thập tam thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm và một nghìn năm như vậy [772c] là tuổi thọ của Tam thập tam thiên. Này Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tam thập tam thiên.

“Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vậy, ‘Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.’ Ở nhân gian hai trăm năm thì Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Hai nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên. Này Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên Diệm-ma thiên.

“Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vậy, ‘Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên.’ Nhân gian bốn trăm năm thì Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Bốn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suất-đà thiên. Này Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Đâu-suất-đà thiên.

“Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vậy, ‘Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.’ Nhân gian sống tám trăm tuổi, thì Hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa

lạc thiên. Nay Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Hóa lạc thiên.

“Nay Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói rằng, ‘Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.’ Nhân gian một ngàn sáu trăm năm, thì Tha hóa lạc thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha hóa lạc thiên. Nay Bà Cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thì trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tha hóa lạc thiên.”

Lúc bấy giờ Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khur chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thánh trai tám chi thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại lợi, đại quả, có đại công đức, có đại quang bố, con từ nay cho đến trọn đời xin thọ trì Thánh trai tám chi này, tùy theo năng lực mà bố thí tu phước.”

Rồi Lộc Tử Mẫu sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo thọ trì, khéo tu tập, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về.

Thế Tôn thuyết như vậy, Lộc Tử Mẫu Tì-xá-khur và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



203. KINH BÔ-ĐA-LỊ

[773a4] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Na-nan-đại,¹ trong khu rừng xoài của Ba-hòa-lị².

Bấy giờ Bô-đa-lị³ Cư sĩ mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù, mang guốc thể tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi, thông dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Bà-ma-môn bèn nói rằng, “Chư Hiền nên biết, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.” Các Sa-môn, Bà-ma-môn nói lại bằng những lời dịu dàng rằng, “Vâng, Cư sĩ Bô-đa-lị lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.”

Rồi Cư sĩ Bô-đa-lị trong khi du hành khắp nơi, thông dong tản bộ đến chỗ Đức Phật, chào hỏi xong, chống gậy đứng ngay trước Phật.

Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.”

Cư sĩ Bô-đa-lị bạch rằng:

“Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự, mà Cù-đàm gọi tôi là Cư sĩ⁴ sao?”

Thế Tôn nói:

“Ông có hình tướng, biểu hiệu như Cư sĩ, cho nên Ta gọi ông là Cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.”

Thế Tôn lại ba lần nói rằng:

“Này Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.”

Cư sĩ Bô-đa-lị cũng ba lần bạch Phật rằng:

“Này Cù-đàm, không thể như vậy! Không nên như vậy! Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự mà Cù-đàm gọi tôi là Cư sĩ sao?”

¹ Na-nan-đại 那難大, tức Pali: Nalanda. Nhưng M 54: Aṅguttarāpesu.

² Ba-hòa-lị-nại viên 波和利奈園 (Pāli: Pāvārikambavana). M 54: tại thôn Āpaṇa, Aṅguttarāpa.

³ Nguyên Hán chép: Bô-lị-đa, tương đương Pāli: M.54. Poṭaliya. Đây y theo âm Pāli đọc lại.

⁴ Pl.: *gahapati*, gia chủ.

Thế Tôn trả lời rằng:

“Ông có hình tướng, biểu hiện như Cư sĩ, cho nên Ta gọi ông là Cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì mời ngồi.”

Rồi Thế Tôn hỏi:

“Ông lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như thế nào?”

Cư sĩ Bô-đa-li đáp:

“Tất cả những tài vật trong nhà, tôi đều cho con cái hết, rồi tôi sống vô vi, vô cầu, chỉ đi lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi. Tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như vậy.”

Thế Tôn nói:

“Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật, sự đoạn tuyệt các tục sự không phải như vậy. Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật có tám chi đoạn tuyệt tục sự.”

Lúc bấy giờ Cư sĩ Bô-đa-li bèn bỏ gậy, xếp dù, cởi [773b] guốc tục, chấp tay hướng về Phật bạch rằng:

“Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật, thế nào là tám chi đoạn tuyệt tục sự?”

Thế Tôn nói:

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử y trên lia sát mà đoạn trừ sát, y trên xa lia lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho, y trên xa lia tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y trên xa lia nói láo mà đoạn trừ nói láo, y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước,⁵ y trên không nhuế hại mà đoạn trừ nhuế hại,⁶ y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch,⁷ y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.⁸

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên lia sát mà đoạn trừ sát? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai giết chóc phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại

⁵ Hán: tham trước 貪著. Pl.: *giddhilobho*.

⁶ Hán:hại nhuế 害恚. Pl. *kodhūpāyāso*.

⁷ Hán: tăng tật não 憎嫉惱, Pl. *nindāroso*.

⁸ Hán: tăng thượng mạn 增上慢. Pl. *atimāno*.

mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai giết chóc như vậy, sẽ chịu quả báo này, trong đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y trên lia sát mà đoạn trừ sát chăng?’ Rồi vị ấy y trên xa lia sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y trên lia sát mà đoạn trừ sát.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai lấy của không cho tất phải chịu quả báo ác trong đời này và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lia lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho chăng?’ Rồi vị ấy y trên xa lia lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y xa lia tà dâm mà đoạn trừ tà dâm? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai tà dâm tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tà dâm ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương thấy đều nghe đồn tiếng xấu của ta. khi thân hoại mạng chung phải đi đến ác thú, sanh trong địa ngục. Ai tà dâm tất phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lia tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chăng?’ Rồi vị ấy y trên xa lia tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. [773c] Như vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lia tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia nói láo mà đoạn trừ sự nói láo? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta nói láo ấy là tự hại mà cũng xuyên tạc phi báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta nên y cứ trên xa lia nói láo mà đoạn trừ sự nói láo chăng?’ Rồi vị ấy y cứ trên xa lia nói láo mà đoạn

trừ sự nói láo. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia nói láo mà đoạn trừ sự nói láo.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tham trước ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên xa lia tham trước mà đoạn trừ tham trước chăng?’ Rồi vị ấy y trên xa lia tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia tham trước mà đoạn trừ tham trước.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta hại nhuế ấy là tự hại, mà cũng là hủy báng xuyên tạc người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên xa lia hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế chăng?’ Rồi vị ấy y trên xa lia hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y trên xa lia hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo đời này và đời sau. Nếu ta đố kỵ thù nghịch ấy là tự hại và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương[774a] đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch chăng?’ Rồi vị ấy y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch. Như vậy, đa văn Thánh đệ tử y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch.

“Này Cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn

mà đoạn trừ tăng thượng mạn? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Ai tăng thượng mạn tất thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các đồng phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng?’ Rồi vị ấy y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

“Đó là Tám chi đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp luật.”

Cư sĩ hỏi rằng:

“Này Cù-đàm, trong Thánh pháp luật chỉ như vậy là đoạn tuyệt tục sự hay còn những điều khác nữa?”

Thế Tôn nói:

“Trong Thánh pháp luật không chỉ có chừng đó đoạn tuyệt tục sự, mà còn tám chi đoạn tuyệt tục sự khác khiến đạt đến chứng ngộ.”

Bồ-đà-ly Cư sĩ nghe xong, bèn cởi khăn trắng chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Này Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tía hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian⁹ đều vĩnh

⁹ Nguyên Hán: thế gian ẩm thực 世間飲食. Pāli: *lokāmisupādānā*: Ssự chấp thủ

viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc điều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ điều khác đuổi theo để tranh giành. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Nếu [774b] quạ điều ấy không vội xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ điều khác vẫn đuổi theo để dành giựt chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ điều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ điều khác có còn đuổi theo để dành giựt chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Không vậy, Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Không vậy Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian,

vật dục trần gian.

vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng, ‘Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chứ không hòa ai. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng.’ Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, [774c] màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chứ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng, ‘Này, mổ đi! Này mổ đi!’ Như vậy chăng?”

Cư sĩ đáp:

“Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng, ‘Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chứ không hòa ai. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng.’ Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xa ly.

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn

tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, nắm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn gấm mừng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyên, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, ‘Nhu vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy.’ Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Rồi chủ nhân tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt. Những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, ‘Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chứ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi chủ nhân đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt.’ Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, [775a] thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, ‘Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?’ Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: ‘Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có

nên đốn ngã cây này chẳng?” Y bèn đốn ngã cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chẳng?”

Cư sĩ đáp:

“Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chẳng?”

Cư sĩ đáp:

“Không vậy, Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi.’ Nếu ai có sự xả ly dục ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện này.

“Đó gọi là trong Thánh pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đạt đến chứng ngộ.

“Này Cư sĩ, rời vị ấy có tầm có tứ, và đã dứt¹⁰, nội tĩnh, nhất tâm, không tần, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu an trụ. Rời vị ấy ly hỷ, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân thọ lạc, điều mà Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu an trụ. Rời vị ấy lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng diệt, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ.

“Rời vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyễn, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và chứng ngộ lậu tận trí thông, biết như thật ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, [775b] đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã

¹⁰“Có tầm có tứ” là Sơ thiên, “tâm tứ đã dứt” là ở Nhị thiên. Ở đây không nói đến Sơ thiên. M 54 lược bỏ cả bốn thiên.

vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Khi nói pháp này Bô-đa-lị Cư sĩ viễn ly trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ Bô-đa-lị Cư sĩ thấy pháp, đắc pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đánh lễ chân Phật bạch:

“Bạch Thế Tôn, con nay quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ hôm nay suốt trọn đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, con trước đây mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù và mang guốc tặc, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi thông dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Bà-ma-môn, bèn nói như vậy, ‘Chư Hiền, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.’ Các Sa-môn, Bà-ma-môn ấy bèn những lời dịu dàng nói với con rằng, ‘Vâng, Cư sĩ Bô-đa-lị lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.’

“Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng Tỳ-kheo và đệ tử Thế Tôn, đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

“Bạch Thế Tôn, con nay lại lần nữa tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, con trước kia kính tín kính trọng các Sa-môn, Bà-ma-môn ngoại đạo, kể từ hôm nay đoạn tuyệt. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy, Cư sĩ Bô-đa-lị và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹¹

¹¹ Bản Hán, hết quyển 55.



204. KINH LA-MA

[775c8]Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong Đông viên, giảng đường Lộc từ mẫu.

Bấy giờ Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ tỉnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, nói với Tôn giả A-nan rằng:

“Bấy giờ Ta và người đến sông A-di-la-bà-đê¹ để tắm.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Xin vâng, bạch Thế Tôn.”

Rồi Tôn giả A-nan cầm then cửa tản bộ đi đến khắp các cốc, gặp Tỳ-kheo nào cũng nói rằng:

“Chư Hiền, hãy đi đến nhà Bà-ma-môn La-ma².”

Các Tỳ-kheo nghe nói, bèn cùng nhau đến nhà Bà-ma-môn La-ma.

Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-bà-đê, cởi y để trên bờ, rồi xuống nước tắm. Tắm xong, trở lên lau mình, mặc y. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng³:

“Bạch Thế Tôn, nhà của Bà-ma-môn La-ma rất tốt, ngăn nắp, rất khả ái. Cúi mong Thế Tôn vì lòng từ bi mẫn đi đến nhà của Bà-ma-môn La-ma.”

Thế Tôn im lặng nhận lời của Tôn giả A-nan. Rồi Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến nhà Bà-ma-môn La-ma. Bấy giờ tại nhà của Bà-ma-môn La-ma một số đông Tỳ-kheo đã tụ tập ngồi lại để thuyết pháp. Đức Phật đứng ngoài cửa, đợi các Tỳ-kheo nói pháp xong. Khi số đông các Tỳ-kheo đã nói pháp xong, các ngài ngồi im lặng. Thế Tôn biết rồi bèn tăng háng và gõ cửa.

Các Tỳ-kheo nghe, tức thì đi ra mở cửa⁴. Thế Tôn bước vào nhà Bà-ma-

¹ A-di-la-bà-đê 阿夷羅婆提. Pāli: Aciravatī. M 26: Pubbakoṭṭhaka.

² La-ma 羅摩. Pāli: Rammaka.

³ Một vài chi tiết trong đoạn này không được mạch lạc.

⁴ M 26, đây là một am cốc (*assamo*: thảo am) của Bà-la-môn Rammaka chứ không phải là nhà theo nghĩa thông thường (*gaha*).

môn La-ma, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi và hỏi:

“Các Tỳ-kheo vừa rồi nói những câu chuyện gì vậy? Vì công việc gì mà tụ tập ngồi ở đây?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi, chúng con thuyết pháp. Do pháp sự này mà tụ tập ngồi tại đây.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay, Tỳ-kheo khi tụ tập ngồi lại nên làm hai việc; một là thuyết pháp, hai là [776a] im lặng. Vì sao vậy? Ta sẽ giảng pháp cho các người. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy tư niệm kỹ!”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Chúng con kính vâng lời lắng nghe.”

Đức Phật nói:

“Có hai loại tìm cầu. Một là Thánh cầu⁵ và hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ thuộc bệnh tật nhưng lại tìm cầu tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết nhưng lại tìm cầu sự chết, thật sự lệ thuộc vào ưu bi khổ não, lệ thuộc sự tạp uế, nhưng lại tìm cầu sự tạp uế.

“Thế nào là thật sự lệ thuộc vào bệnh tật⁶ nhưng lại tìm cầu sự bệnh tật? Thế nào là pháp lệ thuộc bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh pháp. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là sự bệnh pháp. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu.

“Thế nào là pháp lệ thuộc sự già⁷, sự chết, sự sầu bi ưu não, sự tạp uế? Con cái, anh em đó là pháp tạp uế. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, đó là pháp tạp uế, pháp tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó dù muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn, vô thượng, Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn an

⁵Thánh cầu 聖求. Pāli: *ariyāpariyesanā*.

⁶Bệnh pháp 病法. Pāli: *vyādhidhamma*.

⁷Lão pháp 老法. Pāli: *jarādhamma*.

ôn vô thượng đối với người ấy là trường hợp không thể có. Người đó tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn vô thượng an ôn đối với người đó là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

“Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này, ‘Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, không bỏ tìm cầu pháp tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi khổ não, sự tạp uế, không bỏ sự tìm cầu pháp tạp uế. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn, Niết-bàn.’ Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn đối với người ấy là trường hợp có thể có. Người đó tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn Niết-bàn, và đạt được không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn Niết-bàn đối với người đó là trường hợp có thể có.

“Ta trước kia khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cũng suy nghĩ như vậy, ‘Ta thực sự lệ thuộc tật bệnh, không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thực sự lệ thuộc già, chết, sầu bi ưu não, tạp uế, không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế. Vậy ta có nên tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn; tìm cầu cái không già, không chết, không [776b] sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn Niết-bàn chăng?’

“Ta vào thời thiếu niên trong trắng, mái tóc xanh mượt, cho đến thời tráng niên năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, vui đùa, trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui, nhưng Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo; thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn; sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ôn Niết-bàn, cho nên lại tìm nơi A-la-la Già-la-ma⁸, hỏi rằng, ‘Thưa A-la-la, tôi muốn theo pháp của người để tu học phạm hạnh được chăng?’ A-

⁸ A-la-la Già-la-ma 阿羅羅伽羅摩. Pāli: Ālāra Kālāma.

la-la trả lời rằng, ‘Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành.’ Ta lại hỏi, ‘Người làm thế nào để tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?’ A-la-la đáp, ‘Ta vượt qua tất cả thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Do đó, pháp của ta được tự tri, tự giác, tự tác chứng.’ Ta lại suy nghĩ như vậy, ‘Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này. Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này.’ A-la-la đối với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta muốn chứng pháp này nên sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh. Sau khi tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la Già-la-ma, hỏi rằng, ‘Thưa A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả thức vô biên xứ,⁹ đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ?’ A-la-la trả lời Ta rằng, ‘Hiền giả, đó là pháp ta tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả thức vô biên xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ.’ A-la-la lại nói với Ta rằng, ‘Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của ta đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, ta cũng vậy. Hiền giả, người hãy đến đây, cùng ta lãnh đạo đồ chúng này.’ Đó là A-la-la đối xử với Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ.

“Ta lại suy nghĩ như vậy, [776c] ‘Pháp này không đưa đến trí; pháp này không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này, để cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.’ Ta bèn bỏ pháp này đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn.

“Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đà-la La-ma Tử¹⁰, hỏi rằng, ‘Thưa Uất-đà-la, tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng?’ Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, ‘Hiền giả, không có gì là không được. Người

⁹ Nguyên hán: vô lượng thức xứ.

¹⁰ Uất-đà-la La-ma Tử 鬱陀羅羅摩子. Pāli: Udduka Rāmaputta.

muốn học thì học.’ Ta lại hỏi, ‘Thưa Uất-đà-la, cha ngài là La-ma¹¹, người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì?’ Uất-đà-la La-ma Tử đáp, ‘Hiền giả, ta vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ. Hiền giả, pháp mà cha ta La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp này.’ Ta lại suy nghĩ như vậy, ‘Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?’ Vì Ta muốn chứng pháp này, cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đà-la La-ma Tử hỏi rằng, ‘Thưa Uất-đà-la La-ma Tử, cha ngài là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi tướng, phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ?’ Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, ‘Hiền giả, cha ta là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi tướng phi vôphi tướng xứ, thành tựu an trụ.’ Uất-đà-la lại nói với Ta rằng, ‘Cũng như cha ta La-ma tác chứng pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như Hiền giả tác chứng pháp này, cha ta cũng vậy. Hiền giả, hãy đến đây cùng ta lãnh đạo đồ chúng này.’ Uất-đà-la đối xử với Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc Tôn sư, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ.

“Ta lại suy nghĩ như vậy, [777a] ‘Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.’ Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

¹¹ Nhữ phụ La-ma 汝父羅摩; đáng lẽ gọi là La-ma Tử, không hiểu tại sao ở đây lại nói như vậy. M 26 cũng chỉ gọi Rāma (tên cha) thay vì gọi Uddaka hay Rāmaputta (tên con).

“Rồi Ta đi về phía nam núi Tượng đỉnh¹², đến tại Uất-tì-la¹³, một ngôi làng của Bà-ma-môn tên gọi là Tu-na¹⁴, đây là một khoảng đất xinh xắn, khả ái, núi rừng sầm uất, sông Ni-liên-thiền¹⁵ với dòng nước trong xanh chảy tràn lên bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy, bèn nghĩ rằng, ‘Nếu một thiện gia nam tử muốn học đạo, nên ở nơi này mà học. Ta cũng học đạo; vậy Ta hãy ở nơi này mà học.’ Rồi Ta ôm cỏ đến cây Giác thọ¹⁶. Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết già, kỳ hạn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc lậu tận.

“Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không già không chết, không ưu bi sầu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp¹⁷, ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa.’

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vậy, ‘Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?’¹⁸ Rồi Ta lại nghĩ rằng, ‘Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước chăng?’

“Lúc bấy giờ có Thiên thần trụ trong hư không nói với Ta rằng: ‘Đại Tiên Nhân, xin biết cho, A-la-la Già-la-ma vừa mạng chung đến nay đã được bảy ngày.’ Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma đã mạng chung được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vậy, ‘A-la-la Già-la-ma, thiết thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu được nghe pháp này, người ấy

¹² Tượng đỉnh sơn 象頂山. Pāli: Gayāsisa.

¹³ Uất-tì-la 鬱鞞羅. Pāli: Uruvelā.

¹⁴ Tu-na 斯那. Pāli: Senā.

¹⁵ Ni-liên-thiền 尼連禪. Pāli: Nerañjārā.

¹⁶ Giác thọ 覺樹, tức cây bồ-đề.

¹⁷ Định đạo phẩm pháp 定道品法, bản Pāli: akuppā me vimutti, sự giải thoát của Ta không dao động.

¹⁸ Bản Hán có thể nhảy sót một đoạn, về Phạm thiên thỉnh Phật. Cf. M 26, i. 167-170.

sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp¹⁹.

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vậy, ‘Ta sẽ thuyết pháp cho Uất-đà-la La-ma Tử trước nhất chăng?’ Thiên thần lại trụ trong hư không nói với Ta rằng, ‘Đại Tiên Nhân, xin biết cho, Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai [777b] tuần thất.’ Ta cũng tự biết Uất đầu la La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vậy, ‘Uất-đà-la La-ma Tử thiết thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu nghe được pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp.’”

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, Ta liền suy nghĩ như vậy, ‘Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?’ Rồi Ta lại nghĩ rằng, ‘Xưa kia, năm Tỳ-kheo theo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta. Nay Ta có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước kia chăng?’ Rồi Ta lại nghĩ rằng, ‘Năm Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu?’ Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại²⁰, Tiên nhân trú xứ, trong vườn Lộc giả.

“Ta tùy thuận trụ dưới gốc cây Giác thọ. Sau đó Ta thu vén y, ôm bát đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Gia-thì²¹. Bấy giờ Dị học Ưu-đà²², từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta rằng, ‘Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai?’ Lúc bấy giờ Ta liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà rằng:

*Ta tối thượng chiến thắng;
Nhiệm trước pháp đã trừ;
Giải thoát ái diệt tận;
Tự giác, không Tôn sư.*

¹⁹ Nguyên bản Hán: pháp thứ pháp 法次法. Đoạn Pāli tương đương không có từ liên hệ, nhưng thông thường là *dharmānudhamma*.

²⁰ Ba-la-nại, Tiên nhơn trụ xứ, Lộc giả uyển 波羅奈仙人住處鹿野苑. Pāli: Bārāṇasi Isipatanam Migadāyo.

²¹ Gia-thì đô ấp 加尸都邑. Tức Pl. Kāsi, vương quốc. Nhưng trong bản Hán, nó là một thị trấn. Có thể là Kāsinigama, một thị trấn trong āsi.

²² Ưu-đà 優陀. Pāli: Upaka, một tu sỹ Tà mạng (ājīvaka).

*Bậc Vô đẳng, Đại hùng,
Tự giác, Vô thượng giác,
Như Lai, Thầy Trời Người,
Biến Tri, thành tựu lực.*

“Ưu-đà hỏi rằng:

“–Hiền giả Cù-đàm tự cho là đã chiến thắng tất cả chăng?”

“Ta lại nói bài kệ trả lời rằng:

*Đáng Chiến thắng như vậy
Các lậu đã tận trừ.
Ta sát hại ác pháp,
Nên Ta đã chiến thắng.*

“Ưu-đà lại hỏi Ta rằng:

“–Hiền giả Cù-đàm, bây giờ muốn đi về đâu?”

“Bây giờ Ta nói bài kệ rằng:

*Ta đến Ba-la-nại,
Dóng trống diệu cam lồ,
Chuyển pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời.*

“Ưu-đà lại nói với Ta rằng:

“–Hiền giả Cù-đàm, mong có thể là như vậy.”

“Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui.

“Ta một mình đi đến Tiên nhân trụ xứ, [777c] trong vườn Lộc dã. Bây giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng, ‘Chư Hiền, nên biết đó là Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diệu, bằng cơm gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, và bôi xoa thân thể bằng dầu mè nay lại đến đây. Các vị cứ ngồi. Chớ nên đứng dậy đón tiếp, cũng đừng làm lễ. Dành sẵn cho một chỗ đó, nhưng đừng mời ngồi, hãy nói rằng ‘Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý.’”

“Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bây giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, người thì ôm y bát của Ta, người thì trái chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng, ‘Những người ngu si này sao lại không bền chí, đã tự

minh thiết lập điều ước hẹn, rồi lại làm trái điều giao hẹn.’ Ta biết như vậy rồi bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là “Bạn”²³.

“Ta nói với họ rằng, ‘Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các người đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là ‘Bạn.’ Vì sao vậy? Ta vì tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp,²⁴ ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Họ nói với Ta rằng:

“–Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến,²⁵ huống là ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu với gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè chẳng?

“Ta lại nói rằng:

“–Này năm Tỳ-kheo, các người trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chẳng?

“Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời với Ta rằng:

“–Trước kia chúng tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu khuôn mặt sáng ngời.

“Ta lúc ấy nói với họ rằng:

“–Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo

²³ Hán: khanh ư ngã 卿於我. Pāli: *āvusovādena ca samudācaranti*, họ xưng hô với Ta là “āvuso” (Bạn, hay Hiền giả).

²⁴ Đạo phẩm pháp 道品法, pháp dẫn đến phát sanh minh trí (Pl. vijjābhāgiya); xem kinh 81. Xem thêm kinh 72: trụ đạo phẩm pháp 住道品法.

²⁵ Nhân thượng pháp sai giảng Thánh tri Thánh kiến 人上法差降聖知聖見, Pl.: *uttarimanussadhammā alamaññadassavisesam*. Hán: sai giảng 差降, dịch từ tương đương Pl.: *alam*: hoàn toàn, chân thật; giới từ cường điệu.

không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu cánh. Nay năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa, thành minh, [778a] thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là con đường tám chánh,²⁶ từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

“Rồi Ta lần lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai người thì ba người đi khát thực. Ba người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Khi giáo hóa cho ba người thì hai người đi khát thực. Hai người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy, họ tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Họ tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế và vô thượng an ổn Niết-bàn; sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa.’”

“Rồi Thế Tôn lại nói với họ rằng:

“–Nay năm Tỳ-kheo, có năm thứ công đức của dục, khả ái, khả lạc, khả ý, khả niệm, hoàn toàn tương ưng với dục. Đó là sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Nay năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không được chế ngự trong Thánh pháp, chúng xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không biết sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết chúng nghe theo Ác ma, làm theo Ác ma, rơi vào Ác ma, bị lưới Ma quấn chặt, bị cùm Ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của Ma. Nay năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng bị dây buộc chặt nên biết nó phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn, rơi vào tay thợ săn, bị lưới thợ săn quấn chặt, khi thợ săn đến, không thể trốn thoát. Cũng vậy, năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, chúng đối với năm thú diêu dục mà xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo, lẫn xả

²⁶ Bát chánh đạo 八正道.

vào, thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, chúng phải nghe theo Ác ma, làm theo Ác ma, rơi vào tay Ác ma, bị lưới Ma quấn chặt, bị dây Ma trói xiết, không thoát khỏi sự trói buộc của Ma.

“Này năm Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, những vị ấy đối với năm diệu dục, không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ không nghe theo Ác ma, không làm theo Ác ma, không bị rơi vào [778b] tay Ác ma, không bị lưới Ma quấn chặt, không bị dây Ma trói xiết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của Ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng thoát khỏi trói buộc, nên biết nó không phải nghe theo thợ săn, không phải làm theo thợ săn, không rơi vào tay thợ săn, không bị lưới thợ săn quấn chặt, không bị dây thợ săn buộc xiết. Khi thợ săn đến, nó có thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, vị ấy đối với năm công đức của dục không xúc, không nhiễm, không tham không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết những người ấy không phải nghe theo Ác ma, không phải làm theo Ác ma, không rơi vào tay Ma, không bị lưới Ma quấn chặt, không bị dây Ma buộc xiết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của Ma. Này năm Tỳ-kheo, nếu lúc Như Lai xuất hiện trong thế gian, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ.

“Vị ấy với định tâm thanh tịnh, như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyễn, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và tác chứng lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật đây là Khô, biết như thật đây là Khô tập, biết như thật đây là Khô diệt, đây là Khô diệt đạo. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’

Vị ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vị ấy đã tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vị ấy tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Nay năm Tỳ-kheo, cũng như trong khu rừng vắng, nơi không có bóng người, ở đó nai rừng tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Nai rừng ấy không nằm trong cảnh giới của thợ săn. Cho nên nó tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Cũng vậy, nay năm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, [778c] không còn tái sanh nữa.’ Vị ấy lúc bấy giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vì vị ấy tự mình thấy vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận, cho nên tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm.

“Nay năm Tỳ-kheo, đó gọi là giải thoát vô dư, đó gọi là sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đó gọi là sự không già không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.”

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Ta đã từng nói năm hạ phần kết¹, các người có thọ trì chăng?”

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Thế Tôn lại hỏi đến lần thứ ba:

“Ta đã từng nói năm hạ phần kết, các người có thọ trì chăng?”

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời đến lần thứ ba. Lúc bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử², từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật bạch rằng:

“Thế Tôn đã từng nói năm hạ phần kết. Con có thọ trì.”

Thế Tôn hỏi:

“Này Man Đồng tử, Ta đã từng nói năm hạ phần kết, người có thọ trì chăng?”

Tôn giả Man Đồng tử đáp:

“Thế Tôn nói dục là hạ phần kết thứ nhất, con thọ trì như vậy. Nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi, Thế Tôn nói nghi là hạ phần kết thứ năm, con thọ trì như vậy.”

Thế Tôn quả rằng:

“Man Đồng tử, người sao lại thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy? Man Đồng tử, người nghe từ miệng ai mà thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy?”

“Này Man Đồng tử, há không phải số đông các người Di học cật vấn chỉ trích người với thí dụ về trẻ nít sơ sanh này chăng? Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quán chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong

¹ Ngũ hạ phần kết 五下分結, năm loại kết sử đưa đến sự tái sanh ở dục giới. Cf. Tập dị (tr. 419c7): ngũ thuận hạ phần kết 五順下分結. Pāli: *pañcorambhāgiyāni samyojanāni*. M 64 (i. 432).

² Man Đồng tử 鬘童子. Pāli: Māluṅkyāputta.

bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên³. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quán chặt nơi thân nhuế chãng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên⁴. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà [779a] ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quán chặt nơi thân chãng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên⁵. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có há lại có tâm quán chặt nơi giới chãng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên⁶. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi pháp chãng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên⁷. Há không phải số đông các dị học đem thí dụ con nít mới sanh này mà chỉ trích cật vắn nguoi chãng?”

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Thế Tôn quở trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ biện bạch, suy nghĩ mông lung. Thế Tôn sau khi mắng Tôn giả Man Đồng tử ngay mặt rồi, ngồi im lặng. Lúc ấy Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cảm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đức Phật, bạch:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay thật đúng lúc, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc, nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe năm hạ phần kết. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì.”

Thế Tôn nói:

“Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm!”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

³ Nguyên Hán: Dục sử 欲使. Nguyên Pāli (=Skt.) *amusāya*, do gốc động từ *anuseti* (Skt. *anusayate*): nằm phục theo, nhưng Hán dịch hiểu từ gốc *anu-sevati*: phục vụ theo. Ở đây theo định nghĩa vừa thấy đoạn trên, dịch là tùy miên (dịch ngữ thông dụng của Huyền Trang).

⁴ Nhuế sử 恚使; Pāli: *vyāpādānusayo*, sân tùy miên.

⁵ Thân kiến sử 身見使; Pāli: *sakkāyadiṭṭhānusayo*, hữu thân kiến tùy miên.

⁶ Giới thủ sử 戒取使; Pāli: *sīlabbataparāmāsānusayo*, giới cầm thủ tùy miên.

⁷ Nghi sử 疑使; Pāli: *vicikicchānusayo*, nghi tùy miên.

“Xin vâng lời lắng nghe.”

Phật nói:

“A-nan, ở đây có một hạng người bị dục quán chặt. Dục tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị nhuế quán chặt. Nhuế tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly sân nhuế càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị thân kiến quán chặt. Thân kiến tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, thân kiến càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị giới thủ quán chặt. Giới thủ tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, giới thủ càng tăng thịnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị nghi quán chặt. Nghi tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly, nghi càng tăng thịnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích⁸ để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên đạo tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

“A-nan, [779b] cũng như có người muốn tìm lõi cây chắc thật⁹. Vì để tìm lõi cây chắc thật nên y xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ nơi thân mà tìm được cái gì chắc thật mang về, trường hợp này không thể có. Cũng vậy, này A-nan, phải y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

“Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết, trường hợp này tất có.

⁸ Đạo, và tích 道跡. Pl.: *maggo, paṭipadā*.

⁹ Thật 實; Pāli: *sāra*, vừa có nghĩa *chắc thật*, vừa có nghĩa *lõi cây*.

“A-nan, cũng như một người muốn tìm lõi cây chắc thật. Vì để tìm lõi cây chắc thật, y xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, và lá với lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ, nơi thân và đọt cái chắc thật để mang về, trường hợp này chắc có. Cũng vậy này A-nan, y trên đạo và y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này và y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết trường hợp này tất có.

“Này A-nan, y trên đạo nào, y trên tích nào để đoạn trừ năm hạ phần kết? A-nan, hoặc có một hạng người bị dục quán chặt. Nếu dục triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi dục triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nhuế quán chặt; nếu nhuế triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Nếu biết như thật về sự xả ly rồi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. A-nan ở đây có một người bị thân kiến quán chặt. Nếu thân kiến đã quán chặt, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây có một người bị giới thủ quán chặt. Nếu giới thủ triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, giới thủ triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nghi quán chặt, nếu nghi triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt.

“Này A-nan, y trên đạo này, y trên đạo tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết.

“Này A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy suy nghĩ rằng, ‘Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lợi sang bờ bên kia.’ A-nan, nên biết rằng người ấy không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết người ấy [779c] cũng giống như người gầy yếu không sức lực kia.

“A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy nghĩ rằng, ‘Sông Hằng-già này với nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia. Tự thân ta đủ sức để bình an lợi qua bờ bên kia.’ A-nan, nên

biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn, mà có tâm thú hướng, thanh tịnh mà trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết, người này cũng như người có sức lực kia.

“Này A-nan, cũng giống như giòng nước lũ¹⁰ rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ, mà ở quãng giữa không thuyền, không cầu, giả sử có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên tìm cách để qua. Khi tìm cách để qua, người ấy nghĩ rằng, ‘Nay giòng nước lũ này rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ, ở khoảng giữa lại không có thuyền, không cầu để có thể qua. Với phương tiện để ta có thể bình an sang bờ bên kia. Ta có công việc ở bờ bên kia cần đi qua. Với phương tiện nào để ta có thể bình an qua bờ bên kia?’ Rồi người ấy lại nghĩ rằng, ‘Bây giờ ở bờ bên này ta hãy thu lượm cỏ, cây buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang.’ Người ấy bèn ở bên này thu lượm cỏ cây buộc lại làm thành chiếc bè, rồi bình an bơi sang bờ bên kia. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo phan duyên vào sự yếm ly, y trên sự yếm ly, an trụ nơi yếm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tầm có tứ, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến tịch tịnh xứ.

“Rồi vị ấy tầm tứ tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thăng tiến và đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, an trụ xả vô cầu, với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát [780a] sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, tất sẽ thăng

¹⁰Nguyên Hán: sơn thủy, nước trên núi đổ xuống. Xem thí dụ về chiếc bè trong kinh 200 trên.

tiên và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, tất sẽ thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng¹¹, không suy niệm đến bất cứ loại tướng nào, nhập không vô biên, chứng không vô biên xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận tất sẽ thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả không vô biên xứ, nhập thức vô biên, chứng thức vô biên xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, tất sẽ thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiên và đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã

¹¹ Hữu ngại tướng 有礙想; những nơi khác cũng trong bản Hán này, nói là hữu đối tượng. Những tướng tương ưng với nhãn thức thuộc sắc tướng. Những tướng tương ưng với bốn thức tiếp theo thuộc hữu đối tượng, (giải thích của *Pháp uẩn 8*, No.1537 tr.488c). Pl.: *paṭighasaññā*.

làm xong, không còn tái sanh nữa.’

“Cũng như cách thôn không xa có một bụi chuối to lớn, nếu có một người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xả làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xả làm mười phần hoặc trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy, quán sát thọ này là vô thường, quán hưng suy, [780b] quán vô dục, quán diệt, quán đoạn quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

“Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo y trên y, thiết lập y, giảng thuyết về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận.”

Thế Tôn nói:

“Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ lạ. Thật là hy hữu, Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng vượt chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao vậy? Vì sự thắng liệt nơi mỗi người cho nên sự tu học có tinh, có thô. Do sự tu học đạo có tinh có thô, cho nên mỗi người có sự thắng liệt khác nhau. A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng liệt khác nhau.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



206. KINH TÂM UẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhỏ sạch năm thứ tạp uế¹ trong tâm, không cởi bỏ năm sự trói buộc² trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đó được nói đến với pháp tất thối.

“Thế nào là không nhỏ sạch năm thứ tạp uế trong tâm?

“Ở đây có một hạng người hòa nghi Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín³. Nếu hạng người nào hòa nghi Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín; người đó gọi là không nhỏ sạch loại tâm tạp uế thứ nhất, nghĩa là đối với Thế Tôn⁴. Cũng vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn⁵, hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà sân nhuế, mạ lỵ, lăng nhục, xúc não, xâm hại, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín, đó là loại tâm tạp uế thứ năm không được nhỏ sạch, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hạnh.

“Thế nào là không cởi bỏ năm sự trói buộc trong tâm?

“Ở đây có một hạng người mà thân chưa ly nhiễm, chưa ly dục, chưa ly khát, chưa ly ái. Nếu ai mà thân chưa ly nhiễm, không ly dục, không ly ái,

¹ Tâm trung ngũ uế 心中五穢; Tập dị 11 (tr. 416b29): ngũ tâm tài 五心裁 (năm cọc nhọn của tâm). Pāli: *pañca cetokhīla*. M. 16 (i.101).

² Tâm trung ngũ phược 心中五縛者. Tập dị 11 (tr. 418a3): ngũ tâm phược]五心縛者. Pāli: *cetasovinibandha*.

³ Bất khai ý, bất giải ý, ý bất tĩnh 不開意不解意意不靜; Tập dị ibid: Bất ngộ nhập, vô thắng giải, vô tịnh tín 不悟入無勝解無淨信. Ý bất tĩnh 意不靜, ý không ổn định, không tin tưởng. Pāli: *nādhimuccati na sampasīdati*.

⁴ Tập Dị (sdd., nt.): “Đối với Đại sư mà cọc nhọn trong tâm chưa đoạn, chưa biến tri.”

⁵ Giáo 教. Trong bản Pāli, thứ ba, Saṃghe kaṅkhati, nghi ngờ Tăng, thứ tư, sikkhaṃya kaṅkhati, nghi ngờ học giới.

không ly khát, người ấy tâm không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải⁶ trong nỗ lực tinh tấn⁷, và chuyên cần tĩnh tọa. [780c] Nếu ai có tâm này, không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm phược thứ nhất, nghĩa là nơi thân.

“Lại nữa, nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, vị ấy tâm không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm phược thứ hai, nghĩa là nơi dục.

“Lại nữa, có một hạng người, đối với điều được nói tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyễn, không triền cái, mà nghi hoặc; nghĩa là nói về giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tôn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về sự thiếu dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa nói về duyên khởi; những điều như vậy được Tỳ-kheo hay Sa-môn nói, nhưng tâm không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải, không tinh tấn, không tĩnh tọa, đó gọi là loại tâm phược thứ ba, nghĩa là đối với thuyết.

“Lại nữa, thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi. Nếu ai thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi, người ấy tâm không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này không thú hưởng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa, thì đó gọi là loại tâm phược thứ tư, nghĩa là đối với sự tụ hội.

“Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến, người ấy tâm không thú hưởng, không tịnh tín, không an

⁶ Được hiểu là không có sự quyết tâm.

⁷ Nguyên Hán: tự phương tiện đoạn 自方便斷.

trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa, đó gọi là tâm phược thứ năm, nghĩa là đối với sự thắng tiến.

“Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhỏ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối vậy.

“Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhỏ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh.

“Thế nào là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo nhỏ sạch năm thứ tạp uế trong tâm? Ở đây có một hạng người [781a] không hoài nghi Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Nếu ai không hoài nghi Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín, đó là hạng người thứ nhất vậy. Đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn, hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà không sân nhuế, không lăng nhục, không xúc nã, không sân hại, có ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo nhỏ sạch tạp uế trong tâm, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hạnh.

“Thế nào là khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm?

“Ở đây có một hạng người mà thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai mà thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ nhất khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, nghĩa là đối với thân.

“Lại nữa, đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ hai khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với dục vậy.

“Lại nữa, có một hạng người, đối với những điều được thuyết giảng, tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyễn, không triền cái nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tôn giám, nói về sự không tụ hội, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi, những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo, mà người ấy

tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ ba khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với thuyết vậy.

“Lại nữa, không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi. Người ấy có tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội.

“Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại, nhưng mong cầu thắng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thắng tiến. Người ấy [781b] tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực, tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự thắng tiến vậy.

“Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhỏ sạch năm thứ tạp uế trong tâm khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Vị ấy an trụ nơi mười chi này rồi, lại tu tập thêm năm pháp. Thế nào là năm?

“Tu dục định thành tựu đoạn như ý túc⁸, y viễn ly, y vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phàm. Tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định thành tựu đoạn như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt y xả, thú hướng phi phàm, và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này thành tựu tự thọ⁹, chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng chánh giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói không có sự

⁸ Dục định tâm thành tựu đoạn như ý túc 欲定心成就斷如意足, có thể dư chữ *tâm*, hoặc nói là *Dục tam-ma-địa đoạn hành* (hay *thắng hành*) (*thành tựu thần túc*). Thần túc thứ nhất xem kinh 86 trên.

⁹ Thành tựu tự thọ 成就自受. M 16: *ussolhīpannarasaṅgasamannāgato*, thành tựu 15 chi (cùng với) tinh cần. Sở giải: đoạn 5 tâm tài, 5 tâm phược, tu bốn như ý túc, và tịhứ năm là tinh cần nỗ lực (*ussolhī*). Có lẽ Hán dịch hiểu *ussolhī* là tự thọ ?

kiện không đi đến Niết-bàn.

“Cũng như gà sanh mười trứng, hoặc mười hai trứng, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con, nó sẽ lấy chân mà chọi, lấy mỏ mà mổ vỏ trứng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con đệ nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu, kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn đạt đến tri kiến, đến chánh đẳng giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói, không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁰



¹⁰ Bản Hán, hết quyển 56.

207. KINH TIỄN MAO (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, ở Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, [781b] đang an cư mùa mưa.

Bấy giờ trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học trong rừng Khổng tước¹. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao² là một vị danh đức, là bậc Tông chủ, được nhiều người tôn làm Thầy, có tiếng tăm lớn, nhiều người kính trọng. Ông đang ở giữa đám đông ồn ào, lớn tiếng, âm thanh huyền ảo, luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh³, như: bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện áo chăn, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đàn bà, bàn chuyện con gái, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế gian, bàn chuyện tà đạo, bàn chuyện trong biển; đại loại như thế, chúng tụ tập luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, liền dặn dò chúng của mình rằng: “Này các ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể sẽ đến thăm.”

Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay mà bạch Phật rằng:

“Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây. Mời Ngài ngồi xuống chỗ này.”

¹ Khổng tước lâm Dị học viên 孔雀林異學園, khu vườn cho các du sĩ, rừng nuôi công. M 77: Moranivāpa paribbājakārāma.

² Tiễn Mao 箭毛. M 77: Sakuḷudāyi, và kể thêm tên hai du sĩ khác: Varadhara, Anugāra.

³ Súc sanh luận 畜生論. Pāli: *tiracchāna-kathā*, đề tài phiếm, vô ích. Đoạn kể kể các đề tài được nói là súc sanh luận.

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng: “Ưu-đà-di⁴, các ông vừa bàn luận những gì, do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó gì.”

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

“Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những vấn đề gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp nơi đây?”

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Nó không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe sau này nghe cũng không khó. Nhưng Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi cùng với số đông các Bà-ma-môn nước Câu-tát-la cùng tụ tập ngồi ở học đường Câu-tát-la⁵ bàn luận như vậy, ‘Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương-già Ma-kiệt-đà⁶! Thật tốt đẹp và lợi ích [782a] cho người nước Ương-già Ma-kiệt-đà! Chúng đại phước điền⁷ như thế cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá.’ Đó là có ngài Phất-lan Ca-diếp⁸. Vì sao? Bạch Cù-đàm, Phất-lan Ca-diếp là bậc Tông chủ danh đức, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, lãnh

⁴ Ưu-đà-di 優陀夷, tức tên gọi lược của Tiễn Mao; xem cht.3 trên. Pāli: Udāyi.

⁵ Học đường 學堂. Pāli: Kutūhalasāla, nghị luận đường; chỉ nơi xảy ra cuộc thảo luận.

⁶ Ương-già Ma-kiệt-đà 鶯伽摩竭陀. Pāli: Aṅga-Magadhā, lúc này hai nước đang liên minh chính trị nên gọi chung như vậy.

⁷ Chúng đại phước điền: những người là ruộng phước lớn, thường chỉ chúng Tỳ-kheo, nhưng ở đây cũng chỉ cho nhóm ngoại đạo khác.

⁸ Phất-lan Ca-diếp, Pāli: Pūrāṇa-Kassapa và năm vị kế tiếp: Makkhali-Gosāla. Sañjaya-Belaṭṭhiputta, Nigaṇṭha-Nātaputta, Pakudha-Kaccāyana, được mệnh danh là Lục sư ngoại đạo. Về chủ trương của họ, xem kinh Sa-môn quả, No.1 (27) và D. 2.

đạo đồ chúng lớn, được năm trăm đệ học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá này. Cũng vậy, Ma-túc-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Tì-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lị. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lị là danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm đệ học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương xá.

“Vừa rồi cùng bàn đến Sa-môn Cù-đàm rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm này là bậc danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lĩnh đại chúng Tỳ-kheo được một ngàn hai trăm người tôn trọng, cũng cùng nhau an cư mùa mưa tại thành Vương xá này.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, ‘Nay trong các Sa-môn, Bà-ma-môn được tôn trọng này, ai là người được đệ tử cung kính, cúng dường, không bị đệ tử đung theo pháp mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vắn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể có, không tương ưng, không chính đáng.’ Nói thế rồi bỏ đi?’

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, tôn trọng, cúng dường; bị đệ tử theo pháp mà mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vắn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Nói thế rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, thuở xưa Phất-lan Ca-diếp đã có lần ở trong chúng đệ tử đưa tay lên la lớn, ‘Các ông hãy dừng lại! Không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi. Các ông không thể giải quyết việc này, nhưng ta có thể giải quyết được việc này.’ Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận việc khác nữa, không chờ vị ấy nói xong vấn đề. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường. Bị đệ tử theo pháp mạ ly mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vắn nạn rằng: ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Nói thế rồi liền bỏ đi.

“Ma-túc-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền [782b] Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lị. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, ‘A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lị này không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mạ ly mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vắn nạn rằng ‘Điều này

hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Nói thế rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, thuở xưa A-di-đà Kê-xá-kiêm-bà-lị đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn rằng, ‘Các ông hãy dừng lại. Không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi. Các ông không thể giải quyết được việc này.’ Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó, lại bàn luận việc khác không chờ người nói xong. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, A-di-đà Kê-xá-kiêm-bà-lị, không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường mà bị đệ tử dùng pháp mạ ly mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vẫn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Nói thế rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Sa-môn Cù-đàm này được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, cũng không bị đệ tử vẫn nạn rằng ‘Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Không nói thế rồi bỏ đi.

“Bạch Cù-đàm, thuở xưa Sa-môn Cù-đàm đã có lần nói pháp tại đại chúng, vô lượng trăm ngàn người vây quanh. Ngay bấy giờ có một người ngủ mà ngáy. Lại có một người bảo người kia rằng ‘Dừng có ngủ ngáy. Ông không muốn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như cam lồ sao?’ Người kia liền im lặng không gây tiếng động nữa.

“Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy Sa-môn Cù-đàm được đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mạ ly mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vẫn nạn rằng ‘Điều đó hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng.’ Không nói thế rồi liền bỏ đi.”

Thế Tôn nghe rồi liền hỏi Tiễn Mao rằng:

“Ưu-đà-di, ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng và cúng dường, thường theo Ta không rời?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời. Những gì là năm? Sa-môn Cù-đàm tri túc với thô y, khen ngợi tri túc với thô y. Bởi vì [782c] Sa-môn Cù-đàm tri túc với thô y, khen ngợi tri túc với thô y, nên tôi thấy tri túc, đó là pháp thứ nhất mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến cho hàng đệ tử

phụng sự cung kính, tôn trọng cúng dường, thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc với sự ăn uống đạm bạc, khen ngợi tri túc đạm bạc. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi tri túc ăn uống đạm bạc, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ hai khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng cúng dường, phụng sự thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Vì Sa-môn Cù-đàm ăn ít và khen ngợi sự ăn ít, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ ba khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ. Vì Sa-môn Cù-đàm tri túc như vậy, nên tôi thấy đó là pháp thứ tư mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, thường theo không rời.

“Lại nữa Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và ngợi khen tĩnh tọa⁹. Vì vậy tôi thấy đó là pháp thứ năm mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành thường theo không rời.

“Đó là năm pháp mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành, thường theo không rời.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường thừa sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, áo ta mặc được cắt theo con dao Thánh¹⁰ và nhuộm màu sắc xấu xa. Như vậy, y Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Ưu-đà-di! Nhưng đệ tử Ta cũng có người trọn đời chỉ mặc áo phẩn tào do người ta bỏ, và cũng nói thế này, ‘Thế Tôn ta tri túc với thô y, khen ngợi sự tri túc thô y.’ Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử ta nhận sự tri túc thô y mà khen ngợi Ta, thì người đó do sự kiện này đã không cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

“Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn thức ăn gạo nếp, nấu chín và không có

⁹ Yên tọa, ngồi nghỉ ngơi chỗ thanh vắng.

¹⁰ Đê bản: Thánh lực 聖力. TNM: Thánh đao 聖刀.

hạt xép, vô lượng tạp vị. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta có người trọn đời khát thực, ăn thức ăn đã bỏ, cũng lại nói [783a] rằng, ‘Thế Tôn ta tri túc với thô thực, khen ngợi tri túc thô thực.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tri túc ăn uống thô sơ, mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây tì-la¹¹ hoặc bằng nửa tì-la. Nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha¹², hoặc bằng nửa câu-tha, cũng nói như vậy, ‘Thế Tôn ăn ít, khen ngợi sự ăn ít.’ Nếu đệ tử Ta nhân sự ăn ít mà khen ngợi Ta, người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự và theo Ta.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao, hoặc trên nhà rạp. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mươi tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời, cũng nói như vậy, ‘Thế Tôn của Ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ nên khen ngợi Ta, thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta và cũng không theo Ta.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nhưng đệ tử của Ta có người quá nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh¹³ cũng nói như vậy, ‘Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta, vì ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

“Ưu-đà-di, Ta không do năm pháp này, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Ưu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng

¹¹ Bê-la thực 鞞羅食. Pāli: *veḷuvāhāra*, thức ăn bằng trái cây *veḷuva*, một loại dưa (tên khoa học *Aegle marmelos*).

¹² Câu-tha thực 拘拖食, *kosāhāra*, một bát com.

¹³ Pháp thanh tịnh, đây chỉ Giới bốn Tỳ-kheo, Pāli: *pātimokkhuddesāya*, để tụng giới bốn Pātimokkha.

sự, thường theo không rời.

“Những gì là năm? Nay Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng¹⁴, khen ngợi Ta rằng, ‘Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì vị ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời.

“Lại nữa, nay Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do vô thượng trí tuệ¹⁵, khen ngợi Ta, ‘Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ, nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp, [783b] Ngài đều khuất phục được. Nghĩa là đối với Chánh pháp luật, họ không thể nói; đối với điều chính mình nói, họ cũng không thể nói.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử nhân vô thượng trí tuệ, mà khen ngợi Ta, vị ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, theo Ta không rời.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến¹⁶, khen ngợi Ta rằng, ‘Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết; thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chứ không phải không duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả ly chứ không phải không xả ly.’ Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo ta không rời.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do nhòem tởm mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ta liền trả lời về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ưu-đà-di, nếu có đệ tử đến hỏi Ta được trả lời xứng ý, khiến được hoan hỷ, người đó nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử hoặc nói tác chứng túc mạng trí thông, hoặc nói tác chứng lậu tận trí thông minh đạt. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta trong Chánh pháp luật này được thọ được độ, được đến bờ bên kia,

¹⁴ Vô thượng giới 無上戒. Pāli: *adhisīla*, tăng thượng giới.

¹⁵ Vô thượng trí tuệ 無上智慧. Pāli: *adhipaññā*, tăng thượng tuệ.

¹⁶ Vô thượng tri kiến 無上知見. Pāli: *abhikkāntaññadassana*, tri kiến siêu việt.

không nghi không hoặc, ở trong thiện pháp không có do dự, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, cúng dường, tôn trọng, phụng sự Ta, thường theo ta không rời.

“Này Ưu-đà-di, Đó là năm pháp Ta có khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo không rời.”

Bấy giờ Di học Tiên Mao, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích vai áo mặt, chấp tay hướng về Phật bạch rằng: “Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ngài khéo nói những điều vi diệu thấm nhuần thân thể con cũng như cam lồ. Bạch Cù-đàm, cũng như mưa lớn, cõi đất này từ cao đến thấp thấm được thấm nhuần khắp cả. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm nói cho chúng tôi những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể chúng tôi cũng như cam lồ.

“Bạch Thế Tôn, tôi đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến mạng chung.”

Phật thuyết như vậy. Di học Tiên Mao sau khi nghe [783c] Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



208. KINH TIỄN MAO (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, ở Trúc lâm vườn Ca-lan-đa cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, an cư mùa mưa.

Bấy giờ, trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khát thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Di học, trong rừng Khổng tước. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Di học, bấy giờ có một người Di học tên là Tiễn Mao là một danh đức, bậc tông chủ, được mọi người tôn làm thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị di học tôn trọng. Vị này ở giữa một đại chúng đang ồn ào, nhiều loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức là vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về dưới biển và việc nước, việc dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp ngồi bàn luận về những vấn đề như súc sanh vậy.

Di học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, liền dặn đồ chúng của mình rằng: “Này các ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm, đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể đến thăm.

Di học Tiễn Mao dặn đồ chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Di học Tiễn Mao. Di học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Phật bạch rằng:

“Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngồi xuống chỗ này.”

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Di học Tiễn Mao và Thế Tôn, sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhau ngồi họp ở đây? Di học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó

gì.”

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

“Ưu-đà-di, vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà nhóm họp ngồi đây?”

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, nó không hay ho gì, Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe, sau này [784a] nghe cũng không khó. Nhưng nếu Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói¹.

“Bạch Cù-đàm, tôi có sách lược, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lược, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, khi nghe có người nói: ‘Thật sự có Nhất thiết trí², thấy tất cả, biết tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi liền vấn sự vị ấy, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, tôi nghĩ như vậy: Đây là những ai?’

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ưu-đà-di, ông có sách lược, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lược, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Nhưng ai nói, ‘Thật sự có Nhất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy’ mà khi ông đến vấn sự, thì vị ấy không biết?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, đó là Bất-lan Ca-diếp. Vì sao? Bạch Cù-đàm, vì Bất-lan Ca-diếp tự cho là thật có Nhất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy. Tôi có sách lược, có tư duy, trụ trong sách lược, trụ trong tư duy có trí tuệ, có biện tài; tôi đến vấn sự. Nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế này, ‘Đây là những ai?’

“Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Bà-nhã Bê-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phù Ca-chiên, A-di-đà Kê-xá-kiêm-bà-lị, các vị này cũng vậy. Bạch Cù-đàm, A-di-đà Kê-xá-kiêm-bà-lị tự cho thật sự có Nhất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi có sách lược, có tư duy, trú trong sách lược, trú trong tư duy, có trí tuệ, có biện tài, tôi đến vấn sự những vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi khởi ý

¹ Toàn cả đoạn trên, giống kinh 208.

² Tát-vân-nhiên 薩云然; Pāli: *sabaññu*, vị Nhất thiết trí; vị toàn trí.

nghĩ rằng, ‘Đây là những ai?’

“Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi lại suy nghĩ: Như vậy ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ. Sa-môn Cù-đàm ắt có thể đáp những việc quá khứ của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, hỏi những việc vị lai, Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ đáp những việc vị lai của ta. Lại nữa, ta tùy những việc mà hỏi cùng Sa-môn Cù-đàm, ắt Sa-môn Cù-đàm cũng tùy mà trả lời những việc ta hỏi.”

Thế Tôn đáp rằng:

“Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ông trong lâu đài có dị kiến, dị nhãn, dị lạc, dị dục, dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân, có duyên, nhớ được [784b] vô lượng đời sống về trước, trong quá khứ; nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, chết như vậy, chết nơi này sanh nơi kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ chung như vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, Ta đáp việc quá khứ cho vị ấy. Ta cũng đến hỏi việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta tùy theo sự việc đó mà hỏi, vị đó cũng tùy theo việc Ta hỏi mà đáp.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử có thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này, khi sanh khi chết, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự thọ nghiệp của chúng mà thấy đúng như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu khẩu và ý ác hành, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt đến chỗ dữ, sanh vào trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hành, thành tựu khẩu và ý diệu hành, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vị lai cho họ. Ta cũng hỏi việc vị lai nơi họ, họ cũng đáp việc vị lai cho ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy theo việc ta hỏi mà đáp.”

Dị học Tiễn Mao bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu như vậy, tôi càng trở thành không biết, không thấy, càng trở thành ngu si, rớt vào ngu si. Nghĩa là vì Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ông trong lâu dài có dị kiến, dị nhân, dị lạc, dị dục và dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành kiếp, vô lượng bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, mạng chung như vậy, chết đây sanh kia, chết kia [784c] sanh đây, ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống lâu như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, trú lâu như vậy, mạng chung như vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, ta đáp việc quá khứ cho vị ấy; ta cũng đến hỏi vị ấy việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho ta. Ta theo sự việc người đó hỏi mà đáp, người đó cũng tùy theo sự việc ta hỏi mà đáp. Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi sanh khi tử, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay chỗ bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu khẩu, ý ác hành, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hành, khẩu, ý diệu hành, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, người ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi ta việc vị lai, ta đáp việc vị lai cho họ. Ta cũng hỏi việc vị lai nơi vị ấy, vị ấy cũng đáp việc vị lai cho ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy việc ta hỏi mà đáp.’

“Bạch Cù-đàm, tôi đối với đời sống này làm những gì đã làm, được những gì đã được, nhưng vẫn không thể nhớ hóng gì có thể nhớ được sự việc trong vô lượng đời sống về trước, có nhân có duyên sao? Bạch Cù-đàm, tôi còn không thể thấy con quỷ Phiêu phong³ thì làm gì mà được thiên nhãn thanh tịnh vượt qua người thường, thấy chúng sanh này khi chết, khi sống, sắc tốt, sắc xấu, đẹp hoặc không đẹp, đưa đến chỗ thiện hoặc chỗ bất thiện tùy sự tạo nghiệp của chúng sanh này, thấy đó như

³ Phiêu phong quỷ 飄風鬼; Pāli: Pamsupisācaka, “quỷ bùn”, một loại ti-xá-xà.

thật.

“Bạch Cù-đàm, tôi lại nghĩ như vậy: Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta vấn đề theo Thầy học pháp, hoặc giả có thể đáp khiến Ngài vừa ý.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, ông theo Thầy học những pháp gì?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, người đó nói: Sắc vượt quá sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thượng⁴.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, sắc là gì?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng hơn, tối diệu hơn là tối thắng hơn; vậy sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ưu-đà-di, cũng như có người [785a] nói như vậy, ‘Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó.’ Nếu có người hỏi người đó như vậy, ‘Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái Sát-ly, con gái Bà-ma-môn, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?’ Người đó đáp, ‘Tôi không biết.’ Người kia lại hỏi, ‘Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-ly, con gái Bà-ma-môn, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vậy, ‘Ta muốn được người con gái đó được ư?’”

“Cũng vậy, Ưu-đà-di, ông nói như vậy, ‘Người đó nói sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.’ Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết.”

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

⁴ M 79 (ii. 32): *ayam paramo vaṇṇo ayam paramo vaṇṇo ti*, “sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng”. *Sắc (vaṇṇa)* ở đây có nghĩa *màu sắc* hay *màu da*.

“Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói, ‘Sắc đỏ vượt hơn sắc, sắc đỏ tối thắng, sắc đỏ tối thượng.’”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh sáng đèn dầu tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đồng cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa cây lớn [785b] đối với ánh sáng đốt đèn dầu thì ánh sáng lửa đồng cây lớn tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, ý ông thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đồng cây lớn, trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám, hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng của lửa đồng cây lớn, thì ánh sáng của sao Thái bạch tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng tỏa chiếu của mặt trăng nửa đêm không u ám, trong ánh sáng ấy, cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời trong suốt, không u ám, trong hai ánh sáng ấy cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Ưu-đà-di, có rất nhiều chư Thiên; mà nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này, tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã cùng với chư Thiên tụ tập luận sự, nhưng những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: ‘Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.’ Này Ưu-đà-di, còn ông đối với ánh lửa đom đóm, lửa sâu bọ, sắc rất tệ, rất xấu mà nói ‘Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng,’ và khi được hỏi lại không biết.”

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, con xin hỏi lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thế, con xin hỏi lỗi về lời nói này⁵.”

⁵Thế Tôn, hỏi quá thử thuyết. Pāli: *acchidam Bhagavā katham*, Thế Tôn đã cất

Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao mà nói như vậy: Bạch Thế Tôn, con xin hỏi lỗi về lời nói đó, bạch Thiện Thệ, con xin hỏi lỗi về lời nói đó?”

Dị học Tiễn Mao đáp:

“Bạch Cù-đàm, con nói như vậy, ‘Sắc kia vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.’ Sa-môn Cù-đàm nay khéo tra xét tôi, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến sự hư vọng của tôi không còn nữa. Bạch Cù-đàm, vậy nên con nói như vậy: Bạch Thế Tôn, con xin hỏi lỗi về lời nói này. Bạch Thiện thệ con xin hỏi lỗi về lời nói này.”

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, ‘Đời sau thuần túy lạc⁶, có một đạo tích để thuần túy chứng nghiệm thế giới⁷.’”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, thế nào gọi là đời sau thuần túy lạc? Thế nào là có một đạo tích để chứng nghiệm thế giới thuần túy lạc?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, giả sử có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo; cho đến, xa lìa tà kiến được chánh kiến. Bạch Cù-đàm, đó gọi là đời sau tuyệt đối lạc, đó gọi là chứng nghiệm thế giới thuần túy lạc.”

Thế Tôn lại bảo rằng:

“Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, theo sự hiểu biết mà đáp. Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ thế nào? Một người trong khi xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, với người ấy, là thuần túy lạc, hay là hỗn tạp khổ⁸?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, hỗn tạp khổ.”

đứt vấn đề.

⁶ Hậu thế nhất hướng lạc 後世一向樂. Chỉ thuần có lạc, không có khổ. M 79: *atthi ekantasukho loko*.

⁷ Nhất hướng tác thế chứng. Cf. M 79: *ekantasukhassa lokassa sacchikiriyāya*, để chứng nghiệm thế giới thuần túy lạc.

⁸ Tạp khổ 雜苦. Pāli: *sukhadukkhī*, vừa sướng vừa khổ.

“Một người trong khi xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến có chánh kiến, với người ấy là thuần túy lạc, hay là hỗn tạp khổ?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, há không phải rằng hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng nghiệm thế giới?”

Dị học Tiễn Mao đáp:

“Bạch Cù-đàm, hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng nghiệm thế giới vậy.”

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con hỏi lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hỏi lỗi lời nói này.”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Ưu-đà-di, ông nghĩ thế nào mà nói như vậy: Bạch Thế Tôn, con hỏi lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hỏi lỗi lời nói này?”

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, con vừa nói, ‘Đời sau thuần túy lạc, có một đạo tích chứng nghiệm thế giới thuần túy lạc.’ Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến cho sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm, do đó con nói như vậy: Bạch Thế Tôn, con hỏi lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hỏi lỗi lời nói này.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ưu-đà-di, quả thật có thế giới thuần túy lạc, có một đạo tích để chứng nghiệm thế giới thuần túy lạc.”

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, thế nào là quả thật có thế giới thuần túy lạc? Thế nào là có một đạo tích để chứng nghiệm thuần túy lạc?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Ưu-đà-di, nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly

ác bất thiện pháp; có tâm, có tứ, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiên, thành tựu an trụ, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy tầm tứ đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh, [785a] chứng đệ Nhị thiên, thành tựu an trụ, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiên thành tựu an trú, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới thuần túy lạc.”

Dị học Tiễn Mao hỏi:

“Bạch Cù-đàm, trong đời, thuần túy lạc chỉ cùng cực là thế chẳng?”

Thế Tôn nói:

“Trong đời, thuần túy lạc không chỉ cùng cực là thế. Ưu-đà-di, còn có đạo tích nữa chứng đắc thế giới thuần túy lạc.”

Dị học Tiễn Mao hỏi:

“Bạch Cù-đàm, thế nào là có đạo tích nữa chứng đắc thế giới thuần túy lạc?”

Thế Tôn đáp:

“Ưu-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp; có tâm, có tứ, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiên, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy tầm tứ đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiên, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiên thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới thuần túy lạc.”

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, phải chăng đệ tử của Sa-môn Cù-đàm vì thế giới thuần túy lạc, và vì đạo tích chứng đắc thế giới thuần túy lạc ấy mà theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh chẳng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới thuần túy lạc và vì để chứng

nghiệmc thể giới thuần túy lạc ấy mà theo học phạm hạnh. Nhưng còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác để chứng đắc nữa.”

Bấy giờ cả đại chúng này cùng lớn tiếng nói:

“Cái ấy là tối thượng, tối diệu, tối thắng; vì để chứng đắc cái ấy mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh.”

Sau khi làm cho đại chúng của mình im lặng rồi, Bà-ma-môn Tiễn Mao lại thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, cái gì là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy, mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Ưu-đà-di, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, và ưu, hỷ [786b] từ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ. Ưu-đà-di, đó gọi là tối thượng tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo học phạm hạnh.”

Bấy giờ Di học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn cúi đầu sát chân Phật. Ngay lúc đó các đệ tử di học phạm hạnh của Di học Tiễn Mao thưa với Di học Tiễn Mao rằng: “Tôn giả nay đáng làm bậc Thầy mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư? Khi nào Tôn giả không đáng làm Thầy, rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm vậy.”

Đó là các đệ tử của Di học Tiễn Mao là chương ngại cho Di học Tiễn Mao đối với sự tu học phạm hạnh.

Phật thuyết như vậy. Di học Tiễn Mao sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



209. KINH TÌ-MA-NA-TU

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Di học Tì-ma-na-tu¹, sau giữa trưa, thung dung đến chỗ Phật, chào hỏi xong, hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, sắc này hơn, sắc này hơn. Nay Cù-đàm, sắc này hơn².”

Thế Tôn hỏi:

“Này Ca-chiên³, đó là những sắc nào?”

Di học Tì-ma-na-tu đáp:

“Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng, tối diệu, tối thắng hơn, Cù-đàm, sắc đó là tối thượng, sắc đó là tối thắng.”

Thế Tôn bảo:

“Ca-chiên, cũng như có người nói như vậy, ‘Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó.’ Nếu có người hỏi người đó như vậy, ‘Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết cô ấy tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái Sát-ly, con gái Bà-ma-môn, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam phương Bắc?’ Người đó đáp, ‘Tôi không biết.’ Người kia lại hỏi, ‘Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-ly, con gái Bà-ma-môn, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vậy, ‘Ta muốn được người con gái đó được ư’?”

¹ Tì-ma-na-tu 鞞摩那修. No.90 Tì-ma-túc 鞞摩肅. M 80: Vekhanassa paribbājaka. Sớ giải: thầy của Sakuludāyī. Sau khi Sakuludāyī bị khuất phục bởi Phật (xem kinh 208 trên) ông thân hành đến tìm hiểu sự thật.

² Tối sắc 最色; No.90: Hình sắc cực vô thượng diệu 形色極無上妙. M 80 (ii.40): *paramo vaṇṇo*, “màu sắc là trên hết”. Xem kinh 208 trên.

³ Ca-chiên 迦旃. Pāli: Kaccana, họ của Vekhanassa.

“Cũng vậy, Ca-chiên, ông nói như vậy, [786c] ‘Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng.’ Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết.”

Dị học Tì-ma-na-tu thưa:

“Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma⁴ là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói ‘Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng.’”

Thế Tôn bảo:

“Ca-chiên, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu biết mà đáp. Ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?”

Dị học Tì-ma-na-tu đáp rằng:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng.”

Thế Tôn hỏi:

“Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và ánh lửa đồng cây lớn trong đêm tối; trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?”

Dị học Tì-ma-na-tu đáp:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đồng cây lớn trong đêm tối đối với ánh sáng đèn dầu thì ánh sáng lửa đồng cây lớn sáng hơn.”

Thế Tôn hỏi:

“Ca-chiên, ý ông nghĩ thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đồng cây lớn trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch⁵ vào buổi sáng trời không u ám, ánh sáng nào sáng hơn?”

Dị học Tì-ma-na-tu đáp:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng lửa đồng

⁴ No 90: diêm-phù-đàn kim 闍浮檀金.

⁵ Thái bạch tinh 太白. Pl. Osadhi.

cây lớn, thì ánh sáng sao Thái bạch sáng hơn.”

Thế Tôn hỏi:

“Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?”

Dị học Tì-ma-na-tu đáp:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì [787a] ánh sáng của mặt trăng sáng hơn.”

Thế Tôn hỏi:

“Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng vào nửa đêm trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa mặt trời vào mùa thu đứng ngay giữa bầu trời trong suốt không u ám, trong hai ánh sáng đó cái nào sáng hơn?”

Dị học Tì-ma-na-tu đáp:

“Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trời, so với ánh sáng của mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ca-chiên, có rất nhiều chư Thiên, nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư Thiên tụ tập luận sự. Những điều Ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, nhưng Ta không nói, ‘Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.’ Nay Ca-chiên, còn ông, với lửa đóm, lửa sâu, sắc rất tệ xấu mà nói ‘Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng.’ Và khi được hỏi lại nói không biết.”

Ngay lúc đó dị học Tì-ma-na-tu bị Thế Tôn quở trách trước mặt trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không còn lời nào biện bạch.

Sau khi Thế Tôn quở trách, muốn khiến ông ta hoan hỷ nên bảo:

“Này Ca-chiên, có năm công đức của dục⁶, khả hỷ, khả ái, khả niệm, khả ái, có lạc tương ưng với dục⁷. Sắc nhận biết bởi mắt, tiếng nhận biết bởi

⁶ Ngũ dục công đức 五欲功德. No.90: ngũ tánh dục. Pāli: *pañca kāmaganā*.

⁷ No.90: Cận dâm, nhiễm trước 近婬染著. Pāli: *kāmūpasamhitā rajanīyā*.

tai, hương nhận biết bởi mũi, vị nhận biết bởi lưỡi, xúc chạm biết bởi thân. Nay Ca-chiên, sắc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với sắc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người ấy đối với sắc khác dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện cầu. Người đó cho sắc này là tối thắng tối thượng. Nay Ca-chiên, thanh, hương, vị, xúc cũng lại như vậy. Nay Ca-chiên, xúc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với xúc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người đó đối với những xúc khác, dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cần. Người đó cho xúc này là tối thượng, tối thắng vậy.”

Bấy giờ Di học Tì-ma-na-tu chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm! Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay. Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói, ‘Dục lạc, dục lạc đệ nhất’⁸. Bạch Cù-đàm, cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây, do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm vì [787b] tôi mà dùng vô lượng phương tiện, nói: ‘Dục lạc, dục lạc đệ nhất.’”

Thế Tôn bảo:

“Thôi! Thôi! Nay Ca-chiên! Ông là người trong lâu đài có sở kiến dị biệt, nhãn thọ dị biệt, sở thích dị biệt, ý dục dị biệt, ý hướng dị biệt⁹, cho nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói.

“Nay Ca-chiên, đệ tử Ta đầu hôm và cuối đêm thường không nằm ngủ, mà chánh định, chánh ý, tu tập đạo phẩm, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’

⁸ Dục lạc, dục lạc đệ nhất 欲樂欲樂第一. M 90: *yam kho ime pañca kāmagaṇe paṭicca uppajjati sukhaṃ somanassaṃ idaṃ vuccati kāmasukhaṃ. iti kāmehi kāmasukham; kāmasukhā kāmaggasukham tattha aggam akkhayāti*, “Lạc và hỷ nào do duyên trên năm dục công đức mà sanh khởi, nó được gọi là dục lạc. Đó là, lạc do bởi các dục, từ lạc do dục, lạc do dục tối thượng ấy ở đây được nói là tối thượng.”

⁹ Dị kiến dị nhãn dị lạc dị dục dị ý 異見異忍異樂異欲異意. Pāli, thành cú: *aññadiṭṭhena aññakhandikena aññarucikena aññatrayogena aññatrācariyakena*, do quan điểm dị biệt, tin tưởng dị biệt, sở thích dị biệt, sở hành dị biệt, tông sư dị biệt.

Những người ấy mới thấu triệt những điều Ta nói.”

Ngay lúc đó dị học Tì-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn, và ông vu báng Thế Tôn như vậy, hạ nhục Thế Tôn như vậy:

“Cù-đàm, có Sa-môn, Bà-ma-môn, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Cù-đàm, tôi nghĩ như vậy, ‘Vì sao Sa-môn, Bà-ma-môn này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?’”

Lúc đó Thế Tôn liền nghĩ rằng:

“Dị học Tì-ma-na-tu nổi giận đối với Ta, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Ta, muốn hạ nhục Ta, và vu báng Ta như vậy, hạ nhục Ta như vậy mà nói với Ta như vậy, ‘Cù-đàm, có Sa-môn, Bà-ma-môn, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Cù-đàm, tôi nghĩ như vậy, ‘Vì sao Sa-môn, Bà-ma-môn này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?’”

Thế Tôn biết thế rồi, bèn nói rằng:

“Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Bà-ma-môn nào không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’; thì hãy nói với người đó như vậy, ‘Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau.’ Này Ca-chiên, Ta cũng nói như vậy, ‘Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau, [787c] giả sử không nhớ đến một đời.’ Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến; đó là người không nịnh hót, không lừa gạt, mà thẳng thắn, Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà

thực hành đúng như vậy, nhất định biết được Chánh pháp.

“Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yếu, nằm ngửa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa bé đó sau lớn lên, các căn thành tựu, cha mẹ lại cởi trói tay chân cho nó ra. Nó chỉ nhớ khi được cởi trói, chớ không nhớ khi bị trói.

“Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vậy, ‘Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, giả sử không nhớ một đời.’ Khi đệ tử Tỳ-kheo Ta đến; người đó không nịnh hót, không lừa dối, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

“Này Ca-chiên, cũng như do dầu, do tim, mà đốt đèn, không có người thêm dầu, không có người đổi tim, dầu trước đã hết, sau lại không rót thêm thì không thể còn, mà chóng tự tắt vậy.

“Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vậy, ‘Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, giả sử không nhớ một đời.’ Khi đệ tử của Ta đến; người đó không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

“Này Ca-chiên, cũng như có mười đồng cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đồng cây, dùng lửa mà đốt, tất cả đều bùng cháy. Khi ấy ngọn lửa được thấy. Đốt lửa ấy nếu không có người thêm củ cây, hoặc đổ thêm vỏ trấu vào; củi trước đã hết, củi sau không được thêm nữa, thì lửa không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

“Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vậy, ‘Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, giả sử không nhớ một đời.’ Khi đệ tử của Ta đến; người đó không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.”

Khi thuyết pháp này Dị học Tì-ma-na-tu xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Lúc đó, Dị học Tì-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà độ nghi, đoan hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng đối với pháp của Thế Tôn, chứng được vô sở úy, cúi đầu sát chân Phật mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc,

được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh.”

Thế Tôn dạy:

“Thiện lai Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh! [788a] Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh. Tôn giả Tì-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc rồi, biết pháp, thấy pháp, cho đến chúng được quả vị A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Tì-ma-na-tu và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁰



¹⁰ Bản Hán, hết quyển 57.

210. KINH TỖ-KHEO-NI PHÁP LẠC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc¹.

Bấy giờ có bà Ưu-bà-di Tỳ-xá-khur², đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc³, cúi đầu lễ dưới chân, rồi lui ngồi một bên, thưa rằng:

“Bạch Thánh ni⁴, tôi có điều muốn hỏi, mong Thánh ni nghe cho chăng?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Tỳ-xá-khur, có điều gì xin cứ hỏi, sau khi nghe xong tôi sẽ suy nghĩ.”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khur liền hỏi:

“Bạch Thánh ni, hữu thân⁵, nói là hữu thân; vậy thế nào là hữu thân?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Thế Tôn nói năm thủ uẩn⁶. Hữu thân là năm thủ uẩn. Đó là sắc thủ uẩn, là thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Đó là năm thủ uẩn được Thế Tôn nói.”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch ni.”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khur nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, sao gọi là hữu thân kiến⁷?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết

¹ Pāli tương đương, M 44: tại Rājagaha, Veḷuvana, Kalandakanivāpa.

² Tỳ-xá-khur Ưu-bà-di 毗舍佉優婆夷. M 44: Visākho upāsako, nam cư sĩ Visākha; chứ không phải nữ cư sĩ Visākha.

³ Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni 法樂比丘尼. Pāli: Dhammadinnā bhikkhunī. Bà được xếp vào hàng những Tỳ-kheo-ni có tài biện thuyết. Sớ giải: trước kia bà là vợ của Visākha ở Rājigaha. Bản chữ Hán có thể nhầm Visākha này với Visākā, một nữ cư sĩ hộ đạo nhiệt thành ngang Cấp Cô Độc.

⁴ Nguyên Hán: Hiền Thánh 賢聖. Pāli: *ayye*.

⁵ Tự thân 有身. Pāli: *sakkāya*, hữu thân, hay “tát-ca-da”.

⁶ Ngũ thanh âm 五盛陰. Pāli: *pañca upādānakkhandhā*.

⁷ Tự thân kiến 自身見. Pāli: *sakkāya-dīṭhi*.

Thánh pháp, không chế ngự theo Thánh pháp⁸, kẻ ấy thấy sắc là tự ngã, thấy tự ngã có sắc, thấy trong tự ngã có sắc, thấy trong sắc có tự ngã.⁹ Thấy thọ, tưởng, [788b] hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã. Đó gọi là tự thân kiến.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, sao gọi là không thân kiến?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo léo chế ngự trong Thánh pháp, kẻ ấy không thấy sắc là ngã, không thấy ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã, không thấy trong ngã có sắc. Không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã. Đó gọi là không thân kiến.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, sao gọi là diệt tự thân?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Sắc thủ uẩn bị đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn bị đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Đó là tự thân diệt.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, uẩn nói là thủ uẩn, thủ uẩn nói là uẩn. Uẩn tức là thủ

⁸ Bất ngự Thánh pháp 不御聖法. Pāli: *ariyadhamme avinīto*, người không được chế ngự trong Thánh pháp.

⁹ Hán: thân 神. Pāli, thành cú: *rūpam attato samanupassati, rūpavantam vā attānam, attani vā rūpam, rūpasmim vā attānam*, thấy sắc là tự ngã, tự ngã có sắc, sắc trong tự ngã, tự ngã trong sắc.

uẩn, hay thủ uẩn tức là uẩn? Uẩn khác với thủ uẩn chăng?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Hoặc uẩn tức là thủ uẩn. Hoặc uẩn chẳng phải là thủ uẩn. Thế nào là uẩn tức là thủ uẩn? Sắc hữu lậu, được chấp thủ¹⁰; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, nói uẩn tức là thủ uẩn.

“Thế nào nói uẩn tức chẳng phải là thủ uẩn? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, nói uẩn chẳng phải là thủ uẩn.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, thế nào là Thánh đạo tám chi?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Thánh đạo tám chi là từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó gọi là Thánh đạo tám chi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, Thánh đạo tám chi [788c] là hữu vi chăng?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Đúng vậy, Thánh đạo tám chi là hữu vi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Bạch Thánh ni, có bao nhiêu tụ?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Có ba tụ là giới tụ, định tụ và tuệ tụ.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

¹⁰ Hán: hữu thọ 有受.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

Bạch Thánh ni, Thánh đạo tám chi thâm nhiếp ba tụ hay ba tụ thâm nhiếp Thánh đạo tám chi?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Không phải Thánh đạo tám chi thâm nhiếp ba tụ, nhưng ba tụ thâm nhiếp Thánh đạo tám chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được nhiếp về Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi này được thâm nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, ba chi này được thâm nhiếp vào Thánh tuệ tụ. Đó là nói rằng không phải Thánh đạo tám chi ba tụ, nhưng ba tụ nhiếp Thánh đạo tám chi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

“Bạch Thánh ni, diệt là hữu đối chăng?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Diệt là vô đối.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, Sơ thiền có bao nhiêu chi?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

“Sơ thiền có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm¹¹. Đó là năm chi của Sơ thiền.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

“Bạch Thánh ni, sao gọi là đoạn, sao gọi là tướng, sao gọi là định lực, sao

¹¹ Giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm. Pāli: *vitakka, vicāra, pīti, sukha, cittakaggatā*.

gọi là định công, sao gọi là tu định¹²?”

Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni đáp rằng:

“Nếu có thiện tâm thuần nhất¹³ được gọi là định. Bốn niệm xứ được gọi là định tướng. Bốn chánh đoạn được gọi là định lực. Bốn như ý túc được gọi là định công. Nếu tu tập các thiện pháp này rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần, đó gọi là tu định.”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. [789a] Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, có bao nhiêu pháp mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bị liệt ngoài gò đồng như cây gỗ vô tình?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Có ba pháp khiến sanh thân sau khi chết, thân bị liệt ngoài gò đồng như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến sanh thân sau khi chết thân bị liệt ngoài gò đồng như cây gỗ vô tình.”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, một người chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Chết là mạng đã dứt, hơi ấm lìa thân, các căn bại hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân, các căn không bại hoại. Đó là sự khác biệt giữa một người chết và nhập diệt tận định.”

¹² Đoạn 斷, theo trả lời đây là định. Pāli: *samādhi* (định), *samādhinimittā* (định tướng), *samāधिparikkhāra* (định lực, định công hay tư trợ, tư cụ của định), *samāधिbhavana* (định tu tập, tu định).

¹³ Đặc nhất 得 — : tâm nhất cảnh tánh, tâm nhất thú tánh. Pāli: *ekaggatā*, sự tập trung trên một điểm.

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, một người diệt tận định và một người nhập vô tưởng định khác nhau thế nào?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Một người nhập diệt tận định thì tưởng và tri¹⁴ đều diệt còn một người nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa một người nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra, khác nhau như thế nào?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Tỳ-kheo từ diệt tận định ra không khởi suy nghĩ này, ‘Ta từ diệt tận định ra.’ Tỳ-kheo khi từ vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ này, ‘Ta là hữu tưởng? Hay ta là vô tưởng?’ Đó là sự khác nhau giữa một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định có khởi ý nghĩ rằng, ‘Ta nhập diệt tận định’ hay không?”

Pháp lạc Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định không khởi ý nghĩ rằng, ‘Ta nhập diệt tận định.’ Nhưng do theo tâm thức đã tu tập từ trước, y như vậy [789b] mà tiến tới.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

¹⁴ Tưởng tri 想知, hay tưởng và thọ. Pāli: *saññā-vedayita*.

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, tỳ-kheo từ diệt tận định ra có khởi ý nghĩ rằng, ‘Ta từ diệt tận định ra’ hay không?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Tỳ-kheo khi từ diệt tận định ra không khởi ý nghĩ, ‘Ta từ diệt tận định ra.’ Nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn, cho nên từ định mà ra.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc những gì? Thú hướng những gì? Và thuận những gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và tùy thuận viễn ly.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, có bao nhiêu thọ¹⁵?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Có ba thọ, là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Chúng duyên vào đâu mà có? Duyên vào xúc¹⁶.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, thế nào là cảm thọ lạc? Thế nào là cảm thọ khổ, và thế nào là cảm thọ không khổ không lạc?”

¹⁵Hán: giác 受, tức thọ, hay cảm thọ. Pāli: *vedanā*.

¹⁶Hán: cánh lạc 更樂. Pāli: *phassa*.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Nếu lạc được cảm xúc bởi lạc xúc¹⁷ mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc, thọ này gọi là cảm thọ lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi khổ xúc mà sanh, thân và tâm cảm thọ khổ, không khoái lạc, thọ này gọi là cảm thọ khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi xúc không khổ không lạc mà sanh, thân và tâm cảm thọ không khổ không lạc, không phải khoái cảm hay không khoái cảm, thọ này gọi là cảm thọ không lạc không khổ.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, đối với cảm thọ lạc, thế nào là lạc? Thế nào là khổ? Thế nào là vô thường? Thế nào là tai hoạn? Thế nào là sử? Đối với cảm thọ khổ, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử? Đối với cảm thọ không khổ không lạc, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử¹⁸?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc [789c] đáp rằng:

“Đối với cảm thọ lạc, sanh là lạc, trụ là lạc; biến dịch là khổ; vô thường tức là tai hoạn, và dục là sử. Đối với cảm thọ khổ, sanh là khổ, trụ là khổ, biến dịch là lạc, vô thường tức là tai hoạn, sân nhuế là sử. Đối với cảm thọ không khổ không lạc, khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là biến dịch và vô minh là sử vậy.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, phải chăng tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử¹⁹? Tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử²⁰? Tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là

¹⁷ Lạc cánh lạc sở xúc sanh 樂更樂所觸生.

¹⁸ Sử 使, kết sử, tức tùy miên. Pāli: *anusaya*.

¹⁹ Dục sử 欲使, : tham tùy miên. Pāli: *rāgānusaya*.

²⁰ Nhuế sử 恚使: sân tùy miên. Pāli: *paṭighānusaya*.

vô minh sử²¹?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Không phải tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử, không phải tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử; không phải tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử. Vì sao cảm thọ lạc không phải là dục sử? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm có tứ, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiên, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ lạc không phải là dục sử. Vì sao vậy? Vì đã đoạn dục. Vì sao cảm thọ khổ không phải là nhuế sử? Như mong cầu vô thượng giải thoát lạc, do sự nguyện cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Đó là cảm thọ khổ không phải là nhuế sử. Vì sao? Vì nó đoạn sân nhuế. Vì sao cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử. Vì sao? Vì nó đoạn vô minh.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, cảm thọ lạc đối đãi với cái gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Cảm thọ lạc lấy cảm thọ khổ làm đối đãi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, cảm thọ khổ đối đãi với cái gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Cảm thọ khổ lấy cảm thọ lạc làm đối đãi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, cảm thọ vừa lạc vừa khổ đối đãi với cái gì?”

²¹ Vô minh sử 無明使: vô minh tùy miên. Pāli: *avijjānusaya*.

[790a] Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Cảm thọ lạc khổ lấy không khổ không lạc làm đối đãi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, cảm thọ không khổ không lạc đối đãi với cái gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Cảm thọ không khổ không lấy vô minh làm đối đãi.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, vô minh đối đãi với gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Vô minh lấy minh làm đối.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, minh đối đãi với gì?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Minh lấy Niết-bàn làm đối.”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Bạch Thánh ni!”

Ưu-bà-di Tì-xá-khur khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

“Bạch Thánh ni, Niết-bàn đối đãi với cái gì?”

“Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

“Ông²² muốn hỏi những việc vô cùng, nhưng việc ông hỏi không thể cùng tận giới hạn của tôi được. Niết-bàn không có đối đãi. Niết-bàn

²²Hán: quân 君. Có thể nam, có thể nữ. Có sự bất nhất về phái tính nhân vật trong bản Hán. Pāli: *avuso* (nam tính).

không có quái ngại, vượt qua quái ngại, diệt trừ quái ngại, do nghĩa này nên tôi theo Thế Tôn hành phạm hạnh.”

Bấy giờ Ưu-bà-di Tì-xá-khur, khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc nói, khéo léo thọ trì, tụng tập, rời từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiều ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc sau khi tiễn Ưu-bà-di Tì-xá-khur đi cách đó không lâu, bà đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng một bên, đem hết những điều thảo luận cùng Ưu-bà-di Tì-xá-khur bạch lại với Phật, chấp tay thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Thế Tôn chăng? Nói chân thật, nói như pháp, không có trái nhau, không có tranh cãi, nhầm lẫn chăng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Tỳ-kheo-ni, cô nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Ta. Cô nói chân thật. Cô nói như pháp. Cô nói theo thứ lớp của pháp. Đối với như pháp, không có chống trái nhau, không tranh, không lỗi vậy. Này Tỳ-kheo-ni, nếu [790b] Ưu-bà-di Tì-xá-khur đến hỏi Ta, Ta cũng bằng những văn cú như vậy, Ta cũng trả lời Ưu-bà-di Tì-xá-khur bằng nghĩa này, bằng văn cú này. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa này đúng như người đã nói, người cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao, những lời này tức là giáo nghĩa vậy.”

Phật thuyết như vậy, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và chư Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất vào lúc xế từ tỉnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la¹, chào hỏi nhau xong rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng:

“Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả nghe cho chăng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, bất thiện, được nói là bất thiện; bất thiện căn, được nói là bất thiện căn. Thế nào là bất thiện? Thế nào là bất thiện căn?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Thân ác hành, khẩu và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó là bất thiện và bất thiện căn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Hay thay! Lành thay! Hiền giả Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Câu-hy-la, thiện, được nói là thiện; thiện căn, được nói là thiện căn. Thế nào là thiện? Thế nào là thiện căn?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn vậy. Đó là thiện và thiện căn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Trí tuệ, được nói là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ?”

¹ Đại Câu-hy-la 摩訶拘絺羅. Pāli: Mahā-Koṭṭhika.

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

“Biết như vậy, cho nên nói là trí tuệ. [790c] Biết những gì? Biết như thật ‘Đây là Khổ’, biết như thật ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt Đạo.’ Biết như vậy cho nên được nói là trí tuệ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, thức, được nói là thức; thế nào là thức?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Thức, nhận thức, cho nên nói là thức². Nhận thức những gì? Nhận thức, sắc, nhận thức thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức, nhận thức, cho nên nói là thức.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ và thức, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng³?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt. Không thể thi thiết hai pháp ấy riêng rẽ. Vì sao vậy? Những gì được biết bởi trí tuệ cũng được biết bởi thức. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng rẽ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, người biết, ngài lấy gì để biết?”

² Thức thức, thị cố thuyết thức 識識是故說識. Pāli: *vijānāti vijānāti'ti kho āvuso tasmā viññāṇan ti vuccati*, nó nhận biết, nó nhận biết, nên nó được gọi là thức.

³ Pāli: *labbhā ca panimesaṃ dhammānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetun ti*, có thể chăng sau khi phân tích, rồi phân tích các pháp này mà giả thiết hành tướng sai biệt của chúng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Biết, tôi do trí tuệ mà biết.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Tôn giả Đại Câu-hy-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa gì? Có sự thù thắng gì? Có công đức gì?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Trí tuệ có nghĩa yếm ly, có nghĩa vô dục, có nghĩa thấy như thật⁴.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là chánh kiến?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Đó gọi là chánh kiến.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh chánh kiến?”

[791a] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

⁴ Pāli: *paññā kho āvuso abhiññatthā pariññatthā pahānatthā ti*, trí tuệ có nghĩa *thắng tri*, có nghĩa *biến tri*, có nghĩa *đoạn trừ*.

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu chi thân nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có năm chi thân nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm? Một là được thân nhiếp bởi chân đế, hai là được thân nhiếp bởi giới, ba là được thân nhiếp bởi bác văn, bốn là được thân nhiếp bởi chỉ, năm là được thân nhiếp bởi quán.⁵ Đó gọi là năm chi thân nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, như thế nào sanh khởi hữu trong tương lai⁶?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Phàm phu ngu si, vô tri, không đa văn, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói buộc, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không được điều ngự trong Thánh pháp, đó gọi là làm sanh khởi hữu trong tương lai.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là không sanh khởi hữu trong tương lai?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh, tất diệt tận khổ. Đó gọi là không

⁵ Năm chi: chân đế 真諦, giới 戒, bác văn 博聞, chỉ 止, quán 觀. Pī.: *sīla* (giới), *suta* (văn), *sākaṅkhā* (luận nghị), *samatha* (chỉ), *vipassana* (quán). Pāli *sākaṅkhā* (luận nghị) trong bản Hán được đọc là *sacca* (sự thật).

⁶ Sanh đương lai hữu 生當來有. Pāli: *āyatim punabbhavābhimibbatti*, sự tái sanh xảy ra trong tương lai.

sanh khởi hữu trong tương lai.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có ba thọ, là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Thọ này duyên đâu mà có? Duyên xúc mà có.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả [791b] Đại Câu-hy-la, thọ, tướng, tư, ba pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết ba pháp này riêng biệt chăng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

“Thọ, tướng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tướng bởi tướng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Diệt có sự đối ngại gì?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Diệt không có sự đối ngại.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có năm căn với sở hành dị biệt⁷, cảnh giới dị

⁷ Hành dị 行異. Pāli: *nānāgocarāni*, có môi trường hoạt động sai biệt, sai biệt sở hành cảnh giới.

biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn với sở hành dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng. Vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm sở y cho chúng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

“Năm căn với sở hành dị biệt, với cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn này với sở hành riêng biệt, với cảnh giới riêng biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; ý lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng. Ý làm sở y cho chúng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Ý nương tựa vào đâu mà tồn tại?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Ý nương tựa vào tuổi thọ mà tồn tại.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

“Tuổi thọ nương vào hơi ấm mà tồn tại.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tuổi thọ và hơi ấm hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. [791c] Vì sao? Nhân tuổi thọ mà có hơi ấm; nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu do bắc

mà đốt được đèn; và ở đây do ngọn mà có ánh sáng, do ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có ba pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp này sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Chết là thọ mạng đã diệt, hơi nóng ấm đã đi, các căn tan rã. Tỳ-kheo nhập diệt tận định, tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa đi, các căn chưa tan rã. Chết và nhập diệt tận định khác nhau như vậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định khác nhau như thế nào?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tưởng và tri đã diệt. Tỳ-kheo nhập vô

tướng định thì tướng và tri không diệt. Nhập diệt tận định và nhập vô tướng định khác nhau như vậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, ra khỏi diệt tận định và ra khỏi vô tướng định, khác nhau như thế nào?”

[792a] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định không nghĩ như vậy, ‘Ta ra khỏi diệt tận định.’ Tỳ-kheo ra khỏi vô tướng định suy nghĩ như vậy, ‘Ta có tướng hay ta không có tướng?’ Ra khỏi diệt tận định và vô tướng định khác nhau như vậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt pháp nào, thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt thân hành, kể đến khẩu hành và sau hết là ý hành.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, pháp nào phát sanh trước hết? Thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, trước hết sanh thân hành, kể đến sanh khẩu hành và sau cùng sanh ý hành.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định, xúc bao nhiêu loại xúc?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, xúc ba loại xúc. Những gì là ba? Một là xúc không di động; hai là xúc vô sở hữu; ba là xúc vô tướng. Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định xúc ba loại xúc này.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nhau về nghĩa, về văn? Hay cùng một nghĩa một văn?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh bất động định⁸?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có bốn nhân, bốn duyên [792b] phát sanh bất động định. Những gì là bốn? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ. Đó gọi là bốn nhân bốn duyên phát sanh bất động định.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô sở hữu định?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có ba nhân, ba duyên phát sanh vô sở hữu định. Những gì là ba? Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tướng cho đến chứng đắc vô sở hữu xứ thành tựu an

⁸ Bất di động định, định không di động 不移動定.

trụ. Đó gọi là ba nhân ba duyên phát sanh vô sở hữu định.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô tướng định⁹?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tướng định. Những gì là hai? Một là không suy niệm tất cả mọi tướng,¹⁰ hai là suy niệm vô tướng giới.¹¹ Đó gọi là có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tướng định.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên trụ vô tướng định?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có hai nhân, hai duyên trụ vô tướng định. Những gì là hai? Một là không niệm tất cả tướng, hai là niệm vô tướng giới. Đó là hai nhân duyên hai duyên trụ vô tướng định.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la.”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

“Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân bao nhiêu duyên ra khỏi vô tướng định?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

“Có ba nhân ba duyên ra khỏi vô tướng định. Những gì là ba? Một là niệm tất cả tướng; hai là không niệm vô tướng giới; ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên ra khỏi vô

⁹ Vô tướng định 無想定. Pl. *animittā cetosamādhī*, vô tướng tâm định.

¹⁰ Nhất thiết tướng 一切想. Pl.: *sabbanimittaṃ*, nhất thiết tướng.

¹¹ Vô tướng giới 無想界. Pl.: *animittā dhātu*.

tương định.”

Như vậy, hai vị Tôn giả tán thán lẫn nhau rằng: “Lành thay! Lành thay!” và những điều được thảo luận đó, hoan hỷ phụng hành, rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy mà đi.¹²



¹² Bản Hán, hết quyển 58.

PHẨM THỨ 18: PHẨM LỆ

TỤNG NGÀY THỨ NĂM

Hậu tụng

一切智法嚴 韓訶第一得
愛生及八城 阿那律陀二
諸見箭與喻 比例最在後

Kệ tóm tắt:

Nhất thiết trí, Pháp nghiêm,
Tì-ha, Đệ nhất đặc,
Ái sanh, và Bát thành,
Hai A-na-luật-đà,
Các Kiến, và Tiễn dụ,
Kinh Lệ ở sau cùng.

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ
213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM
214. KINH BỆ-HA-ĐỀ
215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẶC
216. KINH ÁI SANH
217. KINH BÁT THÀNH
218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)
219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)
220. KINH KIẾN
221. KINH TIỄN DỤ
222. KINH LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ

[792c14]Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cực thích¹.

Bấy giờ vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc² nghe Sa-môn Cù-đàm đang trú tại Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cực thích. Sau khi nghe như vậy, Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, bảo một người rằng: “Người đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay mặt ta mà thăm hỏi rằng, ‘Thánh thể có khương cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?’” Rồi nói như vậy, ‘Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc, kính lời thăm hỏi rằng ‘Thánh thể được khương cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?’ Người lại nói thêm rằng, ‘Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp.’” Người ấy lãnh giáo đến chỗ Phật, cùng Ngài chào hỏi rồi lui ngồi một bên mà thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Thánh thể được khương cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái khí lực như thường chăng? Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp.”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Mong vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc được an ổn khoái lạc. Mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát và mọi loài khác cũng được an ổn khoái lạc. Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến, xin cứ tự tiện tùy ý.”

Sứ giả nghe Phật nói, ghi nhớ kỹ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy nhiễu ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ [793a] Tôn giả A-nan đứng sau lưng Đức Thế Tôn, quạt hầu Phật. Sau khi người sứ giả đi rồi, Đức Thế Tôn quay lại bảo rằng:

“Này A-nan, ông cùng Ta sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, vào trong chỗ kín đáo ấy. Hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, nhất tâm, không loạn động, muốn nghe và thọ lãnh

¹ Uất-đầu-tùy-nhã 鬱頭隨若. Pāli: Ujuññā, một quận ly tại xứ Kosala. Phổ cực thích 普棘刺; Pāli: Kaṇṇakatthala, là vườn Nai trong quận này.

² Câu-tát-la vương Ba-tư-nặc 拘薩羅王波斯匿. Pāli: Kosala-rājan Pasenadi.

Chánh pháp.”

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Kính vâng.”

Rồi Đức Thế Tôn dẫn A-nan sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông kia, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn chỗ ngồi ở chỗ kín đáo, trải ni-sư-đàn và kiết già mà ngồi.

Lúc đó sứ giả trở về chỗ Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, thưa:

“Tâu Thiên vương, tôi đã thông báo cho Sa-môn Cù-đàm và Sa-môn Cù-đàm đang chờ Thiên vương. Cúi xin Thiên vương nên biết đúng thời.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo người đánh xe rằng:

“Người hãy sửa soạn xa giá. Hôm nay Ta muốn đến thăm Sa-môn Cù-đàm.”

Người đánh xe lãnh giáo, tức thì sửa soạn xa giá.

Bấy giờ chị em Hiền và Nguyệt³ đang ngồi ăn với Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, nghe nói hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sẽ đến thăm Phật, liền tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, nếu hôm nay ngài đến thăm Đức Thế Tôn, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng? Đại vương nói như vậy, ‘Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?’”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la im lặng nhận lời chị em Hiền và Nguyệt.

Lúc đó người đánh xe sửa soạn xa giá đã xong, đến tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, xa giá trang nghiêm đã xong, xin vâng ý Thiên vương.”

Vua nghe xong, lên xe rời khỏi Uất-đầu-tùy-nhã, đi đến rừng Phổ cức thích.

³ Hiền, Nguyệt 賢月. Pāli: Sakulā và Somā. Cả hai chị em đều là vợ của vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), cũng là hai vị đệ tử nhiệt thành của Phật.

Lúc đó ngoài cửa rừng Phổ cứ thích, một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành trên khoảng đất trống. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la đến hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Bạch chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm hôm nay ở đâu? Tôi muốn đến thăm.”

Chư Tỳ-kheo đáp rằng:

“Nơi phía Đông kia, tâu Đại vương, tại ngôi nhà lớn hướng phía Đông, có cửa sổ mở và cửa lớn đóng, Đức Thế Tôn đang ở trong đó. Đại vương muốn thăm thì đến nhà ấy, đứng ngoài mà gõ cửa, Đức Thế Tôn sẽ mở cửa.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la liền xuống xe, với đám tùy tùng vây quanh, đi bộ về ngôi nhà lớn hướng phía Đông ấy. Đến nơi, vua đứng phía ngoài gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, liền ra mở cửa. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la vào trong ngôi nhà ấy, đến trước chỗ Phật, [793b] bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn rằng, ‘Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?’”

Thế Tôn hỏi rằng:

“Chị em Hiền và Nguyệt không có người sai sao?”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, mong Ngài biết cho, hôm nay chị em Hiền và Nguyệt cùng ngồi ăn với con, nghe con muốn đến thăm Phật, bèn thưa rằng, ‘Đại vương, nếu ngài đến thăm Phật, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?’ Nên con bạch lại như vậy cùng Thế Tôn rằng, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn ‘Thánh thể Ngài khỏe mạnh an lạc, không bệnh tật đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?’ Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?’”

Thế Tôn đáp:

“Đại vương, mong cho chị em Hiền và Nguyệt an ổn, khoái lạc, mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiên-đáp-hòa, La-sát cùng mọi loài khác an ổn

khoái lạc.”

Bấy giờ Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nói lời thăm hỏi Phật rồi lui ngồi một bên bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi mong Ngài nghe chuyện con mới dám trình bày.”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Đại vương, có điều gì muốn hỏi cứ tự ý mà hỏi.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến.’ Bạch Cù-đàm, Ngài có nhớ là đã nói như vậy chăng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Đại vương, Ta nhớ là đã không nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến.’”

Lúc đó Đại tướng Tì-lưu-la⁴ đứng sau lưng Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la, cảm phát trần hầu vua. Rồi Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Tì-lưu-la rằng:

“Hôm trước Ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến?’”

Đại tướng Tì-lưu-la đáp rằng:

“Tâu Thiên vương, có Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử⁵ là người đầu tiên nói như vậy.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người rằng: “Người đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử nói [793c] như vậy, ‘Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông.’”

⁴Tì-lưu-la 鞞留羅: Tì-lưu-li. Pāli: Viḍḍabha, con trai của Pasenadi.

⁵Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử 想年少吉祥子, Pāli: Sañjaya-Ākāsagotta, tên một người Bà-la-môn, Đại thần của vua Ba-tu-nặc.

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử bảo như vậy:

“Năm Niên Thiểu, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông.”

Sau khi người ấy đi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn:

“Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Bạch Cù-đàm, ngài có nhớ đã nói những gì chẳng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào trong một thời⁶ biết tất cả, trong một thời thấy tất cả.’ Năm Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

“Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sư⁷. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Con lại có những điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép con hỏi.”

Thế Tôn đáp rằng:

“Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, Công sư. Bốn chủng tộc này có sự hơn kém nào không? Và có sự sai biệt nào?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Bốn chủng tộc này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, Công sư có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lị, và Bà-la-môn ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng Cư sĩ và hạng Công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong

⁶Nhất thời 一時; Pāli: *sakideva*, trong một thời, một lúc, hay một lần; ngay trong một sát-na.

⁷Sở thuyết như sư 所說如師, không rõ cách nói này. Cf M 90: *heturūpaṃ bhante bhagavā āha, saheturūpaṃ... āha*, Thế Tôn nói có nguyên nhân, liên hệ đến nguyên nhân. Không hiểu do liên hệ âm vận như thế nào, bản Hán hiểu *heturūpaṃ* là “như sư”. Nếu dịch sát, có thể “như nhân” nghĩa là, có hình thức luận lý.

bốn hạng này, Sát-li, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư đó là sự hơn kém và đó là sự sai biệt.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại bạch:

“Bạch Cù-đàm, con không hỏi những vấn đề trong hiện tại, mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa, mong Ngài nghe con hỏi chẳng?”

Thế Tôn đáp:

“Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

“Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc, Sát-li, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư, có sự hơn kém nào, có sự sai biệt nào ở đời sau chẳng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Bốn hạng này, Sát-li, Bà-la-môn, Cư sĩ, và Công sư, có sự hơn kém, có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng này, Sát-li, Bà-la-môn, Công sư và Cư sĩ nếu thành tựu được năm đoạn chi này⁸, chắc chắn sẽ gặp được bậc Thiện sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Những gì là năm chi? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, đã quyết định vững bền, [794a] không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất.

“Lại nữa, Đại vương, đa văn Thánh đệ tử, ít bệnh, không bệnh, thành tựu sự điều hòa thực đạo⁹, không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bức dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai.

“Lại nữa, này Đại vương, đa văn Thánh đệ tử không siểm mi, không dối gạt, chất trực, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vị phạm

⁸ Ngũ đoạn chi 五斷支. *Tập dị 13* (No.1536, tr.422b15): ngũ thắng chi 五勝支. Pāli: *pañca padhāniyanṅāni*. Tập dị. ibid: đẳng thực phúc 等熟腹.

⁹ Đẳng thực đạo 等食道. Pāli: *samavepākiniyā*.

hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba.

“Lại nữa, Đại vương, đa văn Thánh đệ tử thường thành tựu hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, luôn luôn tự sách tấn¹⁰, chuyên nhất kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ bốn.

“Lại nữa, Đại vương, đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chánh diệt tận. Đó gọi là đoạn chi thứ năm.

“Có bốn chủng tộc, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này nếu thành tựu được năm đoạn chi này, nhất định được gặp bậc Thiện sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ắt được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc.

“Có bốn chủng tộc này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư. Đó là hơn kém, đó là sự sai biệt ở đời sau vậy.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

“Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Đại vương, nếu có điều gì muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

“Bạch Cù-đàm, có bốn chủng tộc, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư; bốn hạng này có sự hơn kém và sự sai biệt nào đối với đoạn hành¹¹ chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Có bốn chủng tộc này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này có sự sai biệt và hơn kém đối với đoạn hành. Nay Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Những gì được đoạn bởi tín, và chúng được đoạn bởi

¹⁰ Hán: hằng tự khởi ý 恆自起意.

¹¹ Đoạn hành 斷行. Pāli: *padhāna*, sự tinh cần hay chuyên cần.

bất tín trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi ít bệnh, mà chúng cũng được đoạn bởi nhiều bệnh, trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi sự không siểm nịnh, không lừa dối¹², mà chúng cũng được đoạn bởi siểm nịnh, lừa dối, trường hợp này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng được đoạn bởi giải đãi; trường hợp này không thể có. Nếu đoạn bởi trí tuệ, mà cũng được đoạn trừ bởi ác tuệ, trường hợp này không thể có.

“Cũng như bốn sự chế ngự¹³ là chế ngự voi, chế ngự ngựa, chế ngự bò và chế ngự người. Trong đó có hai trường hợp cần chế ngự¹⁴ mà không thể chế ngự và [794b] hai trường hợp cần chế ngự mà có thể chế ngự. Đại vương, ý ông thế nào? Hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự, con vật không thể chế ngự ấy mà lại đi đến chỗ được điều phục, đi đến được chỗ chế ngự¹⁵, thọ nhận công việc của sự điều ngự¹⁶, thì việc này có thể vậy.

“Cũng vậy, này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Nếu những gì được đoạn bởi tín¹⁷ mà cũng được đoạn bởi bất tín chẳng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi ít bệnh¹⁸ mà cũng được đoạn bởi nhiều bệnh chẳng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi sự không siểm nịnh không dối trá mà cũng được đoạn bởi siểm nịnh, dối trá chẳng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng được đoạn bởi giải đãi chẳng? Việc này không thể có. Nếu do trí tuệ mà đoạn cũng do ác tuệ mà đoạn chẳng? Việc này không thể có.

¹² Cuồng, siểm. Pāli: *saṭha, māyāvin*, giáo hoạt và lừa dối.

¹³ Hán: tứ ngự 四御. Bốn điều ngự, hay bốn trường hợp huấn luyện, xem kinh 198 trên. Một ít chi tiết trong kinh trước và kinh này không thống nhất trong bản Hán.

¹⁴ Nguyên bản Hán dư một từ *bất*. Đây theo nội dung đoạn tiếp mà lược bỏ.

¹⁵ Điều địa, ngự địa 調地御地. Pāli: *dantabhūmi*, địa vị (của con vật) đã được huấn luyện.

¹⁶ Thọ ngự sự 受御事. Pāli: *dantākaraṇaṃ gaccheyyum*, có thể làm công việc (của con vật) đã được huấn luyện.

¹⁷ Đoạn bởi tín: nên hiểu là được cần hành với tín tâm.

¹⁸ Rõ ràng đây nên hiểu là *cần hành* đúng hơn là *đoạn*.

Như vậy, bốn hạng này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, và Công sư, đó là sự hơn kém, sự sai biệt về đoạn hành.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

“Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Đại vương, nếu có điều muốn hỏi tùy ý hỏi.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

“Bạch Sa-môn Cù-đàm, có bốn chủng tộc này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư, bốn hạng này có sự hơn kém, có sự sai biệt đối với đoạn¹⁹ chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Có bốn chủng tộc này, Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư, chúng bình đẳng đối với đoạn, không hơn kém, không sai biệt đối với đoạn vậy²⁰.”

“Cũng như một đũa nhỏ dòng Sát-lị từ phương Đông đến lấy sa-la khô làm môi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đũa dòng Bà-la-môn từ phương Nam đến nó lấy cây sa-la khô làm môi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đũa dòng Cư sĩ từ phương Tây đến, nó lấy chiên-đàn làm môi và cọ xát cho bốc lửa. Một đũa bé dòng công sư từ phương Bắc đến, nó lấy cây bát-đầu-ma²¹ khô làm môi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Nay Đại vương, ý ngài nghĩ sao? Những người khác chủng tộc kia mang các loại cây khác nhau làm môi lửa, nó cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm vào cây khô làm cho bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Nay Đại vương, giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa. Giữa sắc lửa với sắc lửa, có những sai biệt nào chẳng?”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la đáp rằng:

¹⁹ Đoạn 斷; Pāli: *sammappadhāna*, chánh căn, hay chân chánh tinh căn.

²⁰ M 90: *na kiñci nānākaraṇaṃ vādāmi yadidṃ vimuttiyā vimuttiṃ*, Ta nói không có hành tướng sai biệt nào, tức là giải thoát này đối với giải thoát kia.

²¹ Bát-đầu-ma 鉢頭摩, thường Pāli tương đương là *paduma* (hoa sen đỏ), nhưng ở đây, M 90: *udumbaraṭṭha*, củi bằng gỗ cây *udumbaraka*, tức cây sung. Bả Hán có thể nhầm, vì cọng sen hay cọng súng thì không đủ để lấy lửa được.

“Bạch Cù-đàm, những người khác chúng tộc đó lấy các thứ cây khác nhau đó làm môi lửa và cọ xát cho bốc lửa, rồi trong số đó có người châm lửa vào cây khô [794c] làm bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Bạch Cù-đàm, con không nói rằng giữa khói và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt.”

“Cũng vậy, này Đại vương, bốn chúng tộc này, Sát-li, Bà-la-môn, Cư sĩ và Công sư, chúng hoàn toàn bình đẳng đối với đoạn, không có hơn kém, không có sai biệt đối với đoạn.”

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

“Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư. Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chẳng?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, có chư Thiên chẳng?”

Đức Thế Tôn hỏi lại:

“Đại vương, ngài hỏi ‘có chư Thiên không’ với ý gì?”

Vua Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la đáp:

“Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào có tranh²², ưa tranh thì chư Thiên ấy phải sanh lại thế gian này. Nếu chư Thiên nào không có não hại thì sẽ không sanh lại thế gian này²³.”

Bấy giờ Đại tướng Tì-luru-la đứng sau lưng Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phát trần hầu vua. Đại tướng Tì-luru-la bạch:

“Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào không có tranh, không ưa tranh không đến thế gian này, hãy gác lại chư Thiên đó. Giả như chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, thì đến thế gian này, Sa-môn Cù-đàm tất phải nói rằng chư

²² Hữu tranh 有 諍, có tranh cãi hay tranh chấp. Pāli: *savyāpajjhā*, có não hại, sân hận.

²³ M 90, đây là câu trả lời của Phật. Có lẽ bản Hán sót một đoạn câu hỏi của Ba-tur-nặc, M 90: *yadi vā te devā āgantāro itthaṃ yadi vā anāgantāro itthaṃ*, “các chư thiên ấy có đến cõi này hay không?”

Thiên đó có phúc hơn, có phạm hạnh hơn. Vì chư Thiên này được tự tại nên đẩy lui chư Thiên kia, đuổi chư Thiên kia đi vậy.”

Lúc đó Tôn giả A-nan đứng hầu sau Đức Thế Tôn, cầm phát trần hầu Phật. Tôn giả A-nan nghĩ rằng, ‘Đại tướng Tì-lưu-la này là con của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, còn ta là con của Đức Thế Tôn. Bây giờ chính là lúc con và con thảo luận.’ Rồi Tôn giả A-nan nói với Đại tướng Tì-lưu-la rằng:

“Tôi muốn hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

“Thưa Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được tự do đuổi đi những vị có phúc đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?”

Đại tướng Tì-lưu-la đáp:

“Này Sa-môn, trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được quyền đuổi đi tự do những vị có phúc đức hơn, có phạm hạnh hơn.”

“Này Đại tướng, ngài nghĩ sao? Nếu không phải trong ranh giới của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được tự ý đuổi những vị có phúc đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?”

Đại tướng Tì-lưu-la đáp rằng:

“Này Sa-môn, trong phạm vi [795a] không phải ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la không được tự do xua đuổi những vị có phúc hơn, có phạm hạnh hơn đi khỏi vậy.”

Tôn giả A-nan lại hỏi rằng:

“Này Đại tướng, ngài có nghe nói đến chư Thiên ở Tam thập tam thiên chăng?”

Đại tướng Tì-lưu-la đáp rằng:

“Khi tôi cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la dạo chơi, có nghe nói chư Thiên trên Tam thập tam thiên.”

“Này Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được quyền tự do xua đuổi chư Thiên có phúc hơn, có phạm hạnh hơn ở

Tam thập tam thiên khỏi chỗ ấy chăng?”

Đại tướng Tì-lưu-la đáp rằng:

“Này Sa-môn, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư Thiên ở Tam thập tam thiên, huống gì lại đuổi họ ra khỏi chỗ đó? Đuổi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, việc ấy chắc chắn không thể có vậy.”

“Cũng vậy, này Đại tướng, nếu có chư Thiên nào không tranh, không ưa tranh, không đến thế gian này. Chư Thiên ấy có phước đức hơn và có phạm hạnh hơn. Nếu có chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, sanh đến thế gian này, chư Thiên này đối với chư Thiên kia còn không thể thấy được huống gì đánh đuổi ư? Việc đánh đuổi chư Thiên, chắc chắn không thể có.”

Lúc đó Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, Sa-môn này tên gì?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Này Đại vương, Tỳ-kheo này tên là A-nan, đó là thị giả của Ta.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

“Những điều A-nan nói như Sư. Những điều A-nan như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chăng?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, có Phạm thiên không?”

Đức Thế Tôn hỏi lại rằng:

“Này Đại vương, Đại vương hỏi ‘có Phạm thiên không’ với ý gì? Này Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên thì đó là Phạm thanh tịnh.”²⁴

Trong lúc Đức Thế Tôn cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đang luận việc này nửa chừng thì người sứ giả dẫn Tướng Niên Thiểu Cát Tường

²⁴ M 90, hỏi đáp, như trường hợp về chư thiên trên.

Từ trở lại đến chỗ Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la tâu:

“Tâu Thiên vương, Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử đã đến đây.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe nói liền hỏi Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử rằng:

“Hôm trước ta cùng đại chúng đang hội tọa ai là người trước tiên nói rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại cũng không có. Không có Sa-môn, Bà-la-môn nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến?’”

Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử đáp:

“Tâu Thiên vương, chính Đại tướng Tì-lưu-la là người đã nói trước tiên.”

[795b] Đại tướng Tì-lưu-la nghe xong liền thưa:

“Tâu Thiên vương, chính Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử là người nói trước.”

Cứ như vậy hai người đó cãi nhau về vấn đề này. Ngay trong lúc đó, người đánh xe liền sửa soạn xa giá, đến chỗ Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, nghiêm giá đã đến, tâu Thiên vương, mong ngài biết đã đến thời.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bạch với Phật rằng:

“Con hỏi Cù-đàm về Nhất thiết trí, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về Nhất thiết trí. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về bốn chủng tánh thanh tịnh; Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về bốn chủng tánh thanh tịnh. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về sở đắc. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời cho con có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cù-đàm các vấn đề khác chắc Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời con các vấn đề ấy.

“Bạch Cù-đàm, hôm nay con có nhiều việc phải trở về, xin kiếu từ.”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Đại vương, ngài hãy làm những gì ngài nghĩ là đúng thời.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi nghe những gì Thế Tôn nói, ghi nhớ kỹ rồi, rời chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Phật nói như vậy. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la, Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM

Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật trú giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia tên là Di-lũ-ly¹.

Bấy giờ Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la và Trường Tác² vì có những việc cần làm nên cùng đi đến một thị trấn tên gọi là Thành³. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la, đến một khu vườn nơi ấy, nhìn thấy những gốc cây vắng vẻ, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Sau khi nhìn thấy như vậy, nghĩ nhớ Đức Thế Tôn, Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

“Này Trường Tác, ở đây, những gốc cây này vắng vẻ, không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Tại chỗ này ta đã nhiều lần đến thăm viếng Đức Thế Tôn. Này Trường Tác, Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu? Ta muốn đến thăm.”

Trường Tác trả lời:

“Tôi nghe nói Đức Thích Tôn đang trú giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia, tên gọi là Di-lũ-ly.”

Ba-tu-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

“Này Trường Tác, Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia cách đây [795c] bao xa?”

Trường Tác đáp:

“Tâu Thiên vương, cách đây ba cu-lô-xá⁴.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

“Này Trường Tác, người hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn.”

¹ Di-lũ-ly 彌婁離. Pāli: Medaḷumpa.

² Trường Tác 長作. Pāli: Dīghakāryāṇa, viên đại tướng tổng chỉ huy của vua Pasenadi.

³ Ấp danh thành 邑名成. Pāli: Naṅgaraka.

⁴ Câu-lũ-xá 拘婁舍, hay câu-lô-xá, số đo dài năm trăm cung, hay khoảng cách tiếng rống của một con bò. M 89: cách ba yojana (do-tuần).

Trường Tác vâng lời cho sửa soạn xa giá, rồi tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong, xin vâng ý Thiên vương.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la bèn lên xe, dong khò thành ngoài đi đến Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia.

Bấy giờ, ngoài cổng Di-lũ-ly, một số đông các Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên một khoảng đất trống. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la đến nơi các Tỳ-kheo, hỏi rằng:

“Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày ở đâu?”

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

“Đại vương, ngôi nhà lớn hướng Đông kia, với cửa sổ mở và cửa lớn đóng ấy, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày tại đó. Đại vương nếu muốn đến thăm, có thể đi đến nơi đó. Đến nơi hãy đứng bên ngoài, rồi tăng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe tất sẽ mở cửa.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la bèn xuống xe.

Khi một vị Sát-lị Đảnh Sanh xuất hiện để cai trị nhân dân, và ban hành giáo lệnh cho cõi đất, vua có năm nghi trượng. Đó là kiếm, lọng, tràng hoa, phát cán ngọc và giày thêu. Vua cởi bỏ tất cả trao cho Trường Tác. Trường Tác nghĩ rằng:

“Thiên vương nay tất chỉ đi vào một mình. Chúng ta nên đứng ở đây mà đợi vậy.”

Rồi Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la với đám tùy tùng vây quanh bước tới ngôi nhà hướng Đông kia. Đến nơi, vua đứng ngoài tăng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe rồi, bèn ra mở cửa. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la đi vào trong nhà đến trước Đức Phật cúi đầu lễ sát chân, rồi ba lần tự xưng tên họ.

“Con là Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la! Con là Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la!”

Đức Thế Tôn đáp:

“Nhu vậy, Đại vương, ngài là Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la. Ngài là Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la!”

Sau ba lần tự xưng tên họ, vua Ba-tu-nặc đảnh lễ dưới chân Phật và lui ngôi một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

“Đại vương, Đại vương thấy nơi Ta có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đánh lễ dưới chân và cúng dường cung kính như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc thưa:

“Bạch Thế Tôn, con có sự loại suy về pháp⁵ đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo thú hưởng.’”

“Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đò tọa⁷, con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, [786a] anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa là người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiều tranh chấp, xả giới bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu Pháp, không nói xấu chúng Tăng, mà chỉ tự chê trách rằng, ‘Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành phạm hạnh.’ Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hưởng.’”

“Bạch Thế Tôn, lại nữa, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn khác đã ít nhiều học hành phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia, rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập phạm hạnh, cho đến ức số. Ngoài đây ra con

⁵ Pháp tĩnh 法靖 (bản Tống: 靜); Pāli: *dharmānvaya*, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chứng nghiệm thực tế.

⁶ Pāli: *svākkhato bhagavato dhammo suppaṭipanno sāvakaśaṅgho*, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo thực hành.

⁷ Đò tọa 都坐. Pāli: *atthakaraṇa*, công đường, pháp đình, chỗ xử kiện.

không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp của Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn thân thể gầy còm tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng⁸ không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng, ‘Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn. Các Tôn giả này ắt không tu phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn.’ Con đến hỏi họ, ‘Các Tôn giả vì sao thân hình tiều tụy gầy còm, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả thân thể gầy còm tiều tụy?’ Những vị ấy đáp, ‘Đại vương, đây là bệnh trắng! Đại vương, đây là bệnh trắng.’”

“Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đốn chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu¹⁰ sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng¹¹, [796b] tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng, ‘Các Tôn giả này vì sao được hân hoan, đốn chánh, sắc mặt vui tươi hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng? Tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh? Các Tôn giả hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc tầng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trụ¹² chứng đạt dễ dàng không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đốn chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Nếu sống trong dục

⁸ Bạch pháo 白疱.

⁹ Bạch bệnh 白病. Pāli: *bandhukarogo*, bệnh truyền nhiễm, (bệnh hoàng đản hay hoàng đậu?).

¹⁰ Vô vi vô cầu 無為無求. Pāli: *appossukka pammaloma*, thoải mái vô tư.

¹¹ Hộ tha thê, thực như lộc 護他妻食如鹿: *paradavutte migabhūtena* (...) sống do sự hỗ trợ của người khác, (...) như loài nai.

¹² Tầng thượng tâm, hiện pháp lạc trụ: chỉ cho sự chứng đắc bốn tĩnh lự.

lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ năm thứ diệu dụng, một cách dễ dàng không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc tầng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng không khó. Vì vậy cho nên các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn, do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lâu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả phá tông chủ của người mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng, ‘Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, mà hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này, thì ta vẫn hỏi thế kia. Nếu ông không trả lời được thì ta cũng vẫn hỏi rồi bỏ đi.’ Họ nghe Thế Tôn trú tại làng nọ, vị này liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào hướng nữa là vấn nạn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lâu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến chỗ nào thấy đều đả phá tông chủ người khác mà tự lập luận điểm của mình. Và nói rằng, ‘Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy [796c] như vậy. Nếu ông trả lời được thế này, ta lại vẫn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vẫn hỏi rồi bỏ đi.’ Họ nghe Thế Tôn trú tại làng nọ, vị này liền đến tìm hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong Sa-môn, Bà-la-môn này vui mừng hơn hờ, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác

giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn khác, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lâu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng, ‘Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách khác. Nếu ông không trả lời được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi.’ Họ nghe Thế Tôn trú tại làng nọ, vị này liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn, Bà-la-môn này liền vui mừng phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo; được Thế Tôn thọ nhận làm Ưu-bà-tắc; trọn đời quy y cho đến tận mạng. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện; chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn, Bà-la-môn khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lâu các kinh, chế phục được cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà lập luận điểm của mình mà nói rằng, “Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi.’ Họ nghe Thế Tôn trú tại làng nọ, vị này liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn, Bà-la-môn này vui mừng phấn khởi bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, [797a] tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Vị ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác,

tự thân chứng ngộ an trú, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán; chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng, ‘Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong gần bị hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn tự xưng là Sa-môn; không phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, không phải A-la-hán tự xưng A-la-hán. Bây giờ chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là phạm hạnh, thực sự là A-la-hán.’ Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, muốn giết kẻ có lỗi lầm ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đò tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vậy, ‘Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này.’ Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây quanh. Bây giờ có một người ngủ gật mà ngáy, thấy gậy tiếng động, một người khác bèn nói rằng, ‘Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chẳng?’ Người ấy nghe rồi tức thì im lặng. Con nghĩ rằng, ‘Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là Bạc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy, nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc.’ Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp được Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cự¹³ được con ban phát tiền tài, và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó

¹³ Tiên Dư, Túc Cự 仙餘宿舊. Pāli: Isidatta, Purāṇa.

con nghĩ rằng, ‘Pháp đợc Như Lai, Vô Sở Trước, [797b] Đấng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cự khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cự, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết già im lặng tĩnh tọa. Đến nửa hôm nọ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ, ‘Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cự này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt, cho nên họ không hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự ta như hạ ý cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn.’ Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, ‘Pháp đợc Như Lai, Vô Sở Trước, Đấng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là Quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-ly, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-ly. Con là người nước Câu-tát-la, Thế Tôn cũng người nước Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay có nhiều công việc, con xin phép lui về.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đại vương, mong Đại vương tự biết đúng thời.”

Rồi thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo léo ghi nhớ, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra về.

Lúc đó ngài A-nan cầm quạt đứng hầu sau Phật. Thế Tôn bảo:

“A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đang sống ở rừng Di-lũ-ly này, hãy tập họp tất cả về giảng đường.”

Rồi thì, Tôn giả A-nan sau khi vâng lời Phật dạy, tập họp tất cả Tỳ-kheo đang sống trong rừng Di-lũ-ly tất cả cùng vào giảng đường. Rồi trở lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những Tỳ-kheo tại rừng Di-lũ-ly này, tất cả đều đã tụ tập

tại giảng đường này rồi, mong Thế Tôn tự biết thời.”

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường. Đến nơi Ngài trải chỗ ngồi trước đại chúng và nói:

“Này các Tỳ-kheo, hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đã đứng trước Ta nói kinh ‘Pháp Trang Nghiêm’¹⁴ xong, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ dưới chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Này các Tỳ-kheo, các người nên thọ trì kinh Pháp Trang Nghiêm đó, [797c] hãy khéo léo tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì kinh Pháp Trang Nghiêm này là như pháp, là như nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, dẫn đến trí tuệ, dẫn đến giác ngộ, dẫn đến Niết-bàn. Nếu một thiện gia nam tử đã chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thọ trì, hãy khéo léo tụng tập kinh Pháp Trang Nghiêm này.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁴ Pháp trang nghiêm 法莊嚴. Pāli: *dhammacetiya*, linh miếu Pháp, tháp thờ phụng Chánh pháp.

214. KINH TÌ-HA-ĐỀ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan trú tại Xá-vệ, có chút việc tại Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Lúc đó Tôn giả A-nan dẫn một thầy Tỳ-kheo ra khỏi Xá-vệ¹, đến Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Công việc xong, Tôn giả dẫn thầy Tỳ-kheo trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng.

Khi ấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cỡi trên con voi Nhất-bôn-đà-lị² cùng với Đại thần Thi-lị-a-trà³ từ thành Xá-vệ đi ra. Tôn giả A-nan khi ấy nhìn thấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la từ xa đi đến, bèn hỏi vị Tỳ-kheo đồng hành rằng:

“Có phải là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la ấy không?”

Vị Tỳ-kheo đáp:

“Đúng vậy.”

Tôn giả A-nan liền tể xuống đường, lánh vào một gốc cây.

Vua Ba-tư-nặc từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan nơi gốc cây bèn hỏi:

“Này Thi-lị-a-trà, có phải là Sa-môn A-nan ấy không?”

Thi-lị-a-trà đáp:

“Đúng vậy.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo Đại thần Thi-lị-a-trà:

“Khanh hãy giục voi đến chỗ Sa-môn A-nan.”

Thi-lị-a-trà vâng lệnh bèn giục voi đến chỗ A-nan.

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vui mừng hỏi:

“A-nan, từ đâu đến đây và muốn đi đâu bây giờ?”

“Tôn giả A-nan trả lời:

¹ Tùg Xá-vệ xuất. Nói là *ra khỏi*, vì Đông viên (Pubbārāma) ở bên ngoài cửa đông của thành Xá-vệ.

² Nhất-bôn-đà-lị 一奔陀利. Pāli: Ekaṇḍarīka, (Nhất bạch Liên hoa), được gọi như vậy, vì hai bên hông nó có những đốm trắng hình hoa sen trắng.

³ Thi-lị-a-trà 尸利阿茶. Pāli: Sirivaddha.

“Đại vương, tôi từ Đông viên Lộc mẫu giảng đường đến và muốn trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

“A-nan, nếu tại Thắng lâm không có việc gì gấp, xin Ngài từ miễn đi cùng tôi đến sông A-di-la-bà-đề⁴.

Tôn giả A-nan nhận lời Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la. Vua để Tôn giả A-nan [798a] đi phía trước, rồi cùng đến sông A-di-la-bà-đề. Đến nơi, vua bước xuống, lấy yên voi gấp làm tư, trải lên đất và mời Tôn giả A-nan:

“Xin mời ngồi trên chỗ này!”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại ba lần mời Tôn giả A-nan:

“A-nan, xin mời ngồi lên chỗ này.”

Tôn giả A-nan cũng đáp lại ba lần:

“Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ. Tôi sẽ ngồi nơi đây.”

Nói xong Tôn giả A-nan trải tọa cụ và ngồi kiết già.

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la chào hỏi A-nan rồi ngồi xuống một bên mà nói rằng:

“A-nan, tôi có điều muốn hỏi. Mong ngài cho phép.”

Tôn giả A-nan trả lời.

“Đại vương, ngài có điều gì cứ hỏi. Tôi nghe sẽ suy nghĩ.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

“A-nan, Đức Thế Tôn có hành những thân hành như vậy chăng? Tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn ghê tởm chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đại vương, Như Lai không có những thân hành như vậy tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông minh trí tuệ và

⁴ A-di-la-bà-đề (Pāli: aciravatī), từ trên lầu của vua Pasenadi có thể nhìn thấy con sông này.

hàng thế gian khác ghê tởm.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh trí tuệ, và những hàng thế gian khác, thì A-nan đủ khả năng. Nay A-nan, nếu ai không nhận định kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi thì tôi không coi đó là chơn thật. Nay A-nan, Đức Thế Tôn có những thân hành như vậy, những thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm chẳng?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm.”⁵

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, những thân hành gì?”

A-nan đáp:

“Đại vương, đó là những thân hành bất thiện.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi.

“Thế nào là thân hành bất thiện?”

A-nan đáp:

“Đó là những thân hành có tội.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thế nào là thân hành có tội?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đại vương, đó là những thân hành bị người trí ghê tởm⁶.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thế nào là thân hành [798b] bị người trí ghê tởm?”

Tôn giả A-nan đáp:

⁵ M 88: *yvāssa kāyasamācāro opārambho samanñhi brāhmaṇehi*, “thân hành mà các sa-môn, bà-la-môn chỉ trích.”

⁶ M 88: những thân hành có hại (*savyāpajjha*).

“Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành mà không biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành không biết như thật, và pháp không nên hành cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên chấp thủ không biết như thật, và đối với pháp không nên chấp thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; thì đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật rồi, do đó, pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành. Sau khi pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành rồi, đối với pháp nên thủ thì không thủ và pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì không thủ, đối với pháp không nên thủ lại thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và pháp không nên thành tựu lại thành tựu rồi thì pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, tại sao Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Đây là Bạc Thầy khuyến giáo, Bạc Thầy vi diệu, Bạc Thầy khéo tùy thuận, là Vị dẫn dắt điều ngự, tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận. Cho nên Như

Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! A-nan, Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác. A-nan, ngài là đệ tử của vị Đạo sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng, mà còn không hành pháp ấy, [798c] huống nữa Đức Như Lai lại hành các pháp ấy sao?”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, Như Lai có hành những thân hành như vậy, tức là thân hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm chướng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đại vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành các Sa-môn, Bà-la-môn, những người thông minh trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thân hành đó là như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đại vương, đó là những thân hành thiện.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thế nào là thân hành thiện?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Đại vương, đó là thân hành không có tội.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thế nào là thân hành không có tội?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Đại vương, đó là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, thế nào là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người,

không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ bởi sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đối với pháp nên hành thì biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên hành đã biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên thủ biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ biết như thật, và pháp không nên đoạn trừ biết như thật. Sau khi đối với pháp đã biết như thật và pháp không nên đoạn trừ đã biết như thật rồi, đối với pháp nên thành tựu biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành rồi, đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu, pháp không nên thành tựu thì [799a] không thành tựu rồi, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

“A-nan, tại sao Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đã thành tựu tất cả pháp thiện, và đoạn trừ tất cả pháp bất thiện. Ngài là Bạc Thầy khuyến giáo, Bạc Thầy vi diệu, Bạc Thầy khéo tùy thuận, là Vị hướng dẫn điều ngự và tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận, cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la khen ngợi:

“Hay thay, hay thay, A-nan, Như Lai tất nhiên hành những pháp nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Vô Sở Trước, là Bạc Đẳng Chánh Giác. Nay A-nan, Ngài là bậc đệ tử của Đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thường, mà còn phải hành những pháp ấy, huống nữa Như Lai lại không hành những pháp ấy sao? A-nan nói thật khéo léo khiến tôi hoan hỷ. Nếu A-nan được phép thu nhận thuế tô trong làng, tôi sẽ vì pháp mà bố thí thuế tô đó. Nếu A-nan được phép tùy thuận nhận voi, ngựa, trâu, dê, tôi sẽ vì pháp mà bố thí voi, ngựa, trâu, dê đó. Nếu A-nan được phép thu nhận đàn bà con gái, tôi sẽ vì pháp mà bố thí vợ, đàn bà, con gái. Nếu A-nan được phép thu nhận vàng bạc châu báu⁷, tôi sẽ vì pháp mà bố thí vàng bạc và châu báu. Nhưng A-nan không được phép thu nhận vàng bạc và châu báu như thế. Vương gia Câu-tát-la của tôi có một chiếc áo tên là ti-ha-đề⁸ rất tốt, tôi đặt nó trong ống cán dù, được gởi đến để làm tin⁹. Trong các loại áo kiếp-bối¹⁰ của vương gia Câu-tát-la, áo này là bạc nhất trong tất cả. Vì sao vậy? Áo ti-ha-đề dài mười sáu khủy tay. Tôi nay vì Pháp đem chiếc áo này bố thí A-nan. A-nan sẽ dùng nó mà may thành ba y để vương gia Câu-tát-la ấy được mãi mãi tăng ích phúc lành.”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thôi đủ rồi Đại vương? Trong tâm thỏa mãn là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa:

“A-nan, xin nghe tôi nói một ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ thấu rõ ý nghĩa. Ví như sau trận mưa lớn, nước đầy cả sông A-di-la-bà-đề này, ngập cả hai bên bờ và chảy tràn ra cả ngoài. A-nan có thấy vậy không?”

Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, tôi có thấy.

[799b] Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa rằng:

“Cũng thế, này A-nan, nếu có ba y thì hãy đem cho các Tỳ-kheo, Tỳ-

⁷ Hán: sanh sắc bảo 生色寶. Pāli: *jātarūpa*.

⁸ Bệ-ha-đề 鞞訶提; “dịch là *chùng chùng thế*, cũng nói là lụa”. (Phiên Phạn Ngữ 10, No.2130, tr.1051b). Pāli: *bāhitikā*, áo choàng, áo khoác ngoài.

⁹ Bản Pāli nói, cuộn vải do vua Ajātasattu gởi tặng. Văn bản Hán có thể sót, vì câu nói không đủ nghĩa.

¹⁰ Kiếp-bối, xem [cth.15](#), kinh 61.

kheo-ni, các vị tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly¹¹. Còn A-nan đem ti-ha-đề này làm thành ba y để vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi biết A-nan nhận rồi, Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi theo pháp bố thí chiếc y ti-ha-đề cho Tôn giả A-nan rồi, liền từ chỗ đứng dậy nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Sau khi vua đi không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đem chiếc y ti-ha-đề đến trước Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi lui đứng một bên mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la vì pháp mà bố thí chiếc y ti-ha-đề này, vậy con xin Thế Tôn đặt chân lên trên chiếc y này để vương gia nước Câu-tát-la được tăng ích phước lành.”

Khi ấy Đức Thế Tôn bèn dẫm hai chân lên y ti-ha-đề rồi bảo:

“A-nan, ông đã bàn luận những gì cùng Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la hãy kể lại cho Ta nghe.”

Khi ấy Tôn giả A-nan bèn kể lại hết những điều đã luận bàn cùng vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe rồi chấp tay thưa:

“Con nói như vậy không xuyên tạc Thế Tôn chăng? Con nói đúng sự thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm chăng?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ông nói như vậy là không xuyên tạc Ta, là nói sự thật, là nói đúng pháp, nói đúng như pháp, đối với pháp như pháp, không có điều gì sai lầm. Nay A-nan, nếu Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi Ta bằng nghĩa này, với câu này, với văn này, Ta cũng trả lời bằng nghĩa này, với câu này, với văn này mà trả lời cho nhà vua.”

“A-nan, nghĩa ấy đúng như lời ông đã nói, ông nên theo đúng như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói như vậy chính là nghĩa như vậy.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

¹¹ Tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly 漸學, 舍羅, 舍羅摩尼離, có lẽ phổ thông nói là Thức-xoa-ma-na, Sa-di và Sa-di-ni. M 88: *sabrahmacārīhi sambhajissati*, được phân chia cho các vị đồng phạm hạnh.



215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, [799c] vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Trong cảnh giới nào giáo lệnh của Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la có thể ban hành đến, trong đó Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la là đệ nhất. Tuy vậy, Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la cũng lệ thuộc sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt phải sanh ra nhầm tởm cái đệ nhất ấy. Nhầm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không ham muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

“Những cảnh giới mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến, tức Thế giới Ngàn¹. Trong Thế giới Ngàn này, có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn châu Phát-vu-đài², một ngàn châu Diêm-phù³, một ngàn châu Câu-đà-ni⁴, một ngàn châu Uất-đơn-việt⁵, một ngàn Tu-di sơn⁶, một ngàn Tứ đại vương thiên, một ngàn Tứ thiên vương tử⁷, một ngàn Tam thập tam thiên⁸, một ngàn Thích Thiên Nhân-đà-la⁹, một ngàn Diệm-ma thiên¹⁰, một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử¹¹, một ngàn Đâu-suất-đà thiên¹², một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử,

¹ Thiên thế giới 千世界. Pāli: *sahassadhā-loka* = *sahassilokadhātu*.

² Phát-vu-đài 弗于逮, hay châu Đông thắng thân. Pāli: *Pubbavideha*.

³ Diêm-phù châu 閻浮洲. Pāli: *Jambudīpa*.

⁴ Câu-đà-ni châu 拘陀尼洲. Pāli: *Godānīya*. Hoặc nói: *Aparagoyāna*.

⁵ Uất-đơn-việt châu 鬱單越洲. Pāli: *Uttarkuru*.

⁶ Tu di sơn 須彌山. Pāli: *Sinerupabbata*.

⁷ Tứ thiên vương tử 四天王. Pāli: *Cātummahārājikā*.

⁸ Tam thập tam thiên 三十三天 hay Đạo-lợi thiên. Pāli: *Tāvātimsa*.

⁹ Thích Thiên Nhân-đà-la 釋天因陀羅, tức Thiên Đế Thích. Pāli: *Sakka devanam inda*.

¹⁰ Diệm-ma thiên 焰摩天. Pāli: *Yāma*.

¹¹ Bản Thánh không có. Bản Pāli cũng không có.

¹² Đâu-suất-đà 兜率哆天. Pāli: *Tusita*.

một ngàn Hóa lạc thiên¹³, một ngàn Thiện hóa lạc thiên tử¹⁴, một ngàn Tha hóa lạc thiên¹⁵, một ngàn Tự tại thiên tử¹⁶, một ngàn Phạm thế giới¹⁷, và một ngàn Biệt phạm. Trong đó có Phạm Đại Phạm, là đấng Phú hựu, là Tạo hóa tôn, là tổ phụ các loài chúng sanh, đã sanh và sẽ sanh¹⁸. Nhưng Đại Phạm ấy cũng là lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất không ham muốn hưởng là cái hạ tiện.

“Một thời gian sau, khi thế giới này hủy diệt. Khi thế giới này hủy diệt, chúng sanh lên cõi trời Hoảng dục¹⁹. Trong ấy chỉ có sắc nương theo ý mà sanh²⁰, các chi thể đầy đủ không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực²¹, hình sắc thanh tịnh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài. Nhưng cõi trời Hoảng dục cũng lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, hưởng nữa là cái hạ tiện.

“Lại nữa, có bốn sự tướng²². Tỳ-kheo suy tưởng về tướng nhỏ, tướng lớn, về tướng vô lượng và tướng vô sở hữu. Chúng sanh đó thắng ý nơi lạc tướng như vậy²³ cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc vào thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như đệ nhất còn không muốn, hưởng nữa là cái hạ tiện.

¹³ Hóa lạc thiên 化樂天. Pāli: Nimmānaratā.

¹⁴ Thiện hóa lạc thiên tử. Bản Pāli không kể.

¹⁵ Tha hóa lạc thiên 他化樂天. Pāli: Paranimmitavasavattī.

¹⁶ Tự tại thiên tử 自在天子. Bản Pāli không kể.

¹⁷ Phạm thế giới 梵世界. Pāli: Brahmāloka.

¹⁸ Bản Pāli chỉ nói gọn: Mahābrahmā tattha aggam akkhāyati, ở đây Đại Phạm thiên được coi là cao nhất.

¹⁹ Hoảng dục thiên hay Quang âm thiên, Cực quang thiên; xem [cth.8](#), kinh 8 trên.

²⁰ Ý sanh 意生. Pāli: *manomayā*.

²¹ Hỷ thực 喜食. Pāli: *pītibhakkhā*.

²² Tứ tướng 四想. Xem [Tập dị 6](#). (No.1536, tr.392a-b).

²³ Chỉ các chúng sanh trên cõi Vô sở hữu xứ.

“Lại có tám trừ xứ²⁴. Thế nào là tám? Tỳ-kheo bên trong có sắc tướng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến²⁵, tưởng như vậy được gọi là đệ nhất thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có sắc tướng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ nhị thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong [800a] không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tam thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tứ thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như hoa thanh thủy²⁶ xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vổ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ ngũ thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng như hoa tần-đầu-ca-la²⁷ vàng,

²⁴ Bát trừ xứ 八除處; nhưng thường nói Bát thắng xứ 八勝處, Pāli, *aṭṭha abhibhāyatanāni* (xem *Tập dị* 19, No. 1536, tr.445b và tt).

²⁵ Nguyên Hán: trừ dĩ tri, trừ dĩ kiến 除已知除已見. *Tập dị* ibid.: *thắng tri thắng kiến* (thấy siêu việt và biết siêu việt), và giải thích: đã đoạn trừ và siêu việt lục tham mà có thắng tri thắng kiến.

²⁶ Thanh thủy hoa 青水華. *Tập dị*: ô-mạt-ca hoa 烏莫迦花, *umāpuppha*, hoa hồ tô (?).

²⁷ Tần-đầu-ca-la 頻頭歌羅. *Tập dị*: bà-đậu-thi-phược-ca hoa 槃豆時縛迦花. Pāli: *bandhujīvākapuppha*, loại hồng tàu. Bản Hán này có lẽ nhầm, vì loại hoa này màu đỏ, *Tập dị* và bản A 10.29 (v. 62) đều nói hoa này trong thắng xứ màu

màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vổ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng; vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri đã thắng kiến. Tương như vậy được gọi là đệ lục thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng như hoa gia-ni-ca-la²⁸ màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vổ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tương như vậy được gọi là đệ thất thắng xứ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, hoặc trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như sao Thái bạch²⁹ màu trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại, được giặt, được vổ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng vậy Tỳ-kheo bên trong không sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến, tương như vậy được gọi là [800b] đệ bát thắng xứ.

“Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy, cũng lệ thuộc vào sự biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt sanh nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

“Lại nữa, có Mười biến xứ³⁰. Thế nào là mười? Các Tỳ-kheo tu tập nơi

đỏ.

²⁸ Gia-ni-ca-la 加尼歌羅華. Pl.: *kaṇikārapuppham*.

²⁹ Thái bạch 太白. *Tập dị*: Ô-sa-tu tinh 烏沙斯星. Pl.: *osadhitarākā*.

³⁰ Thập nhất thiết xứ 十一切處 hay biến xứ. Pāli: *dasa kaṣiṇāyatanāni*.

một biển xứ đất, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Tu tập nơi một biển xứ nước, một biển xứ lửa, một biển xứ gió, một biển xứ xanh, một biển xứ vàng, một biển xứ đỏ, một biển xứ trắng, một biển xứ hư không, một biển xứ thức là thứ mười. Tu tập một biển xứ, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thắng ý nơi biển xứ lạc này cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy ắt sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

“Và đây là thuyết thanh tịnh đệ nhất, là sự thi thiết tối đệ nhất, tức là ‘Ta không có, ta không hiện hữu³¹’ và để chứng đắc điều này mà thiết lập nơi đạo.

“Và đây là đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ³², tức là vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng, phi vô tưởng, thành tựu an trụ³³.

“Và đây là đệ nhất thú hương, Niết-bàn ngay trong hiện tại, là thi thiết tối thượng về Niết-bàn ngay trong hiện tại³⁴ tức là sáu xúc xứ³⁵ với sự khởi tập, hoại diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất ly được thấy như thật bằng tuệ.

“Lại nữa, có bốn đoạn³⁶. Thế nào là bốn? Có sự đoạn lạc mà chậm³⁷, có

³¹ Ngã vô, ngã bất hữu 我無我不有, A 10. 29, trường hợp này được gọi là: Ngoại y kiến xứ (*bāhirakāṇaṃ dīṭṭhigātaṃ*), y xứ của kiến chấp ngoại đạo: *no cassaṃ, no ca me siyā, na bhavissāmi, na me bhavissati*, “Tôi đã không hiện hữu, có thể không có cái của tôi; tôi sẽ không hiện hữu, sẽ không có cái của tôi.”

³² Đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ; tối thượng ngoại kiến xứ, hay nói rõ hơn: “Đây là tối thượng đối với quan điểm ngoại đạo” và kiến xứ cao nhất ở đây được coi như là đạt đến hữu ngã. Pl.: *etadaggam bāhirakāṇaṃ dīṭṭhigatānaṃ*; xem cht. 32 trên.

³³ Trong bản Hán này, kiến xứ, hay quan điểm, cao nhất của ngoại đạo là đạt đến bốn vô sắc xứ, khác với Pāli coi bốn vô sắc xứ này là *thi thiết thanh tịnh đệ nhất nghĩa*.

³⁴ Ư hiện pháp trung, tối thi thiết Niết-bàn 於現法中最施設涅槃. Pāli: *aggam paramadīṭṭhadhammanibbānaṃ paññāpentānaṃ*.

³⁵ Nguyên Hán: lục cánh lạc xứ 六更樂處.

³⁶ Hán: đoạn 斷: thông hành. Pāli: *catasso paṭipadā*.

sự đoạn lạc mà nhanh, có sự đoạn khổ mà chậm, có sự đoạn khổ mà nhanh. Trong đó sự đoạn lạc mà chậm là lạc đưa đến đoạn trừ chậm chạp³⁸ cho nên nói là lạc kém.³⁹ * Trong đó, sự đoạn mà lạc nhanh, là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

“Trong đó, sự đoạn mà khổ chậm⁴⁰ là khổ đưa đến đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

“Trong đó, sự đoạn mà khổ nhanh, là khổ đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này không phải là sự tiến triển, không được lưu bố. Cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng không tán thán và phát triển.

“Sự đoạn⁴¹ của ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán và phát triển.

“Thế nào là sự đoạn của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố? Đó là Thánh đạo tám chi, chánh kiến cho đến chánh định là tám.

“Ta như vậy⁴². Nhưng các Sa-môn, Bà-la-môn, hư ngụy, nói láo, bất thiện, không chân thật, xuyên tạc, và hủy báng Ta rằng, ‘Quả thật có

³⁷ *Tập đị, Pháp uẩn*: lạc trì thông hành.

³⁸ Đặc tính của bốn tính lự là hiện pháp lạc trú, và do đây mà tiến đến chứng đắc bốn Thánh quả, hoặc nhanh hoặc chậm. (Xem giải thích *Pháp uẩn 3*, No.1537, tr.465).

³⁹ Từ đây trở xuống dịch theo phần hiệu đính cuối kinh (800c1-14), trong nguyên văn bản không có, nhưng đã có giải thích “sự đoạn mà lạc chậm” hay lạc trì thông hành, thì ba thông hành kia tất nhiên cũng được giải thích. Bản Pāli chỉ nêu danh số, không có giải thích.

⁴⁰ Tức *khổ trì thông hành* theo Tập đị. Giải thích của *Pháp uẩn* ibid.: coi ngũ uẩn như là sự lắng nhục, thương tổn, bức thiết như gánh nặng, căn cứ trên đó mà quán sát nhằm tởm. Như vậy gọi là *Khổ (...)* *thông hành* (lược trích).

⁴¹ Đoạn, nói là thông hành, hay nói là *đạo* và *đạo tích* đều cùng một nghĩa và cùng một nguồn gốc, cùng tương đương Pāli: *paṭipadā*.

⁴² Nên hiểu là: “Ta nói như vậy, giảng dạy như vậy”.

chúng sanh được tuyên bố là đoạn hoại.⁴³ Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô⁴⁴.’ Quả thật có chúng sanh được tuyên bố là đoạn hoại,⁴⁵ nếu không, Ta không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh, diệt tận⁴⁶.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁴⁷ □

⁴³ Nghĩa là, sau khi chết không còn tái sanh.

⁴⁴ A 10. 29 (v. 64): “Sa-môn Cù-đàm không giảng giải sự biến tri về dục, (...) về sắc, (...) về thọ”.

⁴⁵ Chỉ A-la-hán không còn tái sanh.

⁴⁶ Đoạn kết luận trên đây gần với bản Pàli, với một ít khác biệt (xem **cth.43** trên), nhưng hoàn toàn khác nguyên văn trong đề bản. Nguyên văn đó như vậy: (xem đoạn *Lạc trì thông hành*, và một câu lơ dờ về *lạc tức thông hành*, từ chỗ có dấu hoa thị): “*Nếu có người đoạn lạc dục*. Hoặc có người tập pháp này không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập uống rượu không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập sự ngủ nghỉ không bao giờ thấy chán. Nay Tỳ-kheo, đó là nói hoặc có người tập ba pháp này không bao giờ thấy chán, và cũng không thể đi đến chỗ diệt tận. Cho nên, các Tỳ-kheo hay thường xả ly ba pháp này, không thân cận chúng. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học như vậy.

⁴⁷ Bản Hán, hết quyển 59. Cuối quyển 59, có bài kệ, không thấy có liên hệ gì đến các Kinh trước: 供養三善根 三痛三覆露相法三不覺 愛敬無厭足 “Cúng dương, ba thiện căn, Ba thống, ba phủ lộ, Tướng pháp, ba bất giác, Ái kính, không yếm t.úc.”

216. KINH ÁI SANH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một người Bà-la-môn, độc nhất chỉ có một đứa con, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên đứa con mạng chung. Sau khi đứa con mạng chung, người Bà-la-môn ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Bà-la-môn lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

“Ông nay vì sao mà các căn không trụ nơi tâm mình?”

Bà-la-môn đáp rằng:

“Tôi làm sao các căn có thể an trụ nơi tâm mình được? Vì sao vậy? Chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. [891a] Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.”

Thế Tôn nói:

“Thật vậy, Bà-la-môn! Thật vậy, Bà-la-môn! Nếu khi ái sanh thì phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.”¹

Bà-la-môn nói:

“Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc.”

Thế Tôn đến ba lần nói như vậy:

“Thật vậy, Bà-la-môn! Thật vậy, Bà-la-môn! Khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.”

Bà-la-môn cũng ba lần hỏi rằng:

¹ M 87: *piyajātikā sokaparideva...upāyāsā*, sầu bi ... phát sanh từ luyến ái.

“Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc.”

Lúc bấy giờ Bà-la-môn nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà chỉ bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

Bấy giờ ở trước cổng Thắng lâm, có một số thị dân đang đánh bạc. Bà-la-môn từ xa trông thấy, bèn nghĩ rằng, ‘Trong đời nếu có những người thông minh trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-đàm ta sẽ kể lại hết cho họ nghe.’ Rồi Bà-la-môn đi đến số đông những người đánh bạc ấy, và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại cho họ nghe. Những thị dân đang đánh bạc này nghe xong nói rằng:

“Này Bà-la-môn, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Bà-la-môn nên biết khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc.”

Bà-la-môn nghe xong, bèn nghĩ rằng, “Điều mà con bạc nói thật hết sức phù hợp với ta.” Rồi gật đầu mà đi.

Rồi thì vấn đề này lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào Vương cung. Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, “Nếu khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi khóc than, ưu khổ, phiền muộn ảo não.” Vua bèn nói với hoàng hậu Mạt-ly² rằng:

“Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Hoàng hậu nghe xong, thưa rằng:

“Thật vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.”

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la nói với hoàng hậu Mạt-ly rằng:

“Nghe Tôn sư nói gì thì đệ tử [801b] nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn sư của bà cho nên bà nói như vậy. Bà là đệ tử của Ngài cho nên bà nói như vậy, ‘Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

²Mạt-ly 未利. Pāli: Mallikā.

Hoàng hậu Mạt-ly thưa rằng:

“Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hay hãy sai sứ đi.”

Rồi Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la bèn gọi Bà-la-môn Na-lị-ương-già³ đến bảo rằng:

“Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể, khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chẳng? Rồi nói như vậy, ‘Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chẳng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng, ‘Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não’ chẳng?’ Nay Na-lị-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì, ngươi hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao? Vì những người như vậy không bao giờ nói dối.”

Bà-la-môn Na-lị-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la có lời hỏi thăm Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chẳng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vậy, ‘Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chẳng?’”

Thế Tôn nói rằng:

“Này Na-lị-ương-già, Ta nay hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Na-lị-ương-già, ý ông nghĩ sao? Giả sử có một người đàn bà đã chết. Người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường, nói như vậy, ‘Này các người, có thấy mẹ tôi chẳng? Này các người có thấy mẹ tôi chẳng?’ Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

“Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát sanh cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng chạy rong khắp cả ngõ đường, nói rằng, ‘Này các ngài, có thấy vợ tôi chẳng? Này các

³ Na-lị-ương-già 那利騫伽. No 91: Na-lê-ương-già 那梨騫伽. M 87: Nālijaṅgha, không phải Ba-tu-nặc đích thân sai đi, mà chính Mạt-ly (hình như lén?) sai đi, để được hiểu rõ vấn đề. Hai bản Hán giống nhau.

ngài, có thấy vợ tôi chẳng?’ Nay Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’

“Nay Na-lị-ương-già, thuở xưa có một người đàn bà về thăm gia đình. Các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức tốc trở về [801c] nhà chồng, nói với chồng rằng, ‘Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp vợ của ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chẳng?’ Người ấy bèn nắm cánh tay của bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng, ‘Chết chung, sang đời khác với nhau! Chết chung, sang đời khác với nhau!’ Rồi lấy con dao bén chém chết vợ và mình cũng tự sát luôn. Nay Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Bà-la-môn Na-lị-ương-già sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, rời rời chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng, rồi trở về.

Về đến Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thực có nói rằng, ‘Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Hoàng hậu Mạt-ly tâu rằng:

“Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu Đại tướng Tì-lưu-la⁴ chẳng?”

Vua đáp:

“Thật sự có yêu thương.”

Mạt-ly lại hỏi:

“Nếu Đại tướng Tì-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ như thế nào?”

Vua đáp:

“Mạt-ly, nếu Đại tướng Tì-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.”

Mạt-ly tâu rằng:

⁴Tì-lưu-la, Pāli: Viḍḍabha. Xem kinh 212 trên.

“Do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Mạt-ly lại hỏi:

“Vương có yêu Đại thần Thi-lị-a-đà⁵, yêu con voi Nhất-bôn-đà-lị⁶, yêu đồng nữ Bà-di-lị⁷, yêu Vũ Nhật Cái⁸, yêu nước Ca-thi và yêu Câu-tát-la chăng?”

Vua đáp:

“Thật sự có yêu thương.”

Mạt-ly lại hỏi:

“Nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?”

Vua đáp:

“Mạt-ly, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ công đức của dục là do ở hai nước này. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác, mạng sống của tôi cũng không, nói gì đến những sầu bi, khóc than ưu khổ, phiền muộn, ảo não?”

Mạt-ly tâu rằng:

“Do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Mạt-ly lại hỏi:

“Ý Đại vương nghĩ sao? Có yêu thương tôi chăng?”

Vua đáp:

“Thật sự tôi yêu thương bà.”

⁵ Thi-lị-a-trà 尸利阿茶; No 91: Hiền Thủ đại tướng 賢首大將. Pāli: Sirivaḍḍha. Xem kinh 212 trên.

⁶ Nhất-bôn-đà-lị, Pāli: Ekapundirika. Xem kinh 214 trên.

⁷ Bà-di-lị đồng nữ 婆夷利童女. No 91: Bà-di-đề nữ 婆夷提女. Pāli: Vajīrī-kumāri, công chúa, con gái độc nhất của Ba-tur-nặc và Mạt-ly, sau được gả cho vua A-xà-thế.

⁸ Vũ Nhật Cái 雨日蓋. No 91: Bà-sa sát-đế-lị phu nhân 婆沙利諦隸(夫人). Pāli: Vāsabhā (Khattiyā), một nữ tỳ dòng họ Thích, được gả làm con gái của Ma-ha-nam và được gả cho Pasenadi, về sau sinh Tỳ-lưu-ly (Viḍḍabha).

Mạt-ly lại hỏi:

“Nếu một khi tôi bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?”

Vua đáp:

“Mạt-ly, [802a] nếu một khi bà bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.”

Mạt-ly tâm rằng:

“Do sự kiện này mà biết rằng, ‘Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.’”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

“Này Mạt-ly, kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm, do sự kiện này là Thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-ly, tôi nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy cho đến tận mạng.”

Phật thuyết như vậy, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la và hoàng hậu Mạt-ly sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



217. KINH BÁT THÀNH¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, một số lớn các Tỳ-kheo danh đức, thượng tôn đến thành Ba-lị Tử, trú tại Kê viên².

Bấy giờ Cư sĩ Đê Thập, người ở Bát thành³ mang nhiều hàng hóa quý đến thành Ba-lị Tử để buôn bán đổi chác. Số hàng hóa đó bán hết rất mau; được lời khá to. Cư sĩ Đê Thập, người Bát thành, hết sức vui mừng, bèn rời Ba-lị Tử đến Kê viên, tìm đến các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức thuyết pháp cho Cư sĩ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, các Ngài ngồi im lặng. Rồi thì Cư sĩ Đê Thập, người Bát Thành bạch:

“Bạch Thượng tôn, Tôn giả A-nan hiện giờ ở đâu? Con muốn được gặp.”

Các Tỳ-kheo Thượng tôn đáp:

“Cư sĩ, Tôn giả A-nan đang ở tại thành Tì-xá-li, bên bờ sông Di hầu, trong cao lâu đài quán. Nếu muốn thăm, ông có thể đi đến đó.”

Bấy giờ Cư sĩ Đê Thập, người Bát Thành, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tôn, nhiều quanh chiều phải ba vòng rồi đi.

Cư sĩ tìm đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-nan, con có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?”

¹ Tương đương Pāli, M. 52. Aṭṭhakanāgara-suttam. Hán, biệt dịch, No.92.

² Ba-la-lị Tử thành Kê viên 波羅利子城雞園; No.92: Ba-la-lê-phát-đô-lô 波羅梨弗都盧, Kê viên 雞園. M 52: Pāṭaliputta, về sau là thủ đô của Magadha; Kukktārama, khu vườn có lẽ ở Đông nam của Pāṭaliputta. Một tinh xá cùng tên ở tại Kosambī.

³ Đê thập Cư sĩ Bát thành 第十居士八城; No 92: Thập Chi Cư sỹ, Bát thành nhân 十支居士八城人. M 52: Dasamo gahapati Aṭṭhaka-nāgaro, gia chủ Dasama, người thị trấn Aṭṭhaka.

“Cư sĩ cứ hỏi. Tôi nghe rồi sẽ suy xét.”

[802b] Cư sĩ hỏi:

“Bạch Tôn giả, Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, thấy đệ nhất nghĩa, Ngài có dạy một pháp nào mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ đoạn trừ các lậu, tâm giải thoát chẳng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đúng vậy, Đức Thế Tôn có dạy pháp ấy.”

Cư sĩ hỏi:

“Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, Ngài dạy như thế nào về một pháp ấy, mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm giải thoát? Pháp ấy như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Hoặc có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng an trú vào đó mà không dứt sạch các lậu, thì nhờ nơi pháp này, do có muốn pháp, yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ⁴, vị ấy đoạn trừ năm hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này.

“Lại nữa, Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử, tâm cùng đi đối với từ biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên và phương dưới khắp cả mọi nơi tâm cùng đi đối với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, viên mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi đối với bi, hỷ và xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mãn tất cả

⁴ Dục pháp ái pháp lạc pháp tinh pháp ái lạc hoan hỷ
欲法愛法樂法靜法愛樂歡喜. M 52 (i. 350): *teneva dhammarāgena tāya dhammanandiyā*, do sự đam mê đối với pháp, do sự vui say đối với pháp.

thế gian, thành tựu và an trụ. Vị ấy cứ y nơi đây mà quán pháp như pháp. Vị ấy hoặc có thể y cứ vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng nếu chưa dứt sạch được các lậu, nhờ pháp này, do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn tái sanh lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bạc thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, ‘Có một pháp mà nếu đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.

“Lại nữa, Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử vượt qua tất cả sắc tướng, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu và an trú, vị ấy ở nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy hoặc có thể an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng nếu không dứt sạch các lậu, thì nhờ pháp này, [802c] do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc, hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bạc đã thành tựu, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu tâm được giải thoát.”

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu chấp tay bạch rằng:

“Kỳ diệu thay! Hy hữu thay, Tôn giả A-nan! Con chỉ hỏi một cánh cửa cam lồ, nhưng Tôn giả đã nói cho con nghe một lần đến mười hai pháp môn cam lồ⁵. Dựa theo pháp môn nào trong mười hai pháp môn ấy tu tập cũng đều được giải thoát an lạc.

“Bạch Tôn giả A-nan, cũng như cách làng không xa, có một ngôi nhà lớn, được mở ra với mười hai cánh cửa. Một người có việc cần nên đã vào trong nhà ấy. Lại có một người khác đứng đó, nhưng không muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muốn sự an ổn cho người ấy, nên nổi lửa mà đốt nhà. Bạch Tôn giả A-nan, người ấy có thể do theo một trong

⁵Tức Bốn sắc giới thiên, Bốn vô lượng tâm và Bốn vô sắc định. Bản Hán chỉ lược thuật.

mười hai cửa mà ra khỏi ngôi nhà cháy một cách an toàn⁶. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa cam lồ mà Ngài nói cho con nghe một lần đến mười hai cửa pháp cam lồ. Y theo một trong mười hai cửa pháp cam lồ này thì có thể được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong pháp luật của Bà-la-môn nói về pháp luật bất thiện mà còn có sự cúng dường thầy của họ, huống sao con lại không cúng dường bậc Đại sư Tôn giả A-nan.”

Rồi ngay trong đêm ấy, Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành bày dọn các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại cứng và mềm; sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải dọn chỗ ngồi Cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê viên và thành Bệ-xá-li hợp lại, rồi tự tay mình dâng nước rửa, dâng các thức ăn thơm ngon tinh khiết, đầy đủ các loại cứng và mềm; tự tay mời mọc cho đến khi chúng Tăng no đủ, phân chia các thức ăn đầy đủ cho chúng Tăng. Sau khi chúng Tăng thọ thực, trâu bát, rửa tay, Cư sĩ đem năm trăm vật phẩm mua một ngôi nhà cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh, sau đó cúng cho Chiêu đề tăng⁷.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Cư sĩ Đệ Thập người ở Bát thành sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁶ Cả hai bản Hán đều thí dụ bằng ngôi nhà cháy. M 52, thí dụ một người đi tìm kho tàng.

⁷ Chiêu đề tăng 招提僧; dịch nghĩa là Thập phương tăng (Pl. *catuddisāsaṅha*). M 52 không có chi tiết này.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)

[803a1] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa từ tỉnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà¹, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng: “Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

“Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn bạch rằng:

“Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiên; Tỳ-kheo ấy chết an lành, mạng chung an lành.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng cực như vậy là chết an lành mạng chung an lành. Lại nữa, này Chư Hiền, Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

¹ Xem kinh 184, 185 trên, và nhiều kinh khác.

“Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành.”

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.



219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo, vào lúc xế, từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà, cúi đầu đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên bạch rằng:

“Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.”

Tôn giả A-na-luật-đà [803b] đáp:

“Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Khi ấy các Tỳ-kheo hỏi rằng:

“Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và thành tựu giới Thánh hãm mộ¹, đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Tỳ-kheo không chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo thân trên nội thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương

¹ Thánh ái giới 聖愛戒.

ung với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng cực như vậy, là chết không bức rức, mạng chung không bức rức. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tướng, cho đến chứng phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trụ. Đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

“Tỳ-kheo chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, không chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả phi tướng phi hi tướng xứ, tướng thọ diệt thân chứng thành tựu an trụ, và do tuệ quán mà các lậu diệt tận, đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

[803c] “Tỳ-kheo chỉ cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

“Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng cực như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.



220. KINH KIẾN

Tôi nghe như vậy:

Một thời sau khi Phật Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn Dị học,¹ vốn là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia, sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, nói với Tôn giả A-nan rằng:

“A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chẳng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Bà-la-môn, muốn hỏi cứ hỏi, Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Dị học Bà-la-môn bèn hỏi:

“Sự kiện như vậy. Những quan điểm² này bị gác lại³, bị loại bỏ, không được giải thích tường tận, đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên⁴; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết⁵; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Sa-môn Cù-đàm có biết rõ các quan điểm này đúng như lý ứng phải biết chẳng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Bà-la-môn, sự kiện như vậy. Đối với những quan điểm này, Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường, hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại

¹ No: một người tà mạng 異邪命.

² Kiến 見. Pāli: *dīṭṭhigata*, kiến thú, xu hướng của kiến chấp.

³ Xả trí 捨置, chỉ những vấn đề thuộc bất khả thuyết. Xem ý nghĩa, kinh 222 ở sau. Pāli *avyākāta*, vô ký.

⁴ Nguyên Hán: thế hữu đê, thế vô đê 世有底世無底, dịch sát: “thế gian có đáy hay không có đáy”.

⁵ Nguyên Hán: Như Lai chung, bất chung 如來終不終.

sau khi chết; hay Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?” Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, biết các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết.”

Bà-la-môn dị học lại hỏi:

“Sự kiện như vậy. Những quan điểm này Sa-môn Cù-đàm gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, ‘Thế giới hữu thường, hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Sa-môn Cù-đàm biết rõ [804a] các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“ Bà-la-môn, sự kiện như vậy. Những quan điểm này được Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Đây Dị học Bà-la-môn, kiến như vậy, thủ như vậy, sanh như vậy, đến đời sau như vậy, những vấn đề như vậy là điều mà Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, ‘Thế giới hữu biên hay thế giới vô biên, thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết cũng không phải không tồn tại sau

khi chết?’ Những quan điểm ấy được biết như vậy. Các quan điểm ấy phải được biết như vậy.”

Dị học Bà-la-môn bạch rằng:

“A-nan, nay tôi tự quy A-nan.”

Tôn giả A-nan đáp:

“ Bà-la-môn, ông đừng tự quy nơi tôi. Cũng như tôi tự quy y nơi Phật ông cũng nên tự quy như vậy.”

Dị học Bà-la-môn nói:

“A-nan, nay tôi tự quy Phật, Pháp, và Tỳ-kheo Tăng. ‘Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy cho đến tận mạng.’”

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Dị học Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.



221. KINH TIỀN DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử¹, sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, “Sự kiện như vậy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại², loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên³; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết⁴; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Đức Thế Tôn [804b] xác quyết⁵ nói cho ta biết rằng: ‘Thế giới hữu thường’ ta sẽ theo Ngài học phạm hạnh, còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng ‘Thế giới hữu thường’ ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Nếu Đức Thế Tôn xác quyết nói cho ta biết rằng, ‘Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng’ ta sẽ theo Ngài tu học phạm hạnh; còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng, ‘Điều này là chơn thật ngoài ra là hư vọng’ thì ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi.”

Rồi Tôn giả Man Đồng tử vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ

¹ Man Đồng tử 鬘童子. No 94: Ma-la-curu-ma-la 摩羅鳩摩羅. Pl. Māluṅkya

² Xem cht.3, kinh 220 trên.

³ Nguyên Hán: thế hữu đê, thế vô đê 世有底世無底, dịch sát: “thế gian có đáy hay không có đáy.” Pāli. thành cú: *antavā loko'tipi*, *'anantavā loko'tipi*.

⁴ Nguyên Hán: Như Lai chung, bất chung 如來終不終. Pāli, thành cú: *'na hoti tathāgato paraṃ marañā'tipi*, *'hoti ca na ca hoti tathāgato paraṃ marañā'tipi*,

⁵ Hán: nhất hướng thuyết 一向說.

Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý nghĩ rằng: Sự kiện như vậy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng, ‘Thế giới hữu thường’, Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng ‘Thế giới hữu thường’ thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết?’ Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng ‘Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng’, Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng ‘Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng’, thì Ngài hãy nói thẳng là không biết.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Man Đồng tử, ‘Thế giới hữu thường’ Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh?”

Man Đồng tử đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Trước kia Ta có nói với người như vậy chẳng, [804c] rằng: Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối. Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh?”

Man Đồng tử đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Man Đồng tử, trước kia người có nói với Ta rằng, ‘Nếu Thế Tôn xác quyết nói cho con biết rằng ‘Thế giới hữu thường’ thì con sẽ theo Thế Tôn học phạm hạnh’ chẳng?”

Man Đồng tử đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Man Đồng tử, trước đây người có với Ta rằng, nếu Thế Tôn xác quyết cho con rằng đây là sự thật, ngoài ra là hư dối, con sẽ theo Thế Tôn tu học phạm hạnh chẳng?”

Man Đồng tử đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Man Đồng tử, trước kia Ta không nói với người như vậy, và người cũng không nói với Ta như vậy. Người quả là kẻ ngu si. Vì sao lại xuyên tạc Ta một cách hư dối?”

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng tử, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu có người ngu si nghĩ như vậy, ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng ‘Thế giới hữu thường’ thì ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh.’ Những người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

“Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi

chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Nếu có người ngu si nghĩ như ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng: ‘Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng’ thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh.’ Những người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

“Ví như một người bị trúng tên độc. Do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng, ‘Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, [805a] phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chấ⁶, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vàng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng vỏ gai? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông phiêu lãng⁷, lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình phi đao? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?’ Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

⁶ Chấ 柘, một loại cây giống cây dâu, lá tầm ăn được.

⁷ Trong bản nói *phiêu phương* 飄 [防+鳥] các bản khác nói *phiêu lãng*, một loại chim?

“Cũng vậy, người ngu si nghĩ như vậy, ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng ‘Thế giới hữu thường’ thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh.’ Nhưng người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

“Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Người ngu si nghĩ như vậy ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh.’ Nhưng người ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

“‘Thế giới hữu thường’, nhân nơi quan điểm này mà theo ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, [805b] sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì không có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Vì không có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì không có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy.

“Dù ‘Thế giới hữu thường’ hay không, thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh. Cũng vậy, dù ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết, cũng không phải không tồn tại sau khi chết’ hay không thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“‘Thế giới hữu thường’, Ta không xác quyết điều này. Vì điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản phạm hạnh, không đưa đến [805c] trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết điều này. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết hay Như Lai không không tồn tại sau khi chết; Như Lai vừa tồn tại sau khi chết vừa không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai cũng không phải tồn tại sau khi chết,

cũng không phải không tồn tại sau khi chết.’ Ta không xác quyết điều này. Vì lý do gì mà Ta không xác quyết những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải là căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết những điều này.

“Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? ‘Đây là khổ’, Ta xác quyết nói ‘Đây là khổ’. ‘Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích’ Ta xác quyết nói. Vì những lý do gì mà Ta xác quyết nói những điều này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn, cho nên Ta xác quyết nói những điều này.

“Đó là, những gì không thể nói thì Ta không nói, những gì có thể nói thì Ta nói, hãy thọ trì như vậy. Hãy học tập như vậy.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



222. KINH LỆ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu bốn niệm xứ.

“Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Minh Hạnh Túc, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán thân trên nội thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu bốn niệm xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri¹.

“Nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu bốn niệm xứ. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp. Đó là muốn biệt tri vô minh nên tu bốn niệm xứ.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào là muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, [806a] những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn². Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không

¹ Các giai đoạn tu tập tuần tự: số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ tổng tri và biệt tri 數斷 解脫 過度 拔絕 滅止 總知 別知: chuyên cần, quyết ý, vượt qua, nhổ sạch, hoàn toàn tĩnh chỉ.

² Tham chiếu *Pháp uân 3* (tr.467c): khởi dục, phát cần, tinh tấn, sách tâm, tri tâm.

sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không quên mất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri³.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc thành tựu đoạn hành⁴, y viễn ly, y vô dục, y dục tận, thú hướng phi phàm. Cũng vậy tu tinh tấn định, tâm định, tu

³ Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần... đều được tu tập theo thứ tự từ tinh cần (số đoạn)... cho đến tổng tri và cõi cùng là biệt tri.

⁴ Xem kinh 86 trên.

duy định ý túc thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn như ý túc. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, [806b] Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu tứ thiền. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu tứ thiền? Nếu khi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu tứ thiền. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu tứ thiền. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm cho tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu tứ thiền.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm căn. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm căn. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng

tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn [806c] biệt tri vô minh nên tu năm căn.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm lực. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu năm lực. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu năm lực.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, tu xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bảy giác chi. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở

Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định. Tu xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu bảy giác chi.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. [807a] Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến, cho đến tu chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Thánh đạo tám chi.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu mười biến xứ.⁵ Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu thứ nhất địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, không vô biên xứ biến xứ, tu biến xứ thứ mười là thức vô biên, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu mười biến xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

⁵ Nguyên Hán: thập nhất thiết xứ 十一切處.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, [807b] bạch biến xứ, không vô biên biến xứ; tu biến xứ thứ mười thức vô biên xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười biến xứ.

“Muốn đoạn trừ vô minh nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu mười pháp vô học. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tụyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

“Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

“Như vô minh, hành cũng vậy. Như hành, thức cũng vậy. Như thức, danh sắc cũng vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy.

“Nếu đoạn trừ già-chết, nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; vị

ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán thân trên nội thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu bốn niệm xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt trừ già-chết nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, [807c] Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán thân trên nội thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn niệm xứ.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu đoạn trừ già-chết nên tu bốn chánh đoạn. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không

sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn chánh đoạn.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, [808a] những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu học dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận thú hướng phi phàm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Bốn như ý túc. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri già-chết nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phàm; cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tu tư duy định, như ý túc, thành tựu đoạn hành, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bốn như ý túc.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu tứ thiên. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu tứ thiên? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly bất thiện pháp cho đến chứng đắc đệ tứ thiên, thành tựu an trụ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng

tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu tứ thiên. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu tứ thiên? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu tứ thiên.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, [808b] Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Năm căn. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm căn? Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm căn.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu

kém; tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu năm lực.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn đoạn trừ già-chết, nên tu Bảy giác chi. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn [808c] biệt tri già-chết nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thú hướng phi phàm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định. Tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên diệt tận, y trên vô dục, thú hướng phi phàm. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu bảy giác chi.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến, cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu Thánh đạo tám chi. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu Thánh đạo tám chi.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, không vô biên xứ biến xứ, tu thứ mười thức vô biên xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là muốn đoạn trừ già-chết nên tu [809a] mười biến xứ. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, không vô biên xứ biến xứ, tu thứ mười thức vô biên xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu mười biến xứ.

“Nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ già-chết nên tu mười pháp vô học. Cũng vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri già-chết nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri già-chết nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là

nếu muốn biệt tri già-chết nên tu mười pháp vô học.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁶



⁶ Bản Hán, hết quyển 60.

Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti